TRIỆU TRUYỀN ĐỐNG

Biên dịch NGUYỄN QUỐC SIÊU

PHƯƠNG PHÁP BIỆN LUẬN

THUẬT HÙNG BIỆN

THẮNG BẰNG LOGIC

THẮNG BẰNG NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ

THẮNG BẰNG MƯU CHƯỚC

THẮNG BẰNG VẠCH TRẦN NGỤY BIỆN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

TRIỆU TRUYỀN ĐỐNG

Biên dịch : NGUYỄN QUỐC SIÊU

PHƯƠNG PHÁP
BIỆN LUẬN

THUẬT HÙNG BIỆN

- *Thắng bằng logic*
- *Thắng bằng nghệ thuật ngôn từ*
- *Thắng bằng mưu chước*
- *Thắng bằng vạch trần ngụy biện*

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC – 1999

Dịch từ 論辯勝術

NXB Đại học Phúc Đán – bản năm 1996

8(V)
GD – 99 67/281 – 99

Mã số : 8X151m9

GIỚI THIỆU NỘI DUNG

Phương pháp biện luận là cuốn sách tổng kết và trình bày có hệ thống những cách thức, chiến thuật và mưu mẹo giành chiến thắng trong tranh luận, với gần 280 bài.

Sách dẫn những ví dụ trong sử sách và đời thường của các nước trên thế giới, chia thành bốn phần. Phần 1 – *Thắng bằng logic* : Thu thập những đòn công kích bằng logic trong các loại tranh luận và giao tiếp đời thường. Phần 2 – *Thắng bằng nghệ thuật ngôn từ* : Tập hợp những cách thức sử dụng ngôn từ trong biện luận từ xưa đến nay, trong nước và ngoài nước. Phần 3 – *Thắng bằng mưu chước* : Từ giác độ mưu trí, quy nạp những mưu lược chiến thắng trong tranh luận. Phần 4 – *Thắng bằng vạch trần ngụy biện* : Lột trần những thủ đoạn ngụy biện dưới các hình thức, với hơn 100 bài.

Từ nội dung như đã trình bày, ở mỗi bài, sau phần giới thiệu có tính lí luận là các ví dụ minh họa và hướng dẫn về chiến thuật, sau cùng là những điều cần lưu ý để sử dụng thành công phương pháp tranh luận vừa nêu. Chúng tôi hi vọng cuốn sách sẽ là cẩm nang quý báu, giúp ích rất nhiều trong giao tiếp ngôn ngữ cho tất cả mọi người, dù bạn là nhà ngoại giao, chính trị, nhà hoạt động lập pháp, tư pháp hay hành pháp, là đồng chí công an hay bạn là nhà khoa học, là học sinh – sinh viên hay là thầy – cô giáo. Và lẽ đương nhiên, trong thời buổi thương trường quyết liệt này, cuốn sách cũng sẽ là người bạn đồng hành không thể thiếu vắng đối với các thương gia năng động, mong muốn thành đạt.

LỜI NÓI ĐẦU

Tranh luận là quá trình giao lưu ngôn ngữ đòi hỏi cả hai bên phải chứng minh được quan điểm của mình là đúng đắn, bằng những lí lẽ cần thiết. Đồng thời, phải vạch trần sai lầm trong quan điểm đối phương, nhằm đi đến một nhận thức chung.

Tranh luận là tinh hoa nghệ thuật của năng lực hành động ngôn ngữ, là cách thức phát triển trí tuệ, là hòn đá mài sắc tư duy, là vũ khí đánh đổ mọi sai lầm.

Thời cổ đại, tranh luận đã từng lưu lại những trang sáng chói.

Trần Chuẩn nói rõ lí lẽ mà quân địch phải lui, Tô Tần du thuyết mà sáu nước được an, Thái Trạch chỉ dăm câu sắc sảo mà thừa tướng Phạm Thư chắp tay nhường chức, Gia Cát Lượng thiệt chiến quần nho mà Ngô – Thục kết liên minh, đánh cho quân Tào Tháo thất điên bát đảo.

Ngày nay, tranh luận lại càng tỏa sáng rực rỡ hơn.

Văn Nhất Đa[1] đối mặt với giặc mạnh mà đập bàn cao giọng, Chu Ân Lai tranh luận ngoại giao mà vẫn vững trong cơn nguy, "cuộc tranh luận thế kỉ" khiến người người kính nể...

Biết bao cuộc tranh luận đã thu hút và làm nức lòng mọi người ! Thời kì đại chiến thế giới lần thứ hai, người Mĩ coi *miệng lưỡi, bom nguyên tử, tiền vàng* là ba thứ vũ khí để sinh tồn và cạnh tranh. Rồi khoa học đã thay thế cho sức mạnh vũ khí, thế nhưng địa vị bá chủ của miệng lưỡi vẫn giữ nguyên.

Bạn có muốn hô phong hoán vũ trong sục sôi biển sóng của sự cạnh tranh xã hội ngày nay không ? Bạn có muốn đánh bại quần hùng bằng ba tấc lưỡi trong các cuộc luận chiến không ? Bạn có muốn dễ dàng đại thắng trong đàm phán theo cách giấu kín mưu cơ lộ mũi tiêm phong không ? Xin hãy đọc sách này, hi vọng *Phương pháp biện luận* sẽ là thanh bảo kiếm lóe sáng trong tay bạn, trong các cuộc tranh luận !

---

(1) Văn Nhất Đa (1899 – 1946) Nhà thơ Trung Quốc, bị bọn phản động Quốc dân đảng ám sát tại Côn Minh.

(*Các chú thích trong sách này là của người dịch.*)

MỤC LỤC

Trang

Phần I – THẮNG BẰNG LOGIC

1. Giữ cho đồng nhất 16
2. Vạch trần mâu thuẫn 18
3. Lí do đầy đủ 20
4. Khôn khéo đặt điều kiện 22
5. Điều kiện luôn luôn đúng 25
6. Tách biệt điều kiện 27
7. Chối bỏ điều kiện 29
8. Điều kiện liên hoàn 31
9. Điều kiện tất yếu 33
10. Lựa chọn giả thiết 35
11. Khống chế địch bằng hai cái khó 37
12. Khống chế địch bằng nhiều cái khó 39
13. Luận chứng loại suy 41
14. Phép phản bác phản chứng 43
15. Phản bác phản chứng điều kiện 45
16. Phản bác phản chứng loại suy 47
17. Nêu ví dụ phản bác 49
18. Luận chứng sự thực 51
19. Luận chứng nhân quả 53
20. Nhận rõ nhân quả 55
21. Luận chứng quan hệ 57
22. Luận chứng thời thái 59
23. Suy luận ưu tiên 61
24. Dẫn chứng bằng số liệu 63
25. Tính toán số học 65
26. Phép đối chiếu lịch sử 67
27. Pháp luật là căn cứ 69
28. Lấy luận cứ chứng minh tại chỗ 71

29. Dựa vào quyền uy 73
30. Luận đoán tương lai 75
31. Luận bàn nhân thân 77
32. Định nghĩa chính danh 79
33. Khái quát chính danh 81
34. Hạn chế chính danh 83
35. Hạn chế luận đề 85
36. Nắm chắc cốt lõi 86
37. Rút củi đập lửa 88
38. Phản bác luận chứng 90
39. Bắt giặc phải bắt tướng 92
40. Đồng nhất cụ thể 94
41. Khái niệm biện chứng 96
42. Mệnh đề biện chứng 98
43. Suy luận biện chứng 100
44. Liên hệ phổ biến 102
45. Chuyển hóa năng động 104
46. Phát triển chu kì 106
47. Đứng yên tương đối 108

Phần II – THẮNG BẰNG NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ

1. Hỏi khéo để kìm đối phương 111
2. Phản vấn 113
3. Biết rõ mà vẫn hỏi 115
4. Hỏi để chặn hỏi 117
5. Vặn hỏi cặn kẽ 118
6. Trợ sản về mặt tinh thần 120
7. Dẫn tới đối lập 122
8. Dẫn từ hai cái khó 124
9. Dẫn từ lập trường 126
10. Dẫn từ loại suy 128
11. Dẫn từ mơ hồ 130
12. Dẫn từ trình tự từ ngữ 131
13. Dẫn từ khả năng 132
14. Dẫn từ nhân quả 134
15. Dẫn từ hư vô 136
16. Mượn lời để đáp lời 138

17. Đáp lời bằng cách hài hước 140
18. Hỏi lạ đáp lạ 142
19. Phủ định cố tình 144
20. Tránh trả lời câu hỏi 146
21. Thay thế để tránh né 148
22. Đẩy trả câu hỏi để tránh né 150
23. Chuyển ý để tránh né 152
24. Né tránh bằng phân loại lớp sự vật 154
25. Đặt điều kiện để tránh né 156
26. Tránh né luẩn quẩn 158
27. Lặp lời để tránh né 159
28. Tránh né bằng lời trống rỗng 161
29. Tránh né bằng lời giả dối 163
30. Giả câm giả điếc 165
31. Im lặng 167
32. Chiết tự 169
33. Lộng ngữ 170
34. Ngắt câu 172
35. Trọng âm 174
36. Ngữ điệu 175
37. Thay đổi trật tự từ 177
38. Thế đồng nghĩa 179
39. Khéo giải nghĩa từ 181
40. Giải thích câu theo ý khác 183
41. Giải thích chặt chẽ 185
42. Luận chứng so sánh 187
43. Nhân hóa – vật hóa 189
44. Hài âm khôn khéo 191
45. Phản ngữ 193
46. Hạ thấp và nâng cao 195
47. Lời biện đáp đối ngẫu 198
48. Tính đa nghĩa của ngôn ngữ 201
49. Đối chiếu phải trái 203
50. So sánh tương quan 205
51. Lời ám chỉ 207
52. Kiêng kị tránh né 209
53. Phân rõ tốt xấu 211
54. Lời biện đáp tiếp liền 213

55. Ứng đối tương phản 215
56. Lời biện đáp bằng thi từ 217
57. Mượn chuyện 219
58. Mượn câu tục ngữ 221
59. Giảy cho tỏ mờ 223
60. Nói lời kinh dị 225
61. Lời nhại theo 227
62. Kiểu câu phỏng theo 229
63. Suy luận bắt chước 230
64. Lời lẽ mơ hồ 232
65. Tư thế biểu hiện lời lẽ 234
66. Hoàn cảnh ngôn ngữ 236
67. Tạo không khí hoàn cảnh 238
68. Phối hợp với phong cách 240
69. Tầng thứ ngôn ngữ 242
70. Khéo dùng lập luận sai 245

Phần III – THẮNG BẰNG MƯU CHƯỚC

1. Biết mình biết người 248
2. Hiểu rộng 250
3. Cài bẫy hài âm 252
4. Cài bẫy đa nghĩa 254
5. Cài bẫy hoàn cảnh 256
6. Câu hỏi rắc rối 258
7. Kiểu hỏi dắt dây 260
8. Kiểu hỏi phủ định 261
9. Cài bẫy làm địch mất cảnh giác 263
10. Từ nhỏ nhìn ra to 265
11. Khám phá bằng cách hỏi 267
12. Kết hợp cương nhu 269
13. Trí dũng song toàn 271
14. Quan sát dáng vẻ 273
15. Tùy người mà biện luận 275
16. Đánh địch đánh vào ý chí 277
17. Nhân thế mà áp đảo 279
18. Cảm hóa bằng tình 281
19. Nói rõ cái lợi cái hại 283

20. Thử nghĩ theo cách đổi chỗ 285
21. Khích tướng 287
22. Thuyết phục bằng chính mình 289
23. Vinh nhục cùng chịu 291
24. Tùy cơ ứng biến 293
25. Bất ngờ chiến thắng 295
26. Nắm vững thời cơ 296
27. Từ thủ chuyển sang công 298
28. Gậy ông đập lưng ông 300
29. Từ không mà có 302
30. Chống giả dối bằng giả dối 305
31. Giả thiết sự kiện 307
32. Đẩy thuyền ngược dòng 309
33. Từng bước tiến dần 311
34. Mượn để phát triển 313
35. Giới mà như dốt 315
36. Dĩ thực chế hư 317
37. Dĩ hư chế hư 319
38. Phép sửa sai 321
39. Khéo khen 323
40. Đối phó với việc làm tổn thương 325
41. Nhảy ra khỏi vòng 327
42. Con ve thoát xác 328

Phần IV – THẮNG BẰNG VẠCH TRẦN NGỤY BIỆN

1. Đánh tráo khái niệm 331
2. Đánh tráo luận đề 333
3. Luận đề mơ hồ 335
4. Gây rối để chiến thắng 337
5. Không chỉ ra có hay không 339
6. Trò chiết tự 341
7. Trò lộng ngữ 343
8. Lạm dụng trật tự từ ngữ 345
9. Ngữ điệu lẫn lộn 347
10. Tráo đổi trọng âm 348
11. Ngữ nghĩa lẫn lộn 350
12. Lạm dụng ngắt ngừng 352

13. Mượn cách hài âm 354
14. Mượn cách đa nghĩa 356
15. Truy hỏi xảo trá 358
16. Lạm dụng nhân hóa – vật hóa 360
17. Dùng cách đối ngẫu 362
18. Lạm giải thành ngữ 364
19. So sánh sai lầm 365
20. Lạm dụng yêu cầu chính xác 367
21. Lạm dụng sắc thái khen chê 369
22. Cắt xén bóp méo 371
23. Xuyên tạc ngữ cảnh 373
24. Lạm dụng trừu tượng 375
25. Lạm dụng số liệu 377
26. Số liệu giả 379
27. Tính toán giả dối 381
28. Mọc ra cành khác 383
29. Che đậy bằng lời văn kêu 385
30. Giả điếc 387
31. Làm lẫn lộn khái niệm đối lập 389
32. Làm lẫn lộn luận vực 391
33. Làm lẫn lộn quan hệ 393
34. Làm lẫn lộn đạo nghĩa 395
35. Làm lẫn lộn thời thái 397
36. Làm lẫn lộn mô thái 399
37. Lập luận sai từ mơ hồ 401
38. Bộ phận thay cho chỉnh thể 403
39. Làm lẫn lộn tập hợp 405
40. Cố tình lẫn lộn sự vật và cảm thụ 407
41. Dĩ thực loạn danh 409
42. Dĩ danh loạn thực 411
43. Làm lẫn lộn danh và thực 413
44. Làm lẫn lộn tầng thứ 414
45. Lập luận sai về ngữ nghĩa 416
46. Nhìn chữ nói nghĩa 418
47. Định nghĩa giả dối 419
48. Lạm dụng nhị phân 422
49. Khái quát bừa 424
50. Đặt bừa điều kiện 425

51. Phủ định tiền kiện 427
52. Khẳng định hậu kiện 429
53. Lạm dụng cách gộp 431
54. Lạm dụng chọn lựa 433
55. Phủ định sạch trơn 435
56. Suy luận từ hai cái khó 437
57. Thưa kiện nửa học phí 439
58. Suy luận từ nhiều cái khó 441
59. Loại suy máy móc 443
60. Phản bác phản chứng điều kiện 445
61. Phản bác phản chứng loại suy 448
62. Đổi chất đổi chỗ 450
63. Đánh tráo thuật ngữ giữa 452
64. Thuật ngữ giữa không chu diên 454
65. Thuật ngữ lớn mở rộng 456
66. Thuật ngữ nhỏ mở rộng 458
67. Dẫn chứng giả dối 459
68. Luận chứng luẩn quẩn 461
69. Khái quát khinh suất 463
70. Gán ghép nhân quả 464
71. Nhân quả trước sau 466
72. Đảo vị trí nhân quả 467
73. Đồng biến quá ngưỡng 468
74. Liên hệ bừa bãi 470
75. Lí do giả dối 472
76. Lí do dự đoán 474
77. A dua nịnh nọt 476
78. Kiếm cớ 477
79. Chỉ hươu nói ngựa 479
80. Thò lò hai mặt 481
81. Loanh quanh vô vị 483
82. Lừa cách nhử và đe 485
83. Từ không mà có 487
84. Sai mà nổi khùng 489
85. Nhầm vì tuyệt đối hóa 491
86. Đặt bẫy 493
87. Vin cớ về người khác 495
88. Nói ngang nói ngược 497

89. Tráo trở lật lọng 498
90. Dẫn tới đối lập 499
91. Dẫn từ hư vô 500
92. Luận chứng ngược chiều 501
93. Giả thiết phiến diện 503
94. Luận chứng phiến diện 505
95. Đánh vào một điểm 507
96. Cây số đông 509
97. Uy hiếp bằng vũ lực 511
98. Cậy vào quỷ thần 513
99. Vin cớ vô tri 515
100. Mượn cớ không biết 516
101. Đoán định chủ quan 518
102. Dựa vào cảm tình 520
103. Dựa vào sự thương cảm 522
104. Dựa vào cảm tính 524
105. Dựa vào truyền thống 526
106. Dựa vào tin đồn 528
107. Công kích nhân thân 530
108. Dựa vào quyền uy 532
109. Lạm dụng danh ngôn 533
110. Kích động quần chúng 535
111. Ngựa trắng không phải là ngựa 537
112. Cưỡng, trắng tách rời 539
113. Lập luận sai về biết 541
114. Lập luận sai về tồn tại 543
115. Phủ nhận mâu thuẫn 545
116. Chuyển hóa giả mạo 547
117. Phủ nhận đứng yên 549

Phần 1

THẮNG BẰNG LOGIC

Biện luận có đường biên không tách rời với logic. Biện luận là cơ sở sinh ra logic, mầm mống đầu tiên của logic đã nảy nở trên mảnh đất biện luận. Ngược lại logic lại chính là mạch sống của biện luận, muốn biện luận có sức hấp dẫn tất phải có sức mạnh logic khuynh đảo.

Stalin từng nhận định về lời biện luận của Lênin rằng : *"Lúc đó, điều khiến tôi khâm phục chính là sức mạnh logic không thể chiến thắng nằm trong lời diễn thuyết của người. Sức mạnh logic này tuy có khô khan, nhưng nó lại tóm chặt lấy người nghe, từng bước từng bước làm xúc động, và cuối cùng thì cầm tù người nghe, không trừ một ai. Tôi còn nhớ, lúc đó rất nhiều đại biểu nói : "Logic trong bài nói của Lê nin khác nào những xúc tu vạn năng, sẽ kẹp chặt lấy anh từ mọi phía bằng kìm, khiến anh không thể thoát khỏi. Nếu anh không đầu hàng, sẽ thất bại hoàn toàn.""*(1)

Bạn có muốn lời biện luận của bạn có sức mạnh logic như là xúc tu, như là gọng kìm không ? Bạn hãy đọc phần này đi.

---

(1) *Stalin toàn tập*, quyển 6, trang 50.

1. GIỮ CHO ĐỒNG NHẤT

Giữ cho đồng nhất nghĩa là trong biện luận, tư tưởng của chúng ta phải có tính xác định và tính nhất quán đầu cuối.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng sự vật khách quan hàm chứa mâu thuẫn nội tại không ngừng hoạt động, phát triển và biến hóa. Thế nhưng trong một giai đoạn phát triển nhất định, sự vật khách quan lại có tính quy luật về **chất** đặc thù. Chính do tính quy luật về chất này của sự vật mà khiến cho các sự vật được phân biệt. *Luật đồng nhất* trong logic học chính là quy luật cơ bản của tư duy logic được hình thành từ tính quy định về chất của sự vật khách quan hàng trăm vạn lần phản ánh trong ý thức con người. Chúng ta muốn nhận thức sự vật khách quan và triển khai biện luận một cách chính xác thì phải tuân theo *Luật đồng nhất*, mà tính xác định và tính nhất quán đầu cuối của tư tưởng trong biện luận lại chính là yêu cầu cơ bản nhất của *Luật đồng nhất* đối với người biện luận.

Cụ thể là *Luật đồng nhất* đòi hỏi khái niệm dùng trong lời người biện luận phải giữ được đồng nhất. Hãy xem đoạn tranh luận sau :

Có một hôm A, B, C và D thấy thùng cứu hỏa chỉ chứa cát tới mức một nửa. Thế là họ bắt đầu cãi nhau.

A – *Thùng này rỗng một nửa.*

B – *Thùng này chứa một nửa.*

C – *Thế thì có gì phải cãi nhau, thùng rỗng một nửa chẳng phải cũng như là thùng chứa một nửa đó sao ?*

D – *Không phải thế. Nếu xác lập đẳng thức : "thùng rỗng một nửa bằng thùng đựng một nửa" thì chúng ta có thể cùng nhân hai vế với 2. Thùng rỗng một nửa nhân 2 bằng hai thùng rỗng một nửa, và hai thùng rỗng một nửa bằng một thùng rỗng. Còn thùng chứa một nửa nhân với hai thì bằng hai thùng chứa một nửa, và hai thùng chứa một nửa bằng một thùng chứa đầy. Thế là, chẳng phải một thùng trống rỗng bằng một thùng đựng đầy đó sao ?*

Biện luận của D là sai, nguyên nhân là khái niệm "thùng rỗng một nửa" và "thùng đựng một nửa" đã không giữ được đồng nhất và đã bị đánh tráo hàm nghĩa trong đó. "Thùng rỗng một nửa" là chỉ thùng này một nửa rỗng một nửa

đựng, "thùng đựng một nửa" chỉ thùng này có một nửa đựng một nửa rỗng. Thế mà D lại lần lượt đánh tráo thành "bộ phận nửa rỗng trong thùng" và "bộ phận nửa đầy trong thùng", như vậy sẽ dẫn tới kết luận giả dối.

Luật đồng nhất còn đòi hỏi luận đề trong biện luận phải giữ được đồng nhất. Ví dụ, một đơn vị nọ mở cuộc tranh luận với chủ đề : "Thế nào là vẻ vang", và đã có đoạn đối thoại như sau :

A – *Ôi dào, vẻ với chẳng vang. Tôi cho rằng có tiền thì vẻ vang, không tiền thì đừng nói đến vẻ vang, thật đơn giản. Có tiền mới làm được việc, không tiền thì chẳng làm được gì cả. Cậu cứ vào quầy hàng mà mua đi, thiếu một xu thì đừng có mà mua. Mà vào rạp xem phim, thiếu một hào cũng đừng nghĩ đến chuyện vào làm gì.*

B – *Lí do cậu nêu ra không nói lên được có tiền thì vẻ vang, chỉ nói lên cái tác dụng của đồng tiền...*

A – *Tiền đương nhiên là có tác dụng rồi ! Có tiền thì sai khiến được cả ma quỷ kéo cối xay !*

B – *Cái đó tớ không đồng ý ! Trên thế giới làm gì có ma quỷ, vậy thì làm sao có thể nói tới việc sai ma quỷ kéo cối xay ?*

A – *Ai bảo không có ma ? Nếu không có ma thì sao xưa nay trong nước ngoài nước bao người nói về ma ?*

Điều mà họ tranh luận vốn là : "thế nào là vẻ vang" thế nhưng vấn đề tranh luận về sau lại chuyển sang "trên thế giới có ma hay không ?" Chuyển đề tài như vậy, đã dẫn tới không giữ được đồng nhất. Những kiểu tranh luận như vậy thường là lan man, như con ngựa sổng, kết quả là đi chệch xa đề tài. Và đó là điều mà *Luật đồng nhất* trong logic học không cho phép.

2. VẠCH TRẦN MÂU THUẪN

Luật mâu thuẫn trong logic học đòi hỏi trong một quá trình tư duy không được đưa ra những đoán định khác nhau cho cùng một đối tượng sự vật, nếu đã đưa ra những đoán định khác nhau thì trong đó phải có một phán đoán là giả dối. *Luật mâu thuẫn* là cơ sở logic để vạch ra tự thân mâu thuẫn trong biện luận của đối phương. Nếu đối phương nêu ra những phán đoán khác nhau cho cùng một sự vật, chúng ta có thể tấn công bằng luật mâu thuẫn, đây là thuật *Vạch trần mâu thuẫn*.

Hai mơ – luật sư lừng danh của Mĩ – một lần đã ra trước tòa án để bảo vệ cho một công ti bảo hiểm trong một vụ án đòi bồi thường. Cụ thể như sau :

Nguyên cáo lên tiếng : *"Cái vai của tôi bị máy nâng rơi xuống làm bị thương, đến nay cánh tay phải vẫn không nhấc lên được."*

Hai mơ liền hỏi : *"Ông hãy cho đoàn hội thẩm xem đi, cánh tay phải của ông giờ đây còn giơ cao đến đâu ?"*

Nguyên cáo từ từ nâng cánh tay lên ngang tai, và ra vẻ rất vất vả để chứng tỏ không thể lên cao được nữa.

"Thế thì trước khi bị thương ông giơ cao đến đâu ?"

Hai mơ vừa nói dứt lời thì bất giác nguyên cáo đưa ngay tay lên cao quá đầu, khiến phòng xử án mọi người cười ầm cả lên.

Cái hay trong cách Hai mơ giành thắng lợi là ở chỗ ông đã vạch trần được mâu thuẫn phía đối phương.

Dùng thuật *Vạch mâu thuẫn* không những phải biết cách chỉ ra mâu thuẫn trước sau của đối phương, còn phải biết phát hiện những mâu thuẫn ẩn chứa trong quan điểm của họ. Ta hãy xem xem những lời phản bác của Mặc Tử (cuối thời Chiến Quốc) đối với những mệnh đề nguỵ biện như : *Cãi không thắng, Nói toàn sai, Học vô ích* và *Không phê phán*.

Cãi không thắng nghĩa là hai bên tham gia tranh luận đều không thể nào thắng. Về điểm này, Mặc Tử phản bác như sau : "Thử hỏi : *Thuyết* **cãi không thắng** *của các ông là đúng, hay là không đúng đây ? Nếu cách nói của các ông đúng, thì tức là các ông đã cãi thắng rồi. Nếu cách nói của các ông là*

không đúng, thì tức là các ông đã cãi mà thua, và người khác cãi thắng. Vậy thì sao lại nói **Cãi không thắng** *được ?"*[1]

Nói toàn sai nghĩa là mọi lời nói đều sai cả. Về điểm này, Mặc Tử phản bác rằng : *"Thử hỏi : Câu* **Nói toàn sai** *là đúng hay không đúng đây ? Nếu câu này đúng, thì ít nhất câu này không sai, và không thể nói rằng mọi lời nói đều là sai cả. Nếu câu này không đúng, thì cách nói* **Nói toàn sai** *không thể xác lập, và phải thừa nhận rằng có lời nói là đúng."*

Học vô ích nghĩa là cho rằng học tập chẳng có ích gì cả. Mặc Tử phản bác rằng : *"Những người theo đuổi việc học hành đều không biết đến cái lẽ* **Học vô ích**, *cho nên các ông dạy họ cái lẽ* **Học vô ích**. *Các ông đã dạy họ cái lẽ* **Học vô ích** *tức là muốn mọi người nhận thấy học cái lẽ mà các ông dạy là có ích. Thế nhưng, các ông lại nói* **Học vô ích**, *thì ra cách nói* **Học vô ích** *của các ông là tự thân mâu thuẫn."*

Không phê phán nghĩa là phản đối phê phán cái sai. Về điểm này, Mặc Tử nêu phản bác : *"Các ông nêu chủ trương* **Không phê phán** *tức là phản đối phê phán. Các ông phản đối phê phán cũng chính là đã phê phán quan điểm khác. Các ông một mặt phản đối phê phán, một mặt lại phê phán, há chẳng phải tự mâu thuẫn đó sao ?"*

Do Mặc Tử có thể vạch trần được mâu thuẫn logic ẩn chứa trong quan điểm của đối phương mà đã phản bác mạnh mẽ, có sức thuyết phục kì lạ.

---

(1) Xem : *Mặc Tử – Kinh thuyết hạ.*

Mặc Tử (Tr.CN 468 – Tr.CN 376) là nhà tư tưởng, nhà chính trị giữa thời Xuân Thu - Chiến Quốc, là người sáng lập ra phái Mặc gia. Ông là người đề xướng thuyết "Kiêm ái" (Yêu rộng khắp).

3. LÍ DO ĐẦY ĐỦ

Logic học cho rằng muốn xác định tính chính xác của một tư tưởng nào đó thì phải có lí do đầy đủ làm căn cứ, đấy là luật *Lí do đầy đủ*. Luật *Lí do đầy đủ* thể hiện tính luận chứng và tính có căn cứ của tư duy. Cũng như vậy, trong khi tranh luận, muốn xác định tính chính xác của một luận điểm nào đó thì phải có căn cứ khách quan chắc chắn, như vậy mới làm cho luận chứng của chúng ta có sức thuyết phục đầy đủ.

Luật *Lí do đầy đủ* trước hết đòi hỏi trong biện luận, những lí do sử dụng phải chân thực, chắc chắn. Nếu lí do giả dối thì không thể nào đạt được mục đích luận chứng. Xin hãy xem một câu chuyện Nhật Bản sau đây :

Có một chàng trai đi bán rùa trong một cái chợ náo nhiệt nọ. *"Rùa đây ! Rùa đây ! Ai mua rùa ? Hạc sống ngàn năm, rùa sống vạn năm. Rùa sống một vạn năm, giá rất rẻ !"*

Một ông trung niên nghe nói rùa sống được vạn năm, liền mua một con. Nhưng chẳng may, hôm sau rùa đã chết. Và ông ta liền chạy ra chợ tìm người bán rùa, bực tức nói :

"Này, thằng lừa đảo ! Mày báo rùa sống được vạn năm, sao tao mua về mới qua đêm đã chết ?"

Chàng trai bán rùa cười ha hả, trả lời : *"Thưa ông, như vậy thì xem ra đúng vào đêm qua rùa vừa tròn một vạn năm tuổi."*

Các bạn biết không, chàng trai bảo *con rùa nọ đến đêm qua vừa sống đủ một vạn năm* là hoàn toàn vô căn cứ, là giả dối và vi phạm luật *Lí do đầy đủ*. Chỉ cần yêu cầu đưa ra bằng chứng thì lời dối trá kia sẽ bị vạch trần.

Luật *Lí do đầy đủ* còn đòi hỏi trong biện luận, giữa luận cứ và luận điểm phải có mối liên hệ logic tất yếu, từ luận cứ tất yếu suy ra luận điểm. Nếu không, biện luận sẽ không có sức thuyết phục. Lấy ví dụ :

Một tòa án nọ xử một vụ án hình sự về một người hành hung láng giềng. Bị cáo đã mướn một luật sư bào chữa nổi danh. Trong phiên tòa không khí trang nghiêm, luật sư liếc thấy nguyên cáo hầm hầm giận dữ, ông ta liền hắng giọng và nói :

"Là luật sư, tôi thừa nhận bị cáo có đánh người, nhưng vụ này có nguyên nhân. Cụ thể là bị cáo phát hiện nguyên cáo trong khi hai bên tranh cãi mà mặt hầm hầm, điệu bộ dữ dằn, có dấu hiệu muốn đánh người. Cho nên để tránh việc mình bị đánh, bị cáo đã quyết định ra đòn trước, theo cách sét nổ không kịp bưng tai, để giữ thế chủ động trong cuộc đánh lộn này. Đây hoàn toàn là một hành động đối chọi nhau theo cách gặp nguy mà không sợ, đánh đối phương một cách bất ngờ. Tuy rằng không được coi là phòng vệ chính đáng về mặt pháp luật, nhưng thật tình có lí do. Huống chi cái gọi là phòng vệ đích thực chính đáng cũng không phải không thế..." Lời biện hộ của luật sư nọ thật là vớ vẩn, bởi vì nguyên cáo mặt hầm hầm tức giận không thể tất yếu dẫn đến kết luận bị cáo có thể đánh người được. Và do tính chân thực của luận cứ này không tất yếu dẫn đến tính chân thực của luận đề này mà luật sư nọ đã vi phạm luật *Lí do đầy đủ.*

4. KHÔN KHÉO ĐẶT ĐIỀU KIỆN

Giữa các sự vật khách quan vẫn tồn tại mối liên hệ điều kiện nhất định. Tách rời khỏi điều kiện nhất định, sự vật khách quan sẽ không thể tồn tại và phát triển. Thuật *Khôn khéo đặt điều kiện* là phương pháp dùng cách khéo léo đặt ra điều kiện nào đó, rồi về sau phán đoán biện luận đối với sự vật.

Trong biện luận, khi đối tượng đặt ra cho chúng ta những vấn đề gai góc mà nếu khẳng định hoặc phủ định một cách giản đơn đều rơi vào tình huống tiến thoái lưỡng nan. Lúc này, chỉ cần khôn khéo đặt ra điều kiện nào đó là có thể biến hại thành lợi, chuyển nguy thành an. Ví dụ, trong cuộc tranh luận tại cuộc thi hùng biện quốc tế bằng Hoa ngữ lần một với chủ đề : *No ấm là điều kiện tất yếu để nói tới đạo đức*, số 3 của đội đại học Cambridge nước Anh bỗng nêu câu hỏi :

"Nếu bây giờ 10 người chúng tôi bỏ phiếu tán thành yêu cầu sung công tài sản của số 3 đội bạn để đáp ứng nhu cầu của mọi người thì như vậy có đúng không ?"

Câu hỏi này thực sự dồn người ta vào chỗ bí, vì nếu khẳng định một cách đơn giản thì rõ ràng không phù hợp với lẽ thường, còn nếu phủ định một cách đơn giản cũng lại làm lung lay luận chứng của mình. Thế nhưng số 3 của đội Phục Đan (trường đại học ở Thượng Hải) đã dùng thuật *Khôn khéo đặt điều kiện* để trả lời :

"Nếu tài sản của tôi sung công mà mang lại phúc lợi cho quảng đại dân chúng thì tôi nghĩ tôi lựa chọn cách này, bởi vì đã làm người phải làm người có đạo đức". (vỗ tay)

Do đã khôn khéo đặt ra điều kiện *mang lại phúc lợi cho quảng đại dân chúng* mà đội Phúc Đán không những đã trả miếng đối phương một cách hữu hiệu và còn tăng cường luận điểm của đội mình.

Trong những cuộc thi hùng biện, chúng ta thường phải đối mặt với những luận đề bất lợi và do đó càng cần phải dùng thuật *Khôn khéo đặt điều kiện*. Với điều kiện đã khôn khéo đặt ra, chúng ta có thể phát triển thuận lợi tránh cái khó khăn để triển khai biện luận, giành thế thượng phong. Ví dụ, trong cuộc thi hùng biện châu Á lần thứ nhất (năm 1986), luận đề là : *Phát triển ngành du lịch lợi nhiều hơn hại*, đội phản bác là Đại học Sư phạm Bắc Kinh

đối diện với đề khó này đã lật lại và đặt điều kiện : *Nếu phát triển ngành du lịch một cách mù quáng, không kiểm soát* và họ đã triển khai một cuộc tranh luận sinh động, khiến mọi người phải đồng ý với kết luận : *hại nhiều hơn lợi*. Đại biểu đội Trường đại học Sư phạm Bắc Kinh biện luận như sau :

"Nếu cứ phát triển ngành du lịch một cách mù quáng, thiếu kiểm soát sẽ dẫn việc chào mời du khách bằng mọi thủ đoạn. Nhiều quốc gia đã chào mời du khách không phải bằng phong cảnh tươi đẹp và những hàng hóa rẻ của họ, mà khách của họ ngày càng tăng chủ yếu do hoạt động Sex. Ngành du lịch ở Áo Môn phát đạt, nhưng đó là do họ đã đáp ứng khách đó đen bằng cách cho số người này thường ngoạn "non xanh nước biếc" trên chiếu bạc. Đương nhiên, ở đây chúng ta không đánh đấu bằng giữa ngành du lịch với ngành Sex và cờ bạc. Về mặt này có thể nói Singapo là một điển hình. Thế nhưng những điển hình như vậy quá ít, mà những ví dụ thất bại lại quá nhiều. Cờ bạc, tình dục rất dễ lan tràn như tế bào ung thư. Sòng bạc Vân Đình của Malaixia, hộp đêm của Thái Lan chẳng nổi tiếng thế giới đó sao ? Nếu cứ cái đà như vậy, mà nói **Phát triển ngành du lịch lợi nhiều hơn hại** *chẳng hóa ra nói :* **Phát triển hoạt động tình dục và cờ bạc lợi nhiều hơn hại** *đó sao ?*

Đòn tấn công này của của đội Trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh quả là lợi hại, trên cơ sở đặt ra điều kiện nhất định họ nêu ra một loạt ví dụ mà mọi người đều biết và họ đã củng cố và làm phong phú thêm quan điểm của mình từ nhiều góc độ. Cuối cùng thì đội Đại học Sư phạm Bắc Kinh đã đánh gục đội Đại học Văn khoa Đài Loan, giành thắng lợi tuyệt đối.

Thuật *Khôn kheo đặt điều kiện* là một cách biện luận mạnh mẽ, chúng ta muốn sử dụng nó một cách linh hoạt thành thạo thì phải nắm chắc mối liên hệ điều kiện tất yếu giữa các sự vật và dựa vào mối liên hệ điều kiện nay mà khéo léo đặt ra điều kiện nào đó. Ví dụ, *Tiết mục thanh niên* của Đài truyền hình Trung ương (Trung Quốc) đã mở cuộc thi tuyển người phụ trách, cuộc thi có luận đề : *Trên đường Nam Kinh giày ai đi lớn nhất* ? Sáu người dự tuyển đều tịt mít. Trong khi đó, một anh bộ đội ở hàng ghế khán giả đã trả lời như sau :

"Chân ai to nhất thì giày người đó đi to nhất."

Kết quả, câu trả lời này được giám khảo khẳng định. Anh bộ đội do nắm chắc mối liên hệ điều kiện lớn nhỏ giữa giày và chân, đã khéo léo đặt điều kiện và đã đưa ra đáp án đúng.

Thuật *Khôn khéo đặt điều kiện* trên thực tế là sự vận dụng mệnh đề điều kiện trong biện luận. Ví dụ : *Chân ai lớn nhất thì giày người đo đi là to nhất* chính là mệnh đề điều kiện. Trong đó, bộ phận biểu thị điều kiện là điều kiện

nêu ra ở trước (chân ai lớn nhất). Bộ phận kết quả sinh ra do dựa vào điều kiện nào đó gọi là điều kiện nêu ra ở sau (giày người đó đi là to nhất). Hình thức biện luận chính xác đòi hỏi mệnh đề điều kiện dùng đến phải đúng đắn, tức là có điều kiện nêu ra ở trước (tiền kiện) thì nhất định phải có điều kiện nêu ra ở sau (hậu kiện). Điều kiện đầy đủ, kết quả tất phải xuất hiện. Nếu điều kiện đầy đủ mà kết quả không xuất hiện, thì mệnh đề đó là giả dối. Ví dụ :

"Nếu chim khách kêu thì có tin vui".

Do tồn tại tình trạng *chim khách kêu* mà không *có tin vui*, mà mệnh đề điều kiện này là giả dối. Trong biện luận, khi chúng ta cần phản bác một mệnh đề điều kiện giả dối, chỉ cần chỉ ra tình trạng tiền kiện thì thật mà hậu kiện là giả thì đánh đổ được mệnh đề này.

5. ĐIỀU KIỆN LUÔN LUÔN ĐÚNG

Mệnh đề điều kiện có một đặc tính kì lạ là khi điều kiện nêu trước (tiền kiện) là giả thì dù điều kiện nêu sau (hậu kiện) có là thật hay là giả thì toàn bộ mệnh đề điều kiện cũng nhất định là thật. Phương pháp biện luận dựa trên đặc tính này của mệnh đề điều kiện chúng ta gọi là thuật *Điều kiện luôn luôn đúng.*

Ví dụ, có một năm Hồng Kông thi hoa hậu. Cuộc thi bước vào chung kết và người chủ trì muốn thử tài ứng đối của cô Dương, ông đề ra câu hỏi :

"Xin hỏi cô Dương, nếu cô phải chọn trong hai người bạn nam một người bạn đời thì cô sẽ chọn ai ? Hai người này, một là nhà soạn nhạc Ba Lan : Sôpanh, một là trùm phát xít : Hítle."

Thật bất ngờ, cô Dương thông minh xinh đẹp đã trả lời như sau :

"Tôi sẽ lấy Hítle !"

Quan khách bỗng xao động hẳn lên, dồn dập hỏi : Tại sao cô lại chọn Hítle ? Cô Dương mỉm cười trả lời :

"Tôi hi vọng mình sẽ cảm hóa được Hítle. Nếu tôi lấy Hítle, thì đại chiến thế giới lần thứ hai không chết nhiều người như vậy, cũng có thể đảm bảo không để Hítle phát động Đại chiến hai !"

Cô Dương biết chắc rằng Sôpanh và Hítle đều là những nhân vật lịch sử, dù muốn lấy ai cũng không thể được, và là giả dối. Vì điều kiện là giả, cho nên cô ta có thể tùy ý chọn lựa mà không cần phải thực hiện ý định này. Trả lời là lấy Sôpanh thì quá bình thường, trả lời là lấy Hítle mới là điều lạ. Và với sự giải thích khéo léo, cô đã giành được tràng vỗ tay cuồng nhiệt của quan khách.

Trong biện luận, chúng ta phải phân tích các điều kiện hữu quan là thật hay là giả. Nếu điều kiện là thật, thì phải suy nghĩ thận trọng. Nếu điều kiện là giả, thì có thể trả lời tùy ý, dù rằng có đưa ra hậu kiện vớ vẩn thế nào đi nữa thì toàn bộ mệnh đề vẫn xác lập và đánh bại được đối phương.

Chúng ta xem tiếp một ví dụ nữa, ngày 27 tháng 8 năm 1993 tại Singapo đã tổ chức một cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất với đề tài *AIDS là vấn đề y học không phải là vấn đề xã hội.* Có đoạn tranh luận như sau :

Số 3 của đội Sidney : *"Vậy tôi xin hỏi đội bạn, nếu ngày nay chúng ta phát minh ra một loại vac xin phòng chống AIDS, thì có vấn đề xã hội không ? Xin hãy cho biết."*

Số 2 của đội Phúc Đán : *"Nếu đặt một ví dụ cá Pa ri có thể đút vào trong chai, nếu cả loài người không tồn tại thì bệnh AIDS còn có nữa không ?"* (vỗ tay).

Điều kiện mà số 3 của đội Sidney nêu ra là : *"ngày nay phát minh ra được một loại vac xin phòng chống được AIDS"*. Điều kiện này hiển nhiên là giả, và số 2 của đội Phúc Đán vì vậy đã đưa ra hậu kiện vớ vẩn là *"Cá Pa ri có thể đút lọt vào trong một cái chai"*. Đương nhiên có thể vì thế mà tùy ý nêu ra hậu kiện, từ đó mà tạo thành một mệnh đề *Điều kiện luôn luôn đúng* không ai phản bác được và bởi vậy mà đánh gục đối thủ. Đội Phúc Đán đã khéo léo vận dụng thuật *Điều kiện luôn luôn đúng* mà đã trả lời được một cách thú vị, tỏ rõ tài năng ứng đối biện luận siêu việt.

Điều kiện luôn luôn đúng nói đến ở đây chính là *quái luận hàm chứa* trong logic hiện đại. Hàm nghĩa của quái luận hàm chứa là : Khi tiền kiện của mệnh đề điều kiện là là giả, hậu kiện dù thật hay giả thì cả mệnh đề điều kiện đều là đúng, hoặc là nói, từ một tiền đề giả đối có thể suy ra bất kì một kết luận nào. Đặc tính này của mệnh đề điều kiện nhiều người đã không hiểu, thậm chí còn bị nhiều nhà logic học chỉ trích, bởi vậy mọi người mới gọi là *quái luận*. Nhưng dù vậy, nó chắc chắn vẫn là định lí logic khoa học, chúng ta vẫn có thể vận dụng nó trong tranh luận, và vẫn có thể tạo nên hiệu quả bất ngờ hạ gục đối phương. Các ví dụ đã nêu trong bài là chứng minh cho điều này.

6. TÁCH BIỆT ĐIỀU KIỆN

Thuật *Tách biệt điều kiện* là phương pháp biện luận thông qua việc khẳng định tiền kiện của mệnh đề điều kiện từ đó mà rút ra kết luận khẳng định hậu kiện.

Thời nhà Thanh, có hôm vua Càn Long hỏi Kỉ Hiểu Lam : *"Kỉ khanh, hai chữ trung hiếu giải thích thế nào ?"* Kỉ Hiểu Lam trả lời : *"Vua bắt tôi chết, tôi không thể không chết là* **trung**. *Cha bắt con chết, con không thể không chết là* **hiếu**".

Càn Long bèn nói : *"Vậy thì được, trẫm muốn khanh chết bây giờ !"*

"Thần lĩnh chỉ".

"Vậy khanh định chết cách nào ?" Vua hỏi.

"Nhảy xuống sông".

Càn Long đương nhiên biết là Kỉ Hiểu Lam sẽ không đi trầm mình, và thế là lặng lẽ quan sát cách ứng biến. Lát sau, Kỉ Hiểu Lam quay về, đến trước Càn Long. Vua cười hỏi : *"Kỉ khanh sao chưa chết ?"*

Kỉ Hiểu Lam trả lời : *"Thần đến bờ sông, khi định nhảy xuống thì thấy Khuất Nguyên đi đến. Ông ta nói : "Hiểu Lam, ông làm cái việc sai to rồi ! Tưởng chỉ có Sở Vương năm nào ngu muội, ta mới không thể không chết. Trước khi ông nhảy xuống sông, hãy về hỏi nhà vua có phải là hôn quân không. Nếu hoàng thượng không phải là hôn quân, thì ông không cần phải trầm mình. Nếu hoàng thượng ngu muội như Sở Vương năm nao, ông hẵng tìm đến cái chết cũng không muộn !"*

Càn Long nghe xong cả cười, luôn miệng khen : *"Giỏi, thật là một cái lưỡi sắc sảo, không hổ danh là nhà hùng biện. Trẫm phục ngươi đấy !"*

Kỉ Hiểu Lam sở dĩ thoát khỏi cái chết là do đã dùng thuật *Tách biệt điều kiện* :

Nếu không phải thờ hôn quân thì không được trầm mình.

Càn Long không phải là hôn quân.

Cho nên ta không thể trầm mình.

Kỉ Hiểu Lam đã lấy mệnh đề điều kiện làm tiền đề, qua việc khẳng định tiền kiện của mệnh đề điều kiện này mà có được kết luận khẳng định hậu kiện.

Một mệnh đề điều kiện chân thực đã có tiền kiện thì phải có hậu kiện. Đoán định tiền kiện tồn tại thì tất nhiên sẽ có được kết luận khẳng định hậu kiện tồn tại. Do đó mà thuật *Tách biệt điều kiện* có sức mạnh hùng biện không thể phản bác nổi. Một ví dụ khác :

Án Tử[1] đi sứ sang nước Sở, Vua Sở thấy Án Tử thấp bé liền châm chọc : *"Nước Tề lẽ nào không có người cao to tài cán ? Sao lại phái con người bé nhỏ bất tài như ngươi đi sứ ?"*

Án Tử cười mà rằng : *"Người cao to tài cán ở nước Tề nhiều vô kể. Thế nhưng, theo lệ ở nước tôi, cứ loại người nào đi sứ nước nào là có quy định nghiêm ngặt. Người cao to tài giỏi thì cử đi sứ nước giàu mạnh. Người nhỏ bé bất tài thì phái đi sứ nước hèn kém. Án Anh tôi là người nhỏ bé bất tài bởi vậy bị phái đi sứ nước Sở".*

Sở Vương định làm nhục Án Anh thấp lùn, từ đó để đạt mục đích làm nhục nước Tề thấp kém. Thế nhưng, bằng việc đối đáp khôn khéo, Án Anh đã khiến Sở Vương tiu nghỉu.

Cũng vậy, ở đây ta thấy Án Tử đã sử dụng thuật *Tách biệt điều kiện*. Sử dụng thuật *Tách biệt điều kiện* cần chú ý :

1. Mệnh đề điều kiện ở tiền đề phải chân thực.

2. Chỉ có thể sử dụng hình thức từ khẳng định tiền kiện đi tới khẳng định hậu kiện, mà không thể dùng hình thức đi từ khẳng định hậu kiện tới khẳng định tiền kiện.

---

(1) Án Anh (? – TrCN 500) là quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu.

7. CHỐI BỎ ĐIỀU KIỆN

Thuật *Chối bỏ điều kiện* là phương thức biện luận thông qua việc phủ định hậu kiện của mệnh đề điều kiện để có được kết luận phủ định tiền kiện.

Theo *Thuyết uyển* của Lưu Hướng (khoảng năm 77 trước công nguyên – năm 6 trước công nguyên) thì thời xưa Ngụy Văn hầu sai xá nhân (một chức quan) Võ Trạch mang biếu Tề hầu một con thiên nga. Trên đường đi, do sơ ý, con thiên nga bay mất. Võ Trạch chỉ còn biết dâng lên Tề hầu cái lồng không. Và do đó đã trần tình như sau :

"Vua nước tôi sai tôi mang biếu đại vương con chim thiên nga. Giữa đường, thấy chim quá khát, tôi liền thả cho nó uống nước. Nào ngờ nó bay vút lên trời, không quay lại nữa. Tôi nghĩ là trên đời này, thiên nga thì thiếu gì, mua một con giống như vậy thế vào. Nhưng rồi lại thấy làm như vậy chẳng phải lừa dối đại vương hay sao ? Tôi cũng đã từng nghĩ : Hay là rút kiếm tự sát cho xong. Nhưng như vậy há chẳng phải là làm cho người ta nghĩ rằng nhà vua coi trọng con chim hơn mạng người hay sao ? Tôi cũng đã nghĩ : Thôi, chạy trốn đi cho rồi. Nhưng như vậy há chẳng phải là vì bản thân mình mà ảnh hưởng tới tình thân giữa hai nước sao ? Thật chẳng còn cách nào nữa, đành phải dâng lên đại vương cái lồng không, xin đại vương ban tội !"

Võ Trạch chỉ vài lời mà Tề hầu lòng cảm thấy vui, bèn nói : *"Ta được mấy lời khanh nói còn hơn nhiều cái con thiên nga kia"*. Và ban thưởng rất hậu cho Võ Trạch. Võ Trạch không nhận, vội cáo từ ngay.

Ta thấy, Võ Trạch chỉ mấy câu nói sắc sảo mà không những không bị trị tội làm mất thiên nga, trái lại còn được trọng thưởng. Đó là do ông ta đã biết dùng thuật *Chối bỏ điều kiện*. Cụ thể là :

Nếu thay một con chim thiên nga khác là lừa dối đại vương.

Tôi không thể lừa dối đại vương.

Vậy tôi không thể thay chim thiên nga khác.

Ở đây, ta thấy là thông qua việc phủ định hậu kiện mà có được kết luận phủ định tiền kiện.

Thuật *Chối bỏ điều kiện* là một cách hùng biện mạnh mẽ. Đó là vì một mệnh đề điều kiện chân thực có tiền kiện thì phải có hậu kiện, không có hậu

kiện thì tất phải không có tiền kiện. Một khi đã xác định hậu kiện không tồn tại thì đương nhiên cũng có thể rút ra kết luận phủ định tiền kiện. Một ví dụ khác :

Vào thời kì trung thế kỉ (của châu Âu), một lần có một sứ giả trẻ tuổi người A-rập đi thăm một quốc gia châu Âu. Anh ta mang theo rất nhiều tặng phẩm và đã được tiếp đón long trọng. Quốc vương và hoàng hậu còn mở tiệc lớn chiêu đãi anh chàng nọ. Chẳng ngờ, chính là bữa tiệc đó đã suýt làm mất mạng chàng trai. Bởi vì anh chàng trước mặt quốc vương mà lại dám lật lưng con cá rán, trong khi pháp luật nước này quy định không được quay lật mọi thứ trước mặt đức vua, ai vi phạm sẽ phải tội chết, không ngoại trừ vương công quốc khách tôn quý. Cũng may nhờ có các đại thần cầu xin mà nhà vua đã bớt cơn thịnh nộ, nhưng ngài vẫn tuyên bố là cần phải bảo vệ pháp luật, và nhà vua bảo với chàng trai nọ rằng cho phép anh ta có một lời cầu xin, lời cầu xin nào cũng được đáp ứng. Lúc này, chàng trai bình tĩnh nói :

"Tôi chỉ có một lời cầu xin là nếu ai nhìn thấy tôi lật lưng con cá rán, xin hãy móc đôi mắt của người đó !"

Quốc vương lặng người, nhưng rồi ngài là người đầu tiên gọi tên đức chúa Giê-su để thề rằng ngài không từng thấy sự việc này.

Tiếp đến là hoàng hậu, cũng thề với danh nghĩa đức bà Ma-ri-a.

Sau đó là các đại thần, họ cũng đua nhau thề thốt với danh nghĩa các thánh Pao-lô, Môi-dơ... Và thế là điều lạ đã xảy ra, mọi người đều khẳng định rằng chưa từng thấy chàng trai lật con cá rán.

Các bạn thấy đấy, chàng thanh niên bằng trí thông minh của mình đã thoát khỏi một cái chết mười mươi. Anh chàng đã giành thắng lợi trong biện luận với thuật *Chối bỏ điều kiện*. Bởi vì, điều hiển nhiên là nếu ai thừa nhận mình đã nhìn thấy anh ta lật con cá rán, thì người đó phải chịu số phận bị móc mắt. Và chẳng một ai chịu bị móc mắt, cho nên mọi người đều không thừa nhận đã nhìn thấy hành động lật cá của chàng trai.

Đoạn biện luận vừa nêu đã chứng tỏ sức mạnh hùng biện to lớn của thuật *Chối bỏ điều kiện*. Vận dụng thuật này, chúng ta cần chú ý :

1. Mệnh đề điều kiện trong tiền đề phải chân thực.

2. Chỉ có thể dùng hình thức từ phủ định hậu kiện đi tới phủ định tiền kiện, mà không được sử dụng hình thức đi từ khẳng định hậu kiện tới việc khẳng định tiền kiện.

8. ĐIỀU KIỆN LIÊN HOÀN

Giữa các sự vật khách quan thường tồn tại mối liên hệ điều kiện phức tạp liên hoàn (móc xích với nhau). Trong biện luận, lợi dụng mối liên hệ điều kiện liên hoàn này, ta có thể từng bước đi sâu vạch rõ mối liên hệ tất nhiên giữa các sự vật và xâu chuỗi cả quá trình biện luận từ đầu đến cuối, nhằm làm cho lời biện luận của chúng ta có tính logic chặt chẽ và sức thuyết phục mạnh mẽ.

Theo *Hàn Phi Tử – Dụ lão* thì có lần vua Trụ bắt người ta phải làm một đôi đũa bằng ngà voi. Cơ Tử thấy vậy buồn bực và lo lắng. Ông nói :

"Nếu có đũa ngà thì chẳng còn cần đến đồ gốm nữa, mà dùng chén ngọc. Đũa ngà và chén ngọc không phải là dùng để đựng hay gắp rau đậu, mà là để dùng với thức ăn như thịt bò Tây Tạng, bào thai báo. Mà dùng những loại thực phẩm này thì tất không thể mặc áo vải cộc và vào ăn trong lều tranh được. Phải là mặc áo gấm, ở nhà lầu sang trọng. Và như vậy, muốn được những cái đó thì phải vắt kiệt sức dân may ra mới có. Hậu quả việc này không thể không sợ !"

Năm năm sau, với cung cách ăn chơi phè phỡn này cùng với hình phạt tàn bạo mà Trụ bị diệt.

Ta thấy, Cơ Tử do nắm chắc mối liên hệ điều kiện móc xích giữa các sự vật, mà đã nhìn xa trông rộng, từ đôi đũa ngà mà biết được cái họa của thiên hạ. Người biết dùng thuật *Điều kiện liên hoàn* thường tỏ rõ tài trí khác người.

Dùng thuật *Điều kiện liên hoàn* có thể từ việc khẳng định tiền kiện của mệnh đề điều kiện thứ nhất trong mệnh đề liên hoàn mà có được kết luận khẳng định hậu kiện của mệnh đề điều kiện cuối cùng. Đây chính là cách tách biệt móc xích. Chúng ta cũng có thể từ việc phủ định hậu kiện của mệnh đề điều kiện cuối cùng mà có được kết luận phủ định tiền kiện của mệnh đề điều kiện đầu tiên. Và đây chính là phép chối bỏ liên hoàn. Chúng ta hãy quan sát đoạn biện luận sau :

Vào thời nhà Minh, Nam Xương Ninh Vương Chu Thần Hào tự thị là hoàng tộc, suốt ngày chỉ biết ăn chơi. Nhà vua cho ông ta một con hạc trắng, trên cổ treo tấm biển đồng mạ vàng có chữ "ngự tứ" (nghĩa là vua ban). Ông ta từ đó thường dắt con hạc này dạo phố. Có một hôm, con hạc tự mình chạy ra phố và bị chó cắn chết. Chu Thần Hào vô cùng tức tối : *"Con hạc này vua*

ban cho ta, trên cổ có biển vàng "ngự tứ". Chó nhà ai dám khi quân phạm thượng, gớm thật !". Rồi lệnh cho gia nô trói chủ nhân con chó kia, giao cho tri phủ Nam Xương trị tội, bắt đền mạng.

Thời đó tri phủ Nam Xương là Chúc Hạn. Chúc từ lâu đã bất bình với thói lộng hành của phủ Ninh Vương, lần này nghe thấy quản gia phủ Ninh Vương đòi người dân phải đền mạng vì con hạc trắng, với tội danh là khi quân phạm thượng, thì vừa bực vừa buồn cười mà rằng : *"Án này đã giao cho ta xử, vậy thì cứ theo phép công, xin hãy viết đơn kiện đi"*. Quản gia nén giận viết đơn dâng lên.

Chúc Hạn nhận đơn liền sai nha dịch đi bắt hung phạm. Quản gia vội nói : *"Người thì đã bắt, hiện ở dưới kia !"*. Chúc Hạn giả đò kinh ngạc : *"Trong đơn rõ ràng viết hung phạm là một con chó, bản phủ hôm nay xử chó, ông bắt người đến làm gì ?"*. Quản gia tức tối nói : *"Con chó kia không nói tiếng người, sao lại có thể đưa ra tòa để xét hỏi ?"*. Chúc Hạn cười mà rằng : *Ông quản gia không nên giận, ta nghĩ chỉ cần đưa tờ đơn kiện đến trước mặt con chó, nó xem xong cúi đầu nhận tội thì cũng có thể định án được rồi"*. Quản gia dậm chân : *"Ông là hôn quan, trên trời này con chó nào lại biết đọc há ?"*. Lúc này Chúc Hạn mới nghiêm giọng bác : *"Chó đã không biết chữ thì làm sao hiểu được hai chữ "ngự tứ" trên biển vàng ? Mà đã không đọc được chữ trên cổ con hạc thì làm sao định được tội khi quân phạm thượng đây ? Chó đã không khi quân phạm thượng, thì sao có thể báo chủ nhân của nó là khi quân phạm thượng được. Chó là con thú không hiểu tình lí, cắn chết con hạc thì đó là việc của loài cầm thú. Sao lại liên lụy đến người dân được ?"*

Chúc Hạn khi phản bác người quản gia nọ đã dùng phép tách biệt liên hoàn, tạo nên một nhóm mệnh đề liên hoàn điều kiện đi từ khẳng định tiền kiện "chó không biết chữ" thuộc mệnh đề điều kiện thứ nhất tới được kết luận khẳng định hậu kiện "người chủ của con chó không khi quân phạm thượng" ở mệnh đề điều kiện sau cùng. Ở đây ta thấy logic chặt chẽ, không thể bắt bẻ, khiến cho quả gia không còn lí lẽ gì nữa, đành ngậm miệng, tức tối phẩy tay quay gót trở ra.

9. ĐIỀU KIỆN TẤT YẾU

Hàm nghĩa của *Điều kiện tất yếu* là : điều kiện không đầy đủ thì kết quả không xuất hiện. Ngược lại, nếu có tình trạng điều kiện không đầy đủ mà kết quả vẫn xuất hiện, thì mệnh đề điều kiện tất yếu này là giả dối. Trong một số trường hợp biện luận, chúng ta chỉ có thể giành được thắng lợi nếu nắm chắc mối liên hệ logic của mệnh đề điều kiện tất yếu. Ví dụ :

Tại cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ có một luận đề là : "Ấm no lên điều kiện tất yếu bàn tới đạo đức". Trên thực tế, đây là một mệnh đề điều kiện. Nó có hàm ý là :

"Con người chỉ khi đạt được mức sống ấm no mới có thể nói tới đạo đức được".

Thế nhưng, đội đại biểu đại học Phúc Đán đã phản bác mệnh đề này. Và họ đã phải chỉ ra sự tồn tại trường hợp không no ấm cũng có thể nói tới đạo đức. Biện luận của họ như sau :

"Từ xưa đến nay, những xã hội chưa giải quyết được vấn đề khó khăn về ăn mặc thực tế là có nhiều. Song như vậy, phải chăng ở đó đều không thể nói tới đạo đức được sao ? Ngày nay, đất nước Xô-ma-li ăn đói mặc rách thì không có quyền bàn tới đạo đức sao ?... Từ góc độ cá nhân, những ví dụ về hiện tượng nghèo đói nhưng vẫn giữ được phẩm chất đạo đức là nhiều không kể xiết. Nhan Hồi, một học trò xuất sắc của Khổng Tử, chẳng phải ăn uống đói khát mà vẫn nói lời ngay làm việc thiện đó sao ? Khi túp lều tranh của Đỗ Phủ bị gió thu phá nát, chẳng phải ông vẫn mơ tưởng có được ngôi nhà rộng ngàn vạn gian để che cho các hàn sĩ trong thiên hạ đó sao ? Nói tới chính phủ thì Singapo chẳng cũng khởi đầu gian nan đó sao ? Nhưng ngài Lí Quang Diệu đã khuyến cáo nhân dân ông : Chúng ta chẳng có gì hết, ngoài bản thân mình. Và ông đã nhấn mạnh đạo đức là nhân tố trọng yếu để chiến thắng trong cuộc cạnh tranh..."

Trên cơ sở nêu ra hàng loạt sự thật để tiến hành phản bác, đội Phúc Đán còn phân tích một cách sâu sắc hàm ý logic của chủ đề tranh luận. Cụ thể như sau :

"Gọi là "điều kiện tất yếu", thế mà nhìn từ phương diện logic ta lại thấy nó có cũng được mà không cũng được. Quả vậy, với chủ đề tranh luận hôm nay, chúng tôi mới chỉ cần chứng minh không no ấm cũng có thể nói tới đạo đức. Mà điều đội bạn phải chứng minh là không no ấm thì đừng có nói tới đạo đức, về điểm này số một đội bạn lại chưa chứng minh đầy đủ được".

Bên phía phản bác đã luận chứng một cách chặt chẽ, có logic, không thể không thừa nhận. Và đã giành được tràng vỗ tay vang dội của quan chúng.

Đội phản bác của đại học Phúc Đán sở dĩ đã chiến thắng trong cuộc tranh luận này là do biết rõ mối liên hệ logic trong chủ đề tranh luận là một nhân tố cực kì quan trọng.

10. LỰA CHỌN GIẢ THIẾT

Mệnh đề chọn lựa là mệnh đề nêu ra những tình huống có thể để từ đó lựa chọn. Cách thức hàng phục đối phương, khéo léo giành thắng lợi bằng việc vận dụng mệnh đề chọn lựa trong biện luận chính là thuật *Lựa chọn giả thiết*.

Trong cuốn *Kí viên kí sở kí* (đời Thanh) còn ghi lại một vụ án như sau :

Một cô gái chưa chồng và có chàng trai muốn lấy cô ta, nhưng đã bị ông bố cô gái từ chối. Thế là chàng trai nọ đã vu cáo rằng anh ta đã lấy cô gái này làm vợ và bố cô gái lại ép cô tái giá. Quan huyện Vương Lâm Hanh đòi cô gái đến hỏi chuyện, rồi đột ngột hỏi chàng trai :

"Ngươi đã là chồng cô này, vậy hãy nói trên tay cô ta có một cái sẹo, và sẹo ở tay mặt hay tay trái ?"

Chàng trai cứng họng, không trả lời được.

Viên quan kia đã nêu ra hai tình huống có thể cho chàng trai chọn lựa : "Cô gái này tay trái có sẹo hay là tay phải có sẹo". Nếu đây đúng là vợ anh ta thì anh ta phải biết tình trạng vết sẹo. Lúc này, chàng trai lúng túng không biết, đương nhiên lộ ra cô gái không phải là vợ anh chàng. Quan huyện đã khéo dùng mệnh đề chọn lựa để vạch trần ngay âm mưu chiếm đoạt cô gái của chàng trai.

Muốn có được hiệu quả biện luận theo dự định bằng thuật *Lựa chọn giả thiết* thì phải biết phát hiện mâu thuẫn của đối phương, rồi nhằm vào mâu thuẫn đó mà đặt ra mệnh đề chọn lựa thích hợp. Như vậy, sẽ có thể đẩy đối phương vào chỗ lúng túng. Chẳng hạn Mi-ken-lăng một họa sĩ tài danh người Ý thời Phục Hưng, ông đã nhận lời tòa thánh La Mã vẽ một bức sơn dầu : *A-đam và Ê-va*, và ông đã có ý nêu câu hỏi :

"A-đam có rốn không ?"

Câu hỏi này đã bao hàm một mệnh đề chọn lựa : "A-đam có rốn hay A-đam không có rốn", buộc đối phương phải chọn lựa từ đó. Theo *Thánh kinh* thì Chúa Trời nặn ra A-đam theo hình dáng của mình và lại rút của A-đam một

cái xương sườn để tạo ra Ê-va. Rồi từ đôi nam nữ đầu tiên này đã sinh ra chúng sinh đông đúc ngày nay. A-đam là con người có sớm nhất và hoàn mĩ nhất. Chúng ta ai cũng có rốn, bởi vậy A-đam cũng phải có. Thế nhưng, A-đam lại là hình dáng của Chúa Trời, A-đam có rốn, bởi vậy Chúa Trời cũng phải có rốn. Chúa trời là đấng sáng tạo tối cao, lẽ nào ông ta còn bị cái gì đó sáng tạo và thai nghén ? Nếu Chúa Trời không có rốn mà A-đam có thì rõ ràng Chúa đã không nặn ra giống như mình. Và điều này đi ngược với *Thánh kinh*. Nếu cái rốn của A-đam là một sai lầm của Chúa trong sáng tạo, thì điểm này đi ngược với giáo nghĩa. Giáo nghĩa cho rằng Chúa Trời không bao giờ có sai lầm. Nếu A-đam không có rốn, thì là chúng ta ai cũng có mà A-đam lại không. Vậy là sáng tạo của Chúa cũng chẳng phải là hoàn thiện, và A-đam không phải là con người hoàn mĩ. Tóm lại, dù rằng A-đam có rốn hay không đều khiến cho giáo hội phải rơi vào hoàn cảnh mâu thuẫn khó bề thoát ra.

Như vậy, Mi-ken-lăng đã khéo dùng mệnh đề chọn lựa bắn trúng ngay vào chỗ hiểm yếu nhất của người khác.

11. KHỐNG CHẾ BẰNG HAI CÁI KHÓ

Trong quá trình biện luận chỉ đưa ra hai tình huống có thể buộc đối phương phải chọn lựa từ đó, và dù đối phương chọn tình huống nào thì kết luận rút ra cũng bất lợi cho họ. Ngoài hai tình huống này sẽ không còn sự chọn lựa nào khác. Điều này tất nhiên sẽ buộc đối phương rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan, hoàn toàn bị khống chế. Phương pháp biện luận này là thuật *Khống chế bằng hai cái khó.*

Hãy quan sát cuộc tranh luận thuở nhỏ của Kỉ Hiểu Lam.

Đời Thanh có một học giả là Kỉ Hiểu Lam, từ bé đã học tập chuyên cần. Cậu Kỉ thường ngày hay chạy ra quán sách để tìm đọc. Chủ quán thấy cậu chỉ xem mà không mua thì rất sốt ruột, nói :

"Này cậu, chúng tôi kiếm cơm bằng cách bán sách. Cậu muốn xem sao không mua về ?"

Kỉ Hiểu Lam đối đáp : *"Mua sách thì phải xem đã, không xem thì làm sao biết được quyển nào hay".*

"Cậu đã xem bao nhiêu là sách mà không thấy có quyển nào hay sao ?"

"Quán của ông sách hay thực ra không thiếu, thế nhưng tôi xem xong là thuộc ngay liền thì còn mua về làm gì nữa ?"

Chủ quán đỏ rằng cậu bé nói dóc, bèn tiện tay rút một quyển mà Kỉ vừa đọc xong, nói : *"Nếu cậu quả đọc thuộc lòng được ngay trước mặt tôi bây giờ thì tôi cho không cậu đấy. Nếu không đọc thuộc lòng được thì từ nay đừng có đến mà xem chạc sách của tôi nữa !"*

"Được, quân tử nhất ngôn !" Kỉ Hiểu Lam liền hai tay chắp sau lưng, ngửa mặt đọc thuộc lòng một hơi.

Ông chủ thấy vậy cả kinh, khen rằng cậu bé ngày sau sẽ làm nên, rồi liền tặng luôn cuốn sách cho cậu.

Kỉ Hiểu Lam khi đối đáp với chủ quán đã dùng thuật *Khống chế đối phương bằng hai cái khó.* Cậu đã đưa ra hai tình huống *đọc sách* và *không đọc sách.* Đọc sách, đọc xong là đã thuộc vậy không cần mua. Không đọc, không biết được sách có hay không thì không mua. Tóm lại, là không mua. Điều này đã tỏ rõ tài năng đối đáp của cậu bé Kỉ.

Thuật *Khống chế bằng hai cái khó* là một phương pháp biện luận thần kì. Chúng ta muốn dùng thuật này phải chú ý đặt bẫy hai ngả, khiến đối phương dù chọn cách nào cũng khó. Có như vậy mới khiến đối phương không đường lẩn trốn mà phải đầu hàng.

Lại ví dụ :

Ngày xưa có một viên quan huyện tàn ác. Những ai đến kiện mà không đút lót thì thế nào cũng bị đánh cho thừa sống thiếu chết. Nhưng ở vùng đó cũng lại có một nghệ nhân, ông ta soạn kịch : *Không tiền thì đòi mạng*. Hôm công diễn, viên quan cũng đi xem. Và vừa xem thấy kịch diễn trò về mình thì nổi giận bỏ về huyện đường ngay. Quan huyện lập tức sai nha dịch giải nghệ nhân đến thẩm vấn. Nghệ nhân nọ nghe quan truyền dẫn giải mình, liền mặc long bào, nghênh ngang bước đi. Viên quan vừa thấy nghệ nhân đến liền đập bàn quát :

"Thằng dân đen to gan, thấy quan sao không quỳ !"

Nghệ nhân chỉ vào long bào đang mặc, nói : *"Ta là vua sao lại quỳ với ngươi !"*

"Ngươi đang diễn kịch, rõ ràng là giả !"

"Ông đã biết đóng trò là giả, sao còn bắt tôi đến thẩm vấn ?"

Người nghệ nhân khi đối đáp với viên quan huyện đã dùng thuật *Khống chế bằng hai cái khó*. Ông ta đưa ra hai tình huống : *diễn kịch là thật* và *diễn kịch là giả*. Là thật thì không thể quỳ, còn là giả thì không được thẩm vấn ông ta. Thế đấy, chỉ vài câu thôi mà viên quan há miệng rụt lưỡi, đành phải giương mắt nhìn nghệ nhân khệnh khạng bước ra.

Thuật *Khống chế bằng hai cái khó* trên thực tế là phương pháp biện luận bằng cách suy diễn với hai mệnh đề điều kiện và một mệnh đề chọn lựa. Bởi vậy, muốn vận dụng thuật này, cần chú ý :

1. Mệnh đề điều kiện trong tiền đề phải chân thực..

2. Mệnh đề chọn lựa phải nêu ra toàn bộ tình huống của mặt nào đó.

3. Phải tuân theo quy tắc suy diễn hữu quan của mệnh đề điều kiện và mệnh đề chọn lựa.

12. KHỐNG CHẾ BẰNG NHIỀU CÁI KHÓ

Trong quá trình biện luận, ta đưa ra từ ba tình huống trở lên để đối phương chọn lựa, và dù chọn tình huống nào cũng cảm thấy khó. Từ đó, ta có thể buộc đối phương rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Thuật này gọi là thuật *Khống chế bằng nhiều cái khó.*

Ví dụ : Nhà triết học cổ Hi Lạp Epicuros (341 trước công nguyên – 270 trước công nguyên) người được phương Tây tôn là cha đẻ của *Vô thần luận.* Ông đã chứng minh là thần linh không tồn tại bằng những luận cứ có sức thuyết phục và đã phản bác một cách mạnh mẽ đối với *Hữu thần luận.* Ông nói :

"Chúng ta cần phải thừa nhận rằng : thần linh hoặc là muốn nhưng không có năng lực trừ bỏ cái xấu, cái ác trên thế gian, hoặc là có năng lực mà không muốn trừ bỏ cái xấu cái ác trên thế gian ; hoặc là vừa có năng lực lại vừa muốn trừ bỏ cái xấu cái ác.

– Nếu thần muốn mà không có khả năng diệt trừ cái xấu cái ác trên thế gian, vậy thì nó không thể được coi là vạn năng. Và cái vô năng này mâu thuẫn với bản tính của thần.

– Nếu thần có khả năng mà không muốn diệt trừ cái xấu cái ác trên thế gian, vậy thì điều này đã chứng tỏ cái ác ý của nó. Và cái ác ý này cũng vậy, đã mâu thuẫn với bản tính của thần.

– Nếu thần đã muốn mà lại có khả năng diệt trừ cái xấu cái ác trên thế gian, vậy thì tại sao trong trường hợp này thế gian vẫn có cái xấu cái ác ?"

Như ta đã thấy, Epicuros đã nêu ra các khả năng giải thích về thần linh. Và dù lựa chọn khả năng nào, kết luận vẫn làm cho kẻ theo *Hữu thần luận* khó tiếp nhận. Cái mà Epicuros sử dụng ở đây chính là thuật *khống chế địch* bằng nhiều cái khó.

Sử dụng thuật *Không chế bằng nhiều cái khó* cũng như thuật *Khống chế bằng hai cái khó* phải đặt bẫy từ các ngả, chặt đứt đường lui của đối phương, khiến họ không thể lẩn trốn. Ta hãy quan sát một cuộc tranh luận như sau :

Ngày trước có một trại chủ hung ác, người nghèo gặp hắn ta đều phải cúi đầu. Một lần, trên đường đi, hắn gặp một nhà thơ. Nhà thơ vẫn ngẩng cao đầu. Trại chủ tức quá, dận ba toong xuống đất, nói :

"Ta có rất nhiều tiền, thấy ta sao ngươi không cúi đầu ?"

"Ông có tiền. Nhưng tiền đó có cho tôi đâu ? Làm sao tôi lại phải cúi đầu trước ông nhỉ ?"

"Được rồi, ta cho ngươi 2/10 số tiền ta có. Ngươi hãy cúi đầu đi !"

"Ông cầm 8/10, tôi cầm 2/10. Thật không công bằng. Tôi không cúi đâu."

"Vậy thì ta cho ngươi một nửa số tiền của ta. Ngươi cúi đầu mau !"

"A, lúc này thì tôi đã bình đẳng với ông. Tôi sao phải cúi đầu trước ông ?"

"Vậy, ta cho ngươi toàn bộ số tiền của ta. Ngươi cúi đầu trước ta chứ ?"

"Đến lúc đó tôi đã thành nhà giàu rồi, còn ông là người nghèo. Tôi càng chẳng phải cúi đầu nữa !"

Trại chủ đến lúc này đã phải lủi đi trong tiếng cười nhạo báng của mọi người. Cái thằng trại chủ ngu xuẩn mà dương dương tự đắc này đã đưa ra bốn tình huống có thể, kết quả vẫn bị nhà thơ nọ phản bác và rơi vào tình huống nhục nhã.

13. LUẬN CHỨNG LOẠI SUY

Trong thế giới khách quan, mỗi một sự vật không những có những đặc tính riêng biệt, không giống với sự vật khác ; đồng thời cũng lại có những thuộc tính giống hoặc gần giống sự vật khác, tức là giữa chúng tồn tại những đặc điểm chung. Thuật *Luận chứng loại suy* là phương pháp biện luận suy đoán ra những thuộc tính khác của các sự vật cũng giống hoặc gần giống nhau trên cơ sở khảo sát hai loại sự vật này từ những thuộc tính giống hoặc gần giống nhau. Phương pháp biện luận này rất linh hoạt, biến hóa khôn lường và có thể tỏ rõ tài năng biện luận của người đó ở mức độ cao.

Xin hãy quan sát một cuộc đối thoại giữa Tử Cống với Tề Cảnh Công (trong *Hàn thi ngoại truyện*).

Tề Cảnh Công hỏi Tử Cống : *"Thầy của ông là ai ?"*

Tử Cống đáp lời : *"Trọng Ni người nước Lỗ."*

"Trọng Ni là hiền nhân chăng ?"

"Là thánh nhân đó ! Đâu chỉ là hiền nhân."

"Ông ta là thánh nhân như thế nào vậy ?"

"Không biết."

Tề Cảnh Công hầm hầm tức giận hỏi : *"Thoạt đầu ông nói Trọng Ni là thánh nhân, bây giờ lại bảo không biết ! Tại sao vậy ?"*

Tử Cống đáp lại rằng : *"Tôi cả đời đội trời thế nhưng chẳng biết trời cao cỡ nào. Tôi cả đời đạp đất thế mà không biết đất dày chừng nao. Tôi theo học Trọng Ni chẳng khác nào cầm muôi múc nước sông nước biển mà uống no bụng rồi đi, vẫn chẳng biết được sông biển sâu thế nào ?"*

Khổng Tử là thầy của Tử Cống, Khổng Tử là thánh nhân thế nào, đương nhiên Tử Cống biết. Nhưng ông ta có lẽ chẳng muốn nói mà trả lời dấm dẳn : *"Không biết."* Đến khi Cảnh Công nổi giận, để phải trình bày cho rõ, Tử Cống đã đứng trước một cuộc thử thách gay go. Và lúc này ông ta đã khôn khéo loại suy từ việc đội trời mà không biết cái cao của trời, đạp đất mà không biết cái dày của đất, uống nước sông nước biển mà không biết độ sâu của sông biển để suy ra việc theo học Khổng Tử mà không biết Khổng Tử là thánh nhân cỡ nào. Như vậy, vừa hết mực ngợi ca cái vĩ đại của Khổng Tử lại có thể vì

mình mà lại giải thích một cách trơn tru tròn trịa. Lời đáp của ông ta rõ ràng là xuất khẩu thành chương, hùng hồn, không có kẽ hở khiến ta cảm thấy thú vị. Thật không thẹn là trò giỏi của Khổng Tử.

Thuật *Luận chứng loại suy* là một phương pháp biện luận thần kì, muốn vận dụng thuật này để luận chứng quan điểm của mình đồng thời để đạt mục đích phản bác được đối phương thì việc chọn lựa những sự vật cụ thể, hình ảnh trong việc loại suy là vấn đề mấu chốt. Ví dụ :

Giữa thập niên 30 công ti sản xuất va li da Mậu Long Hồng Kông do hàng thật giá thực, kinh doanh phát đạt mà khiến thương gia người Anh Uyt-si ghen tức. Và thế là ông ta bày đặt mưu kế, đặt hàng với công ti là ba ngàn chiếc với số tiền là 200.000 đô la Hồng Kông. Hợp đồng ghi một tháng giao hàng, quá hạn không giao hoặc không giao theo số lượng và chất lượng quy định thì bên bán phải bồi thường tổn thất 50%. Giám đốc công ti Mậu Long là Phùng Xán đã giao hàng đúng hạn, thế nhưng Uýt-si lại nói : *"Trong va li có gỗ, không phải là va li da. Trên hợp đồng ghi rõ là va li da mà"*. Và rồi ông ta đã kiện ra tòa, đòi bồi thường. Đang khi Uýt-si hùng hổ và đắc thắng thì luật sư của Phùng Xán là La Văn Cẩm đứng lên, rút từ trong túi áo ra một chiếc đồng hồ quả quýt vàng đồng dạc hỏi quan tòa :

"Xin hỏi, đây là đồng hồ gì ?"

Quan tòa đáp : *"Đây là đồng hồ vàng xuất khẩu từ Luân Đôn nước Anh. Thế nhưng nó can hệ gì với phiên tòa đâu ?"*

La Văn Cẩm giơ cao đồng hồ lên, hướng về phía những người dự phiên tòa, nói : *"Có can hệ đấy. Đây là đồng hồ vàng. Thế nhưng xin hỏi, chiếc đồng hồ vàng này ngoài cái vỏ mạ vàng ra thì máy móc bên trong đều bằng vàng hay sao ?"*

"Đương nhiên là không phải". Mọi người đồng thanh nói. La Văn Cẩm bèn tiếp : *"Vậy thì tại sao chúng ta lại gọi nó là đồng hồ vàng ? Từ đây ta suy ra vụ án công ti va li da Mậu Long chẳng qua là do nguyên cáo đưa đơn kiện một cách vô lí và lừa lọc có chủ tâm"*.

Do luật sư La Văn Cẩm đã đưa ra lí lẽ hùng biện, nguyên cáo đã phải đuối lí trước sự chứng kiến của mọi người. Và thế là qua tòa đã buộc Uýt-si vào tội vu cáo, phạt 5 ngàn đôla.

Ở đây, ta thấy luật sư họ La đã dùng thuật *Luận chứng loại suy* để giành chiến thắng. Ông ta đã so sánh đồng hồ vàng với va li da : Đồng hồ vỏ mạ vàng mà máy bên trong không phải là vàng vẫn gọi là đồng hồ vàng. Còn va li da bên ngoài bọc da còn khung thì bằng gỗ, suy ra vẫn có thể gọi là va li da. Và do ông ta đã khéo léo sử dụng thuật *Luận chứng loại suy* mà đã dễ dàng xoay chuyển cục thế, giành thắng lợi.

14. PHÉP PHẢN BÁC PHẢN CHỨNG

Trong khi tranh luận, để đánh đổ luận điểm sai lầm của đối phương, có thể trước hết giả thiết luận điểm này là đúng, và để từ đó suy ra những luận điểm sai lầm khác. Như vậy, có thể đánh đổ luận điểm sai lầm của đối phương. Thuật nay gọi là *Phép phản bác phản chứng*.

Phep phản bác phản chứng phải căn cứ vào các đặc điểm của luận điểm sai lầm mới suy ra từ luận điểm cần phản bác. Ta chia ra ba hình thức :

(1) Luận điểm mới suy ra từ luận điểm cần phản bác là giả dối. Chẳng hạn, Lí Hạ – nhà thơ đời Đường – lúc trẻ muốn thi tiến sĩ, nhưng có người lại ra sức ngăn trở, với lí do là : Con cái lập nghiệp phải kị húy tên cha, mà cha Lí Hạ lại tên là Tấn Túc. *Tấn* hài âm với *tiến* trong từ *tiến sĩ* (còn gọi là *tấn sĩ*). Bởi vậy, không thể thi tiến sĩ.

Hàn Dụ vì thế mới viết bài văn *Húy biện* để bênh vực cho Lí Hạ, có đoạn như sau :

"Cha tên là Tấn Túc, thì con không được làm tiến sĩ. Nếu cha tên là Nhân thì con không được làm người hay sao ?"

Ở đây ta thấy luận điểm mới : *Cha tên là Nhân thì con không được làm người* suy ra từ luận điểm cần phản bác là giả dối. Điều này đã phơi bày toàn bộ sự sai lầm của luận đề cần phản bác.

(2) Từ trong luận điểm cần phản bác dẫn tới luận điểm mâu thuẫn với nó. Chẳng hạn, Cratylos – học giả cổ Hi Lạp – từng tuyên bố :

"Sự khẳng định hay phủ định của tôi đối với bất kì sự vật nào cũng đều là giả dối cả".

A-ri-stôt đã phản bác lại rằng :

"Lời Cratylos nói có nghĩa là : **Mọi mệnh đề đều là giả dối hết.** *và nếu như vậy thì chính ngay cái mệnh đề :* **Mọi mệnh đề đều là giả dối hết** *này cũng là giả dối."*

Luận điểm mới *Mọi mệnh đề đều là giả dối hết* mà A-ri-stôt suy ra từ luận điểm cần phản bác rõ ràng là giả dối. Và điều này mâu thuẫn với luận điểm *Mọi mệnh đề đều là giả dối* cần phản bác. Do vậy, A-ri-stôt đã vạch trần được tính chất sai lầm của luận điểm cần phản bác.

(3) Từ trong luận điểm cần phản bác suy ra hai luận điểm mâu thuẫn nhau. Chẳng hạn :

Một hôm nọ, một giáo đồ đến giáo đường. Ông ta nói : *"Thưa cha, con tin ở đạo. Thế nhưng chẳng biết Chúa Trời có giúp ích được gì cho con không ?"*

Linh mục bình tĩnh trả lời : *"Chúa là đấng vạn năng, Chúa có thể giúp con mọi điều con hằng mong. Chỉ cần con cầu nguyện"*.

Giáo đồ nọ buồn lo, nói : *"Hàng xóm của con cũng tin ở đạo. Và nếu con cầu xin Chúa cho mưa, thì ông ta sẽ lại cầu xin Chúa cho tạnh. Thế thì Chúa sẽ quyết định sao đây ?"*

Linh mục : "... "

Giáo đồ nọ đã dựa vào quan điểm của linh mục : *Chỉ cần cầu nguyện, Chúa sẽ giúp con mọi điều con hằng mong*. Để suy ra một mệnh đề tự mâu thuẫn : *ở đây vừa mưa lại vừa tạnh*. Và điều đó đã đánh trúng ngay vào chỗ hiểm yếu của đối phương, đối phương chỉ còn biết ngậm mồm.

Phép phản bác phản chứng là một phương pháp phản bác mạnh mẽ. Nó được gọi là *kính lúp* hoặc *kính hiển vi*. Trong tranh luận, sử dụng *Phép phản bác phản chứng* sẽ có thể vạch trần toàn bộ sai lầm của đối phương.

15. PHẢN BÁC PHẢN CHỨNG ĐIỀU KIỆN

Trong quá trình tranh luận sử dụng phép phản bác phản chứng, khi suy ra luận điểm sai lầm mới từ luận điểm cần phản bác thì dựa vào tính chất khác nhau của phương pháp suy luận đã sử dụng ta có thể làm nổi bật các đặc điểm khác nhau của phép phản chứng. Thuật *Phản bác phản chứng điều kiện* là sử dụng phép phản bác phản chứng của phương pháp suy diễn điều kiện trong quá trình suy ra quan điểm mới từ luận điểm cần phản bác.

Vương Sung – nhà triết học thời Đông Hán đã từng phê phán tư tưởng mê tín quỷ thần của một số người đương thời một cách sắc bén bằng thuật *Phản bác phản chứng điều kiện* này. Cụ thể như sau :

Có người nói rằng : *"Người ta chết đi thì linh hồn biến thành ma. Hình dạng và cách ăn mặc của ma giống hệt như người còn sống".*

Vương Sung phản bác lại : *"Các người nói người ta chết đi thì linh hồn biến thành ma. Vậy thì chẳng nhẽ quần áo người đó mặc cũng có hồn, cũng biến thành ma hay sao ? Theo cách nói của các ông thì quần áo không có tinh thần, không thể biến thành ma. Và nếu thực sự nhìn thấy ma thì con ma đó là cởi truồng, không có mảnh quần áo nào mới đúng. Không thể là ma mặc quần áo. Hơn nữa, từ xưa đến nay, chẳng rõ đã trải qua mấy ngàn năm, số người chết đi nhiều hơn nhiều so với người hiện sống. Và nếu người ta chết đi mà biến thành ma thì ma có hàng triệu hàng tỉ, đứng chật nhà chật sân, ngay cả đường đi lối lại cũng đứng chật cả ma. Thế nhưng, đã ai trông thấy ma chưa ? Những người nói đã nhìn thấy thì cũng chỉ nói thấy có một vài con ma. Mà cách miêu tả của họ cũng khác nhau".*

Có người lại lí luận rằng : *"Làm gì có chuyện chết đi đều thành ma cả. Chỉ có trường hợp khi chết mà hàm oan, tinh thần không thể tiêu tán mới biến thành ma. Sách cổ chẳng phải đã từng chép là thời Xuân Thu Ngô Vương Phù Sai bỏ Ngũ Tử Tư vào vạc nấu rồi ném xuống sông đó sao. Ngũ Tử Tư chết oan, trong lòng có oán khí mà thành ma, cho nên hằng năm đến thu là nổi sóng để hả cơn giận. Thật là ghê gớm. Vậy sao có thể nói là không có ma được ?"*

Vương Sung bèn phản bác : *"Kẻ thù của Ngũ Tử Tư là Phù Sai. Nước Ngô đã bị diệt từ đời nào đời nào. Vua Ngô cũng đã chết. Vậy Ngũ Tử Tư còn trả thù ai ? Còn bực tức với ai ? Quả nếu Tử Tư thành ma mà có sức mạnh nổi*

sóng lớn, vậy thì khi ông ta nằm trong vạc sao không nổi sóng lên mà té nước lên mình Phù Sai ?"

Trong lời phản bác này, Vương Sung đã dùng thuật phản chứng điều kiện. Ông ta trước hết giả thiết quan điểm của đối phương là đúng, sau đó dùng phương pháp suy diễn điều kiện để suy ra kết luận sai lầm. Ta có thể nêu một điểm nào đó ra, chẳng hạn : *"Nếu người ta chết đi thì thành ma. Vậy thì khi hàng triệu, hàng tỉ người chết đi tất nhiên ma đứng chật đường chật phố"*. Ở đây rõ ràng là dùng thuật *Tách biệt điều kiện*. Từ luận đề cần phản bác suy ra luận đề mới mà tính giả dối là hiển nhiên, thì mệnh đề cần phản bác là giả dối. Do Vương Sung đã sử dụng đúng đắn thuật *Phản bác phản chứng điều kiện* mà logic chặt chẽ, không thể bác bỏ và đã giáng cho đối phương một đòn nặng nề.

Khi sử dụng thuật *Phản bác phản chứng điều kiện* cần lưu ý phải tuân theo những quy tắc hữu quan của suy diễn điều kiện, không được dùng hình thức sai lầm đi từ phủ định tiền kiện đến hậu kiện hoặc từ khẳng định hậu kiện tới việc khẳng định tiền kiện. Nếu không, sẽ dẫn tới sai lầm, thậm chí rơi vào nguỵ biện.

16. PHẢN BÁC PHẢN CHỨNG LOẠI SUY

Trong quá trình biện luận bằng phép phản bác phản chứng, khi suy ra luận điểm sai lầm mới từ luận điểm cần phản bác, nếu sử dụng phương pháp suy luận loại suy thì gọi đó là thuật *Phản bác phản chứng loại suy*. Ta hãy quan sát ví dụ sau :

Một hôm nọ, có một địa chủ uống rượu ở nhà. Đang khi cao hứng uống thì bình hết rượu. Hắn ta bèn quát người ở đi mua. Anh người ở cầm lấy bình, hỏi : *"Thế còn tiền rượu ?"* Địa chủ bực bội mà rằng : *"Có tiền mới mua được rượu thì giới giang cái nỗi gì ?"*

Anh người ở chẳng nói chẳng rằng, xách bình đi. Lát sau, quay về mang theo bình rượu. Tên địa chủ mừng thầm, đón lấy bình mà rót rượu. Chẳng ngờ, rót mãi mà rượu không chảy ra. Thì ra là bình không.

Địa chủ giận dữ quát lớn : *"Sao không có rượu ?"* Lúc này anh người ở mới thủng thẳng trả lời : *"Bình có rượu mà rót rượu ra thì giới giang gì ?"*

Ở đây, ta thấy anh người ở đã dùng thuật *Phản bác phản chứng loại suy* để phản bác tên địa chủ. Anh ta đã đi từ luận điểm của tên địa chủ : *Có tiền mới mua được rượu thì giới giang cái nỗi gì ?* và dùng cách loại suy để đi đến luận điểm : *Rót được rượu từ bình có rượu thì giới giang gì ?* Chính như vậy, anh ta đã nện một đòn mạnh mẽ vào tên địa chủ keo kiệt mà xảo trá.

Thuật *Phản bác phản chứng loại suy* là một cách phản bác rất linh hoạt. Để có được hiệu quả biện luận đẹp nhất, chúng ta cần lưu ý lựa chọn sự vật ngược với quan điểm của đối phương để tiến hành loại suy, để từ đó có được kết luận đối chọi với quan điểm của đối thủ.

Thời xưa có một em bé 12 tuổi mà có thể đánh gục tên đại quý tộc bằng tranh luận. Chuyện rất có ý nghĩa, cụ thể là :

Theo *Liệt tử. Thuyết phù* thì nước Tề có một đại quý tộc họ Điền sở hữu đất đai rộng lớn. Thực khách trong nhà có đến cả ngàn người để cho y sai khiến. Một hôm, họ Điền mở tiệc lớn. Có một vị khách dâng biếu một con cá lớn và một con nhạn lớn. Chủ nhân thấy vậy rất vui, nói :

"Ông Trời quả có ưu đãi loài người chúng ta ! Chẳng những trên đất thì cho ngũ cốc để chúng ta làm lương thực. Các ông xem, Trời hay còn bày ra

cá cá lớn này, nhạn to này... để cho chúng ta hưởng. Vĩ đại biết bao Đấng thiêng liêng !"

Mọi người nghe vậy thì đồng thanh tán thưởng.

Nhưng cũng chính lúc đó, một cậu bé mười hai tuổi họ Bão trong đám khách mời bỗng nghiêm giọng phản bác :

"Tôi không đồng ý với lời chủ nhà. Tôi cho rằng vạn vật trong đất trời cùng sinh ra với chúng ta. Và con người cũng chỉ là một loài trong vạn vật. Mọi loài không thể chia thành cao sang thấp hèn được. Chẳng qua là vì trí tuệ khác nhau mà sinh ra tình trạng cá lớn nuốt cá bé. Tuyệt nhiên không phải là Trời sắp đặt. Vạn vật là do ai tạo ra ? Các ông có thể giải thích được không. Loài người chúng ta chẳng qua là chọn cái ăn được để làm thực phẩm. Những thứ đó đâu phải Trời tạo ra cho con người. Xin hỏi, con muỗi đốt người để hút máu, con hổ con sói ăn thịt người thì lẽ nào cũng là do Trời sắp đặt ra như vậy ? Theo cách ông nói thì Trời sinh ra loài người là để cho muỗi hút máu, cho cọp sói ăn thịt, chẳng phải thế hay sao ?"

Các khách mời nghe vậy đều cả cười, còn chủ nhân thì đỏ nhừ cả mặt và vô cùng bối rối.

Như ta thấy, điểm mấu chốt trong lời bắt bẻ của cậu bé họ Bão là vận dụng thuật *Phản bác phản chứng loại suy* để có được kết luận đối chọi : *Trời sinh ra người để cho muỗi hút máu, hổ sói ăn thịt.* Thật là tuyệt vời.

Thế nhưng cần lưu ý là sử dụng thuật này không được loại suy một cách cứng nhắc.

17. NÊU VÍ DỤ PHẢN BÁC

Khi tranh luận, nếu đối phương khái quát hóa một cách sai lầm dẫn tới một mệnh đề giả dối nào đó, thì chúng ta chỉ việc nêu ra ví dụ cụ thể ngược với mệnh đề này là có thể đánh đổ đối phương. Cách đó gọi là thuật *Nêu ví dụ phản bác*. Ví dụ :

Thời xưa ở Trung Quốc chưa có kĩ thuật nhiếp ảnh, cho nên khi thi cử, để tránh người đội tên thi hộ thì thí sinh phải ghi rõ đặc điểm ngoại hình của mình. Như vậy quan coi thi mới có thể kiểm tra được. Tương truyền vào thời Minh, một thí sinh ghi nhận dạng về mình có viết *vi tu*. Quan coi thi trông thấy anh ta có chút ít râu trên khuôn mặt thì nổi giận trách mắng :

"Ngươi mạo danh đi thi hộ. Trên giấy tờ rõ ràng ghi là không có râu".

Thí sinh nọ kinh ngạc nói : *"Rõ ràng tôi viết là có chút ít râu, sao lại là không có ?"*

Quan coi thi : *"Vi là không có. Phạm Trọng Yêm trong* **Nhạc Dương lâu kí** *có câu :* **vi tư nhân ngô thùy dữ quy,** *nghĩa là không có người lo trước thiên hạ vui sau thiên hạ, ta cùng ai đây ?"*

Thí sinh không phục, bẻ lại : *"Sách xưa nói :* **Khổng Tử vi phục nhi quá Tống** (vi phục là phục trang không để lộ thân phận nhà quan), *nếu* **vi** *coi là không có thì lẽ nào Khổng Tử trần truồng đến nước Tống ?"*

Vị quan nọ chỉ căn cứ vào một hiện tượng trong *Nhạc Dương lâu kí* mà rút ra nghĩa của mọi **vi** đều là không có. Bởi vậy, khi thí sinh nêu ví dụ phản bác thì viên quan đành tịt.

Thuật *Nêu ví dụ phản bác* sở dĩ có thể đánh đổ mệnh đề khái quát phiến diện, sai lầm là vì giữa mệnh đề khái quát một loại sự vật nào đó và loại sự vật này đã tồn tại trường hợp ví dụ phản bác. Và do vậy chỉ cần nêu ra ví dụ phản bác này là có thể đánh gục đối phương mà không cần khảo sát từng đối tượng. Từ đó, ta thấy là thuật *Nêu ví dụ phản bác* là một phương pháp phản bác nhẹ nhàng khéo léo.

Lại nêu ví dụ khác : Một lớp trung học nào đó mở một cuộc tranh luận về chủ đề *Nhận thức về đồng tiền*. Học sinh A đứng dậy phát biểu :

"Tôi cho rằng đồng tiền là vạn năng. Có tiền là mua được quần áo, ti vi màu, nhà cửa, ôtô. Không tiền thì chẳng làm được gì hết. Chẳng hạn, trẻ em thất học tại sao lại thất học ? Chẳng phải là không có tiền để trả tiền học đó sao ?"

Học sinh B lập tức phản đối :

"Tôi không đồng ý với ý kiến của bạn. Bạn nói đồng tiền là vạn năng, nghĩa là có tiền thì việc gì cũng làm được. Vậy thì, bạn hãy trả lời đi : Tiền có thể thay đổi quy luật khách quan không ?"

Mọi người đều biết là sự vật có quy luật khách quan. Con người có thể nhận thức được các quy luật này, lợi dụng nó để cải tạo giới tự nhiên và xã hội. Thế nhưng, con người không thể sáng tạo, thay đổi hay tiêu diệt quy luật khách quan. Học sinh B tuy không phản bác toàn diện quan điểm của học sinh A, chỉ là nêu ví dụ phản bác : *Tiền không thể thay đổi quy luật khách quan* mà đã đánh đổ hoàn toàn quan điểm của đối phương.

Muốn vận dụng được thuật *Nêu ví dụ phản bác* này, chúng ta phải biết chọn ra một ví dụ phản bác đối chọi với quan điểm của đối phương từ trong muôn vàn hiện tượng sự vật. Và chỉ cần nêu ra một ví dụ này thì đối phương đã phải gục ngã. Ví dụ, xưa nay mọi người đều cho rằng *thiên nga đều là trắng, quạ đều là đen.* Nhưng về sau có người dẫn chứng bờ nam nước Úc có thiên nga đen và Nhật thì lại có quạ trắng. Và do vậy quan niệm trên không tồn tại nữa.

18. LUẬN CHỨNG SỰ THỰC

Trung Quốc có câu danh ngôn : "Sự thực thắng hùng biện". Trong quá trình biện luận, có khi trình bày lí lẽ tràng giang đại hải, từ trừu tượng đến trừu tượng, rất khó đạt được mục đích. Thế nhưng một khi đã đưa ra ví dụ sinh động cụ thể để biểu đạt quan điểm một cách bình dị thì lại thường dẫn tới hiệu quả thành công không ngờ.

Chẳng hạn, với luận đề *Nhân tính bản thiện* trong cuộc thi hùng biện Hoa ngữ quốc tế lần một, đội Phúc Đán phản bác bằng cách đưa ra những trường hợp *Nhân tính bản ác*[1] theo phép *Luận chứng sự thực*. Ví dụ :

Số hai : *"Nhân tính bản ác là cái thuộc về cuộc sống hằng ngày thường bày ra trước mắt chúng ta. Từ việc những người con gái bất hiếu của Lí Nhĩ Vương đến việc những người chồng đánh vào mặt vợ đăng trên báo buổi sớm "Liên hợp", từ việc đội quân duy trì hòa bình của Liên hợp quốc buôn bán máu đến những tên độc tài khát máu châu Mĩ La tin giết người không ghê tay, người ác việc ác có thể nói là tràn ngập cả xưa lẫn nay, không sao kể hết. Hỡi các bạn, lẽ nào các bạn lại nói đến chuyện Nhân tính bản thiện với bốn loại người đại ác : chất chứa tội ác, không điều ác nào là không làm, hung thần ác thú, độc ác cùng cực trong cuốn "Thiên long bát bộ" hay sao ?"* (cười, vỗ tay)

Sau đó số ba tiếp lời : *"Loài người thuở khai sinh đã bộc lộ đầy đủ tính ác vốn có. Từ nghiên cứu Nhân loại học ta thấy người vượn Chu Khẩu Điếm đã biết cách dùng lửa để nướng đầu đồng loại mà ăn. Thật là dã man tàn ác ! Lại nữa, sách Khởi nguyên của loài người có ghi rằng khi một đứa bé của thổ dân vô ý đánh rơi xuống biển một giỏ con hải đảm, liền bị thổ dân quật xuống đá cho đến chết. Đứng trước những thiên tính hung bạo đó của con người nguyên thủy, lẽ nào các bạn còn nói với chúng tôi rằng Nhân tính bản thiện ?"*

---

(1) Thực ra đây khởi thủy là quan điểm của Tuân Tử (TrCN 313 – TrCN 230) – nhà tư tưởng, nhà giáo dục cuối thời kì Chiến Quốc. Mạnh Tử (TrCN 372 – TrCN 289) là người kế thừa học thuyết Khổng Tử, ông nêu quan điểm *"tính thiện"*. Tuân Tử nói ngược lại, ông cho rằng nhân tính sinh ra là *"ác"*, phải có *"sư pháp chi hóa, lễ nghĩa chi đạo"*. (sự giáo hóa của thầy giáo và pháp độ, phép tắc của lễ nghĩa) mới có thể trở nên thiện, ông coi trọng ảnh hưởng của hoàn cảnh và giáo dục đối với con người.

Trước những sự thực kinh hoàng mà những người tranh luận nêu ra, mọi người không thể không tin : *Nhân tính bản ác.*

Điều đặc biệt là với những luận đề nếu biện luận bằng lí luận khó mà giành chiến thắng thì càng nên luận chứng bằng cách nêu ra một loạt ví dụ hình ảnh sinh động. Chẳng hạn, với luận đề *Hút thuốc lợi nhiều hơn hại* mà thuật phản bác nêu ra trong một cuộc tranh luận, ta thấy rõ ràng là đi ngược lại quan điểm khoa học, nhưng lại rất khó triển khai lí lẽ về phương diện lí luận. Và thế là phải quay trở về phép *Luận chứng sự thực* mà đáp lại :

"Nguyên soái Hạ Long trước khi biểu hiện một tài năng siêu việt là phải say sưa hút một điếu thuốc. Đồng chí Đặng Tiểu Bình chẳng phải rất khỏe mạnh đó sao ? Và trong khi hút, Người đã giải quyết biết bao vấn đề hắc búa trong cải cách ! Vậy nếu không có thuốc lá thơm liệu có Trung Quốc ngày nay không ?

Khi bước vào giới xã giao, nếu không có thuốc lá e rằng khó mà thuận buồm xuôi gió. Hút thuốc là một phương thức thúc đẩy sự gần gũi trong quan hệ, cho nên có người nói : nó là bức thảm trải ra trên con đường ngoại giao.

Lại nữa, từng lô hàng thuốc lá thơm loại sang xuất ra nước ngoài, ta thấy đã mang lại cho quốc gia biết bao lợi nhuận và ngoại tệ. Nếu những khoản tiền đó dùng cho giáo dục chắc rằng sẽ bồi dưỡng ra biết bao những tài năng như những bạn đang tranh luận cùng tôi !

Nếu nói hút thuốc sẽ dẫn tới ung thư, vậy thì nước sông Hoàng Phố cũng dẫn tới ung thư và phải chăng nguồn nước máy cũng không được dùng cho ăn uống ? Thực ra tâm tình trầm uất mới là nguyên nhân lớn nhất gây ra ung thư. Nếu hút thuốc vừa phải thì sẽ xóa bỏ mọi ưu phiền, tâm tình thư thái. Và một chút ít ni-cô-tin thì có hề gì !"

Do đội phản bác đã sử dụng thuật *Luận chứng sự thực*, nêu ra hàng loạt những ví dụ sinh động và thú vị, lại thêm phần biến báo lanh lợi, kết quả đã giành được chiến thắng trong cuộc tranh cãi này. (Đương nhiên thắng lợi của bên phản bác trong cuộc thi hùng biện không có nghĩa là *Hút thuốc lợi nhiều hơn hại* là một chân lí khoa học.)

19. LUẬN CHỨNG NHÂN QUẢ

Bất kể một hiện tượng nào nảy sinh đều có nguyên nhân nhất định và bất kể một nguyên nhân nào cũng đều làm nảy sinh ra kết quả nhất định. Mối liên hệ nhân quả là mối liên hệ tất nhiên, phổ biến nhất của sự vật khách quan. Thuật *Luận chứng nhân quả* là phương pháp biện luận thông qua việc tìm ra nguyên nhân của một hiện tượng, lấy liên hệ nhân quả làm căn cứ để rút ra kết luận.

Việc tìm kiếm mối liên hệ nhân quả có thể theo cách như sau :

(1) *Tìm cái giống nhau để xác định nguyên nhân.* Đây là cách dựa vào những trường hợp xuất hiện từ hiện tượng khảo sát mà các tình trạng khác nhau, chỉ có một tình trạng giống nhau. Và thế là rút ra được kết luận. Tình trạng giống nhau này chính là nguyên nhân của hiện tượng khảo sát. Ví dụ Lô-mô-nô-xốp, nhà bác học Nga thế kỉ 18 trong một hội nghị khoa học đã bảo vệ quan điểm của mình, ông nói :

"Tôi xát hai bàn tay lạnh cứng, và thế là tay dần dần ấm lại. Nếu chúng ta gõ mạnh mảnh đá lạnh giá, mảnh đá sẽ tóe ra tia lửa. Nếu chúng ta liên tục nện vào tấm sắt bằng chiếc búa, tấm sắt sẽ có thể nóng đến bỏng tay... Từ đó ta thấy : vận động sẽ có thể sinh ra nhiệt".

Lô-mô-nô-xốp đã khảo sát những trường hợp khác nhau như xát hai tay, gõ đá, đập sắt mà nảy sinh hiện tượng phát nhiệt. Những trường hợp này các tình trạng đều khác nhau, nhưng có một tình trạng giống nhau, đó là vận động. Từ đó rút ra kết luận : Vận động là nguyên nhân sinh nhiệt, vận động có thể sinh nhiệt. Như vậy, cái mà nhà bác học sử dụng là cách *tìm cái giống nhau để xác định nguyên nhân.*

(2) *Tìm cái khác nhau để xác định nguyên nhân.* Từ những trường hợp xuất hiện hoặc không xuất hiện của hiện tượng khảo sát, mọi tình trạng đều giống nhau, chỉ có một tình trạng khác nhau, từ đó rút ra kết luận : Tình trạng khác nhau này chính là nguyên nhân của hiện tượng khảo sát. Ví dụ :

Một giáo sư sinh học qua thực nghiệm đã phát hiện ra rằng con dơi có đặc tính ra-đa sống lấy tai thay mắt. Trong khi đó, một học giả khác không đồng ý. Và thế là hai người đã tranh luận.

Giáo sư : *"Con dơi có thể bay lượn trong hang đá tối tăm rất chuẩn xác, không hề sai lầm. Tại sao vậy ?"*

Học giả : *"Bởi vì mắt của nó rất tinh tường, có thể nhìn ra được mọi chướng ngại xung quanh dưới ánh sáng yếu ớt".*

Giáo sư : *"Vậy tại sao con dơi lại có thể bay qua rừng rậm trong đêm tối".*

Học giả : *"Có lẽ nó có khả năng nhìn đêm khác thường".*

Giáo sư : *"Khi ta bịt đôi mắt của dơi hoặc làm cho mù mà nó vẫn bay lượn được như thường. Vậy thì tại sao ? Nếu bỏ đi màng che mắt của nó và bịt tai nó lại thì nó sẽ va đập lung tung khi bay. Điều này giải thích ra sao đây ?"*

Đến đây vị học giả đã hết mọi lí lẽ, phải chịu thua.

Ông giáo sư nọ đã quan sát các tình trạng khác nhau bịt tai và không bịt tai của con dơi : bịt thì không thể bay bình thường, không bịt thì có thể bay bình thường. Với những trường hợp này thì tình trạng khác đều giống nhau, chỉ khác nhau ở chỗ bịt hay không bịt tai, do vậy mà rút ra được kết luận : con dơi xác định phương hướng bằng tai. Do giáo sư đã sử dụng chính xác phép *Tìm cái khác nhau để xác định nguyên nhân* cho nên đã rút ra được kết luận không thể phản bác.

(3) *Đồng biến xác định nguyên nhân.* Khi một hiện tượng nào đó xảy ra sự biến đổi và hiện tượng được nghiên cứu cũng biến đổi theo, thì từ đó xác định hiện tượng này là nguyên nhân của hiện tượng đang nghiên cứu. Chẳng hạn khi có người nghiên cứu nguyên nhân lún của mặt đất một thành phố nào đó đã luận chứng là :

"Những khu vực hút nước ngầm ít thì đất lún càng ít, những khu vực hút nước ngầm nhiều thì đất lún càng nhiều . Bởi vậy, rút ra kết luận : nguyên nhân nền đất lún là do hút nước ngầm".

Ở đây ta thấy đã sử dụng phép *Đồng biến xác định nguyên nhân.*

Thuật *Luận chứng nhân quả* là một phương pháp biện luận quan trọng, với một sự vật nào đó, nó giúp ta có thể nhận biết nó mà còn giúp ta nhận biết tại sao nó lại như vậy. Chúng ta muốn tìm hiểu bản chất sự vật, phát hiện ra quy luật của nó, cần nâng nhận thức cảm tính lên lí tính, thì phải sử dụng phương pháp *Luận chứng nhân quả.*

20. NHẬN RÕ NHÂN QUẢ

Mối liên hệ giữa nguyên nhân và kết quả có tính phức tạp lại có tính đa dạng. Có lúc một nguyên nhân thường là không đưa đến một kết quả, mà thường đưa đến nhiều kết quả, thậm chí là những kết quả trái ngược nhau. Ta gọi đó là : *một nhân nhiều quả* hoặc *cùng nhân khác quả*. Thế nhưng, cũng có khi cùng một kết quả lại do nhiều nguyên nhân dẫn tới. Ta gọi đó là : *một quả nhiều nhân* hoặc *cùng quả khác nhân*. Do vậy, khi ta khảo sát mối liên hệ nhân quả thì không được đơn giản hóa, mà phải phân tích cụ thể.

– Trong mối liên hệ *một nhân nhiều quả*, cần chú ý phân biệt kết quả chủ yếu và kết quả thứ yếu, kết quả trực tiếp và kết quả gián tiếp, kết quả hữu ích và kết quả có hại v.v...

– Trong mối liên hệ *một quả nhiều nhân*, cần chú ý phân biệt nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài, nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân thứ yếu, nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp, nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan v.v...

Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể nắm chắc mối liên hệ nhân quả của sự vật một cách toàn diện và cụ thể, mới có thể nhận thức đúng đắn về sự vật và giành chiến thắng trong tranh luận. Cuộc tranh luận sau đây là một ví dụ điển hình.

Trong thời kì vận chuyển hành khách quý I, tại cửa bán vé một bến xe nọ hành khách xếp hành rồng rắn. Lúc này thì trời vừa mưa vừa lạnh, dưới chân bùn nhoe nhoét, hành khách ai cũng than phiền, và do thấy hàng người xếp hàng quá dài, thanh niên A liền len lên trên, có ý định chen ngang để mua vé. Hàng người xếp hàng chờ mua vé liền la ó :

"Này, mua vé thì phải xếp hàng chứ, sao lại chen ngang !"

Hành khách B còn giơ tay kéo A. Thế nhưng tay B chưa với tới A thì A đã đưa tay gạt đi, ý là ngăn tay B giơ ra. Nào ngờ do đất bùn quá trơn, A đứng không vững, mất thăng bằng và ngã. Sự việc dẫn đến là chấn thương sọ não, chân tay co giật, bất tỉnh. Thế là người nhà của A liền kiện ra tòa :

"A sở dĩ ngã trọng thương và tàn phế là do B giơ tay để kéo. Nếu B không giơ tay để kéo thì A sẽ không giơ tay gạt. A không gạt thì sẽ không bị ngã đến

tàn phế. Bởi vậy, nguyên nhân A tàn phế là do B, B là người phải chịu trách nhiệm trong chuyện này, B phải chịu mọi phí tổn viện phí của A và phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự !"

Nghe vậy, B cãi lại :

"Rốt cuộc thì nguyên nhân nào dẫn tới A tàn phế ? Xuyên suốt sự việc này, chúng ta thấy rằng nguyên nhân dẫn tới A tàn phế thì có nhiều . Đây là mối liên hệ một quả nhiều nhân, và những nguyên nhân này bao gồm nguyên nhân trời mưa, nguyên nhân đường trơn, nguyên nhân A chen ngang, nguyên nhân tôi giơ tay định kéo A, nguyên nhân A giơ tay gạt. Trong một mớ nguyên nhân này thì A chen ngang, A giơ tay gạt mới là nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân trực tiếp. A chen ngang là hành vi không chấp hành trật tự công cộng, là lỗi lầm. Tôi do bất bình với hành động chen ngang mà giơ tay để kéo là hoàn toàn đúng đắn, không thể oán trách. Hơn nữa tay tôi cũng chưa hề đụng tới người A. Đấy là do A tự gạt tay dẫn tới té ngã và thương tật. Có thể nói gậy ông đập lưng ông."

Do B đã chính xác chỉ ra nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân trực tiếp của sự việc trong một mớ các nguyên nhân, nên đã bác bỏ được lời buộc tội vu oan giá họa của gia đình A.

21. LUẬN CHỨNG QUAN HỆ

Giữa các sự vật khách quan luôn tồn tại những quan hệ nhất định. Chúng ta muốn nhận thức sự vật khách quan, muốn thắng trong tranh luận thì phải biết rõ mối quan hệ giữa các sự vật khách quan đó. Thuật *Luận chứng quan hệ* là phương pháp biện luận thông qua việc nắm bắt mối quan hệ giữa các sự vật khách quan. Chẳng hạn :

Cuối đời Tần, Hạng Vũ và Lưu Bang tranh thiên hạ. Thành Ngoại Hoàng vốn do bộ tướng của Lưu Bang là đại tướng Bành Việt chiếm giữ, Hạng Võ đánh mãi mà không hạ được, hao binh tổn tướng. Khó khăn lắm mới đánh chiếm được. Thành bị phá, Việt bỏ trốn, chỉ tội cho người dân. Sở Vương hạ lệnh chôn sống hết thảy nam từ 15 tuổi trở lên, vì họ từng giúp quân Hán giữ thành. Tin truyền ra, cả thành khóc. Trong lúc gay go như vậy thì một cậu bé 13 tuổi đứng lên, đi tới quân doanh, xin gặp Sở Vương. Sở Vương thấy cậu bé, liền nói :

"Thằng bé này gan quá không nhỏ, dám đến gặp ta !"

Cậu bé biết là Sở Vương thích nghe nịnh, liền tìm lời nói dễ nghe :

"Đại vương thường nói mình là cha mẹ dân, tôi là một thành viên trong đó, đương nhiên là con của ngài. con nhớ tới bố mẹ, lẽ nào không dám đi gặp ?"

Chỉ một câu mà Sở Vương hả lòng. Lời lẽ của Hạng Vũ liền trở nên ôn tồn : *"Người tìm ta có việc gì, hãy nói ra đi !"*

Thế là cậu bé liền trình bày mối hậu quả nghiêm trọng của việc sát hại dân thành : *"Nếu những thành khác biết rằng ngài giết hại những người dân đầu hàng thì sẽ không bao giờ mở cửa đón tiếp mà sẽ liều chết đến cùng. Và như vậy ngài luôn luôn có kẻ thù, muốn đánh chiếm địa bàn do vậy phải trả giá lớn !"*.

Những lời cậu nói đã đánh trúng vào chỗ hiểm yếu và thế là ý định tàn bạo kia đã bị hủy bỏ. Dân cả thành do vậy đã đội ơn cậu bé thông minh dũng cảm.

Ta thấy, cậu bé này sở dĩ chỉ một câu mà làm cho Sở Vương từ giận sang vui và có được cơ hội để biện luận là vì cậu đã nắm chính xác mối quan hệ *cha mẹ* và *con cái*. Cậu đã biết suy luận từ mối quan hệ này. Và sự suy luận này đã cứu mạng cho cả thành.

Dựa vào mối quan hệ giữa các sự vật phải chăng có sự đối xứng. Quan hệ có thể chia thành 3 loại : đối xứng, phi đối xứng và phản đối xứng. Chúng ta muốn tranh luận thắng lợi, tất phải nắm vững những mối quan hệ khác nhau này giữa các sự vật. Chẳng hạn, thời Bắc Tống có hai vị thân thích của hoàng đế do phân chia tài sản không đều mà lần lượt đến triều để kiện. Hoàng đế không biết phải xử thế nào, bèn giao cho tể tướng Trương Tề Hiền xét. Trương Tề Hiền liền gọi họ đến để hỏi :

"Các ông đều cho rằng tài sản phía bên kia được chia là nhiều, còn mình thì ít. Đúng vậy không ?"

"Đúng vậy". Cả hai cùng trả lời.

Tể tướng liền ghi lời họ lại, bảo họ kí vào. Sau đó nói : *"Các ông đều đã nói tài sản bên kia được chia là nhiều, vậy hãy đổi cho nhau đi, cả hai bên sẽ được thỏa mãn ngay !"*

Thế rồi Tể tướng gọi hai viên quan đến, lần lượt chuyển người bên nhà A sang B, chuyển người bên nhà B sang A. Người thì chuyển chỗ mà tài sản để nguyên. Kèm theo là chuyển đổi cả giấy tờ phân chia tài sản. Làm như vậy, cả hai bên không còn nói được gì nữa.

Bí quyết việc xử bản án tranh chấp tài sản này của Trương Tề Hiền là phải nắm cho đúng nắm cho vững mối quan hệ *ít hơn*. *Ít hơn* là một quan hệ phản đối xứng. A ít hơn B, thì B không thể ít hơn A. Hai bên đều cho rằng tài sản mình được chia ít hơn bên kia, vậy đổi tài sản của họ cho nhau thì họ đều được cái phần mà họ cho là nhiều kia. Vậy là không thể kêu vào đâu được.

Dựa vào mối quan hệ sự vật phải chăng có tính bắc cầu. Quan hệ có thể chia thành 3 loại : bắc cầu, phản bắc cầu và phi bắc cầu. Chẳng hạn, có một vụ án như sau : Một người A nào đó vì buôn bán ma túy mà bị xử tử hình. A trình bày : *"Các ngài không thể xử tử tôi, vì tôi còn chưa đến 18 tuổi"*.

Sau qua nhiều lần điều tra mà không thấy có chứng cứ gốc xác thực, chỉ có lời khai của người mẹ là A lớn hơn em nó 2 tuổi. Sau lại xác minh em của A đã 20 tuổi. Để thận trọng hơn, họ lại điều tra tiếp cô em của A, và biết là cô này 18 tuổi. Thế là ông thẩm phán bèn nghiêm nghị phản bác :

"Em trai anh ít hơn anh 2 tuổi, em gái anh ít hơn em trai anh 2 tuổi. Mà em gái anh năm nay 18 tuổi, cho nên tuổi của anh không thể ít hơn 18. Anh buộc phải chấp hành án".

Cuối cùng vẫn xử A tội tử hình. Và thi hành án ngay.

Ít hơn 2 tuổi là quan hệ bắc cầu. Ông thẩm phán do nắm vững và biết vận dụng mối quan hệ này mà đã bác bỏ được sự dối trá của A, buộc A phải chịu nhận trừng phạt.

22. LUẬN CHỨNG THỜI THÁI

Trong biện luận giao tiếp, có những mệnh đề mà tính chân thực không liên quan đến thời thái. Chẳng hạn : *"2 là số chẵn"*, dù là xưa kia, hiện nay hay sau này thì vẫn đúng. Nhưng cũng có những mệnh đề mà tính chân thực liên quan tới thời thái. Chẳng hạn : *"Lí Bạch đã chết rồi"*, mệnh đề này trước khi Lí Bạch chết (năm 762) là giả dối, sau mốc này là chân thực. Bởi vậy, chúng ta muốn thắng trong tranh luận, cần chú ý tới vấn đề thời thái của mệnh đề.

Trước hết, mệnh đề thời thái mà chúng ta xây dựng trong biện luận phải xác đáng. Chẳng hạn, Tô Đông Pha lúc nhỏ thiên tư thông minh, do đọc sách nhiều mà chữ nào trong sách cũng biết. Hơn nữa văn bài ông viết rất hay. Bởi vậy mà được mọi người kính trọng và khen ngợi. Trong sự tôn sùng đó, Tô Đông Pha có chút đắc ý. Và thế là một hôm ông cầm bút viết lên cửa đôi câu đối : *"Độc tận thiên hạ thư, Thức biến thiên hạ chữ"*. (nghĩa là : Đọc hết sách thiên hạ, Biết mọi chữ thiên hạ)

Câu đối sau khi đề có người thì càng tâng bốc thêm, nhưng cũng khá nhiều người không cho là vậy, cho là Tô thiếu khiêm tốn đâm ra ngông cuồng. Có một vị khả kính liền đến nhà Tô "thỉnh giáo", nhờ Tô đọc hộ cuốn sách ông ta mang tới ! Sách được viết theo kiểu chữ Đại Triện thời Chu. Tô Đông Pha không thể đọc được lấy một chữ, mặt bỗng đỏ lựng, đành xin lỗi vị nọ. Tôn ông khả kính không nói không rằng, chỉ cười mà đi. Lúc này Tô mới thấy câu đối mình đề là vô duyên, lấy làm xấu hổ vì biết rằng mình học vấn còn nhiều lỗ hổng. Nghĩ tới đó ông bèn cầm bút thêm hai chữ, chữa thành :

"Lập chí độc tận thiên hạ thư, Phát phẫn thức biến thiên hạ chữ". (nghĩa là : Quyết chí đọc hết sách thiên hạ, Bực mình học mọi chữ thiên hạ). Và tư tưởng này đã thực sự thăng hoa với đôi câu đối chứa đựng một hoài bão to lớn.

Ở đây ta thấy đôi câu đối ban đầu của họ Tô đã biểu đạt một mệnh đề thời thái hiện thực. Thế nhưng trong thời thái lúc này thì nó là giả dối. Và như vậy họ Tô đã tự chê cười cũng đã bị vị tôn giả vạch ra chỗ dốt mà xấu hổ. Sau khi đã sửa chữa thì câu đối lại khác hẳn, cái nó biểu đạt lại là mệnh đề thời tương lai và rất là xác đáng, bởi vậy đã được mọi người khen ngợi.

Vấn đề nữa là khi đối phương đưa ra mệnh đề thời thái giả dối, thì chúng ta cũng có thể tiến hành phản bác bằng cách vạch ra sự giả dối trong thời thái của nó. Trong *Tống sử. Đạo học liệt truyện* có ghi một vụ án như sau :

Thời Tống Anh Tông huyện Tấn Thành có Trương Mỗ, nhà giàu có. Sớm hôm sau ngày bố anh ta chết bỗng một lão già đến nói : *"Ta là cha đẻ của con đây, ta đến cùng sum họp với con"*. Trương Mỗ lạ quá, không dám nhận, và kéo lão già lên quan, xin quan phán xử thật giả. Viên tri huyện là Trình Hiệu hỏi lão già sao lại như vậy. Lão già nói : *"Tôi là thầy thuốc, phải đi nơi khác hành nghề kiếm sống. Vợ tôi đẻ được đứa con trai, do nhà nghèo không nuôi nổi, liền cho họ Trương. Ngày nợ tháng nợ năm nợ do người nợ bế đi"*. Trình Hiệu hỏi : *"Việc xa xưa rồi mà sao ngươi vẫn có thể nói được tường tận như vậy ?"* Lão già nói : *"Lúc xưa tôi đã ghi sau quyển sách thuốc. Khi tôi về làng xem lại thì thấy"*. Trình Hiệu bèn bảo lão già đi lấy sách, và thấy quả có ghi : *"Ngày nợ tháng nợ năm nợ người nợ bế đứa bé cho nhà Trương Tam Ông"*.

Trình Hiệu liền quay lại hỏi Trương Mỗ : *"Năm nay ngươi bao nhiêu tuổi ?"* Trương Mỗ đáp : *"36 tuổi"*. *"Thế bố ngươi bao nhiêu ?"* *"76 tuổi"*. Thế là Trình Hiệu hỏi lão già : *"Khi người này đẻ ra thì người bố mới 40 tuổi, sao lại gọi là Trương Tam Ông được ?"* (*ông :* ông lão, ông già)

Vậy là chứng cứ ngụy tạo của lão già kia bị vạch trần. Lão đành phải nhận tội mạo nhận con để lừa gạt. Ở đây ta thấy sự thực giả của cách gọi người nọ là *Trương Tam Ông* có liên quan đến thời thái. Khi ông bố của Trương Mỗ 6,70 tuổi thì mệnh đề này mới đúng. Còn khi ông ta mới 3,40 tuổi thì mệnh đề là giả dối. Trình Hiệu rất tỉnh tường nên đã phát hiện ra sự sai lầm của thời thái của mệnh đề đối phương đưa ra. Do vậy lão già xảo trá nọ đành chịu thất bại.

23. SUY LUẬN ƯU TIÊN

Trong hành động chọn lựa đối với đối tượng sự vật, người ta thường chọn lựa mặt có lợi cho mình, vứt bỏ mặt không lợi hoặc có hại. Như vậy là giữa các đối tượng sự vật này đã tồn tại một quan hệ ưu tiên. Quan hệ ưu tiên là một loại quan hệ thứ tự, tức là quan hệ bất tự phản, bất đối xứng, bắc cầu. Để nghiên cứu quan hệ ưu tiên giữa các mệnh đề có được trong hành động chọn lựa, người ta đã đưa ra logic ưu tiên. Phương pháp suy luận đánh bại đối thủ dựa vào quan hệ ưu tiên giữa các mệnh đề chính là thuật *Suy luận ưu tiên.*

Ta hãy quan sát đoạn biện luận giữa Khổng Tử và Lỗ Ai Công. *Hàn Phi Tử. Ngoại trữ thuyết* ghi : Có một hôm Khổng Tử ngồi cùng Lỗ Ai Công. Ai Công sai người bày quả đào và cơm nếp lên bàn Khổng Tử. Nhà vua cung kính nói : *"Xin mời".*

Khổng Tử ăn cơm trước rồi tiếp là ăn đào. Thấy vậy, các đại thần đứng hầu đều bưng miệng cười, còn nhà vua thì giải thích : *"Cơm nếp này là để lăn đào lên đó cho sạch lông, không phải để ăn. Sao thầy lại ăn đi ?"*

Khổng Tử trả lời : *"Tôi biết. Nếp đứng đầu ngũ cốc, là đồ cúng tế tốt nhất lên tiên vương. Quả cây có sáu loại, mà đào là bét nhất. Tế tiên vương thì không được mang đào vào tôn miếu. Tôi từng nghe quân tử lấy cái kém để rửa cái cao quý chứ chưa từng nghe lấy cái cao quý để rửa cái thấp kém. Giờ đây lại lấy cái đứng đầu ngũ cốc để chùi rửa cái bét của quả cây, tức là lấy cái cao quý để rửa cái thấp kém. Tôi cho như vậy là không được. Bởi vậy không dám đưa đào lên đầu kẻo nếp xuống cuối được".*

Ta thấy Khổng Tử có thể không hiểu được cách thức mà gây ra trò cười. Thế nhưng, là nhà tư tưởng lừng danh nên ông đã lấy ngay chính cái quan hệ ưu tiên, vị trí sang hèn của nếp và đào mà suy luận. Và không những ông đã giữ được thể diện mà còn vạch trần cái vớ vẩn trong quy định của đối phương. Thật xứng danh là nhà hùng biện.

Dùng thuật *Suy luận ưu tiên* để luận chứng cho sự đúng đắn trong quan điểm của mình và phản bác quan điểm sai lầm của đối phương yêu cầu phải biết nắm vững quan hệ ưu tiên thứ tự của sự vật. Có như vậy suy luận mới sâu sắc, mới mạnh mẽ và đánh trúng cái yếu của đối thủ.

Lại ví dụ Phạm Trọng Yêm, một danh tướng đời Tống có lần bàn việc với nhà vua xong và trở về. Trước khi ngủ, ông đã xem xét cẩn thận danh sách các quan và đã gạch đi hết những viên quan bất tài. Sau đó viên phó sứ Phú Bật được biết, liền nói : *"Ông cứ một gạch như vậy, có biết là "một nhà khóc" đó không ?"*

Phạm đáp : *"Một nhà khóc sao bằng một lộ (tỉnh) khóc !"*

Phú Bật cho rằng một gạch xóa đi một viên quan sẽ đưa đến sự khổ đau cho một gia đình, gây nên *"một nhà khóc"*. Nhưng nếu không gạch đi thì sẽ gây đau khổ cho không biết bao nhiêu nhà, mà ra "một lộ khóc". Hai đằng so với nhau, một hay một dở, ta thấy rõ ngay. Do Phạm Trọng Yêm biết cách vận dụng quan hệ ưu tiên thứ tự giữa các sự vật mà lí lẽ hùng biện giàu sức thuyết phục.

24. DẪN CHỨNG BẰNG SỐ LIỆU

Phương Tây có câu tục ngữ : *"Con số không biết nói dối"*. Câu này đã nói lên tính diệu kì về sức mạnh hùng biện lớn lao của con số. Trong biện luận, nếu cứ lí lẽ thao thao bất tuyệt thì chi bằng lượng hóa thành căn cứ lí luận có thể đếm được. Thuyết phục bằng ngôn ngữ con số sẽ có thể đưa đến hiệu quả biện luận không thể ngờ tới.

Có một giáo viên ngữ văn tiểu học khi bình bài làm văn, có nói :

"Các em, hôm qua chúng ta viết bài làm văn : **Tan học về**. *Bài lần này kết quả ra sao ? Chúng ta xem xét hai con số sau sẽ rõ. Lớp chúng ta có 50 người, viết về việc tan học về dọc đường đã quên mình nhảy xuống nước cứu em bé chẳng may bị ngã có tới 20 người, viết về việc nhặt được túi tiền mà nộp cho công an có tới 21 người. Các em hãy xem, làm gì có có tới từng ấy em bé nhằm vào lúc các em tan học về để ngã xuống nước cho các em cứu ? Dọc đường làm gì có ngần ấy túi tiền cho các em nhặt ? Thầy sống bằng này tuổi rồi, trên đường đến trường hay về nhà mà sao chẳng có được cái may mắn như các em, không một lần nhặt được túi tiền ?"*[1]

Nghe vậy, các bạn nhỏ đã cười ầm cả lên. Thầy giáo chỉ nêu ra hai con số mà đã vạch ra được cái sai lầm của học sinh một cách hình tượng.

Dẫn chứng bằng số liệu sở dĩ có được sức mạnh là do con số chính xác đã thay thế cho sự thực không thể chối cãi, và khiến mọi người tin tưởng không chút hoài nghi, do vậy mà nảy sinh hiệu ứng uy tín. Chẳng hạn, với đề tài : *"AIDS là vấn đề y học, không phải vấn đề xã hội"* trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ, phía phản đối tranh luận như sau :

"AIDS có tính đặc thù của nó. Đó là sự lây lan, sự nguy hiểm chết người và nguy hại xã hội v.v... Do dễ lây lan mà từ bệnh tật của cá thể thành mối nguy của toàn xã hội. Và dù bạn có giữ mình thế nào, cũng khó tránh một lần

---

(1) Thể loại *Làm văn* tự sự học trong nhà trường phổ thông không thuộc loại hư cấu (như tiểu thuyết, kịch) mà là người thực việc thực.

sơ sấy. Hiện nay người mắc bệnh AIDS đã tới 2 triệu rưỡi, người nhiễm HIV có tới 14 triệu. Như vậy, đến năm 2000 thì số người mắc bệnh sẽ là 14 triệu, còn người nhiễm sẽ là 50 triệu – 100 triệu. Và trong khi toàn dân ai cũng nói tới mối hiểm họa đại dịch AIDS thì sao phía các bạn lại có thể thản nhiên coi đó chỉ là vấn đề của y học mà thôi ?"

Trước những con số đáng giật mình mà không thể nghi ngờ thì mọi người phải tin rằng AIDS quả thật là một vấn đề xã hội nghiêm trọng. Ở đây, con số đã có một sức mạnh hùng biện to lớn.

Thuật *Dẫn chứng bằng số liệu* có một sức mạnh hùng biện không cho phép nghi ngờ. Nhưng cũng cần chú ý là con số nêu ra phải có mối liên hệ với luận đề và phải đạt được mục đích của luận chứng. Ngoài ra, con số dẫn chứng phải chuẩn xác, nếu không sẽ bị sai lầm và dẫn tới nguỵ biện.

25. TÍNH TOÁN SỐ HỌC

Thuật *Tính toán số học* là cách biện luận sử dụng phép tính toán học để thuyết phục đối phương nhằm làm cho đối phương từ bỏ chủ trương sai lầm mà tiếp thu quan điểm của mình.

Tính toán số học là diễn dịch chân lí, xuất phát từ lòng tin của con người đối với phép tính. Trong tranh luận, nếu khi đối phương tư tưởng cứng nhắc, khó thuyết phục thì sử dụng thuật *Tính toán số học* lại có thể dễ dàng đạt mục đích. Chẳng hạn :

Có lần Ngụy Vương muốn xây đài Trung Thiên, đã cùng lúc ra lệnh nếu ai dám can ngăn sẽ chém đầu. Một hôm Hứa Quán mang đôi quang gánh cùng xẻng vào cung, nói với Ngụy Vương : *"Nghe đại vương định xây đài Trung Thiên, tôi muốn góp chút sức mọn".*

Ngụy Vương hỏi : *"Ngươi có sức gì mà góp ?"*

Hứa Quán đáp : *"Tôi tuy không có sức khỏe, nhưng có thể bàn việc xây dựng".*

Ngụy Vương nói : *"Ngươi nói đi !"*

Hứa Quan nói : *"Tôi nghe nói trời đất cách nhau 15000 dặm, giờ đây đại vương muốn xây một đài ngang lưng trời (Trung Thiên), thì phải cao tới 7500 dặm. Cái đài cao như vậy thì nền móng của nó phải rộng 8000 dặm, cứ lấy hết đất của đại vương cũng vẫn chưa đủ làm móng. Nếu đại vương cứ nhất định phải xây đài này, trước hết cần xuất quân đánh các chư hầu, chiếm hết đất của họ. Như vậy vẫn chưa đủ, lại phải đi đánh chiếm các nước xung quanh, để có được đất đai rộng 8000 dặm. Và thế mới có chỗ để xây móng. Những vật liệu xây dựng cần đưa về, những lao động khổ dịch cần có, rồi cả lương thực tích lũy trong kho đều phải tính theo đơn vị hàng tỉ. Đồng thời, tính toán ngoài 8000 dặm ra còn phải quy định một diện tích để trồng cây lương thực nữa, như vậy là để cung cấp cho người xây đài. Khi đã có đủ những điều kiện đó, mới có thể khởi công xây dựng".*

Ngụy Vương nghe vậy lặng thinh. Cuối cùng rồi cũng quyết định hủy bỏ ý định xây đài.

Ngụy Vương định xây đài cao lưng trời để chơi trên đó. Nhưng qua tính toán chính xác của Hứa Quan đã thấy được tính hoang tưởng của nó, đành phải bỏ ý định đó đi.

Thuật *Tính toán số học* khi vận dụng cũng có thể quy đổi một cách hình ảnh những số liệu trong biện luận. Số liệu có thể gia tăng tính chân thực của lời lẽ, nhưng nó thường là trừu tượng, khô khan. Nếu ta biết quy đổi những con số này thì có thể từ trừu tượng hóa ra cụ thể, từ khô khan mà trở nên sinh động, khiến lời lẽ chúng ta có sức thuyết phục ghê gớm. Ví dụ : Năm xưa, trước khi Mĩ quyết định xây dựng công trình thủy lợi thác Ni-a-ga-ra đã tổ chức tranh luận với những người phản đối. Ta hãy xem một đoạn biện luận của một vị tán thành :

"Chúng tôi nghe nói trong nước có tới mấy triệu người sống lam lũ. Trông họ tiều tụy, thiếu dinh dưỡng. Họ thiếu bột mì để ăn. Thế nhưng ở thác Ni-a-ga-ra cứ mỗi giờ lại bỏ phí mất một nguồn năng lượng thác nước tương đương với 250 ngàn chiếc bánh mì. Chúng ta có thể tưởng tượng : cứ mỗi giờ lại có 600 ngàn quả trứng gà bay qua vách đá, biến thành một chiếc bánh trứng gà vĩ đại và rơi xuống cùng thác nước. Nếu là vải trắng từ máy dệt ra thì sẽ rộng 4000 mét, giá trị của nó cũng ngang bằng sự hao phí của thác Ni-a-ga-ra v.v... Đó là một sự lãng phí ghê gớm. Về sự hao phí vô hình này, có người chủ trương bỏ ra một món tiền để lợi dụng sức nước khổng lồ. Thế mà không ngờ còn có người chống đối !"

Nếu bằng những con số trống rỗng để chỉ về giá trị tài nguyên nước của thác Ni-a-ga-ra thì ấn tượng sẽ chẳng có. Ở đây người biện luận đã dùng thuật quy đổi con số cho trở nên hình ảnh, như : giá trị mỗi giờ đổi thành 250 ngàn chiếc bánh mì, 600 ngàn quả trứng gà, tấm vải rộng 4000 mét v.v... Như vậy vừa dễ hiểu lại vừa làm cho mọi người kinh ngạc.

Dùng thuật *Tính toán số học* cần chú ý là sự tính toán phải chính xác. Khi quy đổi con số thì con số quy đổi trước sau phải tương đương. Tuyệt đối không được khoa trương, nếu không đối phương phát hiện ra thì sẽ thành trò cười và rơi vào thế bị động.

26. PHÉP ĐỐI CHIẾU LỊCH SỬ

Lịch sử thường có những cái giống nhau đến kì lạ. *Phép đối chiếu lịch sử* chính là phương pháp biện luận dẫn ra những số liệu có liên hệ hoặc tương tự như hiện thực, dẫn cổ để đối chiếu với hiện tại, luận chứng sự đúng đắn trong quan điểm chúng ta và khiến cho đối phương phải từ bỏ chủ trương sai lầm của họ.

Trưởng tôn hoàng hậu một lần can ngăn Đường Thái Tông đừng giết người chăn ngựa, như sau :

Theo *Trinh quán chính yếu*, Đường Thái Tông có một con tuấn mã mà ông ta rất yêu. Ông đã cho nuôi trong một thời gian dài. Có một hôm ngựa không bệnh mà đột tử. Thái Tông giận dữ, đòi giết người chăn ngựa. Lúc này, Trưởng tôn hoàng hậu bèn can rằng :

Xưa kia Tề Cảnh Công vì ngựa chết mà muốn giết mã phu. Án Tử kể tội mã phu rằng : "Ngươi nuôi cho ngựa chết. Đây là tội thứ nhất. Ngươi làm cho nhà vua vì ngựa chết mà giết người, trăm họ mà biết tất sẽ oán hận vua. Đây là tội thứ hai. Chư hầu biết việc này tất sẽ khinh nước ta. Đây là tội thứ ba. Kết quả Tề Cảnh Công tha tội cho mã phu. Bệ hạ đọc sách từng biết việc này, sao lại quên ?"

Thái Tông nghe xong hết giận, ngợi khen hoàng hậu.

Con ngựa trong thực tế của Đường Thái Tông đã chết, Thái Tông muốn xử tử mã phu. Trong lịch sử, ngựa Tề Cảnh Công cũng chết và ông ta cũng muốn xử tử mã phu. Đây là những hiện tượng giống nhau. Và Trưởng tôn hoàng hậu đã khéo léo dẫn ra hiện tượng lịch sử Án Tử can Tề Cảnh Công không giết mã phu để khiến Đường Thái Tông hết giận mà tỉnh ngộ, vứt bỏ chủ trương sai lầm của mình.

Lại một ví dụ khác là việc cơn lốc cuốn cô gái, cũng vậy.

Trong cuốn *Lãnh lư tạp thức* đời nhà Thanh có viết rằng khi Viên Mai làm huyện lệnh huyện Giang Ninh, trong thành có cô gái họ Hàn bị gió lốc cuốn đến thôn Đồng Tỉnh, cách thành 90 dặm. Dân thôn Đồng Tỉnh hôm sau đưa cô gái về nhà và rồi cô gái được gả làm vợ người con trai ông tú tài họ Lí ở phía đông thành. Tú tài họ Lí không tin có việc cô gái bị gió cuốn bay xa 90

dặm, cho rằng cô gái họ Hàn hẳn phải gian dâm với người khác, rồi kiện lên quan đòi thoái hôn. Viên Mai nói :

"Thời xưa có chuyện cô gái bị gió thổi bay xa ngoài 6000 dặm. Các ngươi biết không ?"

Lí tú tài không tin, Viên Mai liền lấy ra cuốn sách *Lăng Xuyên tập* của Hạo Văn Trung Công triều Nguyên cho xem, và nói :

"Hạo Văn Trung Công là một trung thần, đâu phải là người lừa dối mọi người. Năm xưa gió cuốn cô gái họ Ngô. Sau cô gái được gả cho tể tướng. Ta e rằng con trai ngươi chẳng có được cái phúc phận ấy".

Lí tú tài nghe xong thì mừng rỡ. Từ đó hai bên thông gia lại thân nhau như cũ.

Phép đối chiếu lịch sử thường lấy những hiện tượng lịch sử tương tự để đối chiếu với hiện thực, nhằm thuyết phục đối phương. Nhưng có khi cũng dẫn ra những hiện tượng có thật trong lịch sử mà có liên quan ngược lại để so sánh phải trái, nhằm nhắc nhở đối phương.

Có lần đoàn đại biểu một ngành công nghiệp Trung Quốc đàm phán với một tập đoàn tài chính Mĩ về một dự án nhập một nhà máy thổi pha lê kiểu mới. Đối tác cậy có thiết bị kĩ thuật tiên tiến, đòi giá quá cao. Và đàm phán có lúc đã đi vào ngõ cụt. Lúc này người đàm phán phía Trung Quốc cứ thẳng thắn nói :

"Trung Quốc là nước có nền văn minh lâu đời. Tổ tiên chúng tôi hơn 1000 năm trước đã đóng góp cho loài người 4 phát minh lớn một cách vô điều kiện, đó là kĩ thuật làm nam châm, kĩ thuật làm giấy, ấn loát và thuốc nổ. Thế mà con cháu của họ không hề oán thán là họ không đòi độc quyền phát minh sáng chế. Ngược lại, còn ngợi ca tổ tiên đã đóng góp lớn lao cho sự phát triển của khoa học thế giới. Giờ đây Trung Quốc trong hợp tác kinh tế với các nước, không hề đòi hỏi các nước phải từ bỏ độc quyền một cách vô điều kiện, chỉ cần giá cả hợp lí, chúng tôi sẽ trả không thiếu một xu".

Do phía Trung Quốc người phụ trách đàm phán đã khéo dùng phép *đối chiếu lịch sử*, đã tạo ra điều thú vị trong cách so sánh việc trong lịch sử Trung Quốc đã cống hiến vô điều kiện cho nhân loại 4 phát minh lớn với việc hiện nay đối phương đòi trả giá độc quyền quá cao. Cuối cùng đã được đối phương hiểu ra và ủng hộ, khiến cuộc đàm phán lại tiếp tục thuận lợi. Cuối cùng đã kí kết được hợp đồng có lợi cho Trung Quốc.

Muốn dùng *Phép đối chiếu lịch sử* thì phải hiểu rõ sử. Lịch sử hình như đã lặp lại một cách vô tình. Trong các điển tích lịch sử phong phú chúng ta chắc chắn sẽ tìm ra được mối liên hệ tương tự với hiện thực. Dẫn cổ soi kim thường là cho ta những gợi ý sâu sắc.

27. PHÁP LUẬT LÀ CĂN CỨ

Cùng với sự phát triển của công cuộc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa và sự phát triển vững chắc của nền chính trị xã hội chủ nghĩa ở nước ta thì pháp chế xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng hoàn thiện. Có đủ các bộ luật làm căn cứ, phải dựa vào luật, chấp hành luật pháp phải nghiêm, vi phạm pháp luật phải bị truy cứu đã trở thành yêu cầu phổ biến. Do vậy, trong biện luận, khi phát hiện đối phương có những lời nói việc làm trái với pháp luật thì dẫn ra những điều quy định hữu quan của luật pháp mà tấn công và chắc chắn lời biện luận của chúng ta sẽ có thế và lực mạnh mẽ dễ dàng đánh bại họ.

Một vị luật sư nọ đã tranh luận với một chủ nhà hàng như sau :

Một hôm có hai nữ sinh viên đi vào một nhà hàng tư nhân sang trọng. Nữ sinh A giở quyển thực đơn và bỗng mắt sáng lên :

"Xem này, tay gấu ! Mỗi đĩa 20 đồng. Gọi hai đĩa chứ ?"

"Ai cũng báo tay gấu quý, mà giá tiền không đắt, OK !"

Thế là họ kêu bồi bàn cho hai đĩa, lại còn gọi vài món ăn khác nữa. Lát sau thức ăn đã bưng lên hết. Khi họ ăn xong gọi tính tiền thì người bồi bàn chìa giấy thanh toán :

"Cả thảy 4025 đồng".

"Sao ? Anh tính nhầm rồi." Nữ sinh A nghe chừng muốn xỉu.

"Tay gấu mỗi đĩa 2000 đồng, các cô hãy xem thực đơn". Anh bồi trả lời.

Nữ sinh B xem lại thực đơn, quả trúng 2000 đồng và không hề có dấu phẩy ở giữa số. Lúc này thực sự là họ khóc dở mếu dở. Đúng lúc đó, chủ nhà hàng bước ra, liếc hai vị khách không đủ khả năng thanh toán và nói : *"Không có tiền thì hãy để thẻ sinh viên lại"*. Thế là các cô đành ngoan ngoãn nộp thẻ. Sau đó hội sinh viên đứng ra dàn xếp, xem có thể bớt cho chút nào chăng. Nhưng ông chủ dứt khoát nói : *"Không được thiếu một xu. Hẹn trong ba ngày không nộp đủ sẽ kiện ra tòa án".*

Hai cô sinh viên đành ngậm ngùi cóp nhặt cho đủ số tiền 4025 đồng. Hôm sau đưa trả và chuộc lại thẻ sinh viên.

Sau một tuần lễ, có một luật sư biết việc này, quyết định kéo lại sự tổn thất cho các cô. Ông ta bảo hai cô đến nhà hàng đòi hóa đơn thanh toán hai đĩa tay gấu với giá 4025 đồng. Luật sư cầm hóa đơn đến sở công thương. Sau khi họ xem xét các điều khoản pháp luật hữu quan liên đến nhà hàng. Đồng chí sở công thương nói với chủ nhà hàng :

"Có người kiện ông bán tay gấu, như vậy là trái với Luật bảo vệ động vật hoang dã. Nay phải phạt 20 ngàn đồng !"

Chủ nhà hàng thấy không thể trốn tránh pháp luật được, vì đã xuất hóa đơn thanh toán. Ông ta cúi đầu buồn bã, bộ dạng thiểu não chẳng khác gì hai cô sinh viên trước đây một tuần. Ông ta hạ giọng :

"Tôi không thể có nhiều tiền đến thế".

"Không nộp đủ tiền thì khỏi kinh doanh, treo biển nghỉ hàng".

"Đồng chí, việc đã vậy, xin nói thật là chỗ chúng tôi làm gì có tay gấu. Cái gọi là tay gấu thực ra là gân vó bò". Ông chủ thừa nhận. *"Ông đã lấy vó bò giả làm tay gấu để lừa khách hàng. Căn cứ tình tiết, phạt 20 ngàn đồng. Đồng thời phải trả khách hàng số tiền đã thu. Ngoài ra phải bồi thường tổn thất tinh thần là 1000 đồng !"*

Trước sự tấn công nghiêm khắc của pháp luật, lão chủ nhà hàng đành phải hạ vũ khí đầu hàng.

28. LẤY LUẬN CỨ CHỨNG MINH TẠI CHỖ

Thuật *Lấy luận cứ chứng minh tại chỗ* là phương pháp mà người tranh luận kịp thời nắm bắt những sự vật nào đó tại chỗ tranh luận và dùng làm căn cứ phản kích đối phương. Do những sự vật này đều là những cái mà những người tham gia tranh luận ngay tại đó thấy được, nghe được, cảm được và là cái mà mọi người cùng thấy có tính trực quan sinh động, cụ thể, vừa nhắc tới đã biết ; bởi vậy mà nó có sức hùng biện mạnh mẽ.

Vận dụng thuật *Lấy luận cứ chứng minh tại chỗ* cần phải nắm vững tình hình hiện trường của cuộc tranh luận. Thực tế của tình hình này chính là nguồn gốc duy nhất của luận cứ dùng cho thuật *Lấy luận cứ chứng minh tại chỗ*. Chẳng hạn, trong cuộc thi hùng biện sinh viên châu Á năm 1988, người tranh luận chính của đội đại biểu Đại học Phúc Đán khi trình bày quan điểm : nhân khẩu đông là gánh nặng cho sự phát triển của thế giới thứ ba, có nói : *"Ngày nay Sở phát thanh – truyền hình đã chuẩn bị cho chúng ta một quán trà phục vụ 200 người. Nhưng nếu số người lại tăng thêm thì chúng ta sẽ có thể chẳng có chỗ ngồi"*.

Người tranh luận chính ở đây đã khéo léo lấy tình hình quán trà chuẩn bị cho cuộc thi làm luận cứ phản kích đối phương, xem ra hết sức nhẹ nhàng, không phí sức. Nhưng nếu không nắm vững tình trạng phục vụ cụ thể của quán trà thì làm sao có thể lấy luận cứ chứng minh tại chỗ được ?

Vận dụng thuật này, ngoài ra còn phải biết quan sát sự phát triển của trạng thái sự vật, tư duy phải sắc bén, tùy cơ ứng biến, kịp thời nắm bắt thời cơ, lấy những tình hình hiện trường có thể lợi dụng được làm vũ khí tranh luận cho mình. Chẳng hạn trong một cuộc thi hùng biện với đề tài : *"Để làm tốt công tác dịch vụ thương nghiệp cần phải hiểu được khách hàng"*, do hai bên tranh luận đều sắc bén mà tính đối kháng mạnh mẽ. Và rồi một thành viên bên phải bác do không điềm tĩnh, lời lẽ không thỏa đáng, có chiều hướng công kích cá nhân buộc người chủ trì phải nhắc nhở. Vì thế một thành viên bên bảo vệ đã lập tức nắm bắt lấy chi tiết trong tranh luận này làm căn cứ để làm rõ hơn nữa quan điểm của mình :

"Chúng tôi cho rằng để làm tốt công tác dịch vụ thương nghiệp chủ yếu phải dựa vào lòng tận tụy và trách nhiệm nghề nghiệp, không được coi việc

khách hàng có hiểu biết không mà quyết định thái độ của chúng ta, cũng như việc hôm nay chúng ta đến tham gia cuộc thi hùng biện này, không nên do thái độ đối phương không tốt, thiếu hiểu biết mà chúng ta không nghiêm túc tiến hành tranh luận nữa. Nếu cứ theo quan điểm của đối phương là chỉ khi khách hàng hiểu biết thì mới làm việc tốt được thì cuộc tranh luận của chúng ta làm sao còn tiến hành được đây ?"

Do đội viên đội bảo vệ phản ứng nhanh đã kịp thời nắm bắt một sơ sẩy của đối phương mà khéo léo tổ chức vào lời tranh biện của mình, bởi thế đoạn tranh luận này đã giành được sự hoanh nghênh của công chúng.

Một điểm nữa, vận dụng thuật này còn phải biết nắm lấy mâu thuẫn trong hành động lời nói của đối phương. Chẳng hạn vào thời Minh có nhà tư tưởng "tâm học" nổi danh là Vương Dương Minh, ông ta chủ trương : *Tâm ngoại vô vật.* Và có một hôm ông ta cùng bạn leo núi để ngắm phong cảnh. Suốt dọc đường ông ta thao thao bất tuyệt về tư tưởng triết học của mình. Ông ta nói :

"Phàm những cái mà tâm ta không nghĩ tới đều không tồn tại. Hãy nói những cây to này, chúng tồn tại là vì chúng ta nhìn thấy chúng, lòng ta nghĩ tới chúng. Nếu không sẽ không tồn tại".

Đang khi ông ta cao hứng diễn thuyết thì bất ngờ vấp phải hòn đá, mũ lăn xuống dốc núi. Và vậy là cụt hứng : *"Chẳng dè vấp phải đá".*

Người bạn ông ta liền hỏi :

"Hòn đá mà ông không hề nghĩ tới sao lại có thể tồn tại được ? Há chẳng phải : Tâm ngoại hữu vật sao ?"

Do lấy luận cứ chứng minh tại chỗ mà người bạn trong truyện đã vạch trần mâu thuẫn trước sau trong lời nói hành động của nhà "Tâm học", khiến ông ta phải lặng thinh.

29. DỰA VÀO QUYỀN UY

Quyền uy luôn luôn có sức hấp dẫn. Quyền uy tín ngưỡng là một khuynh hướng tâm lí tự nhiên nhất đối với con người. Trong thế đối địch hai bên của cuộc tranh luận, căn cứ ở tâm lí tin phục vào quyền uy của người đời mà định thế, dựa vào bản thân hình tượng quyền uy hoặc những lời lẽ của nhân vật quyền uy có thể làm cho lời biện luận của ta có được sức mạnh hùng biện không thể chống chọi.

Dựa vào quyền uy có lúc biểu hiện ở việc dựa vào bản thân hình tượng quyền uy. Trong xã hội phong kiến, hoàng đế là quyền uy cao nhất, dù bất kì kẻ ngụy biện giảo hoạt đến đâu chỉ cần nhắc tới quyền uy cao nhất này là phải lập tức im hơi lặng tiếng. Chẳng hạn : Vào thời Cao Tổ Bắc Tề có một vị đại đức pháp sư quen ngụy biện. Có lần ông ta nêu ra một mệnh đề ngụy biện : *Vô nhất vô nhị* bảo là trên thế giới không có cái *vô nhất* cũng không có cái *vô nhị*. Điều này đã làm cho biết bao học giả danh tiếng phải đau đầu. Cao Tổ nghe nói có một người tên là Thạch Động Đồng rất giỏi biện luận bèn triệu đến tranh luận với đại đức pháp sư. Thạch Động Đồng trước mọi người đã vén áo dài lên, hỏi pháp sư : *"Xem đệ tử có mấy chân nào !"*

"Hai".

Thạch liền co một chân rồi hỏi : *"Giờ lại xem đệ tử có mấy chân"*.

"Một".

Thạch hỏi : *"Vừa nãy nói hai, giờ thì nói một. Sao lại có thể nói :* Vô nhất vô nhị *được ?"*

Pháp sư lập tức trả lời : *"Nếu nói 2 chân là đúng thì không nên có 1 chân. Nếu nói có 1 chân thì rõ ràng 2 chân là sai"*.

Thạch Động Đồng bám riết, hỏi tiếp : *"Nếu ngài cho rằng luận đề của ngài đứng vững được, vậy tôi xin hỏi tiếp, ngài không thể không trả lời ! Đệ tử nghe nói một trời không có hai mặt trời, một nước không có hai vua. Ngài có thể nói là* vô nhất *chăng ? Quái có càn khôn, trời có mặt trời mặt trăng, hoàng hậu cùng thiên tử, toàn là 2 cả. Ngài dám bảo là* vô nhị *sao ?"*

Đến đó, pháp sư đành cười trừ, không dám nói gì nữa.

Các bạn biết đấy, dù pháp sư nói năng có tài đến đâu nhưng một khi đã nhắc tới quyền uy của hoàng đế thì ông ta đành phải im lặng thôi.

Dựa vào quyền uy còn có thể biểu hiện ở chỗ mượn lời nhân vật quyền uy. Lời các bậc thầy cách mạng hoặc danh nhân, những câu đoạn trong sách kinh điển thường hàm chứa những triết lí sâu xa và người ta thường tin tưởng không chút hoặc nghi vào đó. Và như vậy, không cần chứng minh tính đúng đắn nữa. Trong khi biện luận dẫn ra một cách đúng mức những lời lẽ này có thể làm cho lời lẽ chúng ta có được hiệu quả thu phục lòng người. Ví dụ trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần 1 bằng Hoa ngữ với luận đề : *No ấm là điều kiện tất yếu hàn tới đạo đức*, số 4 của đội Phúc Đán bên phản bác trong lời tổng kết cuối cùng có nói :

"Nói đến đây, tôi bất giác nhớ tới ông già Kant (1724 – 1804, nhà triết học Đức) *sống ở Konigsberg* (nay là Kaliningrat) *hơn một trăm năm trước từng nói : "Thế giới này chỉ có hai cái làm cho tim tôi rung động, một là bầu trời sao nhấp nháy trên đầu chúng ta, một là chuẩn mực đạo đức thiêng liêng trong lòng chúng ta !" Cám ơn các vị !"* (vỗ tay kéo dài)

Như ta đã thấy, ở đây đã khéo léo dẫn ra danh ngôn, liên kết *"chuẩn mực đạo đức"* với *"trời sao nhấp nháy"* khiến cho lập luận thăng hoa lên một tầng bậc cao hơn.

Đặc biệt khi tranh luận, lúc đối phương lấy luận cứ từ danh ngôn, muốn phản bác thì cách tốt nhất và mạnh mẽ nhất vẫn là viện dẫn danh ngôn. Chẳng hạn có người đăng bài viết : *Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất kiểm nghiệm chân lí* và có người chỉ trích :

"Đưa thực tiễn lên hàng đầu, lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn duy nhất kiểm nghiệm chân lí, vậy thì anh xếp những lời nói của lãnh tụ cách mạng ở vị trí nào vậy ?"

Về điểm này, tác giả bài viết phản bác :

"Câu hỏi anh nêu ra chỉ cần phản vấn một câu : Mao Chủ tịch từng nói : "Chỉ có thực tiễn cách mạng của hàng triệu người mới là thước đo kiểm nghiệm chân lí, ngoài cái đó ra không có cách gì nữa". Anh xếp lời dạy đó của Mao Chủ tịch ở vị trí nào vậy ?"

Câu trả lời hùng hồn này là lấy danh ngôn của bậc thầy cách mạng làm luận cứ để phản bác. Do vậy đã trả miếng đối phương mạnh mẽ, khiến họ đành chịu thất bại.

Sử dụng thuật *Dựa vào quyền uy* cần chú ý là quyền uy phải có mối liên hệ với nội dung biện luận của chúng ta, dẫn danh ngôn thì không được bóp méo, không được cắt xén.

30. LUẬN ĐOÁN TƯƠNG LAI

Thuật *Luận đoán tương lai* là phương pháp biện luận dựa trên cơ sở nắm vững quy luật phát triển sự vật mà đưa ra dự đoán khoa học cho tương lai, thông qua việc vạch ra xu thế tất yếu của sự phát triển tương lai của sự vật.

Chẳng hạn đêm giao thừa năm 1831, Pha-ra-đây muốn chứng minh : *Từ có thể sinh ra điện*, đã biểu diễn trước quan khách trong phòng lớn. Mọi người thấy ông chuyển động khung dao động và đĩa đồng đã liên tục quay giữa hai cực. Điện kế lúc này từ từ nhích khỏi số 0. Thấy vậy mọi người thán phục. Chỉ riêng một mệnh phụ cười mỉa rằng :

"Thưa ngài, món đồ chơi này dùng để làm gì vậy ?"

Thưa phu nhân, đứa trẻ mới đẻ thì dùng vào việc gì được ?"

Pha-ra-đây đặt tay lên ngực cúi mình đáp.

Từ phía quan khách một trận vỗ tay tán thưởng vang dội.

Ở đây, ta thấy Pha-ra-đây đã dùng thuật *Luận đoán tương lai*. Ông không bàn luận thẳng vào hiện trạng của điện, mà hướng tới tương lai, nó như đứa trẻ sơ sinh, trước mắt thì không thấy có ích gì, nhưng tương lai thì sức sống của nó vô cùng to lớn. Lời dự báo của ông đã được chứng thực hoàn toàn bằng khoa học.

Tương lai sở dĩ có thể dự đoán được là vì sự phát triển của sự vật là có tính quy luật. Trong những điều kiện nhất định thì sự vật có xu thế phát triển theo một chiều hướng nhất định. Chỉ cần phân tích chuẩn xác các mặt mâu thuẫn của sự vật là có thể đưa ra dự báo về tương lai. Và lấy cái đó làm căn cứ biện luận đương nhiên sẽ có sức thuyết phục mạnh mẽ. Lời tranh biện của Hổ Hội nước Tấn là như vậy đó. Ta hãy xem :

Cuối thời Xuân Thu, có Triệu Giản Tử nước Tấn đi xe lên núi săn bắn. Xe vất vả lăn bánh trên đường núi gập ghềnh. Các quan phải xúm lại cố sức đẩy, ai cũng mồ hôi mồ kê. Riêng chỉ một viên đại thần là Hổ Hội không những không đẩy xe mà còn vừa đi vừa hát. Giản Tử ngồi trên xe thấy vậy rất không bằng lòng :

"Ta đi vào đường núi, quần thần đều xúm vào đẩy xe, riêng ngươi vừa đi vừa hát mà không góp sức, đó là ngươi làm tôi mà làm nhục quân chủ ! Thần làm nhục vua, đáng tội gì ?"

"Thần làm nhục vua, tội đáng chết mà lại chết". Hổ Hội nói.

"Chết mà lại chết *là gì vậy ?"* Giản Tử hỏi.

"Mình chết đi, vợ lại chết nữa thì gọi là chết mà lại chết". Hổ Hội nói đến đó và lái sang chuyện khác, nói với Triệu Giản Tử : *"Giờ thì bệ hạ đã biết cái tội của người làm tôi mà làm nhục vua. Vậy thì bệ hạ có muốn biết cái tội người làm vua mà khinh mạn quần thần không ?"*

"Vua khinh mạn quần thần thì phải thế nào ?"

"Người làm vua mà khinh rẻ, làm nhục quần thần thì dần dần sẽ xảy ra tình trạng thế này : Người thông tuệ thì không muốn bày mưu tính kế. Không lo xa sẽ có họa gần. Nước nhà tất sẽ diệt vong. Người tài biện luận sẽ không chịu đi sứ mà dẫn đến không hòa hiếu với lân bang. Kẻ giỏi chiến trận sẽ không chịu xung trận diệt địch mà dẫn đến binh tướng bạc nhược, chịu cảnh kẻ mạnh bắt nạt kẻ yếu và biên giới sẽ bị xâm phạm. Quân chủ khinh mạn quần thần thì cả nội chính, ngoại giao lẫn quốc phòng đều chẳng ai chịu giúp sức. Thế bại vong sẽ đến. Lúc đó liệu còn nước nữa không ?"

Lời Hổ Hội khiến Triệu Giản Tử cả sợ, mồ hôi chảy ròng ròng. Rồi như sực tỉnh ông ta nói : *"Giỏi, giỏi ! Nói hay lắm !"* Liền ra lệnh không để quần thần đẩy xe lên núi nữa. Rồi đó bày yến đặt tiệc cùng uống rượu với quần thần.

Ta thấy trong cuộc biện luận này, Hổ Hội đã nhìn xa trông rộng, đã biết đưa ra dự báo khoa học cho xu thế phát triển tương lai, nói có lí có lẽ khiến nhà vua sợ toát mồ hôi và tỉnh ngộ ra. Như vậy đủ biết sức mạnh to lớn của thuật *Luận đoán tương lai.*

31. LUẬN BÀN NHÂN THÂN[1]

Thuật *Luận bàn nhân thân* là phương pháp biện luận mà khi quan điểm của đối phương sai lầm đã rõ nhưng rất khó thắng bằng tiến công chính diện, và cần phải thay đổi đấu pháp nhằm vào tư tưởng, phẩm hạnh, thân danh, tiểu sử của đối thủ để tấn công chế ngự mà giành chiến thắng.

Thuật *Luận bàn nhân thân* là một phương pháp rất có sức mạnh trong tranh luận. Đó là vì tư tưởng, phẩm hạnh, thân danh, tiểu sử của con người là những nhân tố có một sức nặng trong tâm lí người theo dõi và vì vậy có tác dụng, ảnh hưởng khá lớn. Trong khi tranh cãi, dùng thuật này ta có thể đập tan tâm lí tự tôn của đối thủ, khiến họ xấu hổ mà rơi vào cảnh huống không có lỗ nẻ mà chui. Từ đó mất đi sức phản kích. Lúc này đánh địch như bắt cua trong giỏ, thò tay vào là tóm được ngay. Chẳng hạn :

Thời Tam Quốc Khổng Minh và Tào Chân bày trận dưới chân núi Kì Sơn. Quân sư của Tào Chân là Vương Lang phóng ngựa lên trước trận nói về vận trời : *Kẻ thức thời là tuấn kiệt* để dụ Khổng Minh. Nhưng vì Vương Lang là lão thần của nhà Hán, nên lời phản bác của Khổng Minh nhằm thẳng vào thân phận, địa vị của ông ta :

"Ta vốn biết ngươi mà : Bao đời ở ven Đông Hải rồi trúng hiếu liêm. Lẽ ra phải giúp vua cứu nước trị bình thiên hạ, nhưng cớ sao lại giúp kẻ nghịch tặc, bày mưu cướp ngôi ? Tội ác ghê thay, trời không dung đất không tha. Nhân dân ai cũng muốn ăn thịt ngươi đó... Nay ngươi đã là bề tôi thất thế, chỉ biết cúi đầu rụt cổ để mong có cơm áo, sao còn dám vác mặt ra trước hàng quân để bàn về mệnh trời. Rõ đồ thất phu đầu bạc, thằng giặc râu trắng ! Ngươi xuống suối vàng ngay ngày hôm nay còn mặt mũi nào đi gặp 24 đế nữa !"

Những lời lẽ gay gắt đó nhằm vào Vương Lang bất trung bất hiếu, nhân phẩm thấp hèn, hoàn toàn không đủ tư cách để bàn về những đạo lí lớn lao như thiên mệnh, thời cuộc. Vương Lang nghe xong tức uất lên, kêu to một tiếng ngã ngựa mà chết. Chỉ là một cuộc tranh luận thế mà làm chết được một tên giặc. Từ đó đủ biết sức mạnh to lớn của thuật *Luận bàn nhân thân*.

---

(1) Chỉ sinh mạng, sức khỏe, hành động, danh dự của cá nhân.

Đặc biệt khi chúng ta bị đối phương công kích vào nhân thân, thì cũng có thể đối phó bằng thuật này. Chẳng hạn khi quân Thanh tiến xuống phương nam thì viên thượng thư bộ lễ của triều đình nhà Minh là Tiền Khiêm Ích vội đầu hàng. Đứa cháu gái của y do chồng chết mà tái giá. Theo tục lệ địa phương thì đám cưới tái giá không có trống có nhạc. Họ Tiền trông thấy cháu gái liền nói :

"Lần cưới trước trống nhạc vang trời, sao lần này im ắng vậy ? Hai lần đều cưới mà sao khác nhau !"

Cô cháu biết là cậu cười mỉa việc mình tái giá, thế là ăn miếng trả miếng :

"Thiết nghĩ cậu lần trước đến mừng cưới thì mặc áo cổ tròn (y phục quan lại nhà Minh), *sao nay lại áo đính móc* (y phục quan lại nhà Thanh). *Cả hai lần đến đều mừng cưới mà sao khác nhau ?"*

Họ Tiền lúc đó lấy làm xấu hổ, cúi gầm mặt.

Tiền Khiêm ích lấy việc chồng chết rồi tái giá để chê cười đối phương. Cô cháu khó bề chống đỡ, liền dùng thuật *Luận bàn nhân thân* vạch trần chân tướng đầu hàng phản quốc. Trách nào vừa nói ra ý này, đối phương đã run sợ.

Điều cần chú ý khi dùng thuật này là nếu rõ ràng biết quan điểm của mình sai rồi, chân lí nằm phía đối phương mà lại tung hỏa mù chuyển hướng mục đích làm nhục đối phương thì đó chỉ là kiểu ngụy biện công kích nhân thân. Chúng ta vẫn hết sức chú ý không trượt vào con đường công kích nhân thân này.

32. ĐỊNH NGHĨA CHÍNH DANH

Để biện luận tiến hành thuận lợi, chúng ta cần làm rõ hàm nghĩa của khái niệm, tức là phải xác định nội hàm của khái niệm là gì. Thuật *Định nghĩa chính danh* là phương pháp biện luận thông qua việc chỉ rõ thuộc tính bản chất một khái niệm để đạt được mục đích làm rõ nội hàm của khái niệm.

Thuật *Định nghĩa chính danh* là một cách biện luận mạnh mẽ. Có khi chúng ta ở vào hoàn cảnh gay go nhưng bằng việc đưa ra định nghĩa chính xác về những khái niệm hữu quan, làm rõ hàm nghĩa của chúng mà thu được hiệu quả chuyển bại thành thắng. Chẳng hạn trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần một bằng Hoa ngữ với đề tài : *Nhân tính bản thiện*, đội phản bác là Phúc Đán luận chứng rằng : *Nhân tính bản ác* và họ sở dĩ đã giành chiến thắng vì một nguyên nhân trong đó là ngay từ đầu đã đưa ra định nghĩa các khái niệm : *nhân tính, thiện, ác,* và làm rõ hàm nghĩa trong đó. Lí lẽ của họ là :

"Lập trường phía chúng tôi là : Nhân tính bản ác.

Thứ nhất, nhân tính được tổ thành từ thuộc tính xã hội và tự nhiên. Thuộc tính tự nhiên chỉ cái bản năng và dục vọng không thể tiết chế, và do đó là bản tính của con người, nó cùng đến với cuộc đời. Còn thuộc tính xã hội có được là qua cuộc sống xã hội, giáo hóa xã hội, nó là thuộc tính có sau khi sinh ra. Chúng tôi nói nhân tính bản ác đương nhiên là chỉ nhân tính vốn có, trước khi sinh ra chính là cái ác.

Thứ hai, nói tới thiện ác thì một ngàn vị công chúng sẽ là một ngàn Hăm-lét, một ngàn cái bụng sẽ là một ngàn tiêu chuẩn thiện ác. Thế nhưng rốt cuộc thì ác vẫn chỉ sự gia tăng không thể kìm chế của bản năng và dục vọng, còn thiện thì chỉ về sự kiểm soát hợp lí của bản năng. Chúng tôi nói nhân tính bản ác chính là nói về cái xu hướng phát triển vô hạn của khuynh hướng tự nhiên ở con người. Tào Tháo chẳng đã từng nói : "Thà ta phụ người trong thiên hạ, không thể để người trong thiên hạ phụ ta", đó sao ? Lu-y 15 cũng chẳng từng nói : "Khi ta chết rồi thì mặc cho hồng thủy dâng cao" đó sao ? Lại vì một cậu bé người Anh, để có được chiếc xe đạp mà bán cả em gái 3 tuổi của mình. Những điều này các bạn còn nói Nhân tính bản thiện *được nữa không ?"*

Thật ra *Nhân tính bản ác* là một đề tài cực kì khó. Bởi vì Singapo là một quốc gia sùng thượng *Nhân tính bản thiện*, ban giám khảo thì đa số học giả

chuyên gia cũng là người quan niệm *Nhân tính bản thiện*. Thế nhưng đội Phúc Đán do đã vận dụng thuật *Định nghĩa chính danh* một cách xác đáng đã làm rõ các hàm ý của những khái niệm *nhân tính, thiện, ác*. Và họ đã tranh luận một cách dễ dàng, giành được sự vỗ tay hoan hô liên tiếp và cuối cùng được ban giám khảo cho điểm cao nhất. Thế là họ đã giành được giải quán quân trong cuộc thi hùng biện này.

Cuộc biện luận giữa Ngụy Trưng và Đường Thái Tông cũng vậy. Theo *Trinh quán chính yếu* vào đầu đời Đường, Thái Tông Lí Thế Dân cho Ngụy Trưng làm gián nghị đại phu. Ngụy Trưng do thẳng thắn công chính mà có một số người ghét và bị xúc xiểm. Rồi đó nhà vua phái Ôn Nhan Bác đến trách Ngụy Trưng. Và vì thế, Ngụy Trưng phải đi gặp vua :

"Kẻ bề tôi này muốn được bệ hạ cho làm lương thần mà không làm trung thần".

Lí Thế Dân kinh ngạc vội hỏi : *"Lương thần và trung thần chẳng là như nhau đó sao ?"*

Ngụy Trưng đáp lại : *"Không như nhau, như là ông Tắc và Cữu Đào thời cổ xưa, đó là lương thần. Như Long Phùng, Tỉ Can, đó là trung thần. Lương thần lấy việc nước làm trọng, công mà vô tư. Do vậy mình được tiếng tốt và vua được tiếng, các lớp con cháu truyền nối mãi, vận nước vô cùng. Còn trung thần thì không thế, họ chỉ một bề cung thuận để lo toan cho cá nhân. Nhà vua bởi vậy mà mang tiếng xấu là hôn quân, thậm chí là nước mất nhà tan. Đấy chính là chỗ khác nhau giữa trung thần và lương thần".*

Ngụy Trưng ở đây đã dùng thuật *Định nghĩa chính danh* lần lượt chỉ ra hàm nghĩa chính xác của hai khái niệm lương thần và trung thần. Như vậy, đã khéo léo phê bình nhà vua chỉ ưa bợn một bề cung thuận và ngầm chỉ ra hậu quả rất xấu của cung cách này. Ngụy Trưng biện luận sắc bén, mạnh mẽ và đã khiến Lí Thế Dân phải cảm phục.

33. KHÁI QUÁT CHÍNH DANH

Trong quá trình biện luận, khi chúng ta thấy đối tượng mà một khái niệm nào đó chỉ ra có phạm vi quá hẹp mà phải mở rộng ngoại diên thì có thể dùng phương pháp khái quát. Thuật *Khái quát chính danh* là phương pháp biện luận thông qua việc lược bỏ những nội hàm nào đó trong khái niệm để đi tới khái niệm mới có ngoại diên lớn hơn.

Trong giờ học toán ở một trường tiểu học, thầy giáo hỏi học sinh :

"5 cân cộng 3 cân bằng bao nhiêu ?"

"8 cân !". Học sinh đồng thanh trả lời.

"5 cân củ cải cộng 3 cân rau cải thìa bằng bao nhiêu ?"

"8 cân !" Có mấy học sinh đáp lời, không cần suy nghĩ.

"8 cân gì ? Củ cải hay rau cải thìa ? Hay là cái gì khác ?"

"8 cân củ cải !" Một học sinh trả lời đơn giản, khiến cả lớp cười.

Duy chỉ có một học sinh thông minh là không chịu nói, em có vẻ trầm tư. Nhưng rồi em quả quyết trả lời :

"8 cân rau !"

Và đáp án của em được thầy giáo và các bạn chấp nhận. Nghe nói sau này em học sinh đó đã thành một nhà toán học.

Như ta đã biết trả lời *củ cải* hay *rau cải thìa* sở dĩ sai là vì ngoại diên những khái niệm đó quá hẹp. Em học sinh thông minh đã dùng thuật *Khái quát chính danh* bỏ bớt một số nội hàm các khái niệm *củ cải, rau cải thìa* để đi đến khái niệm mới là *rau* có ngoại diên lớn hơn. Chính vì thế mà trả lời chặt chẽ, chính xác, được thầy và các bạn khen. Từ đấy, ta thấy trong một số trường hợp biện luận, thuật *Khái quát chính danh* có tác dụng không thể thiếu.

Ngoài ra, khi chúng ta muốn nâng cao tính lí luận về một hiện tượng sự vật nào đó để nhận thức, để chỉ rõ bản chất của những hiện tượng này nhằm làm cho mọi người đặc biệt coi trọng những hiện tượng đã nêu thì rõ ràng phải dùng tới thuật *Khái quát chính danh*. Chúng ta hãy quan sát đoạn tranh luận về một vụ án cướp của sau đây.

Người biện hộ : *"Xin hỏi giá trị tương đối lớn là căn cứ vào đâu ? Bị cáo cướp một chiếc đồng hồ mác Thanh Đảo giá gốc 80 đồng, đã dùng 2 năm, khấu hao 20% còn 64 đồng. Vậy phải chăng thuộc giá trị tương đối lớn ?"*

Công tố viên : *"Căn cứ bộ luật hình sự quy định thì nếu dùng bạo lực, bức hiếp hoặc cách khác để tước tài sản công hay tư thì đều coi là tội cướp và không quy định giá trị. Đó chính là vì bản thân hành vi phạm tội này đã tạo nên tính nguy hại nghiêm trọng cho xã hội, và cần phải bị trừng phạt. Bị cáo đang khi xây dựng nhà máy điện, bước vào cao trào, lợi dụng đêm tối vắng người đã cướp đồng hồ của một nữ công nhân. Điều này không chỉ gây tổn thất vật chất cho người bị hại, cái nghiêm trọng hơn là tạo nên không khí lo sợ, làm rối loạn trật tự xã hội, nữ công nhân không còn dám đi ca đêm, trực tiếp ảnh hưởng tới tiến độ công trình, ảnh hưởng tới tự hóa và đoàn kết ổn định. Đó không phải là tổn thất về vật chất, mà là điều nghiêm trọng hơn. Vậy nên phải xử lí nghiêm theo pháp luật".*

Trong lời buộc tội, công tố viên đã sử dụng thuật *Khái quát chính danh* mở rộng ngoại diên tương đối hẹp và cụ thể của hành vi *cướp giật đồng hồ của nữ công nhân* thành ngoại diên lớn hơn là *ảnh hưởng công cuộc tự hóa và đoàn kết yên ổn*. Như vậy là đã vạch trần bản chất của hành vi ăn cướp để mọi người phải coi trọng vụ án này.

34. HẠN CHẾ CHÍNH DANH

Trong biện luận, phạm vi một khái niệm chỉ ra cần xác đáng, không được lớn quá hay nhỏ quá. Khi ta thấy phạm vi một khái niệm chỉ ra quá rộng, cần thu hẹp, thì dùng phương pháp hạn chế. Hạn chế ở đây tức là phương pháp biện luận thêm nội hàm cho khái niệm, khiến cho khái niệm từ ngoại diên tương đối lớn chuyển thành khái niệm mới với ngoại diên hẹp hơn.

Trong tranh luận, biết vận dụng thuật *Hạn chế chính danh* dùng dẫn cũng sẽ có được vũ khí có uy lực để giành chiến thắng. Chẳng hạn, tháng 10 năm 1938 nhà nghệ thuật điện ảnh nổi tiếng người Mĩ là Saplin đã viết một kịch bản phim để châm biếm và vạch trần bộ mặt Hít le với đề tài : *Kẻ độc tài*. Mùa xuân năm sau khi phim trình chiếu thì công ti Phai la mông nói Richar Hardin Taiwei đã lấy đề tài : *Kẻ độc tài* để viết một vở kịch vui, cho nên cái tên đó là "tài sản" của họ rồi. Saplin cử người đàm phán với họ nhưng không có kết quả, bèn tự mình trực tiếp thương lượng về biện pháp giải quyết. Thế nhưng công ti Phai la mông vẫn kiên trì :

"Nếu ông vẫn muốn "mượn" cái tên Kẻ độc tài thì phải chi ra 250 ngàn đôla cho việc chuyển nhượng quyền. Nếu không sẽ bị kiện !"

Saphin vụt lóe ra ý định, vội thêm ngay một chữ *lớn* thành *Kẻ độc tài lớn* và nói vui :

"Các ông viết về kẻ độc tài bình thường, còn tôi viết về kẻ độc tài lớn. Hai đề tài không liên quan gì đến nhau".

Nói xong liền bỏ về. Bọn chủ công ti Phai la mông chỉ biết nhìn nhau tức tối.

Ở đây ta thấy Saplin đã dùng cách hạn chế khái niệm có ngoại diên tương đối lớn bằng việc thêm một nội hàm "lớn", để nó trở thành khái niệm mới có ngoại diên hẹp hơn : *Kẻ độc tài lớn*. Và như vậy, ông đã toàn thắng trong cuộc tranh chấp này. Sau việc đó, Saplin đã ý vị nói với bạn bè : *"Tôi dùng thêm có một chữ "lớn" mà tiết kiệm được 50 ngàn đôla, có thể nói một chữ đáng bạc vạn !"*

Ngược lại, nếu một khái niệm đáng hạn chế mà không hạn chế thì thường bị người ta tìm chỗ sơ hở. Chẳng hạn, Tùy Văn Đế Dương Kiên thời xưa không

ưa người con đích trưởng là Dương Dũng liền ra lệnh phế Dương Dũng mà lập Dương Quảng làm hoàng thái tử, rồi chuẩn bị cho Dương Quảng kế vị. Nhưng Dương Kiên lúc lâm chung bỗng phát hiện ra Dương Quảng thường hay gian dâm với ái phi của mình Tuyên Hoa, thế là vội triệu Dương Dũng vào cũng để lập lại ngôi thái tử và dặn dò hậu sự. Nhưng do lúc này quá giận dữ nên ông ta kêu to *"Triệu con ta !"* và do không chỉ rõ ràng cụ thể là con nào nên bị Dương Quảng và bọn gian thần lợi dụng sơ hở để bày mưu chiếm ngôi, xưng là Tùy Dạng Đế.

Ta thấy nếu Dương Kiên có sự hạn chế cần thiết về "con ta" mà nói thành "Dương Dũng con ta" thì đối phương đâu còn lợi dụng được kẽ hở nữa. Do đáng hạn chế mà không hạn chế mà kết quả đã xảy ra việc đáng tiếc. Bởi vậy những nhà hùng biện cần phải lấy đó làm răn.

35. HẠN CHẾ LUẬN ĐỀ

Trong biện luận, khi chúng ta gặp phải luận đề bất lợi, để chuyển từ bị động thành chủ động, có thể dùng phương pháp *Hạn chế luận đề*. Tức phải khéo léo hạn chế đề tài tranh luận, để biến nó thành đề tài có lợi cho mình, từ đó mà giành quyền chủ động tranh luận đặng đi tới chiến thắng.

Chẳng hạn có lần trong cuộc thi hùng biện với luận đề : *Học sinh trung học quan hệ khác giới hại nhiều hơn lợi* và một đội rút thăm trúng vào bên bảo vệ. Rõ ràng đây là đề khó, vì trong quan niệm con người hiện đại gần như không cần luận chứng mà cho rằng *lợi nhiều hơn hại* chứ không phải *hại nhiều hơn lợi*. Trước một đề khó, họ đã dùng thuật *Hạn chế luận đề*, biến đề tài thành : *Học sinh trung học quan hệ khác giới một cách tùy ý sẽ hại nhiều hơn lợi*.

Như vậy, do từ *quan hệ* không thêm một hạn chế nào ở phía trước, hầu như không thay đổi tính chất luận đề. Mặt khác bốn chữ *một cách tùy ý* ở phía sau lại có tính mê hoặc vừa có thể cho rằng : *để tự nhiên, không cần chỉ trích*, điều này rất phù hợp với quan điểm của đối phương, đối phương vì vậy khó mà có cớ phản đối ; lại vừa có hàm ý : *phát triển đến cùng cực*, tức có ý "việc kín" ; thậm chí còn có thể hiểu rằng *thiếu sự giáo dục và hướng dẫn cần thiết*, như vậy đã làm cho họ tranh luận trở nên dễ dàng, thuận lợi. Lời tranh luận của họ cụ thể như sau :

"Phía chúng tôi cho rằng ngày nay nam nữ bình đẳng, chúng ta từ nhà trẻ đến trường trung học đã có mối quan hệ rộng rãi, nhưng học sinh trung học trong quan hệ khác giới đã xuất hiện một khuynh hướng khác tức là xuất hiện không ít trường hợp yêu quá sớm và dẫn tới sai lầm. Và đó chính là giá trị của vấn đề tranh luận hôm nay. Nếu không phải là tại điểm này thì chúng tôi không cần phải tranh luận, chẳng hạn chẳng ai sẽ tranh luận về vấn đề các bạn nam nữ ở vườn trẻ quan hệ với nhau là có tốt không. Cho nên, chúng tôi cho rằng vấn đề : Học sinh trung học quan hệ khác giới – lợi và hại thì giá trị của luận đề là ở chỗ một cách tùy ý có tốt không".

Cứ như vậy, luận đề đã dễ dàng được hạn chế có lợi cho bên bảo vệ.

Dùng thuật *Hạn chế luận đề*, điều cần chú ý là phải hạn chế xác đáng, tức sau khi hạn chế rồi thì bên mình từ chỗ không nói được gì đã có thể thao thao bất tuyệt. Còn nữa là phải hạn chế cho thật khéo để không ai nhận ra dấu hiệu đã thay đổi luận đề.

36. NẮM CHẮC CỐT LÕI

Trong tranh luận, khi đối phương đứng trước luận đề bất lợi thì thường cố ý tung hỏa mù làm mất phương hướng rồi từ đó chuyển đề tài, lái luận đề sang hướng khác hẳn với cốt lõi. Nếu chúng ta do cao hứng truy bức đối phương, tiến công quyết liệt đến cùng thì sẽ mất phương hướng trong màn khói mù đối phương tung ra và rồi cuộc tranh luận sẽ rẽ sang con đường khác, kết quả là bị đối phương khống chế. Lúc này, chúng ta cần phải giữ cho đầu óc tỉnh táo, trầm tĩnh, phải nắm chắc cốt lõi luận đề, dù cho đối phương có làm ảo thuật thiên biến vạn hóa thì vẫn giữ vững. Có như vậy thì trong bất kì tình thế tranh luận phức tạp nào cũng vững vàng đi tới thắng lợi.

Trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần một bằng Hoa ngữ với chủ đề : *ấm no là điều kiện tất yếu để nói tới đạo đức*, đội trưởng đại học Cambridge nước Anh ở bên bảo vệ cần phải luận chứng : *Không có ấm no thì không thể nào nói tới đạo đức*. Và điều này là vô cùng khó khăn, bởi vì chỉ cần nêu ra được một người *không ấm no mà cũng bàn tới đạo đức* thì cũng bác bỏ được luận đề. Trước một luận đề khó, bên bảo vệ liền hạn định đề tài thành : *Bàn tới đạo đức không thể tách rời no ấm*. Như vậy, rõ ràng là thay đổi cả ý nghĩa vốn có của luận đề. Trước việc đó, đội Phúc Đán ở bên phản bác đã *Nắm chắc cốt lõi*, xoay quanh luận đề, và đã tấn công nhiều lần vào đối phương. Ví dụ :

Số 1 : *"... với luận đề hôm nay, phía chúng tôi chỉ cần luận chứng là :* Không no ấm vẫn có thể nói tới đạo đức, *còn phía đối phương phải luận chứng là :* Không no ấm thì không thể nói tới đạo đức. *Thế nhưng ở điểm này, số 1 của đối phương lại không đề cập đến đầy đủ".*

Số 2 : *"Tôi đã bao lần nhắc nhở anh bạn tham gia tranh luận bên đối phương rằng điều mà các anh phải chứng minh hôm nay là :* Không có ấm no thì không thể bàn tới đạo đức. *Bất kể đạo đức này là đạo đức đảm bảo no ấm hay đạo đức không thể đảm bảo no ấm".*

Số 3 : *"Hôm nay tại sao quan điểm phía chúng tôi lại có sự khác biệt rất lớn về mặt định nghĩa so với phía các bạn ? Là vì các bạn tham gia tranh luận bên phía đối phương đã đồng nhất khái niệm cơm no áo ấm với sinh tồn. Nếu cứ làm theo như vậy, thì trên thế giới này sẽ không tồn tại những người không no ấm. Bởi vì họ đều không sinh tồn, không sống".* (vỗ tay)

Số 1 : *"Điều đối phương bàn tới chẳng phải là :* ấm no cũng có thể bàn tới đạo đức *đó sao ? Về điểm này chúng tôi đã bao giờ phản đối đâu ! Vấn đề là cái đối phương phải luận chứng là :* Không có ấm no thì không thể bàn tới đạo đức. *Đề nghị phía các anh hãy đưa ví dụ chứng minh đi : dù chỉ một ví dụ, xã hội loài người vào lúc nào, ở đâu, trường hợp nào không thể bàn tới đạo đức ?"*

Số 4 : *"... Sai lần thứ 3 mà đối phương phạm phải là bỏ cái thật lấy cái giả. Đối phương trước sau nói với chúng ta rằng no ấm có thể tạo nên điều kiện tốt hơn để bàn tới đạo đức. Thế nhưng chưa hề nói trường hợp không no ấm thì không thế nào bàn tới đạo đức".*

Trong cuộc tranh luận này, đội phản bác Phúc Đán do đã nắm chặt lấy luận đề của đối phương : *Không no ấm thì không thể nào bàn tới đạo đức* mà tiến hành tranh luận, vì thế mà làm cho ý đồ thay đổi luận đề của đối phương không thể thực hiện được. Ngược lại, nếu không như vậy, cuộc tranh luận có khả năng lạc vào mê cung.

37. RÚT CỦI DẬP LỬA

Trong tranh luận, khi đối phương đưa ra luận điểm ngược lại với mình, nếu muốn luận điểm của mình đứng vững thì phải đưa ra luận cứ tương ứng để luận chứng. Điều này giống như một xoong nước, muốn cho nước sôi thì phải đốt củi dưới đáy xoong. Và nếu muốn không cho nước sôi sủi bọt nữa thì có thể có hai cách. Một là lấy gáo múc lên đổ xuống liên tục cho nguội đi. Hai là rút củi ra. Cách thứ nhất tuy tạm thời có làm cho nước hết sủi, nhưng chỉ được một lát rồi lại sủi như cũ. Thế còn cách thứ hai thì nước không còn sôi lại nữa. Biện luận cũng giống như vậy, chúng ta chỉ cần đánh đổ luận cứ của đối phương thì luận điểm của họ không thể đứng vững được nữa.

Ta hãy xem một cuộc tranh luận tại tòa án xử vụ cưỡng dâm.

Người biện hộ : *"Tôi cho rằng bị cáo Trương X không cưỡng dâm. Lí do là : (1) Không có dấu hiệu Trương X sử dụng bạo lực, và không thể quy là đi ngược lại ý chí của người đàn bà. (2) Trần Y tự mình theo ra công viên, điều này chứng tỏ cô ta cũng đồng ý. (3) Xong việc thì chị ta còn hẹn gặp lại, và thực tế cô ta đã đi."*

Công tố viên : *"Tôi cho rằng cả 3 lí do này đều không được khẳng định. Qua điều tra của tòa cho thấy bị cáo Trương X sau khi chặn đường Trần Y, đầu tiên thì đề nghị tìm hiểu, nhưng Trần Y không bằng lòng. Sau đó, bị cáo đã giằng lấy cặp sách của cô, khóa xe đạp của cô lại. Lúc này, phía nữ dù phải vứt bỏ cặp sách và xe để thoát thân cũng đành. Đi một đoạn, bị cáo lại ngăn lại. Rồi đấm mạnh vào cô. Trước tình hình đó, phía nữ thân cô thế cô, không chống lại được đành để cho bị cáo lôi vào vườn hoa. Chúng ta thử nghĩ đêm khuya thanh vắng, một cô gái 18, 19 tuổi đứng trước bạo lực đó thì còn làm gì được nữa ? Lẽ nào sự khuất phục này lại có thể nói là phía nữ đồng ý ? Còn về phía nữ chấp thuận lời hẹn gặp lại của bị cáo là vì không còn cách nào khác, đó chỉ là kế hoãn binh. Nếu không thì lần sau cô ta làm sao có thể bố trí cho bố và anh đi bảo vệ để bắt quả tang bị cáo đây ? Bị cáo Trương X dám đến nơi hẹn gặp lần sau, điều này càng chứng tỏ y quá đỗi ngông cuồng, coi thường phép nước".*

Công tố viên trong biện luận đã dùng thuật *Rút củi dập lửa,* lần lượt bác bỏ 3 luận cứ của người biện hộ. Ở đây ta thấy lí lẽ chặt chẽ, tầng thứ phân minh và cuối cùng đã giành chiến thắng.

Trong cuộc thi hùng biện cũng vậy. Khi đối phương dùng luận cứ giả dối thì phải vạch trần sự giả dối của những luận cứ đó. Như vậy mới có sức mạnh công kích to lớn. Chẳng hạn trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần một bằng Hoa ngữ năm 1993 với luận đề : *"AIDS là vấn đề y học, không phải vấn đề xã hội"*, số 2 bên bảo vệ trong khi biện luận tự do đã nói :

"... Năm 1987, ông Viện phó Viện khoa học Y học dự phòng Trung Quốc nói với chúng ta rằng nhân viên của ông đã phân lập được một loại mầm bệnh AIDS và đã triển khai việc nghiên cứu căn bệnh AIDS với sinh học phân tử, và đã thu được kết quả hữu hiệu".

Bên bảo vệ lấy cái đó để công kích quan điểm y học bó tay đối với AIDS của phía phản bác. Thế nhưng luận cứ này là giả dối, và thế là số 4 bên phản bác lên tiếng về việc này như sau :

"Ông Khang Lai Nghi là nhà nghiên cứu nổi tiếng của Trung Quốc về AIDS lại nói rằng cái gọi là kết quả nghiên cứu vừa nãy cho đến nay vẫn chưa có cách gì để chứng minh". (vỗ tay)

Như vậy là đã giáng cho đối phương một đòn tâm lí nặng nề. Và từ sau đó đại diện bên bảo vệ không còn dám dẫn chứng những báo cáo về kết quả nghiên cứu đăng trên báo nữa.

38. PHẢN BÁC LUẬN CHỨNG

Đối phương để biện hộ cho luận đề sai lầm của họ thường nêu ra những luận cứ nhất định để chứng minh luận đề này đứng vững và giữa các bước đã vận dụng những phương pháp luận chứng nhất định. Khi đối phương vận dụng những phương pháp luận chứng sai lầm để bảo vệ cho cái sai của họ, chúng ta muốn bác bỏ, có thể bằng cách chỉ ra cái sai lầm trong luận chứng của họ, chỉ ra giữa luận cứ và luận đề không có mối liên hệ tất yếu, để đạt tới mục đích của mình. Đó chính là thuật *Phản bác luận chứng*.

Chúng ta hãy xem xét các phương pháp luận chứng mà các bên vận dụng qua cuộc tranh luận sau :

Trong đại giáo đường Tô-ri-nô nước Ý có một vật thiêng (đồ thánh) tương tuyền là tấm vải lanh Asia Minor từng liệm xác chúa Giê-su. Hơn 600 năm nay các tín đồ Thiên chúa giáo đã tranh cãi về sự thật giả của nó. Năm nọ, có 5 học viên của viện thần học đến đây. Họ xem qua tấm vải rồi lần lượt phát biểu ý kiến của mình.

A : *Tôi cho rằng vật thiêng này là thật. Nếu là giả thì làm sao nó được các giáo hữu của chúng ta tôn thờ hơn 600 năm qua.*

B : *Tôi cũng cho rằng nó là thật. Giê-su bị đóng đinh trên cây thập tự, khi chết thì cổ tay và đùi đã chảy nhiều máu. Giờ đây chúng ta cũng nhìn thấy vết máu trên đó. Vậy có thể xác định nó là thật.*

C : *Tôi cho rằng nó là giả. Các nhà chuyên môn cho biết là vải lanh Asia Minor mãi đến thế kỉ 12 mới có. Thế mà Giê-su gặp nạn vào thế kỉ thứ nhất công nguyên. Như vậy tấm vải lanh Asia Minor này không thể là vật thiêng.*

D : *Tôi không thể khẳng định nó là thật hay giả. Tốt nhất là dùng đồng vị phóng xạ C_{14} để xác định tuổi. Nếu là hàng dệt thuộc thế kỉ thứ nhất công nguyên thì có thể khẳng định nó là vật thiêng.*

E : *Tôi đồng ý với ý kiến của B. Nhưng cần bổ sung một điểm là tốt nhất ta dùng thiết bị để xác định khoảng thời gian của vết máu trên vải. Nếu gần với khoảng năm Giê-su gặp nạn thì sẽ rất có sức thuyết phục.*

Từ giác độ của luận chứng mà phân tích thì trong những điều luận bàn của 5 người trên, chỉ có phương pháp luận chứng của C là đúng đắn. Còn ý kiến

của những người kia là sai lầm. Họ đã dùng phương pháp suy diễn điều kiện, nhưng tiền đề của mệnh đề điều kiện của A là giả dối, còn B, D và E thì lại dùng hình thức sai lầm khẳng định hậu kiện trong suy diễn điều kiện. Ví dụ :

Nếu là đồ thánh thì trên đó có máu,

Trên nó có máu,

Cho nên, nó là đồ thánh.

Hiển nhiên là phương pháp luận chứng này là sai lầm.

Chúng ta muốn đạt được mục đích *Luận chứng bác bỏ*, có thể trực tiếp chỉ ra sai lầm trong suy luận của đối phương, cũng có thể mô phỏng hình thức suy luận sai lầm của đối phương để suy ra kết luận mà khiến cả đối phương cũng cảm thấy khó chấp nhận. Như vậy cũng có thể đạt được mục đích vạch trần sai lầm một cách hữu hiệu. Chẳng hạn, có vị nghị sĩ thượng viện Mĩ đã nói với nhà logic học Mĩ là Bếch-cơ-li rằng :

"Tất cả những người cộng sản đều công kích tôi, ông công kích tôi, vì vậy, ông là người cộng sản".

Bếch-cơ-li lập tức bác bỏ :

"Suy luận của ông rất hay, xem xét từ khía cạnh logic thì nó không khác gì suy luận sau đây. Tất cả mọi con ngỗng đều ăn rau cải trắng, ngài thượng nghị sĩ cũng ăn cải trắng, vậy ngài thượng nghị sĩ là ngỗng".

Ở đây, ta thấy thượng nghị sĩ nọ đã dùng thuật tam đoạn luận sai là do thuật ngữ giữa (trung hạng) không chu diên. Và Bếch-cơ-li đã bắt chước hình thức suy luận này để rút ra kết luận "ngài thượng nghị sĩ là con ngỗng" khiến đối phương phải khó chịu, và cũng chính như vậy, đã vạch trần mọi sai lầm trong cách suy luận của đối phương.

39. BẮT GIẶC PHẢI BẮT TƯỚNG

Trong khi luận chiến cùng đối phương mà đã đánh đổ được luận cứ hoặc luận chứng của họ, thì không có nghĩa là luận đề của đối phương tất phải là giả dối mà chỉ có thể nói rằng luận đề của đối phương không đáng tin cậy. Và muốn bác bỏ triệt để đối phương còn phải tiến hành bác bỏ triệt để luận đề của họ. Điều này giống như đánh trận, đánh là phải bắt cho được tướng giặc, và như vậy chúng mới tan. Thuật *Bắt giặc phải bắt tướng* chính là phương pháp nhằm vào quan điểm của đối phương mà trực tiếp tiến hành phản bác để rồi hạ gục đối thủ.

Đời có câu *"Sự thực hơn cả hùng biện"*. Sử dụng thuật *Bắt giặc phải bắt tướng* thì cách hiệu quả nhất là phải đối trận mà nêu ra một loạt sự thực hiển nhiên không thể nghi ngờ. Trước những sự thực hiển nhiên này thì dù đối phương có nói bừa nói bãi, khua môi múa mép cũng vô tích sự. Chẳng hạn cách đây hơn 40 năm, Et-sơn người phát ngôn của Mĩ khi biện hộ cho chế độ thống trị đen tối của chủ nghĩa đế quốc và Tưởng Giới Thạch đã nói bừa rằng cách mạng Trung Quốc nổ ra là do : dân số quá đông. Trước việc này, đồng chí Mao Trạch Đông phản bác :

"Sự hùng nổ của cách mạng là do nguyên nhân dân số quá đông chăng ? Từ xưa đến nay đã có rất nhiều cuộc cách mạng, vậy đều do dân số quá nhiều sao ? Rất nhiều cuộc cách mạng mấy ngàn năm nay ở Trung Quốc cũng là do dân số quá nhiều sao ? Cuộc cách mạng chống nước Anh 174 năm trước của Mĩ cũng là do dân số quá đông sao ? Kiến thức lịch sử của Et-sơn chỉ là con số không, ông ta thậm chí cũng không đọc đến cả **Tuyên ngôn độc lập** *của nước Mĩ. Washington Và Jefferson sở dĩ tiến hành cuộc cách mạng chống Anh là bởi vì người Anh đã áp bức bóc lột người Mĩ, chứ không phải người Mĩ quá thừa. Nhân dân Trung Quốc từng bao lần lật đổ triều đình phong kiến nước mình, là vì những triều đình này áp bức bóc lột nhân dân mà chẳng phải do dân số quá thừa. Người Nga sở dĩ làm cách mạng tháng Mười là vì Sa hoàng và giai cấp tư sản bóc lột họ, chứ không phải là dân số dư thừa, nước Nga đến nay vẫn là đất đai quá rộng so với dân số. Còn Mông Cổ đất đai*

rộng như vậy, người lại ít như vậy, theo cái lí của Et-xơn là không thể nghĩ tới việc nổ ra cách mạng, thế nhưng, đã nổ ra rồi đấy".

Mao Trạch Đông bằng cách đưa ra một loạt sự thực lịch sử đã phản bác một cách mạnh mẽ, triệt để luận đề "cách mạng Trung Quốc nổ ra là do nhân khẩu quá đông". Ở đây ông đã dùng thuật *Bắt giặc phải bắt tướng.*

Sử dụng thuật này, chúng ta cũng có thể thông qua thực tiễn để kiểm nghiệm luận điểm của đối phương, bởi vì thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất kiểm nghiệm chân lí, cũng vậy, nó sẽ là tiêu chuẩn kiểm tra một luận đề nào đó là thật hay giả. Chỉ cần đưa luận đề của đối phương vào thực tiễn kiểm nghiệm thì tính chân thực hay giả dối của nó sẽ bộc lộ ra ngay. Chẳng hạn, có người muốn gặp mặt một vị tướng, anh ta mang bộ quần áo lính do mình sáng chế ra cho vị tướng xem và nói bộ quần áo này chống đạn được.

"Tốt lắm. Xin mời anh mặc vào !" Vị tướng nói và ấn chuông gọi sĩ quan tùy tùng :

"Anh báo thượng tá mang súng đến đây".

Tướng quân ra lệnh xong, quay lại thì tác giả của bộ quần áo chống đạn đã biến mất, không còn quay lại nữa.

Cái áo kia có chống được đạn hay không, dùng súng đạn để kiểm nghiệm thì sẽ rõ ngay. Người làm ra bộ quần áo chống đạn đã không dám kiểm nghiệm bằng súng đạn, điều này chứng tỏ lời nói của anh ta là bịp bợm.

40. ĐỒNG NHẤT CỤ THỂ

Trong biện luận, chúng ta không chỉ cần tư duy logic trừu tượng, đồng thời còn phải tư duy biện chứng cụ thể. Cái đó là do thế giới khách quan vô cùng phong phú và cụ thể, mỗi một đối tượng cụ thể đều hàm chứa sự khác biệt và mâu thuẫn. Chúng ta muốn nhận thức đúng đắn sự vật khách quan, giành thắng lợi trong tranh luận thì phải nắm chắc những cái khác biệt và mâu thuẫn của sự vật. Cũng vậy, trong tư duy cũng chứa đựng sự thống nhất giữa các mặt đối lập, sự thống nhất của tính đa dạng, sự đồng nhất của tính khác biệt. Đó chính là luật *Đồng nhất cụ thể* của logic biện chứng. Vận dụng luật này vào biện luận chính là thuật *Đồng nhất cụ thể*. Chẳng hạn :

Ê-dốp, nhà ngụ ngôn Hi Lạp cổ nổi tiếng, lúc nhỏ từng là nô lệ của một quý tộc. Có hôm ông chủ mời khách dự tiệc, khách đều là những nhà triết học Hi Lạp thời bấy giờ. Ông chủ bắt Ê-dốp chuẩn bị bàn tiệc, phải có những mon ăn ngon để đãi khách. Và thế là Ê-dốp chỉ chuyên mua về toàn là lưỡi động vật, sửa soạn một bữa tiệc lưỡi. Vào bàn tiệc, ông chủ hết sức kinh ngạc, hỏi : *"Cái gì vậy ?"* – Ê-dốp trả lời :

"Ngài dặn tôi là phải làm những món ăn ngon nhất cho những vị khách quý, mà lưỡi là cái mấu chốt để đưa tới mọi học vấn, với các nhà triết học này, tiệc lưỡi lẽ nào không phải là tốt nhất sao ?"

Thực khách nghe vậy đều gật đầu tán thưởng và cười lớn. Ông chủ lại dặn dò Ê-dốp : *"Vậy ngày mai ta muốn mở một bữa tiệc, thức ăn phải thật là dở"*. Đến hôm sau, khi bày tiệc, lại vẫn là món lưỡi. Ông chủ thấy vậy liền nổi giận. Ê-dốp điềm nhiên đáp :

"Lẽ nào mọi việc xấu đều không từ cái lưỡi mà ra ? Cái lưỡi vừa là tốt nhất, lại cũng là cái dở nhất !"

Chủ nhân nghe vậy thì chẳng biết nói sao nữa.

Từ mặt này xem xét thì lưỡi là món tốt nhất, nhưng từ mặt khác thì lưỡi lại là cái dở nhất. **Lưỡi** là thể thống nhất giữa cái hay cái dở. Ê-dốp đo nắm bắt được thuộc tính mâu thuẫn của sự vật trong cái lưỡi mà biện luận và chinh phục được đối phương, và làm cho mọi người buộc phải suy nghĩ.

Cũng vậy, chúng ta muốn luôn luôn thắng lợi trong mọi cuộc tranh luận, thì càng phải biết vận dụng thuật *Đồng nhất cụ thể*. Chẳng hạn, luận đề trong cuộc thi hùng biện quốc tế bằng Hoa ngữ lần 1 vào năm 1993 là "nhân tính bản thiện", đội đại học Phúc Đán bên phía phản bác đã phải luận chứng : "Nhân tính bản ác", và do họ đã lí giải một cách chắc chắn về "nhân tính" nên đã tạo nên một điển hình về việc vận dụng thuật *Đồng nhất cụ thể*.

Đội Phúc Đán cho rằng **nhân tính** là sự kết hợp giữa thuộc tính tự nhiên và thuộc tính xã hội. Cái mà thuộc tính tự nhiên chỉ ra chính là bản năng và dục vọng không kìm chế, đó là thiên tính của con người, sinh ra đã có. "Nhân tính bản ác" là chỉ cái vốn có của con người, sinh ra đã là ác. Còn thiện là sự điều tiết hợp lí đối với bản năng và dục vọng. Cái bản năng và dục vọng không kìm chế thuộc cái ác ở con người khiến cho con người có thuộc tính tự tư. Thế nhưng mọi người đều tự tư lại dẫn đến mọi người đều không thể tự tư. Bởi vậy sự hạn chế và quyền hành lại sinh ra điều tiết. Sự điều tiết này chính là cái thiện trong tính người. Bản tính con người vốn là ác, nhưng cái ác bản tính đó có thể dẫn tới thiện. Nhân tính chính là thể thống nhất mâu thuẫn giữa cái thiện và cái ác.

Chúng ta vừa phải khẳng định bản tính con người là ác, lại không thể phủ định cái thiện trong tính người. Bởi vậy, đội Phúc Đán đã có thể linh hoạt tung hoành trong biện luận. Ngược lại, đội đại học Đài Loan bên phía bảo vệ do sử dụng kiểu tư duy máy móc, phiến diện và cứng nhắc, họ chỉ nhìn thấy cái thiện trong con người, một mực trốn tránh và phủ nhận cái ác của nhân tính. Sau đó thì đội Phúc Đán đã liên tục 5 lần chất vấn : *"Bông hoa thiện làm sao kết được quả ác"* và đã đưa đội Đài Loan vào chỗ không lối thoát.

Đúng vậy, logic hình thức cho rằng trong một quá trình tư duy không thể đưa ra sự đoán định khác nhau cho cùng một đối tượng. Nhưng cái đó có điều kiện nhất định : nó chỉ cùng một thời gian, cùng một đối tượng, cùng một phương diện. Logic hình thức không thể nhận thức được sự mâu thuẫn, phát triển và đối lập của sự vật, nó có rất nhiều hạn chế. Nếu lời biện luận của chúng ta chỉ dừng lại trên cơ sở máy móc và cứng nhắc của logic hình thức, thì chắc chắn sẽ rơi vào vũng bùn của duy tâm siêu hình. Là một người biện luận, chúng ta phải nhìn xa trông rộng, trong tranh luận để luôn luôn không rơi vào tình thế thất bại thì phải nắm chắc lấy một vũ khí sắc bén, đó là thuật *Đồng nhất cụ thể*.

41. KHÁI NIỆM BIỆN CHỨNG

Khái niệm mà giai đoạn tư duy biện chứng cụ thể nghiên cứu khác với khái niệm nghiên cứu của logic hình thức giai đoạn tư duy trừu tượng. Khái niệm trong logic hình thức chỉ là đơn thuần phản ánh thuộc tính bản chất của sự vật, nó vứt bỏ tính cụ thể, tính cá biệt và cả sự phát triển biến hóa của sự vật. Loại khái niệm này gọi là khái niệm trừu tượng. Khái niệm mà logic biện chứng nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở *Đồng nhất cụ thể*, nó kết hợp nghiên cứu nội dung cụ thể của khái niệm, bao gồm sự khác biệt, mâu thuẫn và đối lập, và vì vậy, nó là thể thống nhất biện chứng phức tạp, đa dạng. Loại khái niệm này gọi là *Khái niệm cụ thể* hoặc *Khái niệm biện chứng*. Trong biện luận, chúng ta muốn nắm vững quyền chủ động thì phải chú ý đặc tính biện chứng của khái niệm.

Trong lời biện giả định mình là bên bảo vệ mà đội Phúc Đán chuẩn bị cho đề tài tranh luận "Nhân tính bản thiện", đặc tính biện chứng về khái niệm "nhân" đã được biểu lộ một cách rõ ràng sáng sủa. Cụ thể lời biện như sau :

"Nhân là do nhân tính và thú tính hợp thành. Đúng như Pho-bách đã nói : "Con người một nửa là thiên thần, một nửa là dã thú". Con người có đủ các cơ năng thực sắc, lao động và tư duy. Và khi các cơ năng này còn dưới sự chi phối của tính người thì hành vi con người là thiện. Ngược lại, dưới sự chi phối của tính thú thì hành vi con người là ác. Với một người nào đó, khi nhân tính chiếm địa vị chủ đạo trong anh ta, thì bản chất anh ta là tốt. Ngược lại, khi thú tính chiếm địa vị chủ đạo thì bản chất của anh ta là xấu. Và khi chúng ta nói bản chất một ai đó là xấu thì chỉ tỏ rõ nhân tính của anh ta bị chìm xuống dưới thú tính, chứ không phải nhân tính bản ác. Giống như mặt trời rõ là rất sáng, nhưng khi xảy ra nhật thực, chúng ta không được nhất thời phiến diện mà kết luận là mặt trời vốn đen tối".

Đội Phúc Đán ở đây đã chỉ ra rằng con người vốn có nhân tính, khi nhân tính chiếm địa vị chủ đạo thì hành vi của con người là thiện. Con người lại vốn có thú tính, khi thú tính chiếm địa vị chủ đạo, thì hành vi của con người là ác. Con người chính là thể thống nhất mâu thuẫn được tạo nên bởi nhân tính và thú tính, cái thiện và cái ác. Sau khi đã luận bàn về khái niệm "người", tiếp đến lại luận thuật bản tính con người. Cụ thể là :

"Nhân tính được coi là bản tính của loài người nghĩa là phân biệt với đặc tính căn bản của các con vật. Thường thức khoa học cho chúng ta biết rằng con người đã tiến hóa từ động vật cấp thấp. Điều này chính là nguyên nhân căn bản bản thân con người vốn có thú tính. Thế nhưng, con người làm người thì không thuộc về thú tính, chỉ có nhân tính mới vạch ra ranh giới rõ ràng giữa con người và động vật, cũng chỉ có nhân tính mới đóng dấu ấn vĩ đại mà tôn nghiêm lên bản thân nhân loại. Con nhân sư Sphin không chỉ là tác phẩm nghệ thuật vĩ đại, mà cũng là một tiêu chí quan trọng thức tỉnh bản tính của loại con người. Con người đã vươn thẳng người từ giới tự nhiên, ngẩng cao cái đầu vô cùng cao quý của mình !"

Ở đây khẳng định bản tính của con người là nhân tính, là thiện, nhưng không hề phủ định con người vốn có mặt thú tính. Như vậy, trong tranh luận sẽ có thể dễ dàng giành thắng lợi.

Cũng vậy, một đoạn thoại trong bộ phim truyền hình *Người Bắc Kinh ở Niu Óóc* cũng cho ta một bài học :

Nếu bạn yêu anh ta
Hãy đưa anh ta tới Niu Óóc
Vì đó là thiên đường.

Nếu bạn ghét anh ta
Hãy đưa anh ta tới Niu Óóc
Vì đó là địa ngục.

Ở đây khái niệm về "Niu Óóc" cũng là khái niệm biện chứng. Niu Óóc đối với một loại người nào đó thì có tính chất thiên đường. Nhưng với một loại người khác lại có tính chất địa ngục. Niu Óóc chính là một thể thống nhất mâu thuẫn được tạo thành bởi các thuộc tính thiên đường và địa ngục. Đọc đoạn thoại như vậy, không để lại cho người ta một suy tư hồi tưởng sao được ?

Là một nhà hùng biện, phải như vậy. Bởi vì, chỉ có nắm vững đặc tính biện chứng của khái niệm mới có thể không có đối thủ trong luận chiến.

42. MỆNH ĐỀ BIỆN CHỨNG

Mệnh đề biện chứng là mệnh đề phản ánh mâu thuẫn nội tại của sự vật khách quan cùng sự phát triển biến hóa của nó. Trong biện luận, dùng mệnh đề biện chứng để luận chứng quan điểm của mình, đạt tới mục đích phản bác đối phương. Đó chính là thuật *Mệnh đề biện chứng*. Ví dụ :

Trần Thụ Bính (cuối đời nhà Thanh) là người nhanh trí và giỏi biện luận. Có một năm ông ta làm tri huyện Giang Hạ, còn Trương Chi Động làm đốc phủ tại Hồ Bắc. Trương Chi Động với phủ quân Đàm Kế Tuân quan hệ không tốt đẹp. Một hôm Trần Thụ Bính mời tiệc hai người là Trương và Đàm. Trong bữa tiệc có người bàn tới vấn đề rộng hẹp của mặt sông. Đàm Kế Tuân nói :

"Mặt nước sông rộng tới 5,3 dặm".

"Không, phải là 7, 3 dặm". Trương Chi Động cố ý chọc tức. Và thế là hai bên giằng co nhau, không ai chịu ai và đều không chịu để mất thể diện. Trần Thụ Bính biết là họ cố tình mượn cớ sinh sự. Để bữa tiệc khỏi mất vui, Trần Thụ Bính suy nghĩ và bỗng nghĩ ra một cách. Ông từ tốn chắp tay, khiêm tốn nói :

"Mặt nước sông khi dâng cao thì 7,3 dặm, lúc xuống thấp thì 5,3 dặm. Đốc phủ Trương nói khi triều dâng, còn ngài phủ quân thì nói khi nước ròng, và cả hai ngài đều không ai sai cả, điều này không có gì phải nghi ngờ".

Mặt nước sông Trường Giang không cố định mà luôn luôn thay đổi. Nước lên, nước rút thì độ rộng hẹp của mặt sông cũng khác nhau. Trần Thụ Bính như ta thấy, đã nắm chắc mâu thuẫn nội tại của sự vật khách quan và sự vận động của nó, từ đó đã đưa ra *Mệnh đề biện chứng* xác đáng. Do vậy, đã dẹp được cuộc tranh cãi trong bữa tiệc và được mọi người hoan nghênh.

Ngoài ra, do chủ thể nhận thức khác nhau mà cùng một sự vật cũng có thể đưa ra những phán đoán khác nhau, thậm chí ngược chiều.

Một lần dưới mái hiên có con nhện đang bận rộn chăng lưới. Một cơn gió mạnh làm nó rơi xuống và treo lơ lửng với sợi tơ mỏng manh, đó là sự lặp lại của nhiều lần nó bị thổi rơi xuống. Thế nhưng, nó lại rút dây tơ, từ từ bò lên và tiếp tục căng lưới. Thanh niên A thấy vậy, buột mồm nói : *"Một con*

nhện bé nhỏ mà ý chí ngoan cường như vậy, bao lần cũng không chịu thua, ta mới gặp chút khó khăn làm sao lại nhụt chí chứ ?"

Và thế là anh ta lấy lại tinh thần đương đầu với thử thách.

Thanh niên B thấy cũng con nhện đó, và cũng có cảm xúc :

"Con nhện đáng thương và ngu xuẩn, mày chỉ cần nép vào dưới mái hiên một chốc, đợi khi hết gió thì lại tiếp tục chăng, như vậy hay biết bao. Mày thật là chú quan, điên khùng, thật đáng buồn ! Còn công việc của mình hiện giờ cũng phập phù và luôn là thất bại. Mình không thể cứ nhắm mắt mà làm mãi, tuấn kiệt là phải thức thời".

Và quả nhiên anh ta đã có được quyết định.

Thanh niên C liền đưa sự việc A và B nhìn nhận về con nhện khác nhau đến hỏi thầy giáo dạy triết học : *"Quan sát cùng một con nhện mà cách nhìn của hai người ngược nhau, xin hỏi thầy, trong hai người thì ai có cách nhìn đúng đắn ?"*

"Hai người đều đúng !"

"Kiến giải của hai người xấu tốt khác nhau, sao lại đều đúng ?"

Thầy giáo cười mà rằng : *"Cùng quan sát một con nhện, thế nhưng lập trường quan điểm của hai người khác nhau thì nhận thức của họ không thể giống nhau và như vậy, bài học rút ra cũng sẽ khác nhau. Thanh niên A từ việc mình gặp khó khăn mà nhụt chí, sau khi so sánh, rút ra được kết luận là con nhện này ý chí kiên cường. Thanh niên B từ việc mình làm việc mù quáng, liên tiếp thất bại, nên khi so sánh thì rút ra được kết luận là con nhện kia thật đáng thương mà lại ngu xuẩn. Những kết luận này đều rất đúng đắn".*

Người thầy dạy triết nọ qua việc con nhện mà đưa ra một *Mệnh đề biện chứng*, và đã vạch ra một cách đúng đắn sự đối lập và thống nhất của mâu thuẫn trong đó. Và như vậy, đã cho mọi người một bài học sâu sắc.

43. SUY LUẬN BIỆN CHỨNG

Suy lí biện chứng tức là suy lí phản ánh hệ thống vận động mâu thuẫn của khái niệm. Trong biện luận, việc sử dụng suy lí biện chứng để luận chứng quan điểm của mình, phản bác quan điểm của đối phương, đó chính là thuật *Suy luận biện chứng.*

Hãy xem một đoạn biện luận về việc Công Nghi Hưu từ chối cá. Theo sách *Hàn Phi Tử,* Công Nghi Hưu là tướng quốc nước Lỗ, ông ta rất thích ăn cá. Mọi người biết được sở thích này của ông, liền tranh nhau mua cá tặng. Còn Công Nghi Hưu thì sao ? Ông ta từ chối tất cả, và cáo lui. Đệ tử của Công thấy vậy lấy làm lạ, hỏi :

"Ngài vốn rất thích ăn cá mà, sao mọi người biếu cá lại không nhận. Vì lẽ gì vậy ?"

Công Nghi Hưu trả lời :

Chính vì ta thích ăn cá cho nên ta không nhận cá của người khác. Nếu ta nhận cá của người khác, thì cái tay nhận của người sẽ yếu đi, cái mồm ăn của người sẽ ngọng đi. Một khi tay yếu mồm ngọng thì hết cách thực thi pháp luật nhà nước một cách công chính. Mà đã hết cách thực thi pháp luật nhà nước một cách công chính thì cũng hết cách giữ được cái ghế tướng quốc của mình. Hết cách giữ được cái ghế tướng quốc thì lúc đó mọi người còn ai biếu cá cho ta nữa. Ta tự mình không bắt được cá, thì dù là ta thích ăn cá vẫn không được ăn cá. Nếu ta không nhận cá của mọi người thì ta giữ được ghế tướng quốc của mình. Giữ được ghế tướng quốc thì trái lại, ta có thể được ăn cá lâu dài".

Công Nghi Hưu đã dùng thuật *Suy luận biện chứng* để biện luận về việc "không nhận cá" và "ăn cá". Từ tiền đề thích ăn cá mà ông ta đã rút ra kết luận không nhận cá. Từ việc tiếp nhận cá của người khác lại dẫn đến kết luận hết cách ăn cá. Như vậy, từ một tiền đề nào đó lại suy ra kết luận ngược lại. Và theo cách đó đã vạch ra cả quá trình vận động mâu thuẫn giữa các khái niệm sự vật một cách sinh động, rõ ràng, tạo nên một sức mạnh chinh phục lớn lao. Đây là cách suy luận mà những cách thông thường khác không thể nào sánh nổi.

Suy luận biện chứng khác với suy luận thuộc logic hình thức. Suy luận logic hình thức chỉ xem xét về mặt hình thức mà không đề cập đến nội dung cụ thể của suy luận ; nó chỉ xem xét theo quan điểm tĩnh mà không xem xét sự vận động biến đổi của sự vật ; nó chỉ xem xét một cách cô lập mà không xem xét các mối liên hệ giữa các suy lí. Ngược lại, *Suy luận biện chứng* là kết hợp nội dung cụ thể, dùng quan điểm phát triển, quan điểm liên hệ để xem xét các suy lí. Bởi vậy, *suy luận biện chứng* càng có thể nhận thức sự vật khách quan chính xác và toàn diện hơn. Và như vậy, càng đảm bảo sự chiến thắng trong tranh luận của chúng ta. Ví dụ một lần có một học trò hỏi Giê nô, nhà triết học cổ Hi Lạp rằng :

"Thưa thầy, kiến thức của thầy nhiều hơn chúng con gấp nhiều lần, thầy trả lời các vấn đề rất chính xác. Thế nhưng, tại sao thầy vẫn nghi ngờ những giải đáp của thầy ?"

Giê nô tiện tay vẽ luôn hai vòng tròn lớn nhỏ khác nhau trên mặt bàn rồi chỉ vào đó mà nói :

"Kiến thức của ta là hình tròn lớn, còn kiến thức của các con là hình tròn nhỏ. Kiến thức của ta nhiều hơn các con. Nhưng ngoài hai vòng tròn này là bộ phận tri thức mà các con và ta đều không biết. Chu vi của hình tròn lớn dài hơn chu vi của hình tròn nhỏ, bởi thế mà phạm vi ta tiếp xúc với cái không biết nhiều hơn các con. Và đó chính là nguyên nhân tại sao ta thường hoài nghi với kiến thức của mình".

Lời giải đáp của Giê nô rất giàu tính biện chứng. Một người có một vốn tri thức nhất định thì vấn đề phải tiếp xúc và suy nghĩ đương nhiên là nhiều, do vậy sẽ cảm thấy mình có nhiều điều không hiểu, từ đó mà cảm thấy mình kiến thức nghèo nàn. Ngược lại, một người tri thức thiếu hụt, nghèo nàn ; năng lực phát hiện và xem xét vấn đề thấp, thì lại thường biểu hiện ra rằng mình kiến thức đầy đủ, phong phú.

Chúng ta muốn cho lời biện luận của mình sâu sắc, mạnh mẽ và mới mẻ thì phải nắm vững thuật *Suy luận biện chứng*. Thuật *Suy luận biện chứng* sẽ giúp lời biện của chúng ta có được tính triết lí thâm diệu, và làm giàu sắc thái lí tính hấp dẫn lòng người.

44. LIÊN HỆ PHỔ BIẾN

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng trong thế giới khách quan mọi sự vật và hiện tượng đều trực tiếp hoặc gián tiếp nằm trong những mối liên hệ chằng chịt. Trong đó, không có một sự vật nào tồn tại độc lập. Bởi vậy, chúng ta phải quan sát sự vật bằng quan điểm toàn diện, có tính chỉnh thể. Khi nghiên cứu một sự vật cá biệt, ta không thể bỏ qua các mối liên hệ và tác động qua lại của các sự vật hữu quan chung quanh. Khi xem xét một bộ phận nào đó, ta không thể xem nhẹ mối liên hệ của nó với chỉnh thể và các bộ phận khác trong chỉnh thể. Chỉ có vậy, mới có thể nhận thức sự vật khách quan một cách đúng đắn, và giành được quyền chủ động trong tranh luận.

Lời biện hộ của luật sư trong vụ án sau đây sẽ cho ta một bài học sâu sắc :

Ngày 12 tháng 8 năm 1985, tòa án trung cấp thành phố Thái Nguyên xét xử vụ Lộ Phúc Liên giết chồng. Phạm nhân khi chưa tròn 17 tuổi thì do nguyên nhân bố mẹ quyết định, người làm mối tác hợp, cán bộ thôn đảm bảo rồi làm chứng giả để kí kết các giấy tờ văn bản, để rồi bị ép phải lấy anh nông dân Vương Ngân Thuyên. Trong hơn một năm, Lộ Phúc Liên đã nhiều lần đòi li hôn, nhưng chẳng ai tán thành. Cuối cùng là nảy sinh ý đồ đầu độc chồng.

Trong phiên tòa, luật sư Từ Nghị biện hộ như sau :

"Qua điều tra của Tòa, chúng ta đã thấy rõ ràng từ động cơ, mục đích cho đến đầu đuôi sự việc và hậu quả. Tôi không cần phải thuật lại. Điều tôi muốn nói là do sự hôn phối của bị cáo và người bị hại ngay từ đầu đã xây dựng trên cơ sở tư tưởng phong kiến, từ sự ép buộc của bố mẹ đến lời môi giới, và điều này hoàn toàn trái ngược với quy định tại điều 3 của Luật hôn nhân : "Cấm mọi hành vi bao biện, mua bán và can thiệp đối với hôn nhân tự do". Và như vậy là đã phá bỏ điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc. Lại còn tờ hôn ước đi ngược lại ý muốn của bên gái, nó khác nào cái khóa khóa chặt Lộ Phúc Liên vào người bị hại, tước bỏ quyền tự do kết hôn và li hôn giữa người bị hại và bị cáo, khiến cho Lộ Phúc Liên cảm thấy không còn con đường giải thoát. Và đó là nguyên nhân quan trọng dẫn tới việc Lộ Phúc Liên đi vào con đường phạm tội. Không thể phủ nhận rằng bị cáo đã đầu độc giết hại người thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thế nhưng, là người biện hộ, tôi cho rằng một người như bị cáo chỉ ở trình độ văn hóa tiểu học, hiểu đời

chưa nhiều. Chị ta cần có sự bảo vệ của pháp luật về quyền lợi hợp pháp thì lại không được và nỗi đau khổ vốn có thể xóa bỏ thì không thể xóa bỏ. Không thể nói những điều này không quan hệ tới việc các thẩm án hoàn toàn có thể tránh mà lại không tránh khỏi. Hôn nhân mua bán, hôn nhân bao biện đã giết hại sinh mạng của Vương Ngân Thuyên, làm đứt gãy tuổi xuân của Lộ Phúc Liên. Người cha người mẹ bị cáo của cái gia đình ép buộc phi pháp cùng với cán bộ thôn đều không thể trốn tránh trách nhiệm trước hậu quả nghiêm trọng của vụ án này. Huống chi bị cáo hiện chưa đến 18 tuổi lại đứng trước thế lực tàn dư phong kiến thật không bình thường này, do vậy, là người biện hộ, tôi hi vọng quý tòa sẽ xử nhẹ cho bị cáo".

Luật sư Từ Nghị trong lời biện hộ này đã không nhằm vào trách nhiệm pháp luật (mà bị cáo phải chịu do đã đầu độc giết chồng) một cách cô lập, phiến diện để biện luận, mà đã đặt nó trong mối liên hệ qua lại của sự vật để xem xét. Qua đó, đã vạch ra tội phạm thực tế của bi kịch giết chồng là hôn nhân bao biện phong kiến và đã chỉ trích những tàn dư thế lực lạc hậu, đó là cha mẹ của bị cáo và người cán bộ thôn đứng ra làm chứng ; đã chỉ ra Lộ Phúc Liên vừa là tội phạm giết người vừa là số phận thê thảm đau khổ đơn côi, vật hi sinh cho thế lực phong kiến tàn ác. Chính là do ông đã đặt lời biện trong mối liên hệ chung của sự vật mà đã khêu gợi được ở người nghe sự căm thù đối với tàn dư phong kiến và sự cảm thông với bị cáo. Lời biện hộ này đã có một hiệu quả tốt.

45. CHUYỂN HÓA NĂNG ĐỘNG

Thế giới khách quan luôn luôn vận động, phát triển và biến đổi. Con người muốn nhận thức và cải tạo nó thì phải nhận thức được sự vận động, phát triển và biến đổi của nó. Thuật *Chuyển hóa năng động* chính là phép biện luận theo nguyên lí vận động – phát triển – biến đổi của thế giới khách quan.

Ta hãy quan sát một đoạn biện luận của Đông Phương Sóc với Hán Vũ Đế.

Có lần Hán Vũ Đế dạo chơi ở vườn thượng uyển, ông nhìn thấy một cây hay hay, liền hỏi Đông Phương Sóc đó là cây gì. Họ Đông đáp bừa rằng : *"Cây thiện tai !"* Vũ Đế cho người ghi lại tên cây này. Mấy năm sau Vũ Đế lại hỏi cây này tên gì, họ Đông lại đáp bừa rằng : *"Cây cù sở !"* Vũ Đế bực mình nói : *"Ngươi lừa dối ta đã lâu. Cùng là một cây sao lại trước sau tên lại khác vậy ?"*

Đông Phương Sóc biện bạch rằng :

"Ngựa khi lớn gọi là **mã**, *lúc nhỏ gọi là* **câu**. *Gà khi lớn gọi là* **kê**, *lúc nhỏ* thì gọi là **nhíp**. *Bò khi lớn thì gọi là* **bò**, *lúc nhỏ thì gọi là* **bê**. *Con* người khi mới đẻ ra thì gọi là **bé**, *già rồi thì gọi là* **lão**. *Cái cây này trước đây gọi là* **thiện tai**, *bây giờ gọi là* **cù sở**. *Lớn nhỏ sống chết, vạn vật thành và suy lẽ nào lại cố định bất biến được ?"*

Vũ Đế nghe vậy lòng thấy vui và cười.

Ở đây, ta thấy Đông Phương Sóc đã nêu ra một loạt ví dụ để chứng minh sự phát triển biến đổi của sự vật. Sự vật phát triển biến đổi thì tên gọi của chúng cũng có thể có thay đổi. Và do ông đã nắm vững được sự phát triển biến đổi của sự vật mà biện bạch nên đã biểu lộ một bức thu hút nghệ thuật độc đáo.

Cũng vậy, cuộc tranh luận trong phiên tòa cũng không khác. Chẳng hạn có vụ án như sau :

Bị cáo Dương X, Lí Y và Vương Z (ba người) một đêm nọ rượu say bước ra ngoài và sinh sự. Họ đã gặp một cô gái đang nói chuyện với người yêu và đã có những lời nói cử chỉ dâm ô đồi bại. Khi bị đôi nam nữ kia phản đối, Dương X đã rút dao ra đâm chết ngay người thanh niên.

Thế rồi một tòa án trung cấp đã xử Dương X tù chung thân với tội danh làm tổn thương, xử Lí Y 6 năm với tội danh lưu manh, xử Vương Z 2 năm tù với tội danh tương tự. Nhân dân cho rằng như vậy là xử quá nhẹ, và phản đối mạnh mẽ. Sau đó cơ quan kiểm sát cũng xét thấy là xử phạt sai làm mọi người bất bình. Dưới đây là đoạn tranh luận giữa một bên là đại diện cơ quan kiểm sát, một bên là người bào chữa qua phiên tòa xử vụ trên :

Người bào chữa : *"Phiên tòa sơ thẩm đã cho rằng tội danh làm tổn thương là chính xác. Ba bị cáo đã chọc ghẹo phụ nữ, chỉ nói lên rằng về mặt chủ quan là cố ý phạm tội lưu manh. Tuy có mang dao, cũng không thể khẳng định là để giết người. Dương X chỉ đâm người bị hại một nhát, không hề đâm nhát thứ hai, rõ ràng là bị cáo không muốn đưa người bị hại đến cái chết. Bởi vậy, hành vi của Dương X không có mục đích giết người. Xem suốt nguyên nhân và hậu quả thì nhận định làm tổn thương dẫn đến cái chết là chính xác, không thể cho rằng đó là tội cố ý giết người không chú ý".*

Đại diện Viện Kiểm sát : *"Người bào chữa và phiên tòa sơ thẩm đều chỉ nhấn mạnh tới việc 3 bị cáo cố ý phạm tội ở chỗ bắt đầu trêu ghẹo phụ nữ mà bỏ qua sự chuyển biến (thay đổi về chất) của việc cố ý phạm tội trong quá trình chúng phạm tội. Cái án giết người này bắt đầu từ nguyên nhân hành động lưu manh của các bị cáo. Khi chúng vấp phải sự chống cự chính đáng, đã có tên hét lên : đâm, có tên cầm dao hành hung, có tên quật ngã người bị hại, lại có tên tiến đến đấm đá, có tên đuổi theo đến kì cùng. Lúc này, sự cố ý phạm tội lưu manh của chúng đã chuyển thành tội cố ý phạm tội giết người. Bởi vậy, Dương X tuy chỉ đâm người bị hại một nhát cũng không nên hạ mức cố ý giết người có chú ý xuống thành cố ý làm tổn thương. Dương X đâm, tức là thực thi ý thức phạm tội cố ý giết người. Huống hồ, trong thực tế tư pháp và hình sự ở nước ta, tính chất giết người không quyết định bởi việc đâm một nhát hay bao nhiêu nhát, mà chỉ có thể căn cứ vào sự cố ý phạm tội giết người của tội phạm.*

Vụ án này nguyên nhân và hậu quả là rõ ràng, cần phải nhận rõ là các bị cáo bấy lâu nay đã quen thói côn đồ, lộng hành. Lúc đó, người bị hại dám kháng cự lại chúng là việc mà chúng không thể tha thứ và cho qua. Các bị cáo bởi vậy bất kể tất cả ngay lúc đó, đã hét lên : đâm chết nó đi. Điều này chứng tỏ các bị cáo vốn có sự cố ý giết người, mà không phải là một sự cố ý nào khác.

Như trên đã nói, nhận định sự cố ý phạm tội của Dương X không phải là giết người mà là làm tổn thương, điều này đã đi ngược lại với sự thực và tinh thần của luật pháp".

Qua việc biện luận của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa đành phải thừa nhận. Và phiên tòa phúc thẩm đã thay đổi khung hình phạt. Dương X phạm tội cố ý giết người, tử hình, lập tức thi hành án. Còn hai tội phạm khác, nâng lên 7 năm và 4 năm tù giam.

Đại diện Viện Kiểm sát sở dĩ đã chiến thắng trong cuộc tranh luận này là vì ngoài việc nắm chắc các chứng cứ ra, điều mấu chốt là đã biết nắm lấy sự phát triển biến đổi của sự vật và đã biện luận từ sự phát triển biến đổi của việc Dương X cố ý phạm tội. Bởi vậy, thuật *Chuyển hóa năng động* đối với người làm công tác tòa án cũng là vũ khí sắc bén khống chế đối phương để giành thắng lợi.

46. PHÁT TRIỂN CHU KÌ

Trứng có trước hay gà có trước ?

Trứng là do gà đẻ ra, không có gà thì không có trứng. Như vậy, xem ra phải là gà có trước. Thế nhưng gà lại do trứng nở ra, không có trứng thì sao có gà được. Như vậy, xem ra lại phải là trứng có trước.

Vậy thì rốt cuộc trứng có trước hay gà có trước ? Câu hỏi khó khăn nhưng thú vị này ngay từ thời cổ xưa đã khiến biết bao người bàn cãi không thôi, và cũng làm đau đầu bao nhà triết học. Sau giải phóng, giới học giả Trung Quốc cũng đã từng tranh luận nhiều lần về đề tài *Trứng có trước hay gà có trước* này, thế nhưng vẫn chưa kết thúc. Thực ra dù rằng kết quả tranh luận là trứng có trước hay gà có trước, đều là sai. Nguyên nhân của sai lầm chính là ở chỗ tách rời sự phát triển của sự vật. Chúng ta muốn phản bác cái sai lầm này thì cần phải nắm được quy luật *Phát triển chu kì* của sự vật.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng bất kì sự vật nào cũng hàm chứa mâu thuẫn, bất kì sự vật nào cũng chứa đựng nhân tố khẳng định và nhân tố phủ định. Trong hai mặt đối lập này, có một mặt là *chủ yếu*, quyết định tính chất sự vật, đó là nhân tố khẳng định sự vật. Còn mặt kia chính là mặt *phi chủ yếu*, là mặt thúc giục sự vật hiện có đi tới sự diệt vong, đó là nhân tố phủ định. Trong cuộc đấu tranh lẫn nhau giữa hai nhân tố này, nhân tố phủ định không ngừng phát triển và khi nó trở thành mặt chủ yếu thì tính chất sự vật phát sinh sự biến đổi, dẫn đến sự diệt vong của sự vật cũ và sự phát sinh của sự vật mới. Đó chính là phủ định. Sự vật luôn phát triển về phía trước bằng việc phủ định và sự phát triển này không bao giờ chấm dứt. Nhân tố khẳng định đã bị phủ định và sau khi phủ định sự vật cũ thì sự vật mới sản sinh cũng vậy, phải bị phủ định bởi nhân tố phủ định nằm trong chính nó, và bị sự vật mới hơn thay thế. Sự vật phát triển đi từ giai đoạn khẳng định tới giai đoạn phủ định, rồi lại từ giai đoạn phủ định đi tới giai đoạn phủ định của phủ định. Nói chung, trong quá trình phát triển sự vật phải trải qua hai lần phủ định. Trạng thái vận động của sự vật biểu hiện thành một chu kì và sẽ xuất hiện những thuộc tính tương tự với giai đoạn khẳng định. Thế nhưng, phủ định của phủ định hoàn toàn không phải là sự lặp lại giản đơn của giai đoạn khẳng định, mà là một vật nào đó cao hơn. Chẳng hạn như cây lúa mạch. Hạt mạch gieo

xuống, sẽ bị cái mầm này ra từ chính nó phủ định. Trải qua việc cái mầm vươn lên, khai hoa, kết quả và cuối cùng lại sinh ra hạt lúa mạch. Hạt mạch chín, cây mạch bị phủ định. Lúc này hoàn thành một chu kì trồng cây lúa mạch. Thế nhưng hạt mạch sinh ra trong giai đoạn phủ định của phủ định thì dù về số lượng hay chất lượng đều khác với giai đoạn khẳng định. Tính chu kì : khẳng định – phủ định – phủ định của phủ định là quy luật phổ biến của sự phát triển của sự vật.

Cũng vậy, quan hệ giữa gà và trứng cũng không có gì khác. Từ trứng nở thành gà, đó là phủ định với trứng. Gà con lớn lên, phát dục lại sẽ đẻ ra trứng, đó là phủ định đối với gà. Thế nhưng quả trứng trải qua phủ định của phủ định với quả trứng ban đầu không hoàn toàn giống nhau. Chúng có những sự biến đổi. Gà và trứng là một quá trình quy định lẫn nhau và diễn biến dần dần. "Quả trứng" đầu tiên xem ra là trứng, thế nhưng không phải là trứng.

"Con gà" đầu tiên cũng xem ra là gà, thế nhưng không phải là gà. Từ "quả trứng" xem ra là trứng nhưng không phải là trứng mà nở ra "con gà" xem ra là gà nhưng không phải là gà, rồi từ "con gà" xem ra là gà nhưng không phải là gà lại đẻ ra "quả trứng" xem ra là trứng nhưng không phải là trứng. Gà và trứng đã trải qua quá trình phát triển có tính chu kì lâu dài như vậy mới có gà và trứng ngày nay.

Đó là cả một quá trình liên tục, không gián đoạn, và không thể phân biệt đâu trước đâu sau. Nếu phân tích theo quan điểm máy móc và siêu hình thì khó tránh khỏi kết luận giả dối, thậm chí còn dẫn tới ngụy biện.

Tương tự như vậy, ta có thể nêu ra rất nhiều nữa, chẳng hạn hạt mạch có trước hay cây mạch có trước ? Hạt lúa có trước hay cây lúa có trước ? v.v... và chúng ta đều có thể suy xét và biện luận theo lí luận ở trên.

47. ĐỨNG YÊN TƯƠNG ĐỐI

Thế giới vật chất là sự thống nhất giữa vận động tuyệt đối và đứng yên tương đối. Với toàn bộ thế giới mà nói, không có vật chất không vận động, bởi vậy, sự vận động của vật chất là vĩnh hằng, vô điều kiện và tuyệt đối. Với hình thức tồn tại cụ thể của vật chất mà nói thì nó lại có một mặt đứng yên tương đối. Một sự vật nào đó trong những điều kiện nhất định, trước khi có sự biến đổi về chất thì sự vật này vẫn còn là sự vật này, bởi vậy mà biểu hiện ra bề mặt đứng yên tương đối. Nếu phủ định trạng thái đứng yên tương đối của sự vật sẽ bóp méo vật thể vận động thành cái biến đổi nhanh chóng không thể nắm bắt được, và sẽ thủ tiêu tính quy định về chất của sự vật, dẫn tới lẫn lộn sự khác nhau của sự vật. Chẳng hạn trên báo Pa-ri từng đăng một quảng cáo như sau :

"Mỗi người chỉ cần bỏ ra 25 xăng tim (100 xăng tim bằng 1 phơ-răng) thì sẽ có được một cách du hành vừa rẻ vừa không chút mệt nhọc khó chịu nào".

Có người đã gửi đi 25 xăng tim theo địa chỉ quảng cáo đã đăng. Ít lâu sau anh ta nhận được một bức thư trả lời :

"Thưa ngài, xin ngài hãy nằm yên trên giường của ngài, và hãy nhớ lấy : Quả Đất của chúng ta đang quay. Trên vĩ độ Pa- ri là 49^{o}, ngài mỗi ngày đêm đã chạy hàng vạn cây số. Nếu bạn muốn xem cảnh trí đẹp dọc đường, xin hãy vén rèm cửa sổ của ngài, và ngài sẽ tha hồ mà tận hưởng bầu trời tươi đẹp !"

Nằm yên trên giường thì chỉ thuộc về trạng thái đứng yên tương đối. Thế nhưng người quảng cáo lại căn cứ vào sự quay của Trái Đất mà nói sự đứng yên tương đối ra thành đang cưỡi Trái Đất mà du hành, vận động. Đó là lấy sự vận động tuyệt đối của sự vật để phủ nhận trạng thái đứng yên tương đối. Quả là sự lừa dối đẹp.

Chính vì sự vật có một mặt đứng yên tương đối và có tính quy định về chất mà mới khiến chúng ta có được sự phân biệt giữa các sự vật khác nhau và các giai đoạn phát triển khác nhau của một sự vật.

Tính đứng yên tương đối và tính quy định về chất của sự vật khách quan là cơ sở của luật đồng nhất, luật mâu thuẫn, luật bài trung thuộc quy luật tư

duy của loài người ; cũng là vũ khí sắc bén để chúng ta biện luận và phản bác đối phương. Chẳng hạn :

Một người khách đến cửa hiệu bán mũ, sau khi đội thử thì nói : *"Chiếc mũ có phần hơi nhỏ".*

Chủ hiệu nói : *"Như vậy mà hay. Mũ tốt thì đội rồi dần dần sẽ rộng ra một chút".*

Lát sau lại có một người khách khác, chủ hiệu đưa mũ ra. Nhưng thấy mũ có phần hơi rộng, khách liền nói : *"Mũ này to".*

Chủ hiệu nói : *"Thế lại hay ! Mũ tốt thì khi giặt nước sẽ co lại ?"*

Sau đó lại một người khách thứ ba đến, cầm mũ lên ướm, thấy vừa, liền nói : *"Hay lắm, thật là vừa vặn".*

Chủ hiệu nói : *"A ! Vừa vặn, không rộng cũng không chật. Mũ tốt là không hề biến dạng".*

Ta thấy đấy, lời chủ hiệu thật là giả dối, cùng một loại mũ, nó có tính quy định của nó thế mà lão chủ hiệu đã nêu ra 3 điều khẳng định khác nhau : lúc thì nói sẽ rộng ra, lúc thì nói sẽ co hẹp lại rồi sau đó lại cam đoan là không hề biến dạng. Như vậy là đã phủ định tính quy định về chất của sự vật mũ của lão.

Trong biện luận, chúng ta phải chú ý không nên thổi phồng mặt đứng yên của sự vật mà tuyệt đối hóa cái *đứng yên tương đối* này. Nếu không, sẽ phạm phải sai lầm về luận thuyết thế giới bất biến của siêu hình. Cũng vậy, chúng ta cũng không thể phủ định *Đứng yên tương đối* trong quá trình phát triển của sự vật.

Phần 2

THẮNG BẰNG NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ

Biện luận là một bông hoa kì lạ mọc lên từ ngôn ngữ loài người.

Từ xưa tới nay, biết bao bậc thầy hùng biện lời lẽ như thác nước tuôn trào đã bằng tiếng nói sáng tạo ra những kì tích huy hoàng tráng lệ. Khổng Tử thì lời ngắn ý xa, dẫn dắt ra từng bước từng bước theo tầng tầng lớp lớp. Mạnh Tử thì sắc lạnh tài hoa, khí lớn ào ạt. Trang Tử thì mặc sức tung hoành, đạt dào sóng vỗ. Hàn Phi thì biện bác tâm lí, thấu tình đạt lí... Các bậc thầy đó ba tấc lưỡi vừa uốn lên thì lời vàng ý ngọc, hào quang muôn tỏa.

Ngôn ngữ là niềm tự hào của con người !

Tập này bằng những kiến thức liên quan tới ngôn ngữ học, kết hợp với những ví dụ có thực trong các cuộc tranh luận của các bậc thầy hùng biện cổ kim, sẽ mở ra cho các bạn thấy nghệ thuật ngôn ngữ được sử dụng như một vũ khí lợi hại như thế nào để áp chế đối phương. Bạn có muốn khi tranh luận thì lời lẽ sắc bén, khí thế như giông bão quét sạch mọi chướng ngại không ? Hãy đọc phần này đi.

1. HỎI KHÉO ĐỂ KÌM ĐỐI PHƯƠNG

Hỏi khéo là một kĩ xảo ngôn ngữ nhằm chiến thắng đối phương mà ta không thể coi thường. Trong biện luận, nếu chúng ta có thể phân tích được quan điểm của đối phương thì hãy nắm bắt mâu thuẫn của họ mà đặt ra câu hỏi nhằm vào điểm chí mạng. Như vậy, có thể đưa đối thủ đến chỗ thất bại. Và đó chính là thuật *Hỏi khéo để kìm đối phương.*

Từ giác độ ngôn ngữ, câu hỏi có thể chia thành ba loại :

1. Kiểu câu hỏi đúng hay không đúng. Đây là câu hỏi có từ dùng để hỏi : **không, phải không**. Người nêu câu hỏi phải nói hết toàn bộ sự việc rồi yêu cầu đối phương trả lời bằng khẳng định hay phủ định. Chẳng hạn : Các nhà triết học kinh viện châu Âu trong thế kỉ vẫn nói rằng thượng đế là toàn năng, và thế giới của chúng ta là do thượng đế sáng tạo ra. Về điểm này Cao ni lô đã hỏi :

"Vậy thượng đế có thể tạo ra tảng đá mà ông ta không nhấc nổi không ?"
Với câu hỏi này, các nhà triết học kinh viện đã chịu thua. Bởi vì, nếu trả lời là thượng đế có thể tạo ra tảng đá mà ông ta không thể nhấc nổi thì sẽ có một tảng đá mà thượng đế không thể nhấc nổi. Và như vậy, thượng đế không phải là toàn năng. Nếu trả lời rằng thượng đế không thể tạo ra tảng đá mà mình không nhấc nổi thì cũng sẽ có một tảng đá mà thượng đế không tạo ra được. Và như vậy, thượng đế cũng không phải là toàn năng. Và dù thế nào đi nữa, thượng đế cũng không phải là đấng toàn năng. Gần ngàn năm qua, câu hỏi này vẫn còn xoáy sâu vào tâm trí các nhà thần học, và họ vẫn chưa có cách gì trả lời cho đặng. Cao ni lô, như ta đã thấy, ông ta đã khéo léo sử dụng một kiểu câu hỏi *Đúng hay không đúng* mà đã vạch trần được cái giả dối trong luận điệu thượng đế vạn năng của các nhà thần học.

2. Kiểu câu hỏi lựa chọn. Đây là loại câu hỏi mà người hỏi trước hết phải đưa ra mấy trường hợp rồi yêu cầu đối phương chọn lựa.

Trong cuộc tranh luận về luận đề *"Tư tưởng nhà Nho có thể ngăn được cơn gió độc Tây Phương"* tại cuộc thi hùng biện châu Á lần thứ hai, phía phản bác là Đại học Phúc Đán có một đội viên đã đặt câu hỏi cho đối phương :

"Xin hỏi các bạn, nếu có người cầm dao súng cướp đi túi tiền của bạn thì bạn có đọc cho người đó nghe một đoạn trong Luận ngữ không ? Hay là để cảnh sát bắt người đó ?"

Đội Phúc Đán để phản bác quan điểm "Tư tưởng nhà Nho có thể ngăn được cơn gió độc Tây Phương" của đội Đại học Đài Loan ở đây đã nêu ra hai khả năng cho đối phương lựa chọn. Và nếu đối phương chọn cái trước thì sẽ là ngờ nghệch đến buồn cười, nếu chọn cái sau thì chính là lại làm sáng tỏ quan điểm của đội Phúc Đán. Ở đây, như ta thấy, là đã sử dụng *Kiểu câu hỏi lựa chọn.*

3. Kiểu câu hỏi đặc chỉ. Đây là loại câu hỏi dùng đại từ nghi vấn và đại từ nghi vấn trong câu chính là nội dung yêu cầu đối phương trả lời.

Trong cuộc thi hùng biện quốc tế bằng Hoa ngữ lần thứ nhất có một luận đề là *"AIDS là vấn đề y học, không phải là vấn đề xã hội"*. Đội phản bác là Đại học Phúc Đán cần phải luận chứng là : *AIDS là vấn đề xã hội, không phải là vấn đề y học.* Sự thực thì AIDS là vấn đề y học và lại cũng là vấn đề xã hội. Bởi vậy, khi hai bên chứng minh quan điểm của mình, đánh đổ đối phương thì đều vấp phải khó khăn. Và đang lúc hai bên tranh luận đến độ khó phân giải thì bồng số 2 của đội Phúc Đán đặt ra câu hỏi :

"Tôi muốn đội bạn trả lời cho một câu hỏi giản đơn, khẩu hiệu của ngày phòng chống AIDS quốc tế năm nay là gì nào ?"

Cả bốn người trong đội bảo vệ đều không ai biết cả, ngơ ngác nhìn nhau, và để không bị mất điểm quá nhiều, số một đã trả lời bừa là : *"Khẩu hiệu năm nay là* tăng cường dự phòng, *dự phòng thế nào đây ? Phải dự phòng theo cách của y học"*.

Đến đây, số 2 của đội phản bác lên tiếng : *"Nhầm rồi ! Khẩu hiệu năm nay là* Thời gian không đợi chúng ta, hãy hành động. *Các bạn ngay đến vấn đề cơ bản này cũng không biết, chẳng trách bàn về AIDS mà vẫn rề rà"*. (tiếng vỗ tay, tiếng cười)

Câu hỏi của đội Phúc Đán : *Khẩu hiệu của ngày phòng chống AIDS quốc tế năm nay là gì ?* đã dùng kiểu câu hỏi đặc chỉ, trong đó đại từ nghi vấn : **gì, cái gì** chính là nội dung yêu cầu đối phương phải trả lời. Do đã khéo đặt câu hỏi mà đội Phúc Đán đã chọc thủng trận tuyến của đối phương và từ đó mà làm tan vỡ cả phòng tuyến kiên cố của họ.

Các câu hỏi khác nhau tuy có kết cấu hình thức khác nhau nhưng chỉ cần sử dụng hợp lí là sẽ có hiệu quả. Đáp án của câu hỏi đúng hay không đúng có đáp án là "đúng" hoặc "không đúng", xem ra thì đơn giản nhưng lại khiến đối phương tiến thoái lưỡng nan. Với câu hỏi lựa chọn thì đối phương chỉ việc chọn lựa trong các đáp án đã cho, thế nhưng dù chọn cách gì cũng đều bị mắc cả. Với câu hỏi đặc chỉ thì yêu cầu đối phương phải trình bày một cách toàn diện, chính xác. Và với những vấn đề xem ra có vẻ giản đơn mà nếu đối phương không trả lời được hoặc nảy sinh những cái sai thì thường đưa họ vào thế yếu và đi đến thất bại. Chính vì thuật *Hỏi khéo để kìm đối phương* có những hiệu quả đặc biệt mà mỗi đội tham gia tranh luận vẫn thường chuẩn bị sẵn một số câu để làm "ám khí" tập kích đối phương.

2. PHẢN VẤN

Phản vấn là hình thức đặt câu hỏi theo cách dùng câu hỏi phủ định để biểu đạt ý khẳng định hoặc dùng câu hỏi khẳng định để biểu đạt ý phủ định với ý nghĩa xác định[1]. Biết dùng *Phản vấn* có thể tăng thêm thế áp đảo cho lời tranh biện và khiến đối phương phải đầu hàng.

Vào những năm 30, Quốc dân đảng đã bắt Trâu Thao Phấn, Sử Lương... 7 nhân sĩ yêu nước chủ trương chống Nhật, đó là "sự kiện thất quân tử" chấn động một thời. Quốc dân đảng đã ra sức khai thác những bức điện qua lại giữa họ và Đảng Cộng sản cũng như Trương Học Lương để viết bài làm ầm ĩ hòng gán cho họ cái tội danh liên kết với cộng sản để chống chính phủ.

Tại phiên tòa, Trâu Thao Phấn đã nghiêm nghị phản vấn :

"Chúng tôi gửi điện đề nghị Trương Học Lương chống Nhật mà khởi tố chúng tôi câu kết Trương, Dương làm binh biến. Chúng tôi cũng gửi điện như vậy cho Chính phủ Quốc dân thì tại sao không nói chúng tôi câu kết với Chính phủ Quốc dân ? Đảng Cộng sản viết thư công khai cho chúng tôi mà khởi tố chúng tôi câu kết với Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản cũng viết thư công khai cho Tướng ủy viên trưởng và Quốc dân đảng, vậy thì phải chăng Tướng ủy viên trưởng và Quốc dân đảng cũng câu kết với Đảng Cộng sản ?"

Những người dự phiên tòa cười vang.

Trâu Thao Phấn ở đây đã dùng kiểu câu phản vấn và sức mạnh công kích còn lớn hơn cả việc trình bày thẳng vấn đề. Ông đã nhằm vào chỗ yếu của đối phương, chỉ vài câu phản vấn sắc nhọn khó bề chống đỡ đã làm cho tên quan kiểm sát lắp bắp không nói ra lời.

Kiểu câu phản vấn nếu kết hợp được với điệp ngữ theo cách lặp lại các từ ngữ phản vấn sẽ làm tăng thêm sắc thái kiên quyết cho câu phản vấn lại vừa có cái thế ào ạt sóng vỗ của điệp ngữ, khiến cho lời biện của chúng ta có được

---

(1) *Phản vấn* và *thiết vấn* đều là câu hỏi tu từ, nghĩa là hỏi không vì mục đích hỏi. *Thiết vấn* thì có hỏi có đáp, đáp đi liền với hỏi. Còn *phản vấn* thì chỉ hỏi mà không đáp, nội dung đáp chính ngay trong câu. *Thiết vấn* thì nhấn mạnh trọng điểm. Còn *phản vấn* thì làm tăng ngữ khí và sắc thái tình cảm. Cơ sở tạo thành *phản ngữ* là ở phần trên lí lẽ đã rõ ràng, đúng sai đã phân minh. Không có cơ sở này thì người nghe sẽ bị đột ngột.

khí thế và sức mạnh lay trời chuyển đất. Trong vở kịch *Bão đỏ*, luật sư Thi Tường đã bào chữa cho người công nhân vô tội tại phiên tòa như sau :

Người cha của Ngụy Học Thanh (cục trưởng cục cảnh vệ đường sắt Kinh – Hán) vì muốn xem vở kịch *Dạ minh châu* do nữ diễn viên Linh Phong Tao đóng đã bất kể quy định lái tàu, buộc công nhân Hoàng Đắc Phát và Giang Hữu Tài cứ lái bừa tàu để đi và dẫn đến việc Hoàng Đắc Phát phải nhảy tàu bị thương còn Giang Hữu Tài chết oan cùng cha của họ Ngụy. Như vậy, kẻ giết người đích thực phải là người cha đã chết của Ngụy Học Thanh. Thế nhưng nhà đương cục phản động lại bắt công nhân Hoàng Đắc Phát và Giang Hữu Tài chịu trách nhiệm pháp luật. Trước việc đó, luật sư Thi Tường tại phiên tòa đã phẫn nộ vạch trần kẻ giết người thực sự và đưa ra lời tố cáo đầy máu và nước mắt dẫn tới công nhân người chết nhà tan đối với bọn Ngụy cục trưởng :

"Các anh em công nhân, người cha nào không thương con ? Người con nào không thương cha ? Cha đã bị giết đi thì kẻ làm con liệu có thể cam chịu mà không kháng nghị không ? Không thể ! Nhưng Giang Hữu Tài con chưa đầy tuổi, nó còn chưa biết nói. Nó sống trong gia đình công nhân nghèo khổ, ăn không no, mặc không ấm, và nó đang ốm trong bàn tay chăm sóc của người mẹ, ngoài kêu khóc ra, nó còn biết làm gì nữa.

Các anh em công nhân, người vợ nào không có chồng ? Người chồng nào không có vợ ? Chị ta không còn chồng nữa, chồng chị ta – anh Giang Hữu Tài đã bị cha của Ngụy cục trưởng làm cho chết. Lẽ nào chị ta chịu cúi đầu không dám kháng nghị ? Không thể ! Thế nhưng chị ta rốt cuộc không dám kháng nghị đấy. Từ nhỏ, chị đã chịu đủ mọi sự áp bức của những kẻ có tiền có quyền. Từ nhỏ, chị đã sống cuộc đời trâu ngựa. Chị ta còm cõi, yếu ớt. Giờ đây chị chỉ biết khóc, không còn biết làm gì nữa. Điều đó lẽ nào là công bằng ? Lẽ nào chúng ta không kêu oan cho người đã chết ? Lẽ nào chúng ta không nên yêu cầu người con của cha Ngụy cục trưởng là Ngụy cục trưởng phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất cho gia đình người bị nạn ?"

Lời bào chữa của Thi Tường đã dùng phản vấn và phép lặp, đã tạo được cái hiên ngang khẳng khái và khiến người người rơi lệ, đã có sức mạnh cổ vũ lòng người và khí thế như thác nước tuôn trào.

3. BIẾT RÕ MÀ VẪN HỎI

Trong tranh luận, để nói ra những điều mà mình khó nói, lúc này có thể giả đò mình không hiểu biết mà hỏi để đặt vấn đề ra. Lúc này, dù là vấn đề vô cùng khó nói mà vẫn dễ như trở bàn tay, và đạt được mục đích tranh luận dự định. Chẳng hạn :

Vua nước Tề là Cảnh Công có một con ngựa quý bỗng nhiên ốm chết. Cảnh công thấy vậy vô cùng giận dữ, bèn hạ lệnh chặt hết chân tay người coi ngựa, và lớn tiếng đe : *"Ai dám xin cho nó sẽ bị giết !"*

Tướng quốc Án Tử trước hành vi bạo sát vô lối đó của nhà vua cũng rất không bằng lòng. Để cứu người coi ngựa, cần phải khuyên can nhà vua, và ông ta đã nghĩ ra một kế hay. Ông ta đi đến trước người coi ngựa và túm lấy tóc người này, còn tay phải thì giơ dao lên, ngửa mặt nói với Cảnh Công :

"Đại vương, có một điều chưa rõ, xin ngài dạy. Thời xưa Nghiêu Thuấn – các bậc vua hiền minh khi chặt chân tay người, không biết là chặt cái gì trước ?"

Một lúc sau Cảnh Công mới hiểu ra Án Tử chính là đang châm biếm mình, ông ta đành khoát tay bảo : *"Tướng quốc đừng có chửi bóng chửi gió nữa. Ta không chặt tay chân nó nữa là được chứ gì ?"*

Ở đây ta thấy, Án Tử biết rõ rằng những bậc vua hiền như Nghiêu Thuấn thời trước có bao giờ dùng hình phạt chặt tay chân đâu. Ông ta biết rõ mà vẫn hỏi, như vậy là ngầm báo cho Cảnh Công rằng chặt tay chân là việc mà thánh hiền xưa không làm, và muốn làm vua hiền thì đừng chặt tay chân người ta. Án Tử biết rõ mà vẫn hỏi như vậy rõ ràng đã khôn khéo đạt được cái đích tranh luận.

Sử dụng thuật *Biết rõ mà vẫn hỏi*, điều cốt yếu là biết rõ mà giả vờ như không biết, mà phải giả vờ cho thật giống, vì người không biết thì không có tội. Như vậy, những vấn đề khó nói cũng dễ nói ra. Lại ví dụ :

Năm thứ tư niên hiệu Vũ Đức Đường Cao Tổ, đất nước còn chưa thống nhất, Lí Thế Dân mang quân xông pha trận mạc, còn Đường Cao Tổ Lí Uyên thì lại lo xây điện Phi Hương quá mức hào hoa. Tô Thế Trường là gián nghị đại phu đi theo Cao Tổ đến dự tiệc ở cung Khánh Thiện (thuộc điện Phi Hương). Tiệc đang vui, Tô Thế Trường bỗng hỏi Cao Tổ :

"Điện Phi Hương này là do Tùy Dạng Đế xây phải không ạ ?"

Cao Tổ nói : *"Lời can gián của ngươi tưởng là thẳng thắn nhưng thực ra lại rất tinh ma. Lẽ nào ngươi không biết cung điện này là do ta xây hay sao mà còn cố ý nói là Tùy Dạng Đế xây ?"*

Tô Thế Trường trả lời :

"Thần thực tình không biết là do bệ hạ xây, thần chỉ thấy cung điện này quá hào hoa xa xỉ, chẳng khác gì Khoánh Cung và Lộc Đài của vua Trụ, bởi vậy mới đoán là không phải do bậc anh quân thâu tóm thiên hạ xây nên. Và cũng chính vì vậy, mới tưởng nhầm là do Tùy Dạng Đế xây. Nếu như là do bệ hạ xây thì thực tình không ổn. Trước kia thần từng hầu bệ hạ tại nhà Vũ Công, thấy chỗ ở chỉ tạm đủ che mưa nắng. Lúc đó, bệ hạ đã lấy làm vừa lòng. Nay thì dùng tiếp những cung thất Tùy Dạng Đế để lại, cũng đã quá xa xỉ. Thế mà còn xây mới, bệ hạ làm sao không phạm lại sai lầm của Dạng Đế được ?"

Đường Cao Tổ đã nhiều lần khẳng định lời Tô Thế Trường.

Đường Cao Tổ xây điện Phi Hương, Tô Thế Trường đương nhiên là biết. Nhưng ông ta biết rõ mà vẫn hỏi, và khuyên can khá đạt.

4. HỎI ĐỂ CHẶN HỎI

Khi chúng ta đứng trước một câu hỏi khó trả lời hoặc không muốn trả lời, thì có thể phản vấn (hỏi lại) đối phương một câu hỏi mà họ cũng khó trả lời, khiến đối phương không kịp trở tay. Như vậy sẽ đưa đối phương lập tức đến chỗ bị động, khiến bên mình có thể nắm được quyền chủ động trong tranh luận. Đó chính là thuật *Hỏi để chặn hỏi.*

Một hôm nọ, một mục sư da trắng hỏi một lãnh tụ da đen một câu hỏi khó trả lời : *"Ngài đã có chí hướng giải phóng người da đen, trong khi người da đen châu Phi lại nhiều, sao không đi châu Phi ?"*

Lãnh tụ da đen lập tức hỏi lại một câu : *"Thế ngài đã lập chí giải phóng linh hồn, linh hồn ở địa ngục rất nhiều, sao không xuống địa ngục ?"*

Câu hỏi khó của mục sư hiển nhiên là hàm ý công kích nhân thân một cách thô bỉ. Nếu lãnh tụ da đen trước câu hỏi này mà trình bày lí do và trả lời thành thực, thì e rằng sẽ trúng kế làm cho đối phương càng thêm đắc ý. Và thế là lãnh tụ da đen né tránh không trả lời, thay vào đó là một câu hỏi cũng rất khó trả lời. Như vậy, vừa bảo vệ được sự tôn nghiêm của bản thân, lại vừa vạch trần được linh hồn tội lỗi của mục sư, khiến mục sư phải câm họng bối rối.

Thuật *Hỏi để chặn hỏi* là một phương tiện không thể thiếu được trong tranh luận. Khi đối phương bỗng nhiên nêu ra cho chúng ta câu hỏi chưa được dự liệu hoặc khó lòng phản bác, thì trả lời chính diện sẽ dẫn tới ngõ cụt và bị đối phương khống chế. Lúc này, có thể sử dụng thuật *Hỏi để chặn hỏi,* cũng vậy, hỏi lại đối phương bằng câu hỏi khó. Như vậy, có thể đẩy lùi sự tiến công của đối phương. Chẳng hạn, với luận đề *"Nhân tính bản thiện"* trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ, phía phản bác số 4 đã hỏi phía bảo vệ :

"... xin hỏi đội bạn, hoa thiện làm sao lại kết được quả ác ? Vị thầy ác đầu tiên là từ đâu ra ?"

Trước câu hỏi này, số 1 bên bảo vệ hỏi vặn lại :

"Tôi đang định hỏi đội bạn đây, nếu "Nhân tính bản ác" *thì ai là người dạy cho* "Nhân tính bản thiện ? *Người đầu tiên này tại sao lại tự thức tỉnh ?"*

Phía phản bác đã nêu ra câu hỏi *"Hoa thiện làm sao kết được quả ác ?"*. Câu hỏi này đã đánh trúng vào chỗ hiểm yếu của đối phương, phía bảo vệ rất khó trả lời. Và thế là họ đã chuyển hướng dùng câu hỏi khó để hỏi vặn lại phía phản bác *"Hoa ác làm sao kết được quả thiện ?"*. Ở đây, họ đã lấy câu hỏi để chặn câu hỏi, và hỏi rất hay.

5. VẶN HỎI CẶN KẼ

Khi đối phương để che đậy chỗ rạn nứt, tránh né đòn tiến công mà đặt điều giả dối hòng chui ra khỏi cửa ải thì chúng ta có thể bắt đầu bằng việc vặn hỏi cặn kẽ, nắm lấy mâu thuẫn của đối phương, tìm đột phá khẩu. Như vậy thường vạch trần được âm mưu của họ và đạt được mục đích khuất phục đối phương giành chiến thắng.

Ví dụ, trong một vụ án giết người, can phạm A khi ăn trộm hàng trong một kho nọ đã bị người bảo vệ ban đêm phát hiện. Trong khi giằng co thì người bảo vệ cắn vào tai can phạm, và can phạm đã giết chết người gác đêm. Sau khi chạy về nhà, A liền bàn với B (là vợ A) để thống nhất lời khai. Khi sơ thẩm, lời khai của A và B hoàn toàn giống nhau. Nhưng qua công an mấy lần thẩm vấn chi tiết thì lập tức lời khai dối trá của họ đã bị vạch trần.

Ghi chép thẩm vấn (1)

Công an : *Tai anh tại sao bị thương ?*

A : *Tối qua tôi đánh nhau với vợ và bị cô ấy cắn.*

Ghi chép thẩm vấn (2)

Công an : *Tai chồng chị làm sao vậy ?*

B : *Tối qua đánh nhau, tôi cắn anh ấy đấy.*

Ghi chép thẩm vấn (3)

Công an : *Anh và vợ anh đánh chửi nhau bắt đầu vào lúc nào ?*

A : *Hơn 10 giờ tối, lúc đó tôi có xem đồng hồ.*

Công an : *Đánh chửi nhau vì việc gì ?*

A : *Vì việc hàng xóm đến chơi.*

Công an : *Tai anh bị cắn trên giường hay ở dưới giường ?*

A : (ngần ngừ) *ở... trên giường, lúc đó chúng tôi đã đi ngủ.*

Ghi chép thẩm vấn (4)

Công an : *chị đánh chửi nhau với chồng bắt đầu vào lúc nào ?*

B : *Lúc tám chín giờ gì đó.*

Công an : *Đánh chửi nhau vì lí do gì ?*

B : *Vì việc hàng xóm đến chơi.*

Công an : *Chị cắn tai anh ta ở trên giường hay dưới giường*

B : (yên lặng) *ờ... dưới giường. Lúc đó chưa đi ngủ.*

Từ 4 bản ghi chép thẩm vấn nêu trên, chúng ta có thể phát hiện ra là dù A và B đã từng thống nhất với nhau về lời khai để có đồng minh, thế nhưng nhân viên công an qua xét hỏi cặn kẽ, đã nhanh chóng phát hiện ra kẽ hở : Lời khai về : Thời gian cắn tai vào lúc 8, 9 giờ và 10 giờ là mâu thuẫn. Địa điểm cắn tai trên giường và dưới giường là mâu thuẫn. Và cả việc họ đi ngủ và chưa đi ngủ cũng mâu thuẫn. Rồi từ kẽ hở trên những chi tiết này, công an đã truy xét đến cùng. Rốt cuộc đã nhanh chóng phá án.

Thuật *Vặn hỏi vặn kẽ* thích hợp cho việc vặn hỏi những đối tượng khác nhau, cũng có thể áp dụng với cùng một đối tượng mà xét hỏi ở thời gian trước – sau. Và dù với trường hợp nào, đều cần phải đặc biệt chú ý tới những mâu thuẫn về chi tiết xuất hiện ở đối phương.

Khi dùng thuật *Vặn hỏi cặn kẽ*, nhịp điệu lời nói chủ yếu là phải chậm rãi tựa như dòng chảy róc rách, phải bình thường, không lộ biểu cảm. Như vậy, mới thả lỏng được ý chí đối phương mà khiến họ xem nhẹ tính quan trọng của các chi tiết.

6. TRỢ SẢN VỀ MẶT TINH THẦN

Khi Xô-cơ-rát (thời cổ Hi Lạp) tranh luận với người khác thì thường dùng một hình thức đặc biệt, ông ta không như những kẻ thức giả khác tự coi mình kiến thức uyên thâm, mà nói là mình chẳng biết gì cả, không hiểu một vấn đề gì hết, và chỉ có cách nêu câu hỏi xin ý kiến người khác. Thế nhưng khi người ta trả lời câu hỏi của ông thì Xô-cơ-rát lại không vừa lòng, phản bác lại đáp án của họ, khiến đối phương nảy sinh ra hàng loạt mâu thuẫn và đành phải nhận mình sai. Cứ như vậy lặp lại nhiều lần và cuối cùng qua gợi ý dắt dẫn để người ta nói ra quan điểm của Xô-cơ-rát. Thế nhưng, Xô-cơ-rát vẫn bảo quan điểm này không phải là của mình, mà là vốn có trong tâm hồn đối phương, chỉ là do cơ bắp cản trở mới chưa được biểu hiện ra. Tác dụng của ông chẳng qua là bằng các câu hỏi để giúp đối phương xác định rõ quan điểm của bản thân mà thôi. Xô- cơ-rát giống như bà đỡ, đỡ đẻ cho người mẹ, tuy người mẹ thể lực già yếu khó sinh con, nhưng được trợ sản giúp sức. Bởi vậy, ông gọi thuật biện luận này của mình là thuật *Trợ sản về mặt tinh thần.*

Sau đây chúng tôi nêu một ví dụ thuyết minh việc Xô-cơ-rát sử dụng thuật này như thế nào.

Một lần, Juy-xte-mơt nói với Xô-cơ-rát rằng những bọn trộm cắp lừa đảo đều là không chính nghĩa tuốt. Và thế là giữa họ đã nổ ra cuộc tranh luận.

Xô-cơ-rát : *Khi chiến tranh, lừa dối kẻ địch thì sao ?*

Juy-xte-mơt : *Cái đó là chính nghĩa, thế nhưng người tôi nói đến là bạn chúng ta.*

Xô-cơ-rát : *Nếu một vị tướng thấy tinh thần binh lính của ông ta xuống dốc, liền lừa họ rằng viện quân sắp đến, bởi vậy chặn được sự khủng hoảng tinh thần. Chúng ta nên coi loại lừa dối này thuộc loại nào ?*

Juy-xte-mơt : *Tôi cho rằng nên coi là chính nghĩa.*

Xô-cơ-rát : *Lại nữa, một em bé cần phải được uống thuốc, nhưng em không chịu. Cha mẹ em liền lừa rằng : cái này ngon lắm, và bằng cách lừa dối này đã làm cho sức khỏe em bé bình phục. Vậy loại lừa dối này nên xếp vào đâu ?*

Juy-xte-mơt : *Theo tôi, nên coi là chính nghĩa.*

Xô-cơ-rát : *Một người nào đó thấy bạn thất vọng cùng cực, sợ anh ta tự sát và đã lấy cắp toàn bộ vũ khí như dao kiếm của anh ta. Hành vi này nên xếp vào loại nào ?*

Juy-xte-mơt : *Đương nhiên, cũng nên xếp vào chính nghĩa.*

Xô-cơ-rát : *Tức là nói, ngay cả với bạn bè cũng không nên lúc nào cũng thẳng thắn cả ?*

Juy-xte-mơt : *Quả đúng như vậy. Nếu ông cho phép, tôi xin rút lại lời tôi đã nói ra.*

Xô-cơ-rát trong khi cùng Juy-xte-mơt một hỏi một trả lời đã nhiều lần vận dụng phương thức gợi ý dẫn dắt. Cuối cùng, đã khiến đối phương từ bỏ quan điểm của bản thân, đã có được nhận thức thống nhất, và đã giành được chiến thắng trong tranh luận.

Thuật *Trợ sản về mặt tinh thần* của Xô-cơ-rát, ngày nay trong tranh luận cũng vẫn còn bổ ích.

7. DẪN TỚI ĐỐI LẬP

Tranh luận là sự tranh đua về trí tuệ, là sự giao đấu bằng lời. Hai bên luận chiến, miệng lưỡi phải sắc sảo, và với những vũ khí đó thường là dẫn tới trạng thái đối lập mâu thuẫn gay gắt. Một nhà hùng biện siêu hạng thường biết cách từ tiền đề chung dẫn tới kết luận chống lại đối phương, và lấy đó để đấu tranh với đối thủ.

Chẳng hạn, thời xa xưa có người tên là Từ Xương Cốc, ông ta xây một ngôi biệt thự tại một bãi tha ma ở ngoại ô. Và mỗi khi màn đêm buông xuống, gió lạnh thê lương làm người ta kinh hãi. Một tiếng kêu thảm thiết của loài chồn cáo cũng khiến ta sởn tóc. Một đốm ma trơi quanh quất bên mồ càng khiến ta ớn lạnh. Bạn ông ta thấy vậy, không thể không lo lắng bảo :

"Ông ở đây, hằng ngày chứng kiến cảnh này chắc là trong bụng chẳng vui vẻ gì !"

Từ Xương Cốc phản bác lại :

"Ông nói sai rồi, hằng ngày tôi thấy toàn mồ mả, lại càng khiến tôi không thể không vui !"

Từ một cảnh đều cùng thấy, bạn bè thì rút ra kết luận khiến lòng người không vui, còn Từ Xương Cốc lại từ đó liên tưởng tới cảnh đời người có hạn và rút ra kết luận phải biết quý biết hưởng thụ cuộc sống, và như vậy, ta biểu hiện một tâm chí khoáng đạt, một tấm lòng rộng mở.

Như vậy, phương pháp tranh luận cùng từ một tiền đề mà dẫn tới kết luận đối chọi với đối phương chính là thuật *Dẫn tới đối lập*. Trong biện luận biết sử dụng xác đáng thuật này có thể khiến lời biện luận của chúng ta có được sức mạnh đối kháng to lớn.

Lại ví dụ, có một câu chuyện dân gian kể rằng A-van-ti có người bạn làm nghề buôn mà phải đi xa. Anh này đến chào tạm biệt và thấy trên tay A-van-ti có đeo chiếc nhẫn vàng liền nảy sinh ý định hỏi xin. Anh bạn nói :

"A-van-ti, lâu quá không gặp anh, tôi thật buồn đến chết. Giờ thì tôi phải đi xa và chắc rằng sau này sẽ càng nhớ tới anh. Nghe tôi nói này, vì tình bạn lâu ngày của chúng ta, hãy đưa cho tôi đeo cái nhẫn vàng này đi ! Tôi hễ nhìn thấy nhẫn tức là nhìn thấy anh và yên tâm".

Trước yêu cầu vô lí của người bạn, A-van-ti nói :

"Anh thật tốt bụng, thế nhưng, lâu ngày không gặp anh, tôi cũng thấy không sống nổi đây, anh hãy cứ để chiếc nhẫn lại, để tôi hễ thấy nó thì sẽ nói : "Ồ, bạn đã hỏi xin mà ta không cho". Và như vậy sẽ nghĩ tới anh !"

Từ cùng một tiền đề để nhớ tới đối phương, thế nhưng kết luận mà hai phía rút ra hoàn toàn khác nhau : *tặng nhẫn* và *không tặng nhẫn*. Do A-van-ti đã khéo léo dùng thuật *Dẫn tới đối lập* mà đã bảo vệ được lợi ích hợp pháp của mình.

Thuật *Dẫn tới đối lập* có thể từ cùng một đối tượng sự vật mà đi tới những kết luận đối lập nhau. Thế nhưng, những kết luận này rốt cuộc ai đúng ai sai còn phải phân tích cụ thể. Chẳng hạn trong *Biệt loại – Lã thị Xuân Thu* có nói tới thời xưa có người giám định gươm báu nói rằng :

"Thiếc trắng thì dùng để làm cho gươm thêm cứng, đồng vàng thì làm cho gươm dẻo. Vàng trắng trộn lẫn thì vừa cứng lại vừa dẻo, nhất định sẽ có thanh gươm tốt".

Người phản bác quan điểm này lại nói rằng :

"Thiếc trắng dùng làm cho gươm không dẻo, đồng vàng dùng để cho gươm không cứng. Vàng trắng pha lẫn thì vừa không cứng vừa không dẻo. Thanh gươm này vừa sẽ bị bẻ gãy, vừa sẽ có thể uốn cong thì sao gọi là gươm quý ?"

Thanh gươm vàng trắng pha lẫn rốt cuộc thế nào còn cần phải phân tích kĩ và phải kiểm nghiệm qua thực tiễn.

8. DẪN TỪ HAI CÁI KHÓ

Phép hai cái khó là phương pháp biện luận mạnh mẽ, thường có thể hãm đối phương vào cảnh khó khăn tiến thoái lưỡng nan mà không có lối thoát. Thế nhưng, một nhà hùng biện giỏi đứng trước thế trận hai cái khó này sẽ không chịu khoanh tay chịu trận, sẽ nảy ra những ngón tuyệt chiêu hãm địch để thắng. Một trong những tuyệt chiêu này là từ tiền đề hai cái khó mà đối phương nêu ra sẽ dẫn tới kết luận hoàn toàn trái ngược với đối phương để rồi đánh bại họ. Đó chính là thuật *Dẫn từ hai cái khó.*

Thành phố A-ten thuộc cổ Hi Lạp có một thanh niên, anh ta có tài đối đáp và đi diễn thuyết khắp nơi. Một đêm, cha anh ta buồn rầu nói :

"Con ơi, con phải cẩn thận đó ! Con cứ say sưa diễn thuyết như vậy sẽ không có kết quả tốt đâu. Nói thật ư ? Người giàu và kẻ quyền quý căm giận lắm đấy. Nói dối ư ? Người nghèo không ủng hộ. Thế mà, đã là diễn thuyết thì chỉ có thể hoặc nói thật hoặc nói dối. Bởi vậy, nếu không bị nhà giàu kẻ quyền quý căm giận thì cũng bị những người nghèo chống đối. Tóm lại hại thì cả trăm mà lợi không có nổi lấy một".

Người con nghe vậy ngoác miệng cười, từ tốn trả lời :

"Cha ơi, cha khỏi phải lo. Nếu con nói thật thì người nghèo sẽ ca ngợi con. Nếu con nói dối thì bọn giàu sang quyền quý sẽ khen. Tuy rằng con nếu không nói lời thật thì nói lời giả dối, thế nhưng nếu người nghèo không tán thành thì đã có người giàu ủng hộ. Sao không vui cho được ?"

Từ tiền đề "hoặc nói thật hoặc nói dối mà người con đã đi tới kết luận ngược với người cha. Như vậy có nghĩa là người cha muốn đặt con vào cái khó tiến thoái lưỡng nan nhưng lại bị đẩy lui".

Thuật *Dẫn từ hai cái khó* thông thường là phải thay đổi vị trí của hai hậu kiện thuộc mệnh đề điều kiện trong phép hai cái khó của đối phương. Sau đó lần lượt phủ định chúng. Lại ví dụ :

Một người khách lữ hành bước vào một quán trọ. Quán này tiện nghi trông cũng được. Thế nhưng trời bỗng đổ cơn mưa và vị khách phát hiện ra rằng buồng vệ sinh dột tệ hại. Khó mà sử dụng. Và thế là gọi điện cho giám đốc, yêu cầu cho người sửa chữa. Giám đốc trả lời qua điện thoại :

"Xin lỗi, thưa ngài. Giờ đây trời mưa chúng tôi khó mà sửa chữa. Đợi nắng tạnh thì chẳng cần phải sửa. Trời nếu không mưa thì sẽ tạnh, cho nên nếu không có cách gì để sửa thì cũng không cần phải sửa".

Người khách trọ liền phản đối gay gắt :

"Ông giám đốc, ông nói sai rồi. Giờ đây trời đang mưa thì có nhu cầu sửa. Nếu trời tạnh, thì có điều kiện để sửa. Trời có thể mưa hoặc tạnh, cho nên hoặc có nhu cầu sửa, hoặc có điều kiện sửa".

Thế là vị khách nọ đã thay đổi vị trí của hai hậu kiện của mệnh đề điều kiện trong suy luận hai cái khó của viên giám đốc và lần lượt phủ định chúng. Như vậy, đã rút ra được kết luận ngược với viên giám đốc và đập tan luận điệu của giám đốc một cách mạnh mẽ.

9. DẪN TỪ LẬP TRƯỜNG

Cái gọi là lập trường chính là vị trí đứng và thái độ bản thân khi xem xét và xử lí vấn đề. Cùng một sự vật, lập trường quan điểm mỗi người có thể khác nhau và sự cảm thụ cũng có thể khác nhau. Như vậy, kết luận từ sự vật này cũng có thể có khả năng đối lập gay gắt. Thuật *Dẫn từ lập trường* là phương pháp biện luận rút ra kết luận đối lập gay gắt với đối phương qua việc thay đổi lập trường quan sát sự vật để từ đó đấu tranh với họ. Chẳng hạn :

Biển số xe tải của Tiểu Vương là 16444, và mọi người đều khuyên anh ta :

Biển số xe cậu 16444 nghe ra như "con đường chết chết chết"[1]. Chẳng tốt lành gì. Tớ xem hay là đổi quách biển số đi.

Thế nhưng, Tiểu Vương vẫn không băn khoăn gì mà phản bác lại :

Con số này rất lành, đọc lên nghe là "đô la phát phát phát". Đo chẳng phải điềm lành hay sao ?

Từ giác độ số tự nhiên để xem xét ý nghĩa biển số, thì âm gần giống "đọc đường chết chết chết". Nhưng từ giác độ nốt nhạc để suy thì kết luận lại là " đô la phát phát phát". Do lập trường khác nhau mà Tiểu Vương rút ra kết luận đối chọi với mọi người.

Sự khác nhau về lập trường, có thể chỉ giác độ quan sát sự vật khác nhau, cũng chỉ thái độ chủ quan khác nhau đối với sự vật.

Chẳng hạn đang khi Ê đi xơn cố gắng để phát minh ra bóng đèn điện, thì có một chủ công ti nó bơn cợt rằng :

Ông thất bại có đến 1200 lần rồi, nên chấm hết trò chơi vô ích này đi !

Ê đi xơn bác lại :

Không ! Thành tựu của tôi là phát hiện ra 1200 loại nguyên liệu không làm được dây tóc.

Với việc phát minh bóng điện, ở đây có những thái độ chủ quan khác nhau. Chủ công ti thì cho rằng thất bại, còn Ê đi xơn lại rút ra kết luận thành công.

---

(1) Số 16444 phát âm Bắc Kinh là *"yī liu sì sì sì*, gần giống âm của tổ hợp từ có nghĩa "đọc đường chết chết chết" (yī lù sǐ sǐ sǐ). Còn nhạc số quy định 1 2 3 4 5 6 7 (đô rê mi pha son la si), vậy 16444 đọc là : *dòla pha pha pha*, suy nghĩa : đô la phát phát phát (*pha* : suy từ chữ Hán là "phát", có thể hiểu là : đưa cho hoặc phát tài).

Thuật *Dẫn từ lập trường* bao gồm cả việc người biện luận nhằm vào cùng một sự vật, căn cứ vào yêu cầu biện luận khác nhau, qua việc thay đổi lập trường khác nhau mà rút ra kết luận đối lập. Chẳng hạn với luận đề : *AIDS là vấn đề y học, không phải là vấn đề xã hội* trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ, đội Phúc Đán khi chuẩn bị lời biện luận theo phe bảo vệ đã căn cứ vào sự thực *ở châu Úc có 1/4 số mèo nhiễm vi rút HIV* và cho rằng AIDS không phải chỉ thuộc về con người. Con mèo cũng có khả năng mắc bệnh như vậy và nó không có xã hội. Và HIV mới là nguyên nhân chủ yếu của bệnh AIDS. Từ đó thấy rằng HIV là vấn đề y học và rút ra kết luận AIDS là vấn đề y học, không phải vấn đề xã hội. Cũng vậy, đội Phúc Đán với luận đề này khi chuẩn bị lời phản bác đã nhằm vào cùng một việc : *không chỉ con người mắc AIDS mà những con mèo châu Úc có tới 1/4 cũng mắc mầm bệnh AIDS.* Và từ đó, có thể nói lên sự nguy hại do AIDS gây ra đang đụng chạm tới các lĩnh vực xã hội, ngay cả những con vật nuôi trong lồng của các gia đình cũng khó tránh. Từ đó rút ra kết luận AIDS là một vấn đề xã hội nghiêm trọng, không phải là vấn đề của y học. Từ đó đã chứng tỏ tài năng biện luận rất cao của đội Phúc Đán.

10. DẪN TỪ LOẠI SUY

Thuật *Luận chứng loại suy* là một phương pháp biện luận linh hoạt, cơ động và biến hóa khôn lường. Nó có thể biểu hiện tài năng biện luận của con người một cách cao nhất. Thế nhưng, kết luận loại suy lại chỉ có tính xác suất may rủi, không thể tin tưởng tuyệt đối. Có khi cùng một sự vật mà lại có những kết luận đối lập. Thuật *Dẫn từ loại suy* là phương pháp biện luận dùng phép loại suy để rút ra quan điểm đối chọi với đối phương, từ đó mà đấu tranh với họ.

Với cùng một sự vật, sự vật đưa ra so sánh mà khác nhau thì kết luận sẽ khác nhau, thậm chí đối chọi gay gắt. Chẳng hạn, có một kẻ kiêu ngạo tự mãn, xa rời quần chúng, anh ta biện giải như sau :

Chỉ có dê, lợn mới sống thành đàn. Còn sư tử, hổ thì đi lại một mình.

Về việc này, đồng chí Mã Thiết Đinh, nhà văn nổi tiếng bác lại :

Sư tử và cọp đương nhiên là đi lại một mình. Và nhím, cóc, nhện không phải đi lại một mình đó sao ?

Kẻ kiêu ngạo tự mãn lấy động vật để so sánh, lấy tập tính của dê, lợn để liên hệ tới quan điểm quần chúng một cách mỉa mai, so sánh với sư tử, hổ để rút ra kết luận hành vi của mình là cao thượng. Còn Mã Thiết Đinh lại lấy sự vật khác để so sánh và được một kết luận đối chọi với quan điểm của đối phương, đã vạch trần tính giả dối trong quan điểm này và đã phản bác rất hay.

Ngoài ra, hai bên tranh luận với cùng một sự vật và so sánh trên cùng một sự vật thì từ điểm đứng, điểm xuất phát khác nhau, kết luận rút ra cũng có thể khác nhau, thậm chí đối lập gay gắt. Chẳng hạn :

Tề Cảnh Công đi Thự Lương săn thú, 18 ngày không trở về kinh. Án Tử đến gặp Cảnh Công và nói : *"Người trong nước đều cho rằng nhà vua chỉ chí thú việc săn bắn mà không chuyên tâm với việc nước, thích thú rừng mà không thích dân chúng, như vậy không được !"* Cảnh Công nói : *"Sao không được ? Vợ chồng kiện nhau thì đã có Tử Ngưu giải quyết, việc tế tự tôn miếu xã tắc đã có Tử Du, việc tiếp đón tân khách chư hầu đã có Tử Vũ, việc cày cấy ruộng*

khố đã có Thân Điền, việc điều hòa bổ sung đã có ngươi. Ta có 5 đại thần như các ngươi thì như có tứ chi của cái tâm, tứ chi làm lụng chăm chỉ thì tâm được nghỉ ngơi yên ổn. Giờ đã có 5 các ngươi làm việc và lo lắng thì ta được nghỉ ngơi, lẽ nào không được ?"

Án Tử trả lời : *"Thần nghĩ khác với chúa công. Đã có tứ chi làm việc cần mẫn thì cái tâm được nghỉ. Nhưng tứ chi rời khỏi tâm thì sẽ không làm việc được, huống chi đã 18 ngày rồi, chẳng là lâu lắm sao ?"*

Thế là, Tế Cảnh Công bỏ cuộc săn về kinh.

Ở đây ta thấy cả hai bên đều dùng quan hệ cái tâm với tứ chi để so sánh với quan hệ nhà vua và đại thần. Nhưng điểm đứng, điểm xuất phát khác nhau cho nên kết luận rút ra hoàn toàn đối chọi. Và Án Tử rốt cuộc đã thuyết phục được nhà vua.

11. DẪN TỪ MƠ HỒ

Với những mệnh đề mơ hồ, lộn xộn thì những người khác nhau có thể đưa ra những kết luận khác nhau. Thuật *Dẫn từ mơ hồ* chính là phương pháp biện luận từ một mệnh đề mơ hồ, không rõ ràng mà dẫn ra kết luận đối chọi với đối phương để từ đó mà đấu tranh với họ.

Theo ghi chép của *Dâm từ. Lã thị Xuân Thu* thì nước Tần và nước Triệu đã kí kết một điều ước hỗ trợ như thế này, điều ước quy định :

"Từ nay về sau, Tần muốn làm gì thì Triệu giúp, Triệu muốn làm gì thì Tần giúp".

Chẳng bao lâu sau, Tần phát binh đánh Ngụy, Triệu muốn cứu Ngụy. Vua Tần rất không vui, cử người sang trách Triệu :

"Điều ước quy định rằng : "Tần muốn làm gì thì Triệu giúp, Triệu muốn làm gì thì Tần giúp". Giờ Tần đánh Ngụy, Triệu không những không giúp đánh Ngụy mà lại muốn cứu Ngụy. Điều này không đúng theo quy định của điều ước !"

Vua Triệu cho gọi Bình Nguyên Quân tới hỏi kế, Bình Nguyên Quân lại hỏi Công Tôn Long, Công Tôn Long nói : *"Các ông cũng có thể cử sứ giả đi trách vua Tần và nói với ông ta : "Triệu muốn cứu Ngụy, giờ đây vua Tần không giúp Triệu cứu Ngụy, như vậy cũng trái với điều ước !"*

Như ta thấy, nước Tần nước Triệu đã kí một điều ước mơ hồ không rõ ràng. Trong đó "Tần muốn làm gì", "Triệu muốn làm gì" đều có **làm gì** không rõ hướng là chính nghĩa hay phi chính nghĩa, thật không rõ ràng. "Tần muốn làm" và "Triệu muốn làm" thì ai trước ai sau, cũng không rõ. Công Tôn Long đã nhận rõ tính mơ hồ đó mà đưa ra một kết luận đối chọi với Tần Vương để đối kháng. Đây chính là thuật *Dẫn từ mơ hồ.*

12. DẪN TỪ TRÌNH TỰ TỪ NGỮ

Trong một câu, nếu trật tự từ ngữ khác nhau thì ý nghĩa biểu đạt thường là khác nhau, thậm chí có khi trái ngược nhau. Thuật *Dẫn từ trình tự từ ngữ* chính là phương pháp biện luận thông qua việc thay đổi trật tự từ ngữ trong câu nào đó để rút ra kết luận đối chọi với đối phương. Chẳng hạn :

Một ngày chủ nhật, một bà mẹ dẫn hai đứa con ra công viên. Công viên nở đầy bông hoa hồng. Bà mẹ ngồi lên ghế, để hai đứa con tự chơi.

Lát sau, hai đứa quay lại. Thằng bé nhọn mồ buồn rầu nói :

"Mẹ, tất cả những bông hoa đẹp ở đây đều có những bụi gai, rất khó chơi !".

Thằng anh thì mừng rỡ nói :

"Không, mẹ ơi. Tất cả những bụi gai ở đây đều có những bông hoa đẹp, nơi đây chơi thích lắm !"

Cũng một sự vật thế nhưng thằng anh chỉ cần đảo trật tự từ ngữ là rút ra được kết luận đối chọi với thằng em.

Thuật *Dẫn từ trình tự từ ngữ* có khi có thể thông qua việc thay đổi trật tự các câu để đạt mục đích, có khi cũng có thể thông qua việc thay đổi trật tự các từ ngữ trong câu để đạt được hiệu quả ngược lại. Ví dụ :

Tháng 5 năm 1924, Tôn Trung Sơn với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản đã mở trường quân sự Hoàng Phố. Trường quân sự Hoàng Phố mấy khóa đầu đã đào tạo được hàng loạt những cán bộ chính trị và quân sự cốt cán. Cổng trường, vì vậy có đôi câu đối :

Thăng quan phát tài, xin đi lối khác ;
Tham sống sợ chết, đừng đến cửa này.

Năm 1927, sau khi Tưởng Giới Thạch gây chính biến phản cách mạng 12 tháng 4, người cộng sản trong trường buộc phải rời đi, tính chất nhà trường từ đó cũng thay đổi, trở thành con đường thẳng tới sự thăng quan phát tài cho một số người. Và đã có người khéo léo sửa câu đối trên thành :

Thăng quan phát tài, đừng đi lối khác ;
Tham sống sợ chết, xin đến cửa này.

Trật tự 2 chữ *xin* và *đừng* vừa đảo lộn thì ý nghĩa ban đầu của câu đối trái ngược hẳn và đã biểu hiện chính xác sự thay đổi căn bản về tính chất của nhà trường.

13. DẪN TỪ KHẢ NĂNG

Sự phát triển tương lai của một sự vật nào đó thường có những khả năng khác nhau. Chẳng hạn, một hạt giống nhỏ có thể mọc ra một cây cao chọc trời, nhưng cũng có thể do thiếu ánh nắng và nước mà bị chết yểu ; một em bé mới sinh, tương lai có thể trở thành công nhân, cũng có thể trở thành nhà khoa học. Và thuật *Dẫn từ khả năng* chính là phương pháp biện luận phản bác suy đoán về tình hình có thể trong tương lai của sự vật mà đối phương nêu ra, từ đó mà chọn lựa tình hình có thể đối lập với họ.

Bernard Shaw (1856 – 1950, nhà văn Anh) sau khi thành danh thì một nghệ sĩ múa nổi tiếng đến cầu hôn, cô ta nói :

"Nếu anh đồng ý kết hôn với em, con chúng ta đẻ ra sẽ thông minh như anh và đẹp như em. Như vậy sẽ rất là hay !"

Bernard Shaw với phong cách hài hước vốn có nói :

"Nếu tôi và cô lấy nhau, con cái sinh ra sẽ xấu như tôi, và đầu óc đần độn như cô. Như vậy thật đáng sợ !"

Nam nữ kết hôn, sinh ra con giống ai sẽ có nhiều khả năng tạo thành. Ở đây, Bernard Shaw đã chọn khả năng ngược với đối phương, và rút ra kết luận khác hẳn.

Muốn dùng thuật *Dẫn từ khả năng* cho hay thì phải có năng lực tư duy tưởng tượng phong phú, có thể tưởng tượng ra các khả năng khác nhau của sự phát triển của sự vật, để từ đó mà chọn khả năng có lợi cho mình mà chống lại đối phương. Chẳng hạn, một thời gian đã có không ít thầy cô giáo phải làm nghề tay trái. Trước việc này, mọi người đã phản ứng mạnh mẽ. Có những học sinh qua đó đã tranh luận :

A : *Tôi cho rằng thầy cô giáo buôn bán, làm nghề tay trái là hiện tượng tốt, cần khuyến khích. Bởi vì buôn bán rất có tác dụng thể hiện ý thức cạnh tranh, trong nhà trường, bước vào cơ chế cạnh tranh, các thầy cô trong cuộc cạnh tranh mạnh thắng yếu thua sẽ chủ động tiếp nhận những thông tin mới của xã hội, học được những kiến thức mới trong nghề buôn, làm đổi mới nếp*

nghĩ, làm phong phú bản thân và làm phát triển ý thức và năng lực cạnh tranh. Đồng thời cũng bổ bổ và làm sinh động nội dung khoa học. Điều này vừa có lợi cho cải cách giáo dục lại có lợi cho việc mở rộng tầm nhìn của học sinh, học những bài học sống động, thật là một việc tốt nhất cử lưỡng tiện.

B : *Với việc các thầy cô buôn bán, làm nghề tay trái, tôi không tán thành. Thầy cô đi buôn tất phải chiếm hết thời gian và sức lực dành cho dạy học, như vậy là phân tâm, tất sẽ dẫn đến chất lượng dạy học hạ thấp. Thầy cô đi buôn, sẽ có thể nảy sinh ảnh hưởng nhất định tới học sinh, trong học sinh sẽ nảy sinh quan điểm sùng bái đồng tiền, đề cao "thuyết" :* đi học công toi *và khiến cho nghĩa vụ học tập bị cản trở. Thầy cô đi buôn sẽ dẫn tới trình độ chung của đội ngũ giáo viên hạ thấp, dẫn tới kiến thức cơ sở của học sinh yếu kém đi, khó nắm được kiến thức khoa học, khiến cho người kế tục tài năng bị thiếu hụt. Cho nên, tôi cho rằng thầy cô đi buôn và làm nghề thứ hai là không nên !"*

Về việc thầy cô đi buôn, với sự nghiệp giáo dục trong nhà trường sẽ có những ảnh hưởng gì ? Đây có những khả năng khác nhau. B đã chọn khả năng khác A để phản bác. Bởi vậy, đã tạo thành sự đối lập mâu thuẫn với A.

14. DẪN TỪ NHÂN QUẢ

Mối liên hệ nhân quả biểu hiện trong thực tế rất phức tạp và đa dạng. Có khi một nguyên nhân dẫn tới nhiều kết quả. Có khi một kết quả là do nhiều nguyên nhân dẫn tới. Thuật *Dẫn từ nhân quả* chính là phương pháp biện luận căn cứ vào mối liên hệ nhân quả giữa các sự vật mà dẫn tới những kết luận đối lập nhau.

Một cách thức của luật này là từ cùng một nguyên nhân mà dẫn tới kết quả đối lập nhau. Chẳng hạn :

Có một lần cột sống của Bernard Shaw bị đau và cần phải rút một cái xương chân để chắp cho cột sống. Sau khi mổ xong, thầy thuốc muốn có thêm ít tiền bồi dưỡng, liền nói :

"Ông Bernard Shaw này, đây là ca mổ xưa nay chúng tôi chưa hề thực hiện !"

Bernard Shaw cười nói : *"Tốt lắm, xin hỏi ông sẽ trả tôi bao nhiêu tiền thực nghiệm đây ?"*

Từ nguyên nhân xưa nay chưa hề thực hiện, thầy thuốc thì vì nó khó mà dẫn tới kết quả cần có thêm tiền bồi dưỡng ; còn Bernard Shaw thì từ việc lấy cơ thể mình làm vật thí nghiệm mà đi tới kết quả là đòi tiền thí nghiệm. Và như vậy là ngược hẳn nhau, rất hay.

Một cách thức khác của thuật *Dẫn từ nhân quả* là từ cùng một kết quả, dẫn tới những nguyên nhân trái ngược. Chẳng hạn :

Một hôm trời còn sáng tinh mơ, thiên hộ họ Trường đã dẫn xác đến nhà A van ti. Con chó chẳng buồn nhìn hắn ta, mà chui ngay vào ổ. Thiên hộ họ Trường giương mắt ngoác mồm cười và nói :

"Trông kìa, A van ti ! Chó của anh sợ tôi đấy ! Tôi đến mà nó chẳng dám sủa, cúp đuôi chui vào ổ !"

"Không đâu, thưa ngài". A van ti liếc nhìn thiên hộ, nói tiếp : *"Chó của tôi không sợ ngài mà là ghét ngài đấy !"*

Tại sao chó không sủa lấy một tiếng mà chui ngay vào ổ ? Cùng một kết quả mà dẫn tới các nguyên nhân trái ngược : thiên hộ thì nêu nguyên nhân là

chó sợ ông ta còn A van ti thì lại rút ra nguyên nhân là chó không sợ mà là ghét. Điều này rất có ý nghĩa trong việc châm biếm tên thiên hộ đáng ghét nọ.

Ngoài ra, cùng một hiện tượng, coi nó là kết quả để suy ra nguyên nhân hay coi nó là nguyên nhân để suy ra kết quả, ở đây thường tạo nên sự đối lập gay gắt.

Chẳng hạn, trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ có luận đề là *"Nhân tính bản thiện"*, số 1 bên bảo vệ khi luận chứng lập trường *nhân tính bản thiện* của mình đã nói :

"Chính vì nhân tính bản thiện cho nên con người lúc nào và ở đâu cũng có thể buông con dao đồ tể, và thành phật".

Còn số 3 bên phản bác khi luận chứng lập trường *nhân tính bản ác* của mình thì phản bác một cách gay gắt :

"Số 1 đội bạn nói rằng có người buông con dao đồ tể và trở thành phật. *Hay lắm, nhưng tôi xin hỏi, nếu con người thảy đều bản thiện thì còn ai cầm dao mổ ?"*

Bên bảo vệ từ nguyên nhân *nhân tính bản thiện* rút ra kết quả *có người vứt bỏ con dao đồ tể và trở thành phật.* Còn bên phản bác thì coi *có người vứt bỏ con dao đồ tể và trở thành phật* là nguyên nhân để rút ra kết quả bản tính con người là ác, không phải là thiện. Lời đối đáp hay này đã được người dự xem nhiệt liệt vỗ tay.

15. DẪN TỪ HƯ VÔ

Một số hiệp định, điều ước thậm chí pháp luật, có lúc không đề cập đến một sự vật nào đó. Tại chỗ không đề cập đến thường thường ý kiến phân tán và tranh luận rất gay gắt. Khi đối phương căn cứ vào việc điều ước, pháp luật không phủ định một sự vật nào đó mà đi tới kết luận có thể làm được, thì cũng vậy, chúng ta cũng có thể dựa vào điều ước, pháp luật không đưa ra khẳng định một sự vật nào đó mà đi tới kết luận không được làm, để tạo một mâu thuẫn đối lập gay gắt với đối phương. Phương pháp biện luận này chúng ta gọi là thuật *Dẫn từ hư vô.*

Chẳng hạn, trong một vụ án tranh chấp về quyền thuê nhà có một đoạn biện luận như sau :

Luật sư nguyên cáo : *"Buồng ở thông thường với diện tích 30m^2, mỗi tháng tiền thuê là 800 đồng (Nhân dân tệ Trung Quốc), không công bằng. Xin tòa hãy phán quyết thay đổi điều ước này, cần hạ giá thuê xuống".*

Bị cáo : *"Pháp luật không quy định rõ cấm việc đặt giá thuê cao, đây là việc hai bên tình nguyện."*

Luật sư nguyên cáo : *"Vậy thì, bị cáo là người cho thuê hà cớ gì lại đuổi người mẹ của nguyên cáo đến tạm trú có tháng trời thôi ?"*

Bị cáo : *"Hợp đồng không quy định khoản này, pháp luật cũng không quy định rõ có thể cho phép người thứ hai ngoài người cho thuê nhà được ở trong phòng thuê."*

Luật sư nguyên cáo : *"Tôi sẽ quy nạp quan điểm của bị cáo, xem ra sao nhé. Về tiền thuê, theo ông nói, phàm pháp luật không cấm thì đều cho phép, đúng không ?"*

Bị cáo : *"Đúng vậy."*

Luật sư nguyên cáo : *"Về việc mẹ nguyên cáo cùng ở với người thuê nhà, theo ông nói, phàm là pháp luật không cho phép rõ ràng thì đều là cấm, đúng không ?"*

Bị cáo : *"Có thể nói như vậy."*

Luật sư nguyên cáo : *"Pháp luật thực ra chưa rõ ràng cho phép ông cho thuê với giá quá cao, tức là thuộc về điều cấm. Pháp luật thật ra chưa cấm*

người thứ hai ngoài người thuê nhà được tạm thời cùng ở, vậy việc tạm thời cùng ở là được phép. Thế nào, quan điểm của bản thân ông và quan điểm của ông đã xung đột nhau rồi phải không ? Thực ra, cái pháp luật không cấm thì được phép. Quan điểm này là đúng đắn. Vấn đề là ở chỗ giá tiền cho thuê quá cao chính là biểu hiện không công bằng về luật dân sự, là nguyên tắc công bằng của luật pháp cấm."

Bị cáo đã dựa vào việc pháp luật không quy định rõ việc cấm đặt tiền thuê cao, đã rút ra kết luận là được phép. Luật sư nguyên cáo thì dựa vào pháp luật không quy định rõ việc cho phép đặt giá thuê nhà cao, đã rút ra kết luận đây thuộc phạm vi cấm. Luật sư nguyên cáo ở đây đã lợi dụng luật *Dẫn từ hư vô*, khiến bị cáo lâm vào tình trạng khó khăn tự mình mâu thuẫn và gậy ông lại đập lưng ông. Và như vậy đã dẫn đến việc bị cáo tự mình phủ định phòng tuyến logic giả dối của mình. Ở đây đã bộc lộ rõ nét cái ý vị ứng chiến bình tĩnh riêng có của luật sư nguyên cáo.

16. MƯỢN LỜI ĐỂ ĐÁP LỜI

Trong một số trường hợp tranh luận, người biện luận không tranh biện với đối phương bằng trực tiếp lời của mình mà mượn lời người khác để trả lời. Đó là thuật *Mượn lời để đáp lời.*

Thuật *Mượn lời để đáp lời* thường biểu hiện bằng việc lấy chính ngay lời của đối phương để phản kích. Điều này, tương tự như cướp súng giặc để giết giặc. Chẳng hạn, một kĩ sư bị chèn ép ngay ở đơn vị mình công tác và đã đề nghị chuyển đổi. Người phụ trách đơn vị không những không tìm nguyên nhân từ phía mình mà lại còn nói một cách dông dạc :

"Đi thì cứ đi, vắng anh thì chợ vẫn đông mà !"

Lúc này, người kĩ sư hỏi vặn lại :

"Đúng vậy, vắng tôi thì chợ vẫn đông. Nhưng xin hỏi : Vắng anh thì chợ có đông không ?

Câu hỏi này rất khéo, vắng tôi chợ vẫn đông thì vắng anh chợ vẫn đông. Vắng bất kì một người nào đó thì chợ vẫn đông. Và như vậy, cái vũ khí công kích của đối phương : *vắng anh chợ vẫn đông* đã tỏ ra không có ý nghĩa, khác gì một câu vô giá trị. Ở đây, anh kĩ sư đã khéo dùng chính ngay câu của đối phương để đánh ngay vào điểm yếu của họ.

Muốn dùng thuật *Mượn lời để đáp lời* cho hay thì phải biết nắm bắt lấy lời mà đối phương dẫn dụng để dùng lại. Lại ví dụ :

Tại một thành phố của Tiệp có ba anh em trẻ tuổi làm nghề buôn. Có lần họ sắp sửa đi buôn một chuyến thật xa, liền giao tiền cho một người nông dân thật thà giữ, và còn nói rõ : chỉ khi nào cả ba anh em cùng đến lấy tiền thì mới được trao.

Sau đó họ đã đi xa làm ăn buôn bán rồi lại lần lượt quay về nhà. Thế nhưng cậu ba đến nhà người nông dân trước, cậu ta giở đủ mọi cách để rút tiền rồi biến mất. Cậu cả, cậu hai biết được thì rất tức, và kiện ra tòa. Tòa án xử người nông dân phải bồi thường, nếu không sẽ tịch biên toàn bộ gia sản để thế nợ. Người nông dân rất buồn bực. Rồi đó, có một người láng giềng biết sự việc bèn nói : *"Anh không nên sợ hãi, tôi sẽ đến tòa cãi cho".*

Và thế là người nông dân và anh em nhà lái buôn đều dẫn người biện hộ của mình ra tòa. Luật sư của cánh lái buôn cứ bíu lấy giao ước ban đầu, kiên trì bắt nông dân phải bồi thường. Lúc này, người cãi cho nông dân mới đứng dậy nói :

"Thưa quý tòa, tiền của anh em lái buôn nằm trong túi người nông dân, anh ta có thể lập tức trả cho họ ; có điều giữa họ với nhau đã có giao ước : chỉ khi ba anh em lái buôn cùng đến thì mới giao tiền. Thế này nhé, để cho ba anh em họ cùng đến, và họ có thể cùng rút tiền về".

Lúc này quan tòa yêu cầu cậu cả, cậu hai đi tìm cậu ba. Thế nhưng cậu ba đã mất hút, và hai anh em nhà nọ đành thất vọng.

Ở đây, ta thấy người láng giềng của người nông dân đã mượn chính lời của đối phương : Chỉ khi cả ba người cùng đến mới được giao tiền. Thế nhưng giờ chỉ có hai, thì đương nhiên không thể giao tiền cho họ. Như vậy, rốt cuộc người nông dân đã thắng kiện. Trong trường hợp này, khéo mượn luận đề của đối phương để phản bác là một phương pháp chiến thắng đẹp mắt.

17. ĐÁP LỜI BẰNG CÁCH HÀI HƯỚC

Thuật *Đáp lời bằng cách hài hước* là phương pháp bằng thái độ nhẹ nhàng hóm hỉnh và bằng những lời nói sinh động để biện luận.

Hài hước vốn có tác dụng vui đùa. Trong tranh luận, biết dùng những lời nói hóm hỉnh một cách hợp lí cũng có thể làm cho mọi người khoái chí, tạo nên không khí tranh luận có lợi cho bản thân. Ví dụ :

Có lần Đường Minh Hoàng cùng yến tiệc với các vị vương (từ nhà Hán trở đi, *Vương* là tước hiệu cao nhất của hoàng tộc và công thần). Ninh Vương khi ăn đã vô ý suýt bị hóc khí quản, và thức ăn đã phun tóe ra, bắn cả lên râu nhà vua. Ninh Vương kinh sợ và xấu hổ, run lẩy bẩy. Hoàng Phiên Trác thấy vậy, nói :

"Đây không phải là nuốt nhầm".

"Vậy thì là gì ?" Nhà vua hỏi.

"Là phún đế".

Hoàng Phiên Trác đã lợi dụng sự đồng âm của hai từ *"phân thi"* (nghĩa là hắt xì hơi) và *"phân ti"* (phun vào vua) và nói một câu hài hước ý vị, khiến nhà vua cũng phải cười sặc sụa. Và như vậy, không khí căng thẳng đã lắng xuống.

Hài hước còn có tác dụng làm cho mềm mỏng. Có lúc vận dụng hợp lí thuật *Đáp lời bằng cách hài hước* này, mượn không khí vui vẻ nhẹ nhõm nhằm khiến đối phương phải bật cười mà xóa bỏ được tình thế đối kháng, có lợi cho việc giành thắng lợi của mình. Ví dụ về tiến sĩ họ Hình là như vậy, ta hãy xem nhé.

Thuở xưa, có một tiến sĩ họ Hình, khổ người thấp bé. Ông ta gặp phải bọn cướp tại hồ Phan Dương. Bọn cướp đã lấy đi tiền bạc của ông, lại còn toan giết nữa. Nhưng khi chúng giơ dao thì ông tiến sĩ nói một cách hài hước :

"Người ta đã gọi ta là Hình lùn rồi, mà còn chặt đầu ta đi, chẳng hóa ra càng lùn nữa sao ?"

Bọn cướp bỗng bật cười và hạ dao xuống.

Đối mặt với bọn cướp hung bạo, trong tình thế quả bất địch chúng mà vẫn tranh luận gay gắt với chúng thì chỉ kết thúc cuộc đời sớm mà thôi. Ông tiến sĩ họ Hình đã khéo dùng lời nói hài hước khiến chúng phải bật cười mà bỏ dao.

Hài hước là kết tinh trí tuệ của loài người, là một nghệ thuật ngôn ngữ thông minh kì diệu. Trong hùng biện, nó càng là một lợi khí sắc bén. Chẳng hạn, trong cuộc tranh luận với đề tài : *Tư tưởng nhà Nho có thể chặn đứng luồng gió độc phương Tây* tại cuộc thi hùng biện châu Á lần hai, đại diện đội Phúc Đán ở phía phản bác có một đoạn biện luận như sau :

"Thời Khổng Tử cũng có luồng gió độc. Cái gọi là gió độc thì thời nào cũng có, chỉ là thay đổi khác nhau thôi. Khi Khổng Tử làm tư khấu nước Lỗ, nước Tề mang sang một đội vũ nữ. Quý Hoàn Tử nước Lỗ liền bỏ triều ba ngày. Trước cơn gió độc thanh sắc này, Khổng Tử có ngăn chặn không ? Không, ông ta cùng các học trò tài giỏi của mình làm cái việc nhân tài bỏ chạy. (tiếng cười, tiếng vỗ tay) *Vậy đây có thể nói là luồng gió độc phương Tây không ?"*

Đoạn biện luận này đã dẫn dụng cả cổ kim. Từ câu *chặn đứng luồng gió độc tình dục* của đương đại dẫn tới câu chuyện Khổng Tử phải rời khỏi nước Lỗ mà mọi người đều biết, rất sát đề mà lại có ý mới : *nhân tài bỏ chạy*, thật là tuyệt diệu, đã vẽ nên cái cảnh nhà Nho đối mặt với *luồng gió độc phương Tây* mà đành bó tay. Như vậy, đã liên hệ được với chủ đề tranh luận lần trước với đội Đại học Đài Loan về hiện tượng chảy máu chất xám ở các nước thế giới thứ ba liệu có ngăn chặn được không. Và cũng vì vậy, đã tạo được hiệu quả tranh luận rất tốt.

Trong cuộc thi hùng biện, thuật *Đáp lời bằng cách hài hước* có thể tạo nên không khí sôi nổi hào hứng, khiến người dự và cả ban giám khảo phải đồng ý với quan điểm của mình, nghiêng về phía mình. Một khi không khí chuyển biến có lợi cho mình sẽ tạo nên sự căng thẳng về tâm lí cho đối phương. Nó sẽ còn khích lệ chúng ta, nếu cái hài của mình đạt hiệu quả, tinh thần sẽ phấn chấn và càng hăng hái hơn. Bởi vậy, hài hước được các nhà hùng biện gọi là *quả bom hài hước*, đội tham gia hùng biện muốn giành chiến thắng không thể không sử dụng thuật này như một vũ khí sắc bén.

18. HỎI LẠ ĐÁP LẠ

Trong biện luận, khi đối phương nêu ra câu hỏi kì quặc, nếu theo cách thông thường hoặc trả lời chính diện sẽ khó có hiệu quả. Lúc này, chúng ta có thể lấy lời của đối phương làm bối cảnh, dùng những câu cũng kì quặc để trả lời, lấy đáp lạ mà ức chế hỏi lạ. Và đó chính là thuật *Hỏi lạ đáp lạ.*

Theo *Truyện Tân Mật. Tam Quốc chí*, thời Tam Quốc, sứ nước Ngô là Trương Ôn đi sang Thục. Và từng có một đoạn tranh luận rất hay như sau :

Trương : *Trời có đầu không ?*

Tân : *Có đầu.*

Trương : *Vậy đầu ở đâu ?*

Tân : *Ở phía tây, Kinh Thi có câu : "Nãi quyến tây cố !". Suy ra : đầu ở phương tây.*

Trương : *Trời có tai không ?*

Tân : *Trời cao mà nghe rõ. Kinh Thi có câu : "Hạc minh cửu cao, thanh văn vu thiên"* (nghĩa là : hiền sĩ ở ẩn mà tiếng thấu đến trời).

Trời không có tai sao nghe được ?

Trương : *Trời có chân không ?*

Tân : *Có chân. Kinh Thi có câu : "Thiên bộ duy gian". Không chân thì đi làm sao ?*

Trương : *Trời có họ không ?*

Tân : *Sao không có họ ?*

Trương : *Họ gì ?*

Tân : *Họ Lưu.*

Trương : *Sao biết ?*

Tân : *Thiên tử họ Lưu, từ đó suy ra.*

Những câu hỏi của Trương Ôn thật là kì quặc, mà những cái quái lạ ấy cứ nối tiếp nhau. Nếu cứ theo cách thông thường mà trả lời hoặc phản bác thì chẳng ai nói rõ được cả. Họ Tân liền lấy câu đáp kì lạ để đối lại, và trả lời

trôi chảy như chuỗi ngọc trơn tru, chứng tỏ một tài năng ứng biến phi phàm. Lại ví dụ :

Trong một cuộc bảo vệ luận văn tiến sĩ tại đại học Pari năm 1935, quan chủ khảo người Pháp sau khi tổ chức thi như thường lệ, bỗng đưa ra một câu hỏi kì quặc cho nghiên cứu sinh trẻ tuổi người Trung Quốc là Lục Khản Như, như sau :

"Trong bài thơ "Khống tước đông nam phi", tại sao lại không nói : "khống tước tây bắc phi" ?

Lục Khản Như đáp luôn :

"Tây bắc hữu cao lâu". (Nghĩa là : phía tây bắc có nhà lầu cao)

Câu hỏi đã đưa ra một cách bất ngờ mà thật kì quặc, khó trả lời. Nếu Lục Khản Như theo thường lệ, thì dù có nói đến bao nhiêu lời cũng không làm người ta vừa lòng. Bởi vậy, anh ta liền cũng đáp lại một cách quái lạ, nhưng có căn cứ : *"Tây bắc hữu cao lâu, thượng dữ phù vân tề"*. (Nghĩa là : Tây bắc có lầu cao, lên cao bằng mây) (trong *19 bài thơ cổ*). Mà đã tây bắc có lầu cao chọc trời, con công không thể bay qua được thì đành bay về đông nam. Câu trả lời quái lạ này tuy rằng không xác đáng mà không ngờ lại có hiệu quả, thật là chặt chẽ, vừa khéo.

Sử dụng thuật *Hỏi lạ đáp lạ*, với lối hỏi kì quặc của đối phương, cần dựa vào nội dung câu hỏi mà tùy cơ ứng biến, lấy quái lạ đối lại với quái lạ, không nên theo như thông lệ lẽ thường, chỉ cần chu toàn là được.

19. PHỦ ĐỊNH CỐ TÌNH

Trong tranh luận, để phản kích lại sự khiêu chiến ào ạt của đối phương, ta có thể bằng những lời lẽ mạnh mẽ để phủ định cái vẻ ngoài. Như vậy, vừa có thể làm cho lời biện của chúng ta không kém vẻ hấp dẫn mà lại có thể chứng tỏ chúng ta không phải loại thô lỗ hung hăng như họ. Và như vậy, có thể có hiệu quả tranh luận cao. Chẳng hạn :

Năm 1984, trong cuộc tranh luận công khai trên truyền hình của các ứng cử viên tổng thống Mĩ, Mông-te tự thị trẻ trung uyên bác đã ra sức công kích Ri-gân già lão không thích hợp với gánh nặng của công việc tổng thống. Ri-gân là người lớn tuổi, nếu cứ đối đáp từng lời rồi chửi bới thì sẽ mất đi vẻ người lớn tuổi trầm tĩnh, tính toán sâu xa. Nhưng nếu cứ để mặc, giả câm giả điếc thì trước Mông-te hừng hực khí thế tuổi trẻ sẽ tỏ ra già yếu bất lực. Và thế là Ri-gân dựa vào sở trường của mình và khai thác điểm yếu của đối phương mà dùng hình thức *Phủ định cố tình*. Ông ta mỉm cười trả lời :

"Mông-te bảo tôi già lão yếu đuối, tôi thì tôi sẽ không khai thác mặt yếu của đối thủ trong cuộc tranh cử này ở chỗ trẻ tuổi thiếu kinh nghiệm".

Lời đáp của Ri-gân đã được mọi người vỗ tay tán thưởng và cuối cùng đã thu được hầu hết phiếu bầu của cử tri.

Chúng ta giả tưởng, nếu lời đáp của Ri-gân là : *anh nói tôi tuổi cao, sức lực suy giảm. Vậy thì anh trẻ tuổi, không chín chắn*. Như vậy, sẽ đưa đến việc hai bên cãi cọ, gây ấn tượng rất xấu cho mọi người. Thế nhưng Ri-gân đã không nói như vậy, mà dùng thuật *Phủ định cố tình*, điềm tĩnh lấy cái sở trường của mình làm bộc lộ cái yếu của đối phương. Như vậy, vừa biểu lộ mình là người lớn tuổi túc trí đa mưu và đại lượng, lại vừa đánh trả và phơi bày sự nông nổi và hẹp hòi của đối phương, và đã tạo nên một hình tượng nhân cách sáng chói của mình trước công chúng.

Thuật *Phủ định cố tình* và trường hợp : *Ở đây có 300 lạng bạc* có những điểm giống nhau, đều là phủ định một sự thực dễ thấy. Thế nhưng, hiệu quả của chúng lại khác nhau. *Ở đây có 300 lạng bạc* trong sự che đậy cố tình mà tỏ ra hoang đường và ngu xuẩn. Còn thuật *Phủ định cố tình* thì từ phủ định bề ngoài đã biểu lộ trí tuệ và tài năng một con người. Lại ví dụ :

Trong một cuộc đàm phán ngoại thương vào cuối những năm 70, đại diện ngoại thương phía Trung Quốc đã cự tuyệt yêu cầu vô lí của một thương gia tóc đỏ phương Tây. Vị này tức xấu hổ mà phát khùng, mở miệng xúc phạm người khác :

"Ông đại diện, tôi thấy da ông đã vàng rồi đấy, có lẽ ăn uống không tốt mà suy nghĩ của ông không sáng suốt chăng ?"

Đại diện phía Trung Quốc lập tức trả miếng :

"Ngài giám đốc, tôi đã không vì lí do ông da trắng mà nói ông mất máu nghiêm trọng, khiến nếp nghĩ rối loạn. Cũng không vì lí do ông tóc đỏ mà nói ông hút cạn máu người khác, khiến đầu óc ông hôn mê".

Đại diện phương Tây trong trường hợp bị cự tuyệt vì yêu cầu vô lí mà chuyển sang công kích nhân thân (con người) đại diện Trung Quốc, rõ ràng là ngang ngược vô lễ. Thế nhưng phía Trung Quốc lại dùng thuật *Phủ định cố tình*, thêm vào phía trước từ phủ định : *không*, vừa phản kích lại sự khiêu khích của đối phương một cách biểu hiện, lại cũng chẳng có cớ để người ta chê cười, và đã bảo vệ được sự tôn nghiêm của bên Trung Quốc.

20. TRÁNH TRẢ LỜI CÂU HỎI

Trong tranh luận, trước một số câu hỏi mà đối phương nêu ra, chúng ta thấy khó trả lời hoặc không muốn trả lời hoặc cũng có thể không tiện trả lời, thì chúng ta phải bằng những cách khôn khéo để né tránh. Đây là thuật *Tránh trả lời câu hỏi.*

Thuật *Tránh trả lời câu hỏi* thường dùng trong những trường hợp sau : Với những vấn đề chưa chuẩn bị đầy đủ hoặc khó trả lời, thì phải dùng thuật *Tránh trả lời câu hỏi.* Chẳng hạn, với luận đề *"AIDS là vấn đề y học, không phải vấn đề xã hội"* trong cuộc thi hùng biện quốc tế bằng Hoa ngữ, có một hiệp như sau :

Số 4 bên bảo vệ : *Chúng tôi đã nói, AIDS về mặt y học là chứng bệnh nan y. Thế nhưng hiện nay, rất nhiều chứng bệnh nan y không phải là giải quyết bằng giác độ y học đó sao ?*

Số 4 bên phải bác : *Một bà cụ bị xe húc ngã, xin hỏi đây là vấn đề cứu người hay vấn đề đâm người ?*

Số 2 bên bảo vệ : *Đó không phải là bệnh !* (tiếng cười)

Số 2 bên phản bác : *Thế nhưng bà cụ chẳng phải là đi bệnh viện đó sao ? Là vấn đề y học phải không ? Không, đó là sự cố giao thông !* (tiếng cười)

Số 4 bên bảo vệ : *Thế nhưng lại có hàng trăm hàng ngàn nhân viên y tế đang chăm sóc bà cụ phải không ? Sự nghiên cứu về AIDS cũng cần đến hàng trăm hàng ngàn nhân viên công tác, nhân viên y tế.*

Số 3 bên phản biện : *Một người mắc bệnh không phải là vấn đề xã hội, hàng trăm hàng ngàn người mắc AIDS lẽ nào không phải là vấn đề xã hội ?*

Số 4 bên bảo vệ : *Hàng trăm hàng ngàn người từng bị cảm cúm, hàng trăm hàng ngàn người cũng từng bị đau tim thì phải chăng đau tim lại là vấn đề xã hội ?*

Số 1 bên phản biện : *Một người hắt xì hơi không phải là vấn đề xã hội, nhưng tất cả chúng ta đây cũng hắt xì hơi thì không phải vấn đề xã hội sao ?* (vỗ tay)

Trong hiệp tranh luận này, bên bảo vệ liên tục nêu ra hai câu hỏi có tính uy hiếp. Thứ nhất, những chứng bệnh nan y có thể coi là vấn đề xã hội không ?

Thứ hai, bệnh tim chiếm tỉ lệ mắc và chết cao nhất trong xã hội văn minh hiện đại có coi là vấn đề xã hội không ? Hai câu hỏi này, phía phản bác trước khi tranh biện chưa hề chuẩn bị chu đáo, và vì vậy tức thời khó mà trả lời xác đáng được. Thế là, bên phản bác đã áp dụng thuật *Tránh trả lời câu hỏi*, dùng giả định : *bà cụ bị xe đâm* và *tất cả ở đây đều hắt xì hơi* mà khéo léo né tránh câu hỏi của đối phương.

Với những vấn đề không muốn trả lời, cũng có thể dùng thuật này để né tránh. Sách *Lã thị Xuân Thu* có ghi cuộc trò chuyện giữa Trang Bá và ông bố : Lúc đó chưa có đồng hồ như ngày nay, liền lợi dụng phương vị mặt trời để xác định thời gian. Trang Bá là đại thần nước Sở lúc đó muốn biết giờ giấc, liền hỏi bố :

"Cha hãy ra xem mặt trời".

"Mặt trời trên bầu trời". Người bố nói.

"Cha xem mặt trời ra sao ?"

"Mặt trời đang tròn !"

"Cha xem vào giờ nào rồi ?"

"Chính là giờ này đây".

Dù Trang Bá là trụ quốc nước Sở, là chức quan cao nhất trong hàng võ, địa vị hiển hách. Thế nhưng bố vẫn là bố. Con sai bảo vặn vẹo bố thì bố làm sao mà vui được. Bởi vậy, ông đã không muốn đáp ứng yêu cầu của con, và dùng thuật *Tránh trả lời câu hỏi* để né tránh.

Lại có một bà vợ thương gia ăn mặc đúng mốt đến thăm một nhà văn nổi tiếng, bà ta nói :

"Phương pháp tốt nhất bắt đầu viết văn là gì ?"

"Từ trái qua phải." Nhà văn trả lời.

Với những bà giàu sang phè phơn mà không phải nhắc tay động chân thì nhà văn không muốn trả lời. Và do vậy đã dùng thuật *Tránh trả lời câu hỏi* để châm biếm đối phương.

Tác dụng của thuật *Tránh trả lời câu hỏi* chủ yếu là để phòng vệ mà không tấn công. Nhưng nó cũng thường biểu lộ tài ứng biến linh hoạt của người biện luận và tài trí thông minh trong việc vòng vo của họ. Một nhà hùng biện không chỉ biết tiến công mà còn biết giữ mình, bởi vậy cũng rất cần nắm vững thuật này để phòng thân.

21. THAY THẾ ĐỂ TRÁNH NÉ

Thay thế là biện pháp tu từ không gọi thẳng tên sự vật mà dùng sự vật khác có liên quan mật thiết để thay thế. Trong biện luận, khi gặp những câu hỏi khó trả lời mà không thể không trả lời thì chúng ta có thể dùng cách *thay thế*, mượn vật khác thay cho vấn đề ta cần thảo luận. Như vậy là có thể né tránh mục đích trả lời vào thực chất câu hỏi của đối phương. Chẳng hạn : Nghe nói có người hỏi thẳng Giê-su thế này :

"Chúng ta có phải nộp thuế cho Cây-da đại đế không ?"

Giê-su nghe vậy đã biết ngay sự xỏ xiên của người hỏi. Vì nếu nói : *"Không cần nộp thuế"* thì người này có thể sẽ tố giác Giê-su với tội phản quốc, hậu quả sẽ không lường được. Nếu nói : *"Phải nộp"* thì sẽ làm cho các tông đồ thất vọng, vì chứng tỏ ông ta chịu khuất phục trước quyền lực nhà vua. Mà lúc đó dân chúng thì đều rên xiết trước sự áp bức bóc lột nặng nề.

Lúc đó Giê-su bèn mượn một đồng tiền vàng La Mã của người kế bên rồi hỏi người đặt câu hỏi :

"Hình phù điêu trên đồng xu là ai ?"

"Là Cây-da đại đế."

"Vậy thì cái gì thuộc về Cây-da thì đều nên đưa cho Cây-da, cái thuộc về thần thì đưa cho thần !"

Trước câu hỏi xảo quyệt của đối phương, Giê-su đã dùng thuật *Thay thế để tránh né*. Ông ta dùng đồng xu vàng La Mã để thay câu trả lời, và không hề đưa ra ý kiến phủ định hay khẳng định trực tiếp với thực chất câu hỏi. Điều này khiến đã đạt được mục đích tránh né một cách khôn khéo.

Muốn dùng thuật *Thay thế để tránh né*, điều mấu chốt là phải chú ý nhân thời, nhân địa, nhân sự mà chọn lựa đúng sự vật dùng thay thế. Chẳng hạn, có một lần một hãng truyền hình nước Anh phỏng vấn nhà văn Trung Quốc Lương Hiểu Thanh. Phóng viên là một người Anh giàu kinh nghiệm. Sau mấy câu xã giao, phóng viên liền bất ngờ đặt câu hỏi :

"Không có cuộc đại cách mạng văn hóa, chắc là không sản sinh ra được những nhà văn trẻ như các ông. Vậy thì đại cách mạng văn hóa trong mắt ông là tốt hay xấu ?"

Lương Hiểu Thanh hơi giật mình, không ngờ đối phương lại nêu câu hỏi khó trả lời đến vậy. Nhưng cái khó ló cái khôn, nhà văn lập tức phản bác :

"Không có Đại chiến thế giới thứ hai thì không có những nhà văn nổi tiếng phản ánh cuộc đại chiến này. Vậy thì ông cho rằng đại chiến là tốt hay là xấu ?"

Trước câu hỏi khó của đối phương, Lương Hiểu Thanh đã mượn Đại chiến thế giới lần thứ hai để trả lời, và đã chuyển câu hỏi khó sang cho đối phương. Chẳng hạn khi nhà văn Lục Văn Phu phát biểu tại hội nghị thường niên các nhà văn quốc tế lần thứ 48 tại Niu Oóc thì có người Tây Phương hỏi :

"Ông Lục, ông coi văn chương khiêu dâm là thế nào ?"

Lục Văn Phu nhấp giọng trả lời :

"Các bạn Phương Tây khi nhận một hộp quà tặng, thường mở ra trước mặt người khác. Còn người Trung Quốc thì ngược lại, thường là đợi khách về mới mở".

Lục Văn Phu trước câu hỏi của đối phương đã khéo léo mượn hộp quà để trả lời, mà tránh trả lời trực tiếp câu hỏi đầy tính mẫn cảm này, lại tỏ ra rất hóm hỉnh. Những lời khôi hài và thông minh của ông đã được mọi người bày tỏ thái độ bằng tiếng cười hiểu ý.

22. ĐẨY TRẢ CÂU HỎI ĐỂ TRÁNH NÉ

Thuật *Đẩy trả câu hỏi để tránh né* thực hiện bằng cách đẩy câu hỏi khó trở về cho đối phương để họ tự trả lời, và bản thân mình thì đạt được mục đích tránh né câu hỏi này. Ví dụ :

Một lần, phóng viên tờ báo *A-si-a* là Vạn Sĩ Đồng đến phỏng vấn Sái Ngạc.

Vạn : *Bản báo là miệng lưỡi của dân, xin được hỏi về chính kiến của tướng quân.*

Sái : *Miệng của tôi đang đau, ông có miệng lưỡi thì hay lắm.*

Vạn : *Tôn Trung Sơn ở hải ngoại tuyên truyền đánh Viên (Thế Khải), tướng quân là bậc khởi đầu của cách mạng Tân Hợi, chắc cùng ý tưởng.*

Sái : *Bọn Tôn Trung Sơn chẳng phải là cũng chuẩn bị để chế cho họ Viên đấy sao ?*

Vạn : *Đúng, đúng. Thế nhưng ông Lương Khải Siêu phản đối việc rùm beng về đế chế. Ngài chắc cũng đồng tình chứ ?*

Sái : *Ông Lương là thầy của tôi. Viên tổng thống làm nguyên thủ quốc gia. Vậy tôi phải phục tùng ai đây ?*

Vạn : *Đúng vậy, phải phục tùng ai đây ?*

Sái Ngạc đã lần lượt khôn khéo đẩy trả câu hỏi về cho đối phương, tránh né câu hỏi của đối phương. Đó chính là thuật *Đẩy trả câu hỏi để tránh né*.

Dùng thuật này, không những có thể đạt được mục đích tránh né câu hỏi của đối phương mà có khi còn có thể đạt hiệu quả chuyển bại thành thắng. Trong tranh luận, câu hỏi đối phương dùng để gây khó dễ cho ta, chúng ta phải biết khôn khéo tiếp nhận để rồi đẩy trả lại cho họ, khiến câu hỏi khó lại trở lại lơ lửng trên đầu đối phương. Như vậy, chiến cuộc sẽ chuyển hướng. Chẳng hạn có một đoạn biện luận như sau :

Đơn vị nọ tổ chức hội thảo chuyên đề hôn nhân – gia đình và quan hệ vợ chồng. Đại diện bên A cho rằng vấn đề này phức tạp trên nhiều phương diện, không thể nói gọn được và nói nhiều chắc gì đã có lợi. Chi bằng chỉ nói những điều chọn lọc. Và thế là họ đem ra câu hỏi hắc búa cho đối phương, yêu cầu phải trả lời.

"Tôi muốn nêu câu hỏi cho bên B, hãy trả lời ngay. Anh đối xử với vợ anh thế nào ? Nghĩa là coi là tài sản tư hữu hay coi là tài sản công hữu ? Hay lại là công tư hợp doanh ?"

Đại diện bên B là một sinh viên đại học, đứng trước câu hỏi khó này đã không trả lời thẳng mà dùng thuật *Đẩy trả câu hỏi để tránh né*, và đáp lại :

"Với vợ tôi, tôi đối xử đúng mực như mọi người đều rõ. Đại diện bên A, thế còn anh ? Anh coi vợ là tài sản riêng hay công cộng ? Hay là công tư hợp doanh ?"

Như vậy là đại diện bên A đã gậy ông đập lưng ông. Chỉ biết im lặng.

Sử dụng thuật *Đẩy trả câu hỏi để tránh né* như là bắt lấy lựu đạn định ném tới để ném trả lại, và kết quả là nổ trên đầu địch. Cần lưu ý, sử dụng thuật này cần tùy cơ ứng biến, không thể chấn chừ. Nếu do dự, có thể bị thất bại.

23. CHUYỂN Ý ĐỂ TRÁNH NÉ

Chuyển ý để tránh né tức là phương pháp biện luận cố tình bóp méo nguyên ý câu hỏi của đối phương, để sau đó trả lời và nhằm tránh né mục đích câu hỏi của đối phương.

Tiểu Trọng Mã là nhà văn chuyên hài hước hóm hỉnh. Có lần ông bị một người quấy rầy để tìm hiểu gần đây ông làm những gì. Tiểu Trọng Mã đáp :

"Lẽ nào ông không thấy ? Tôi đang nuôi râu đây thôi !"

Nguyên ý câu hỏi của đối phương rõ ràng không phải ở chỗ dò hỏi việc Tiểu Trọng Mã nuôi râu, nhưng Trọng Mã đã khéo chuyển ý, để trả lời và đã nhẹ nhàng thoát khỏi sự quấy rầy của đối phương.

Trong cuộc sống thường nhật cũng có thể gặp cảnh thế này : đứa con hỏi mẹ về những câu hỏi đi sâu vào việc sinh sản. Câu hỏi này trả lời nghiêm túc thì không được, không thể trả lời thẳng vấn đề. Còn trả lời đại khái thì có thể sai lạc tinh thần khoa học. Làm thế nào đây. Ta hãy xem đoạn hội thoại sau đây :

Con : *Mẹ ơi, con do mẹ đẻ ra à ?*

Mẹ : *Đúng vậy.*

Con : *Mẹ đẻ như thế nào ?*

Mẹ : *Tại bệnh viện.*

Con : *Con người làm sao sinh ra ?*

Mẹ : *Con khỉ đấy, con xem, con khỉ là tổ tiên của loài người.*

Thật rõ ràng, đứa trẻ này hỏi mẹ nó : *Mẹ đẻ con như thế nào ? Con người làm sao sinh ra ?* Những câu hỏi này dụng ý hỏi về quá trình mang nặng đẻ đau như thế nào. Câu hỏi này rất khó trả lời trực tiếp cho trẻ, vì bất tiện. Thế là người mẹ dùng thuật *Chuyển ý để tránh né*, chuyển nguyên ý của câu hỏi thành ra *Đẻ ở đâu ? Con người từ đâu mà ra.* Sau đó, dùng *Đẻ ở bệnh viện, Người do khỉ mà ra* để trả lời. Như vậy đã khôn khéo đạt mục đích né tránh thực chất câu hỏi.

Sử dụng thuật *Chuyển ý để né tránh* cần chú ý ngôn ngữ biểu đạt phải uyển chuyển hàm xúc, ẩn tránh tự nhiên, không được để lộ ý đồ. Lại nữa : Jôn

Rốc-cơ-phel-lơ là nhà tỉ phú nổi tiếng trên thế giới, nhưng ông hằng ngày chi tiêu rất dè sẻn. Một hôm ông đến Niu Óóc và trọ tại một khách sạn. Ông đề nghị bố trí phòng rẻ nhất. Giám đốc khách sạn lựa lời khuyên :

"Thưa ngài. Sao ngài lại phải ở buồng rẻ tiền vậy ? Các con của ngài khi trọ thì đều chọn phòng sang nhất !"

Rốc-cơ-phel-lơ trả lời :

"Đúng vậy. Các con tôi có người cha là tỉ phú, còn tôi thì không !"

Câu hỏi của người giám đốc nọ có ý coi thường, như là Rốc-cơ-phel-lơ là keo kiệt, hà tiện. Thế nhưng Rốc-cơ-phel-lơ đã chậm rãi trả lời chuyển câu hỏi về mình có tiền hay không thành câu hỏi người cha có tiền hay không để trả lời. Như vậy, đã khắc họa được tính cách chân thực của người sáng nghiệp, lại không để ấn tượng kẹt xỉn. Từ đó mà dễ dàng thoát khỏi cảnh khó xử.

24. NÉ TRÁNH BẰNG PHÂN LOẠI LỚP SỰ VẬT

Có khái niệm thì lấy cá thể sự vật để phản ánh đối tượng. Ví dụ : *"Lớp ta có 40 học sinh". Học sinh* ở đây là đối tượng phản ánh của cá thể học sinh. Nhưng cũng có khái niệm lại lấy lớp sự vật để phản ánh. Ví dụ : *"Học sinh lớp ta có hai loại : học sinh nam và học sinh nữ". Học sinh* ở đây lại phản ánh lớp sự vật học sinh. Khái niệm phản ánh cá thể sự vật và khái niệm phản ánh lớp sự vật không giống nhau, ta không được lẫn lộn. Thế nhưng trong một số trường hợp tranh luận nào đó, để né tránh câu hỏi của đối phương, có thể làm lẫn lộn sự phân biệt này để nhằm thực hiện mục đích. Đó là thuật *Né tranh bằng phân loại lớp sự vật.*

Thủ tướng Chu Ân Lai trong một bữa tiệc chiêu đãi các phóng viên trong và ngoài nước tổ chức tại Bắc Kinh, sau khi giới thiệu các thành tựu xây dựng kinh tế và phương châm đối ngoại, đã nhã nhặn mời các kí giả đặt câu hỏi. Lúc này, một phóng viên Tây Phương vội vã đứng lên, hỏi một cách không thiện ý :

"Xin hỏi, Ngân hàng nhân dân Trung Quốc có bao nhiêu vốn ?"

Câu này thực chất là diễu cợt Trung Quốc nghèo, đồng thời cũng muốn moi bí mật quốc gia. Trước việc đó, thủ tướng đã mưu mẹo trả lời :

"Tiền vốn của Ngân hàng Trung Quốc à,... có 18 đồng 8 hào 8 xu".

Vừa dứt lời thì cả đám kí giả vô cùng ngạc nhiên ! Không khí lặng yên để nghe thủ tướng giải thích. Và ông đã tiếp lời :

"Ngân hàng nhân dân Trung Quốc đã phát hành các giấy bạc mệnh giá là 10 đồng, 5 đồng, 2 đồng, 1 đồng, 5 hào, 2 hào, 1 hào, 5 xu, 2 xu và 1 xu. Cộng lại là 18 đồng 8 hào 8 xu. Ngân hàng Trung Quốc là cơ quan kim dung do nhân dân Trung Quốc làm chủ, có sự hậu thuẫn của nhân dân cả nước, rất tin cậy và có thực lực hùng mạnh. Tiền giấy nó phát hành rất có tín nhiệm trên trường quốc tế".

Một đoạn lời hay ý đẹp đã làm nức lòng mọi người : tiếng vỗ tay vang dậy.

Với câu hỏi của người phóng viên nước ngoài nọ, thủ tướng đã không trốn tránh trả lời và đã làm cho không thể nào bắt bẻ được. Thủ tướng lại cũng không chỉ trích động cơ xấu của phóng viên nọ, mà chỉ dùng thuật *Né tránh*

bằng phân loại lớp sự vật. Đổi khái niệm phản ánh đối tượng cá thể thành khái niệm phản ánh đối tượng lớp sự vật, và lấy tổng số mệnh giá ghi trên các loại giấy bạc làm câu trả lời. Như vậy, đã từ chối việc trả lời tổng số vốn của ngân hàng lại không phá vỡ không khí vui vẻ của bữa tiệc, và đã tỏ rõ tài năng ứng đối phi phàm của thủ tướng.

Cuộc biện luận giữa Lưu Đường và Càn Long cũng vậy.

Một hôm, vua Càn Long rỗi rãi, ông định gây khó dễ cho đại thần là Lưu Đường, hỏi rằng :

"Chín cửa kinh thành mỗi ngày đi ra bao nhiêu người ? Đi vào bao nhiêu người ?

Lưu Đường giơ 2 ngón tay nói : *"Hai người".*

"Sao chỉ có hai người ?"

Lưu Đường trả lời : *"Thưa đấng vạn tuế thần không nói hai người mà là hai loại người : một là nam, một là nữ. Chẳng phải là hai người đó sao ? "*

Càn Long lại hỏi : *"Hãy nói một năm đẻ ra và chết đi, mỗi loại bao nhiêu người ?*

Lưu Đường đáp : *"Bẩm vạn tuế, cả nước Đại Thanh mỗi năm đẻ một người, chết mười hai người !"*

"Cứ như vậy, chẳng phải là hết người hay sao ?"

Lưu Đường đáp : *"Thần nói trên cơ sở sinh tử. Chẳng hạn nói năm nay là năm ngựa, bất luận là đẻ 1 ngàn, 1 vạn, 10 vạn hay trăm vạn đều thuộc tuổi ngọ. Cho nên nói một năm chỉ đẻ 1. Còn 1 năm thì cũng lại có người chết đi, dù là giờ nào và dù chết bao nhiêu cũng không thoát khỏi 12 con giáp. Cho nên thần nói một năm chết 12".*

Lưu Đường ở đây đã khéo dùng thuật *Né tránh bằng phân loại lớp sự vật* mà đã đạt mục đích né tránh câu hỏi khó của đối phương.

25. ĐẶT ĐIỀU KIỆN ĐỂ NÉ TRÁNH

Thuật *Đặt điều kiện để né tránh* là phương pháp tranh luận bằng cách đặt một điều kiện nào đó để đạt được mục đích tránh né câu hỏi của đối phương.

Có những câu lời khi tách khỏi điều kiện nhất định mà xem xét thì nó là giả dối, nhưng nếu đặt một điều kiện nhất định và đặt vào điều kiện này mà thảo luận thì nó có thể là chân thực. Bởi vậy, khi ta phải trả lời những câu hỏi khó trả lời, thì có thể bằng cách đặt điều kiện để thu hẹp phạm vi thích ứng của lời nói, từ đó mà đạt được mục đích tránh né câu hỏi của đối phương. Chẳng hạn, Vương Tăng Kiển nước Nam Tề là cháu bốn đời của vua nước Tấn Vương Hi Chi, cách viết Hành thư, Khải thư của ông ta là kế thừa tổ tiên nên nghệ thuật rất cao siêu, và là nhà thư pháp nổi danh hồi bấy giờ. Nam Tề Thái Tổ là Tiêu Đạo Thành cũng giỏi viết và rất không bằng lòng về việc thư pháp của mình kém thuộc hạ. Một hôm Thái Tổ đề xuất phân cao thấp với Tăng Kiển. Sau khi vua tôi hai người đã cẩn thận viết xong một bức Khải thư, Thái Tổ đắc ý hỏi Tăng Kiển :

"Người nói xem, ai nhất ai nhì ?"

Tăng Kiển nhíu mày, bỗng nảy ra một kế, liền ung dung đáp : *"Thư pháp của thần đứng đầu trong hạng thần dân. Thư pháp của bệ hạ đứng đầu trong bậc đế vương."*

Thái Tổ nghe vậy, đành phải gượng cười.

Tăng Kiển trả lời Thái Tổ nhất hay là mình nhất đây ? Nếu trả lời Thái Tổ nhất thì không đúng với thực tế, lại hạ thấp mình. Nếu trả lời mình nhất sẽ đắc tội với vua. Đứng trước câu hỏi khó khăn như vậy, ông đã khôn khéo đặt điều kiện, đặt nó trong điều kiện *thần dân* và *đế vương* để xem xét. Thư pháp của mình trong điều kiện các đối tượng là thần dân thì đứng đầu. Thư pháp của nhà vua trong điều kiện các đối tượng là đế vương thì cũng đúng. Và như vậy đã tránh né được mâu thuẫn gay gắt, vừa không tự hạ thấp mình, lại vừa khiến vua bằng lòng.

Thuật *Đặt điều kiện để tránh né* trả lời câu hỏi bằng cách đặt điều kiện nhất định, còn có thể khiến lời nói của chúng ta trở nên mơ hồ, và không trả lời thực chất vào câu hỏi, từ đó đạt được mục đích tránh né câu hỏi của đối phương. Ta hãy xem một câu chuyện trong *Truyện vui Ba Tư* :

Có một lần, quốc vương hỏi một vị đại thần bên cạnh : *"Bể nước trước cung có mấy cốc nước ?"*

Đại thần bẩm lại : *"Câu hỏi này chỉ cần hỏi một học trò bé thì cũng được câu trả lời chính xác."*

Thế là một cậu học trò bé được gọi đến.

"Bể nước trước cung chứa mấy cốc nước ?" Nhà vua hỏi.

"Phải xem là cốc thế nào đã." Cậu học trò không cần nghĩ, trả lời luôn "Nếu cốc bằng với bể, thì chỉ chứa một cốc. Nếu cốc chỉ bằng nửa bể thì chứa 2 cốc. Nếu cốc chỉ bằng 1/3 bể, thì chứa 3 cốc. Nếu...

"Được rồi, hoàn toàn đúng." Quốc vương nói, rồi thưởng cho học trò. Với câu hỏi khó mà lạ : *Bể nước chứa bao cốc nước* của quốc vương, cậu học trò nhỏ đã khôn khéo đặt điều kiện : *cốc lớn bằng bể* khiến câu trả lời trở nên mơ hồ, từ đó mà đạt được mục đích tránh né câu hỏi của đối phương.[1]

---

(1) Dẫn từ *Cơ sở logic hình thức*. 1983 của NXB Đại học Phúc Dân – trang 109.

26. TRÁNH NÉ LUẨN QUẨN

Có những phát ngôn mà câu A cần có câu B để giải thích, thế nhưng ngược lại, câu B lại cần câu A thuyết minh. Đó chính là sự luẩn quẩn của phát ngôn. Trong biện luận, biết khôn khéo sử dụng hiện tượng luẩn quẩn này thì có thể đạt mục đích tránh né câu hỏi của đối phương. Chẳng hạn :

Khi Vương Nguyên Trạch (con trai Vương An Thạch) còn bé, có người khách biếu gia đình một con hươu con và một con hoẵng con, cùng nhốt trong một cái cũi. Khách hỏi Vương Nguyên Trạch :

"Cậu có biết con nào là hươu, con nào là hoẵng không ?"

Vương Nguyên Trạch chưa từng thấy hươu và hoẵng, nên suy nghĩ hồi lâu mới trả lời :

"Bên cạnh con hoẵng là hươu, bên cạnh con hươu là hoẵng."

Người khách thấy trả lời như vậy thì cả kinh.

Vương Nguyên Trạch trả lời bên nào là hươu thì phải căn cứ vào hoẵng. Và chỉ ra con nào là hoẵng thì lại phải căn cứ vào hươu. Như vậy đã tạo thành sự tuần hoàn. Và thế là Vương Nguyên Trạch đã dùng thuật *Tránh né luẩn quẩn* để đối phó với câu hỏi khó này.

Có những phát ngôn vòng quay nhỏ hơn, và cũng có những phát ngôn vòng quay lại lớn hơn. Chẳng hạn có người tên là Kpa-den đào một cái hố. Và Sla-hau đi tới hỏi :

"Kpa-den, sao anh phải đào hố ?"
"Trồng chuối tiêu."
"Trồng chuối tiêu để làm gì ?"
"Để ăn."
"Sao lại phải ăn chuối tiêu ?"
"Để có sức."
"Sức thì để làm gì ?"
"Để đào hố."

Từ phát ngôn *đào hố*, sau một loạt hỏi đáp, kết quả lại trở về phát ngôn này. Và như vậy đã tạo nên luẩn quẩn. Sla-hau nếu còn muốn tiếp tục câu chuyện nhạt nhẽo thì rồi lại phải lập lại phần hỏi đáp đã qua mà thôi. Và như vậy, đã đạt được mục đích tránh né câu hỏi của đối phương.

Với những người thích vặn vẹo thì cần khéo léo tạo ra phát ngôn luẩn quẩn, và như vậy sẽ có hiệu quả tránh né độc đáo.

27. LẶP LỜI ĐỂ TRÁNH NÉ

Dưới chân núi Phi Lai ở Tây Hồ thuộc thành phố Hàng Châu có một ngôi đình Lãnh Tuyền. Sau khi người ta thăm thú chùa Long Ẩn và núi Phi Lai thì thường là đến ngôi đình này nghỉ chân. Trên đình Lãnh Tuyền có đôi câu đối của Đổng Kì Xương đời Minh như sau :

Tuyền tự kì thời lãnh khởi ?
Phong từng hà xứ phi lai ?

(Nghĩa là : Suối lạnh từ lúc nào ? Núi bay đến từ chỗ nào ?) Do câu đối là hai câu hỏi, nên rất nhiều du khách đã viết không ít câu đối để trả lời. Một hôm nọ, Du Việt Giai – một học giả nổi tiếng đời Thanh đề vợ và con gái đến đây. Và con gái là Du Tú Tôn họa lại :

Tuyền tự Vũ thời lãnh khởi,
Phong từng Hạng xứ phi lai.

(Nghĩa là : Suối lạnh từ thời vua Vũ ; Núi bay đến từ chỗ họ Hạng.)

Và Du Tú Tôn giải thích rằng : *"Suối lạnh từ thời vua Vũ là nói thời vua Vũ trị thủy thì suối trở nên lạnh. Núi bay đến từ chỗ họ Hạng là chỉ núi bay đến từ chỗ Hạng Vũ. Hạng Vũ từng hát : Lực bạt sơn hề khí cái thế* (nghĩa là : Sức nhổ núi, khí trùm đời). *Nếu chẳng phải Hạng Vũ nhổ núi thì núi sao bay đến được ?"*

Câu đối họa này không tránh khỏi khiên cưỡng, khó mà tin được. Thế nhưng câu đối họa của Du phu nhân thì không ai bắt bẻ là giả dối cả :

Tuyền tự lãnh thời lãnh khởi
Phong từng phi xứ phi lai.

(Nghĩa là : Suối lạnh từ khi nó lạnh. Núi bay đến từ khi nó bay.) Hình thức sử dụng của câu đối này là cách nói của *mệnh đề lặp lời.*

Mệnh đề lặp lời còn gọi là *mệnh đề luôn luôn đúng.* Dù trong trường hợp nào nó cũng đúng. Thế nhưng không cấp cho đối phương điều kiện giải mà họ mong đợi, bởi thế, nó bị coi là vô nghĩa. Trong biện luận, khi chúng ta đứng trước câu hỏi khó trả lời hoặc không muốn trả lời mà không thể không

trả lời thì có thể dùng hình thức mệnh đề lặp lời. Như vậy, sẽ không rơi vào nói giá dối, lại cũng khéo léo đạt đúng mục đích tránh né câu hỏi của đối phương. Đó là thuật *Lặp lời để tránh né*.

Trong lời biện thường nhật, bạn có thể thử coi. Chẳng hạn :

1 – *"Anh là con cái nhà ai ?"*

"Tôi là con của cha mẹ tôi."

2 – *"Anh kết hôn lúc nào ?"*

"Tôi kết hôn khi kết hôn."

3 – *"Anh đi đâu ?"*

"Tôi đi đến chỗ tôi sắp phải đi."

Những kiểu trả lời như vậy là vô nghĩa, nhưng luôn luôn là đúng.

28. TRÁNH NÉ BẰNG LỜI TRỐNG RỖNG

Thuật *Tránh né bằng lời trống rỗng* là sử dụng những lời độ thông tin bằng không để trả lời câu hỏi của đối phương. Những lời này thường thì trống rỗng mà không hề giả dối. Chẳng hạn có người hỏi Pistalos nhà giáo dục nổi tiếng của Thụy Sĩ một câu hỏi đau đầu như sau :

"Ngài có thể nhận ra một đứa trẻ lớn lên thành người thế nào không ?"

"Đương nhiên có thể". Pistalos rành rọt trả lời *"Nếu là một bé gái, lớn lên sẽ thành một phụ nữ. Nếu là một bé trai, lớn lên sẽ thành một người đàn ông."*

Bé gái lớn lên thì thành phụ nữ, bé trai lớn lên thì thành đàn ông, đó là sự thực ai cũng biết. Loại câu này với người bình thường thì giá trị thông tin bằng không, là một câu đáng vứt bỏ. Thế nhưng nó lại là thật, và dụng ý của người hỏi hiển nhiên không phải ở chỗ đó. Pistalos đã dùng câu nói trống rỗng mà không giả dối để né tránh kiểu câu hỏi kì quái mà chỉ nhà chiêm tinh mới trả lời được.

Sê-khốp, nhà văn Nga cũng từng gặp những câu hỏi loại như vậy.

Sau khi Sê-khốp nổi tiếng, nhà liên tục có những người khách vì mến mộ mà đến, có người thật ra rất nhạt nhẽo, mà lại cố tình nêu ra những câu hỏi khó trả lời để tỏ ra mình cao quý. Có hôm có ba phụ nữ thượng lưu đến chơi. Vừa đến, họ đã tỏ ra rất quan tâm đến chính trị và hỏi Sê-khốp :

"Antôn Páplốpêvích, theo ông thì chiến tranh rồi sẽ ra sao đây ?"

"Có lẽ là hòa bình." Sê-khốp sau khi đằng hắng hai tiếng thì trả lời.

"Đương nhiên rồi ! Và sẽ thắng lợi về phía nào ? Người Hi Lạp hay Thổ Nhĩ Kì ?"

"Tôi cho rằng bên mạnh sẽ thắng."

"Vậy thì theo ông bên nào mạnh ?"

"Tức là bên được ăn uống tốt và giáo dục cao."

Sê-khốp thực tế không muốn trả lời những câu hỏi phức tạp mà mẫn cảm không ngớt tuôn ra từ các bà, bởi vậy mới dùng những câu nói rỗng tuếch mà không giả dối để tránh né.

Đặc biệt là trường hợp ngoại giao. Khi đối phương nêu ra những câu hỏi hóc búa mà bạn không thể không trả lời, bạn cứ thành thật mà trả lời cũng không được. Lúc này thuật *Tránh né bằng lời trống rỗng* sẽ có đất dụng võ. Chẳng hạn, trong bữa tiệc chiêu đãi các phóng viên, một kí giả nước ngoài hỏi Vương Mông :

"Xin hỏi Vương Mông những năm 50 và những năm 80 có gì giống và khác nhau ?"

Vương Mông trả lời : *"Những năm 50 tôi tên là Vương Mông, những năm 80 tôi cũng tên là Vương Mông. Đó là điểm giống nhau. Điểm khác nhau là : những năm 50 thì Vương Mông ngoài 20 tuổi, còn Vương Mông những năm 80 lại ngoài 50 tuổi."*

Câu hỏi của kí giả nọ có khoảng cách thời gian lớn, chỉ vài ba câu thì khó mà trả lời. Bởi vậy Vương Mông đã dùng thuật *Tránh né bằng lời trống rỗng*, bằng những lời trống rỗng mà không giả dối, ai cũng biết cả để tránh né dụng ý của kí giả, bởi vậy đã tỏ rõ sự hài hước trí tuệ của nhà văn. Đồng thời cũng làm cho mọi người thú vị.

Thuật *Tránh né bằng lời trống rỗng* là phương pháp dùng trong ngoại giao, bởi vậy, lời trống rỗng kiểu này được các nhà ngoại giao gọi là *Lời trống rỗng vĩ đại*.

29. TRÁNH NÉ BẰNG LỜI GIẢ DỐI

Thuật *Tránh né bằng lời giả dối* là phương pháp tránh né thực chất câu hỏi của đối phương bằng hình thức lời giả dối.

Chẳng hạn, có một việc như thế này :

Tiểu Trương phát hiện ra ở sân phơi có một cái áo giống hệt cái áo anh ta mất, liền cùng người bạn là Tiểu Lí đi kiểm tra. Kết quả là xem kĩ thì không phải là của mình. Thế nhưng khi họ đang lật giở chiếc áo nọ thì người chủ chiếc áo giận dữ bước đến quát to :

"Các anh đang làm gì vậy ?"

Tiểu Lí mặt đỏ bừng rụt tay lại. Riêng Tiểu Trương vẫn tỉnh bơ, vẫn sờ vuốt chiếc áo mỉm cười nói :

"Ồ, là thế này. Hai chúng tôi bảo là chiếc áo này rất đẹp, nhưng không biết là chất liệu gì. Tôi bảo là len, anh ấy bảo là kaki. Chúng tôi liền đánh cuộc đến xem, té ra là tôi thua."

Nói rồi, giả đò bất đắc dĩ buông tay. Tiểu Lí thừa cơ nói tiếp : *"Lần này anh thua thật sự rồi nhé. Đi đi, làm phiền cho người ta !"*

Đối phương nghe vậy, không biết nói sao nữa.

Ngay lúc đó, nếu cứ trả lời thành thật câu hỏi *Các anh đang làm gì đấy* thì sẽ dẫn đến một cuộc cãi vã vô ích. Tiểu Trương bèn dùng cách nói lời giả dối, đánh lừa là đánh cuộc xem áo bằng chất liệu gì. Như vậy, đã làm cho một cuộc cãi vã sắp nổ ra được ngăn chặn.

Tránh câu hỏi của đối phương bằng lời giả dối, có lời giả dối như thật mà lại giả, đối phương không phát hiện ra ngay, như vậy đương nhiên là khéo. Dù rằng sử dụng những lời biết rõ là giả dối, có khi cũng có kết quả diệu kì.

Chẳng hạn trong một bữa tiệc chiêu đãi phóng viên trong và ngoài nước, một kí giả phương Tây đưa ra một câu hỏi như sau :

"Gần đây Trung Quốc đã bắn hạ máy bay do thám tầng cao U–2 do Mĩ chế tạo. Xin hỏi là đã dùng vũ khí gì ? Tên lửa chăng ?"

Với câu hỏi đụng chạm đến bí mật quốc phòng, phó thủ tướng Trần Nghị không từ chối bằng cách không thể trả lời mà hài hước hóm hỉnh giơ hai tay lên làm một động tác, lát sau mới nói một cách tinh nghịch rằng :

"Ông nhà báo, chúng tôi dùng sào tre để chọc nó rơi xuống đấy !"

Một câu nói mà cả hội trường cười ồ lên tán thưởng.

Câu trả lời của Trần Nghị hay ở chỗ là mọi người đều biết là giả dối nhưng rất hài hước và thú vị và đạt được mục đích tránh né câu hỏi của đối phương.

Nói chung, nói dối là biểu hiện của cái xấu, chúng ta phản đối việc nói dối. Thế nhưng không phải là tuyệt đối, nói dối có khi là biểu hiện của lương thiện, biểu hiện của trí tuệ. Chẳng hạn, như nói dối trong thuật *Tránh né bằng lời giả dối* này.

30. GIẢ CÂM GIẢ ĐIẾC

Khi chúng ta đứng trước một tình thế tranh luận bất lợi, để tránh sự cảnh giác của đối phương, làm tê liệt họ, có thể dùng phương pháp *Giả câm giả điếc*, điềm tĩnh như không để rồi ngầm bày mưu tìm cơ hội tấn công. Từ đó mà chuyển từ bị động sang chủ động. Đó chính là thuật *Giả câm giả điếc*.

Ta hãy quan sát câu chuyện *Giả câm giả điếc* để khống chế một mụ yêu tinh.

Tiểu Dư là một cảnh sát của công an một thành phố nọ đang theo gót điều tra thủ phạm của một tập đoàn buôn lậu. Anh ta đáp chuyến ca nô đi Trùng Khánh. Khi ca nô tới Tam Hiệp, hành khách lũ lượt lên boong, xem phong cảnh tươi đẹp hai bên bờ. Thủ phạm buôn lậu cũng lên boong. Để giám sát hòm hành lí của thủ phạm, Tiểu Dư giả đò xem sách say mê, một mình ở lại trong khoang. Lát sau, một con lưu manh bước vào khoang, thấy trong khoang chỉ có một người, liền cười nhăn nhở đến bên giường Tiểu Dư, rồi bỗng sa sầm nét mặt, phanh hết cúc áo ngực ra, gằn giọng nói với Tiểu Dư :

"Đưa ví tiền cho tao mau, nếu không tao kêu to nói mày là đồ lưu manh chòng ghẹo tao !"

Đứng trước tình hình bất ngờ này, Tiểu Dư giật mình. Anh định đưa thẻ công an để áp chế con mụ này. Nhưng làm vậy thì lộ ra công việc của mình, không thể hoàn thành nhiệm vụ quan trọng theo dõi con buôn lậu. Nếu không bộc lộ mình thì trước mắt khó mà đối phó với tình hình này. Anh ta bỗng nghĩ ra rằng từ khi lên ca nô mình chưa nói một câu nào, liền ra hiệu, mồm kêu ú ớ, và lấy bút viết lên giấy : *"Tôi là người câm điếc, tôi không biết chị nói gì"*. Con nặc nô nọ sững người, xem trong khoang không có người liền cầm lấy bút viết ra yêu cầu đểu cáng của mình. Tiểu Dư lập tức giằng lấy bút, đút vào túi mình, rồi bỗng đứng dậy nói :

"Mày xéo đi ngay, không thì tao đưa tờ giấy này cho người bảo vệ !" Con lưu manh đành phải ngoan ngoãn chui ra.

Khi Tiểu Dư đứng trước tình cảnh tiến thoái lưỡng nan, nói ra mình là ai thì không được. Trong lúc nguy cấp này, anh đã dùng chiến thuật *Giả câm giả điếc* và cuối cùng đã tóm được bằng chứng đối phương phạm pháp. Chỉ một lát đã khuất phục kẻ thù.

Giả câm giả điếc trong đàm phán ngoại giao rất có tác dụng. Chẳng hạn, sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất, trong cuộc đàm phán giữa đại diện Thổ Nhĩ Kì là Ismai và đại diện các nước Pháp, Ý, Mĩ, Nhật, Nga, Hi Lạp, ông ta đã dùng phương pháp *Giả câm giả điếc*. Khi đàm phán đi đến chỗ then chốt, khi Thổ Nhĩ Kì nêu ra điều kiện bảo vệ lợi ích chủ quyền, đã làm tức giận ngoại trưởng Anh là Khơ Jolh, Khơ Jolh nhảy bật lên la hét, và vung tay đe dọa, các cường quốc cũng mặt hầm hầmtrợ uy. Ismai tuy chỉ hơi điếc, nhưng vẫn còn nghe thấy được. Huống hồ hét to lên thì càng rõ từng lời. Nhưng ông ta giả đò điếc đặc, không đáp lời. Đợi đến khi Khơ Jolh mệt mỏi thôi hét ông ta mới từ từ đưa tay phải ra làm loa ở tai, nghiêng người về phía Khơ Jolh, từ tốn hỏi :

"Ngài nói gì, tôi chưa nghe rõ, xin nói lại cho !"

Cần biết là thời gian bột phát sự giận dữ này ngắn và mạnh, nhưng khó mà biểu diễn lần nữa. Điều này khiến Khơ Jolh tức điên lên, không nói được thành lời.

Ismai với đối sách giả điếc trong lần đàm phán đó khi phát ngôn có lợi cho họ thì từng câu từng chữ đều nghe rõ mồn một. Nhưng khi bất lợi, thì điếc. Đứng trước sự đe dọa thì giả điếc rất có tác dụng. Điều này trong việc né tránh điều kiện vô lí của đối phương, bảo vệ lợi ích nước họ, có một tác dụng không nhỏ.

31. IM LẶNG

Trong tranh luận, cái vận dụng để làm đứt quãng lời nói đó là *Im lặng*. *Im lặng* là một phương pháp giành thắng lợi trong tranh luận bằng thứ ngôn ngữ đặc biệt không lời. Sử dụng phương pháp này, ta có thể bằng hoàn cảnh ngôn ngữ, sắc mặt và dáng điệu để biểu thị tán thành hoặc phản đối và triển khai thế công về tâm lí, từ đó mà đạt mục đích khuất phục đối phương.

Trong cuộc sống, gặp phải người hống hách ác khẩu, nếu cứ tranh luận phải trái với họ thường chỉ dẫn đến việc họ càng hung hăng hơn mà thôi. Để đối phó với loại người này, có thể dùng cách *Im lặng* và sự trả lời không thành lời này thường sẽ dẫn tới đối phương lời hết lí cùng, không có lỗ nẻ nào mà chui.

Trong đàm phán, biết sử dụng đúng đắn phương pháp *Im lặng* cũng có thể làm cho đối phương không dò ra được bên trong của chúng ta, và có thể chờ đợi mà lựa chọn cái việc đối phương tạo ra có lợi cho chúng ta. Chẳng hạn, Ê-đi-xơn nhà thực hành nước Mĩ sau khi phát minh ra máy điện báo nhưng do không thạo việc buôn bán, không biết có thể bán được bao nhiêu tiền. Ông bèn bàn bạc với vợ. Vợ ông nói : *"Bán 20 ngàn đô"*.

"Những 20 ngàn, có quá nhiều lắm không ?"

"Theo em dứt khoát 20 ngàn, nếu không, khi bán anh cứ kệ cho họ đặt giá trước".

Trong cuộc mặc cả mua bán với một nhà quản lí người Mĩ, thương gia này hỏi về giá tiền, Ê-đi-xơn vẫn cho rằng 20 ngàn là quá cao, và không tiện nói ra. Thế là *Im lặng* không trả lời. Thương gia nọ sốt ruột, trả giá :

"Thế tôi nói giá nhé, 100 ngàn. Thế nào ?"

Điều này quả rất bất ngờ với Ê-đi-xơn, và Ê-đi-xơn lập tức đồng ý. Đương nhiên, đây là kết quả đàm phán mà Ê-đi-sơn áp dụng phương pháp *Im lặng* một cách không tự giác. Và sau đây là trường hợp bằng cách có ý thức *Im lặng* mà giành được hiệu quả kì diệu trong tranh luận.

Một ông chủ kinh doanh ngành in ấn được biết một công ti nọ muốn mua của ông một máy in cũ. Ông ta lấy làm mừng. Qua tính toán cẩn thận, ông đi đến quyết định giá là 2500 ngàn đôla và chuẩn bị các lí do để giải thích.

Khi nhà kinh doanh ngồi vào bàn đàm phán, bụng bảo dạ là phải bình tĩnh. Quả nhiên, người mua không chịu nổi và bắt đầu chê bai máy móc một cách thao thao bất tuyệt. Thế nhưng với cung cách thao thao bất tuyệt với dụng ý dìm giá thì nhà kinh doanh chỉ thản nhiên cười, không đáp lời. Lúc này, người mua không chịu được, trong lòng có ý thất trận rồi, nói :

"Thế này nhé ! Tôi trả 3500 ngàn đô. Nhưng không thêm một xu nào nữa cả !"

3500 ngàn cao hơn giá dự định rất nhiều. Nhà kinh doanh mừng rỡ, đồng ý bán.

Có người nói *Im lặng* và lời nói có chọn lựa có sức biểu hiện như nhau, giống như trong nhạc thì dấu lặng và nốt nhạc đều quan trọng như nhau. Trong phát âm tràng giang đại hải cũng vậy, cần *Im lặng*. Sự luân chuyển biến hóa giữa hành vân lưu thủy và *Im lặng* tạm thời đã dẫn tới sự phản ứng về mặt tâm lí rất kì diệu. Nó có thể tạo ra dư vị, bằng tâm lí chờ đợi mà đưa ra cái bàn đạp cho bước nhảy vọt, lại giúp cho người tham gia tranh luận lựa chiều mà tạo ra cơ hội. Đồng thời, lúc căng lúc chùng đủ cách cũng phù hợp với nhu cầu thẩm mĩ của mọi người.

Đương nhiên, việc sử dụng thuật *Im lặng* cũng phải hợp lí, nếu lạm dụng để ra vẻ cao siêu thì chỉ cho người ta cảm giác khó chịu vì giả tạo và khó hiểu. Nếu trong cuộc tranh đấu ngọn cờ phải rõ ràng mà mình lại cứ *Im lặng* thì đó chỉ là biểu hiện không vững vàng, và không nên chọn lựa cách này.

32. CHIẾT TỰ

Chữ Hán là loại chữ biểu ý. Với những chữ có cấu tạo bằng cách ghép các bộ phận như loại hội ý, hình thanh thì phần lớn có thể tách thành các bộ phận độc lập, và các bộ phận này cũng có thể biểu thị những ý nghĩa nhất định. Thuật *Chiết tự* là phương pháp giành chiến thắng trong tranh luận bằng cách phân tích, chiết tự từ kết cấu nội bộ chữ Hán.

Thuật *Chiết tự* trong đời sống hằng ngày vẫn được dùng. Trong tranh luận, áp dụng nó vẫn có thể có được hiệu quả chiến thắng đối thủ.

Mùa xuân năm 1988, Học viện Ngôn ngữ Bắc Kinh đã tổ chức cuộc thi hùng biện cho lưu học sinh nước ngoài, chủ đề là : *"Nam nữ bình đẳng – lối thoát cho nữ giới"*. Những người tham gia màu da khác nhau, quốc tịch khác nhau nhưng đều dùng chỉ một thứ tiếng, đó là Hán ngữ. Và cuộc tranh luận rất sinh động sôi nổi.

Đại diện bên bảo vệ cho rằng tham gia công tác xã hội là sự chọn lựa tốt đẹp nhất của nữ giới, giới nữ cần phải thi đua với nam giới về mọi mặt. Công việc nhà đã trói buộc tài năng của nữ, bởi vậy, công việc gia đình chính là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới việc nam nữ không bình đẳng.

Đại diện bên phản bác cho rằng *"Nam là chủ bên ngoài, nữ là chủ bên trong"* là phương án hay nhất cho phụ nữ. Phụ nữ nắm việc gia đình thì có lợi cho không khí êm ấm của gia đình. *"Nam là chủ bên ngoài, nữ là chủ bên trong"* sẽ càng có lợi cho sự yên bình của xã hội.

Cứ như vậy, cuộc tranh luận giữa hai bên nhanh chóng đi vào chiều sâu. Và đang lúc họ tranh luận quyết liệt, hùng hồn thì một đội viên thuộc bên phản bác là San-tô-lan người Nam Tư từ tốn nói :

"*Chữ* **an** (安) *trong chữ Hán có nghĩa là người đàn bà nên ở trong nhà, chữ* **nam** (男) *thì lại có nghĩa là nam giới làm việc ở bên ngoài. Văn hóa Trung Quốc có từ xa xưa, và nếu như người Trung Quốc sai thì ngày nay còn có gì để tranh luận với nhau nữa.*"

Đến đây anh hóm hỉnh xua xua hai tay.

Lời tham gia tranh biện của anh thật là hay và đã giành được tràng vỗ tay hoan hô vang dội.

Trong chữ cổ, chữ *an* đúng là chỉ nữ giới ở nhà, chữ *nam* chỉ làm lụng việc đồng áng. San-tô-lan bằng việc phân tích chữ *an* và chữ *nam* mà đã có tác dụng phản bác mạnh mẽ và đã luận chứng được quan điểm "Nam chủ ngoại nữ chủ nội", giành được hiệu quả tranh luận bất ngờ.

33. LỘNG NGỮ

Từ là đơn vị ngữ ngôn có ý nghĩa và cấu trúc cố định. Nhưng với loại từ ghép Hán ngữ, nếu phân tích, thì lại được các từ tố có ý nghĩa. Thuật *Lộng ngữ* chính là phương pháp giành thắng lợi trong tranh luận bằng cách phân tích nghĩa của từ tố.

Trong tranh luận, khi chúng ta gặp khó khăn, thuật *Lộng ngữ* có khi cũng giúp ta chuyển nguy thành an.

Một năm nọ vào đúng mùa hạ anh chàng Kỉ Hiểu Lam béo quay cởi hết áo, để lưng trần và quấn bím tóc trên đỉnh đầu rồi cứ thế ôm lấy bàn mà ngốn ngấu *Tứ khố toàn thư*. Và bỗng vua Càn Long đi đến. Thế là anh chàng không kịp mặc áo vào, đành phải khom người chui xuống bàn, kéo vải phủ bàn che lại. Định bụng vua đi thì mới chui ra.

Nào ngờ nhất cử nhất động đều bị nhà vua thấy hết. Nhà vua có điều không lên tiếng mà cứ vậy bước vào phòng, ra hiệu cho tả hữu đứng yên, rồi giả đò không biết cố tình ngồi trên bàn sách của Hiểu Lam.

Hiểu Lam co người dưới bàn được một lúc thì nóng quá không chịu nổi, thấy trong phòng yên ắng, cho rằng nhà vua đã ra đi, liền vén khăn trải bàn chui đầu ra hỏi : *"Lão ta đi chưa ?"*

Câu hỏi này làm nhà vua thực sự nổi giận : *"Kỉ Vân, sao ngươi gọi ta là lão hả ? Nếu không giải thích được, sẽ ban cho tội chết !"*

Nào ngờ Hiểu Lam bình tĩnh khoan thai giải thích : "**Lão** *(lão đầu tử) gồm có ba chữ mà ai cũng xác nhận, không phải do thần bịa ra. Cho thần được phép nói rõ : Hoàng thượng gọi là vạn tuế, thế là* **lão** *(già lão). Hoàng đế là nguyên thủ quốc gia, thế gọi là* **đầu**. *Hoàng đế lại là thiên tử (con trời), thế là* **tử. Lão đầu tử** *là 3 tiếng gọi tất đó."*

Càn Long nghe xong, cả cười mà rằng : *"Thật là cái tay Kỉ Vân mồm mép. Dẫu Tô Tần, Trương Nghi sống lại cũng không sánh nổi ! Trẫm cho ngươi vô tội. Đứng dậy !"*

Kỉ Hiểu Lam bằng mồm miệng nhanh nhẩu đã chơi chữ với từ *lão* (lão đầu tử : lão già, thằng già) và đã giữ được mạng sống cho mình.

Chúng ta cũng có thể sử dụng thuật *Lộng ngữ* này để giễu cợt với hiện tượng xấu thường ngày.

Cũng vào thời vua Càn Long nhà Thanh, tể tướng tổ chức mừng thọ 80 tuổi, nhân đó muốn làm giàu, và đã phát giấy mời đi khắp mọi nơi. Kỉ Hiểu Lam rất không bằng lòng, trước ngày lễ một hôm, liền sai người mang biếu một tấm vải đỏ, trên đề 4 chữ lớn : *"Chân lão ô quy"*. Tể tướng tức giận vô cùng, và đến hôm sau mắng thẳng vào mặt Hiểu Lam. Hiểu Lam điềm nhiên giải thích :

"Ông là lão thần của tiên triều, đã 80 tuổi, vậy là **lão**. *Đời đời đội mũ ô sa, vậy là* **ô**. *Xưa nay, quy hạc sánh với nhau, đều là biểu tượng sống lâu. Ngụy Vũ Đế là người thế nào mà vẫn xưng tụng quy vì thần quy (rùa là thần rùa). Nay dịp lão tướng quốc thượng thọ, xin lấy thần vật này để chúc thọ, thật quá rất hợp. Còn* **chân**, *là quả thực, nghĩa là xứng đáng với."*

Đứng trước nhân vật xấu xa, Hiểu Lam đã mắng thẳng là : **chân lão ô quy** (thật là con rùa đen già). Thế mà khi tể tướng hỏi tội thì Hiểu Lam đã dùng thuật *Lộng ngữ* giải thích bốn chữ kia một cách diệu kì, khiến lão tể tướng cứng họng.

34. NGẮT CÂU

Ngắt ngừng là sự gián đoạn trong phát âm khi ta nói các từ, các câu. Ngắt ngừng là nhu cầu sinh lí để lấy hơi, vì trong khi nói, người ta không thể nói một mạch những điều cần nói. Giữa lời cần phải có nghỉ. Mặt khác, điều quan trọng là còn vì nhu cầu biểu đạt nội dung tư tưởng. Trong một câu có cần ngắt ngừng không, ở những chỗ khác nhau, sử dụng ngắt ngừng để biểu đạt ý nghĩa thường là cũng khác nhau. Chẳng hạn hai câu sau :

"Tôi không tin anh ta là người tốt !"

"Tôi không tin ! Anh ta là người tốt !"

Do ngắt ngừng khác nhau mà ý nghĩa biểu đạt khác hẳn nhau.

Thuật *Ngắt câu* là phương pháp giành chiến thắng trong tranh luận bằng cách vận dụng sự ngắt ngừng câu hợp lí. Chẳng hạn :

Có lần thủ tướng Chu Ân Lai tranh luận với đại diện chính phủ Quốc dân đảng, đối phương đuối lí hóa khùng : *"Thật khác nào đối ngưu đàn cầm"* (đàn gảy tai trâu).

Thủ tướng nhân đó liền nhân đà nói : *"Đối ! Ngưu đàn cầm"*. (Đúng ! Trâu gảy đàn).

Thủ tướng đã khôn khéo nắm bắt lấy câu đối phương tung ra có ngắt ngừng ở giữa mà cắt thành hai câu để ném lại cho đối phương, thật là gọn mà hay, giáng cho đối thủ một đòn mạnh mẽ. Ở đây, Chu Ân Lai đã dùng thuật *Ngắt câu*, như ta đã thấy.

Muốn sử dụng tốt thuật *Ngắt câu*, thì phải có khả năng làm chủ cao đối với ngôn ngữ, biết qua đó thay đổi chỗ ngắt ngừng khác nhau trong câu, khiến cho ý nghĩa vốn có lợi cho đối phương trở nên có lợi cho bên mình. Chẳng hạn :

Có một hôm, hoàng đế Vĩnh Lạc lệnh cho Giải Tấn đề chữ lên chiếc quạt là đồ cống nạp của nước ngoài. Giải Tấn đã viết bài *Lương Châu từ* của Vương Chi Hoán :

Hoàng Hà viễn thượng bạch vân gian,
Nhất phiến cô thành vạn nhẫn san,

Khương địch hà tu oán dương liễu,
Xuân phong bất độ Ngọc Môn quan.

(Nghĩa là : Vọng xem sông Hoàng như một dải bay lên trời mây. Một ngôi thành hoang lẻ loi, quanh là núi cao vút. Sáo Khương sao lại thổi bài "Cành liễu gãy" nói lên nỗi buồn biệt li. Gió xuân hiền hòa chưa từng thổi đến ngoài cửa ải Ngọc Môn.)

Thế nhưng ông ta sơ suất, quên mất chữ *gian*. Khi Cao Huân phát hiện ra liền tâu vua : *"Giải Tấn tự thị kì tài, coi thường cả vua, dám nhân việc để thơ đã cố tình bỏ sót chữ để lừa vua. Bọn cuồng loạn như y, nay không giết đi tất thành hậu họa !"*

Nhà vua cầm xem, quả đúng vậy, bèn quát to : *"Võ sĩ đâu ! Lôi ra chém !"*

Lúc này Giải Tấn cầm lấy quạt xem, cả cười mà rằng : *Xin thánh thượng bớt giận để thần nói. Đây là bài* Lương Châu từ *thần làm, nó chỉ khác với bài* Lương Châu từ *của Vương Chi Hoán đời Đường ở một chữ.* Lương Châu từ *của Vương Chi Hoán thực ra là thơ, không phải là từ, cho nên có chữ* **gian**. *Còn bài* Lương Châu từ *thần làm đích thực là từ, không phải là thơ, lẽ đương nhiên không có chữ* **gian**."

Hoàng đế nói : *"Đã là như vậy, thì ngươi hãy đọc bài* Lương Châu từ *của nhà ngươi cho văn võ bá quan nghe. Chỉ cần mọi người nghe mà cho là tác phẩm của ngươi thì trẫm không những không hỏi tội mà còn trọng thưởng. Nếu không, lập tức chém đầu !"*

Giải Tấn tạ ơn, đứng dậy đọc ngay :

Hoàng Hà viễn thượng
Bạch vân nhất phiến
Cô thành vạn nhẫn sơn.
Khương địch hà tu oán
Dương liễu xuân phong
Bất độ Ngọc Môn quan.

(Nghĩa là : Sông Hoàng bay vút lên, Mây trắng một dải, Ngôi thành lẻ loi cùng những đỉnh núi cao bao quanh. Sáo Khương sao ai oán, Cây liễu và gió xuân không đến cửa ải Ngọc Môn.)

Ở đây, ta thấy Giải Tấn đã đọc thơ thành từ, và đã đọc rất có hồn khiến ai cũng cảm thấy như mới, từ vua đến quan đều khen hay. Dựa vào sự thông minh tài trí, Giải Tấn đã biến nguy thành an, bảo toàn được mạng sống, và được lĩnh thưởng.

35. TRỌNG ÂM

Trọng âm trong câu là đọc nhấn mạnh từ nào đó trong câu để bộc lộ một ý nghĩa nào đó, một tình cảm đặc biệt nào đó. Vị trí của trọng âm được xác định tùy theo nội tâm của người nói. Trọng âm có vị trí khác nhau sẽ làm cho người nghe cảm thụ khác nhau. Chẳng hạn :

"Tôi *đâu có nói anh."*

Ở câu này, trọng âm rơi vào *tôi*, cho một cảm thụ là : Người khác nói, đừng có đổ lên đầu tôi, tôi đâu có nói.

"Tôi đâu có nói **anh**".

Ở câu này, trọng âm rơi vào *anh*, cho một cảm thụ là : người tôi nói không phải là anh, anh không nên hiểu nhầm. Do trọng âm trong câu khác nhau mà hiệu quả biểu đạt cũng khác nhau.

Như ta đã biết, trọng âm ở vị trí khác nhau thì cảm thụ cũng khác nhau. Có khi chúng ta còn thậm chí có thể lợi dụng hiệu quả này của trọng âm để đạt mục đích chiến thắng trong tranh luận. Đó là thuật *Trọng âm*.

Có người căn vặn Mai-a-cốp-xki :

"Mai-a-cốp-xki này, tại sao tay anh lại đeo nhẫn ? Thật chẳng hợp chút nào !"

"Theo anh nói, thì nhẫn của tôi không nên đeo ở tay mà là đeo ở mũi à ?" Nhà thơ trả lời.

Vốn là trọng âm của đối phương rơi vào cái **nhẫn**, còn nhà thơ cố tình hiểu là trọng âm ở **tay**, và đã phản kích mạnh mẽ, khiến đối phương khó nói. Lại ví dụ :

Một hôm, có một quan khách ngoại giao bắt gặp tổng thống Lin-côn đang cúi đầu đánh đôi giày của mình, liền hỏi :

"Ô, ngài tổng thống, ngài vẫn thường đánh giày cho mình sao ?"

"Đúng vậy," Lin-côn trả lời *"Anh thì đánh giày cho ai ?"*

Vốn là vị quan khách ngoại giao này nói có trọng âm ở **vẫn thường**, ý muốn nói : Ông là tổng thống sao phải đánh giày ? Tổng thống thừa hiểu ác ý của câu hỏi bèn cố tình hiểu trọng âm lên **mình**, rồi nhân đó phản kích : *Anh thì đánh giày cho ai ?* Điều này hàm ý ông ta rất khinh miệt vị quan khách ngoại giao nọ.

36. NGỮ ĐIỆU

Ngữ điệu là sự thay đổi lên xuống cao thấp trong câu. Cùng một câu mà ngữ điệu khác nhau thì ý nghĩa biểu đạt có thể khác nhau, thậm chí có thể trái ngược nhau. Ví dụ :

Hồng Thừa Trù là trọng thần cuối đời nhà Minh được vua Sùng Chinh mến mộ, ông ta có ý viết một đôi câu đối vào giữa phòng khách :

Quân ân thâm tự hải :
Thần tiết trọng như san.

(Nghĩa là : Ơn vua sâu như biển ; Tiết tháo của bề tôi nặng như núi.)

Về sau, đánh nhau với quân Thanh tại Tùng Sơn rồi bị bắt làm tù binh, ông ta đã quỳ gối đầu hàng. Người đương thời liền sửa lại câu đối của ông ta :

Quân ân thâm tự hải hĩ !
Thần tiết trọng như san hồ ?

(Nghĩa là : Ơn vua sâu như biển vậy ! Tiết tháo của bề tôi nặng như núi vậy sao ?)

Ngữ điệu thay đổi, và ý nghĩa cũng quay ngược lại, hàm ý đả kích và khinh bỉ loài phản bội dân tộc. Bởi vậy, trong tranh luận ta không thể không lựa chọn ngữ điệu thích hợp, có khi thậm chí có thể qua ngữ điệu thích hợp mà đạt được mục đích chiến thắng. Đó chính là thuật *Ngữ điệu*.

Một đoạn tranh luận nổ ra giữa Triệu Thụ Lí và bọn làm phản như sau :

Trong suốt 10 năm rối loạn, nhà văn Triệu Thụ Lí nổi tiếng thường bị lôi ra đấu tố. Có lần Triệu Thụ Lí đã phản bác bằng lí lẽ khiến bọn làm phản cứng họng, bọn chúng cuối cùng đành phải gán tội bằng cách bức kí bản nhận tội. Bọn chúng gán không biết bao nhiêu là tội của bọn Giang Thanh cho Triệu Thụ Lí, qua tờ giấy cung viết sẵn và ép ông kí tên nhận tội. Nhà văn cầm bút viết rằng :

"Anh bảo tôi là thì tôi là ?"

Bọn đánh hội thấy dòng chữ như bắt được vàng, quơ vội lấy tờ cung, nói : *"Triệu Thụ Lí, giấy trắng mực đen nhé, rõ ràng chữ chính anh viết ra, ngày tận số rồi đấy. Ngày mai ra trước đại hội, luận tội trước quần chúng, cấm có phản cung."*

Triệu Thụ Lí nói : *"Chắc chắn là đến số rồi, đâu có phản cung !"*

Hôm sau đại hội, người dự khá đông.

Cuộc đấu bắt đầu, tên cầm đầu phái làm phản cầm tờ giấy nọ gào to : *"Qua đấu tranh, tên nhà văn ngoan cố Triệu Thụ Lí cuối cùng đã nhận tội chống phá cách mạng... Bây giờ giải nó ra để nó nhận tội trước bà con !"*

Triệu Thụ Lí bị giải tới, và ông đã nói trước micrô : *"Tôi không thừa nhận !"*

Bọn làm phản sau phút ngơ ngác thì đập bàn quát : *"Láo ! Đây chả phải là tờ cung mày viết sao ?"*

"Cái tôi viết là : *"Anh bảo tôi là thì tôi là ?""*

"Như vậy không đúng là thừa nhận thì là gì ?"

Triệu Thụ Lí nói : *"Các anh không xem xem dấu hỏi cuối câu à ?"*

Bỗng nhiên quần chúng cười ồ cả lên. Bọn làm phản tiu nghỉu, đành chuồn thẳng.

Triệu Thụ Lí ở đây đã dựa vào tình hình thực tế của sự vật, chọn lựa ngữ điệu nghi vấn hợp lí và đã chế nhạo bọn làm phản một cách chua cay, bảo vệ được mình và giành được chiến thắng trong tranh luận.

37. THAY ĐỔI TRẬT TỰ TỪ

Trật tự từ là một cách thức cơ bản tạo lời, đặc biệt là với loại hình ngôn ngữ đơn lập phân tích tính như tiếng Hán. Trong một câu, nếu trật tự khác nhau thì ý nghĩa biểu đạt thường là khác nhau. Thuật *Thay đổi trật tự từ* là phương pháp giành chiến thắng trong tranh luận bằng cách thông qua việc biến đổi trật tự sắp xếp các từ ngữ trong câu.

Trong tranh luận, thuật *Thay đổi trật tự từ* có những tác dụng như sau :

1. Trật tự từ ngữ khác nhau, cảm thụ chủ quan mang lại cũng khác nhau. Chẳng hạn, hai sinh viên trường luật đang tranh luận một vấn đề : Khi học về luật, có thể hút thuốc không. Và ai cũng giữ ý kiến của mình, không chịu nhường ai. Cuối cùng đành nhờ Rab-bi (thầy giáo) xử :

"Rab-bi", Học sinh A hỏi, *"Khi học luật, hút thuốc có được không ?"*

"Không được !" Rab-bi tức giận nói.

"Anh hỏi sai rồi !" Học sinh B trách học sinh A. Rồi đó, anh ta đến bên Rab-bi, hỏi :

"Rabbi, mọi người khi đang hút thuốc mà học luật thì có được không ?"

"Đương nhiên là được !" Rab-bi vui vẻ khẳng định.

Cũng là vừa hút thuốc vừa học luật, thế nhưng trật tự từ ngữ khác nhau đã cho một ngữ cảm khác nhau, và kết quả tranh luận cũng khác hẳn nhau.

2. Trật tự từ ngữ khác nhau, ý nghĩa biểu đạt chủ thứ nặng nhẹ khác nhau. Chẳng hạn, với khách đến từ thủ đô, chủ hàng sẽ nói :

"Đây tuy chỉ là tơ sợi nhà quê, nhưng lại dệt ra vải lụa kinh thành."

Thế nhưng, với khách đích thực nhà quê, thì ông ta lại nói :

"Vải lụa thì dệt ra ở kinh thành, nhưng tơ sợi thì lại ở nhà quê."

Với những loại câu ghép chính phụ kiểu nhượng bộ – tăng tiến thì trật tự từ ngữ khác nhau thì đối tượng cần nhấn mạnh cũng khác nhau.

3. Trật tự từ ngữ khác nhau, thì mục đích của hành vi cần biểu đạt cũng khác nhau. Chẳng hạn, có người hỏi nhà triết học Hi Lạp cổ đại là A-ri-stốt rằng :

"Ông và người bình thường có gì khác nhau ?"

A-ri-stốt trả lời :

"Họ sống là để ăn còn tôi ăn để sống."

A-ri-stốt đã khéo léo thay đổi trật tự từ ngữ để biểu đạt mục đích sống khác nhau của hai loại người : người bình thường thì sống là để ăn, ăn no rồi không làm gì. Còn nhà triết học mục đích sống là để sáng tạo ra cuộc sống phong phú đa dạng.

4. Trật tự từ ngữ khác nhau, quan hệ nhân quả biểu đạt cũng khác nhau. Tháng 2 năm 1933 nhà văn Anh Béc-na So đến thăm Trung Quốc, Lỗ Tấn và Sái Nguyên Bồi đã tiếp ông tại nhà bà Tống Khánh Linh ở Trùng Khánh. Sau bữa cơm, mọi người dạo chơi vườn hoa, lúc này thời tiết tạnh ráo sau nhiều ngày mưa sụt sùi, ánh mặt trời hiền hòa rọi trên mái tóc bạc của So. Sái Nguyên Bồi vui vẻ nói :

"Ông So này, ông thật là hên, ông đã nhìn thấy mặt trời ở Thượng Hải rồi đó."

So nghe vậy, mỉm cười nói :

"Không, đó là mặt trời gặp may, đã nhìn thấy tôi ở Thượng Hải đấy !" Lời So thật là ngộ, nhưng chan chứa ý vị.

Trật tự từ ngữ trong tranh luận có tác dụng không thể coi thường. Một nhà hùng biện muốn chiến thắng, không thể không chú ý chọn lựa trật tự từ ngữ thích hợp để biểu đạt quan điểm của mình.

38. THẾ ĐỒNG NGHĨA

Tư duy và ngôn ngữ không phải là cặp một đối một. Có khi cùng một từ ngữ, một câu có thể biểu đạt nội dung tư duy khác nhau. Có khi cùng một nội dung tư duy như nhau mà có thể biểu đạt bằng những hình thức khác nhau. Tuy rằng các hình thức ngôn ngữ khác nhau có thể dùng để biểu đạt một nội dung tư duy, song hiệu quả biểu đạt lại không hoàn toàn như nhau. Thuật *Thế đồng nghĩa* là phương pháp giành chiến thắng trong tranh luận bằng việc dựa vào các hình thức biểu đạt ngôn ngữ khác nhau được chọn lựa để biểu đạt một nội dung tư duy.

Ta hãy quan sát câu chuyện A-van-ti đoán mộng cho vua :

Có một ông vua nằm mê có người nhổ hết răng của ông ta đi. Khi tỉnh dậy, ông ta đòi tể tướng đến giải mộng. Tể tướng nói :

"Cả nhà bệ hạ sẽ chết trước bệ hạ."

Nhà vua giận dữ, giết chết thừa tướng. Sau đó vua lại gọi A-van-ti đến giải mộng. A-van-ti nói :

"Bệ hạ sẽ trường thọ hơn hết thảy mọi gia quyến."

Hoàng đế vui vẻ hẳn lên, thưởng cho A-van-ti một áo gấm.

Ta thấy đấy, thừa tướng và A-van-ti cùng biểu đạt một nội dung tư tưởng như nhau, tức là vua chết sau, gia thuộc chết trước. Thế nhưng hình thức ngôn ngữ sử dụng khác nhau mà hiệu quả biểu đạt khác nhau. *"Cả nhà bệ hạ sẽ chết trước bệ hạ."* quốc vương nghe ra như nguyền rủa gia quyến ông ta chết sớm, và kết quả là thừa tướng bị xử tử. Còn A-van-ti nói : *"Bệ hạ sẽ trường thọ hơn hết thảy mọi gia quyến."* Như vậy ta có cảm giác là ca ngợi quốc vương trường thọ. Hiệu quả biểu đạt đã khác xa với cách trên.

Sử dụng thuật *Thế đồng nghĩa* trong nhiều trường hợp, chúng ta có thể tránh được điều cấm kị. Truyền thuyết kể rằng vua Càn Long đi du lãm chùa Kim Sơn ở Trấn Giang. Vị sư chủ trì sai một tiểu hòa thượng mau mồm mau miệng đi hướng dẫn. Khi tiểu hòa thượng hướng dẫn nhà vua lên núi có nói một câu :

"Vạn tuế gia bộ bộ cao thăng."

(Nghĩa là : Đấng vạn tuế từng bước lên cao.)

Càn Long có ý định thử tài đối đáp của nhà sư nọ, lúc xuống núi bèn nói : *"Nhà chùa khi lên núi có nói ta từng bước lên cao. Bây giờ thì sao ?"* Nhà sư lập tức đáp ngay :

"Vạn tuế gia hậu bộ tỉ tiền bộ cánh cao."

(Nghĩa là : Đấng vạn tuế bước sau cao hơn bước trước.)

Nhà sư nọ, để tránh : *bộ bộ hạ giáng* là một câu rất kị mà đổi ra giác độ quan sát sự vật, so sánh *bước sau* với *bước trước* để phân tích : Bước sau vừa có thể chỉ bước chân sau, khi xuống núi, lại vừa chỉ tương lai của nhà vua. Bằng câu nói có hai tầng ý như vậy để thay cho *bộ bộ hạ giáng*, nhà sư đã thoát ra khỏi cửa ải.

Biết sử dụng hợp lí thuật *Thế đồng nghĩa*, có khi còn mang lại màu sắc châm biếm hài hước đậm nét cho lời tranh luận của chúng ta. Chẳng hạn, trường đại học Niu-tơn có người tên là E-vơ-lây vì biết làm thơ chút ít mà cũng có tiếng tăm trong trường. Một hôm anh ta đọc thơ mình sáng tác trước các bạn. Và có người là Tra-sư nói :

"E-vơ-lây, thơ anh tôi rất thích, nó được đánh cắp từ một quyển sách."

Câu này đến tai E-vơ-lây, anh ta rất tức giận, yêu cầu Tra-sư phải xin lỗi công khai. Tra-sư lại nói :

"Từ xưa tôi đã ít khi lấy lại lời của mình. Lần này, tôi nhận sai. Tôi vốn cho rằng thơ của E-vơ-lây là đánh cắp từ quyển sách tôi đọc. Thế nhưng, tôi về nhà giở sách ra xem thì phát hiện ra rằng bài thơ nọ vẫn ở đó."

"Bài thơ nọ là đánh cắp từ một quyển sách" hình thức ngôn ngữ tuy khác với *"Bài thơ nọ vẫn ở đó"*, nhưng ý nghĩa biểu đạt như nhau. Tra-sư đã khéo dùng thuật *Thế đồng nghĩa* để mỉa mai E-vơ-lây.

Thuật *Thế đồng nghĩa* là một kĩ xảo ngôn ngữ thú vị, nó có thể làm cho lời ta nói phong phú đa dạng, có sức hấp dẫn và có thể dùng vào khi tranh luận.

39. KHÉO GIẢI NGHĨA TỪ

Ngôn ngữ tự nhiên vốn là mơ hồ, cũng vậy, từ trong ngôn ngữ tự nhiên cũng là mơ hồ. Tính mơ hồ đó chủ yếu biểu hiện ở tính đa nghĩa của từ. Cùng một từ, có thể biểu thị những hàm nghĩa khác nhau. Tính đa nghĩa này của từ đã cho ta một điều kiện có lợi để khi tranh luận dựa vào những trường hợp khác nhau, đối tượng khác nhau, yêu cầu khác nhau mà lựa chọn cho thích hợp. Thuật *Khéo giải nghĩa từ* là phương pháp khuất phục kẻ địch, giành chiến thắng bằng cách cho một từ hoặc những từ nào đó những ý nghĩa xác định.

Một trường nọ mở cuộc thi làm văn, một học sinh được giải nhất đã đọc bài văn của mình tại buổi lễ phát thưởng. Đang khi em này đọc say sưa tự mãn, bỗng có tiếng thì thào : *"Hừm ! Bài văn này là chép đấy !"*

Bỗng nhiên, các bạn chụm đầu thì thầm với nhau. Lúc này, một học sinh nói to : *"Đúng vậy, là chép mà !"*

Cả trường ồ lên. Thầy cô giật mình : *"Thi làm văn là một hoạt động nghiêm túc, nghiêm cấm mọi hành vi giả dối. Nếu bài văn của anh là chép, khi chấm sẽ xóa tên dự giải..."*

Cả trường lại ồn ào. Thế nhưng học sinh nọ vẫn điềm nhiên nói :

"Xin hãy để tôi nói hết đã, bài văn đúng là chép, không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi nói là chép, vì do mình nghiền ngẫm đề cương rồi viết thành bản thảo để sửa chữa. Sau đó, xác định thành nguyên bản. Bởi vậy, tôi đã chép đúng tư tưởng riêng của tôi. Lẽ nào việc sao chép này là sai ?"

Không khí lắng xuống, cả trường vang dậy tiếng hoan hô. Và học sinh này đã nhận được phần thưởng của các thầy cô.

Từ *"chép"* này vừa biểu đạt ý nghĩa ăn cắp văn thơ của người khác, lại vừa có nghĩa sao chép văn bản. Như ta đã thấy, học sinh nọ đã ghép cho nó nghĩa thứ hai. Bởi vì, trong trường hợp này mọi sự thanh minh, tranh cãi đều vô ích. Học sinh nọ biết vậy, đã khôn khéo dùng thuật *Khéo giải nghĩa từ* để trấn an dư luận, giành lấy vòng nguyệt quế.

Thuật *Khéo giải nghĩa từ* đã tỏ rõ một tài năng ứng biến linh hoạt của nhà hùng biện. Khi tranh luận, đôi khi cũng có lời thất thố, thuật *Khéo giải nghĩa*

từ cũng có thể giúp ta thoát khỏi cảnh khó khăn này. Dù rằng đứng trước kẻ thù hung bạo, thuật *Khéo giải nghĩa từ* cũng có thể là vũ khí chiến thắng.

Một hôm Sa hoàng ra lệnh triệu kiến nhà thơ cách mạng U-crain là Sép-tren-cô. Khi triều kiến, các văn võ bá quan trong cung đều phải khom lưng phủ phục, riêng Sép-tren-cô vẫn đứng ưỡn người, nhìn chằm chằm vào Sa hoàng.

Sa hoàng giận dữ hỏi : *"Ngươi là ai vậy ?"*

Nhà thơ trả lời : *"Tôi là Sép-tren-cô!"*

"Ta là vua, sao ngươi không phủ phục ? Cả nước, ai dám gặp ta mà không cúi đầu ?"

Sép-tren-cô bình tĩnh nói : *"Tôi không phải muốn gặp ngài mà là ngài muốn gặp tôi. Nếu tôi cũng khom lưng phủ phục như những người xung quanh, thử hỏi, ngài làm sao thấy được tôi ?"*

Trong tiếng Nga, từ *triệu kiến* vừa có nghĩa *đến theo lời gọi*, cũng có thể biểu thị nghĩa *xem mặt mũi*. Ở đây, nhà thơ đã vận dụng nghĩa thứ hai để biểu thị khí phách ngang nhiên, không sợ cường quyền.

Muốn dùng thuật *Khéo giải nghĩa từ* để giành chiến thắng, thì xác định trong giờ phút mấu chốt của tranh luận phải nhanh chóng phát hiện những từ ngữ đặc biệt có khả năng biểu đạt nhiều hàm nghĩa, từ đó chọn lựa những lớp nghĩa có lợi cho mình để giải thích theo hướng bất ngờ với đối thủ, từ đó giành quyền chủ động trong tranh luận.

40. GIẢI THÍCH CÂU THEO Ý KHÁC

Ngôn ngữ tự nhiên vốn mơ hồ. Tính mơ hồ đó biểu hiện ở chỗ cùng một câu mà ý nghĩa biểu đạt khác nhau. Thuật *Giải thích câu theo ý khác* là phương pháp giành chiến thắng trong tranh luận bằng cách dựa vào yêu cầu tranh luận của mình mà đưa ra cách giải thích riêng biệt về một câu nào đó.

Dùng thuật *Giải thích câu theo ý khác*, giải thích một câu nào đó theo một ý bất ngờ thường làm cho lời tranh luận của ta mới mẻ, mạnh mẽ. Ta hãy xem đoạn tranh luận giữa Lí Khắc và Ngụy Văn Hầu.

Theo ghi chép *Thích Uy. Lã thị Xuân Thu*, có lần Ngụy Văn Hầu hỏi đại thần Lí Khắc : *"Nguyên nhân nước Ngô diệt vong là gì ?"* Lí Khắc lập tức trả lời : *"Là vì nhiều lần đánh nhiều lần thắng."* Ngụy Văn Hầu phân vân không hiểu. Lí Khắc liền giải thích :

"Nhiều lần đánh, nhân dân sẽ mệt mỏi. Nhiều lần thắng, nhà vua sẽ sinh kiêu. Lấy ông vua kiêu ngạo thống trị nhân dân mệt mỏi, đó chính là nguyên nhân bại vong."

"Nhiều lần đánh nhiều lần thắng" thường là dẫn đến nguyên nhân nhà nước hưng thịnh. Còn Lí Khắc ở đây đã khéo léo giải thích mà rút ra kết luận khiến nước Ngô diệt vong, thật là độc đáo, sinh động mà mạnh mẽ.

Dùng thuật *Giải thích câu theo ý khác* để đưa ra lời giải thích bất ngờ cũng thường biểu đạt lối mỉa mai châm biếm với đối phương. Chẳng hạn : Khi Uyn-sơn làm thống đốc bang Niu Jersey, ông ta nhận được điện thoại từ Washington, D.C. nói rằng một nghị sĩ bang Niu Jersey – tức bạn của ông – đã qua đời.

Uyn-sơn rất xúc động, lập tức hủy bỏ mọi cuộc hẹn trong ngày. Sau mấy phút, ông lại nhận được cú điện thoại của một chính trị gia Niu Jersey.

"Ông thống đốc", người nọ lắp bắp nói *"Tôi, tôi hi vọng có thể thay thế vị trí của ông nghị sĩ nọ."*

"Được lắm." Uyn-sơn rất bực với thái độ "nhanh nhẹn" của y. Ông chậm rãi trả lời *"Nếu nhà quàn đồng ý, thì cá nhân tôi cũng nhất trí."*

Câu : *"Thay thế vị trí của ông nghị sĩ nọ"* có thể chỉ ý : *thay ông nghị sĩ kia để làm nghị sĩ* ; cũng có thể chỉ ý : *thay thế vị trí trong nhà quàn của ông*

nghị sĩ nọ. Và Uyn-sơn đã chọn nghĩa sau, giáng cho tên dã tâm một đòn choáng váng.

Muốn dùng tốt thuật *Giải thích câu theo ý khác* đòi hỏi chúng ta phải có khả năng tư duy tưởng tượng và tư duy khuyếch tán phong phú để phát hiện ra những ý nghĩa đặc biệt ẩn chứa bên trong câu để rồi giải thích ý nghĩa câu theo nghĩa phù hợp với quan điểm của mình. Và cuối cùng, nhằm mục đích luận chứng quan điểm của mình ; châm biếm, chê trách đối phương. Chẳng hạn.

Pút-kin, nhà thơ Nga lúc còn nhỏ có lần tham gia một vũ hội gia đình một công tước ở Pê-téc-bua. Ông mời một tiểu thư nhảy. Cô tiểu thư này ngạo mạn nói : *"Tôi không thể nhảy với đứa trẻ !"*

Pút-kin chợt nghĩ ra rồi mỉm cười nói :

"Xin lỗi, cô tiểu thư thân mến của tôi, tôi không biết là cô đang mang thai đứa bé."

Nói xong, ông lịch sự cúi chào và thoái lui. Còn cô tiểu thư xinh đẹp nọ thì cứng họng, mặt đỏ rần rần.

Câu *"Tôi không thể nhảy với đứa trẻ"* vốn có ý là : *Cậu là trẻ con, tôi không muốn nhảy với cậu.* Còn Pút-kin lại khéo léo giải thích câu này (tức lời cô gái) thành : *Trong bụng tôi có đứa bé, tôi mà nhảy thì đứa bé trong bụng cũng nhảy theo, như vậy không lợi cho người mẹ như tôi.* Như vậy, ông đã cười nhạo cái thái độ khinh khỉnh vô lễ của cô tiểu thư nọ.

41. GIẢI THÍCH CHẶT CHẼ

Thuật *Giải thích chặt chẽ* là phương pháp đánh bại đối phương giành chiến thắng trong tranh luận bằng cách thông qua việc cho những từ ngữ nào đó những hàm ý chính xác.

Thuật *Giải thích chặt chẽ* trong tố tụng ở tòa án là một phương pháp rất có tác dụng. Trong những trường hợp này, thường phải nêu ra những hàm nghĩa chặt chẽ, chính xác sau khi đã cân nhắc chọn lựa đối với các điều mục pháp luật, lời làm chứng, điều khoản hợp đồng. Có khi do nhận thức một từ một chữ nào đó khác nhau mà dẫn đến cả bản án, thậm chí quyết định đến cả mạng sống của đương sự.

Chúng ta hãy xem đoạn tranh luận rất hay tại tòa án trong vở *Người lái buôn Vơ-ni-đơ* theo kịch bản của Sếch-pia.

An-tô-ni-ô là một thương nhân trẻ, thường cho những người khó khăn vay tiền mà không thu lãi. Còn tên cho vay nặng lãi Sai-lốc thì rất nghiệt ngã, hung dữ, ai cũng ghét. Do An-tô-ni-ô thường trách Sai-lốc về việc cho vay nặng lãi, mà y giận anh thấu tim thấu ruột, có ý trả thù.

An-tô-ni-ô có người bạn là Ba-xa-ni-ô, vì lấy vợ mà không có tiền, nên vay An-tô-ni-ô. Nhưng tiền anh đã mua hàng hết rồi. Thuyền buôn chưa chở hàng cập bến, bên người không có tiền. Và An-tô-ni-ô đành vay Sai-lốc 3000 đồng tiền vàng.

Sai-lốc thấy cơ hội báo thù đã đến, liền tỉnh bơ nói : *"Anh trước kia đã chẳng nói tôi không nên lấy lãi với người ta đó sao. Được, tôi cho anh vay 3000 đồng, và không cần lấy lãi. Nhưng ta hãy đến chỗ luật sư kí một điều ước chơi : "Đến hạn, nếu không trả, thì sẽ do Sai-lốc cắt đi một bảng thịt gần kề tim, trên người An-tô-ni-ô"."*

Thế nhưng đến ngày phải trả nợ, An-tô-ni-ô nhận được tin, tàu thuyền của anh gặp bão trên biển và đều chìm xuống đáy rồi. Không có tiền trả nợ, Sai-lốc độc ác liền kiện ra tòa, dứt khoát đòi thực hiện thỏa ước, xẻo một bảng thịt ở ngực An-tô-ni-ô. Trên tòa, công tước đã khuyên Sai-lốc từ bỏ cách làm đó, nhưng không có kết quả. Lúc này Poc-xi-a, vợ của Ba-xa-ni-ô đóng giả làm nam giới, kiếm được tấm giấy giới thiệu từ các bạn luật sư của chị, và vào tòa với chức danh thư kí luật sư. Vụ án này do Poc-xi-a thụ lí. Poc-xi-a đã khuyên

Sai-lốc bỏ lối dã man đó, nhưng vô hiệu. Đến lúc đó, Poc-xi-a nói : *"Căn cứ điều ước, báng thịt này của An-tô-ni-ô về anh, anh chuẩn bị dao để xẻo đi."* Sai-lốc mừng rỡ khôn xiết. Poc-xi-a lại nói : *"Sai-lốc, hãy mời một bác sĩ ngoại khoa để khâu vết thương cho anh ta. Phí tổn do anh chịu, để khỏi anh ta ra máu mà chết."* Sai-lốc nói : *"Điều ước không có khoản đó, tôi làm làm sao !"* Đang khi Sai-lốc định đi xẻo thịt thì Poc-xi-a nói :

"Hãy khoan, trong điều ước cũng không ghi cho phép anh lấy đi một giọt máu của anh ta. Cho nên khi anh xẻo thịt, mà rơi một giọt máu, thì toàn bộ đất đai tài sản của anh sẽ bị sung công ! Đồng thời cũng không cho phép vượt qua hoặc kém trọng lượng một báng. Nếu miếng thịt anh xẻo kém hoặc hơn một báng, dù chỉ là một chút xíu, thì anh phải đền mạng, tài sản bị sung công hết !".

Hiển nhiên, điều này là không thể được, Poc-xi-a đã cấp cho khái niệm *"một báng thịt"* một hàm nghĩa hết sức chính xác. Bởi vậy mà đã cứu được mạng sống cho người thanh niên lương thiện nọ, và cho tên Sai-lốc tàn ác một đòn trừng phạt đích đáng.

Tuy đây chỉ là hư cấu nghệ thuật, nhưng trong trường hợp tranh luận thực sự của tòa án, bằng thuật *Giải thích chặt chẽ* việc cân nhắc từng chữ từng từ mà xoay chuyển tình thế, giành chiến thắng cũng không phải là hiếm !

42. LUẬN CHỨNG SO SÁNH

So sánh là cách đối chiếu giữa những vật mà bản chất khác nhau nhưng có những điểm giống nhau. Một so sánh có hình ảnh sinh động có thể làm cho cái khó hiểu trở nên rõ ràng, cái trừu tượng trở nên cụ thể, cái lạ lẫm trở nên quen biết. Đồng thời có thể gợi liên tưởng làm cho luận chứng của mình như hổ chắp cánh, hiệu quả bội phần.

Ka-li-nin là nhà tuyên truyền cổ động bônsêvích Nga kiệt xuất, có lần ông giảng giải về tầm quan trọng của liên minh công nông cho các đại biểu nông dân. Và dù đã chứng minh hết sức tường tận, chặt chẽ, nhưng người nghe vẫn ù ù cạc cạc. Có người hỏi : *"Với chính quyền Xô viết thì cái gì quý hơn, công nhân hay nông dân."*

Ka-li-nin nhân đó hỏi lại : *"Vâng thì với một người, cái gì quý hơn, chân trái hay chân phải."*

Cả hội trường ắng lặng, rồi nổ ra một tràng pháo tay. Đại biểu nông dân cười hả hê.

Cả một mớ những chứng minh trừu tượng đã không thuyết phục được nông dân, chỉ một so sánh đơn giản mà lại nói hết được mọi nhẽ.

Dùng thuật *Luận chứng so sánh* có lúc có thể dùng các so sánh để thay cho cái cần nói, đó là *tá dụ* (ẩn dụ). Cách dùng *tá dụ* do cái cần nói chưa xuất hiện, điều này càng cho ta một khoảng trời tưởng tượng và liên tưởng rộng rãi và làm tăng sức truyền cảm trong lời tranh luận của chúng ta.

Anh em nhà Uyn-bơ Rai và Ô-vin Rai người Mĩ là người khai phá dũng cảm trong lịch sử hàng không. Họ đã lái thành công máy bay có động cơ bay lên bầu trời ngày 17 tháng 12 năm 1903. Ít lâu sau anh em nhà Rai lại du lịch châu Âu. Trong một tiệc rượu chào mừng ở nước Pháp, các nhà danh tiếng đều có mặt, chủ nhân nhiều lần mời Uyn-bơ Rai nói chuyện, và anh cũng nhiều lần từ chối. Nhưng rồi vẫn phải đứng lên nói :

"Theo tôi biết, trong các loài chim, biết nói thì chỉ có vẹt, thế mà vẹt lại bay không cao."

Đây chỉ là bài diễn văn một câu. Thế nhưng đến nay vẫn được coi là bài nói hay. Ở đây, như ta thấy ông đã dùng cách *tá dụ*. Nội hàm của *tá dụ* này

thật là sâu sắc ! Vừa nói lên rằng ông không giỏi nói chuyện và khiêm tốn không muốn chuẩn bị bài nói dài. Mặt khác cũng nêu lên một đạo lí là muốn thành công thì phải khắc khổ cố gắng, bớt những lời hoa mĩ.

Dùng cách so sánh, chúng ta có thể ví dụ thẳng, nói bản thể là cái gì, như cái gì ; cũng có thể ví dụ từ mặt sau, chỉ ra bản thể không là cái gì, không giống cái gì. Như vậy gọi là *phản dụ*. Dùng *phản dụ* cũng rất mạnh mẽ.

E-mi Nô-tơ nhà toán học nữ người Đức sau khi nhận bằng tiến sĩ vẫn không được đứng lớp, vì bà chưa có được tư cách giảng sư. Thế nhưng học vấn và tài năng của bà rất được giáo sư Đa-vit Hin-bơ, người nghiên cứu thuyết tương đối nghĩa rộng coi trọng.

Trong một phiên họp các giáo sư, Ê-mi Nô-tơ liệu có thể thành giảng sư được không đã thành một cuộc tranh luận. Một giáo sư xúc động nói :

"Sao lại để cho đàn bà làm giảng sư ? Nếu bà ta làm giảng sư, sau này sẽ thành giáo sư, thậm chí vào cả hội đồng khoa học. Sao lại để cho đàn bà vào được cơ cấu cao nhất của học thuật ?"

Đa-vit Hin-bơ phản bác :

"Thưa các giáo sư, giới tính của người dự tuyển không thể là lí do chống lại việc bà ấy làm giảng sư. Tôi mong các giáo sư chú ý : hội đồng khoa học không phải là nhà tắm !"

Ở đây, *"Hội đồng khoa học không phải là nhà tắm"* là một *phản dụ*. Phản dụ này tung ra rất hay, đã làm tắt ngấm những cái miệng ngứa ngáy nọ.

43. NHÂN HÓA - VẬT HÓA

Nhân hóa – vật hóa là phương pháp miêu tả người thành vật hoặc miêu tả vật thành người.

Trong tranh luận, có khi chúng ta có thể coi vật là người, tức là *nhân hóa*. Để cho sông núi, cây cỏ, hoa lá, động vật có những đặc điểm hành vi, tư tưởng tình cảm của con người có thể cho ta sự tưởng tượng kì lạ, khiến lời biện luận của ta có màu sắc hấp dẫn mê hồn. Chẳng hạn :

Tagor là bậc thánh triết trong tâm người Ấn Độ cận đại. Tháng 4 năm 1924 ông lần đầu thăm Trung Quốc, và ông Từ Chí Ma làm phiên dịch. Có lần, sau khi giảng ở trường đại học Thanh Hoa, Từ Chí Ma và một số người chuyện phiếm với Tagor. Từ Chí Ma hỏi :

"Ngài luôn bị chi phối bởi những cảm xúc sáng tạo, vậy rốt cuộc là khổ hay vui ?"

Tagor nghe vậy cười mà trả lời :

"Ông hãy hỏi con chim dạ oanh, nó vắt tận tâm can mà vẫn cứ hát, vậy nó khổ hay sướng. Ông hãy hỏi thác nước nơi rừng già, nó quanh năm tung tấm thân trinh trắng xuống tan tành nơi vực sâu, rốt cuộc là nó khổ hay sướng ?..."

Tagor quả xứng danh là bậc thánh triết, lời nói buột khỏi miệng là tụng, là phú, là thơ. Ở đây ông đã dùng biện pháp nhân hóa – vật hóa : con suối nhảy tung tấm thân, con chim có tình cảm của người, tất cả những cái đó đã vượt xa cách nói thẳng *"tôi không khổ"*.

Trong tranh luận, chúng ta có khi có thể miêu tả người như vật, cách này thường là biểu hiện sự khiển trách ý vị mà mạnh mẽ. Chẳng hạn như cuộc tranh luận sau :

Có lần Gia Cát Lượng cử Phí Vĩ đi sứ nước Ngô. Tôn Quyền biết Phí Vĩ là nhà ngoại giao kiệt xuất, thế là trước khi mở tiệc chiêu đãi sứ thần, Quyền bàn bạc với các đại thần, đợi khi Vĩ tới thì mọi người chỉ chăm chú vào ăn, không ngẩng đầu tiếp. Lát sau, Vĩ tới dự tiệc, Quyền lập tức dừng chén đũa vẫy gọi, còn các quan thì cứ chúc đầu vào ăn. Thế là Vĩ nói :

"Phượng hoàng lai tường
Kì lân thố bộ ;
La lư vô tri,
Phục thực như cố."

(Nghĩa là : Con chim phượng hoàng bay lượn, Con kì lân nhai ; Con la con lừa chẳng biết, vẫn cúi ăn.)

Ở đây Phí Vĩ tự ví mình là phượng hoàng còn ví các quan đại thần nước Ngô như những con la con lừa. Các quan nghe vậy, liền ngẩng cả đầu lên, ngừng ăn và ngơ ngác nhìn nhau, rất khó xử. Còn Vĩ thì đắc ý cười. Đúng lúc đó, Gia Cát Khác trong đám quan nhà Ngô đứng dậy, rề rà nói :

"Viện thực ngô đồng,
Dĩ đãi phượng hoàng ;
Hữu hà điểu tước,
Tự xưng lai tường.
Hà bất đàn xạ,
Sử hoàn cố hương ?"

(Nghĩa là : Đâu trồng ngô đồng, Để đợi phượng hoàng ; Có con chim gì, Tự kêu bay đến. Sao không bắn đi, Xua về quê nó ?)

Gia Cát Khác đã đối trận gọi Vĩ là con chim để mỉa mai chẳng phải là phượng hoàng gì, và muốn Vĩ xéo về nước. Không nên xưng hảo hán ở đây. Trước việc này, Vĩ hồi lâu không đáp lời lại được, đành cúi đầu.

Ở đây, ta thấy họ đã uốn ba tấc lưỡi, sắc tựa đao kiếm, tranh đua không khoan nhượng. Họ đã dùng biện pháp vật hóa trong thuật *Nhân hóa – vật hóa.*

44. HÀI ÂM KHÔN KHÉO

Trong Hán ngữ tồn tại rất nhiều từ đồng âm, nghĩa khác nhau nhưng âm đọc giống nhau. Thuật *Hài âm khôn khéo* chính là dựa trên điều kiện đồng âm hoặc gần âm này, tạo nên hiện tượng một lời hai ý để đạt mục đích tranh luận mà giành chiến thắng. Chẳng hạn có vụ án như sau :

Xưa kia có một ác bá tên là Lí Hưng đã chiếm một bến đò nơi hiểm yếu (bến đò độc nhất). Những ai qua sông đều bị hắn làm cho điêu đứng. Một hôm nọ có Tôn Đại là người làm thuê, mình mặc áo đơn, tay xách một thùng sơn qua đò. Đò đến giữa dòng, Lí Hưng chìa tay đòi tiền, Tôn Đại nói : *"Tôi chẳng có lấy một chinh, chỉ có ba lạng bảy tiền sơn*[1] *này thôi"*. Hưng thấy anh thực chẳng có gì nữa, liền giằng lấy sơn của anh. Sang sông, Tôn Đại nhờ người viết một đơn kiện, nộp lên huyện, tố cáo Hưng cướp của anh ba lạng bảy tiền tám vàng ròng. Quan huyện thăng đường, đập bàn hỏi bị cáo :

"Lí Hưng, ngươi hãy khai thực việc cướp của Tôn Đại 3 lạng 7 tiền 8 vàng ròng đi !"

Lí Hưng mếu máo nói : *"Trên có quan lớn, tôi đâu có cướp của anh ta 3 lạng 7 tiền 8 vàng ròng mà chỉ lấy 3 lạng 7 tiền sơn thôi !"*

"Nguyên cáo nói rằng 3 lạng 7 tiền 8, ngươi lại nói là 3 lạng 7 tiền 7[1]*, chỉ kém một li, chắc là người cân sai, chứ không phải tố cáo sai. Vậy coi như ngươi đã nhận tội. Bản quan phán ngươi phải trả đủ lại cho chủ cũ là Tôn Đại"*. Quan huyện đã phán quyết.

Lí Hưng lại thanh minh rằng : *"Thưa quan lớn, không phải là 3 lạng 7 tiền 8 vàng ròng, mà là 3 lạng 7 tiền sơn !"*

Quan huyện quát lớn : *"Quân gian to gan, lại còn nguy biện, lôi ra phạt 50 trượng !"*

Lí Hưng kêu khổ, đành phải nén đau mang vàng ra.

Ở đây, Tôn Đại đã mượn hiện tượng đồng âm /qī/ để khéo léo đặt bẫy, và đã trừng trị tên ác bá Lí Hưng.

---

(1) Trong tiếng Hán từ có âm đọc là /qī/ là từ đồng âm, có thể hiểu là 7, có thể là *sơn*.

Do hài âm có thể có được hiệu quả song quan, cho ta một khoảng trời tưởng tượng và liên tưởng rộng lớn, bởi vậy, nó có thể làm cho lời biện luận của chúng ta sinh động, hấp dẫn. Có câu chuyện như sau :

Có một nhà giàu nọ thỏa thuận với ông thầy đồ, hôm sau sẽ kiểm tra con ông ta đối câu đối. Ông thầy dặn trước các trò : *"Ngày mai khi thi, thầy ra* **tử bào**[1] thì các con đối **kim đái**[1]. *Đừng quên đấy nhé".*

Đến hôm sau, nhà giàu cùng thầy đối ẩm, nhà giàu đề nghị thầy ra câu đối thử coi. Thầy ra *tử bào*, học trò đối lại *kim đái*. Thầy cả mừng nói : *"Ông xem, các con ông đã biết đối".* Thế nhưng nhà giàu đâu có dễ bị lừa, nói : *"Thầy chắc là đã dặn trước, giờ thì tôi ra mới được"* và hắn ra câu đối : *hòa đồng* (2 chữ). Nhưng học trò vẫn đối lại *kim đái*. Thầy vội nói : *"Trò nên đọc rõ âm hai chữ* **phân phái** *mới được."*

Ông nhà giàu nói : *"Đúng,* **phân phái,** *hay đấy, nhưng lại do thầy nói ra, tôi không tin lắm"* liền chỉ vào bát rau vàng mà ra đối *hoàng hoa*. Lũ học trò vẫn đối lại *kim đái*. Nhà giàu liền nói : *"Giờ thì lộ tẩy rồi nhé".* Thầy vội nói : *"Ông chú, tai ông nghễnh ngãng rồi, lúc nãy chúng đọc là* **thanh thái**[1]

Nhà giàu nói : **"Kim đái** *và* **thanh thái,** *quả là dễ nhầm, tôi lại ra đối nữa, nếu đối được thì khá"* Liền tiện tay chỉ vào món ăn kế bên mà ra : *hoa tiêu*. Trả lời vẫn là *kim đái*. Ông nhà giàu nói : *"Lần này thì khỏi chống chế nhé !"* Nhưng thầy giáo vẫn khăng khăng : *"Đâu có, vừa rồi chúng nói* **kinh giới**"[2]

Ông nhà giàu không còn biết nói sao nữa, đành chỉ lên bức tranh vẽ Lã tiên trên nhà và ra đối : *thần tiên*. Rốt cuộc, bọn trẻ vẫn đối lại *kim đái*. Thầy giáo vội sửa lại là *tinh quái* để lấp liếm đi,

Ông nhà giàu vẫn kiên trì không bỏ qua, chỉ vào năm của câu đối tết : *bính thìn*. Và bọn trẻ vẫn lại đáp : *kim đái*. Thầy giáo lúc này lại vội sửa lại là *đinh hợi*. Cuối cùng, ông nhà giàu không còn biết ra câu đối thế nào nữa.

Như trên vừa kể, các từ *phân phái, thanh thái, kinh giới, tinh quái, đinh hợi* đều có âm đọc (Trung Quốc) tựa như *kim đái*. Và ông thầy đã khôn khéo lợi dụng điểm này, ứng đối linh hoạt, biểu hiện một khả năng ứng biến cao cường.

---

(1) *Tử bào* : áo dài tím, *Kim đái* : đai vàng. *Thanh thái* : rau xanh. *Hoa tiêu* : cây hồ tiêu.
(2) *Kinh giới* : một loại rau thơm.

45. PHẢN NGỮ

Phản ngữ là phương pháp tranh luận dùng những câu nói có ý nghĩa thực tế ngược lại với ý nghĩa bề mặt.

Phương pháp *Phản ngữ* có lúc biểu hiện thành cách nói thẳng lời ngược lại, dùng những câu chính diện để biểu đạt ý tứ phản diện. Loại câu này xét về bề ngoài tựa như là khẳng định, khen ngợi đối phương, nhưng liên hệ trong hoàn cảnh ngôn ngữ xác định lại có ý châm biếm chê cười đối phương và có giá trị hài hước cao.

Thời xưa Ưu Mạnh khuyên can Trang Vương trong việc chôn ngựa đúng là như vậy.

Theo *Hoạt kê liệt truyện. Sử kí* thì Sở Vương rất yêu thích ngựa. Ngựa ông ta mặc toàn đồ gấm thêu, ở toàn cung điện sang trọng, ngủ toàn giường đẹp, ăn toàn hoa quả ngon quý. Và do điều kiện sống quá cao nên ngựa ngày càng phì, có một con vì béo quá mà chết. Sở Vương đau lòng lắm, bắt các quan văn võ cả triều để tang, rồi bỏ ngựa vào quan tài và chôn cất theo lễ đại phu. Thấy vậy các quan đại thần can gián Sở Vương, Sở Vương đều gạt đi và truyền lệnh ai còn dám khuyên can thì sẽ bị xé xác.

Lúc đó, nước Sở có người tên là Ưu Mạnh, nghe thấy vậy liền xông vào cung, khóc rống lên, chết đi sống lại. Sở Vương cả kinh hỏi ông khóc gì. Ưu Mạnh liền quệt nước mắt nước mũi mà rằng :

"Ngựa là cái đại vương quý nhất, nước Sở ta đường đường là một nước lớn, muốn gì có nấy. Thế mà chỉ chôn cất theo nghi lễ đại phu, thật là tủi cho con ngựa này, thật là mất mặt nước Sở. Theo tôi, cũng nên dùng lễ nghi chôn cất của quốc vương mới được. Phải lấy bạch ngọc mà chạm trổ thành quan tài, dùng gỗ tân có hoa văn đẹp làm quách, cho rất nhiều binh lính đào huyệt, bắt nam nữ lão ấu trong kinh thành đi gánh đất đắp mồ. Ngày đưa chôn, bắt vua Tề, vua Triệu đi trước cầm cờ chiêu hồn ; Vua Hàn, vua Ngụy hộ tống phía sau. Lại còn phải xây một từ đường thật tráng lệ, dùng nguyên cả con bò con dê hàng năm cúng tế bài vị. Còn phải truy phong ngựa làm vạn hộ hầu ! Như vậy, để thiên hạ trong các nước đều biết rằng đại vương chúng ta coi người là hạ đẳng coi ngựa là cao quý !"

Nhà vua nghe tới đó, bỗng thấy xấu hổ, vội hỏi : *"Cái sai của ta lẽ nào nghiêm trọng đến vậy ? Vậy giờ phải làm gì đây ?"*

Ưu Mạnh nói : *"Cái đó khó gì, xin đại vương hãy chôn nó theo nghi lễ của lục súc ; lấy bếp lò làm quách, lấy nồi đồng làm quan, lấy gừng, hành, mộc lan làm bồi táng, lấy cơm gạo làm đồ tế, dùng ánh lửa làm áo cho nó, dùng bụng mọi người làm mồ cho nó. Mai táng như vậy là được."*

Và thế là Sở Vương liền cho người mổ ngựa nấu ăn.

Ưu Mạnh ở đây khi khuyên can vua đã dùng thuật *Phản ngữ*, khi mọi người can gián bất lực thì ông cứ thuận theo ý nhà vua mà tiếp tục, yêu cầu Trang Vương phải côn cất ngựa theo nghi lễ quốc vương. Điều đó đã vạch trần tính chất sai lầm trong cách làm của nhà vua, và cuối cùng nhà vua sực tỉnh.

Phản ngữ có lúc dùng lời ngược lại để nói ý thẳng. Trong những trường hợp xác định, có những ý thường quen diễn đạt thẳng, thế nhưng bỗng lại nói ra bằng lời ngược lại, sẽ dẫn tới sự kinh ngạc cho mọi người, sau đó bỗng nhiên vạch ra hàm ý thật của lời nói. Như vậy sẽ càng làm cho lời ta nói đượm vẻ hài hước, hóm hỉnh và ngụ ý càng sâu.

Tương truyền Hai-phây sau khi biểu diễn lần đầu ở Luân Đôn, Béc-na So vĩ đại đi ra sau sân khấu nói với chàng trai trẻ kéo vĩ cầm này :

"Trên thế gian này không có cái gì thập toàn thập mĩ, nếu không các thần sẽ đố kị. Tôi đề nghị anh : đêm đêm trước khi ngủ, ít nhất hãy kéo một nốt sai."

Vốn là hết lòng ca ngợi anh chàng chơi vi-ô-lông, nhưng ở đây So lại dùng lời nói ngược để biểu đạt. Như vậy cho ta một dư vị lâu dài.

Dùng thuật *Phản ngữ* cần chú ý, dù là *nói thẳng lời ngược* hay *nói ngược lời thẳng* thì đều phải vô cùng rõ ràng để người nghe kết hợp với ngữ cảnh xác định trên dưới đoạn văn và hiểu ngay ra là phản ngữ. Nếu nói không rõ ràng khó hiểu, để người ta hiểu theo nghĩa từng từ từng chữ thì hiệu quả sẽ ngược lại.

46. HẠ THẤP VÀ NÂNG CAO

Để cho lời biện luận của chúng ta thêm biến hóa đa dạng và hấp dẫn, có thể dùng phương pháp *Hạ thấp để nâng cao*. Có khi để khẳng định một nhân vật nào đó, trước hết dùng phương pháp cố tình giải thích sai và thái độ chê cười để hạ thấp nhân vật này, phủ định nó. Sau đó, bỗng nhiên đổi sang nâng cao. Mục đích của hạ thấp là để nâng cao, hạ càng thấp là để nâng càng cao. Đó chính là *muốn đề cao thì trước hãy hạ thấp*. Có khi, để ức chế người khác, trước tiên dùng cách đề cao khen ngợi và thái độ ủng hộ để vừa lòng đối phương, rồi sau đó bỗng đổi ra hạ thấp, nâng càng cao thì hạ càng thấp. Đó chính là *muốn hạ thấp thì trước hãy đề cao*. Trong *Tề tứ – Chiến Quốc sách* có ghi lại cuộc truyện trò giữa người Tề và Điền Tính như sau :

Điền Tính là biện sĩ của nước Tề, ông ta đánh tiếng mình không thích làm quan, lấy đó là thanh cao. Nhưng ông ta lại có nhiều nô bộc, kiểu đó cũng chẳng khác gì làm quan to. Một hôm có người nước Tề đến xin gặp. Người này trước tiên ca ngợi Điền Tính một chặp, tỏ lòng khâm phục vì ông không chịu vào triều làm quan. Điền Tính nghe vậy thích quá, bèn hỏi :

"Ông từ đâu nghe ra việc tôi không muốn ra làm quan ?"

"Nghe người đàn bà hàng xóm của tôi."

"Bà ta cũng biết tôi à ?"

"Không những biết mà còn nói ông là tấm gương của bà ta đấy."

"Bà ta là người thế nào ?" Điền Tính thích thú hỏi :

"Bà ta là người giữ tiết hạnh, từ lâu thề chẳng lấy ai. Thế nhưng năm nay mới 30 tuổi mà đã đẻ 7 đứa con trai. Bà ta tuy chưa từng lấy chồng, thế nhưng đẻ còn giỏi hơn người có chồng. Nay thì ngài cũng thường bảo là không thích làm quan, nhưng thực tế lại hưởng lộc ngàn chung, người hầu có đến trăm, kiểu đó còn hơn cả người làm quan !"

Điền Tính ngượng chín mặt, phẩy tay đi.

Người nước Tề nọ khi nói chuyện với Điền Tính đã dùng lối *muốn hạ thấp thì trước hãy đề cao*. Vốn ông ta muốn hạ thấp đối phương, nhưng ông lại hết

lời khen họ. Như vậy, mang lại cho đối phương sự thân thiện về mặt tình cảm và sự thỏa mãn về mặt tâm lí, rút ngắn khoảng cách tâm lí với đối phương để rồi tháo gỡ những đề phòng về mặt tâm lí của đối phương, từ đó, tạo nên một không khí có lợi cho biện luận. Và để cuối cùng đột nhiên mà chuyển ra hạ thấp. Nâng càng cao thì ngã càng đau, và từ đó đạt mục đích hạ gục đối phương.

Trong biện luận, chúng ta cũng có thể dùng cách *trước nâng sau hạ*, cũng có thể là *trước hạ sau nâng*, nhưng cũng có thể dùng cách *nâng cái này hạ cái kia*, tức là bằng cách khen người khác để gián tiếp hạ thấp đối phương, từ đó mà đạt mục đích hạ gục họ.

Chẳng hạn :

Một nhà máy hóa chất thuộc huyện nọ muốn xây một tòa lầu, qua đấu thầu, chỉ còn hai đội xây dựng A và B không chịu thua kém. Hai đội đều muốn đè bẹp đối phương để được quyền bao thầu, thế nhưng lại kẻ tám lạng người nửa cân. Vậy thì bỏ thầu cho ai đây ? Nhà máy rất khó quyết định, thế là mời mỗi bên ba người đến cùng tranh luận để rồi quyết định sau.

Hai đội A và B đều rõ rằng cái gọi là tranh luận, thực chất là một cuộc chiến đấu, ai giành thắng lợi ở đây sẽ giành được quyền nhận thầu. Bởi vậy, hai bên đều luyện binh mã, chuẩn bị kĩ càng.

Đội A qua thăm dò được biết : trong ba người của đội B, có hai người các mặt đều bình thường, còn người thứ ba thì có kiến thức nghề xây dựng rất chuyên sâu, kinh nghiệm thi công phong phú, rất có tài năng ăn nói mà lại có trách nhiệm. Muốn chiến thắng ông ta, quả là khó, Sau một lúc nghiên cứu, phân tích, họ vẫn vững tin vào trận.

Hai bên vừa giáp mặt, cả ba người đội A đều tay bắt mặt mừng với hai người đã nói ở đội B. Và chỉ chào hỏi qua loa với ông cán bộ kĩ thuật đầy tài năng nọ, cũng chẳng thèm nhìn nữa. Ý tỏ ra lạnh nhạt. Và điều này khiến ông ta khó chịu. Tiếp đó, họ còn khiêm nhường với hai người kia, nói :

"Tên tuổi hai ông, chúng tôi từ lâu rất ngưỡng mộ. Biết rằng các ông trong nghề xây dựng của chúng ta đều có mặt độc đáo, nhiều tài năng. Hôm nay, hai ông đến tham gia, chúng tôi thực sự có hơi hoảng đấy, hi vọng hai ông giơ cao đánh sẽ !"

Lúc này, vị kĩ thuật viên đứng bên đã tím bầm mặt, như dằm phải tổ kiến, trong lòng bốc lửa.

Khi cuộc tranh luận bắt đầu, đội A lại khiêm nhường nói với hai người nọ : *"Chúng tôi sớm muốn biết cao kiến của hai vị, hôm nay là dịp tốt, xin hai vị chỉ giáo trước !"*

Không đợi hai người nọ mở miệng, ông kĩ thuật gia bốc lửa đứng phắt dậy, bực dọc : *"Được, các ông giỏi thì các ông cứ nói !"*. Rồi đó phẩy tay bỏ về. Hai người còn lại nhìn nhau, không biết làm sao cả.

Phía nhà máy thấy vậy, công bố rằng : *"Ông kĩ thuật kiểu này thì chúng tôi trông cậy làm sao ?"*. Và thế là đội A nghiễm nhiên được kí hợp đồng.

Hợp đồng vừa kí xong thì ông kĩ thuật hổn hển chạy đến, kêu to : *"Tôi bị lừa rồi"*. Thế nhưng đã muộn rồi.

Trong cuộc tranh luận này, đội A tuy chưa hề nói nửa câu hạ thấp kĩ thuật gia đội B, nhưng họ đã tâng bốc hai người tầm thường nọ, thực tế là đạt được mục đích chọc tức và hạ thấp ông kĩ thuật. Bởi thế họ đã giành chiến thắng một cách thuận lợi. Cách họ dùng chính là phương pháp *nâng cái này để hạ cái kia.*

47. LỜI BIỆN ĐÁP ĐỐI NGẪU

Đối ngẫu là một phương pháp tu từ dùng hai câu hoặc từ ngữ, có kết cấu đối xứng, số chữ bằng nhau để biểu đạt ý nghĩa giống nhau, có liên quan hoặc trái ngược. Do đối ngẫu có số chữ bằng nhau, kết cấu giống nhau mà khi tranh luận sử dụng nó vào lời biện một cách thích hợp thì lời lẽ gọn gàng cân đối, mạnh mẽ.

Thời xưa việc dùng đối ngẫu vào lời biện trả lời thường là phổ biến. Chẳng hạn Giải Tấn đời Minh lúc 7, 8 tuổi đã giỏi văn thơ, thông tuệ khác thường. Danh tiếng cậu lan truyền đi xa, thượng thư họ Tài nghe tiếng bèn sai người gọi Tấn đến, định bụng xem xét ra sao. Thượng thư nói với cậu bé họ Giải non nớt gầy gò rằng : *"Ta đọc ra câu trên thì mày phải đọc ngay ra vế đối. Trả lời sai thì coi là thua. Nếu chần chừ, cũng thua"* và không cần biết Tấn có bằng lòng hay không, liền đọc trước rằng :

"Tiểu khuyển vô tri hiềm lộ trái"

(Nghĩa là : Con chó con chẳng biết gì, chê đường hẹp.)

Giải Tấn ưỡn ngực đáp :

"Đại bằng triển xí hận thiên đê"

(Nghĩa là : Chim bằng giang cánh giận trời thấp.)

Tào thượng thư chỉ vào con sư tử đá trước nhà :

"Thạch sư tử đầu đính phần hương lô, kì thời đắc liễu ?"

(Nghĩa là : Sư tử đá đầu đội lò hương cháy, được bao lâu ?")

Giải Tấn đáp :

"Nê phán quan thủ nã sinh tử bạ, hà nhật câu tiêu ?"

(Nghĩa là : Phán quan đất tay cầm sổ sinh sử, ngày nào xóa đi ?)

Thượng thư chỉ trời :

"Thiên tác kì bàn tinh tác tử, thùy nhân năng hạ ?"

(Nghĩa là : Trời làm bàn cờ sao làm quân, ai là người cầm quân ?)

Giải Tấn vung tay chỉ đất :

"Địa vi tì bà lộ vi huyền, ná cá khả đàn ?"

(Nghĩa là : Đất là đàn tì bà đường là dây đàn, ai người gảy ?)

Thượng thư không cách nào làm cho cậu bí được, liền nheo mắt nhìn chiếc áo vải xanh Tấn mặc, đùa ác ý :

"Xuất thủy cáp mô xuyên lục áo"

(Nghĩa là : Ra khỏi nước, con cóc mặc áo màu xanh)

Nói xong thì ngửa cổ cười ha hả. Bọn thuộc quan cũng ra vẻ đắc ý.

Giải Tấn vẫn bình tĩnh nhẫn nhục, đợi chúng cười xong thì liếc nhìn áo khoác đỏ họ Tào rồi hắng giọng :

"Lạc thang bạng giải trước hồng bào !"

(Nghĩa là : Con cua rơi xuống nồi canh nhuốm áo đỏ !)

Thượng thư họ Tài nghe vậy, xấu hổ đến chín đỏ cả mặt, còn bọn các quan khác thì thất sắc. Họ Tào đành phẩy áo rút lui.

Lần tranh luận này giữa Giải Tấn và Tào thượng thư đã dùng thuật *Lời biện đáp đối ngẫu*, bề ngoài thì thấy rất nho nhã hào hoa, nhưng thực tế là gươm đao đánh đỡ quyết liệt. Cậu bé Tào bằng tài trí thông minh đã hoàn toàn chiến thắng trong cuộc chiến này.

Thuật *Lời biện đáp đối ngẫu* có thể kết hợp với cách *Chiết tự*, như vậy, vừa cân đối ngay ngắn theo cách đối lại vừa ngộ nghĩnh theo cách chiết tự, nó làm cho lời biện đáp càng có sức hấp dẫn. Ta hãy quan sát một cuộc thoại giữa Kỉ Hiểu Lam và vua Càn Long :

Do tài năng xuất chúng mà Hiểu Lam được vua Càn Long mến mộ. Nhà vua không chỉ cất nhắc vào trọng trách : quan tổng chủ biên cuốn *Tứ khố toàn thư* mà mỗi khi đi chơi hoặc tuần sát đều cho ông đi theo, không rời nửa bước. Thế nhưng, với Hiểu Lam, điều đó thật là một hình phạt khó nói. Kể từ khi xa nhà vào cung, đã 5 năm chưa sum họp gia đình, nay gần tới tết Trung Thu, thật là *Mỗi phùng giai tiết bội tư thân*[1], ông rất mong trở về Thương Châu, về với vườn hoa quế đỏ thơm hương của nhà họ Kỉ, ngắm trăng sáng, uống rượu ăn bánh cùng mẹ già và vợ con ! Thế nhưng, trung thu năm nay vẫn không được thỏa nguyện. Nghĩ tới đó, Hiểu Lam lòng buồn rười rượi. Và thật không ngờ Càn Long cũng là người tế nhị, thấy Hiểu Lam dáng đầy tâm sự, liền hỏi : *"Trẫm thấy khanh như có điều gì khó nói, phải chăng là : Khẩu thập tâm tư, tư thê, tư tử, tư phụ mẫu ?"*. Hiểu Lam biết là nhà vua đã nhìn thấu

---

(1) Câu trong bài thơ thất tuyệt *Ngày 9 tháng 9 nhớ anh em ở Sơn Đông* của Vương Duy, nhà thơ đời Đường. Câu này nghĩa là : Mỗi lần tết đến là lại càng nhớ tới người thân.

tâm can mình, và thế là mặt mày rạng rỡ, vội tiếp lời : *"Thần ở lâu trong cung, có chút nhớ thương mẹ già, nếu được thánh thượng ban ơn cho về thăm thì có thể gọi là : Ngôn thân thốn tạ, tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương"*(1)

Càn Long nghe vậy thì mặt mày rạng rỡ. Hiểu Lam vì thế mà được về nhà vui tết Trung Thu.

Càn Long ở đây dùng cách *Chiết tự*, lấy chữ *tư* 思 tách thành chữ *khẩu* 口, *thập* 十, và tâm 心, để rồi theo đó mà chấp thành vế xuất của câu đối dưới hình thức câu hỏi. Bởi vậy, muốn đối lại thì phải : (1) vận dụng lối Chiết tự, (2) đúng quy tắc đối, (3) nói ra câu phù hợp. Đó là một việc làm khá khó khăn. Thế nhưng, Hiểu Lam đã đối lại rất hay. Ông lấy chữ *tạ* 谢 mà tách thành ba chữ *ngôn* 言, thân 身, và thốn 寸, sau đó đã chấp thành vế đối trả lời rất khéo, ví vua với trời với đất, như vậy càng làm cho Càn Long vừa lòng và dễ dàng được cho phép về thăm quê.

Thuật *Lời biện đáp đối ngẫu* thường là một người nói ra liên trên và người khác thì theo đó nói ra liên dưới. Bởi vậy, muốn thành công theo cách này thì phải có kiến thức ngôn ngữ vững chắc và một khả năng tư duy nhạy bén. Như vậy, mới ứng đối trôi chảy, sinh động hấp dẫn.

---

(1) *Ngôn thân thốn tạ, tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương* câu này nghĩa là : Thân này tạ ơn, ơn trời, ơn đất, ơn vua ; đối với câu trên, nhà vua nói : *Khẩu thập tâm tư, tư thê, tư tử, tư phụ mẫu*, nghĩa là : Lòng đây bao nhớ, nhớ vợ, nhớ con, nhớ cha mẹ. Lưu ý : chữ *tư* nghĩa là nhớ, chữ *tạ* nghĩa là cảm ơn.

48. TÍNH ĐA NGHĨA CỦA NGÔN NGỮ

Ngôn ngữ tự nhiên thường có : tính đa nghĩa, cùng là một câu, có thể biểu đạt một hàm nghĩa thế này, lại cũng có thể biểu đạt hàm nghĩa khác. Hiện tượng đa nghĩa của ngôn ngữ đời thường cũng có thể trở thành vũ khí đắc dụng để chúng ta chiến thắng tranh luận.

Lỗ Tấn đã đấu hạ tên hiệu trưởng phản động Lâm Văn Khánh qua tranh luận vốn là thế này.

Khi Lỗ Tấn làm giáo sư trường đại học Hạ Môn, tên hiệu trưởng phản động Lâm Văn Khánh thường bớt xén kinh phí dạy học làm khó dễ cho thầy và trò. Một hôm, họ Lâm họp các giáo sư và người phụ trách viện nghiên cứu, y đề xuất phải cắt giảm kinh phí đi một nửa. Các giáo sư phản đối. Họ Lâm bộ mặt bí hiểm nói : *"Về việc này, không thể theo các ông được. Kinh phí nhà trường là do người có tiền bỏ ra, chỉ người có tiền mới có quyền phát ngôn !"* Y vừa nói xong, Lỗ Tấn đứng dậy, móc trong túi ra hai đồng bạc rồi ném lên bàn. Ông dõng dạc nói :

"Tôi có tiền, tôi cũng có quyền phát ngôn !"

Lâm Văn Khánh không ngờ Lỗ Tấn lại nói như vậy, không biết đối phó thế nào. Lỗ Tấn nói luôn kinh phí cho viện nghiên cứu không được cắt giảm, chỉ được tăng và đã phản bác lại họ Lâm cứng họng, mà phải từ bỏ chủ trương rồi chuồn lẹ.

Ở đây, *"có tiền"* rất mơ hồ và có những nghĩa khác nhau. *"Có tiền"* chỉ biểu hiện không phải không có tiền, còn có bao nhiêu thì không xác định. Có chỉ một đồng xèng cũng có thể nói là có tiền và nhà tỉ phú thì cũng vậy, là có tiền. Lỗ Tấn đã lợi dụng tính đa nghĩa của khái niệm *"có tiền"* mà đã đánh lại tên hiệu trưởng phản động rắp tâm gây khó dễ.

Biết khôn khéo sử dụng những câu đa nghĩa còn có thể giúp chúng ta chủ động trong tranh luận và trở nên linh hoạt. Chẳng hạn :

Có một ngày chủ nhật, Tiểu Ngô cùng vợ chưa cưới là Tiểu Lưu và cả mẹ Tiểu Lưu ngồi thuyền dạo chơi hồ Kiếm Linh. Bỗng bà mẹ hỏi Tiểu Ngô :

"Nếu giờ đây gió nổi thuyền lật, hai mẹ con tôi ngã xuống nước, mà thực tế thì chỉ có thể cứu từng người được mà thôi. Vậy anh cứu ai trước ?"

Chàng Ngô thông minh lanh lợi nghĩ qua một thoáng là trả lời ngay :

"Trước tiên cứu người mẹ tương lai !"

Lời đáp : *Trước tiên cứu người mẹ tương lai* của Tiểu Ngô là một câu đa nghĩa. Nó có thể chỉ rằng cứu Tiểu Lưu trước, vì Tiểu Ngô lấy Tiểu Lưu xong sẽ sinh con và Tiểu Lưu là người mẹ tương lai. Nhưng câu này cũng có thể chỉ rằng cứu mẹ Tiểu Lưu trước, vì khi Tiểu Ngô đã lấy Tiểu Lưu thì Tiểu Ngô phải gọi mẹ Tiểu Lưu là mẹ, bởi vậy bà ta là mẹ tương lai. Như ta đã thấy, Tiểu Ngô đã dùng câu đa nghĩa một cách linh hoạt, chủ động khiến cả hai mẹ con Tiểu Lưu đều vừa lòng gật đầu, biết ý và cười.

Tính đa nghĩa của ngôn ngữ là một hiện tượng khách quan, biết khéo léo vận dụng nó, có thể khiến lời biện của mình phong phú, đa dạng, cho người ta một khoảng trống mà tư duy hồi tưởng.

49. ĐỐI CHIẾU PHẢI TRÁI

Thuật *Đối chiếu phải trái* là một phương pháp biện luận cùng nêu ra hai sự vật đối nhau hoặc ngược nhau để tạo nên một sự so sánh mạnh mẽ khiến cho cái chân, cái thiện, cái mĩ càng tỏ rõ chân thiện mĩ ; cái giả, cái ác, cái xấu càng lộ ra giả ác xấu.

Thời kì Xuân Thu, Ninh Thích là quan đại phu nước Tề sang Tống gặp Tống Hoàn Công. Sau khi thi lễ, Hoàn Công vẫn thản nhiên như tuồng không thèm đếm xỉa, rất là ngạo mạn. Ninh Thích thấy vậy, cất đều lên và thở dài nói : *"Nước Tống nguy mất rồi !"*

Hoàn Công hỏi : *"Ngươi nói gì vậy ?"*

Ninh Thích hỏi : *"Ngài so với Chu Công, ai hiền minh hơn ?"*

Hoàn Công trả lời : *"Chu Công là thánh nhân, ta sao sánh được với thánh nhân !"*

Ninh Thích tiếp lời : *"Khi nhà Chu mạnh nhất, nghe nói có người đến gặp ông ta, thì dù đang ăn cơm, ông ta cũng nhổ cơm trong miệng ra để tiếp khách. Và dù đã vậy, ông ta vẫn còn sợ thất lễ. Thế còn ngài thì sao đây ? Nước Tống nhỏ yếu, trong nước liên tiếp xảy ra việc giết vua. Ngai vàng của ngài đâu có vững. Dù là ngài đãi hiền sĩ như Chu Công thì người có bán lĩnh e rằng cũng chẳng đến, huống hồ ngài ngạo mạn nhường kia ! Nước Tống bảo sao không nguy cho được ?"*

Tống Hoàn Công vội vàng xin lỗi : *"Tôi không có kinh nghiệm trị quốc, xin tiên sinh đừng giận".*

Như ta thấy, Ninh Thích đã đặt nước Tống nhỏ yếu bên cạnh nhà Chu hùng mạnh, đặt cái ngạo mạn của Tống Hoàn Công bên cạnh cái khiêm tốn của Chu Công để tạo nên thế đối chiếu nổi bật, khiến đối phương phải giật mình.

Điều mấu chốt khi vận dụng thuật *Đối chiếu phải trái* này là phải làm nổi rõ cái hơn kém của sự vật đem đối chiếu, tạo nên ấn tượng rõ nét như vậy mới có được hiệu quả tốt đẹp.

Lại ví dụ *Tề Tứ – Chiến Quốc sách* có ghi một đoạn biện luận như sau :

Thời Chiến Quốc có lần Tề Hoàn Công cho triệu Nhan Xúc.

Tề Vương thấy họ Nhan đến thì nói : *"Xúc lại đây !"*

Nhan Xúc cũng bắt chước nói : *"Vua lại đây !"*

Tề Vương giận. Tả hữu bèn trách họ Nhan : *"Hoàn Công là quốc vương, ông là bề tôi, ông nói như vậy thì còn ra thế thống gì nữa ?"*

Nhan Xúc điềm tĩnh nói : *"Tôi đến trước nhà vua là nhờ cậy vào thế người, nhà vua đi đến với tôi là tôn trọng hiền sĩ. Như vậy, là tôi phải bỏ cái việc nhờ cậy ấy để cho nhà vua tôn trọng hiền sĩ."*

Tề Vương giận dữ vặn hỏi : *"Rốt cuộc vua cao quý hay hiền sĩ cao quý ?"*

Nhan Xúc nói : *"Sĩ cao quý, quốc vương không cao quý. Xưa kia Tần xuất binh đánh Tề, khi quân họ đi qua mộ hiền sĩ Liễu Hạ Huệ liền phát lệnh rằng : "Ai bẻ củi, cắt cỏ quanh mộ Liễu Hạ Huệ trong vòng 50 bước sẽ xử tội chết !" Sau đó, khi đánh nhau với quân Tề, quân Tần lại có lệnh : "Ai chém được đầu vua Tề sẽ phong vạn hộ hầu, thưởng vạn lạng vàng !" Từ hai quân lệnh trên, có thể thấy : cái đầu một ông vua còn sống không sánh bằng một cọng cỏ bên mộ một hiền sĩ !"*

Nhan Xúc bằng việc đối chiếu *nhờ cậy* và *đãi hiền, cọng cỏ bên mộ hiền sĩ* và *cái đầu còn sống của Tề Vương* đã tạo nên một sự hơn kém rõ rệt và đã luận chứng cho quan điểm : *sĩ cao quý, quốc vương không cao quý* của ông. Chỉ vài câu thôi, như ta đã thấy, mà vua Tề cứng họng không nói gì được nữa.

50. SO SÁNH TƯƠNG QUAN

So sánh là so sánh giữa hai sự vật phải trái, cũng có thể là so sánh giữa hai loại sự vật tương quan, tương tự. Qua việc so sánh hai loại sự vật tương quan, tương tự càng có thể nâng cao khả năng nhận thức của con người đối với một sự vật nào đó, nâng cao khả năng phân biệt đúng sai, có lí và vô lí, từ đó mà đạt đến mục đích chiến thắng trong tranh luận.

Chẳng hạn, một trường trung học cơ sở có một lớp có hiện tượng quái lạ như sau : chuông tan học vừa kêu thì một nhóm học sinh nam ùa từ lớp ra, bỗng tiếng kêu : *"oao... oao"* vang khắp khu trường. Mỗi lần thấy xảy hiện tượng lạ này thì có một số giáo viên lớn tiếng trách mắng. Thế nhưng hiệu quả vẫn không có. Đồng chí bí thư đoàn trường suy nghĩ rồi đưa ra một phương pháp giáo dục khác.

Một hôm bí thư giảng bài chính trị cho học sinh :

"Các em đã học lịch sử phát triển loài người, vậy thì, cũng đã biết người nguyên thủy, tổ tiên của loài người trong thời kì bầy đàn đã sống thế nào, có đúng không ? Lúc đó, không có xe lửa và máy bay, không có đồng hồ và tivi, không có sách vở và nhà trường, cũng không có ngôn ngữ – thứ công cụ biểu đạt tư duy phức tạp. Vậy thì, tiếng nói của loài người đã sinh ra như thế nào ?.

Giảng đến đây, chị liếc nhìn một học sinh nam, mỉm cười và tiếp tục giảng với giọng trầm tĩnh, đầm ấm :

"Các em thường kêu "oao... oao..." chính là thứ tiếng đơn âm mà người nguyên thủy mới bắt đầu dùng. Họ đã dùng tiếng kêu đó để giữ mối liên hệ khi đi săn, và biểu lộ niềm vui khi có thu hoạch. Sau đó, trong quá trình lao động lâu dài, từ ngôn ngữ đơn âm phát triển thành ngôn ngữ đa âm. Lịch sử đã trải qua một quá trình diễn biến hàng vạn hàng triệu năm, loài người cuối cùng mới thoát ra khỏi sự ngu muội, tạo ra thứ tiếng nói cao cấp, dùng để giao lưu tư tưởng biểu đạt tình cảm, khai sáng ra thời đại văn minh của con người ! Lịch sử phát triển đến những năm 80 của thế kỉ 20, nền văn minh của loài người đã sớm mang lại những biến đổi to lớn cho xã hội. Ta hãy xem, trên mình ta quần được may là thẳng thắn, áo trắng bóc, giày bóng nhoáng

không hề bám bụi. Điều này chứng tỏ các em đều đi theo con đường văn minh, đi theo cái đẹp. Thế nhưng, có người ngày nay vẫn sử dụng tiếng nói đơn âm nguyên thủy để biểu đạt tư tưởng, tình cảm của mình. Thật là kì lạ ! Cái đó chẳng phải là hiện tượng ngược chiều đó sao ? Cái đó chẳng phải là sự bắt đầu của ngu muội, sự tụt lùi của văn minh đó sao ?"

Các em học sinh nghe và chìm vào suy nghĩ, lớp học lặng yên.

Tan học, học sinh ra khỏi lớp, và mấy học sinh nam vẫn kêu *"oao... oao"* theo thói quen. Lúc này bỗng có tiếng trách xen lẫn : *"phản tố, phản tố tiên !"* và tiếng kêu phải ngừng bặt. Mấy học sinh nam mặt đỏ bừng.

Ở đây, ta thấy chị bí thư Đoàn đã lấy tiếng kêu quái dị *"oao... oao..."* của học sinh mà so sánh với thứ ngôn ngữ đơn âm giản đơn của người nguyên thủy thời mông muội, để học sinh ý thức rằng đó là một kiểu ngu xuẩn, một hành vi thời man rợ, là hiện tượng phản tổ tiên. Và điều này đã làm cho học sinh hiểu rằng hành vi của mình là vớ vẩn, đáng chê cười. Cuối cùng thì hiện tượng quái đản đó cũng tự mất đi. Ở đây, như ta thấy, đã dùng thuật *So sánh tương quan.*

51. LỜI ÁM CHỈ

Người biện luận không nói rõ quan điểm của mình mà dùng ngôn ngữ hàm súc để thông báo, nhằm làm cho đối phương nhanh chóng và có ý thức trong việc lĩnh hội hàm ý nội tại. Từ đó mà đạt được mục đích khống chế những hành vi phản ứng của đối phương. Đó chính là thuật *Lời ám chỉ*.

Nội dung có thể dùng để ám thị rất nhiều.

Chẳng hạn, ám chỉ về mâu thuẫn giữa ngôn hành và thân phận của đối phương. Trong biện luận, thường có những người ngôn từ và tư cách không phù hợp, trong trường hợp này, chỉ cần ám chỉ cho đối phương về tư cách của họ thì có thể có được hiệu quả. Có lần, một giáo sư mâu thuẫn với một công nhân, vị giáo sư này lớn tiếng chửi, thật là khó nghe. Thế nhưng người công nhân đâu có phản kích lại cũng bằng chửi bới, cũng chẳng nói ra cái sai trái trong việc chửi người, mà chỉ nhẹ nhàng nói một câu : *"Ông là giáo sư đại học mà !"* và thế là vị giáo sư nọ lửa giận tắt ngấm, xấu hổ mà rút lui.

Trong trường hợp tranh luận như vậy, người công nhân đã khôn khéo ám chỉ tư cách của đối phương nhưng mẫu thuẫn hành động cử chỉ của họ, giáo sư đại học phải là người có giáo dục, mà chửi bới lại là biểu hiện thiếu giáo dục, thật là xấu hổ cho danh hiệu giáo sư đại học. Cho nên vị giáo sư này tự biết đuối lí, chỉ đành trống im cờ cuốn mà lui.

Chúng ta cũng có thể ám chỉ bằng kết quả của sự kiện. Chẳng hạn thân vương Cung Trung đời nhà Thanh có lần gọi gánh hát đến biểu diễn du hí và võ thuật. Và ông ta chợt nghĩ ra điều lạ, nói : *"Các ngươi hãy xuống khỏi sân khấu mà múa may coi !"*. Dưới sân khấu là bậc đá, toàn cẩm thạch, rất dễ trơn ngã và bị chấn thương. Các diễn viên nhìn nhau phân vân, lo sợ. Trong khi đó vị thân vương vẫn một mực giục, còn lệnh cho thuộc hạ mang tiền ra thưởng. Thế nhưng diễn viên vẫn chẳng ai chịu nghe. Lúc này, Tôn Cúc Tiên, một diễn viên múa võ lâu năm đứng bên cạnh thân vương lựa chiều và tự tin cười nói với vị vương nọ : *"Các ngươi cứ đánh võ đi, đánh xong vương gia không những thưởng cho các ngươi mỗi người một đĩnh bạc, còn thưởng cho các ngươi mỗi người một lá thuốc cao nữa đấy !"*

Đánh võ ở dưới bậc đá chắc chắn sẽ bị té thương, bị thương thì phải dán cao. Và Tôn Cúc Tiên đã khéo dùng cái kết quả dán cao của sự việc để ám

chỉ, khiến thân vương Cung Trung nghe xong thì có chiều ngượng chỉ còn biết cười trừ và cho qua.

Có lúc cũng có thể dùng nguyên nhân của sự kiện để ám chỉ. Thời Đường Đức Tông đại tướng Lưu Huyền Tá đã bao lần lập chiến công, tính tình trong sáng. Khi ông trấn thủ Biện Châu, có người xúc xiểm rằng quân tướng Địch Hành Cung như vậy, như vậy. Huyền Tá nghe xong nổi nóng, cho bắt ngay Địch Hành Cung để giết, chẳng ai dám biện giải giúp Hành Cung. Lúc này, có một nhân sĩ tên là Trịnh Thiệp biết việc liền xin gặp Huyền Tá. Ông nói với Huyền Tá : *"Nghe nói Địch Hành Cung đã bị hành hình, xin hãy cho tôi xem đầu lâu."*

Lưu Huyền Tá nghe xong lấy làm lạ, hỏi sao lại xem đầu lâu. Trịnh Thiệp trả lời : *"Xưa tôi từng nghe nói người chết oan thì khuôn mặt khác thường. Thế nhưng tôi xưa nay chưa thấy, cho nên muốn được xem."*

Trịnh Thiệp đòi xem đầu lâu với lí do là : *người chết oan khuôn mặt khác thường*. Như vậy, việc ám chỉ đã làm cho Lưu Huyền Tá sực tỉnh, sai người thả tướng Địch Hành Cung.

Thuật *Lời ám chỉ* trong biện luận có thể làm sinh ra hiệu quả biện luận bất ngờ, nó có thể khiến đối phương trong tình trạng bất ngờ bị khống chế về tâm lí, từ đó mà đạt mục đích thao túng, khống chế ngôn hành của họ. Nhưng điều cần lưu ý là phải nắm chắc năng lực nhận thức của đối phương, vì *Lời ám chỉ* là dư âm ngoài tiếng đàn, là ý ngoài lời. Và nếu đối phương không nhận biết ra hoặc là sự ám chỉ quá sâu sắc thì sẽ không có hiệu quả.

52. KIÊNG KỊ TRÁNH NÉ

Trong biện luận, khi gặp điều kiêng kị thì chúng ta không nên nói thẳng sự vật này mà phải dùng lời lẽ khác để tránh né hoặc bằng cách tô điểm. Đó là thuật *Kiêng kị tránh né.*

Để đạt mục đích *Kiêng kị tránh né*, chúng ta có thể dùng những lời không thường dùng hoặc tạm thời tạo nên từ mới để diễn đạt thay thế những từ ngữ kiêng kị.

Vào những năm Càn Long nhà Thanh, ở chùa Tịnh Từ núi Nam Bình tại Hàng Châu có một hòa thượng tên là Để Hủy (có nghĩa là phỉ báng). Người này rất thông minh nhạy bén, nhưng lại thẳng ruột ngựa, hay bàn việc thiên hạ, và muốn là nói, thích là chửi. Vua Càn Long từ lâu đã biết, để tìm cớ trừng trị, liền hóa trang thành tú tài đến chùa nọ.

Càn Long tiện tay nhặt một thanh tre trên đất, chỉ vào cột xanh mà hỏi Để Hủy : *"Thưa sư phụ, đây gọi là gì ?"*

Theo cách thông thường thì kêu là *"miệt thanh"* (*miệt thanh* : cật ; đồng âm với từ có nghĩa là diệt nhà Thanh). Để Hủy đang định trả lời thì từ cử chỉ ngôn ngữ của Càn Long, ông ta chợt hiểu ra tiếng *cật* đồng âm với từ có nghĩa tiêu diệt nhà Thanh. Thế là vội chuyển ý : *"Đây là* **vỏ tre***"*.

Càn Long cho rằng Để Hủy sẽ trả lời là *miệt thanh* (cật tre, và đồng âm với diệt nhà Thanh) và định khép tội chống nhà Thanh mà xử phạt, không ngờ ông sư đã khôn khéo vòng tránh được. Nhưng ông ta vẫn chưa chịu buông tha, liền lật thanh tre lại, chỉ vào mặt ruột trắng hỏi tiếp : *"Thưa sư phụ, đây là gì ?"*

"Cái này à", Để Hủy nghĩ bụng, nếu trả lời là *"miệt hoàng"* (*miệt hoàng* : ruột tre) thì trúng kế của Càn Long, vì *miệt hoàng* có từ đồng âm là diệt vua, và thế là ông ta trả lời : *"Chúng tôi gọi nó là* **ruột tre***"*.

Vua Càn Long lần này bị thất bại.

Sư Để Hủy đã tháo vát dùng hai từ *vỏ tre* và *ruột tre* để thay cho *miệt thanh* và *miệt hoàng* là những từ kiêng kị, và cuối cùng đã thoát được cái chết không vợ. (Đây cũng là lối chơi chữ. /qiè/ có từ nghĩa là *vợ lẽ*, lại có từ nghĩa là *cần thiết* – chú thích của người dịch).

Để đạt được mục đích kiêng kị, chúng ta có thể nói vòng (nói tránh) hoặc nói mơ hồ, để giảm nhẹ tính kích thích. Chẳng hạn :

Truyền thuyết nói rằng sau khi Chu Nguyên Chương lên làm vua, có người bạn thuở hàn vi vào cung tìm gặp. Khi gặp mặt vua, liền bô bô nói :

"Ông chú của tôi muôn năm ! Còn nhớ không ? Trước kia chúng ta cùng chăn bò cho người ta mà. Có lần tôi còn ăn trộm đỗ cho vào nồi luộc, trong bãi lác ấy. Thế mà chưa chín đã tranh nhau ăn, giằng nhau cho tới nồi đất vỡ tan ! Rồi thì lại nhặt đỗ tung tóe trên đất mà ăn, còn nước luộc thì tè hết ra bùn đất. Ông thì chỉ lo bốc đậu mà ngốn ngấu, chẳng dè ăn cả lá có độc, cứng cả họng, chỉ biết kêu khóc. Lúc đó tôi nghĩ ra kế bảo ông nhai rau xanh rồi nuốt mới qua khỏi cái đận ấy..."

Chu Nguyên Chương trách ông này không biết ý, đợi cho nói xong liền quát lôi ra chém.

Lại một ông bạn thuở hàn vi cũng đến, sau khi gặp mặt Chu Nguyên Chương, liền nói :

"Ông chú của tôi muôn năm ! Năm xưa kẻ bề tôi nhỏ mọn này từng tùy giá đi đánh phú Lô Châu, *phá thành* Quan Châu, *nguyên Soái* Thang *bỏ chạy, bắt lấy tướng quân* Đậu, Hồng Hài Nhi *chẹn quan may* có Thái *tướng quân" (Lô* : cỏ lác, *Quan :* nồi đất, *Thang :* nước luộc, *Đậu :* hạt đậu, *Hồng Hài Nhi :* cỏ đỏ, *quan :* cổ họng ; *Thái :* rau).

Cùng một sự việc, thế nhưng lần này ông ta nghe lọt tai, trong lòng rất vui, bèn phong cho người bạn cũ làm tổng quản quân ngự lâm.

Như ta thấy, cùng một sự việc, một người thì cứ toàng toạc nói thẳng ra, kết quả bị chém đầu ; một người thì nói vòng nói tránh thì kết quả được làm quan. Việc sử dụng hay không thuật *Kiêng kị tránh né* hiệu quả biện luận sẽ khác hẳn nhau. Bởi vậy, ta không thể không để ý nắm vững phương pháp biện luận này.

53. PHÂN RÕ TỐT XẤU

Những từ đồng nghĩa trong ngôn ngữ tuy rằng biểu đạt những sự vật giống nhau hoặc gần nhau, thế nhưng sắc thái tình cảm thì lại khác nhau. Có từ thì khẳng định và hàm ý khen, có sắc thái tình cảm vui lòng. Đó là loại *từ có ý tốt*. Thế nhưng, có từ lại phủ định hoặc chê bai, có màu sắc ghét bỏ. Đây là loại *từ có ý xấu*. Trong biện luận, chúng ta muốn có được hiệu quả tốt đẹp, thì phải phân biệt rõ mặt tốt xấu của nghĩa từ.

Khi tranh luận, với sự vật ta yêu thích thì dùng *từ có ý tốt*. Chẳng hạn, tháng 12 năm 1985 ông pháp sư Hải Đăng, người phụ trách huấn luyện võ thuật của quân khu Thành Đô cùng học trò là Phạm Ứng Liên cũng là thầy dạy võ trong quân khu này đi thăm Mĩ. Trong buổi chiêu đãi các phóng viên, một phóng viên Mĩ hỏi :

"Ông sư, ông và đồ đệ của ông phụ trách huấn luyện võ thuật cho quân khu Thành Đô, mà quân khu lại có nhiệm vụ đi đánh nước Ấn Độ, thế chẳng phải là phạm vào điều răn cấm sát sinh của đạo Phật hay sao, và như vậy đã phạm vào quy tắc đạo Phật phải không ?"

Pháp sư Hải Đăng mỉm cười : *"Lời các bạn cần phải sửa lại, không thể nói là đánh nước láng giềng mà là phản kích tự vệ, đây là điểm thứ nhất. Đức Phật từ bi, thiện ác phân rõ, phạt ác hộ thiện, đó là cái gốc nhà Phật, đây là điểm thứ hai. Ấn Độ có nhiều tham vọng và phản phúc, quấy rối vùng biên, vô cớ giết hại, tôi là Phật đồ Trung Quốc, sao có thể ngồi yên mà nhìn ?"*

Một đoạn biện minh đã được mọi người khen ngợi.

"Đánh nước láng giềng" trong lời phỏng vấn rõ ràng hàm ý xấu, và ông sư Hải Đăng nói toạc ra là *phản kích tự vệ, phạt ác hộ thiện*. Do có chú ý phân biệt sắc thái tốt xấu mà đã phản bác được một cách mạnh mẽ.

Ngược lại, với sự vật chúng ta ghét bỏ thì phải dùng những *từ có ý xấu*. Với luận đề *"Nhân tính bản thiện"* trong cuộc thi hùng biện quốc tế bằng Hoa ngữ lần một, năm 1993, đội đại học Phúc Đán khi chuẩn bị lời biện giả định bên bảo vệ đã có đoạn như sau :

"... Chúng tôi phản đối hành động xâm lược Trung Hoa của quân Nhật, họ đã biểu hiện thú tính. Bọn tội phạm phản đối bạo lực là mặt người dạ thú. Và tên đồ tể Hít-le là loài cầm thú mặc quần áo người..."

Trong đó, *thú tính, mặt người dạ thú, cầm thú mặc quần áo người* đều là những từ ngữ có ý xấu. Thế nhưng dùng *từ có ý xấu* hợp lí với thái độ rõ ràng đã biểu đạt nỗi căm thù với loại đối tượng đáng ghét này.

Trong tranh luận, nếu không để ý tới sắc thái xấu tốt của từ thì thường là kết quả ngược lại. Chẳng hạn :

Có người trước đám đông, khi nói về tầm quan trọng của tài hùng biện, đã nói :

"Nâng cao năng lực nói, có thể mang lại tai tiếng ! (nhẽ ra phải nói *tiếng tăm, danh tiếng...) Khi có cơ hội, vì biết nói mà có thể thao thao bất tuyệt,* tán hươu tán vượn ! (nhẽ ra phải nói là có thể *đề cập đến mọi đề tài). Nếu bạn là giáo viên, chắc chắn là học sinh nghe giảng sẽ hoan nghênh kịch liệt...* (nhẽ ra phải nói *nhiệt liệt)*"

Anh chàng này nói đến đây thì mọi người cười ồ cả lên, anh chàng ngơ ngác. Mãi sau người ta mới bảo cho những chỗ *từ có ý tốt* thì lại dùng *từ có ý xấu*, và như vậy là coi thường quần chúng. Vị tuyên truyền viên này đã thất bại, việc này mách bảo ta phải chú ý đến sắc thái tình cảm của từ ngữ.

54. LỜI BIỆN ĐÁP TIẾP LIỀN

Trong biện luận, chúng ta có khi có thể dựa vào lời của đối phương mà phát triển, và đằng sau những lời lẽ của đối phương, ta có thể khôn khéo bổ sung những từ ngữ có tính bổ sung, chú thích, tạo nên sự đối kháng về ý nghĩa, nhằm biểu thị thực chất của đối phương. Đó chính là thuật *Lời biện đáp tiếp liền.*

Chẳng hạn, một người nào đó thích đánh bóng bàn, nhưng tài năng lại xoàng, thậm chí có thể nói là rất xoàng, nhưng anh ta khoác lác :

"Anh đừng coi thường tôi, tôi thi đấu bóng bàn từng được á quân !" Có người đáp lời :

"Điều đó có thể lắm, tôi tin lời anh, đại khái là khi chỉ có hai người thi đấu !"

Với anh chàng nói khoác, nếu nói toạc ra là anh ta đánh kém, làm gì được á quân, điều này có thể đạt được mục đích phản bác đối phương, nhưng như vậy thì bẽ mặt quá, mùi thuốc súng quá đượm. Nếu thay vào đó là thuật *Lời biện đáp tiếp liền,* dựa vào ý của đối phương mà đáp lời, sau đó khéo léo mà nói là *á quân khi chỉ có hai người thi đấu.* Như vậy, cũng có thể đạt mục đích phủ định đối phương, nhưng có tầng khỏa lấp, mà lại sâu cay thông minh hơn.

Dùng thuật *Lời biện đáp tiếp liền* chúng ta trước hết bề ngoài dựa vào quan điểm của đối phương, làm tê liệt đối phương, làm đối phương mất cảnh giác, nhân khi họ đắc ý thì chuyển lời đánh gục đối phương. Chẳng hạn, cuộc tranh luận của đồng chí Vương Nhược Phi với quân giặc trong nhà tù như sau.

Tháng 10 năm 1931, Vương Nhược Phi bị bắt giam, tên trưởng trại Hàn Tiệm Khuê đi vào nhà ngục hỏi Nhược Phi : *"Kinh Phật tôi đưa, anh xem chưa ?"*

"Đã xem, thuộc từ lâu". Nhược Phi trả lời.

"Có gì tâm đắc không ?"

"Thu hoạch nhiều lắm".

"Đúng vậy, khổ hải vô biên, quay lại là bờ, hãy nhảy khỏi biển khổ đi !"

"Không những tôi muốn nhảy ra khỏi biển khổ, mà còn muốn đưa mọi người nhảy ra khỏi nữa ! Anh nói có được không ?"

"Vậy thì tốt quá ! Tốt quá đi chứ ! Thật là anh Phật pháp vô biên, thật là giỏi. A Di Đà Phật !"

Vương Nhược Phi hỏi : *"Thế nhưng, anh trưởng trại, anh có biết biển khổ ở đâu không ?"*

Hàn Tiệm Khuê lặng người, không biết trả lời làm sao.

Nhược Phi nói : *"Biển khổ ngay dưới chân anh đấy, biển khổ là sự bóc lột tận cùng, là ách thống trị phản động của Quốc dân đảng, là ngục tù của các anh, là pháp trường, tòa án và những tội lỗi của các anh đó. Chúng tôi nhất định sẽ lấp bằng khổ hải này, đưa nhân dân đến thế giới hạnh phúc !"*

Hàn Tiệm Khuê biết là mắc lừa, ngượng chín mặt, tức tối nói : *"Anh sĩ nhục thánh thần, xuyên tạc kinh Phật, ta cấm anh nói bậy !"*

Nhược Phi nhìn bộ mặt kẻ thù, cười ngạo nghễ.

Ta thấy ở đây, Nhược Phi không phản bác thẳng quan điểm của đối phương, mà nhường trước một bước, để địch kiêu ngạo, khi địch đắc ý thì chuyển ngoắt lại, giải thích thật chính xác khái niệm *khổ hải*, giáng cho địch một đòn trí mạng, khiến chúng quay cuồng.

55. ỨNG ĐỐI TƯƠNG PHẢN

Thuật *Ứng đối tương phản* là phương pháp biện luận luôn luôn đáp lời từ mặt trái lời nói của đối phương, đồng thời phân tích tỉ mỉ, buộc họ phải tiếp thu quan điểm của mình. Chẳng hạn :

A : *"Anh xem anh đang làm thí nghiệm gì vậy, làm hỏng hết bao nhiêu tài liệu, thật là lãng phí !"*

B : *"Tôi làm thí nghiệm là tự hóa*[1]*, thành công thì sẽ tiết kiệm rất nhiều nguyên vật liệu, là sự tiết kiệm lớn nhất !"*

Nếu không bằng cách *Ứng đối tương phản* mà trình bày thẳng là không lãng phí thì phải nói dài dòng. Hơn nữa chưa chắc đã nói được mạnh mẽ dứt khoát như vậy.

Dùng kĩ xảo như vậy, phải biết rõ lời đối phương, kịp thời biện minh ý đồ chân thực của họ. Sau đó, từ mặt trái mà đưa ra lời đáp rõ ràng, mạnh mẽ.

Sau đây hãy xem xét một luật sư bào chữa trong vụ án lưu manh, với lời biện luận tuyệt vời khi chứng minh nữ y tá họ Liễu trẻ tuổi là vô tội.

Luật sư : *"Lời buộc tội cho rằng bị cáo dùng tình dục để dụ dỗ lưu học sinh là vô căn cứ. Giữa bị cáo và Cai-ô đã có hành vi vượt rào, nhưng không thay đổi tính chất yêu đương chân chính. Quan hệ luyến ái này là phù hợp với quy định của chính phủ về việc người Trung Quốc kết hôn với người nước ngoài. Lời buộc tội nêu ra họ Liễu thư từ nhiều lần với Cai-ô, tôi cho rằng, bản thân việc thông tin thì không có gì là phi pháp, ngược lại, quyền tự do thông tin của công dân được pháp luật bảo hộ, nhiều lần cũng không phạm pháp. Còn về quan hệ giữa bị cáo với A-nô, nhiều chứng cứ chứng tỏ A-nô là một lưu manh đích thực, không đúng với tư cách một lưu học sinh. Anh ta nhân khi bị cáo liên lạc với Cai-ô khó khăn, đã dùng cách bỉ ổi nhất để cưỡng hiếp bị cáo. Hành động xấu xa đó hoàn toàn không thể chuyển thành sai lầm của bị cáo. Ngược lại, càng chứng minh sự bất hạnh của cô cùng sự thực bị tổn hại".*

---

(1) Mục tiêu *tự hóa* của Trung Quốc là : công nghiệp hiện đại hóa, nông nghiệp hiện đại hóa, quốc phòng hiện đại hóa, khoa học kĩ thuật hiện đại hóa.

Công tố viên : *"Đen thì không thành trắng được, dù rằng luật sư bào chữa có nói trên trời dưới biển thì hành vi lưu manh của bị cáo vẫn gây ra ảnh hưởng quốc tế rất xấu, là sự thực không thể bỏ qua".*

Luật sư : *"Từ ý nghĩa nào đó thì điều thực sự làm tổn hại danh dự quốc gia chính là việc người chấp pháp coi người phụ nữ Trung Quốc là cỏ rác. Trên lãnh thổ Trung Hoa, người phụ nữ Trung Quốc bị người nước ngoài làm nhục, là người chấp pháp của Trung Quốc mà không những không bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cô ta, lại còn lớn tiếng đòi đánh, ném xuống giếng như mong muốn của kẻ làm hại, thử hỏi đây là bảo vệ pháp chế nào vậy ? Bảo vệ sự tôn nghiêm nào vậy ?"*

Trong cuộc tranh luận này, hai bên đã tỏ rõ sự đối kháng quyết liệt. Luật sư luôn luôn từ mặt trái của đối phương mà phân tích và liên tục phản vấn, khiến công tố viên phải đuối lí mà thất bại.

Đương nhiên, mục đích của *Ứng đối tương phản* là giữ vững chân lí. Nếu thấy mình sai mà cứ cố chấp, sẽ cho người ta một ấn tượng xấu. Ăngghel là một người vĩ đại, ông đã từng cười nhạo khi người ta nói rằng động vật có vú có thể đẻ trứng và rồi ông đã chủ động *"Xin lỗi cáo mó vịt"*[1]. Chúng ta nếu có sai lầm, thì sao lại cứ cố chấp mà đối kháng vậy ?

(1) *Toàn tập Mác – Ăngghel*, quyển 39, trang 411.

56. LỜI BIỆN ĐÁP BẰNG THI TỪ

Thi từ là loại hình văn học có tình cảm mãnh liệt, tưởng tượng kì lạ, ngôn ngữ tinh luyện và tiết tấu rõ ràng. Trong biện luận, dùng hình thức thi từ có thể làm cho lời biện của chúng ta có thêm sức truyền cảm nghệ thuật lớn lao.

Bài *Thơ bảy bước* của Tào Thực năm nao chính là khuôn mẫu cho việc giành thắng lợi bằng *Lời biện đáp bằng thi từ.*

Thời Tam Quốc, Tào Phi làm Ngụy Văn Đế, để củng cố quyền lực của mình đã bức hại Tào Thực (tự Tử Kiến) người em ruột của mình, định bụng kiếm cớ mà giết đi. Một hôm, Tào Phi triệu Thực vào cung giao hẹn đi 7 bước phải làm xong một bài thơ và theo đề anh em, biểu hiện quan hệ anh em, nhưng không được dùng chữ anh em. Nếu không làm được sẽ xử tử. Tào Thực đứng trước cái chết vẫn bình tĩnh, suy nghĩ rồi đau buồn ngâm bài :

Chú đậu trì tác canh,
Lộc thị dĩ vi trấp !
Cơ tại phẩu trung nhiên,
Đậu tại phẩu trung khấp.
Bản thị đồng căn sinh,
Tương tiễn hà thái cấp.

(Nghĩa là : Nấu đậu để cho nhừ, mà ứa ra nước đậu. Cành đậu cháy ở dưới nồi, đậu trong nồi kêu khóc. Cùng sinh từ một gốc, sao nấu nhau dữ vậy.)

Ngâm xong vẫn chưa hết số bước quy định.

Ở đây, nhà thơ đã dùng hình thức thơ, dùng phương pháp ẩn dụ bằng cách khắc họa hình tượng nghệ thuật *cành đậu nấu đậu* mà gián tiếp biểu hiện tính tàn bạo của việc cốt nhục tương tàn trong anh em, đã biểu lộ sự oán thán về thân phận bị chà đạp, và có sức truyền cảm mạnh mẽ. Do bài thơ làm đúng yêu cầu của Tào Phi, Phi đành phải tha cho Thực.

Muốn vận dụng tốt thuật *Lời biện đáp bằng thi từ* thì phải có sự rèn luyện văn học cao, đặc biệt với loại thơ đối đáp ứng khẩu. Chúng ta hãy xem sau đây một biện luận của Lí Bạch, nhà thơ vĩ đại đời Đường.

Có hôm, triều đình cho gọi Lí Bạch và các học sĩ hàn lâm xướng họa thi phú, Lí Bạch thoái thác đang ốm, không chịu ngâm thơ. Ông cậu nhà vua là

Dương Quốc Trung liền kiếm chuyện : *"Tử Kiến 7 bước thành thơ, Lí Hàn lâm làm thơ nổi danh, nếu như cũng làm được như Tào Tử Kiến thì tôi phục sát đất !"* Lí Bạch nói : *"Làm được thì sao ? Ông cuộc gì ?"* Quốc Trung nói : *"Tôi ra đề, nếu ông hàn lâm 7 bước thành thơ mà thánh thượng và các vị đây đều khen hay thì tôi sẽ tặng ông nửa kho vàng bạc của tôi. Trước mặt thiên tử không có đơn !"* Quốc Trung đã đánh cuộc bằng nửa kho vàng bạc, ngay cả hoàng đế cũng phải chau mày. Lí Bạch nhân đó nói : *"Vậy được, xin quốc cữu hãy ra đề !"* Quốc Trung nói : *"Hãy lấy"* Thiên tử diện tiền vô hí ngôn" *làm câu mở đầu, ông làm thơ đi* !" Lí Bạch nhân đó cất bước ngâm rằng :

"Thiên tử diện tiền vô hí ngôn,
Bán nọa kim ngân trọng như sơn,
Quốc cữu bất hội điểm kim thuật.
Hà lai gia tư vạn vạn thiên ?"

(Nghĩa là : Trước mặt nhà vua không nói đơn, Nửa kho vàng bạc nặng như núi, ông cậu đâu có phép điểm kim, sao nhà lại có vạn vạn tiền ?)

Một bài thơ thất ngôn ngâm xong mà Lí Bạch chỉ đi có ba bước rưỡi. Mọi người nghe đều đồng thanh khen hay. Tiếp đến Lí Bạch lại cất bước ngâm một bài thất ngôn nữa, và mọi người lại càng khen ngợi :

"Lí Bạch xuất thân tối hàn vi,
Gia đồ tứ bích thiếu ngật xuyên ;
Doanh đắc quốc cữu bất xa khiếm,
Thiên tử diện tiền vô hí ngôn".

(Nghĩa là : Lí Bạch xuất thân rất nghèo khó, Nhà chỉ có bốn bức tường thiếu ăn thiếu mặc ; Thắng được em vợ vua và ông ta không dám khất nợ, Trước mặt nhà vua đâu có nói đơn.)

Không để Quốc Trung mở miệng, Lí Bạch đòi nợ ngay. Quốc Trung bối rối không có lỗ nẻ nào mà chui.

Tào Thực 7 bước làm xong một bài thơ, Lí Bạch 7 bước thì làm hai bài, thật là một vị thi thánh.

Thuật *Lời biện đáp bằng thi từ* thời xưa dùng nhiều, trong đời sống thường nhật ngày nay thì hiếm thấy. Thế nhưng, trong lời biện chúng ta, việc dùng thi từ hoặc câu nói hay cổ kim trong ngoài nước đâu có hiếm thấy. Trong biện luận, biết dẫn một cách hợp lí thi từ danh cú của những người nổi danh trong ngoài nước cũng sẽ làm cho lời biện của chúng ta tăng thêm sắc thái thơ ca.

57. MƯỢN CHUYỆN

Trong biện luận, biết sử dụng một vài câu chuyện sinh động, ý vị thường là làm cho người ta từ việc cảm thụ những tình tiết hấp dẫn của câu chuyện những hình tượng cảm động mà có được những sự dắt dẫn cần thiết làm tăng thêm sức thuyết phục cho lời biện của mình.

Có khi những lời thuyết giáo dài lê thê trống rỗng không làm sao thuyết phục được đối phương, nhưng nếu đưa vào những câu chuyện có hình ảnh hấp dẫn lại có thể đạt được dễ dàng mục đích biện luận của chúng ta. Chẳng hạn, đơn vị nọ có mở lớp học chuyên tu mà 70% là nữ. Họ đã kiên trì theo học 3 năm, thi xong 14 môn trong học phần và đã có bằng tại chức. Khó khăn họ trải qua là rất lớn. Khi học được 2 năm, mới thi xong 9 môn, không ít người ngại khổ, đã thôi học. Thầy giáo đã nhiều lần động viên, nhưng khó lòng thuyết phục được họ. Một lần, một thầy giáo kể cho họ câu chuyện như sau :

"Nước Anh có một vận động viên bơi lội tham gia cuộc thi bơi vượt biển Măng chơ. Cuộc thi quy định chỉ cần vượt được qua thì là thắng. Khi vận động viên này mới vượt được 2/3 chặng đường đã cảm thấy mệt mỏi, không thể tiếp tục được. Thế là liền bơi quay lại. Như ta thấy đấy, vận động viên này thật là ngớ ngẩn, không chỉ uổng công phí sức mà đã tự vứt bỏ sự thành công trong tầm tay".

Thầy giáo kể xong hỏi mọi người :

"Các anh chị có định bơi quay lại không ? Hay là tiếp tục bơi đến đích ?"

Hỏi như vậy, đã khiến các chị em học viên phải suy nghĩ và nhận ra sự ngớ ngẩn của bản thân. Và thế là quyết tâm tiếp tục học, cắn răng mà học.

Do câu chuyện đã dùng phương pháp tư duy hình tượng, có hình tượng cụ thể và tình tiết cảm động mà đã có sức thuyết phục. Có khi tấn công trực diện mà không thành công, biết dùng câu chuyện ngụ ý sâu sắc mà lại giành toàn thắng. Ta hãy xem đoạn ghi chép trong *Chiến Quốc sách :*

Sở Hoài Vương có viên đại tướng là Chiêu Dương mang quân đi đánh nước Ngụy, đoạt được 8 thành. Rồi đó đưa quân đi đánh Tề. Đang khi quân đội áp sát biên giới, Trần Chẩn vâng mệnh vua Tề, đến chào Chiêu Dương.

Sau khi gặp Chiêu Dương, Trần Chẩn chúc mừng họ Chiêu đã có được những chiến công hiển hách. Rồi đó hỏi : *"Theo pháp lệnh nước Sở thì đánh bại quân giặc sẽ được thưởng tước quan gì ?"*

"Quan đến thượng trụ quốc, tước đến chấp khuê". họ Chiêu trả lời.

"Cao quý hơn thế là gì nữa ?"

"Chỉ có lệnh doãn".

Chẩn nói : *"Lệnh doãn rất cao quý, nhưng quốc vương sẽ không đặt hai lệnh doãn. Ông có muốn nghe kể một câu chuyện không ?"*

"Được, ông cứ kể !"

Và thế là Trần Chẩn đã kể cho Chiêu Dương :

Nước Sở có một quý tộc sau khi tế thần, thưởng cho các môn khách một vò rượu. Các môn khách nói : *"Những mấy người uống thì sao đủ. Một người uống thì thừa, thế này vậy, xin mọi người hãy vẽ rắn trên mặt đất, ai xong trước uống trước"*. Có một người đã vẽ xong, ôm vò rượu định uống nhưng thấy mọi người chưa vẽ xong, liền nói : *"Ta hãy vẽ thêm chân cho rắn đã"* Chân chưa vẽ xong, thì mọi người đã vẽ xong rắn cả rồi, và giành lại hũ rượu từ tay anh ta, nói : *"Rắn vốn không có chân, sao ông lại thêm chân cho nó ?"* Kết quả, người vẽ rắn xong trước không được uống rượu.

Trần Chẩn kể xong chuyện, bèn nói với Chiêu Vương :

"Ông đánh Ngụy, giành toàn thắng, có công lớn như vậy, làm quan to là được rồi. Nếu ông thấy mình bách chiến bách thắng mà không thôi thì ông chưa được thăng quan tước đã có thể bị trận vong. Như vậy, khác nào vẽ rắn thêm chân".

Chiêu Dương thấy Chẩn nói có lí, bèn lui quân.

Khi nguy cơ quân Sở áp sát biên giới, Trần Chẩn đã dựa vào ba tấc lưỡi với câu chuyện hấp dẫn thiết thực mà đã lui được quân Sở. Tháo gỡ được khó khăn cho Tề. Từ đó ta thấy sức mạnh hùng biện của câu chuyện là không thể ngờ được. Đúng như Lưu Hiệp nói trong *Văn tâm điêu long* : *"Ba tấc lưỡi mạnh hơn đội quân trăm vạn"*.

58. MƯỢN CÂU TỤC NGỮ

Tục ngữ là những câu nói định hình thông tục mà lưu hành rộng rãi. Trong đó, phần lớn do nhân dân lao động sáng tạo ra, phản ánh kinh nghiệm cuộc sống và nguyện vọng của nhân dân. Tục ngữ có đặc điểm ngắn gọn, hình ảnh, sinh động. Trong biện luận, biết vận dụng thích hợp sẽ có thể làm cho lời nói thêm dí dỏm, có sức thuyết phục.

Có một hôm, vua Vĩnh Lạc nhàn rỗi, định đi chơi miền Cát An Giang Tây. Bèn truyền chỉ, bắt tri phủ Cát An sửa đường sá cầu cống để tiếp giá. Giải Tấn biết chuyện, cho rằng mỗi lần nhà vua tuần du thật là phung phí xa xỉ, trăm dân vất vả, thuế khóa lao dịch khổ sở. Và thế là suốt đêm viết tấu chương, hôm sau vào triều tâu vua. Hoàng đế xem xong cả giận :

"Giải Tấn, thiên tử tuần du là để thi ân cho dân chúng, sao ngươi dám cản ?"

Giải tấn nói : *"Xin thánh thượng bớt giận, tờ tấu của thần thực ra chỉ nghĩ về sức khỏe của nhà vua. Thánh thượng chưa biết đấy thôi, từ xưa Cát An có câu :* Cát Thủy cấp thủy, *ở đó núi cao mà không có đường, chỉ đi bằng sông suối. Mà nước xiết sóng to, sao không kinh động đến thánh giá ?"*

Vua Vĩnh Lạc nói : *"Ta cho tri phủ Cát An làm thuyền to, làm gì có nước xiết không vượt qua ?"*

Giải Tấn cười mà rằng : *"Dù có thuyền to cũng khó vượt huyện Hiệp Giang, Giang Tây có câu tục ngữ : "Hiệp Giang Hiệp Giang áp đoạn thủ chưởng".* (nghĩa là : Sông Hiệp – *hiệp :* hẽm sông – chống rời cả tay), *ở đó lòng sông hẹp lại có nhiều đá ngầm, chẳng cứ thuyền lớn, dù bè tre cũng khó vượt qua".* Nói đoạn, Giải Tấn khoát tay kẻ dưới quyển bưng ra một con cá. Giải Tấn trình lên, nói : *"Xin bệ hạ xem, con cá này đánh từ Hiệp Giang, do sông hẹp mà dần dần ngay mình cá cũng bị dẹp lại".* Vĩnh Lạc ngó nhìn, tin là thật, bèn bãi bỏ chuyến đi.

Giải Tấn ở đây đã khéo léo dùng các tục ngữ : *Cát Thủy cấp thủy ; Hiệp Giang Hiệp Giang, áp đoạn thủ chưởng* để khoa trương gây ấn tượng, từ đó mà thuyết minh tính nguy hiểm của việc tuần du Cát An, Cát Thủy. Kết quả là đã đạt được mục đích khuyên giải.

Thi hùng biện cũng vậy, trong lời trình bày thao thao bất tuyệt, nếu ta biết dùng những câu tục ngữ quen thuộc làm cơ sở lập luận sẽ có thể làm cho người nghe tin tưởng và làm tăng thêm phần khó khăn chống đối cho đối phương. Chẳng hạn, trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ về đề tài : *Ấm no là điều kiện tất yếu để bàn tới đạo đức*, đội phản đối là Phúc Đán trong khi luận chứng quan điểm của mình là : *Ấm no không phải là điều kiện tất yếu để bàn tới đạo đức* đã có đoạn như sau :

"Dù đã no ấm, đầy đủ, thì chuẩn đạo đức cũng không thể tự nó nâng cao, có khi còn tụt lùi nữa. Trung Quốc có câu rằng : Bão noãn tư dâm dục (nghĩa là : *No cơm ấm cật, dậm dật con ngài*), *vương quốc Ba bi lon và đế quốc La Mã thời xưa từ thịnh mà hóa suy là chính bởi đất nước không coi trọng việc tu dưỡng đạo đức và giáo hóa. Nhật có thể coi là nước giàu có nhất rồi. Thế nhưng chuyện bê bối chính trị thường xảy ra. Thủ tướng này vừa lên thì lại nổ ra vụ xì căng đan mà đổ, người sau cũng vậy"* (vỗ tay).

Đoạn biện luận này khi các giám khảo xem xét, thì nó được trình bày ra trên cơ sở có vị giám khảo nêu ra câu tục ngữ : *Bão noãn tư dâm dục*. Và nó đã chứng minh hùng hồn rằng không chỉ giai đoạn tiền ấm no phải nói tới đạo đức mà cả giai đoạn hậu ấm no cũng cần nói tới đạo đức. Như vậy đã nhấn mạnh thêm luận điểm : *Ấm no không phải là điều kiện tất yếu để bàn tới đạo đức*.

Muốn giành kết quả tranh luận như ý bằng thuật *Mượn câu tục ngữ* thì phải chú ý đến tính tư tưởng của câu tạo ngữ cần dùng. Có những câu khó tránh khỏi mang nặng dấu ấn tư tưởng thống trị, nếu cứ sử dụng sẽ có kết quả ngược lại.

59. GÂY CHO TÒ MÒ

Gây cho tò mò là phương pháp cố tình tạo nên mối nghi ngờ, để đối phương phải bận tâm, từ đó mà kìm chế tư tưởng và tâm lí của họ, nhằm làm cho hoạt động tâm lí của đối phương xa rời các đối tượng khác, chỉ còn hướng vào và tập trung vào mục tiêu biện luận của chúng ta. Từ đó mà giành chiến thắng trong tranh luận.

Mục đích của việc *Gây cho tò mò* là ở chỗ thu hút sự chú ý của người ta, muốn đạt mục đích, một phương pháp là cố tình không nói hết lời, nói đến chỗ hay nhất thì dừng lại đột ngột. Chẳng hạn, Kỉ Hiểu Lam lúc bé có lần chơi cầu cùng các bạn trên phố. Lúc này chợt thái thú đi qua, và quả cầu rơi đúng vào kiệu quan. Bọn nha dịch quát lớn, và bọn trẻ chạy táo tác, chỉ có Hiểu Lam dám đứng lại đến bên kiệu để đòi lại quả cầu. Thái thú thấy vậy, cố ý khó dễ :

"Ta có một vế đối, ngươi đối được sẽ trả cầu. Vế ra là : Đồng tử lục thất nhân, duy như giảo !"

(Nghĩa là : Trẻ con 6, 7 đứa chỉ mày là ranh !)

Hiểu Lam đáp ngay :

"Thái thú nhị thiên danh, độc công..."

(Nghĩa là : Thái thú hai ngàn người, chỉ có ông...)

Chữ cuối cùng có tình không nói ra, thái thú rốt ruột hỏi :

"Sao không nói nốt ?"

Hiểu Lam lúc này mới cười mà rằng :

"Nếu ngài trả quả cầu cho tôi thì tôi đọc : độc công liêm, *nếu không trả thì tôi đọc :* độc công tham".

Thái thú thấy khó chơi, đành cười và trả lại quả cầu.

Hiểu Lam đã bỗng nhiên dừng lại ở trước chữ cuối cùng trong vế đối, đã thu hút mạnh mẽ sự tò mò của đối phương và đã tạo ra không khí thuận lợi cho việc giành chiến thắng.

Gây cho tò mò còn có thể tạo ra mối thắc mắc bằng cách dùng những từ ngữ mới mẻ mà không cần giải thích, khiến sự tò mò của đối phương không

được thỏa mãn mà nảy sinh nhu cầu tìm hiểu cho ra ngọn ngành sự vật. Như vậy, cũng có thể có được hiệu quả tranh luận làm đối phương bị thu hút.

Tình Quách Quân Điền Anh là con út của Tề Vương, ông ta muốn xây thành ở ấp Tiết mà ông được phong. Các môn khách cho là không ổn, đều khuyên can. Điền Anh không nghe, dặn quan truyền tin là không cho ai vào gặp. Thế nhưng có người nước Tề cứ khăng khăng đòi gặp Điền Anh, ông ta nói với quan truyền tin : *"Tôi chỉ nói 3 chữ, thừa một chữ xin chịu tội chết !"* Câu này thật thiêng, Điền Anh quả nhiên phá lệ, cho gặp.

Ông khách này bước vội vào nói : *"Hải đại ngư !"* Nói xong thì bỏ về. Điền Anh thấy lạ, vội cho người gọi lại hỏi : *"Gì vậy, ông nói rõ ra đi !"* ông khách nói : *"Tôi không dám lấy mạng mình làm trò đùa"*. Điền Anh nói : *"Không sao, ông cứ nói tiếp đi !"* Vị khách lúc này mới đáp :

"Ngài có nghe nói cá lớn ở biển không ? Lưới không bắt được nó, câu không câu được nó. Nhưng khi nó rời khỏi nước thì ngay cả con kiến cũng bắt nạt được. Nước Tề ngày nay là nước trong biển của ngài, đã có nó, sao lại phải xây thành ở đất Tiết ? Nếu mất đi sự bảo hộ của nước Tề, thì dù ngài có xây thành cao đến trời cũng vô ích".

Điền Anh nghe có lí, liền bỏ ý định xây thành.

Người Tề này đã dùng từ ngữ *hải đại ngư* để làm nghi hoặc, khiến phải băn khoăn suy nghĩ, và sinh ra nhu cầu muốn biết rõ ngọn ngành. Từ đó mà có điều kiện giành thắng lợi.

60. NÓI LỜI KINH DỊ

Thuật *Lời nói kinh dị* là phương pháp căn cứ vào tính khả năng mà suy luận bằng logic, thổi phồng một cách cần thiết hậu quả có thể của một hành động nào đó một quan điểm nào đó của một bên, và cố tình nói cho vấn đề thật nghiêm trọng, đáng sợ khiến người ta giật mình kinh ngạc, từ đó mà làm cho đối phương chú ý suy nghĩ và sửa chữa ngôn hành của mình. Như vậy, sẽ dễ dàng đạt được mục đích biện luận.

Thôn nọ từng có một chuyện thế này :

Bố của anh dân quê có tên Trương Tiểu Thu lên phố bán rau, không ngờ bị xe tải của hộ chuyên nghề vận tải trong thôn đâm trọng thương, đã cấp cứu nhưng không qua khỏi. Mẹ Tiểu Trương buồn thương muốn chết, ôm lấy xác gào to. Bà con lối xóm không ai không thương xót, và nguyền rủa người lái xe. Trương Tiểu Thu lại càng đau xót, trong cơn buồn bực rút dao đòi chém lái xe để trả thù. Mọi người thấy anh ta mất vẫn đó, không dám can. Còn lái xe thì run lập cập. Chính lúc sắp xảy ra án mạng thì người hòa giải đến hất hàm về phía Tiểu Trương quát :

"Có lí nói lí, không được động chân động tay ! Bỏ dao xuống !"

Nói rồi đi đến túm chặt lấy cổ tay Tiểu Trương, Tiểu Trương không chịu, vẫn xông lên, hét : *"Giết nó đi, tôi chẳng cần sống nữa !"* Người hòa giải đáp :

"Bố anh mà chết, anh cũng không sống nữa ! Anh chết đi, còn lại mẹ anh, ai nuôi ? Hơn nữa, sao lại nhẫn tâm bắt vợ trẻ phải chịu góa bụa ? Con thì mất cha ? Hả ?"

Người hòa giải nghiêm khắc, chọn toàn những lời chối tai khó nghe để nói, cho đến khi Tiểu Trương giật mình lặng thinh, con dao rơi xuống đánh xoảng, rồi ôm mặt khóc. Lúc này người hòa giải ôn tồn nói :

"Lái xe thứ nhất không phải là người xấu, hai nữa không phải là kẻ thù, chỉ là sơ suất, lại nữa bố anh cũng nghễnh ngãng... Thôi, dù sao thì việc xử lí cũng phải nhờ chính quyền, làm theo pháp luật. Giờ thì cậu phải an ủi mẹ và an táng bố đã..."

Một vụ án mạng sắp xảy ra đã được dẹp như vậy đấy.

Ở đây, người hòa giải đã dựa vào lời của Tiểu Trương : *"Giết nó đi, tôi cũng chẳng cần sống nữa"* mà chỉ ra hậu quả đáng sợ có thể xảy ra, và cuối cùng đã ngăn chặn được hành động liều mạng của Tiểu Trương. Như vậy, đã chứng tỏ sức mạnh to lớn chinh phục lòng người của thuật *Nói lời kinh dị*.

Mục đích của thuật *Nói lời kinh dị* là lấy lời kinh dị khủng khiếp để thu hút thính giác và sự chú ý của người nghe. Thế nhưng, lời kinh dị ở đây không phải là những lời bậy bạ vô căn cứ, mà phải dựa trên một sự thực nào đó. Ngoài ra, dựa vào sự thực nào đó để phóng đại, khoa trương, nhưng cũng không được quá đáng. Nếu không, không những không dẫn đến sự chú ý và hứng thú của mọi người mà còn nảy sinh tâm lí ngược lại, kết quả sẽ xôi hỏng bỏng không.

Triệu Ích Vương là Triệu Nguyên Kiệt nhà Tống làm núi giả trong phủ, chi mấy vạn lạng bạc, núi đắp xong liền mời quan khách đồng liêu uống rượu mừng, cùng ngắm núi. Mọi người khi rượu ngà ngà, phấn chấn lên, chỉ có Diêu Thản là cúi đầu trầm tư, ông ta chẳng ngó núi giả lấy một lần. Điều đó làm Ích Vương phải để ý. Ích Vương bắt ông ta ngắm, lúc này Diêu Thản mới ngẩng đầu nói :

"Tôi chỉ thấy núi máu, đâu có núi giả !"

Ích Vương cả kinh, hỏi nguyên nhân, Diêu Thản nói :

"Khi còn ở nhà quê, được tận mắt thấy châu huyện nha môn bức dân sưu thuế, bắt đi cha con anh em người ta, lôi đến huyện đánh. Núi giả này là sưu thuế dân đinh đóng góp xây nên, không phải núi máu thì núi gì ?"

Lúc này Tống Thái Tông cũng đang đắp núi giả, nghe vậy, liền dỡ bỏ.

Diêu Thản nói giả sơn là *núi máu* làm mọi người phải giật mình. Nhưng ông đã dựa vào những sự thực đã tận mắt chứng kiến, bởi vậy mới có hiệu quả mạnh mẽ. Nếu chỉ là nói chơi, thiếu căn cứ, thì có lẽ họa lớn sẽ ập đến ngay.

61. LỜI NHẠI THEO

Lời nhại theo là phương pháp dựa vào hình thức từ ngữ vốn có mà tạo ra từ ngữ mới tạm thời, đây là một biện pháp tu từ. Dùng phương pháp này trong tranh luận để biểu đạt một tình cảm nào đó của bản thân hoặc để châm biếm chê cười đối phương. Và chúng ta gọi đó là thuật *Lời nhại theo.*

Trong tranh luận, sử dụng thích hợp thuật *Lời nhại theo* thường có được hiệu quả biểu đạt hài hước, rí rỏm, tăng thêm sức mạnh công kích cho lời biện. Chẳng hạn, trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ về đề tài : *No ấm là điều kiện tất yếu để nói tới đạo đức*, đội Phúc Đán bên phản bác trong khi tranh luận tự do đã có đoạn như sau :

Số 1 : *Tuân Tử từng nói : "Tranh tắc loạn, loạn tắc cùng"*

(Nghĩa là : tranh đấu với nhau sẽ sinh ra loạn, mà loạn sẽ dẫn tới nghèo đói). *Cho nên trong quá trình chúng ta đi tới ấm no càng phải nói tới đạo đức, nếu không sẽ càng đi càng nghèo đói. Vậy khi nào thì tới được ấm no ?*

Số 4 : *Đối phương cho rằng trong quá trình từ nghèo đói tìm tới no ấm, có thể không nói tới đạo đức, điều này mách bảo ta một lí luận cơ bản, đó là : thiên hạ đại loạn, mới có thể đạt đáo thiên hạ đại bão.* (tiếng cười)

Số 3 : *Nếu quả là như vậy, e rằng không phải "Tranh tắc loạn, loạn tắc cùng", mà là "Tranh tắc loạn, loạn tắc bão"* (tiếng cười) *(bão :* no).

Ở đây ta thấy các thành viên đội Phúc Đán đã dùng thuật *Lời nhại theo*, dựa vào từ ngữ vốn có : *"Thiên hạ đại loạn, đạt đáo thiên hạ đại trị", "Tranh tắc loạn, loạn tắc cùng "*để tạm thời tạo ra : *"Thiên hạ đại loạn, đạt đáo thiên hạ đại bão"* một cách sống động, hài hước, hóm hỉnh lại có ý châm biếm và có hiệu quả tranh luận rất tốt.

Dùng thuật *Lời nhại theo* cần chú ý là phải có khả năng tư duy sáng tạo, có thể từ cơ sở những từ ngữ hiện có để tạm thời đặt ra những từ ngữ xưa nay chưa có. Và những từ ngữ này trong ngữ cảnh xác định mọi người vẫn hiểu

được. Chẳng hạn, trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ với luận đề *"AIDS là vấn đề y học, không phải là vấn đề xã hội"*, khi đội Phúc Đán chuẩn bị lời tranh luận, bảo vệ giả định, có đoạn như sau :

"Ai cũng biết, tác dụng của ống nghiệm và thuốc là không thể thay thế bằng quyền lực hay pháp chế được. Dù rằng lui một vạn bước, giả định quyền lực, đạo đức, pháp chế có được công hiệu lớn như vậy, vậy thì với vi rút HIV trên cơ thể khỉ, vượn và mèo, ta phải triển khai quyền bầu cử lập pháp trong thế giới vượn, thế giới mèo, phải phát huy miêu (mèo) đạo chủ nghĩa và hầu (khỉ) đạo chủ nghĩa để chúng trở lại hồi xuân chăng ? Hiển nhiên là không thể nào".

Ở đây, đội Phúc Đán đã mạnh dạn vận dụng tư duy sáng tạo, dựa vào từ ngữ hiện có : *"nhân đạo chủ nghĩa"* để đặt ra *miêu đạo chủ nghĩa, hầu đạo chủ nghĩa* mới mẻ độc đáo, nghe vui tai.

62. KIỂU CÂU PHỎNG THEO

Thuật *Kiểu câu phỏng theo* là phương pháp bắt chước hình thức câu nói của đối phương, tạo ra một câu mới để trả miếng đối với họ.

Ta hãy xem một đoạn tranh luận mà Phương Du phản kích Lục Nhĩ Hào trong phim truyền hình nhiều tập của truyền hình Đài Loan với tựa đề : *Mưa gió mịt mùng :*

Phương Du đang bước đi trên con đường lầy lội. Bỗng Lục Nhĩ Hào phóng mô tô qua làm bắn cả bùn đất lên người cô. Lục Nhĩ Hào không xin lỗi mà tiếp tục phóng xe đi. Lúc đó Phương Du rủa một câu : *Đồ điên.* Nhĩ Hào nghe thấy, liền vòng xe lại, lớn tiếng :

"Tôi đi con đường này là tôi không may, cô bị té bùn là cô không may, chúng ta ai cũng có cái không may của người đó. Sao cô chửi tôi là đồ điên ?"

Đứng trước cậu thanh niên hung hăng như vậy, Phương Du phản kích :

"Tôi đi con đường này bị té bùn là không may của tôi, anh đi con đường này bị chửi là không may của anh, chúng ta ai cũng có cái không may của người đó. Sao anh còn làm phiền cho tôi ?"

Trước câu nói đó, Nhĩ Hào bó tay, đành nói : *"Ngày nay con gái đứa nào cũng sẵn sàng nhe nanh ra cả"* rồi thì bỏ đi.

Lục Nhĩ Hào sở dĩ chịu thua bởi lời đáp của Phương Du là vì Phương Du đã dùng thuật *Kiểu câu phỏng theo*, câu trả miếng của Phương Du cùng kiểu câu nói ngang ngược của Nhĩ Hào, chỉ sửa một tí, còn lí lẽ của Phương Du không khác gì câu nói ngang ngược của Nhĩ Hào. Nếu Nhĩ Hào muốn phản bác thì khác nào gậy ông đập lưng ông. Bởi vậy, Lục Nhĩ Hào đành phải bỏ đó mà đi. Dùng thuật *Kiểu câu phỏng theo* có lúc có thể dùng lại câu của đối phương, chỉ cần thay đổi trật tự một chút. Chẳng hạn, An-đéc-xen rất cần kiệm, thường đội mũ cũ ra đường. Có mấy đứa du đãng cười nhạo ông :

"Ê ! Cái thứ trên đầu ông là của khỉ gì vậy, có còn là mũ nữa không" ?

An-đéc-xen hỏi vặn lại :

"Thế cái thứ ở dưới mũ các anh là của khỉ gì vậy ? Có còn là cái đầu nữa không ?"

Khi An-đéc-xen trả lời lại đối phương đã bắt chước kiểu câu của họ mà chỉ đổi chỗ *mũ* với *cái đầu*. Như vậy, không chỉ trả lại cho đối phương điều ô nhục mà chúng trút sang, mà còn cao tay hơn : đối phương thì chê cười cái mũ của An-đéc-xen, còn An-đéc-xen lại chê cười cái đầu của chúng quá ư tăm tối.

63. SUY LUẬN BẮT CHƯỚC

Khi hình thức suy luận của đối phương có sai lầm rõ nét, nếu hai bên tranh luận có trình độ logic khá cao, thì có thể phản bác lại bằng cách chỉ ra cái sai trong hình thức suy luận của họ một cách trực tiếp. Nếu một bên hoặc cả hai bên đều thiếu kiến thức chuyên môn về logic, lúc này cách phản bác tốt nhất là bắt chước hình thức suy luận sai lầm của đối phương, để rồi suy ra kết luận giả dối mà đối phương không thể chấp nhận, từ đó mà đạt mục đích phản bác, đó chính là thuật *Suy luận bắt chước*.

Ta hãy xem một đoạn tranh luận tại một thương trường :

Một khách hàng là nam giới ra chợ trả lại hàng, nói là cái ca bảo ôn vừa mua không giữ được nhiệt. Cô bán hàng chẳng hề xem chất lượng hàng ra sao, té tát vào mặt khách :

"Ca bảo ôn sao giữ nhiệt được như phích nước, một nồi nước và một bát nước, ông bảo cái nào nguội nhanh hơn ?"

Khách hàng liền phản bác : *"Miếng kem to thì ngọt còn miếng kem nhỏ không ngọt sao ?"*

"Ga trải giường đã giặt xong, và khăn mùi xoa giặt xong, ông bảo cái nào khô nhanh ?" Cô gái chưa chịu.

Khách hàng : *"Trời giá rét người lớn đi giày nệm bông thì ấm còn trẻ con đi giày nệm bông không ấm sao ?"*

Cô bán hàng lúc này tịt mít.

Cô gái đã bênh vực cho hàng chất lượng kém mà cô bán ra bằng cách so sánh máy móc, đã so sánh giữa nồi nước với bát nước, cái ga giường với cái khăn mùi xoa để loại suy phích nước với ca bảo ôn nhằm mục đích chứng minh ca bảo ôn không giữ nhiệt là đương nhiên. Còn khách hàng thì bắt chước kiểu suy luận của đối phương dùng miếng kem to và miếng kem nhỏ, người lớn đi giày và trẻ con đi giày để loại suy quan hệ giữa phích nước và ca nước, và được kết luận ca bảo ôn cũng phải bảo ôn. Và ông ta do đã dùng hình thức *Suy luận bắt chước* mà đã đốp chát lại rất hình ảnh, cụ thể, sinh động và có sức thuyết phục. Nếu trong trường hợp này mà cứ bê ra hàng loạt thuật ngữ logic so sánh máy móc thì ngược lại chẳng ăn nhằm gì cả.

Đặc biệt là đối với người ngụy biện cố tình gây sự thì việc bắt chước hình thức suy luận sai lầm của họ để suy ra kết luận mà họ khó lòng chấp nhận càng là cách thức hữu hiệu để khuất phục họ. Chẳng hạn :

Ơ-pu-ri-tơ, nhà ngụy biện nổi danh cổ Hi Lạp, nghe nói có lần ông ta hỏi người bạn rằng : *"Anh không mất đồ tức là anh vẫn có nó, đúng không ?"*

Người bạn gật đầu khẳng định. Ơ-pu-ri-tơ liền nói tiếp : *"Anh không mất đi cái sừng trên đầu anh, vậy trên đầu anh sẽ có sừng."*

Chỉ có loài vật như bò, dê mới có sừng, con người sao lại có sừng ? Người bạn đã bị Ơ-pu-ri-tơ làm nhục và rất phẫn nộ, thế nhưng không sao phản bác được, liền cãi nhau, và cãi nhau đến cửa quan. Ông quan thông minh hơn người bạn nọ, ông nói với Ơ-pu-ri-tơ :

"Trong thành bang này, anh không mất đi cơ hội ngồi tù, vậy thì anh hãy nếm mùi ba ngày nhé !"

Thế là sai người ném Ơ-pu-ri-tơ vào ngục.

Ơ-pu-ri-tơ đã dùng tam đoạn luận sai lầm do thuật ngữ giữa không đồng nhất để suy ra kết luận trên đầu bạn có sưng nhằm làm nhục người ta. Ông quan nọ nếu cứ tranh luận với Ơ-pu-ri-tơ rằng trên đầu có sừng hay không thì khó nói rành rẽ. Thế nhưng bắt chước cách thức sai lầm của ông ta mà suy ra kết luận khiến ông ta khó lòng chấp nhận thì sẽ khuất phục được ông ta một cách hữu hiệu.

64. LỜI LẼ MƠ HỒ

Thông thường thì lời biện luận phải rõ ràng chuẩn xác, không được mơ hồ. Nhưng trong một số trường hợp biện luận đặc biệt với những vấn đề không thể trả lời trực tiếp mà phải trả lời hoặc khó trả lời ngay mà không thể không trả lời, ta dùng những lời lẽ không rõ ràng để trả lời thì lại có thể chủ động tiến thoái trước người hỏi truy bức hung hăng, xóa bỏ được tình trạng bị động.

Lưu Bang cũng đã từng tự cứu mạng mình bằng *Lời lẽ mơ hồ.*

Khi Sở diệt Tần, Sở Hoài Vương chia quân hai đường. Lộ phía đông 70 vạn binh mã, do Hạng Vũ chỉ huy. Lộ phía tây 10 vạn binh mã, do Lưu Bang chỉ huy. Họ cùng tiến vào Quan Trung và ước hẹn : ai tiến vào trước sẽ làm vua Quan Trung. Kết quả Lưu Bang vào trước. Nhưng do lúc đó quân Hạng Vũ quá đông, không phục Lưu Bang, nên bày kế để hại. Hạng Vũ tự xưng bá vương, phong Lưu Bang làm Hán Vương, định rằng sẽ đẩy Lưu Bang xuống Nam Trịnh. Mưu sĩ là Phạm Tăng ra sức phản đối, nói : *"Chỗ đó trong thì có núi bao giữ, ngoài thì có các đỉnh núi cao hiểm trở, đẩy Lưu Bang đến đó chẳng hóa ra thả hổ về rừng sao ?"*

Hạng Vũ hỏi : *"Vậy có cách gì để giết ?"*

Phạm Tăng bày mưu nói : *"Đợi Lưu Bang đến châu, đại vương hãy hỏi : "Quá nhân phong cho người Nam Trịnh, ngươi có đi không ?" Nếu nó muốn đi, thì đại vương nói : "Ta vốn biết người muốn đi, chỗ đó là nơi để nuôi quân luyện tướng, tích trữ lương thảo. Khi đã đủ sức thì tranh thiên hạ với ta, có đúng không ? Điều đó chứng tỏ ngươi có ý chống lại ta. Lôi ra giết". Nếu nó không muốn đi, thì đại vương nói : "Ta biết ngươi không muốn đi, vốn Sở Hoài Vương có hẹn ai vào trước thì làm vua Quan Trung. Bảo ngươi đi Nam Trịnh thì sao ngươi chịu đi. Đã không muốn đi tức là ở đây mà chống ta, đã như vậy, chi bằng giết ngươi đi. Lôi ra chém !" Chắc là như vậy Lưu Bang khó lòng thoát nạn".*

Mưu tính xong, Hạng Vũ bèn triệu Lưu Bang vào điện.

Hạng Vũ vội vã hỏi : *"Quá nhân phong cho ngươi Nam Trịnh. Ngươi bằng lòng đi chứ ?"*

Lưu Bang thấy Hạng Vũ hỏi gấp như vậy, trong lòng không khỏi buồn bực. Tuy muốn đi, nhưng không dám bày tỏ. Thế là đáp lại như sau :

"Thưa đại vương, thần ăn lộc vua, mạng trong tay vua, thần như con ngựa ngài cưỡi, đánh thì đi, ghì cương thì dừng, thần xin đợi lệnh".

Lưu Bang không hề trả lời muốn đi, cũng không nói là không muốn đi. Lời nói mơ hồ không rõ ràng này hoàn toàn nằm ngoài dự liệu của Hạng Vũ. Ông ta không biết xử lí ra sao, đành nói : *"Ngươi phải nghe ta, không nên đi Nam Trịnh nữa".*

Lưu Bang nói : *"Vâng, thần tuân chỉ".*

Do Lưu Bang dùng lời lẽ mơ hồ, ý tứ không rõ ràng, do vậy mà có đặc điểm là tính biến hóa lớn và tính co giãn mạnh. Thuật *Lời lẽ mơ hồ* trong ngoại giao rất được ưa chuộng. Nhà ngoại giao tài giỏi đều am tường cách này, xưa nay, trong nước và ngoài nước đều như vậy. *Lời lẽ mơ hồ* được các nhà ngoại giao gọi là : *kĩ xảo ngoại giao cao nhất* hay *nguyên tắc* làm cho đối phương không thể đi đến quyết định.

65. TƯ THẾ BIỂU HIỆN LỜI LẼ

Tư thế biểu hiện là chỉ các mặt như vẻ mặt, điệu bộ, động tác... nói chung là dáng vẻ bề ngoài. Biện luận không chỉ là cuộc đọ sức bằng lời nói có âm thanh, mà chính sự vận dụng Tư thế biểu hiện *lời lẽ* cũng có thể có tác dụng con ruồi đè nặng đòn cân. Chẳng hạn, bộ trưởng ngoại giao nước A đi thăm nước B, vị bộ trưởng này bắt tay thân thiện với tổng thống nước chủ nhà. Bắt tay xong, tổng thống rút khăn mùi soa ra lau cẩn thận bàn tay phải, cả hai mặt. Rồi cất khăn đi. Vị bộ trưởng cũng phản pháo bằng cách tương tự, nhưng lau với thời gian lâu hơn và lau xong thì ném mạnh khăn xuống đất. Sự giao đấu giữa hai bên đã theo cách *Tư thế biểu hiện lời lẽ*. Anh lau tay, tôi cũng lau, anh cất khăn đi còn tôi thì ném bỏ. Có phần nặng hơn mà lại kịp thời. Kiểu giao đấu bằng lời lẽ không có âm thanh này, mức độ kịch liệt cũng chẳng kém gì cuộc giao đấu bằng miệng lưỡi.

Thậm chí, trong nhiều trường hợp, dùng cách lời lẽ có tiếng mà không thể nào đạt mục đích, chỉ dùng cách *Tư thế biểu hiện lời lẽ* mới dễ dàng đạt được. Chẳng hạn, Trần Bình đời Tây Hán có lần cắp kiếm bỏ trốn, phải vượt qua Hoàng Hà. Lái đò thấy ông tướng mạo đường đường, đi một mình, đồ rằng là vị tướng bỏ chạy, nghĩ rằng trong người ông ta thể nào cũng giắt theo vàng bạc châu báu. Bởi vậy, nhiều lần liếc mắt dò xét, định giết để cướp của. Trần Bình biết được ý đồ, liền cởi áo ra, mình trần giúp lái đò chống thuyền. Lái đò lúc này biết là ông trong người không có vàng bạc, thì bỏ ý định giết người. Thế là Trần Bình yên lành vượt Hoàng Hà.

Lúc đó, để xóa bỏ mối nghi ngờ hiểu nhầm của đối phương, khiến họ không nghĩ là mình trong người có vàng bạc châu báu, mà lại giải thích bằng lời lẽ có tiếng nói thường thì vô ích. Ở đây, Trần Bình đã dùng *Tư thế biểu hiện lời lẽ*, cởi bỏ áo để chống thuyền cùng lái đò, đã tránh được cái họa chết người.

Ngoài ra, *Tư thế biểu hiện lời lẽ* thường là ý nghĩa không rõ ràng như ngôn ngữ có lời, có lúc để thực sự hiểu rõ hàm ý của nó, thì phải có sự tưởng tượng và sức liên tưởng phong phú. Nghe nói, Khổng Tử từng dẫn học trò của mình đến học *đạo* chỗ Lão Tử. Họ đến nơi, Lão Tử trước hết ngoác miệng về phía

họ, rồi thì thè lưỡi mà chẳng nói một lời. Khổng Tử liền đưa học trò đi. Dọc đường học trò tò mò hỏi :

"Thưa thầy, người bảo đưa chúng con đi học đạo, nhưng đến đó, Lão Tử chưa nói gì mà thầy đã kéo chúng con về ?"

Khổng Tử cười mà rằng : *"Các con sao hiểu được, đạo trong không lời, các con không thấy đó sao ? Lão Tử ngoác miệng là để ta biết răng ông ta đã rụng hết, sau đó thè lưỡi, là báo cái lưỡi vẫn còn khỏe. Cái lí trong đó là : răng tuy cứng mà rụng trước, lưỡi tuy mềm mà vẫn khỏe".*

Ngụ ý sâu sắc của *Tư thế biểu hiện lời lẽ* của Lão Tử nếu không phải là vị triết gia như Khổng Tử thì người thường sao mà hiểu được.

66. HOÀN CẢNH NGÔN NGỮ

Hoàn cảnh ngôn ngữ còn gọi là ngữ cảnh, nó vốn là thuật ngữ ngôn ngữ học và logic học. Ngữ cảnh theo nghĩa hẹp chỉ những lời ở trước và sau câu đang nói tới, nghĩa rộng bao gồm cả hoàn cảnh tự nhiên lúc đó của người nói hoàn cảnh xã hội, đối tượng giao tiếp. Trong quá trình tranh luận, cả hai bên tham gia thường dựa vào ngữ cảnh để sự biểu đạt của mình ngắn gọn, mạnh mẽ ; đồng thời cũng thường dựa vào ngữ cảnh để tìm hiểu hàm ý xác định của lời nói. Bởi vậy, muốn cho biện luận tiến hành thuận lợi thì không thể không chú ý đến ngữ cảnh, có lúc thậm chí còn thông qua ngữ cảnh xác định để giành thắng lợi. Đó chính là thuật *Hoàn cảnh ngôn ngữ.*

Có những câu khi tách khỏi hoàn cảnh xác định, nó có thể là chân thực ; nhưng kết hợp với ngữ cảnh cụ thể của nó, thì lại là giả dối. Chẳng hạn : Từ xa xưa, có một thầy lang lang thang kiếm sống và được một ông già mời đến chữa bệnh cho con trai ông ta. Thầy lang một lần đã dùng một cân ba đậu, con bệnh uống thuốc xong thì lăn ra chết. Bệnh của con ông già vốn là không nặng, nhưng do chữa mà chết, và ông già không chịu bỏ qua, đã lôi thầy lang đi kiện. Quan huyện hỏi thầy lang : *"Ngươi kê đơn những gì ? "*

Thầy thuốc nói : *"Kê ba đậu".*

"Lượng thuốc là bao ?"

"Một cân".

"Ngươi đã xem sách thuốc chưa ? Sao lại một lần mà dùng một cân ba đậu ?" "Tôi đã xem sách, trong sách thuốc rõ ràng viết" : ba đậu rất độc, không thể khinh dụng, *"cho nên tôi mới trọng dụng".*

"Thằng ngu nhà ngươi, không được **khinh dụng** *là chỉ không được sử dụng khinh suất, ngươi không hiểu hàm ý của khinh dụng, kết quả là chết người, ngươi phải đền mạng !"*

Nói một cách trừu tượng, *"không được khinh dụng"* có thể chỉ ý lượng dùng không được ít, nhưng kết hợp với ngữ cảnh xác định *"ba đậu rất độc"*, thì cách giải thích : *"lượng dùng không được ít"* sẽ là giả dối.

Những câu đó xem xét một cách trừu tượng thì nó là giả dối, nhưng kết hợp với ngữ cảnh xác định, thì nó có thể lại là chân thật. Trong sách *Vũ song tiêu tức lục* của Ngưu Ứng Chi người nhà Thanh có câu chuyện như sau :

Kim Nông là một trong "Dương Châu bát quái", một hôm có nhà phú thương nọ mở tiệc tại Bình Tâm Đường nhằm kết giao với người sang, tiệc mời Kim Nông ngồi ghế trên. Trong tiệc có người đề nghị lấy hai chữ *"phi, hồng"* làm tửu lệnh[1]. Khi đến lượt phú thương, ông ta suy nghĩ đến khổ sở cũng không ra một câu thơ. Mọi người đang định phạt rượu, thì phú thương nói :

"Có đây, liễu tự phi lai phiến phiến hồng"[2]

Mọi người cười ầm lên, cho rằng ngược đời. Lúc này Kim Nông đứng dậy nói :

"Đây là câu thơ người nhà Nguyên vịnh Bình Sơn đường, không có gì đáng cười. Bài này là :

Niệm tứ kiều biên niệm tứ phượng,
Bình lan do ức cựu giang đông,
Tịch dương phản chiếu đào hoa độ,
Liễu tự phi lai phiến phiến hồng."

(Nghĩa là : Bên 24 cái cầu là 24 con phượng, Dựa lan can mà nhớ Giang Đông xưa, Bóng chiều phản chiếu bến hoa đào, Tơ liễu bay đến từng tấm đỏ).

"Tơ liễu bay đến từng tấm đỏ" rõ ràng là sai, nhưng khi chủ nhân bị chê cười mà xấu hổ thì Kim Nông tiện mồm mà đặt ra thành cả bài, đặt câu đó trong ngữ cảnh : *Bóng chiều phản chiếu bến hoa đào* thì nó không chỉ là thật mà lại là một câu thơ hay nữa, và được mọi người cùng cho là hay.

Ngữ cảnh là bộ phận tổ thành hữu cơ của lời tranh biện, trong biện luận nó có tác dụng lạ kì, người hùng biện không thể coi thường.

---

(1) Trò chơi thời xưa của Trung Quốc, bày ra trong khi uống rượu để tranh phần thắng, người thua bị phạt uống rượu.

(2) Tơ liễu bay đến từng tấm từng tấm đỏ.

67. TẠO KHÔNG KHÍ HOÀN CẢNH

Muốn giành được hiệu quả biện luận tốt đẹp, chúng ta phải chú ý tới không khí và tình điệu xung quanh khi tranh luận. Tức là phải chú ý tới không khí xung quanh khi ta biện luận, vì nó có thể làm sinh ra ảnh hưởng truyền cảm và có tác dụng không ngờ giúp giành thắng lợi.

Chúng ta hãy quan sát lời buộc tội của công tố viên Viện kiểm sát nhân dân Bắc Kinh trong vụ án Diêu Cẩm Vân làm hại tới an toàn công cộng, cụ thể như sau :

"Ngày 10 tháng 1, bị cáo Diêu Cẩm Vân lái chiếc xe con hiệu Hoa Sa. Tốc độ xe này trong hơn 10 giây có thể gia tốc tới 60 km/giờ, tốc độ tối đa có thể 80 – 90 km/giờ. Khoảng 11 giờ trưa bị cáo lái xe từ hướng cầu Kim Thủy phóng hết tốc độ lao vào đám đông. Chỉ sau mấy giây bi kịch mà y cố tình gây đã xảy ra. Theo sự chứng kiến của người làm chứng, xe phóng rất nhanh, tốc độ không dưới 70 km/giờ, và có người bị hất tung lên, có người bị đâm té. Trong khoảnh khắc dưới chân cột cờ quảng trường hơn 20 người thương vong. Anh chiến sĩ quân giải phóng Trương X, Trần Y và Trương Z, Ngụy V bị đâm cho máu thịt be bét, chết tại chỗ. Lúc đó quanh cột cờ toàn là vết máu và đồ đạc quần áo người bị hại văng ra đầy đất, hai hàng lan can bạch ngọc trên cầu Kim Thủy cùng bị húc hỏng, bánh trái của xe cũng văng ra hơn 20 mét, còn xe thì bị lật".

Công tố viên trong đoạn luận tội này đã tạo ra một không khí ghê rợn bằng phương pháp tư duy hình tượng. Khi người nghe đặt mình trong không khí như vậy sẽ phảng phất nghe thấy tiếng kêu tuyệt vọng cuối cùng của người chết, tiếng rên la của người bị thương sống dở chết dở, và cả tiếng gào khóc xé lòng của người thân của họ. Cái không khí bi thương được tạo ra do việc miêu tả thảm cảnh rất có tác dụng truyền cảm, kích động người nghe và quan tòa căm thù tội phạm. Trong không khí xen lẫn bi thảm và căm giận này, nếu có luật sư nào được bị cáo ủy thác mà biện hộ thì dù là nói vài câu thương xót e cũng còn khó khăn.

Nói chung, sự tạo ra không khí biện luận chủ yếu là bằng phương tiện lời nói, nhưng có lúc cũng có thể dùng vật thực hoặc tranh ảnh để đạt mục đích.

Những vật thật, tranh ảnh này cùng với lời diễn tả hình ảnh thường là dễ tạo ra tư duy hình tượng như cảm giác, thị giác, liên tưởng ở mọi người. Từ đó mà giúp họ nhận thức và tiếp thu quan điểm đúng đắn của chúng ta. Chúng ta hãy xem một vụ án như sau.

Cô gái người Mĩ là Ken-ni vào mùa đông chạy qua đường cái và trượt ngã, vừa vặn bị bánh sau xe ô tô của Công ti ô tô thông dụng toàn quốc cán qua, tứ chi bị cán gãy. Ken-ni đã nhiều lần đưa đơn kiện, nhưng do không trình bày rõ rốt cuộc là mình có phải là trượt vào bánh sau xe hay không mà đều bị thất bại. Jên Vơ-ni đã tình nguyện làm luật sư cho cô, đã nhiều lần kiện Công ti ô tô thông dụng toàn quốc. Jên đã dựa vào kinh nghiệm biện luận, biết rõ là phía mình có thể lại rơi vào thất bại, và thế là ló ra con *chủ bài*, trên tòa đã cho chiếu lại cuốn băng hình một ngày sống của Ken-ni tàn phế.

Đây là cuốn phim chân thực đến tàn nhẫn, cô Ken-ni trẻ đẹp không tay không chân, sáng ra được bế ra khỏi giường, đưa vào nhà xí, những hình ảnh đời sống Ken-ni phải có sự giúp đỡ không khác gì trẻ em sơ sinh không tự độc lập được như tắm rửa, ăn uống, thay mặc... thật là đau đớn. Trên tòa đã phát sinh sự phản ứng mạnh mẽ, tiếng khóc, tiếng la hét, chửi bới... và Mác-lô luật sư bị cáo chỉ còn biết ngồi ngây ra, không nói được gì nữa. Thế là đủ biết *Tạo không khí hoàn cảnh* trong tranh luận có một tác dụng không thể coi thường được.

68. PHỐI HỢP VỚI PHONG CÁCH

Phong cách ngôn ngữ là tổng hòa các đặc điểm được biểu hiện ra khi sử dụng ngôn ngữ. Biện luận vốn là được thực hiện đối với đối tượng biện luận xác định trong một hoàn cảnh nhất định. Sự khác nhau giữa hoàn cảnh biện luận và đối tượng biện luận đã quy định sự chọn lựa loại phong cách ngôn ngữ khác nhau. Phong cách ngôn ngữ là bóng bẩy hay chân chất, là trong sáng hay hàm súc, là rườm rà hay gọn ghẽ... đều phải phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng biện luận khác nhau, nếu không, sẽ không đạt được hiệu quả biện luận dự định.

Phong cách ngôn ngữ biện luận phải thích ứng với hoàn cảnh biện luận xác định, về vấn đề này, chúng ta có thể liên hệ tới lần bào chữa thất bại của Gớt.

Gớt là đại thi hào Đức nổi tiếng trên văn đàn thế giới. Thời trẻ ông từng học luật, và hoạt động tố tụng với tư cách luật sư. Trong lần đầu bước vào nghề bào chữa để kiếm sống, ông từng có lời như sau :

"A ! Nếu cứ lảm nhảm mãi và tự phụ là có thể đưa ra trước những phán quyết sáng suốt, và sự ngu ngốc liều lĩnh lại có thể đánh đổ những chân lí đã từng được chứng minh... thì thật khó tin, đối phương chắc chắn sẽ đưa cho bạn văn kiện thế này, chúng chẳng qua là sản phẩm của sự thù hận cùng cực và của sự chửi bới hăng hái hạ lưu nhất... A ! Trong sự tranh đua của những lời dối trá trơ trên nhất, sự hận thù đến cùng cực và sự chửi bới bẩn thỉu thì cái xấu xí manh nha và cái thấp kém quái thai..."

Khi Gớt nói đến *"lời bào chữa"* theo *"phong thái nhà thơ ngâm vịnh say sưa"* thì các quan tòa mỉm cười lắc đầu biểu lộ thái độ không thể đồng ý. Lời biện hộ đầy chất thơ này lẽ đương nhiên là chọc tức người nghe và bị luật sư của đối phương phản bác. Về việc đó, Gớt vì cũng phẫn nộ, ông đã nhiều lần xin nói, lại còn chêm xen vào một đoạn *"lời than văn đầy kịch tính"* :

"Tôi không thể tiếp tục lời tôi nói, tôi không thể dùng những lời tựa như bất kính với thần linh để làm bẩn cái miệng của mình... với đối thủ như vậy, ta còn mong gì nữa ?... Cần phải có một sức mạnh siêu nhiên mới có thể làm cho người mù bẩm sinh sáng mắt và ngăn chặn cơn điên dại của bọn khùng điên - đó là việc của cảnh sát".

Lần này, các quan tòa không thể giữ yên lặng được, họ đã cảnh cáo Gớt : Tòa án không cho phép nói như vậy ! Gớt lần đầu hành nghề luật sư đã thất bại mà cáo chung.

Lời biện hộ của Gớt sở dĩ thất bại là vì phong cách ngôn ngữ của ông không thích hợp với hoàn cảnh biện luận của lời biện trước tòa. Ngôn ngữ tòa án phải có những đặc điểm chuẩn xác, ngắn gọn, chặt chẽ, chân thực. Lời bào chữa phải dùng sự thực khách quan và chứng cứ cụ thể sát thực để chứng minh mà giành chiến thắng. Nhưng ở đây Gớt với phát ngôn chứa đầy tình cảm và vần điệu lạ kì, như vậy, không phù hợp với màu sắc phong cách quy định của ngôn ngữ tòa án. Với tòa án nó chỉ là một đống ngôn từ vứt đi. Bởi vậy, sự thất bại của ông là khó tránh khỏi.

Ngoài ra, phong cách lời biện của chúng ta phải phù hợp với đối tượng biện luận xác định, như vậy mới có thể giành được hiệu quả tranh luận tốt đẹp nhất.

69. TẦNG THỨ NGÔN NGỮ[1]

Trước hết, ta hãy xem mấy lời biện luận sau :

A – Học giả cổ Hi Lạp nổi danh là A-ri-xtốt[2] đang giảng cho học trò là Đê-ô-vơ-la-xtốt và Ơ-đê-môx. Ông viết lên bảng những dòng chữ như sau :

Trên bảng có ba câu sai, trò hãy chỉ ra là những câu nào ?

(1) *Xô-cơ-rát*[3] *là người Ai Cập.*

(2) *Zi-nô*[4] *là người thông minh.*

(3) *"Nước lí tưởng" là tác phẩm của Platon.*[5]

(4) *Xô-crát và Pla-tôn là quan hệ thầy trò.*

(5) *Logic không nghiên cứu vấn đề suy luận.*

Xem các dòng chữ trên bảng, Đê-ô-vơ-la-xtốt và Ơ-đê-môx đều giơ tay. Thầy gọi Đê-ơ-vơ-la-xtốt trả lời trước.

"Thưa thầy, thầy lẫn lộn rồi, trên bảng chỉ có câu (1) và (5) là sai, các câu còn lại là đúng". Đê-ô-vơ-la-xtốt nói.

A-ri-xtốt quay đầu nhìn lại bảng, phát hiện là đúng như vậy, và ông ta nói với Đê-ô-vơ-la-xtốt giọng xin lỗi :

"Rất xin lỗi, ta thật đoảng".

Ông vừa nói, vừa định bụng sửa lại. Chính ngay lúc đó Ơ-đê-môx đứng dậy nói :

"Thưa thầy, thầy không sai. Trên bảng rõ ràng có ba câu sai. Đê-ô-vơ-la-xtốt nói đúng, chỉ có câu (1) và (5) là sai, nhưng chính vì thế mà câu phán đoán

---

(1) Mục này bàn về chức năng ngôn ngữ, trong đó nói đến chức năng siêu ngôn ngữ.

(2) A-ri-xtốt (TrCN 384 – TrCN 322), nhà khoa học, nhà triết học cổ Hi Lạp. *"Là nhân vật bác học nhất" (Mác – Ăngghel tuyển tập,* quyển 3, trang 59) trong các nhà triết học cổ Hi Lạp.

(3) Xô-crát (TrCN 469 – TrCN 399), nhà triết học cổ Hi Lạp, sinh ở A-ten. A-ri-xtốt cho rằng ông là người đưa ra phương pháp định nghĩa và luận chứng quy nạp.

(4) Zi-nô, (TrCN 490 – TrCN 436), nhà triết học cổ Hi Lạp. Ông sinh ra ở Ý.

(5) Pla-tôn (TrCN 427 – TrCN 347), nhà triết học cổ Hi Lạp. Ông là học trò của Xô-crát và là thầy của A-ri-xtốt.

thầy viết trên bảng "có ba câu sai" *cũng là sai. Như vậy, cộng lại vừa đúng ba câu sai".*

A-ri-xtốt bị hai người học trò làm cho quay cuồng đầu óc, ông định nói Đê-ô-vơ-la-xtốt là đúng, nhưng lời Ơ-đê-môx cũng không thể bác bỏ được. Nếu nói cả hai đều đúng thì chẳng hóa ra mình tự mâu thuẫn ? Thật là nan giải.

B – Khi trường đại học nọ mở cuộc hội nghị các giáo sư, hội tự quản sinh viên đã đưa ra yêu cầu : Phải hủy bỏ bản án buộc một sinh viên thôi học, và hạn cho trước ngày X tháng X phải trả lời. Qua hội nghị, các giáo sư xem xét và quyết định là không trả lời đòi hỏi của sinh viên. Đợi khi cuộc họp sắp xong, chủ nhiệm phòng giáo vụ thỉnh thị chủ tọa rằng : *"Tôi nghĩ, có lẽ ngày mai đại diện sinh viên hỏi kết quả thì tôi sẽ phải trả lời sao đây ?"*

Chủ tọa nói : *"Anh cứ trả lời là hội nghị các giáo sư quyết định không trả lời !"*

Một giáo sư đứng bên giận dữ nói : *"Ông chủ tịch, đâu lại có thể như vậy được ! Chúng ta chẳng vừa quyết định rằng không trả lời mọi cái đó sao ? Bởi vậy trả lời là "không trả lời" cũng là trả lời, không thể như vậy".*

"Nhưng trả lời rằng "không trả lời" thì có sao đâu ?" Chủ tịch biểu thị.

"Không. Chúng ta quyết nghị nhất loạt không trả lời, cho nên trả lời là "không trả lời "cũng không được". Vị giáo sư nọ phản đối.

Thế là cuộc tranh cãi này đã dẫn tới cơn sóng gió.

Với hai cuộc tranh luận nêu trên, chúng ta bình luận việc đúng sai trong đó thế nào đây ? Muốn đạt mục đích này, cần phải có kiến thức về *Tầng thứ ngôn ngữ.*

Ngôn ngữ được chia thành các tầng thứ khác nhau là ngôn ngữ đối tượng[1] và ngôn ngữ gốc[2]. Cái gọi là ngôn ngữ đối tượng là thứ ngôn ngữ được nghiên cứu, được nhận thức ; còn cái gọi là ngôn ngữ gốc là thứ ngôn ngữ dùng để nghiên cứu ngôn ngữ đối tượng. Chẳng hạn, chung quanh ta tồn tại các loại các dạng đối tượng sự vật như hoa, chim, cây... ngôn ngữ của chúng ta phải phản ánh được các đối tượng sự vật này, có thể bằng các từ *"hoa", "chim", "cây"* để chỉ chúng. Những từ ngữ dùng để chỉ những sự vật này chúng ta gọi chúng là ngôn ngữ đối tượng. Chúng ta trông thấy các sự kiện chim đang bay,

---

(1) *Ngôn ngữ đối tượng* tức ngôn ngữ bình thường. Ví dụ câu : *Mèo là một con vật.*

(2) *Ngôn ngữ gốc* tức siêu ngôn ngữ. Ví dụ câu : *Mèo là một danh từ.*

cây đang nảy lộc... thì ngôn ngữ của chúng ta phản ánh chúng, có thể dùng những câu như *"Chim đang bay"*, *"Cây đang nảy lộc"*, để biểu thị. Những câu biểu đạt những sự kiện đó cũng là ngôn ngữ đối tượng. Điều chúng ta cần chú ý là giữa đối tượng sự vật và hình thức ngôn ngữ phản ánh các đối tượng sự vật này là có sự phân biệt. Chẳng hạn, chúng ta có thể nói *"Chim biết bay"*, nhưng không thể nói *"Cái chữ* **chim** *này biết bay"*.

Ngôn ngữ của chúng ta ngoài việc có thể phản ánh các sự vật sự kiện khách quan ra, còn có thể nhận thức đối tượng bằng ngôn ngữ đối tượng. Thứ ngữ ngôn để chúng ta nhận thức ngôn ngữ đối tượng đó là ngôn ngữ gốc. Chẳng hạn, chúng ta có thể nói "**Điểu** *là một chữ Hán"*, "**Chim đang bay** *là một câu"*. Cái mà những câu này phản ánh không phải là sự vật khách quan nói chung, mà là lấy ngôn ngữ đối tượng nhận thức sự vật khách quan làm đối tượng phản ánh. Chúng là ngôn ngữ gốc. Cũng như việc cần chú ý phân biệt giữa đối tượng sự vật và ngôn ngữ đối tượng chỉ đối tượng sự vật, chúng ta cũng cần chú ý phân biệt giữa ngôn ngữ đối tượng với ngôn ngữ gốc nhận thức ngôn ngữ đối tượng. Nếu lẫn lộn sự khác biệt giữa chúng, sẽ thường bị sai lầm, sinh ra mâu thuẫn logic.

Lấy cuộc tranh luận thứ nhất ở trên làm ví dụ, trên bảng viết 5 câu, đó là ngôn ngữ đối tượng, còn *"Trên bảng có ba câu sai"* lại là thứ ngôn ngữ nghiên cứu đối với ngôn ngữ đối tượng, đó là ngôn ngữ gốc. Nó thuộc về *Tầng thứ ngôn ngữ* khác nhau. Thế nhưng, Ơ-đê-môx đã lẫn lộn sự khác nhau này, và nói gộp chúng làm một. Điều đó khó mà không đi tới sai lầm, tạo nên mâu thuẫn. Ví dụ thứ hai sai lầm cũng tương tự.

Trong biện luận, khi đối phương âm mưu làm lẫn lộn *Tầng thứ ngôn ngữ* để làm lẫn lộn phải trái, nhưng ta có thể phản bác bằng cách vạch ra sự khác nhau giữa ngôn ngữ đối tượng và ngôn ngữ gốc.

70. KHÉO DÙNG LẬP LUẬN SAI

Cái gọi là lời nói ngược là chỉ từ mệnh đề nào đó chân thực mà có thể suy ra mệnh đề này là giả dối ; từ mệnh đề nào đó là giả dối lại có thể suy ra mệnh đề này là thật. Lập luận sai (bội luận) trong một thời kì lịch sử lâu dài là một câu đố khó giải, ngày nay vẫn còn không ít học giả vẫn không ngừng nghiên cứu nó một cách say sưa. Do nói ngược có đặc điểm kì lạ, hấp dẫn và làm ta đau đầu hoa mắt, mà vận dụng vào tranh luận, trong một số trường hợp, có khi có thể hãm đối phương vào chỗ túng túng không lối thoát, từ đó mà đạt được mục đích khuất phục họ.

Chúng ta trước hết hãy quan sát một cuộc tranh luận giữa Xô-crát và Pla-tôn, họ đều cùng là những nhà hùng biện nổi tiếng thời cổ Hi Lạp. Một hôm, hai người bọn họ tiến hành tranh luận công khai về một vấn đề lúc đó mọi người đều quan tâm. Nhưng do quan điểm của họ quá khác nhau, bên nào cũng giữ lấy lí của mình, không chịu nhường một phân. Đúng lúc này Pla-tôn giận dữ cực điểm, đã tuyên bố với mọi người rằng :

"Lời nói của Xô-crát toàn là giả dối, các ông không nên tin dù một câu !"

Xô-crát mỉm cười nói :

"Các anh hãy cứ tin lời Pla-tôn đi, câu vừa rồi anh ta nói là câu đúng đấy". Chúng ta hãy xem xem kết quả tranh luận là thế nào ?

Nếu lấy lời Pla-tôn làm căn cứ, vậy thì, Xô-crát nói câu sai. Như vậy, câu *"Pla-tôn nói lời nói thật"* mà Xô-crát đã nói sẽ thành một câu giả dối. Nếu lấy câu của Xô-crát làm căn cứ, vậy thì Platôn nói lời thật. Thế nhưng, Pla-tôn lại nói Xô-crát xưa nay chưa hề nói câu đúng. Hiển nhiên, câu *"Pla-tôn nói câu đúng đấy"* mà Xô-crát nói ra trên thực tế đã thành ra Pla-tôn nói câu giả dối. Dù rằng suy luận từ giác độ nào thì cuối cùng vẫn suy ra kết luận là : *Pla-tôn nói lời giả dối.* Xô-crát đã khéo dùng lập luận sai khiến cho Pla-tôn không sao thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn.

Lại ví dụ, có một câu chuyện thế này : Có một con cá sấu đã giằng được cậu bé bên cạnh người mẹ. Người mẹ đáng thương kêu khóc khẩn cầu rằng :

"Tôi chỉ có một đứa con này thôi, xin đừng ăn thịt nó, hãy mở lòng từ tâm đi !" Con cá sấu lúc này cũng chưa đói và đã cảm động nói : *"Vậy được, hôm nay nếu bà đoán được tôi muốn làm gì, tôi sẽ trả đứa bé cho. Bằng không tôi sẽ nuốt sống nó !"*

Bà mẹ đành phải chấp nhận : *"Ngài rõ là đang muốn ăn thịt con tôi !"*

Đang khi cá sấu há cái mồm rộng ngoác ra định nuốt cậu bé thì nhớ tới lời hứa của mình. Nếu ăn thịt cậu bé thì hóa ra bà mẹ đoán trúng, và theo lời hứa thì phải thả cậu bé ra. Đang khi cá sấu còn chần chừ mang trả cậu bé cho bà mẹ thì nó lại nghĩ ra, nếu trả cậu bé cho bà ta thì có nghĩa là bà ta đoán không trúng. Theo lời hứa, thì ăn thịt mới đúng. Và thế là nó lại há to miệng chuẩn bị nuốt cậu bé. Lúc này bà mẹ vô cùng lo lắng, hét to : *"Xin hãy thực hiện lời hứa !"*

Cá sấu định ăn thịt cậu bé, nhưng nghĩ tới lời hứa cần phải trả. Đang muốn trả, nhưng nghĩ ra lời hứa lại thấy phải ăn thịt cậu bé. Ăn không được mà trả cũng không xong. Đành phải lúc há lúc ngậm cái miệng. Đang lúc đó, người cha cậu bé vụt chạy đến xua cá sấu đi, cậu bé được cứu thoát.

Thực chất của lập luận sai chính là ở chỗ làm lẫn lộn tầng thứ của ngôn ngữ. Phương pháp *Khéo dùng lập luận sai* đối với đối thủ thiếu kiến thức logic, ta có thể giành được hiệu quả tranh luận vừa ý. Nhưng với đối thủ có kiến thức logic cao thì khó lòng mà đạt hiệu quả.

Phần 3

THẮNG BẰNG MƯU CHƯỚC

Biện luận cần có lời lẽ trơn tru, logic chặt chẽ, nhưng cũng cần phải có mưu chước lạ kì. Khi bạn gặp phải đối thủ mạnh thì làm sao tính toán cho lẹ để lấy yếu thắng mạnh đây ? Khi bạn đương đầu với đối phương kiêu sa thì làm sao dụ được địch để cho nó một đòn nhớ đời đây ? Khi bạn rơi vào khó khăn lúng túng, thì làm sao mà thi hành được diệu kế cẩm nang để chuyển nguy thành an đây ? Ở tất cả những trường hợp này đều cần phải có mưu chước.

Mưu chước là kết tinh trí tuệ con người hàng ngàn năm nay đấu tranh với thiên nhiên, với xã hội ; là hạt minh châu sáng nhất trong kho tàng tri thức loài người. Mưu chước có thể khiến bạn cứ cười cười nói nói mà vẫn đánh bại kẻ địch, khiến bạn nhẹ nhàng đoạt được vòng nguyệt quế trong niềm hân hoan chiến thắng.

1. BIẾT MÌNH BIẾT NGƯỜI

Trong binh pháp Tôn Tử có nói : *"Biết mình biết người, trăm trận đánh trăm trận thắng"*, tranh luận cũng như vậy. Muốn giành thắng lợi, thì phải *Biết mình biết người.*

Biết mình biết người, trước hết là phải biết mình, phải hiểu ra một cách toàn diện, chính xác tình hình các mặt về mình. Nếu không biết được tình hình của mình khi biện luận thì như là người mù cưỡi ngựa mù, đến lúc chỉ còn biết có thất bại mà thôi. Chẳng hạn :

Trong một cuộc tranh luận thuộc *"Cuộc thi diễn thuyết thanh thiếu niên 10 thành phố cả nước* "vào mùa hè năm 1986 có một luận đề là : *Đài truyền hình Trung ương trong chương trình tập hợp những vở kịch hát cổ kim đã phối nhạc điện tử cho không ít đoạn ca nhạc truyền thống, như vở kinh kịch* "Tô tam khởi giải" *Trước việc đó, bạn khen chê thế nào ?"* Trong việc này, có đoạn biện luận như sau :

Bên B : *"Bạn vừa rồi đã bao lần nhấn mạnh là mất đi giá trị truyền thống, nhưng với nội dung cụ thể của truyền thống có mất đi không thì vẫn chưa trả lời được".*

Bên A : *"Nghệ thuật kinh kịch truyền thống khi đã đi vào âm nhạc điện tử thì chúng ta đâu còn thấy mùi vị truyền thống của kinh kịch nữa. Còn về truyền thống của kinh kịch rốt cuộc là gì, tôi cũng không biết, kinh kịch cải cách, thì rốt cuộc phải cải như thế nào, tôi cũng đâu có biết. Vì xưa nay tôi đâu có xem xét vấn đề này. Còn về truyền thống nghệ thuật của kinh kịch là gì cho đến vấn đề cải cách ra sao, tôi nghĩ là do các bạn tự giải đáp, và có thể giải thích được đầy đủ".*

Bên B : *"Bạn đã thừa nhận rằng không biết thế nào là truyền thống kinh kịch cho đến việc đi vào âm nhạc điện tử sẽ mất đi những cái gì, thì chúng tôi hết cách tranh luận tiếp tục nữa. Bạn không trả lời được, chúng tôi cũng không ép bạn trả lời".*

Tiếp đó đội B từ ba đặc điểm : tính tả ý truyền thống của kinh kịch và cách thức biểu diễn cố định cho đến làn điệu hát cố định đã thuyết minh âm nhạc điện tử với sức biểu hiện rộng lớn đã hoàn toàn bổ sung cho những khiếm khuyết của kinh kịch về phần đệm trên ba vấn đề lớn là dương cương thì thừa

mà âm nhu thì thiếu. Khi đi vào âm nhạc điện tử, nó đã không đánh hỏng truyền thống mà lại còn làm cho nghệ thuật kinh kịch càng phù hợp với tập quán thưởng thức và yêu cầu tâm lí hiện đại.

Đội A trước khi thi đã không tìm hiểu đầy đủ về mình, trong hiệp này đã bộc lộ thực lực trống rỗng, sự yếu ớt của mình và kết quả là bị thất bại trong tranh luận.

Vậy thì *biết mình* có những nội dung gì ?

(1) Bản thân có nắm chắc và thấu hiểu luận đề không. (2) Có hiểu rõ các tài liệu liên quan với luận đề không (3) Luận cứ của mình có đáng tin cậy không. Nếu luận cứ là giả dối thì thường bị đối phương đột phá từ đó để phản bác. (4) Luận chứng có đúng đắn không, từ luận cứ có thể suy ra kết luận không. (5) Chú ý tìm kiếm những mắt xích yếu của đối phương, làm đột phá khẩu cho bên mình tấn công. (6) Chuẩn bị những vấn đề hiểm hóc, khi cần thì nêu ra, đó là những tuyệt chiêu dùng để đánh vào chỗ yếu của địch. (7) Chuẩn bị dùng những phương pháp và kĩ xảo gì, chẳng hạn tiến công trực diện hay xuất kích trắc diện; đánh thẳng vào đối phương hay dẫn dụ họ v. v...

Tranh luận, ngoài việc phải *biết mình*, còn phải *biết người*. Vậy thì *biết người* cần chú ý những gì ?

Trước hết phải hiểu được quan điểm của đối phương, tìm ra chỗ sai lầm trong quan điểm của họ, từ đó ngắm đúng vào tấm bia chúng ta cần bắn. Phải hiểu được luận cứ của đối phương, nếu luận cứ có chỗ giả dối, thì đó là mục tiêu công kích của chúng ta. Phải hiểu được phương pháp luận chứng của đối phương, từ phương pháp luận chứng của họ liệu có thể có được quan điểm của họ không. Ngoài ra, còn phải hiểu được tính cách, trạng thái tâm lí, trình độ nhận thức của đối phương. Chỉ có như vậy mới có chỗ mà tấn công, căn cứ vào những đối thủ khác nhau mà áp dụng những phương pháp ứng đối khác nhau.

Đối thủ thông minh, tư duy sắc bén khi tranh luận thì phải chú ý phát huy khả năng ăn nói của mình. Với đối thủ chậm chạp, sự hiểu biết và phản ứng kém thì phải chú ý giải thích tường tận. Với đối thủ có kiến thức cao thì phải chú ý cho lời lẽ của chúng ta có logic chặt chẽ, không có kẽ hở. Với đối thủ văn hóa thấp thì phải chú ý cho thông tục dễ hiểu. Với đối thủ thao thao bất tuyệt, cần đề phòng họ chuyển hướng luận đề. Với đối thủ mạnh mẽ tự phụ thì có thể dùng cách bất tương mà đối phó. Với đối thủ giận dữ thì cứ để họ bốc lửa, không thể thêm dầu vào lửa. Với đối thủ sợ sệt, chúng ta phải bình dị thân mật, phải có phong độ quân tử. Với đối thủ coi thường ta, thì phải ra đòn cảnh cáo ngay.

Một nhà hùng biện nếu vừa biết mình vừa biết người, khi tranh luận sẽ tự tin, vững vàng.

2. HIỂU RỘNG

Một nhà hùng biện muốn vững vàng tung hoành tự tin thì không chỉ phải nắm được các kĩ xảo tranh luận, điều quan trọng hơn là phải có vốn kiến thức sâu rộng. Một nhà hùng biện có kiến thức sâu rộng mới có thể nói kim nói cổ, dẫn cái này chứng cái nọ trong khi tranh luận, và mới có thể lời lẽ trơn tru luôn có đề tài để bàn.

Chúng ta hãy xem đoạn tranh luận giữa Khổng Dung 10 tuổi và Lí Ưng.

Thời Đông Hán, khi Khổng Dung 10 tuổi theo cha đến Lạc Dương. Lúc đó Lí Ưng làm hiệu úy tư lệ, là người rất có tiếng tăm. Những ai đến tìm ông ta đều phải là người có tài khí, có danh vọng hoặc là thân thích của chính ông ta thì người giữ cửa mới vào bẩm báo. Khổng Dung đến trước cửa, hỏi người canh cửa :

"Tôi là thân thích của nhà họ Lí các anh".

Được bẩm báo, Khổng Dung vào cửa và ngồi xuống. Lí Ưng hỏi : *"Ngươi và ta thân thích thế nào ?"*

"Xưa kia tổ tiên tôi là Khổng Tử, tổ tiên ông là Lí Bá Dương có mối tình thầy trò, bởi vậy tôi với ông là mối quan hệ lâu đời".

Lí Ưng nghe vậy rất mừng, hỏi : *"Ngươi muốn ăn gì không ?"*

"Muốn ăn chút ít".

Lí Ưng nói : *"Ta dạy ngươi lễ tiết làm khách là chỉ nên từ chối, không nên cám tạ chủ nhân".*

Khổng Dung nói : *"Tôi dạy ông lễ tiết làm chủ là chỉ cần chuẩn bị đồ ăn, không cần hỏi khách làm gì".*

Lí Ưng than rằng : *"Đáng tiếc ta sắp chết, không thấy được sự giàu sang của ngươi".*

Khổng Dung nói : *"Ông còn xa cái chết !"*

"Tại sao ?"

"Người ta sắp chết, lời lẽ hiền dịu. Lời lẽ ban nãy của ông chẳng hiền dịu chút nào".

Có thể giả tưởng nếu Khổng Dung không biết việc Khổng Tử từng theo học Lão Tử thì không thể nhận thân thích với Lí Ưng, sẽ không thể bước vào phủ của Lí Ưng, và cũng sẽ không có đoạn đối thoại hay đến vậy. Nếu ông ta không hiểu thành ngữ : *Người ta sắp chết, lời lẽ hiền dịu* thì làm sao có thể bắt chuyện được với con người có chút danh tiếng kia. Chính vì Khổng Dung thông minh hiếu học, biết nhiều hiểu rộng mà mới 10 tuổi đã tài hoa, nói ra lời đã trơn tru chặt chẽ, khiến Lí Ưng phải cứng họng.

Vậy tri thức sâu rộng của con người là từ đâu ? Ngoài việc học hỏi từ các chuyên gia, một điều quan trọng là phải học phải đọc, đọc nhiều sách vở.

Ta hãy xem một đoạn trong cuộc tranh luận theo luận đề : Ấm no là điều kiện tất yếu bàn tới đạo đức tại cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ :

Số 2 đội Cambrigde : *"... Đội bạn vừa rồi nói dân chúng nước Anh trong Đại chiến thế giới lần thứ 2 đã phát huy tinh thần đạo đức, nhưng cần biết rằng, nước Anh lúc đó ở vào xã hội trong các nước tư bản chủ nghĩa thì có nền kinh tế đứng đầu, và theo số liệu gần đây thì mức độ no ấm của người dân Anh trong Đại chiến hai là chưa từng có trong lịch sử. Giá trị dinh dưỡng lúc đó theo chế độ phân phối bình quân là cao nhất. Bởi vậy, anh không thể bằng việc này để phủ nhận rằng họ nói đến đạo đức trên mức độ no ấm".*

Số 3 đội Phúc Đán : *"Truyện Xiu-chi-ơ đã mách bảo chúng tôi rằng lúc đó biết bao người đã làm sao để nhét cho đầy cái bụng đói của mình ? Là xếp hàng để mua thức ăn của chim, vẫn chẳng được !"* (tiếng vỗ tay)

Đội Cambrigde đến từ nước Anh, tư liệu xác thực, rất có sức tấn công. Thế nhưng đội Đại học Phúc Đán đã đọc nhiều sách vở mà có được bề dày kiến thức lấy những điều chứng kiến của người phát ngôn có uy tín nhất thời Đại chiến hai về nước Anh làm luận cứ, đã phản bác mạnh mẽ, giành được sự tán thưởng của mọi người.

Tranh luận là một cuộc tranh đua kiến thức ở trình độ cao, ai đó nếu rỗng tuyếch thì trong tranh luận sẽ không có sức đua tranh.

3. CÀI BẪY HÀI ÂM

Lợi dụng những từ đồng âm hoặc gần âm làm điều kiện để làm rối đối phương, dẫn dụ họ rơi vào cái bẫy mình sắp đặt, từ đó mà đạt mục đích hạ gục đối phương. Đó chính là thuật *Cài bẫy hài âm.*

Ta hãy xem vụ án sau :

Cuối đời Thanh, một thương gia trọ một quán trọ, có đặt 20 lạng bạc mang theo vào trong túi quần áo và giao cho chủ quán cất giữ. Nhưng hôm sau lấy lại bọc để xem thì quần áo vẫn còn mà bạc thì mất hết. Thương gia liền tìm chủ quán để đòi bạc. Nhưng chủ quán một mực không nhận. Và thế là vụ này kiện lên quan huyện.

Tri huyện xem tờ đơn liền cho gọi chủ quán đến đối chất. Chủ quán vẫn một mực cho là ông khách lừa đảo. Ông thương gia thì nước mắt nước mũi, đau khổ nói : *"Trời ơi ! Tôi lừa đảo ư ? Số bạc ít ỏi đó là mồ hôi nước mắt mà có, cả nhà chỉ trông chờ ở nó mà sống !"*

Tri huyện một mặt nghe lời trình bày của hai bên, một mặt quan sát thần sắc của hai người. Thần sắc cử chỉ của nguyên cáo tỏ ra thật thà hiền lành, còn bị cáo thì tỏ ra giảo hoạt quỷ quyệt. Tri huyện thầm nghĩ : Một thương gia ở trọ đâu dám lừa đảo chủ quán về tiền bạc ? Chỉ trừ bọn táng tận lương tâm, nhưng nguyên cáo thì không giống loại người như vậy. Xem ra chủ quán là đáng nghi. Thế nhưng, khi nguyên cáo cất bạc lại không nói ra, giờ thì không có bằng cớ, lại không có ai làm chứng. Làm sao xử đây ? Tri huyện suy nghĩ hồi lâu, bỗng nảy ra một kế.

Tri huyện cho gọi chủ quán lại, cầm bút viết vào lòng bàn tay chủ quán chữ **bạc**, sau bảo phải đứng giữa sân, dưới trời nắng dữ dội. Tri huyện dặn dò chủ quán : *"Chú ý đấy nhé, đến khi nào chữ* **bạc** *trên tay ngươi không còn nữa thì phạt ngươi phải đền bạc".*

Chủ quán không biết cái bí mật trong đó, liền đứng yên không cựa quậy, luôn để mắt đến chữ **bạc**, chỉ sợ chữ bay đi mất. Cùng lúc đó, tri huyện bí mật cho người gọi vợ chủ quán đến để hỏi :

"Tối qua các ngươi thù bạc của thương gia, để ở đâu, mau đưa ra !"

"Bạc nào ? Tôi không biết". Vợ chủ quán giả đò đáp lời.

Tri huyện nổi giận : *"Đừng có điêu toa ! Chồng ngươi đã nhận rồi, còn không khai thật ra ?"*

Vợ chủ quán cười nhạt, không hề biến sắc.

Tri huyện bắt mụ đối chất với chồng. Vợ chủ quán nửa tin nửa ngờ đi theo quan huyện đến bên cửa sổ. Tri huyện qua cửa sổ quát tên chủ quán đứng giữa sân : *"Lão chủ, bạc ngươi thủ*[1] *có còn không ?"*

"Bạc trong tay tôi vẫn còn, ai bảo không còn ?" Chủ quán nhìn chăm chăm vào chữ **bạc**, thấy quan hỏi đến thì vội trả lời.

Tri huyện quay lại nói với mụ vợ chủ quán : *"Thế nào ? Nghe rõ rồi chứ ? Chồng ngươi đã nhận thủ* **bạc** *rồi, ngươi còn không khai ra, coi chừng mà thịt nát xương tan !"*

Mụ vợ cho rằng chồng đã khai nhận, thì cũng chẳng giấu làm gì, đã khai ra là giấu bạc trong hòm quần áo trong nhà. Tri huyện cho người đến nhà, lấy bạc từ trong tủ ra, đúng là bạc của thương gia, không thiếu một phân.

Để khuất phục tên chủ quán gian manh, ở đây tri huyện đã dùng thuật *Cài bẫy hài âm* để đưa hai vợ chồng chủ quán vào bẫy và đã khéo léo phá được vụ án.

Dùng bẫy hài âm cần chú ý phải ngụy trang cho khéo, không được để đối phương phát hiện. Nếu đối phương biết được, sẽ không để bị lừa.

---

(1) *Thủ* : Vừa có nghĩa là "giữ" *(Tay giữ chữ* **bạc**.). Vừa có nghĩa là "lấy", "lấy cắp".

4. CÀI BẪY ĐA NGHĨA

Ngôn ngữ tự nhiên thường là mơ hồ, đa nghĩa. Lợi dụng tính dị nghĩa của ngôn ngữ tự nhiên, có lúc có thể khéo léo đặt bẫy ngôn ngữ, đạt được mục đích dụ địch vào bẫy. Chẳng hạn :

Đời Đường có người tên là Vương Luân, nhà ở huyện Kinh Xuyên tỉnh An Huy. Ông ta rất ngưỡng mộ Lí Bạch, đại thi hào đương triều, nhưng giận mình không có duyên làm quen. Và ông ta định bụng tìm dịp để được tận mắt nhìn thấy vị thi tiên khác thường này, có thể còn kết giao bạn bè nữa. Có lần gặp lúc Lí Bạch ngao du sơn thủy đến Hoàn Nam, Vương Luân suy nghĩ : Có cách gì để làm quen với Lí Bạch không nhỉ ? Bỗng ông ta nghĩ ra Lí Bạch thích hoa đào, lại thích rượu bèn nảy ý viết bức thư mời. Thư viết :

"Tiên sinh thích chơi ư ? Ở đây có hoa đào 10 dặm. Tiên sinh thích rượu ư ? Ở đây có quán rượu vạn gia".

Lí Bạch nhận được thư, vui vẻ đến. Vương Luân bèn tình thực nói ra :

"Hoa đào 10 dặm *là ngoài 10 dặm mới có bến hoa đào, còn đây thực ra chẳng có.* Quán rượu vạn gia *chỉ là có một quán rượu nhà họ Vạn, thực ra đây đâu có hàng vạn quán rượu".*

Lí Bạch nghe vậy, cười vang.

"Hoa đào mười dặm" có thể chỉ ý khắp nơi là hoa đào, cũng có thể chỉ bến hoa đào cách đây mười dặm. *"Quán rượu Vạn gia"* có thể chỉ ý quán rượu rất nhiều, cũng có thể chỉ quán rượu của người chủ họ Vạn. Vương Luân đã lợi dụng hiện tượng đa nghĩa này mà đạt mục đích nhiệt tình mời mọc Lí Bạch.

Khi *Cài bẫy đa nghĩa*, thì tính mơ hồ và tính linh hoạt của ngôn ngữ là quan trọng. Có câu chuyện Bao Công phá án như sau : Ở địa phương nọ ông nhà giàu có đứa con tên là Lí Chính Tần, từ nhỏ đã đính hôn với cô tiểu thư họ Trang của Trang Viên ngoại. Hai người sinh cùng năm. Đến khi 18 tuổi, ông họ Lí chuẩn bị đám cưới cho họ, không ngờ một đám cháy làm cháy rụi cả gia sản. Như vậy là việc vui không thành mà ngay đời sống cũng khó khăn. Cô gái họ Trang chê nghèo tham giàu không nhận cưới nữa, mà lại đính thân với tú tài họ Tiền giàu có thế lực. Và Trang tiểu thư có hai vị hôn phu.

Lí Chính Tần nghe chuyện Trang tiểu thư sắp lấy Tiền tú tài, thì kiện đến phủ Khai Phong – Bao Công bèn truyền gọi Trang tiểu thư và Tiền tú tài đến thẩm vấn. Bao Công ra sức khuyên họ từ hôn, hi vọng là tiểu thư sẽ lấy Lí Chính Tần. Nhưng cô không chịu. Thế là Bao Công chau mày và nảy ra một kế, ông bắt Tiền tú tài, Trang tiểu thư, Lí Chính Tần cả ba người quỳ theo hàng dọc trước bàn. Trang tiểu thư ở giữa, phía trước là Tiền tú tài, sau cùng là Lí Chính Tần. Bao Công nghiêm trang nói với Trang tiểu thư :

"Trên công đường không nói chơi, cô muốn lấy tiền phu[1] *trước hay hậu phu, cho cô chọn. Nhưng đã xác định rồi thì không được chữa lại, phải lập bằng có ngay".*

Trang tiểu thư ngẩng đầu nhìn, phía trước là Tiền tú tài, liền nói :

"Tiểu nữ xin lấy tiền phu".

Bao Công cười lớn vừa để nghị người giúp việc viết văn bản để cho tiểu thư nọ kí tên, vừa nói : *"Trang tiểu thư rốt cuộc là hiền huệ, không chê nghèo tham giàu, vẫn cứ muốn lấy chồng trước".* Và rồi nói với Lí Chính Tần : *"Trang tiểu thư đã tự nguyện nhận lấy ngươi là người chồng trước, ngươi hãy đưa cô ta về mà cưới !"*

"Bái đường !" Trang tiểu thư lúc này mới vỡ nhẽ, nhưng không thể nào lấy lại được. Vả lại thấy Lí Chính Tần nho nhã, có nhân phẩm thì đành đi theo anh ta.

Câu hỏi của Bao Công *"muốn lấy tiền phu hay hậu phu"* là một cái bẫy. Trang tiểu thư nếu đáp *"muốn lấy tiền phu"*, Bao Công sẽ nói cô ta muốn lấy người đính hôn trước là Lí Chính Tần. Nếu cô đáp *"muốn lấy hậu phu"* thì Bao Công sẽ nói cô muốn lấy Lí Chính Tần là người con trai quỳ sau cô. Câu hỏi của Bao Công rất linh hoạt cơ động, đối phương dù thế nào cũng khó lòng thoát khỏi cái bẫy đã dày công cài đặt.

---

(1) Chữ *Phu* vừa có nghĩa là "chồng" vừa có nghĩa là "anh con trai đã thành niên". Như vậy *tiền phu* vừa là "người con trai phía trước", vừa là "người chồng trước" ; *hậu phu* cũng có hai nghĩa.

5. CÀI BẪY HOÀN CẢNH

Thuật *Cài bẫy hoàn cảnh* là phương pháp hữu hiệu vạch trần sự giả dối của đối phương. Điểm quan trọng để thực thi là dựa vào hoàn cảnh mà lời nói giả dối của đối phương đề cập tới mà đặt ra câu chuyện sinh động, có hồn nảy sinh từ hoàn cảnh này, y như là mình tai nghe mắt thấy, và cũng trong cảnh ấy vậy. Như vậy, sự chú ý của đối phương sẽ bị thu hút hết vào tình tiết của câu chuyện. Và do đối phương không có mặt trong đó nên không cách gì biết được thực hư. Xuất phát từ tập quán tư duy vốn có và tâm lí của họ mà dễ dàng khẳng định chuyện này là có thật. Như vậy, sự giả dối của đối phương sẽ bị vạch trần hoàn toàn. Chẳng hạn :

Khoảng 8 giờ 30 phút tối ngày hôm nọ, ở thành phố nọ xảy ra một vụ án. Cảnh sát đã thẩm vấn người bị tình nghi.

Người xét hỏi : *"8 giờ 30 tối hôm đó anh đi đâu ?"*

Kẻ tình nghi : *"Tối đó 7 giờ ra khỏi nhà thì đi xem phim, 7 giờ 15 đến rạp. Phim rất dài, 10 giờ 30 mới hết. Trong thời gian đó không ra khỏi rạp. 11 giờ về đến nhà thì ngủ."*

Người xét hỏi : *"Tối hôm đó vợ chồng tôi cũng đến rạp đó, khi phim chiếu đến chỗ nữ nhân vật chính bắn súng thì phim đứt, người đầu hói ngồi ở hàng ghế đầu đứng dậy gào to. Chính lúc đó thì đèn sáng, tôi ngồi ở ghế sau nhận ra ông ta là ông béo Jim Lê-ô-na. Tôi nhận ra ngay, dáng người phương Tây mà..."*

Kẻ tình nghi : *"Quả đúng vậy, tôi cũng thấy mà."*

Người xét hỏi : *"Anh là thằng dối trá ! Hãy khai ra ngay !"*

Do người xét hỏi đã đặt ra câu chuyện có hồn nên kẻ tình nghi đã mắc bẫy.

Dùng thuật *Cài bẫy hoàn cảnh* để giành thắng lợi cần chú ý là câu chuyện dựng lên phải có tình có lí, để đối phương không nhận ra là thật hay giả. Như vậy sẽ làm cho đối phương mất cảnh giác, tự chui vào lưới.

Lại ví dụ, một vụ án về Trương X mà Trương X luôn miệng bảo anh ta không có ở đó. Từ sớm đến tối đều bơi và tắm nắng bên bờ biển. Ta hãy xem luật sư đã vạch trần sự dối trá của anh ta thế nào.

Luật sư : *"Mặt anh đó bừng lên kìa, phải chăng là do đi bơi ?"*

Trương X : *"Đúng vậy, hôm nay tôi từ 6 giờ sáng cho đến 6 giờ chiều đều bơi và tắm nắng."*

Luật sư : *"Hôm nay vừa sáng anh đã ra bãi biển, chắc là thấy lợn biển dạt lên bờ. Hôm nay tôi xem tivi, đài có nói tình hình lợn biển dạt lên bờ. Phía trước có một con, đằng sau có nhiều con, chúng tự sát tập thể..."*

Trương X : *"Ô, đúng vậy, tôi cũng thấy. Không biết là thấy lợn biển thì có may mắn không ?"*

Luật sư : *"Hôm nay tôi hoàn toàn không xem tivi !"*

Trương X : "... "

Trương X hoàn toàn không ra bãi biển, để vạch trần sự giả dối của y, luật sư đã bịa câu chuyện lợn biển tự sát tập thể thật sống động như thật, và khi Trương X xác nhận việc này thì toàn bộ này đều lộ ra cả.

6. CÂU HỎI RẮC RỐI

Thuật *Câu hỏi rắc rối* lấy việc bày đặt giả dối làm thủ đoạn giành thắng lợi. Cái bẫy đặt ra có thể là thật, có thể là giả dối. Chẳng hạn :

"Trường Giang là một con sông của Trung Quốc."

Câu này nêu ra : *"Trường Giang là một con sông"*. Việc đặt ra này là phù hợp với tình hình thực tế của sự vật, bởi vậy nó là thật. Lại ví dụ :

"Động cơ vĩnh cửu là làm bằng sắt thép hay kim loại hiếm ?"

Câu này nêu ra : "Động cơ vĩnh cửu là có thật". Việc đặt ra này là giả dối. Vì thực tế không có động cơ vĩnh cửu.

Thuật *Câu hỏi rắc rối* là phương pháp đánh đổ đối phương bằng cách đặt ra một cái chứa đựng sự giả dối để yêu cầu đối phương trả lời, đối phương dù trả lời "đúng" hay "không đúng" thì đều thừa nhận cái đặt ra giả dối này. Như vậy, đối phương đã rơi vào khó khăn. Chẳng hạn :

Đời nhà Thanh, có một hôm hai sai dịch nói với Bàng Chấn Khôn rằng : *"Nhà anh nuôi trộm, đã trộm cắp đồ đạc của các nhà giàu có vùng này, giờ lên huyện để xử."*

Bàng Chấn Khôn nghe vậy thì biết là bọn nhà giàu muốn hại anh, mà anh cũng đoán ra là bọn trộm không hề biết anh, và thế là cứ đi lên huyện. Ra phố, anh xin người quen một hộp giấy, đội lên đầu, che cả mặt, chỉ chừa 2 con mắt. Ra công đường, anh nói với quan huyện : *"Vì trong nhà có nuôi trộm nên không mặt mũi nào nhìn thấy người nữa, mới lấy hộp giấy che mặt. "* Quan huyện hỏi tên trộm : *"Đây là chú ngươi à ?"* Trộm nói : *"Đúng vậy, tôi ở nhà anh ta đã 3 năm."* Lúc này Bàng Chấn Khôn hỏi tên trộm :

"Bàng Chấn Khôn ta không nổi tiếng nhưng cái mặt rỗ của ta thì đâu cũng biết. Người ở nhà ta đã 3 năm thì hãy nói ta mặt rỗ chằng rỗ chịt hay rỗ hoa ? Là rỗ đen hay rỗ trắng ?"

Tên trộm lặng đi một lúc, bụng nghĩ thằng cha thật đến ghê, mình sẽ nói câu chơi chơi xem :

"Anh là thằng rỗ mà, chẳng rỗ chằng mà cũng chẳng rỗ hoa, không đen cũng không trắng." Lúc này, Bàng Chấn Khôn gỡ hộp giấy ra : *"Ngài quan huyện, ông xem mặt tôi có rỗ không ?"*

Té ra thằng trộm này là loại lưu manh mà bọn nhà giàu bày mưu ra, và bọn chúng bị trị tội vu cáo.

Nếu như bọn trộm cướp đúng là do Bàng Chấn Khôn nuôi lâu năm trong nhà, thì tất nhiên phải biết mặt chủ nhân có rỗ không. Bàng Chấn Khôn đoán rằng thằng trộm không biết điểm này, bởi vậy mới dùng *Câu hỏi rắc rối* : *"Mặt ta rỗ chằng hay rỗ hoa, là rỗ trắng hay rỗ đen"* để hỏi đối phương. Như vậy, dù đối phương trả lời thế nào cũng đều thừa nhận cái đặt ra giả dối này : *"Mặt ông chủ bị rỗ"*. Như vậy đối phương sẽ rơi vào bẫy cài đặt sẵn, và khó lòng thoát ra.

Điều mấu chốt trong việc vận dụng thuật *Câu hỏi rắc rối* này là phải đặt ra cái việc giả dối mà theo lí thì đối phương phải biết rõ nhưng thực tế chẳng hề biết. Như vậy, mới có thể vạch trần tính giả dối của luận điểm đối phương.

7. KIỂU NÓI DẮT DÂY

Kiểu nói dắt dây là ghép các câu hỏi về các mặt lại với nhau, yêu cầu đối phương trả lời, và dù họ trả lời thế nào thì cũng rơi vào cái bẫy mình đã cài đặt công phu. Từ đó mà có thể vững vàng chiến thắng.

Sau đây là đoạn thoại giữa Mác-tin và một cô gái.

Có lần, nhà hài hước nước Mĩ là Mác-tin định mời một cô gái xinh đẹp đi ăn tối. Và thế là, ông ta theo cách của ngài Bếch-cơ, giáo sư toán nổi tiếng của trường đại học Ha-vớt, nói với cô gái rằng :

"Tôi có 3 câu hỏi, mỗi câu đề nghị cô hãy trả lời khẳng định hoặc phủ định. Có được không ?"

Cô gái đồng ý. Và thế là Mác-tin đặt câu hỏi :

"Câu thứ nhất là : Cô có bằng lòng trả lời thật hai câu hỏi sau của tôi không ?"

Cô gái *"Đồng ý."*

Mác-tin : *"Rất tốt. Câu thứ hai là : Nếu câu hỏi thứ ba của tôi là : "Cô có đồng ý ăn cơm tối với tôi không ?" Vậy thì, câu trả lời của cô với hai câu hỏi này có nhất trí không ?"*

Cô gái : "... "

Cô gái đã không biết phải trả lời thế nào. Bởi vì nếu trả lời *"Vâng"*, vậy thì câu thứ hai là khẳng định, câu hỏi thứ hai và câu hỏi thứ ba là nhất trí, vậy câu hỏi thứ ba chắc chắn là khẳng định, tức đồng ý cùng ăn tối với ông ta. Nếu trả lời là *"không"*, vậy thì câu hỏi thứ hai là phủ định, câu hỏi thứ hai và câu hỏi thứ ba là khác nhau, như vậy câu hỏi thứ ba cũng là khẳng định, tức là đồng ý cùng ăn cơm tối. Và thế là Mác-tin đã đạt được mục đích dự định.

Bí quyết giành thắng lợi của Mác-tin là ở chỗ đã dùng *Kiểu hỏi dắt dây*. Ông ta đã ghép câu hỏi thứ hai và thứ ba lại để hỏi đối phương. Như vậy, đối phương dù trả lời thế nào đều khó mà thoát khỏi cái bẫy đặt ra cho họ.

8. KIỂU HỎI PHỦ ĐỊNH

Câu hỏi đúng sai là kiểu câu hỏi dùng từ để hỏi *"không", "phải không"*, người hỏi nêu toàn bộ câu chuyện ra, yêu cầu đối phương trả lời khẳng định hoặc phủ định. Nhưng điều đáng chú ý là trong câu hỏi này khi có từ phủ định mà trả lời khẳng định hoặc phủ định một cách đơn giản thì thường tạo nên dị nghĩa. Chẳng hạn :

"Anh không phải là người Nhật phải không ?"

Nếu trả lời *"vâng"*, có thể hiểu là khẳng định *"là người Nhật"*, cũng có thể hiểu là với việc khẳng định *"không phải là người Nhật"* mà được kết luận *"không phải là người Nhật"*. Nếu trả lời *"không"*, có thể hiểu là *"không phải là người Nhật"*, cũng có thể hiểu là đối với phủ định của *"không phải là người Nhật"* mà có được kết luận *"là người Nhật"*.

Trong những trường hợp biện luận nào đó, nếu biết khéo léo dùng kiểu câu hỏi đúng sai có chứa từ phủ định loại này để tạo nên các nghĩa khác nhau thì thường có thể khiến cho đối thủ bất ngờ mà rơi vào bẫy ta đã cài sẵn mà không thể thoát ra được. Loại kĩ xảo này chúng ta gọi là là *Kiểu hỏi phủ định"*. Chẳng hạn, Su-san trong ví dụ sau đã dùng *"kiểu hỏi phủ định"* để cha cô ta rơi vào cái bẫy cô đặt ra :

Có một hôm, ông học giả phật học tranh luận với cô con gái.

Su-san : *"Cha là tên đại bịp. Cha hoàn toàn không thể dự báo tương lai !"*

Học giả : *"Ta khẳng định có thể !"*

Su-san : *"Không, cha không thể. Con sẽ chứng minh đây."*

Su-san viết một số chữ lên tờ giấy, gấp lại, chặn dưới quả cầu thủy tinh. Rồi cô nói : *"Con viết một việc, nó có thể xảy ra trước 3 giờ chiều, cũng có thể không xảy ra. Xin cha tiên đoán nó có xảy ra không, và viết lên tấm bìa này chữ* **"vâng"** *"hoặc"* **"không"**. *Nếu cha viết sai, thì cha phải mua cho con chiếc xe đua ngay hôm nay, mà không được hoãn sang hôm sau, vậy nhé ?"*

"Được, quân tử nhất ngôn". Học giả nói rồi viết ngay chữ "vâng" lên tấm bìa.

Lúc 3 giờ, Su-san rút tờ giấy dưới quả cầu thủy tinh ra, đọc to lên : *"Trước 3 giờ chiều, cha sẽ viết một chữ "không" trên tấm bìa, nhưng cha lại viết "vâng", lời tiên tri của cha sai rồi ! Bởi vì việc trước 3 giờ, cha sẽ viết chữ "không" lên tấm bìa "đã không xảy ra"..*

"Nếu cha viết chữ "không" thì xong rồi". Học giả nói.

"Nếu cha viết chữ "không" thì cũng sai mà. Bởi vì viết chữ "không" sẽ chỉ ý lời tiên đoán về sự việc viết trên tấm bìa sẽ không xảy ra. Nhưng nó đã xảy ra ! Dù là thế nào thì cha vẫn sai cả ! Cha, con cần mua chiếc xe đua màu đó, mua cho con ngay hôm nay !"

Vị học giả nọ rốt cuộc đã rơi vào cái bẫy ngôn ngữ mà con gái ông ta cài sẵn. Ở đây Su-san đã sử dụng kĩ xảo *Kiểu hỏi phủ định*, cô ta nêu ra câu hỏi đúng sai có chứa từ phủ định : *"Trước 3 giờ chiều cha có thể viết chữ "không" ?* và buộc đối phương trả lời bằng cách khẳng định hoặc phủ định, và dù là khẳng định hay phủ định đều khó mà thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn.

9. CÀI BẪY LÀM ĐỊCH MẤT CẢNH GIÁC

Thuật *Cài bẫy làm địch mất cảnh giác* là phương pháp cố tình làm tê liệt đối phương, khiến họ mất cảnh giác rồi đó giáng một đòn bất ngờ để nhằm đạt mục đích hạ đối phương.

Vụ án dưới đây chính là như vậy.

Đời nhà Thanh có người vu cáo người ta ăn trộm gà của mình. Huyện lệnh đòi những người láng giềng kia lên thẩm tra, nhưng không ai thừa nhận. Họ quỳ quanh bàn án. Huyện lệnh giả vờ không để ý mà xem xét vụ án khác. Hồi lâu, lại tỏ vẻ mệt mỏi, nói :

"Các ngươi hãy cứ về đi đã".

Những người này đều đứng dậy, thế nhưng huyện lệnh bỗng nổi cơn thịnh nộ, đập bàn quát :

"Thằng ăn cắp gà mà cũng dám đi về à !"

Tên ăn cắp gà hốt hoảng hai chân run lẩy bẩy, vội quỳ xuống đất. Khi lấy cung, y chỉ còn biết khai thực ra.

Ban đầu, huyện lệnh lấy cung bọn họ, thì tên ăn trộm đã có chuẩn bị tư tưởng, không chịu nhận. Thế là huyện lệnh đổi cách, giả cách xét vụ án khác, mặc kệ bọn họ. Như vậy tên ăn trộm gà sẽ dần dần mất đi tư tưởng cảnh giác. Thế rồi huyện lệnh bỗng quát to, tên trộm gà liền hiện nguyên hình.

Trong biện luận, dùng thuật *Cài bẫy làm địch mất cảnh giác*, trước hết phải không biểu lộ thần sắc, khiến đối phương tê liệt về tư tưởng. Sau đó, bất ngờ mà công kích. Như vậy trong trường hợp đối phương không có sự chuẩn bị về mặt tư tưởng thì thường là nhớ mồm mà không biết là rơi vào cái bẫy chúng ta đặt ra. Chẳng hạn, có một vụ án như sau :

Một hôm A và B kiện nhau ra tòa. Anh B nợ anh ta nhiều vàng, còn B thì không thừa nhận, một mực nói : *"Tôi lần đầu gặp anh ta, xưa nay đâu có cùng làm việc gì".*

"Anh bắt anh ta trả vàng, vậy thì lúc đó cho anh ta mượn ở đâu ?" quan tòa hỏi A.

"Ở dưới gốc cây cách thành chừng 3 dặm". A trả lời.

"Anh đi chuyến nữa đi, mang về đây hai cái lá của cái cây kia, ta sẽ bắt chúng làm nhân chứng, lá cây sẽ nói cho ta sự thực". Quan tòa đưa ra một yêu cầu kì quặc như vậy với A.

A đi hái lá cây, còn B ở lại tòa. Quan tòa không nói chuyện với anh ta mà lại xét vụ án khác. B làm người bàng quan xem quan tòa xử án một cách hứng thú. Đang khi vụ án xử đến chỗ điểm nút, bỗng quan tòa quay lại hỏi B :

"Anh ta giờ đây đã chạy đến được gốc cây nọ chưa ?"

"Theo tôi thì chưa, còn một đoạn đường nữa".

"Thế anh chưa từng cùng anh ta đến đó, sao biết được là còn một đoạn đường nữa ?" Quan tòa nghiêm nét mặt.

B đến lúc này mới biết mình nhờ mồm, đành phải nhận tội lừa đảo.

Quan tòa trong quá trình đấu tranh với tên tội phạm lừa đảo, đã không trực tiếp hỏi B có nợ vàng của A hay không, cũng không hỏi B về cái cây mà A nói tới !. Mà là, để A đi lấy lá cây, tiếp đó thì thụ lí vụ án khác, gạt B sang bên, đang khi B quan sát vụ án mà quan đang xử (tiếp sau) đi vào điểm nút một cách tập trung và khoái chí thì quan tòa bằng câu hỏi nhẹ nhàng bâng quơ đã khiến B trong tình trạng không có sự chuẩn bị về tư tưởng đã nói ra sự thật. Từ đó nên tòa đã dễ dàng đạt được mục đích.

Trong rất nhiều trường hợp tranh luận cũng như vậy, nếu cứ tranh luận nghiêm chỉnh thì không có hiệu quả, thế nhưng hỏi độp một cái lại có thể có hiệu quả tranh luận vừa ý.

10. TỪ NHỎ NHÌN RA TO

Cổ nhân nói, *một chiếc lá rụng mà biết đất trời thu, nhìn đến lông mà nhận ra con báo.* Điều đó nói lên chúng ta khi nhận thức sự vật khách quan, tiến hành biện luận thì có thể chọn cái điểm hoặc cái mặt điển hình và có tính đại biểu để từ đây suy ra cái kia, từ bề mặt suy vào trong và loại suy, rồi đó mà nhận thức cả chỉnh thể của sự vật mà đạt được mục đích vạch rõ bản chất sự vật, giành lấy chiến thắng trong tranh luận. Đó chính là thuật *Từ nhỏ nhìn ra to.*

Nghe nói thời Đông Hán có người tên là Trần Phiên. Có một hôm người bạn của cha anh ta là Tiết Cần đến thăm, thấy anh ta một mình một buồng, mà trong phòng thì lộn xộn, bừa bãi. Lúc đó Tiết Cần liền hỏi :

"Này cậu bé, sao không quét dọn nhà cửa để đón khách nhỉ ?"

Trần Phiên trả lời : *"Đại trượng phu sống trên thế gian này, cần làm những việc rung chuyển đất trời, đạp quét sạch bất công trong thiên hạ, chứ đâu phải quét dọn rác rưởi trong buồng ?"*

Tiết Cần liền phản vấn : *"Rác rưởi trong buồng cậu mà không quét dọn thì sao quét được nỗi bất bình trong thiên hạ ?"*

Tiết Cần từ việc nhỏ là Trần Phiên lười quét dọn nhà cửa mà *Từ nhỏ nhìn ra to*, có được kết luận cậu ta sẽ không làm được việc lớn, như vậy là đã đánh vào chỗ hiểm yếu.

Một nhà hùng biện không chỉ phải biết từ điểm mà nhận thức diện, mà còn có thể nhìn xa trông rộng, từ kết quả trước mắt mà dự đoán được xu thế phát triển tất yếu của tương lai sự vật. Chẳng hạn thời Xuân Thu Quản Trọng phò tá Tề Hoàn Công hoàn thành nghiệp bá. Khi Quản Trọng ốm nặng, Hoàn Công đến thăm và hỏi :

"Bệnh khanh xem ra rất nặng, khanh có dặn ta gì không ?"

Quản Trọng nói : *"Thần mong rằng chúa công có thể xa lánh Dị Nha, Thụ Điêu, công tử Khai Phương, Đường Vu. Bốn người họ sau này rất bất lợi cho chúa công, cho nhà nước".*

Hoàn công nói : *"Dị Nha là đầu bếp của ta, có lần ta buột miệng nói sơn hào hải vị nào ngươi cũng đã làm cho ta ăn, chỉ chưa được nếm món trẻ con*

luộc. Thế là Dị Nha đã luộc đứa con sơ sinh đầu lòng của y cho ta ăn. Y tốt với ta đến vậy, sao ta phải xa cách y ?"

Quản Trọng phản bác : *"Từ tình cảm con người mà nói, không ai không yêu con mình đứt ruột đẻ ra, mà Dị Nha không yêu ngay cả con mình, đem luộc cho người khác ăn thì y có ích gì cho đại vương đây ?"*

Hoàn Công lại hỏi : *"Thụ Điêu là quý tộc, biết ta thích cuộc sống trong cung thế mà ông ta tự thiến để vào hầu ta. Ông ta yêu ta đến vậy, sao ta lại phải xa lánh ?"*

Quản Trọng phản bác : *"Người ta không ai không quý thân thể mình, ông ta dám hủy hoại mình tức không yêu thân thể mình thì sao lại thực sự tốt với chúa công được ?"*

Hoàn Công nói : *"Công Tử Khai Phương là người nước Vệ, nước Vệ không xa, thế mà ông ta hầu hạ ta 15 năm chưa về thăm cha mẹ, ông ta không tốt sao ?"*

Quản Trọng phản bác : *"Công Tử Khai Phương không yêu ngay cả cha mẹ mình, sao lại tốt thực sự với chúa công được ? Bọn họ đều ôm ấp những lòng lang dạ sói cả mà thôi !"*

Hoàn Công cuối cùng hiểu ra, đáp : *"Hay !"*

Quản Trọng bằng sự quan sát tinh tường của một trung thần, thông qua một vài sự phân tích các mảnh đoạn cuộc sống của Dị Nha, Thụ Điêu, công tử Khai Phương mà bóc trần sự che đậy của họ, biết tổng tâm địa của họ và dự báo trước xu hướng phát triển tất yếu của sự vật, từ đó rút ra kết luận sắc sảo.

Sự phát triển của lịch sử cũng hoàn toàn chứng thực tính chính xác của các suy đoán của Quản Trọng. Quản Trọng chết rồi, do Hoàn Công không nghe theo lời ông mà bốn kẻ kia quả nhiên làm loạn, nhốt Hoàn Công trong một buồng, không cho ăn uống, Tề Hoàn Công đã phải thắt cổ tự tử.

Dùng thuật *Từ nhỏ nhìn ra to* cần chú ý *"nhỏ"* trong đó phải có tính đại diện, phải có mối liên hệ tất yếu với *"to"*. Không được phạm sai lầm từ phiến diện suy ra toàn cục, khái quát một cách bừa bãi.

11. KHÁM PHÁ BẰNG CÁCH HỎI

Trong tranh luận, để đạt mục đích tìm hiểu ý đồ đối phương, với tiền đề không bộc lộ ý đồ chân thực của mình, có thể đặt mấy câu hỏi cho đối phương, buộc họ trả lời, từ đó mà tìm hiểu thực tình của đối phương. Cách này ta gọi là thuật *Khám phá bằng cách hỏi.*

Ta hãy xem một vụ việc sau :

Tháng 6 năm 1987, trên chuyến xe khách của tỉnh Giang Tô, một chàng trai đã nhiệt tình giới thiệu mình với một cô gái ngồi bên tên là Tiểu Lâm : *"Tôi họ Hồng, tốt nghiệp Đại học sư phạm Nam Kinh, giờ dạy tại học viện sư phạm Phụ Ninh, cha tôi là bí thư huyện ủy huyện X."*

Một ông con của bí thư huyện ủy vừa có địa vị vừa có học vấn thực tình là rất hấp dẫn với cô bé nông thôn đang hướng tới huyện lị. Xuống xe, chàng "Hồng" đã mời cô gái đi xem phim, và hứa với cô : *"Hộ khẩu nông thôn của cô không thành vấn đề, tôi có thể tìm cho cô một công việc, sau này hộ khẩu lương thực không phải lo, cha tôi sẽ thu xếp."*

Cô Lâm chìm trong giấc mơ, "Hồng" nhân đó hỏi vay tiền cô gái, và đến nhà Lâm chơi. Cha Lâm là một cán bộ có tuổi, nghe "Hồng" nói là dạy chính trị thì cố tình hỏi :

"Cậu "Hồng" này, theo cậu thì một chia ra hai và gộp hai thành một là gì vậy ?"

• Chàng trai ú ớ không trả lời được.

"Vật chất biến thành tinh thần, tinh thần biến thành vật chất, vậy quan hệ giữa chúng có quan hệ gì ?"

"Hồng" hoàn toàn chẳng biết gì cả.

Điều này khiến cha cô Lâm sinh nghi, ông nghĩ : Phụ Ninh đâu có học viện sư phạm, lại nữa sinh viên đại học văn khoa đi dạy chính trị sao lại không biết một chia hai ?

"Hồng" trước sau đã lừa của cô Lâm say y như điếu đổ 850 đồng, đang định chuồn thì cha Lâm tới, truy cho "Hồng" phải nói thật ra : Hắn ta là Vương Đại Như, từng trộm cắp mà bị xử tù 6 tháng...

Muốn đạt mục đích tìm hiểu "Hồng" thì đến trường Sư phạm Nam Kinh điều tra xem có sinh viên tốt nghiệp như vậy không ; đến Phụ Ninh điều tra xem có học viện sư phạm không, có thầy giáo như vậy không ; đến huyện X hỏi xem bí thư huyện ủy có người con như vậy không, đương nhiên là cũng được, nhưng quá tốn công sức mà lại không kinh tế, không phải là cách giản tiện. Cha cô Lâm bởi vậy đã liên tiếp đặt ra mấy câu câu hỏi, qua việc phản ứng trước các câu hỏi này mà dễ dàng đạt được mục đích dự định.

Muốn dùng được thuật *Khám phá bằng cách hỏi* thì phải chú ý lựa chọn những câu hỏi đi thẳng vào điểm yếu hại nhất của đối phương. Chẳng hạn, một dự thẩm viên Trung Quốc trong những năm 50 khi lấy cung một gián điệp Mĩ, có đoạn như sau :

Dự thẩm : *"Anh hãy kể về cuộc đời của anh đi !"*

Gián điệp : *"... Năm 1948 đến Bắc Kinh, học với một giáo sư nổi danh để làm luận văn tiến sĩ"*

Dự thẩm : *"Anh nghiên cứu đề tài gì ?"*

Gián điệp : *"Nghiên cứu về Quán Tử"*

Dự thẩm : *"Thế thì anh hãy giải thích câu chuyện ngựa già thuộc đường !"*

Gián điệp : (ngớ người, không nói được gì.)

Dự thẩm : *"Anh nói là nghiên cứu về Quán Tử, nhưng ngay câu chuyện ngựa già thuộc đường cũng không biết. Vậy anh không phải là chuyên tâm học ở Trung Quốc !*

Dự thẩm viên nói câu đó đã vạch trần sự dối trá của tên gián điệp.

12. KẾT HỢP CƯƠNG NHU

Là một nhà hùng biện, trong tranh luận, có lúc phải cương phải bốc nhiệt huyết sục sôi. Có lúc cũng phải nhu, như dòng nước mềm mại. Nhưng trong nhiều trường hợp là phải có cương trong nhu, có nhu trong cương. Đó chính là thuật *Kết hợp cương nhu*. Sử dụng thuật này thường là có được kết quả tranh luận đẹp đẽ. Chẳng hạn :

Thời Minh Hiếu Tông Khổng Dung được bổ làm tri phủ Điền Châu. Nhận chức mới ba hôm thì quân trong châu đều bị điều động đi nơi khác hết, mà lúc đó người dân tộc Đồng lại xâm phạm. Dân chúng đề nghị đóng cửa thành để giữ. Khổng Dung nói : *"Đây là thành trì đơn độc, bên trong thì trống rỗng, nếu giữ thì được mấy ngày ? Chỉ có nhân đây mà dùng cái ân uy của triều đình để hiếu dụ họ, hoặc họ sẽ giải vây mà đi."* Thế là Khổng Dung một mình đến chỗ quân Đồng, ông ngồi giữa phòng, thủ lĩnh người Đồng hỏi ông là ai. Khổng Dung đáp : *"Ta là Khổng Thái Thú"*. Rồi Khổng Dung nói với mọi người :

"Ta vốn biết các ngươi là dân lành, nhưng do đói rét mà tụ tập ở đây để khỏi chết. Viên quan trước đã không hiểu các ngươi, dùng quân trấn áp, định giết hết các ngươi. Ta nay phụng mệnh triều đình đến làm quan phụ mẫu các ngươi, ta coi các ngươi như con cháu, sao lại giết hại các ngươi được ? Nếu các ngươi nghe theo lời ta, ta sẽ tha tội. Các ngươi có thể đưa ta về phủ, ta sẽ cho lương thực, vải vóc. Các ngươi về sau chớ có cướp bóc. Nếu không nghe lời ta, các ngươi có thể giết ta, nhưng tiếp đó là quan binh sẽ đến hỏi tội, mọi hậu quả các ngươi phải chịu."

Bọn người Đồng đều kính phục tấm lòng gan dạ của Khổng Dung, nói :

"Nếu ông quả thương đến chúng tôi, khi ông làm thái thú, chúng tôi quyết không quấy rối, xâm phạm châu thành." Khổng Dung nói : *"Ta quân tử nhất ngôn, các ngươi chớ ngại."* Mọi người đều bái tạ.

Khổng Dung ngủ một đêm, hôm sau trở về thành, mang cho người Đồng rất nhiều lương thực, vải vóc. Người Đồng cảm tạ rút lui. Sau đó họ không còn đến quấy nhiễu nữa.

Khổng Dung giao thiệp với người Đồng, trong lời ông có nhu, biểu hiện sự quan tâm của quan phụ mẫu đối với bách tính ; lại có cương, nói lên là nếu đối kháng với châu phủ thì quan binh đến hỏi tội sẽ có hậu quả xấu khó lường. Chính như vậy mà trong nhu có cương, cương nhu kết hợp, đã gỡ bỏ được sự đối kháng của đối phương, hòa hoãn được mâu thuẫn gay gắt lúc đó, khiến cho mọi người sau đó có thể chung sống hòa bình, an cư lạc nghiệp. Điều này chứng tỏ Khổng Thái Thú rất có năng lực tranh luận.

Khi dùng thuật *Kết hợp cương nhu*, cần chú ý không đi ra hai cực, tức không được quá mềm khiến đối phương thấy bạn yếu đuối ; cũng không được bức bách người ta, khiến họ thấy bạn muốn ăn hiếp người.

13. TRÍ DŨNG SONG TOÀN

Luận đàn là chiến trường, hai bên tranh luận như hai bên quân đội đối trận. Hình thế tranh luận luôn biến đổi như mây trời. Khi đối trận với đối thủ mạnh, thì phải có khí thế ào ạt dám áp đảo đối phương, bất chấp tất cả. Đồng thời lại phải có năng lực tư duy nhạy bén, năng lực điều tiết tâm lí kiện toàn và khả năng ứng biến linh hoạt. Chỉ có như vậy, mới có thể không thất bại trong luận chiến.

Thời Chiến Quốc, thế tử Kiến của Sở Bình Vương đã cưới cô em lớn của Tần Ai Công là nàng Mạnh Doanh làm vợ. Bình Vương nghe nói Mạnh Doanh đẹp tuyệt trần thì thèm khát và cho đưa Mạnh Doanh vào cung mình. Rồi chọn trong số tùy nữ của Mạnh Doanh một người, cho hóa trang thành Mạnh Doanh, đưa vào đông cung cho thế tử Kiến. Sự việc tuy làm rất kín nhẹm, nhưng vẫn sợ có ngày bại lộ thì khó xử. Và thế là phái thế tử Kiến ra khỏi kinh thành đi trấn thủ Thành Phụ. Sai Phấn Dương giúp thế tử, khi họ ra đi còn dặn dò Phấn Dương : *"Hầu thế tử như hầu quá nhân"*.

Bình Vương khi đã có Mạnh Doanh, và năm sau sinh một con trai thì muốn lập làm thế tử để nối ngôi. Nhưng còn có thể tử Kiến đó, đâu có thể phế bỏ tùy tiện được, thế là ngày đêm tìm mưu kế, rồi khép thế tử Kiến tội hưng binh mưu phản, định đưa thế tử đến cái chết, mật lệnh Phấn Dương *"giết thế tử sẽ được thưởng, tha thế tử sẽ chết"*. Thế nhưng Phấn Dương nhận được lệnh thì báo cho thế tử và giục thế tử trốn mau. Thế tử trốn rồi, Phấn Dương tự trói rồi đi gặp Bình Vương, tâu rằng : *"Thế tử đã trốn, thần xin chịu tội !"* Bình Vương thịnh nộ : *"Lời nói ra từ miệng ta, vào thẳng tai ngươi, ai báo Kiến đây ?"* Phấn Dương không tránh né, tâu lên : *"Thần đã báo thực cho thế tử"*. Chỉ một câu mà Bình Vương vô cùng tức giận như muốn bầm xác Phấn Dương. Ông ta quát lớn : *"Ngươi đã tự thả cho thế tử, lại còn dám đến trước quá nhân, không sợ tội ư ?"* Phấn Dương ở trong tình trạng nguy khốn, như thỏ trước miệng cọp, không còn hi vọng thoát chết. Nhưng Phấn Dương là một nhà hùng biện, trí dũng song toàn, đâu có chịu nằm chờ chết. Và thế là tự bào chữa :

"Khi thần đi Thành Phụ, đại vương có mệnh : "Thờ thế tử như quá nhân !" Nay thần phụng mệnh trước kia, cứu thế tử như cứu đại vương, đâu có tội gì mà phải sợ ? Nếu đại vương có trách rằng không tuân mệnh sau, bắt tội mà giết thần đi, thần vì cứu thế tử mà bị giết, chết cũng vẻ vang, chết vẻ vang thì có gì đáng sợ ? Huống chi thế tử đâu có tội làm phản, thần đâu có tội giết người vô tội, dù rằng thần có bị giết vì vô tội, chết cũng không xấu hổ, vậy có gì đáng sợ ? Thế tử bỏ trốn mà vô tội, thì dù có chết tôi cũng cam lòng, có gì đáng sợ ?"

Lời giải bày đã làm Bình Vương cảm động, *"Phấn Dương tuy trái mệnh, nhưng trung thành, đáng mừng"*. Vì thế tha mà không giết, vẫn cho làm tư mã Thành Phụ.

Phấn Dương hữu dũng, dám chống mệnh vua, điều đó, người tham sống sợ chết không làm được. Ông tha cho thế tử mà vẫn dám đi gặp Bình Vương để tâu lại. Điều này kẻ nhát gan không thể nghĩ đến. Nhưng chỉ vậy thôi, vẫn chưa được, ông còn có trí, đứng trước Bình Vương thịnh nộ, mà mình ở vào cảnh tuyệt vọng, thế nhưng vẫn không biến sắc, vẫn trình bày lí lẽ, vẫn đáp lại câu hỏi của Bình Vương *"Không sợ tội sao"* và đã liên tiếp nói ra bốn lí do không sợ. Điều này đã nói lên năng lực tư duy, khả năng điều tiết tâm lí và năng lực ứng biến khác thường. Từ lời hùng biện mà ông đã được Bình Vương tha tội, và cũng làm cho Bình Vương trở lại với lương tri, nhận ra sự bỉ ổi như loài cầm thú của mình, từ sự hối hận mà nhận thức được lời trung của Phấn Dương mà tha không giết.

Một nhà hùng biện chỉ có trí dũng song toàn mới có thể gặp nguy mà không sợ, biết bình tĩnh khảng khái và từ chối chết mà thoát ra.

14. QUAN SÁT DÁNG VẺ

Quan sát dáng vẻ là phương pháp tìm hiểu đối phương qua nét mặt, qua cử động.

Tâm lí học cho biết sự kích thích của sự vật ngoại cảnh lên bộ óc con người thường gây ra hiện tượng khác thường trong một thời gian ngắn đối với những tổ chức cơ năng tương ứng nào đó trên cơ thể con người. Sự khác biệt về cá tính của người ta đã làm cho sự biểu lộ tình cảm tư tưởng thường là hàm chứa trong động tác hay sắc mặt theo thói quen khác với mọi người. Chẳng hạn, đối phương ôm lấy cánh tay là biểu thị đang suy nghĩ ; ôm đầu là tỏ ý bất lực hết cách ; cúi đầu bước và bước chân nặng thì nói lên sự nản lòng thoái chí ; ngẩng đầu ưỡn ngực cao giọng nói năng là biểu lộ sự tự tin ; đàn bà không nói mà tay vò khăn mùi soa nói lên là trong lòng đang có tâm sự mà không biết nói từ đâu ; cắn nhẹ môi son là đang nghĩ ngợi ; nếu đối phương lấy tay gõ bàn hoặc vân vê quản bút thì chứng tỏ anh ta cảm thấy anh phát ngôn thiếu toàn diện, khô khốc vô vị. Khi bên mình luận chứng có sự tiến triển mới, đối phương biểu lộ bất an thì có thể chạm tới mắt xích yếu nhất của họ ; nếu tỏ ra sắc diện tự đắc thì phải cảnh giác anh ta đang tổ chức phản công.

Rõ ràng là từ các phương diện sắc mặt, cử động của đối phương, chúng ta có thể nắm bắt được không ít thông tin, thậm chí có thể cho chúng ta thứ vũ khí đánh hạ địch.

Ta hãy xem câu chuyện do dựa vào quan sát dáng vẻ mà làm sáng tỏ vụ án oan trái.

Vào đời Thanh, huyện Thanh Uyển có hai anh em chia nhau ra ở riêng. Người em phung phí hết tài sản, sống nghèo khổ. Người anh phải chu cấp cho em luôn. Anh tuổi đã 50, chỉ có một con trai, lấy con gái nhà nọ.

Có lần, vợ người em đến nhà anh vay tiền, con dâu người anh đang làm cơm, lúc này con trai vừa vận ở ngoài về, vừa ăn xong một bát cơm, và lúc đó thì thất khiếu chảy máu mà chết. Người con dâu thấy chồng mình vậy thì thất sắc, còn vợ người em thì than vắn thở dài : *"Cháu dâu tôi mưu giết chồng nó ! Mau báo quan !"* Quan phủ bắt người con dâu nọ lên công đường tra xét. Cô này không chịu nổi đòn tra bèn khai là *"do gian dâm mà mưu sát"* và khai bừa A là *"dâm phu"*.

Sau đó phủ X được lệnh phúc tra. Ông quan này xem xét hồ sơ rồi dò hỏi những người liên quan thì được biết người con dâu họ thường ngày hiếu kính bố mẹ chồng, vợ chồng hòa thuận, và cũng chưa hề thấy cô ta đi lại với A. Sau cùng hỏi đến chú thím người bị chết. Khi đã nắm được tình hình phủ X nói với tả hữu rằng :

"Ngày mai xử lại thì sẽ rõ nội vụ".

Hôm sau, quan phủ thăng đường, cho đòi tất cả các người có liên quan rồi nói : *"Tối qua, người chết báo mộng cho ta đầu độc anh ta là người bàn tay mặt có thể đổi màu xanh".*

Quan phủ vừa nói vừa quan sát mọi người một lượt. Lại tiếp :

"Người chết còn nói, đầu độc anh ta là người tròng mắt trắng có thể biến ra vàng".

Nói xong thì lại quan sát mọi người. Thế rồi quan phủ bỗng đập bàn chỉ vào mặt vợ người em mà nói : *"Kẻ sát nhân chính là ngươi !"*

Người đàn bà nọ kinh hoàng : *"Con dâm phụ giết chồng nó, sao lại là tôi giết được ?"*

"Ngươi đã tự thừa nhận, lại còn chối à ?"

"Tôi thừa nhận gì nào ?"

"Ta nói kẻ giết người bàn tay mặt có thể đổi màu xanh, ai cũng điềm tĩnh, chỉ có người đưa tay ra xem, đó là người khai nhận. Ta nói kẻ giết người tròng trắng có thể đổi màu vàng, ai cũng điềm nhiên, chỉ có chồng người vội vã nhìn vào mắt người, đó là nhận tội cho người. Người còn chối cãi ư ?"

Nói xong thì chuẩn bị hành hình, vợ người em liền vội khai ra hết : nguyên là vợ chồng y đã có ý nuốt hết tài sản người anh, mỗi lần đến đó đều mang ít thạch tín. Hôm đó đã lén bỏ thạch tín vào cơm, định bụng đầu độc cả nhà người anh, nào ngờ người chết đã ăn trước một bát cơm mà chết.

Vụ án này đã phải qua hai lần xử, chỉ vài lời mà đã làm sáng tỏ. Đó là do quan phủ nọ dùng thuật *Quan sát dáng vẻ.*

15. TÙY NGƯỜI MÀ BIỆN LUẬN

Thuật *Tùy người mà biện luận* là khi trình bày lí do để thuyết phục đối phương thì phải tùy người mà phải có cách khác nhau, trước hết phải nắm vững cá tính của đối phương, phải biết bắt đầu từ sở thích hứng thú, trình độ văn hóa, hoàn cảnh tâm tình của họ, với những đối tượng khác nhau thì dùng cách khác nhau. Chỉ có như vậy mới có thể giành được hiệu quả tranh luận đẹp nhất. Chẳng hạn :

Sau cuộc nội chiến của nước Mĩ thì anh lính Jon Ai-lơn và tướng Thác-cơ vị anh hùng nội chiến đều tranh cử vào quốc hội. Tướng quân Thác-cơ từng ba khóa nghị viên, với chiến công hiển hách, khi tranh cử đã nói :

"Thưa đồng bào, còn nhớ đêm trước ngày hôm nay thuộc 17 năm trước tôi từng đưa quân kịch chiến với quân địch ở núi Trát-chơ, sau khi chiến đấu quyết liệt tôi đã ngủ một đêm trong rừng. Nếu mọi người không quên cuộc chiến đấu gian khổ đó thì cũng đừng quên con người đã từng nếm mọi cực khổ dãi dầu sương gió bao lần lập chiến công."

Lời vừa dứt, quả nhiên được mọi người hết sức sùng kính tín nhiệm, tiếng vỗ tay hoan hô vang dậy.

Trước việc đó, Jon Ai-lơn không hề nhụt chí, vẫn thản nhiên tiếp lời :

"Thưa đồng bào, tướng quân Thác-cơ nói đúng lắm, ông ta đúng là đã lập được kì công trận mạc. Lúc đó, tôi là một tên lính quèn dưới quyền ông, và đã thay ông ta ra sống vào chết, xung phong hãm trận, cái đó khỏi kể, khi ông ta ngủ yên trong rừng thì tôi đã cầm súng đứng trên bãi vắng nếm đủ gió sương để bảo vệ ông ta. Các vị nếu khi ngủ cần vị tướng bảo vệ thì hãy bầu vị tướng Thác-cơ kia đi, nếu là lính gác, để bảo vệ cho vị tướng ngủ say thì hãy bầu Ai-lơn."

Lời nói vừa dứt thì vang dậy tiếng vỗ tay hoan hô, nhiệt liệt hơn trước.

Sự thực thật là rõ, trong cuộc chiến tranh nam bắc thì người làm tướng là số người rất ít, còn số người phải đổ máu là các binh sĩ thì chiếm đại đa số. Do Ai-lơn biết nhằm vào tình cảm của đại đa số cử tri mà chọn lựa những lời lẽ mà đa số họ hiểu và ủng hộ, khiến cho mình gắn liền với các cử tri, và kết quả đã thắng cử.

Cuộc thi hùng biện cũng vậy, cuộc tranh luận vẫn phải diễn ra ở địa điểm và hoàn cảnh xác định, tình cảm của người nghe lúc này có ảnh hưởng nhất định tới việc thắng bại của người trình bày. Cuộc tranh luận của chúng ta muốn được đại đa số người tham dự đồng tình và ủng hộ thì không thể không chú ý tới tập quán phong tục và đặc điểm tâm lí của họ. Chẳng hạn, trong thời kì Đại chiến thế giới lần thứ hai, Nhật đã đem lại đau khổ cho nhân dân Đông Nam Á, nhân dân Đông Nam Á có vướng mắc tình cảm với Nhật. Căn cứ vào đặc điểm tình cảm này của người dân Đông Nam Á mà trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ tổ chức tại Xingapo năm 1993 về luận đề *"No ấm là điều kiện tất yếu để bàn tới đạo đức"* đội Phúc Đán bên phản bác đã có đoạn thuyết trình như sau :

"Nhật Bản có thể coi là giàu nhất thế giới, thế nhưng những vụ xì căng đan trên chính trường liên tiếp xảy ra, ông thủ tướng này vừa bị đạp đổ thì ông kế nhiệm lại bị chìm vì sắc dục. Còn ông hiện nay thì sao ? Rốt cuộc vẫn không được lòng dân". (tiếng cười, tiếng vỗ tay)

Đứng trước người dân Đông Nam Á từng bị người Nhật gây hại mà vạch trần những cái xấu xa của người Nhật về chính trường thì chắc chắn là sẽ có hiệu quả tranh luận tốt đẹp.

Trong tranh luận, ý kiến của ban giám khảo là trực tiếp ảnh hưởng đến thắng thua của các đội đua, bởi vậy khi một đội tham gia tranh luận tổ chức lời biện lại càng phải xem xét tới đặc điểm tâm lí của ban giám khảo. Trước khi tham gia tranh luận, cần hết sức tranh thủ tìm hiểu các trước tác chủ yếu của từng thành viên giám khảo, phải nắm vững luận điểm của họ và cả các thành quả nghiên cứu mới nhất. Trong khi tranh luận, không được công kích luận điểm của họ mà ngược lại, phải biết khéo léo dẫn một cách hợp lí các quan điểm và cách đặt vấn đề của các vị này. Như vậy, sẽ rất có giá trị trong việc tranh thủ tình cảm của ban giám khảo đối với biện luận của mình. Chẳng hạn, Kim Dung là bậc thầy tiểu thuyết võ hiệp, ông rất nổi tiếng, ông là một thành viên ban giáo khảo trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ, vì thế mà số hai của đội Phúc Đán trong khi tranh luận chung kết luận chứng quan điểm *"Nhân tính bản ác"* đã có đoạn sau :

"Đội bạn, lẽ nào các bạn lại bàn tới nhân tính bản thiện với bốn người độc ác hung dữ thành bản chất, không từ một việc ác nào trong cuốn tiểu thuyết "Thiên long bát bộ" ấy sao ?" (tiếng cười, tiếng vỗ tay)

Kim Dung ngồi trên ghế ban giám khảo ở phía dưới, mọi người đều thích tiểu thuyết võ hiệp của ông, và vì vậy mà đã được vỗ tay tán thưởng.

Tục ngữ có câu : *Nhập gia tùy tục*, chúng ta muốn giành chiến thắng trong tranh luận thì phải biết sử dụng thuật *Tùy người mà biện luận.*

16. ĐÁNH ĐỊCH – ĐÁNH VÀO Ý CHÍ

Tục ngữ có câu : *Cây sợ bóc vỏ, người sợ đau lòng*. Thuật *Đánh địch – đánh vào ý chí* là bằng vào tinh thần mà làm cho địch sợ hãi, tan rã và bị khuất phục. Từ đó mà đạt được mục đích chiến thắng.

Ta hãy xem Dêmocritos với một cuộc tranh luận tại tòa án.

Dêmocritos – là nhà triết học nổi danh cổ Hi Lạp, ông được Mác – Ăngghen gọi là *Học giả bách khoa toàn thư số một trong số những người Hi Lạp và nhà khoa học tự nhiên kinh nghiệm.*(1)

Nghe nói, ông vì không tin thần thánh mà bị gọi tới tòa án. Tại tòa, nhà triết học, nhà khoa học cứ ra sức giảng triết, giảng khoa học, thế nhưng lão quan tòa đầu trọc ngu ngốc đâu có thèm nghe – hắn ta chỉ tin có thần. Lúc này, nhà triết học liếc lão quan tòa một cái và bỗng nảy ra một kế, ông nói với quan tòa : *"Ngài quan tòa, ngài rất tôn kính thần linh, vậy là tốt. Xem chừng ngài chắc đã nghe thấy xưa kia một anh láng giềng của tôi báo rằng tôi điên, và anh ta đã bị con rùa đen rơi từ trên trời xuống vỡ toác đầu."*

Câu chuyện đó vốn lan truyền khắp thành bang, quan tòa cũng nghe thấy. Quan tòa nói : *"Đó là thần Zớt chí tôn sai con chim truyền tin của người đến trừng phạt anh hàng xóm của anh. Từ việc đó, anh càng phải tin ở thần linh."*

Nhà triết học nói : *"Vậy thì tốt ! Anh hàng xóm chỉ báo tôi là điên mà bị thần Zớt chí tôn sai chim ưng đi trừng trị. Rõ ràng là thần yêu quý ai ta đều biết. Giờ đây ông cứ việc kết tội tôi nặng bao nhiêu cũng được, dù sao cũng đã có thần Zớt chí tôn đứng ra phân xử. Tôi đã thấy ngài sai con chim ưng bay tới đây đấy."*

Tên quan tòa mê tín nghe vậy, vội ôm lấy cái đầu trọc của hắn, đổi giọng nói : *"Tôi biết ông là người mà Zớt chí tôn yêu mến. Ông đã khiến thần bảo hộ thành bang chúng ta, ông là niềm vinh dự của thành bang chúng ta. Tôi giờ đây tuyên bố ông vô tội."*

Nhà triết học Dêmocritos cuối cùng đã thắng trong phiên tòa này.

Ở đây, ta thấy Dêmocritos đã dùng thuật *Đánh địch – đánh vào ý chí.*

---

(1) *Mác – Ăng ghen toàn tập*, quyển 3, trang 146.

Ông đã khôn khéo mượn câu chuyện đồn đại về thần Zớt trừng phạt người láng giềng, lợi dụng tâm lí mê tín của quan tòa mà đã uy hiếp mạnh mẽ hắn ta và đã giành được chiến thắng lớn trong cuộc tranh luận này.

Muốn dùng tốt thuật *Đánh địch – đánh vào ý chí* thì phải đặc biệt chú ý chọn lựa những vụ việc có thể gây chấn thương về mặt tâm lí lớn nhất cho đối phương để tấn công, như vậy mới có thể giành được hiệu quả tâm lí mạnh mẽ nhất. Chẳng hạn, năm 1918 nước Anh đã mở đợt tuyên truyền *"xà phòng mỡ người"* nhằm vào nước Đức như sau :

Mùa xuân năm 1918, khi Đại chiến thế giới lần thứ nhất ở vào thế giằng co đã có đến 4 năm thì sự mệt mỏi và tuyệt vọng đến cực độ và sự buồn bực không tên tràn ngập nước Đức. Nhằm vào tình trạng đó, người Anh nói : *"Người Đức đã lấy xác người ép lấy mỡ, dùng mỡ người làm xà phòng..."*

Cách tuyên truyền *"Xà phòng mỡ người"* đã phơi bày cái kiệt quệ đến cùng cực, cái tính tàn bạo của người Đức. Trong nước Đức có nhiều nhà hóa học, như vậy ai mà không tin. Do nước Đức không thể công khai triển lãm toàn bộ các nhà máy của họ cho nên không có cách gì để phủ nhận tin này. Tuyên truyền về *"Xà phòng mỡ người"* đã làm cho phía Đức hoang mang, càng tăng nhanh sự tan rã triệt để ý chí của người Đức.

Thuật *Đánh địch – đánh vào ý chí* có một tác dụng không thể coi thường. Phương pháp cụ thể *Đánh địch – đánh vào ý chí* còn có rất nhiều . Chẳng hạn, gợi ra hồi ức về những việc khó quên cho địch, gợi cho họ sự nhớ nhung với người thân, gợi cho họ tình cảm nhớ quê hương ruộng vườn... tất cả những cái đó đều có thể đạt tới mục đích phá vỡ phòng tuyến tâm lí của đối phương.

17. NHÂN THẾ MÀ ÁP ĐẢO

Trong tranh luận, gặp khi đối phương không thể chịu đựng kích thích, lời nói hành động của đối phương rõ ràng khiến ta bực tức, trong lòng ta bỗng có cảm giác bực tức dâng lên, lúc này có thể với thế chẻ tre mà tấn công uy hiếp đối phương, thừa thế mà giành thắng lợi. Đó là thuật *Nhân thế mà áp đảo.*

Một ngày đầu thu năm 1966, đồng chí Trần Nghị đang nói chuyện tại Học viện ngoại ngữ số một Bắc Kinh thì bọn tạo phản giơ trên đầu mũ ống cao định đấu thủ tướng. Trần Nghị trước đó một phút lấy tư cách từng trải, bằng giọng hài hước riêng biệt, lời lẽ thẳng thắn và sắc mặt giọng nói hiền hậu mà hướng dẫn lớp trẻ, lúc này bỗng trợn trừng mắt, uy phong lẫm liệt đập bàn đứng lên nghiêm giọng quát :

"Xem các ngươi ai dám đội mũ cho ta ! Thử xem nào ?"

Thủ tướng đang lúc nguy cấp quát liền hai câu rất có uy lực, mỗi chữ đều nặng ngàn cân, làm cho bọn tạo phản ngây ra như tượng gỗ, đứng chết lặng, không biết làm sao. Thủ tướng ở đây đã dùng thuật *Nhân thế mà áp đảo".* Muốn dùng thuật *Nhân thế mà áp đảo,* trước hết cần có đảm lược, lại phải có khí phách coi khinh kẻ địch. Nếu thấy địch mà run sợ, toát mồ hôi thì chỉ có bại trận mà thôi. Chẳng hạn, vợ của Uông Tinh Vệ là Trần Bích Quân rất riết róng khó tính, lại rất vênh váo. Khi cần nhổ đờm thì bắt thư kí bưng ống nhổ. Có lần Hà Hương Ngưng đến chơi, khi nói chuyện, Bích Quân muốn nhổ, liền thản nhiên nói với Hương Ngưng :

"Đưa ống nhổ lại đây, ta cần nhổ đờm !"

Hà Hương Ngưng thoạt đầu lặng người nhưng sau nổi giận đập bàn đứng dậy :

"Bà là cái gì mà bắt tôi bưng ống nhổ ? Giờ tôi muốn nhổ đờm bà bưng ống ra cho tôi ! Nhanh lên ! Dù nói gì đi nữa, tôi cũng có tư cách bắt bà làm như vậy !"

Trước khí thế áp đảo ghê gớm của Hà Hương Ngưng, Trần Bích Quân đành phải nhận thua.

Trong tranh luận, muốn *Nhân thế mà áp đảo* thì điều căn bản là phải nắm được chân lí, có chân lí thì mới có khí thế. Nếu không có lí mà cứ tỏ ra có lí

thì chỉ là con hổ giấy già trái non hột mà thôi, không chịu nổi lấy một đòn. Chẳng hạn, ông giám đốc họ Nhiệm của nhà máy xi măng nọ cho đuổi công nhân phạm kỉ luật là Quách Hưng Lai. Quách Hưng Lai không phục, vớ lấy cái rìu sắc lạnh, đến tìm giám đốc đòi thanh toán, bộ mặt sát khí đằng đằng :

"Sao ông lại đuổi tôi ?"

"Vì anh 7 tháng bỏ việc !"

"Ông đuổi tôi, cái rìu của tôi không chịu ăn chay đâu !" Quách Hưng Lai mặt dữ dằn nói, rồi đó hươ hươ cái rìu.

Giám đốc Nhiệm nghiêm mặt, dằn giọng nói :

"Anh định làm gì ? Báo tôi nào, cái rìu của anh tôi đã thấy, anh định dùng nó mà dọa tôi đâu có nhằm nhò gì. Nếu sợ, tôi đã không làm giám đốc !"

Quách Hưng Lai lặng người, "xoảng" một cái, cái rìu rơi trên bàn, quay người chuồn lẹ.

Người công nhân nọ vì không có chân lí, nhìn thì hung hăng nhưng thực chất không chịu nổi một đòn. Giám đốc Nhiệm vì có chân lí, vì thế mà đường hoàng dõng đạc, áp đảo được kẻ ngông cuồng.

18. CẢM HÓA BẰNG TÌNH

Con người vốn có tình cảm, tình cảm của loài người chính là khuynh hướng tốt xấu đối với sự vật khách quan. Khi tình cảm của một con người sinh ra thì lộ ra ở vẻ bề ngoài, và nó lại là một tác nhân kích thích ảnh hưởng đến người khác, được người khác thể nghiệm và vô hình trung ảnh hưởng đến người khác. Đó chính là tính truyền cảm tình cảm. Sự truyền cảm có thể đưa tới sự thể nghiệm tình cảm tương ứng ở con người, ảnh hưởng đến sự biến đổi về hành vi và quan điểm của con người. Bởi vậy, một nhà hùng biện muốn cho đối phương tiếp nhận và tin phục quan điểm của mình, không những phải nắm được chân lí mà còn phải ngụ chân lí trong tình cảm để giành hiệu quả tranh luận tốt đẹp nhất.

Luật sư người Mĩ là Lin-côn một lần bào chữa cho bà vợ góa liệt sĩ, ta có thể coi đây là một điển hình trong việc dùng thuật *Cảm hóa bằng tình*.

Có một hôm, một phụ nữ già lão ốm yếu đến tìm luật sư Lin-côn, khóc lóc và kể chuyện mình bị ức hiếp. Bà lão này là bà vợ liệt sĩ trong thời kì chiến tranh giành độc lập, sống bằng tiền tuất. Cách đây không lâu một nhân viên phát tiền bắt bà phải nộp một khoản thủ tục phí mới cho lĩnh tiền, mà tiền thủ tục này lại vừa đúng một nửa tiền tuất. Rõ ràng đó là ăn chặn ! Người có giáo dục như Lin-côn vô cùng phẫn nộ, quyết tâm đòi xóa bỏ tội lỗi bất công trả lại sự công bằng cho dân lành. Ông an ủi bà lão, quyết thắng bằng được vụ án này.

Để nâng cao lòng yêu ghét cho mình, trước khi ra tòa, Lin-côn đã đọc hồi kí Washington và lịch sử chiến tranh cách mạng, làm tăng lòng tưởng nhớ tới các liệt sĩ và chiến tranh cách mạng.

Phiên tòa bắt đầu, vì tên thu phát tiền nọ chỉ là đòi ăn chặn bằng mồm, như vậy nguyên cáo không đủ chứng cứ, bị cáo chối biến. Tình hình trở nên bất lợi. Đến lượt Lin-côn nói, hàng trăm con mắt đổ dồn về ông, xem ông có thể làm gì đây.

Với giọng điệu uyển chuyển, Lin-côn trước tiên đưa mọi người trở về với hồi ức chiến tranh giành độc lập của nước Mĩ. Hai mắt ông đẫm lệ, bằng tình cảm chân thực, ông kể lại cuộc đời khổ đau của người dân Mĩ trước chiến tranh, kể lại việc các chiến sĩ yêu nước đã phất cờ đứng lên ra sao, và đã chiến

đấu gian khổ, chịu đói khát trong băng tuyết, đã tưới máu mình cho "cây tự do". Bỗng nhiên, tình cảm của ông bột phát, ngôn từ như lưỡi dao mũi súng sắc lạnh nhắm vào kẻ đòi ăn chặn tiền tuất liệt sĩ. Cuối cùng, ông đã hỏi một cách khéo léo, và nêu ra kết luận khiến người nghe giật mình :

"Giờ đây sự thực đã trở thành xa xưa, anh hùng năm 1776 đã nằm yên dưới mồ. Thế nhưng người vợ già yếu góa bụa đáng thương còn trước mặt chúng ta, đòi hỏi phải khởi kiện cho bà. Dù không nói, trước đây bà là một cô gái xinh đẹp, từng có cuộc sống gia đình hạnh phúc, thế mà bà đã hi sinh tất cả, trở nên nghèo khó không chỗ dựa, không thể không cần đến sự giúp đỡ, bảo vệ của chúng ta, những người được hưởng nền tự do mà các tiên liệt cách mạng mang lại. Thử hỏi, chúng ta coi đó là việc bình thường hay sao ?"

Phát ngôn đến đây thì kết thúc, trái tim mọi người bị cảm hóa, có người đấm ngực dậm chân, xông vào xé bị cáo, có người đỏ mắt nhỏ lệ, có người còn mở túi tiền quyên góp. Trước yêu cầu của quần chúng, tòa án xử cho bà vợ liệt sĩ không phải đóng tiền lệ phí.

Luật sư Lin-côn trong biện luận, trước vụ án không có chứng cứ, bằng việc kêu gọi thức tỉnh lương tri mọi người và lòng kính mộ với liệt sĩ và vợ liệt sĩ, rốt cuộc đã giành được thắng lợi.

Sử dụng thuật *Cảm hóa bằng tình* cần chú ý : bản thân phải có tinh thần đi tìm chân lí, phải có cảm xúc với các vấn đề biện luận, cũng tức là nói chủ trương của mình trước hết là phải làm cảm động mình, rồi mới cảm hóa người khác. Nếu có những chủ trương mà bản thân không thật tin tưởng hoặc không rung cảm mà lại muốn cảm hóa người khác, thì không thể được. Ngoài ra, nếu muốn bằng cách kích động người nghe đồng tình với mình mà căm ghét người khác để từ đó hướng quần chúng căm ghét đối phương, đồng tình với mình, ủng hộ chủ trương sai lầm của mình, thì đó là nguỵ biện.

19. NÓI RÕ CÁI LỢI CÁI HẠI

Trong tranh luận, nhằm vào đặc điểm tâm lí của đối phương mà nói rõ cái lợi cái hại để họ tự cân nhắc quan hệ được mất, từ đó mà từ bỏ chủ trương sai lầm của bản thân, khiến cho quan điểm của họ và chúng ta đi tới đồng nhất. Đó chính là thuật *Nói rõ cái lợi cái hại.*

Tâm lí học cho rằng con người có các nhu cầu, nhu cầu sinh lí, nhu cầu an toàn và tìm sự bảo đảm, nhu cầu yêu và quy thuộc, nhu cầu được tôn trọng, nhu cầu tự thực hiện, nhu cầu nhận thức và tìm hiểu, nhu cầu thẩm mĩ v.v... những nhu cầu đó là nội lực hành vi của con người, và tìm đến cái lợi tránh cái hại chính là biểu hiện tâm lí của nhu cầu con người, và đó chính là cơ sở lí luận của thuật *Nói rõ cái lợi cái hại.*

Một trường hợp của thuật *Nói rõ cái lợi cái hại* là nói rõ cái lợi, bằng việc phân tích mặt tốt ích lợi của một sự kiện, từ đó mà đạt mục đích khuyến khích hoặc ngăn chặn một hành vi nào đó. Chẳng hạn :

Mùa thu năm 910 Lương Thái Tổ là Chu Hoàng cử đại tướng là Vương Cảnh Nhàn thống lĩnh 7 vạn quân tấn công đất Triệu. Triệu Vương là Vương Dung cử người cầu viện Tấn Vương là Lí Tồn Huân. Lí Tồn Huân thân đưa quân áp sát mạn bắc sông Dã đối trận với quân Lương, cách con sông. Quân Tấn thấy bờ nam sông Dã quân Lương đông, vũ khí lương thực dồi dào, giáp trụ lấp lánh, tinh kì rợp đất, rất là uy phong, thật là khí thế khó mà chơi, và bất giác lo sợ. Tướng nhà Tấn là Chu Đức Uy thấy quân mình lấm lét lo sợ thì biết rõ lí do, liền triệu tập các tướng dưới quyền động viên :

"Quân nhà Lương tuy nhiều nhưng toàn là bọn buôn bán lang thang, chớ thấy chúng ăn mặc chỉnh tề mà cho là có tài chiến trận, chẳng qua chỉ là bọn lính cậu mà thôi. Quân ta tuy ít nhưng các ông đều thiện chiến có thể một địch mười. Nghe nói khôi giáp của tướng sĩ nhà Lương một chiếc những giá mười lạng bạc, bắt được một tên là phát tài rồi đấy, hàng vạn bộ giáp trên mình chúng thực sự là một tài sản cực lớn, các ông không nên bỏ qua cơ hội làm giàu."

Qua động viên, tâm lí nhu nhược của quân Tấn được thay bằng sự ham chiến. Chu Đức Uy chọn quân kị ngàn người nhằm vào chỗ yếu của quân Lương mà đột nhiên tấn công, bắt sống tù binh hơn trăm, thưởng công cho tướng sĩ, lúc đó toàn quân sĩ khí hăng lên.

Trường hợp khác của thuật *Nói rõ cái lợi cái hại* là vạch rõ cái hậu quả nghiêm trọng của hành vi nào đó cho đối phương, rồi uy hiếp bằng tâm lí, khiến họ từ bỏ chủ trương sai lầm của mình.

Một lần thoát khỏi hiểm họa của Hoàng Hưng là như vậy.

Có lần, Hoàng Hưng phát động quần chúng ở Trường Sa, hẹn đến đêm đó thì khởi nghĩa. Điều bất hạnh là cơ mưu bị bại lộ. Tuần phủ Hồ Nam hạ lệnh đóng cửa thành rồi cho lục soát bắt bớ, người che giấu cũng bị trị tội. Hoàng Hưng không chỗ ẩn náu, hoàn cảnh vô cùng hiểm nguy. Đang lúc nguy khốn bỗng thấy một hiệu buôn có nhiều kiệu hoa làm để cho đám cưới thuê đón dâu. Hoàng Hưng liền gặp chủ hiệu, tự nhận mình là Hoàng Hưng, định kêu gọi ông ta ủng hộ cách mạng, không dè sợ sinh chuyện, dù nói thế nào cũng không chịu, Hoàng Hưng bèn nghĩ cách, đưa ra một mẹo. Anh quát to lên :

"Hôm nay tuần phủ ra lệnh đóng cửa thành để bắt tôi, nếu bắt được tôi, nếu tôi bị bắt, nhất định sẽ khai ông là đồng đảng ! Ông muốn khỏi vạ hãy lấy kiệu hoa đưa tôi đi, kèm theo nghi trượng, đưa tôi ra khỏi thành. Chỉ cần tôi thoát ra sẽ trả công gấp nhiều lần."

Nói vậy thì chủ quán đành nhận lời.

Hoàng Hưng đã nói rõ cái hại, bịa chuyện đối phương là đồng đảng của mình, đó là việc mà đối phương khó lòng thanh minh. Kết quả là Hoàng Hưng bằng tài ăn nói và trí thông minh của mình mà đã thoát khỏi hiểm nguy.

20. THỬ NGHĨ THEO CÁCH ĐỔI CHỖ

Trong cuộc sống, kết cục tranh luận tốt đẹp nhất là hai bên đạt được nhận thức chung, do vậy, gợi cho đối phương thử nghĩ theo cách thay đổi địa vị cho nhau để đối phương tự đặt mình vào vị trí bên mình mà thể nghiệm tâm lí để từ đó mà chủ động điều chỉnh thái độ và phương thức hành vi của họ. Đó là một trong những biện pháp hữu hiệu đạt tới mục đích, biện pháp này gọi là thuật *Thử nghĩ theo cách đổi chỗ.*

Ngay từ thời Xuân Thu, Trung Quốc có cậu bé tên là Tôn Nguyên Giác, cậu đã dùng thuật *Thử nghĩ theo cách đổi chỗ* để cứu người ông già cả của mình, câu chuyện này có lẽ mọi người đã biết. Cũng vậy, tại một làng nhỏ ở Nê-pan cũng từng xảy ra một chuyện tương tự.

Xưa kia, trong một làng nhỏ của Nê-pan, một nhà nọ có bốn người : người chồng, người vợ, con trai và có người ông của bé trai. Họ sống nghèo khổ. Ông lão đã làm lụng nhiều năm, giờ thì già quá không làm được gì nữa, phải sống dựa vào con trai và con dâu. Con trai và con dâu ông lão cảm thấy ông là một gánh nặng, quyết định ném ông ông lão đi một nơi rất xa. Và họ đã mua một cái sọt tre to từ chợ về. Khi trời tối, thằng con trai ôm ông lão bỏ vào sọt. Ông lão kinh ngạc nói : *"Các con định dùng sọt đưa ta đi đâu ?"*

"Cha ơi, cha biết đấy, chúng con không thể chăm sóc cha được nữa. Chúng con quyết định đưa cha tới một nơi linh thiêng. Ở đó người ta sẽ đối xử tốt với cha. Cha sống ở đấy hay hơn ở đây nhiều."

Ông lão lập tức hiểu ra tim đen của chúng, giận dữ mắng : *"Mày là đồ súc sinh vong ân bội nghĩa ! Hãy nghĩ tới lúc mày còn bé, tao đã nuôi nấng mày thế nào mà mày báo đáp tao như vậy ?"*

Thằng con ngượng quá hóa khùng, cõng phắt cái sọt tre bước vội ra cửa. Con hắn lặng lẽ quan sát. Khi cha cậu bé chìm trong màn đêm thì cậu hét trong đêm :

"Cha ơi, đưa ông đi rồi thì hãy nhớ đem sọt về đấy nhé."

Cha cậu bé quay trở lại, phân vân hỏi : *"Tại sao vậy ?"*

"Đợi khi cha già rồi, khi con muốn đưa cha đi thì còn dùng lại cái sọt này chứ !" Cậu bé nói.

Nghe con nói như vậy, thằng con trai ông lão đôi chân bủn rủn, không còn bước đi được nữa. Đành đưa ông lão về nhà.

Cậu bé nọ, để cứu ông, đã dùng thuật *Thử nghĩ theo cách đối chỗ* để cha cậu thử nghĩ và cảm nhận cái cay đắng khi mình già và bị vứt bỏ, từ đó để cha cậu thể nghiệm cái tâm tình khi ông lão bị vứt bỏ, *Thử nghĩ theo cách đối chỗ*, và kết quả là cha cậu đã phải từ bỏ chủ trương sai lầm.

Dùng thuật *Thử nghĩ theo cách đối chỗ* thông thường là phải giả thiết một trường hợp sự vật nào đó, để đối phương từ đó mà thể nghiệm tâm lí người khác, gợi cho đối phương nâng cao nhận thức.

Xin hãy quan sát một đoạn biện luận tại tòa án trong vụ án phỉ báng xử phóng viên tạp chí *Dân chủ và pháp chế* Thượng Hải năm 1988 :

Đại diện bị cáo : *Gọi Lí Bảo Thiện, Chu Uy là "kim cương" "đầu mục" không phải là phát minh của Thạch Tân Nguyên và Cố Nhĩ Thạch, họ chẳng qua là dẫn lời trên thư nặc danh, dẫn lời không phải là bịa chuyện, là không cố ý, vậy không cấu thành tội danh phỉ báng.* (đại ý)

Nguyên cáo : *Luật sư X, nếu có người viết thư nặc danh nói ông là thầy kiện xui nguyên giục bị, rồi có người viết thành bài thơ đăng trên phương tiện truyền thông đại chúng báo ông là thầy kiện xó lá thì ông nghĩ sao ? Có phải là phỉ báng không ?*

Đại diện bị cáo : *Miệng lưỡi ăn nói của ông khá lắm, còn khá hơn cả luật sư như tôi...*

Trong đoạn biện luận này, nguyên cáo đã giả thiết là đối phương bị người ta sỉ nhục gọi là thầy kiện xó lá, lại có người đăng tải sự sỉ nhục đó để đối phương trong thể nghiệm thiết thân này, đặt mình vào vị trí đó để thấy được cái khó chịu khi bị người khác phỉ báng. Từ đó, mà có được hiệu quả tranh luận tốt đẹp.

Thuật *Thử nghĩ theo cách đối chỗ* phải thông qua cách gợi lên lương tâm và ý thức đạo đức của đối phương, để đối phương tán thành quan điểm của mình, sửa chữa sai lầm của họ. Nếu đối phương còn có chút lương tâm và đạo đức, dùng thuật này thường có thể đạt được mục đích tranh luận dự định.

21. KHÍCH TƯỚNG

Thuật *Khích tướng* là phương pháp giành chiến thắng trong tranh luận bằng cách cố tình thông qua lời nói hoặc hành động làm tổn thương lòng tự trọng của đối phương, làm cho đối phương phẫn nộ, oán hận, để từ đó dẫn dắt họ làm theo ý định hoặc ý đồ dự định của chúng ta.

Năm xưa, Trần Viên Viên trong giờ phút giữa cái sống và cái chết, do đã dùng thuật *Khích tướng* mà kết quả đã cứu được mạng sống của mình, và đó là một ví dụ điển hình. Chuyện như sau :

Người vợ lẽ của Ngô Tam Quế là Trần Viên Viên bị bắt. Sấm Vương[1] Lí Tự Thành mắt liếc nhìn dung nhan Viên Viên lòng bỗng ngây ngất. Đây quả là một vưu vật trời sinh, chẳng trách Ngô Tam Quế dám liều thân vì cô ta, Lưu Tông cũng bị cô ta hớp mất hồn. Cái mầm họa này không thể cho qua. Lí Tự Thành ngầm ra ý cho vệ binh rằng : "Lôi ra, thắt cổ !"

Trần Viên Viên không đợi vệ sĩ ra tay, tự mình đứng lên đối mặt với Tự Thành, nhìn ông ta một lượt rồi cười nhạt quay người như định đi :

Lí Tự Thành quát to : *"Quay lại ! Sao ngươi lại cười nhạt ?"*

Trần Viên Viên quỳ xuống nói : *"Tiểu nữ sớm nghe uy danh đại vương, cho rằng là vị đại anh hùng đội trời đạp đất, hô phong hoán vũ, chẳng dè..."*

"Chẳng dè cái gì ?"

"Chẳng dè đại vương lại sợ ngay cả cô gái yếu đuối !"

"Cô[2] *sao lại sợ ngươi ?"*

"Đại vương, tiểu nữ cũng con nhà lành, rơi vào chốn ăn chơi, nếm đủ mùi trần ai, tấm thân bèo bọt. Thoạt đầu bị hoàng thân Điều Uyển chiếm, sau bị tổng binh họ Ngô đoạt, thủ hạ của đại binh là ông tướng họ Lưu vây phủ và lại bắt được tiểu nữ, đó đều chẳng phải là ý định của tiểu nữ. Xin hỏi đại vương, bản thân tiểu nữ có tội gì ? Đại vương chống kiếm khởi nghĩa chẳng

---

(1) Sấm vương : Chỉ ông vua dũng mãnh, xông pha chiến trận, đánh đâu được đó. Đây chỉ Lí Tự Thành (1606 – 1645), lãnh tụ nông dân khởi nghĩa cuối đời Minh, vốn tên là Hồng Cơ, hiệu Sấm Vương.

(2) Cô : Nhà vua khiêm xưng.

phải là để cứu trời cho dân cứu nạn cho thiên hạ đó sao ? Tiểu nữ là cô gái bất hạnh thế mà đại vương lại giết đi thế thì chẳng phải là đại vương sợ tiểu nữ thì là gì ?"

Lí Tự Thành đã bị Trần Viên Viên hỏi cho một chập mà không biết đáp sao. Ông ta khoát tay : *"Ngươi hãy đứng dậy đi"*.

Tiếp đó Viên Viên lại nói về cái lợi cái hại, cái được cái mất trong việc giết hay không giết cô : giết cô, đại vương cũng chẳng có ích gì, mà lại làm cho Ngô Tam Quế càng quyết tâm trả thù, ngày đêm hành quân, truy kích không thôi. Không giết cô, cô sẽ cảm cái ơn tha mạng, sẽ đảm bảo giữ Ngô Tam Quế ở lại kinh sư, không truy kích. Rốt cuộc Lí Tự Thành đã bị cô thuyết phục.

Trần Viên Viên đối mặt với cái chết đã không cúi đầu kêu xin Tự Thành tha mạng, mà lợi dụng lòng kiêu hãnh của Tự Thành, thoạt đầu thì cười nhạt để khích, kế đó khích bằng câu *"sợ hãi một cô gái yếu ớt"*. Khi có được cơ hội để nói bèn đặt mình vào đó để nói rõ lợi hại, làm lay động tình cảm ông ta. Và cuối cùng thì đã làm cho Tự Thành – người nắm quyền sinh sát đối với cô đã hủy bỏ lệnh hành hình từ đó mà thoát cơn nguy hiểm.

Điểm mấu chốt cho thuật *Khích tướng* giành thắng lợi là biết lợi dụng và khơi dậy nhân tố tình cảm như lòng tự ái ẩn chứa nơi sâu thẳm trong tâm hồn con người. Bởi vậy, sử dụng thuật này thì phải tùy đối tượng, nó chỉ phù hợp với loại người vốn có lòng tự tin và chí tiến thủ khá mạnh, chẳng qua là tạm thời bị che lấp đó thôi. Còn với loại người bình thản, hạ đẳng tàn bạo thì thuật *Khích tướng* chẳng ích gì.

Ngoài ra, dùng thuật *Khích tướng* cần chú ý nắm vững từng li từng tấc, không được vội vã, không được chậm chạp. Nếu quá vội dục tốc bất đạt, ngược lại còn chọc tức đối phương hiệu quả sẽ ngược lại. Chậm quá thì đối phương không ý thức được, sẽ không cách gì mà khơi dậy lòng tự tin của họ.

22. THUYẾT PHỤC BẰNG CHÍNH MÌNH

Thuật *Thuyết phục bằng chính mình* là phương pháp giành chiến thắng trong tranh luận bằng cách lấy sự từng trải và thể nghiệm của bản thân mà thuyết phục đối phương. Thuật này do những điều kể ra đều là sự trải qua và thu nhận thiết thân của mình, bởi vậy có sức hùng biện mạnh mẽ hơn việc dẫn chứng sự vật khác.

Thuyết phục bằng chính mình có lúc có thể trực tiếp dùng những điều mình chứng kiến. Chứng cứ từ bản thân là xác thực, không còn nghi ngờ gì nữa. Chẳng hạn :

Có lần Lưu Thiệu Thường, nhà văn nổi tiếng nói chuyện ở nơi kia thì có người hỏi : *"Đảng Cộng sản sáng suốt và vĩ đại như vậy, tại sao không thể chứa đựng một tí xíu cái tự do hỏa vậy ?"*

Nghe xong, Thiệu Thường đứng vụt dậy, lớn tiếng hỏi : *"Các ông bà xem người tôi thế nào ?"* Mọi người thấy nhà văn to lớn da dẻ hồng hào, đều nói : *"Khá lắm !"*

Lúc này ông mới nói : *"Dù là tôi to khoẻ thế này, thế nhưng bắt tôi ăn một con ruồi chết thì tôi sẽ không !"*

Lời đáp tuyệt diệu này đã được vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Lưu Thiệu Thường đã lấy chính người mình ra để làm ví dụ, *Thuyết phục bằng chính mình* đã nói lên cái lẽ là Đảng Cộng sản là xa lạ với cái thứ tự do hóa kia. Như vậy, đã có tác dụng phản bác luận điểm của đối phương vừa hóm hỉnh vừa sinh động mạnh mẽ.

Thuyết phục bằng chính mình có lúc cũng có thể dùng những cái bản thân từng thể nghiệm để dẫn chứng. Chẳng hạn, trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ với luận đề : *Ấm no là điều kiện tất yếu nói tới đạo đức*, sau khi tranh luận tự do căng thẳng và kịch liệt, số bốn của đội Phúc Đán bèn phản bác trong lời tổng kết có nói :

"Cám ơn chủ tịch, cám ơn các vị. Qua cuộc tranh luận này lúa vừa rồi, bụng tôi thực tình đã đói, thế nhưng tôi vẫn muốn làm rõ vấn đề đạo đức". (tiếng cười, tiếng vỗ tay)

Số 4 đã khéo mượn cái thực trạng lúc đó *"không no"* mà vẫn kiên trì nói cho rõ vấn đề đạo đức, *Thuyết phục bằng chính mình*, lại lần nữa luận chứng luận điểm *"No ấm không phải là điều kiện tất yếu để nói tới đạo đức"* và chứng minh rất sinh động hình ảnh.

Thuyết phục bằng chính mình cũng có thể dùng cái mình từng trải qua để giải thích cho đối phương. Theo *Thái bình quảng kí* thì đời nhà Đường, vào khoảng năm Đại Thuận Quang Khải, ở huyện Bao Trung bọn trộm cướp khai quật mộ người ta, cướp đi rất nhiều đồ mai táng theo. Án đưa ra xét xử mà mãi vẫn không phá được. Châu phủ nhiều lần giục huyện, và thế là bọn nha dịch đã bắt một người tình nghi đến tra hỏi. Thế nhưng xét hỏi hơn một năm mà vẫn không ra, rốt cuộc bọn huyện đã phải nhiều lần dùng hình phạt tàn khốc, đánh người nọ chết đi sống lại. Người bị tình nghi chịu không nổi, đành phải nhận tội đào mồ mả, và còn nộp ra một số đồ trộm cắp do người nhà đưa ra. Bọn quan lại trên dưới đều cho là chứng cứ xác thực, không còn gì là sai nữa, chuẩn bị cho chém.

Ngày hành hình, người đi xem rất đông, khi đã xác nhận rõ bản thân tội phạm liền cho đem xử tử. Lúc này bỗng có người trong đám đi xem bước ra, vén tay áo, quát to :

"Phép vua rõ ràng, sao lại cho phép giết oan người vô cớ vậy ? Tội phạm thực sự chính là tôi. Tôi lặn biến đi, các người không tìm ra. Người này thì có tội gì mà tử hình ? Hãy thả ông ta ra !"

Người này đồng thời mang ra đồ đào trộm được ở mộ, qua kiểm nghiệm đã chứng thực. Xảy ra việc lạ như vậy, trong quan lại bỗng xao động lên, vụ án báo về triều, hoàng đế truyền lệnh trừng phạt bọn quan lại, thả người bị oan và cho người đầu thú nhận chức ở nha môn.

Người nọ đã *Thuyết phục bằng chính mình*, bằng sự trải qua của chính bản thân mà phản bác phán quyết mà quan phủ huyện vô cớ khép cho người bị tình nghi, và đã có sức thuyết phục mạnh mẽ rằng người bị tình nghi là trong trắng, thật là một lời nặng bằng cửu đỉnh.

23. VINH NHỤC CÙNG CHỊU

Trong tranh luận, khi phản bác đối phương từ chính diện không xong, ta có thể từ mối quan hệ liên đới giữa các sự vật mà nêu ra một mệnh đề có tính liên quan để liên kết hai bên lại, tạo nên tình thế vinh cùng vinh, nhục cùng nhục, từ đó mà đạt mục đích dự định. Đó là thuật *Vinh nhục cùng chịu*.

Một trường hợp của thuật *Vinh nhục cùng chịu* là là vinh cùng vinh.

Theo *Lã thị Xuân Thu* thì thời Chiến Quốc nước Ngụy đã thôn tính nước Trung Sơn. Ngụy Văn Hầu đem đất đó phong cho con trai mình. Một hôm ông ta hỏi các đại thần : *"Ta là vị vua thế nào ?"* Quần thần trả lời : *"Là vị vua nhân từ."* Chỉ có Nhiệm Tọa là không cho như vậy, ông nói : *"Phong đất cho con mà không cho em thì sao gọi là vua nhân từ được !"* Ngụy Văn Hầu nghe vậy rất không vui, Nhiệm Tọa cũng phẩy áo mà đi. Ngụy Văn Hầu lại hỏi Địch Hoàng, Địch Hoàng đáp : *"Thần cho rằng chúa công là vị vua nhân từ"*. Ngụy Văn Hầu lại hỏi : *"Sao người lại cho là vậy ?"* Địch Hoàng nói :

*"Thần nghe nói :"*Quân vương nhân nghĩa, thần hạ cảnh trực[1]". *Vừa rồi Nhiệm Tọa nói thẳng như vậy đã chứng tỏ chúa công là vị vua nhân từ !"*

Ngụy Văn Hầu nghe vậy vừa sướng vừa ngượng, liền sai người gọi Nhiệm Tọa quay lại.

Nhiệm Tọa đã mạo phạm vào tôn nghiêm của vua, hoàn cảnh lúc đó là rất hiểm nguy. Trong lúc gay cấn như vậy, Địch Hoàng đã đưa ra mệnh đề có tính liên quan : *Quân vương nhân nghĩa, hạ thần cảnh trực*. đã liên kết cái nhân nghĩa của Ngụy Văn Hầu với lời can gián thẳng thắn của Nhiệm Tọa làm một, quân vương nhân nghĩa khiến cho hạ thần mới dám can gián thẳng, hạ thần can gián thẳng là vì quân vương nhân nghĩa, như vậy, đã tạo nên một tình thế *vinh cùng vinh*, Ngụy Văn Hầu muốn được tiếng nhân nghĩa thì phải thừa nhận Nhiệm Tọa can gián thẳng là vô tội. Và thế là nhà vua bèn cho mời Nhiệm Tọa quay lại.

Cũng vậy, Trưởng Tôn hoàng hậu cũng khuyên can Đường Thái Tông trong hoàn cảnh tương tự.

---

(1) Nghĩa là : Vua nhân nghĩa, bề tôi mới chính trực.

Theo *Trinh Quán chính yếu* có ghi : Năm thứ 6 Trinh Quán (năm 632) một ngày trong tháng ba Thái Tông đã tranh cãi tại triều về việc chính sự với Ngụy Trưng là vị gián quan nổi tiếng. Bãi triều, Thái Tông vẫn chưa nguôi cơn giận, lớn tiếng chửi : *"Phải giết cái thằng nhà quê này đi"*. Trưởng Tôn hoàng hậu khi đã rõ sự việc, bụng nghĩ : Lời Thái Tông có ý định giết, có thể sẽ hình thành một tai họa đây. Thế là hậu nói với Thái Tông :

"Tiếu nữ nghe nói quân chủ hiền minh thì bề tôi mới cương trực, giờ đây Ngụy Trưng rất cương trực, là vì thánh thượng rất hiền minh đó. Thần thiếp xin chúc mừng thánh thượng !"

Lời biện luận của hoàng hậu Trưởng Tôn rất khéo, ở đây hoàng hậu đã dùng thuật *vinh cùng vinh*, lấy cái cương trực của Ngụy Trưng gắn liền với cái hiền minh của Thái Tông. Nghe vậy, Thái Tông đổi giận làm mừng. Từ đó, Thái Tông càng quý trọng Trưởng Tôn, và càng tín nhiệm đối với Ngụy Trưng.

Thuật *vinh nhục cùng chịu* có lúc cũng biểu hiện thành nhục cùng nhục.

Chúng ta hãy xem Thomas Henry Huxley đã tranh luận thế nào với người đứng đầu tôn giáo.

Khi Đác-uyn nêu ra thuyết tiến hóa sinh vật thì Huxley ra sức ủng hộ và tuyên truyền, đồng thời cũng ra sức luận chiến với thế lực tôn giáo. Giáo hội chửi ông là "con chó của Đác-uyn". Trong một cuộc tranh luận tại Luân Đôn, người đứng đầu tôn giáo thấy Huxley bước vào hội trường thì chửi đổng :

"Coi chừng con chó đến đấy !"

Huxley khinh bỉ đáp :

"Đúng vậy, bọn trộm cắp thì vốn sợ chó săn tinh ranh mà !"

Khi đối phương chửi ông là chó, thóa mạ nhân thân thì Huxley mượn ngay cái mệnh đề mà tên này cùng biết là : *Trộm cắp sợ chó săn* để gắn mình với đối phương, ngầm chỉ quan hệ hiện thực giữa tên đứng đầu tôn giáo với ông, và giáng cho y một đòn trí mạng.

Mệnh đề có tính liên quan trong thuật *Vinh nhục cùng chịu* là cái nút liên kết hai bên tranh luận, cũng là cái mấu chốt thành bại của thuật này, vậy nên cần chọn lựa cho thích hợp.

24. TÙY CƠ ỨNG BIẾN

Thuật *Tùy cơ ứng biến* là trong quá trình biện luận, đối với những biến đổi nảy sinh bất ngờ từ tình hình bên ngoài thì cần nhanh chóng phản ứng, củng cố phòng tuyến của mình một cách linh hoạt, từ đó mà thoát ra khỏi cục diện bị động.

Trước tiên, hãy quan sát câu chuyện như sau :

Một hôm ra triều, quốc vương A-cơ-ba hỏi Pi-ơ-ba : *"Tại sao trên lòng bàn tay ta không mọc lông ?."*

Pi-ơ-ba để cười nhạo quốc vương, liền cố ý trả lời : *"Vì ngài thường dùng hai tay bố thí cho người nghèo và học giả bà la môn, do cọ sát mà lòng bàn tay ngài không mọc lông."*

Nghe lời đáp ca ngợi mình, A-cơ-ba trong bụng thấy vui. Nhưng rồi ông ta lập tức hiểu ra, đó là cười nhạo mình, có điều ông ta không nói ra, và ông ta quyết tìm dịp để làm nhục Pi-ơ-ba. Khi đã nghĩ xong mưu kế, ông ta hỏi Pi-ơ-ba : *"Lòng bàn tay ngươi sao không mọc lông ?"*

Pi-ơ-ba nói : *"Vẫn thường nhận của bố thí, như vậy, cọ sát mà không mọc được lông."*

Quốc vương lại hỏi : *"Tại sao người trong cung ta, lòng bàn tay ai cũng không mọc lông ?."*

Pi-ơ-ba nói : *"Đáp án thật rõ ràng, khi ngài bố thí cho tôi hoặc những người khác thì những con bọ đáng thương trong cung ngưỡng mộ mà cứ xoa tay, kết quả việc xoa tay là lòng bàn tay họ cũng không mọc lông."*

Quốc vương nghe vậy thì cả cười.

Pi-ơ-ba trước đòn tấn công liên tục được sắp đặt công phu của quốc vương đã có thể đưa ra đối sách ứng biến nhanh chóng, kín kẽ, chứng tỏ một khả năng *Tùy cơ ứng biến* khác thường.

Khả năng *Tùy cơ ứng biến* của một nhà hùng biện biểu hiện nổi bật khi lâm vào hoàn cảnh tranh luận khó khăn mà vẫn ứng đối khéo léo, chuyển nguy thành an. Chẳng hạn, năm 1988 tại cuộc thi hùng biện châu Á với luận đề : *Tư tưởng nhà nho có thể chống lại cơn gió độc Tây Phương*, đội Phúc Đán bên phản bác nói :

"Khổng Tử nói là cha mẹ còn sống thì không được đi xa, nếu vậy thì chúng tôi không thể đến được Xingapo hay sao ?"

Trước việc này, đội Đại học Đài Loan bên phía bảo vệ phản bác lại : *"Về việc cha mẹ còn sống thì không được đi xa, điểm này không nên trích dẫn cắt xén. Bởi vì "Luận ngữ" còn có câu "Du tất hữu phương", tức là ra đi phải hỏi cha mẹ, trở về phải bẩm báo cha mẹ".*

Đoạn biện luận này của đội Đài Loan đã được quan chúng vỗ tay hoan nghênh. Bởi vì người thông thường chỉ nhớ được câu trước mà bỏ quên câu sau. Đội Đài Loan đã dẫn đầy đủ và đưa ra lời giải thích khác, như vậy đã phủ định tính chân thực của luận cứ đối phương, tạo nên sự uy hiếp rất lớn cho đối phương. Đang lúc đó thì một đội viên Phúc Đán vặn hỏi lại bằng cách biện hộ :

"Về việc" Du tất hữu phương, *"đi một chặng, bẩm báo một lượt. Vậy thì* "du" *đến Xingapo, những chàng trai trẻ chúng tôi sẽ biến thành những cụ già sắp chết cả, đến lúc đó còn mặt mũi nào để ngó Xingapo đây ? Còn có lời nào để nói về văn hóa nho gia đây ?"*

Lời phát biểu của đội viên này đã được mọi người vỗ tay nhiệt liệt hơn, đã khiến cuộc tranh luận xuất hiện cục diện mới. Sự phản bác của đội viên này thật bất ngờ, anh ta thật nhạy bén xứng đáng được ngợi khen.

Năng lực *Tùy cơ ứng biến* biểu hiện ở chỗ ở tính linh hoạt trong tư duy, khi tranh luận. Người ta trong quá trình tư duy thông thường là tư duy theo đường mòn, điều này tâm lí học gọi là định thế, nó từ hoạt động tâm lí có trước mà tạo nên trạng thái sẵn sàng về tâm lí, khiến người ta nhận thức và phản ứng một cách tương đối ổn định. Khi gặp vấn đề thông thường thì nó có thể khiến cho vấn đề giải quyết thuận lợi. Nhưng khi gặp những sự kiện nảy sinh bất ngờ thì thường là bó tay, mặc cho số phận an bài. Bởi vậy, một nhà hùng biện muốn tự do vùng vẫy trong khoảng trời tranh luận đầy mưu kế biến hóa thì phải có khả năng *Tùy cơ ứng biến* linh hoạt, thành thạo.

25. BẤT NGỜ CHIẾN THẮNG

Thuật *Bất ngờ chiến thắng* là phương pháp giành thắng lợi trong tranh luận bằng cách phá vỡ phạm vi nhận thức thông thường, phá vỡ tập quán tư duy cũ kĩ mà giáng cho đối phương đòn tập kích bất ngờ.

Với thuật *Bất ngờ chiến thắng* thì chữ "kì" (*kì* : kì lạ, bất ngờ) biểu hiện ở chỗ nắm chắc thời cơ xuất kích. Khi đối phương không ngờ tới mà ra đòn công kích thì khiến họ quay cuồng. Và từ đó có thể có được hiệu quả tranh luận tốt đẹp nhất. Chẳng hạn, có câu chuyện về tài biện luận với tựa đề : *Tam mao khiếu ma* (Tam Mao gọi mẹ) như sau :

Mụ nhà giàu nọ để tìm thú vui đã bắt Tam Mao gọi con chó Ha-ba mụ ta nuôi là ba, và bảo, gọi *ba* một tiếng sẽ cho một đồng bạc, gọi 10 tiếng sẽ cho 10 đồng. Tam Mao biết rõ đó là trò sỉ nhục nhân cách của anh, nhưng nghĩ lại thì bèn cúi gập mình, vừa vuốt lông chó vừa gọi liền 10 tiếng *ba*. Như vậy là con mụ yêu tinh nọ vô cùng khoái chí, trò đùa của mụ đã thực hiện trọn vẹn, mụ bèn thưởng 10 đồng cho Tam Mao. Đang khi mụ cười ngả cười nghiêng như vậy thì Tam Mao trước mặt những người đến xem trò, cố tình cao giọng, kéo dài tiếng nói với mụ nhà giàu : *"Cám ơn những đồng bạc của bà – má !"*

Người đến xem trò không ai không khen Tam Mao tài trí thông minh.

Tam Mao đã chọn lúc đối phương đang ngây ngất đắc ý mà bỗng ra đòn khiến đối phương do bất ngờ mà lúng túng.

Thuật *Bất ngờ chiến thắng* còn biểu hiện ở chỗ phương pháp biện luận phải "kì", tức là dùng cách biện luận mà đối phương không thể ngờ tới, để giáng cho họ đòn trở tay không kịp. Chẳng hạn, có lần có một nhà ngân hàng bơn cợt hỏi Đại Trọng Mã : *"Anh nói anh có trong máu 1/4 là da đen phải không ?"*

"Tôi nghĩ là vậy". Đại Trọng Mã nói
"Vậy lệnh tôn ?" (lệnh tôn : chỉ cha, mẹ)
"Một nửa là huyết thống da đen".
"Lệnh tổ ?" (chỉ ông, bà)
"Toàn đen".
"Xin hỏi, vậy lệnh tôn tổ ?"
"Người vượn" Đại Trọng Mã trả lời nghiêm chỉnh.
"Ông đùa đấy chứ ? Sao lại vậy được ?"

"Đúng vậy, đúng là người vượn" Đại Trọng Mã vẫn một mực khẳng định *"Gia tộc chúng tôi bắt đầu từ người vượn, còn gia tộc của ông thì đến người vượn là hết"*.

Nhà ngân hàng nọ hoàn toàn không ngờ tới việc ông chế nhạo nguồn gốc da đen của người khác mà lại bị người khác xỏ xiên lại là *người vượn*.

26. NẮM VỮNG THỜI CƠ

Tục ngữ có câu : *cơ bất khả thất, thời bất tái lai* (nghĩa là : Cơ hội không được để mất, thời vận không quay lại nữa), một nhà hùng biện muốn giành chiến thắng thì phải biết nắm bắt lấy thời cơ biện luận tốt nhất mà nó chỉ xuất hiện trong chốc lát, từ đó chọn lựa địa điểm tốt nhất, thời gian tốt nhất, không khí thuận lợi nhất mà liên tục tiến công nhằm giành lấy hiệu quả tranh luận tốt nhất. Thuật *Nắm vững thời cơ* là phương pháp nắm vững thời cơ biện luận có lợi nhất.

Năm xưa Côlômbô trong một chuyến đi biển đã cho chúng ta một bài học.

Côlômbô trong lần hoạt động thám hiểm lần thứ tư và cũng là lần cuối cùng, vào tháng 2 năm 1504, đoàn thuyền của họ đóng tại Jamaica là đất họ chiếm được. Do trước mắt thuyền thiếu nên không thể quay về, đành phải chịu bị vây hãm tại đó, thiếu thuốc, thiếu lương ăn, cái đói cái rét cùng ập đến. Thoạt đầu toàn dựa vào đồ cống nạp của thổ dân Indian mà sống, thế rồi thủ hạ của ông làm loạn, khiến uy tín của ông bị mất dần, người Indian cũng không sợ cái ông Côlômbô thần thánh không thể chống lại này nữa. Và thế là cống nạp định kì cũng bị cắt đứt. Côlômbô rơi vào tình trạng trong lo ngoài họa. Ông đã khổ công tìm kiếm cách lập lại thần uy xưa kia của mình trong dân bản địa và cuối cùng đã tìm ra cách. Là người giỏi thiên văn nên Côlômbô xác định được ngày 19 tháng 2 năm 1504 ban đêm sẽ có nguyệt thực, và ông ta biết rằng đây là thời cơ rất tốt để khuất phục người dân Indian thiếu kiến thức thiên văn và sùng bái thần linh mù quáng.

Tối hôm đó, Côlômbô cho gọi tất cả mọi người dân bản địa chờ đợi ở bãi biển trống, bản thân ông thì đứng trên tháp thuyền cao, với bộ điệu trang nghiêm ông lấy tư cách là nhà tiên tri thông báo cho thổ dân : *"Các người nghe đây, các người phải tôn thờ thượng đế, nếu các người không tiếp tục cung cấp thực phẩm cho người da trắng chúng ta thì các người sẽ đứng trước thảm họa diệt vong. Thượng đế đế trừng phạt tội các người bất kính với người da trắng, ngay đêm nay sẽ mang mặt trăng về nước trời. Nếu các người vẫn không hối cải thì tai họa lớn hơn sẽ giáng xuống bọn người Indian bị ma quỷ mê hoặc !"*.

Đến lúc đó, mặt trăng vẫn treo trên bầu trời, và thế là người Indian vẫn chẳng thèm nghe lời hù dọa của Côlômbô. Nhưng rất nhanh, nguyệt thực bắt đầu, theo việc mặt trăng cứ bị nuốt dần, bầu trời, mặt biển mỗi lúc một tối hơn. Người Indian rơi vào vực sâu hoảng sợ, khẩn cầu thượng đế tha thứ. Côlômbô thấy công lớn đã thành, liền tỏ ra ưng thuận, giả dò cầu khấn trời, cùng với sự kết thúc của nguyệt thực toàn phần, tự nhiên bầu trời lại là một vầng trăng sáng. Người Indian Jamaca không thể không cống nạp trở lại cho Côlômbô.

Cái bí quyết để Côlômbô chiến thắng trong biện luận là ở chỗ đã tìm ra thời cơ biện luận hay nhất là nguyệt thực toàn phần để uy hiếp người dân Indian.

Thời cơ là xu thế, là kẽ hở có lợi cho mình mà bất lợi cho địch xuất hiện trong thời gian và không gian nhất định, là mấu chốt chiến thắng đối phương, xoay chuyển cục diện. Tính thời hiệu của thời cơ rất mạnh. Trong quá trình biện luận, nếu bên mình ở vào địa vị ưu thế thì phải nắm chắc thời cơ, nhân khi đối phương chưa kịp phòng bị mà nhanh chóng tập trung sức luận chứng, giáng cho họ những đòn bất ngờ mà đạt mục đích khuất phục họ. Đó chính là *tiên phát chế nhân* (ra đòn trước để khống chế địch). Ngược lại, nếu gặp lúc tình thế địch mạnh ta yếu, địch có ưu thế còn ta thế yếu, mà nếu vội vàng ứng chiến thì khó lòng chiến thắng. Lúc này có thể lặng lẽ quan sát sự việc biến đổi, tránh mũi nhọn và ra sức tìm kiếm cái yếu của đối phương rồi tìm từ ngữ, thừa cơ chuẩn bị lực lượng, rồi sau đó chọn đúng thời cơ để đánh là thắng. Đây chính là *hậu phát chế nhân*.

27. TỪ THỦ CHUYỂN SANG CÔNG

Khi bên mình bị địch tấn công thì cách tốt nhất để khống chế họ là quay lại chỉ trích đối phương. Như vậy, người bị tố cáo quay lại chỉ trích người tố cáo, còn người bị tố cáo từ vị trí bị động ban đầu chuyển ra vị trí chủ động, người tố cáo ngược lại từ vị trí chủ động ban đầu mà chuyển ra vị trí bị động. Như vậy sẽ giành được điểm cao khống chế địch và có thể hãm địch vào cái chết. Đó là thuật *Từ thủ chuyển sang công.*

Trong *Rừng thẳm tuyết dày* cuộc luận chiến của Dương Tử Vinh với Loan Bình tại Uy hổ sảnh là theo thuật *Từ thủ chuyển sang công.*

Dương Tử Vinh lấy tư cách tên phỉ Hồ Bưu mà dâng lên Tọa Sơn Điêu tấm *Tiên khiển đồ*[1] và được bọn phỉ tín nhiệm. Anh đang chuẩn bị bữa tiệc trăm con gà để mừng thọ Tọa Sơn Điêu 60 tuổi để trong ứng ngoài hợp mà tiêu diệt địch. Ai ngờ, chính lúc đó, tên phỉ Loan Bình từng bị quân Giải phóng bắt và xét hỏi lại trốn thoát và mò lên núi Uy Hổ Sơn.

Bỗng nhiên, Tên Loan như một con chó điên, chỉ vào Dương Tử Vinh mà hét lên : *"Nó... Nó... Nó không phải là Hồ Bưu, nó là cộng quân !"*

"A !" Tọa Sơn Điêu và 7 tên kim cương cùng kinh ngạc mà nhìn Dương Tử Vinh, ánh mắt hung tợn, không khí trong Uy Hổ sảnh căng thẳng như muốn nổ tung.

Lúc này Dương Tử Vinh cười khẩy, điềm nhiên nhổ nước bọt, rồi chùi mồm, nói : *"Chỉ có chó điên mới cắn người nhà, tao biết là của quý vô giá "Tiên khiển đồ" của mày bị tao lấy đi thì mày phải giận tao cho nên mới vu tao là cộng quân, thật là hiểm độc. Mày nói tao là cộng quân thì tao là cộng quân đấy ! Thế nhưng sao mày lại biết tao là cộng quân hả ? Nào ? Mày hãy nói lai lịch cộng quân của tao ra đi !"*

"Nó... Nó..." Loan Bình ấp úng nói : *"Nó bắt... đã bắt tôi !"* *"Ồ !"* Dương Tử Vinh đã biểu lộ nét mặt kinh ngạc, *"Thế thì tức là mày đã bị cộng quân bắt rồi à ? Lần này mày từ đâu đến ? Cộng quân sao lại thả mày ra ? Hay là cộng quân cử mày đến ? Giờ đây khắp nơi là tuyết, dấu chân của mày để*

---

(1) Tiên khiển đồ : Bản đồ bố trí điệp viên.

lại cho cộng quân, thằng ranh con, mày đã dẫn cộng quân đến, làm sao tao lại tha cho mày được !" Dương Tử Vinh nói xong liền bố trí nhiệm vụ bảo vệ. Tên phỉ họ Loan quỳ xuống đất cầu cứu Tọa Sơn Điêu : *"Ông Ba, nó không phải là Hồ Bưu, nó là cộng quân !"*

Dương Tử Vinh phẩy tay áo, rút súng ngắn ra, rắn rỏi nói với Tọa Sơn Điêu : *"Ông Ba, Hồ Bưu tôi xưa nay không chịu nhục, tôi dâng cho ông tấm "Tiên khiển đồ" mà bị con chó điên cắn, hôm nay có nó thì không có tôi, có tôi thì không có nó. Ông Ba mà tha cho nó thì tôi xuống núi đây !"* Nói rồi định bỏ đi.

Lúc này bọn phỉ đang nóng lòng ăn tiệc, thấy Dương Tử Vinh muốn bỏ đi thì ồn ào la hét : *"Ông Chín đừng đi..."* Tọa Sơn Điêu thấy vậy liền kéo Dương Tử Vinh lại : *"Chú Chín, thôi đừng có trẻ con nữa, ông Ba không để chú chịu thiệt đâu"*. Tọa Sơn Điêu lại bơn cợt tên Loan : *Mày đến với tao, có lễ gì dâng lên không ?"*

"Hôm nay thì chẳng có gì hết, hôm sau xuống núi sẽ có "Tiên khiển đồ", tấm bản đồ đó dưới gầm giường vợ tôi".

Dương Tử Vinh cười khinh miệt : *"Quỷ thật, vẫn còn lừa đảo bịp bợp, còn lừa cả ông Ba nữa"*.

Tọa Sơn Điêu tiện tay từ hộp sắt dưới chỗ ngồi rút ra mấy tờ giấy : *"Hừ, nó đây rồi, mày tay không thì đi mà phục dịch bà cô mày đi !"*

Tên phỉ họ Loan liếc mắt thì cả kinh, mồ hôi túa ra, đứng trước lời biện luận chặt chẽ của Dương Tử Vinh, không còn biết làm thế nào nữa, trong tiếng hò hét của lũ phỉ, y hệt như con chó chết bị lôi ra khỏi *Uy Hổ sảnh*...

Đứng trước sự biến đổi khôn lường mà Dương Tử Vinh vẫn điềm tĩnh, không phải là lo chống đỡ mà là tấn công một cách dũng cảm, trí tuệ kinh người. Dựa vào lòng tín nhiệm trong đám phỉ và nhược điểm của phỉ họ Loan là đã từng bị cộng sản bắt, đi lên núi và để lại dấu chân và rồi chỉ một đòn mà đưa tên Loan tới chỗ chết, giành được thắng lợi huy hoàng.

Sử dụng thuật *Từ thủ chuyển sang công* thì phải nắm lấy mâu thuẫn của đối phương, nắm bắt nhược điểm của họ, như vậy tấn công mới mạnh mẽ. Ngoài ra, còn cần phải đứng trên lập trường đúng đắn mà dùng thuật này, nếu biết rõ là mình sai, vì tư lợi mà giá họa cho người thì đó chỉ là nguy biện.

28. GẬY ÔNG ĐẬP LƯNG ÔNG

Gậy ông đập lưng ông là thành ngữ mà ai cũng biết, dùng trong biện luận, thì chỉ phương pháp lấy lời lẽ của đối phương mà trị lại đối phương, dùng quan điểm của đối phương để đánh lại đối phương, dùng phương pháp của họ mà trị lại họ.

Xưa kia, có người tên là Tử Xa, ông ta chết đi, người vợ và quản gia bàn nhau là dùng người sống để chôn theo. Người em của Tử Xa là Tử Cang biết việc đó liền đến khuyên : *"Chôn người sống theo là không hợp nghi lễ, đừng làm vậy !"* Nhưng bà chị dâu và gia thần không đồng ý : *"Anh chú chết đi, ở dưới đó không ai hầu hạ, nên mới chôn người sống theo"*. Nghe nói vậy, Tử Khang nói : *"Chị và quản gia lo toan rất chu đáo, đành rằng phải làm vậy, thôi cũng được ! Thế nhưng để người khác theo anh chi bằng để chị và quản gia đi theo. Vì chị và quản gia phục vụ anh tận tâm hơn người khác !"*

Tử Cang khi khuyên chị dâu không dùng người sống để chôn theo anh đã dùng thuật *Gậy ông đập lưng ông*. Đã là người chết phải có người sống phục vụ thì tốt hơn cả là chị dâu và quản gia. Và như vậy người chị dâu và quản gia nọ hết đường chống đỡ, đành bãi bỏ ý định.

Thuật *Gậy ông đập lưng ông* là một phương pháp đánh địch rất có hiệu quả, mấu chốt của nó là phải biết nắm lấy điểm trí mạng của đối phương, sau đó phản kích mà không để nhỡ thời cơ. Như vậy sẽ đưa địch đến cái chết.

Lại ví dụ, Thang Hiển Tổ là nhà ca kịch nổi tiếng đời Minh từng làm huyện lệnh Toại Xương tỉnh Chiết Giang. Trong huyện có một thôn giáp núi, núi cao rừng rậm, thường có cọp bắt người. Dân địa phương xin quan diệt trừ tai họa. Thang Hiển Tổ vội cho người ra phố cầu người gan dạ lên núi diệt hổ. Thế nhưng chẳng ai dám đi. Dò hỏi, thì ra huyện Toại Xương có "ông tiên da" (bì thần tiên) tung tin là cọp bắt người đó là cọp thần từ trên trời xuống, mọi người đều sợ đánh hổ thì bị các thần thánh trừng phạt. Đang nói vậy thì "ông tiên da" hấp háy đôi mắt lươn đến trước huyện lệnh, hỏi :

"Nghe nói lão da muốn tập hợp người đi giết hổ, đúng vậy không ?"

"Con cọp bắt người giết hại gia súc sao không giết !" Thang Hiển Tổ đáp. "Ông tiên da" nói : *"Trời sai thần hổ xuống trần để trừng phạt kẻ ác, xin đừng có giết bừa. Chết vào miệng cọp là mệnh trời, không phải kiếp trước có oan nghiệt thì kiếp này đã làm việc xấu. Người tu nhân tích đức, có bỏ vào miệng cọp, cọp cũng không dám cắn !"*

Lúc này, Thang Hiển Tổ nghiêm giọng quát : *"Vậy thì bỏ "ông tiên da" nhà ngươi vào miệng cọp thứ cái đã, xem người là người hiền hay người ác !"*

"Ông tiên da" nghe vậy hoảng sợ, vội kêu to : *"Không nên, không nên, tôi còn phải sống mấy năm nữa !"* Vừa nói vừa chen vào đám đông lủi mất. *"Ha ha ! ông tiên cái cóc khô gì, chẳng qua là thằng đốn mạt xó lá !"* mọi người nói.

Dọa được "ông tiên da" rồi thì mọi người tranh nhau ghi tên đi giết cọp, và đã lập được một đội hơn 40 người. Không đến một tháng sau thì nạn hổ đã dẹp xong. Từ đó bà con sống yên bình.

Thang Hiển Tổ đã nắm chắc lấy lời của "ông tiên da" là : *"Người tu nhân tích đức có bỏ vào miệng cọp cọp cũng không cắn"*. Lấy lời của hắn ta để trị lại hắn ta, không bỏ qua dịp tấn công, bắt "ông tiên da" bỏ vào miệng cọp, như vậy đã hoàn toàn vạch trần trò hề của y.

29. TỪ KHÔNG MÀ CÓ

Từ không mà có trong một số trường hợp có thể là chỉ việc vu cáo, lén bỏ tang vật để hãm lại... và hàm chỉ ý xấu. Thế nhưng thuật ngữ này trong phương pháp hùng biện lại hàm ý khác. Trong một số trường hợp tranh luận đặc biệt, khéo léo nói những cái không có thành ra có lại hiểu hiện một tài năng biện luận của cá nhân rõ nét.

Trước hết, hãy quan sát cuộc tranh luận giữa Lí Điều Nguyên và các văn nhân.

Vào năm Càn Long nhà Thanh, tài tử Tứ Xuyên là Lí Điều Nguyên nhận chức học chính Quảng Đông. Một hôm, các tao nhân mặc khách hẹn giao du với Điều Nguyên. Họ cùng đến một nơi có núi có suối nước, phong cảnh tĩnh lặng. Thế nhưng con đường mòn bỗng đến chỗ cụt, phía trên là mỏm núi chênh vênh, chỉ có con suối róc rách bên đường. Trên vách núi có khắc 3 chữ : *"bán biên sơn"* (nghĩa là : nửa bên núi), bên đường, dưới mỏm núi chôn một tấm bia, có khắc hàng chữ : *"Bán biên sơn, bán đoạn lộ, bán khê lưu thủy bán khê cốc"*.[1] Bạn đồng hành cười và giải thích cho Lí Điều Nguyên :

"Đây là đời Tống Tô Đông Pha cùng Phật Ấn và Hoàng Sơn Cốc ba người cùng đến nơi đây và để thử Tô Đông Pha, Phật Ấn đã ra vế trên, Đông Pha không đối được, đành phải mời Hoàng Sơn Cốc viết ra liên này, rồi cho khắc bia chôn ở đây, để tỏ ý tự răn và cũng thử người đời đến đối. Ông học chính tài giỏi có thể rửa cái nhục này cho người đồng hương là học sĩ họ Tô kia không ?"

Lí Điều Nguyên đương nhiên là hiểu hết, bọn họ muốn mượn việc này để làm nhục ông. Và thế là điềm tĩnh cười, nói : *"Vế đối Tô học sĩ đã làm xong từ lâu, làm gì còn phải đối ?"*

Mọi người phân vân. Ông học chính nói tiếp :

"Kì thực, Tô học sĩ đề nghị Hoàng Sơn Cốc khắc bia dựng ở đây chính là vì liên đối, tức là đối ý. Rất rõ ràng là ý về đối là : "Nhất khoái bi, nhất hàng tự, nhất cú thành liên nhất cú hư".[1]»

---

(1) Nghĩa là : nửa bên núi, nửa đoạn đường, dòng suối nửa chừng nửa chừng cạn.

(2) Nghĩa là : Một tấm bia, một hàng chữ, một câu thành về một câu trống.

Mọi người nghe vậy, thấy không thể bắt bẻ gì được, đành khen hay.

Kì thực, Tô Đông Pha lúc xưa đâu có đối được, và mọi người định mượn cách này để làm nhục Lí Điều Nguyên. Thế nhưng, ông học chính tài trí bỗng lóe ra ý tưởng từ vế đối còn bỏ trống mà dẫn đến đối ý, *Từ không mà có*, và đã biểu hiện một tài năng biện luận hiếm có.

Muốn dùng được thuật *Từ không mà có* này và muốn cho thành công mĩ mãn thì phải có năng lực tư duy tưởng tượng phong phú, và đòi hỏi tư tưởng của mình phải vượt qua hạn chế của thời gian và không gian, nghĩ việc ngàn năm, nhìn qua vạn dặm, trên trời dưới đất, tự do tung hoành. Chẳng hạn, một cuộc biện luận giữa Đông Phương Sóc cùng Hán Vũ Đế như sau.

Hán Vũ Đế cả đời chuộng thần tiên, về già càng chuộng, những mong có được thuốc trường sinh bất lão từ các thần tiên. Các đại thần không ai dám khuyên răn.

Một hôm, Đông Phương Sóc nói với Hán Vũ Đế : *"Thuốc trường sinh bất lão đích thực chỉ có ở trên trời"*. Hán Vũ Đế chép miệng than : *"Trẫm cũng thường nghe nói vậy, nhưng ai mà lên tới trời được ?"* Đông Phương Sóc đáp : *"Thần từ nhỏ được dị nhân truyền dạy, có thể lên trời"*. Hán Vũ Đế tức giận nói : *"Ta bị biết bao phương sĩ*[2] *lừa dối, lẽ nào ngươi lại còn định lừa quá nhân nữa sao ?"* Đông Phương Sóc nói : *Nếu không tin, bệ hạ hãy cử một người đi theo tôi, trở về để làm chứng"*. Và thế là nhà vua đã cử một phương sĩ đi theo, hẹn 30 ngày sau trở lại.

Đông Phương Sóc rời triều thì ngày lại ngày chỉ có đến nhà các vương hầu và đại thần chơi bời uống rượu. Đến khi sực nhớ kì hạn 30 ngày sắp hết. Một hôm, phương sĩ nọ ngủ say, Đông Phương Sóc đánh thức ông ta dậy : *"Ái chà, anh ngủ say như chết, tôi lên trời vừa xuống đây"*. Phương sĩ biết là Đông Phương Sóc dối trá nhưng sợ liên lụy đến mình, liền cùng đi báo cáo với nhà vua. Vũ Đế hỏi : *"Các ngươi đã lên trời, thấy thần tiên nào không ?"*

Đông Phương Sóc đáp : *Thấy Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng hỏi tình hình dưới trần, trên trời lạnh lẽo vắng người, chắc là dưới trần vui lắm ? Nếu không vì trời và người cách biệt, ta rất muốn xuống trần sống . Tôi hỏi xin Ngọc Hoàng thuốc trường sinh bất lão, Ngọc Hoàng nói : "Người uống thuốc trời, chỉ chết nhanh mà thôi, sao lại trường sinh ?" Tôi đành tay không trở về"*. Hán Vũ Đế

---

(1) Phương sĩ : Tu sĩ Đạo giáo.

nghe xong cả cười mà rằng : *"Đông Phương Sóc ơi là Đông Phương Sóc, ngươi đối cách khuyên can ta à ? Ta đã bắt đầu hiểu ra, trước kia đều bị bọn phương sĩ lừa dối. Đã không có thần tiên thì lấy đâu ra thuốc tiên ?"*

Thế là Vũ Đế đuổi hết bọn phương sĩ đi.

Vốn là hoàn toàn không có cái gọi là ông trời, thần tiên, thuốc trường sinh bất lão. Thế nhưng, Đông Phương Sóc đã mạnh dạn bằng tư duy tưởng tượng *Từ không mà có* để hư cấu ra câu chuyện thần thoại ngao du thiên đình, gặp Ngọc Hoàng, các thần và nói chuyện với họ. Và mượn lời Ngọc Hoàng để khuyên can vua. Mọi người đều hết cách khuyên can vua, thế nhưng Đông Phương Sóc qua việc bịa đặt ra câu chuyện li kì mà khiến Vũ Đế phải bỏ đi ý định đi tìm thuốc trường sinh bất lão. Điều này chứng minh đầy đủ thuật *Từ không mà có* trong biện luận có thể sinh ra uy lực.

30. CHỐNG GIẢ DỐI BẰNG GIẢ DỐI

Đứng trước luận điệu giả dối của đối phương, chúng ta có lúc có thể phản bác bằng luận chứng chặt chẽ và sự thực xác thực : nhưng thuật *Chống giả dối bằng giả dối* thì không như vậy, mà là phản kích bằng lời lẽ cũng giả dối như đối phương. chống giả dối bằng giả dối, như vậy, cũng có thể đạt mục đích khuất phục đối phương.

Người phát minh ra tia Rontgen nhận được một bức thư, trong thư viết :

"Trong ngực tôi vẫn còn một viên đạn, cần phải trị liệu bằng tia X, xin ông hãy gửi cho một ít tia này và tờ thuyết minh hướng dẫn dùng nó cho tôi".

Tia Rôntgen thì làm sao mà gửi đi được, điều này chứng tỏ ông nọ không hiểu biết mà còn có chút bơn cợt, cầu người giúp mà lại không trang trọng, thật là buồn cười. Theo thông lệ thì Rôntgen phải mắng mỏ lại và nói rõ về nguyên lí ; thế nhưng Rôntgen không làm vậy, mà viết thư trả lời rằng :

"Xin ông hãy gửi lồng ngực của ông đến đây !"

Tia Rôntgen thì không gửi qua bưu điện được, cũng vậy lồng ngực của người đang sống cũng không thể cắt rời để gửi bưu điện, ở đây Rôntgen đã *Chống giả dối bằng giả dối* và đã có được hiệu quả còn tốt hơn cả việc tức giận mà mắng mỏ.

Bí quyết của việc dùng thuật *Chống giả dối bằng giả dối* để chiến thắng là ở chỗ lời đối phương là giả dối, chính vì tính giả dối của nó mà lời lẽ cũng giả dối như họ sẽ mất đi sức mạnh chỉ trích. Lại ví dụ :

Theo truyền thuyết, Ấn Độ cổ đại có vị vua bị bệnh, Ca-bu-ơ là kẻ thù của thầy thuốc, thầy thuốc liền nói với quốc vương là chỉ cần cái ông Ca-bu-ơ thông thái nọ kiếm ra được sữa bò đực, nhà vua uống xong bệnh sẽ khỏi. Quốc Vương tin lời thầy thuốc. Ca-bu-ơ nhận được lệnh vua, về nhà vò đầu bứt tóc không tìm ra được kế gì. Con gái thấy vậy thì nói một cách tin tưởng rằng : *"Bố ơi, bố đừng lo, con sẽ giúp bố !"*

Hôm sau vào lúc nửa đêm, con gái Ca-bu-ơ mang ít quần áo cũ đến bên bờ sông cạnh hoàng cung, và giặt dưới cửa sổ phòng ngủ của quốc vương, cố làm tiếng động rõ to. Nửa đêm yên tĩnh, tiếng đập giặt làm nhà vua bất yên, không cách gì ngủ được. Quốc vương cả giận, phái vệ binh bắt cô gái giải đến.

Nhà vua giận dữ : *"Ngươi có biết tội không ? Đang nửa đêm đến đây giặt quần áo làm mất giấc ngủ của ta !"*

Cô gái giả đò sợ hãi nói : *"Dân nữ biết tội, xin bệ hạ tha cho. Dân nữ bất đắc dĩ mà phải giặt quần áo lúc nửa đêm, chiều nay cha dân nữ vừa đẻ em bé, dân nữ bận bịu suốt. Trong nhà ngay bộ quần áo sạch sẽ cho trẻ con mặc cũng không có, dân nữ đành phải đi giặt vào ngay lúc này".*

"Cái gì ?" Quốc vương quát to, *"Ngươi đùa cợt ta chắc ? Ai đời đàn ông lại đẻ ?"*

"Ô ! Nếu bệ hạ có thể hạ lệnh cho người đi kiếm sữa bò đực thì sao đàn ông lại không đẻ được chứ ?" Cô gái điềm tĩnh trả lời.

Quốc vương bắt Ca-bu-ơ đi kiếm sữa bò đực rõ ràng là giả dối, và thế là con gái Ca-bu-ơ liền lấy việc cha mình đẻ em bé để trả lời. Nhà vua cho rằng đàn ông không thể đẻ con thì đương nhiên cũng phải thu hồi lệnh bắt Ca-bu-ơ đi tìm sữa bò đực. Ở đây cô bé đã dùng thuật *Chống giả dối bằng giả dối.* Nhà vua nghe xong thì cười mà nói rằng :

"Ngươi chắc chắn là con gái Ca-bu-ơ, về báo với cha ngươi là cứ giữ lấy món sữa bò đực cho em bé ông ta vừa đẻ bú nhé".

Chính như vậy, con gái Ca-bu-ơ đã giúp cha thoát khỏi tai họa.

31. GIẢ THIẾT SỰ KIỆN

Có lúc chúng ta nhằm thẳng vào trạng thái sự vật hiện thực mà triển khai biện luận thì gặp khó khăn, lúc này có thể giả thiết về trạng thái sự vật rồi nhằm vào trạng thái sự vật được giả thiết đó mà biện luận, từ đó mà đạt mục đích chinh phục đối phương. Đó chính là thuật *Giả thiết sự kiện.*

Mạnh Tử khi phê phán Tề Hoàn Vương không biết trị quốc đã có đoạn thoại như sau :

Mạnh Tử nói : *"Nếu ngài có một bề tôi mà đem gửi vợ và con gái cho người bạn chăm nom, còn mình thì đến nước Sở. Đợi khi người đó quay về, vợ con anh ta đều chịu đói chịu rét, thì người bạn kia phải thế nào đây ?"*

Vương đáp : *"Tuyệt giao với y."*

Mạnh Tử nói : *"Nếu người làm quan quản hình phạt mà không quản được bộ hạ, thì phải làm gì ?"*

Vương đáp : *"Cách chức y."*

Mạnh Tử hỏi : *"Nếu một nước mà chính trị không tốt, thì phải làm gì đây ?"*

Vương lúc này chỉ còn biết nhìn tả hữu mà nói chuyện với họ.

Mạnh Tử trong cuộc đối thoại với Tề Hoàn Công, nếu trực tiếp phê bình Tề Vương không biết trị quốc thì thế nào Tề vương cũng nổi giận, dẫn tới cuộc thoại thất bại. Thế là ông ta trước tiên giả thiết trạng thái sự vật khác, thông qua việc biện luận về trạng thái sự vật được giả thiết, từ xa tới gần, từ nhẹ đến nặng, dần dần đề cập đến bản chất sự vật. Cuối cùng là làm cho Tề Vương không trả lời được, đành chuyển đề tài. Mạnh Tử ở đây đã biết khéo léo dùng thuật *Giả thiết sự kiện.*

Thuật *Giả thiết sự kiện* rất linh hoạt cơ động. Chúng ta cần chú ý là phải dựa vào sự cần thiết của cuộc tranh luận mà giả thiết những sự kiện khiến đối phương khó chịu, buộc đối phương phải đối mặt với trạng thái sự kiện, giả thiết này. Có như vậy mới có thể chiến thắng đối thủ. Chẳng hạn :

Có một nữ sinh viên hỏi một đồng chí bộ đội giải phóng quân rằng :

"Chúng tôi cảm thấy tinh thần Lôi Phong những năm 80 đã lỗi thời, anh thấy thế nào ?"

Đồng chí này trả lời :

"Nếu khi cô đi trên đường, bị xe đâm bị thương, nằm bất động mà có người đi qua cười nhạo cô, còn tôi, sẽ bước lại đỡ cô dậy, đưa vào bệnh viện. Trong trường hợp này, cô ra lệnh tôi hãy đi ngay và nói tinh thần Lôi Phong đã lỗi thời, hay là trong lòng cảm kích đây ?"

Đồng chí bộ đội nọ đã không trực tiếp trả lời thẳng vào câu hỏi của đối phương mà thông qua trạng thái sự vật giả thiết và trong việc biện luận về trạng thái sự vật được giả thiết mà khiến cho đối phương thực sự vỡ nhẽ về một điều chân lí. Đến lúc này cô sinh viên và các bạn cô cuối cùng nở nụ cười mãn nguyện.

32. ĐẨY THUYỀN NGƯỢC DÒNG

Có người do sự đối lập về tư tưởng tình cảm mà nhất định phải chống đối lại chúng ta, bạn quay sang đông thì họ quay sang tây. Với loại người này có thể nói ngược lại, cái kiểu làm trái để được phải này sẽ giúp bạn thực hiện được ý nguyện, đạt được mục đích chiến thắng. Đó là thuật *Đẩy thuyền ngược dòng*.

Thời Tùy Văn Đế, tham quân Khai Phủ là Bùi Vị Chi dâng sớ can gián mà đắc tội với vua, trong cơn thịnh nộ, Văn Đế đòi giết Vị Chi và còn muốn chu di cửu tộc. Tùy Văn Đế nói với Dương Âm : *"Người này là đồ ngu, nó dám mạo phạm ta !"* Dương Âm là cận thần của nhà vua, có tài ăn nói, lại thông minh. Ông ta biết rõ tính khí của Văn Đế, trong trường hợp này dù là theo cách phản đối hay tán thành nhà vua thì rồi Vị Chi cũng chết. Thế là ông dùng thuật *Đẩy thuyền ngược dòng* mà nói : *"Cái tay Bùi Vị Chi này dù bệ hạ có giết đi vẫn lưu danh muôn thuở, hậu thế sẽ không quên hắn ta. "*

Tùy Vạn Đế nghe vậy, rất bực mình, nghĩ bụng : nó muốn ta giết nó thì ta lại không giết, nó muốn nổi tiếng, ta không cho nó nổi tiếng. Và rồi nói :

"Một thằng tốt hèn Vị Chi, ta hãy tạm tha, thử xem nó làm sao mà nổi tiếng được nào ?"

Vốn là Bùi Vị Chi đâu có muốn bị Văn Đế giết, cũng không nghĩ tới việc lưu danh hậu thế, thế nhưng Dương Âm cố tình nói ngược lại, chọc cho Văn Đế phải làm ngược đời, kết quả là làm trái để được phải, Vị Chi được thoát chết. Phương pháp của Dương Âm bất ngờ chiến thắng hay hết chỗ nói.

Dùng thuật *Đẩy thuyền ngược dòng* cần chú ý trường hợp sử dụng, phải nắm chắc tâm lí đối phương, chỉ khi có trường hợp đối lập tình cảm thật rõ rệt mới dùng được. Chẳng hạn, thời nhà Minh ở Tứ Xuyên có người tên là Dương Yêm trúng trạng nguyên. Dương Yêm tài cao học rộng lại thẳng thắn, chấp pháp vô thân, và vì vậy nhiều người oán hận. Về sau vì ông ta nhiều lần dâng sớ can gián mà đắc tội với vua, nhà vua vô cùng tức giận, đang định trị tội ông, bắt đầy ông ra biên ải. Dương Yêm biết vậy, liền xin gặp nhà vua, nói với vua rằng : *"Cái tội của thần đáng muôn chết, bệ hạ bắt thần sung quân, đó là sự khoan hồng của bệ hạ với thần, chỉ xin bệ hạ một việc nhỏ."*

"Ngươi có yêu cầu gì ?" nhà vua hỏi.

"Đày đi cách ải ba ngàn dặm, mà không đi Bích Kê Quan Vân Nam (nay là thành phố Côn Minh, gần nhà Dương Yêm). *Bệ hạ chắc không biết Bích Kê Quan muỗi nặng hai lạng, chấy nửa cân, xin đừng bắt thần đến đó."*

Hoàng đế không nói gì. Bụng nghĩ : Hừ ! Mày không muốn đi Bích Kê Quan thì tao cứ bắt đi Bích Kê Quan, cho mày nếm mùi con muỗi to hai lạng, con chấy nặng nửa cân. Dương Yêm vừa ra khỏi ải, nhà vua liền truyền lệnh bắt sung quân Vân Nam.

Dương Yêm muốn quay về Vân Nam cho gần nhà, thế nhưng ông ta biết nhà vua và bọn gian thần căm ghét mình, tâm lí đó sẽ dẫn tới việc họ sẽ làm trái ngược với mình, mà mình thì không làm sao chống chọi được, thế là nói ra lời trái ngược với ý nguyện của mình, kết quả là nhà vua đã phải cử mình đến Vân Nam, đúng với ý nguyện bản thân.

Khi dùng thuật *Đẩy thuyền ngược dòng* nếu không nắm được cá tính tâm lí của đối phương thì thường là xôi hỏng bỏng không.

33. TỪNG BƯỚC TIẾN GẦN

Trong quá trình tranh luận, khi chúng ta đi thẳng ngay vào bản chất luận đề mà thấy khó chiến thắng đối phương thì có thể chuyển sang dùng thuật *Từng bước tiến gần*, tức là đi từ nhỏ đến to, từ nông đến sâu, từ nhẹ đến nặng, dần dần vạch rõ bản chất của luận đề. Điều này giống như bóc măng, bóc dần từng lớp, cuối cùng lộ ra nõn măng. Cuộc thoại giữa Trang Tân cùng Sở Tương Vương đúng là như vậy.

Có lần, Trang Tân nói với Sở Tương Vương : *"Đại vương chỉ biết có dâm dật xa xỉ, không để ý đến triều chính, nước ta đã nguy lắm rồi !"*

Sở Vương nói : *"Ngươi thật hồ đồ, gở mồm gở miệng !"*

Trang Tân thấy khuyên can vô hiệu, đành bỏ sang Triệu. Năm tháng sau nước Tần đánh vào nhiều thành nước Sở, Tương Vương đành bỏ kinh đô. Thế là Tương Vương cho người mời Trang Tân về.

Trang Tân nói với Sở Vương : *"Đại vương không thấy con chuồn chuồn sao ? Sáu cái chân, bốn cái cánh, bay đi bay lại trong khoảng trời đất bắt ruồi muỗi mà ăn, ngửa đầu uống sương, tự cho là không có tai họa, không có tranh giành gì với người. Nào ngờ, cậu bé năm thước dùng nhựa cây dính vào sợi dây, từ trên cao mà giòng xuống bắt nó cho kiến xơi ! Con kiến vẫn còn là con vật nhỏ bé, hãy không nói nữa. Con chim sẻ mổ thóc, đậu cành cây cao, vỗ cánh bay lượn, tự cho là không có tai họa, không có gì tranh giành với người. Nào ngờ, công tử vương tôn trái thì bắn cung, phải thì bắn đạn muốn bắn rớt nó, kết quả là ban ngày còn vui chơi bay lượn nơi rừng cây rặng tre, đêm đến đã thành món nhắm cho người. Con chim sẻ hãy còn là vật nhỏ, hãy thôi không nói. Con thiên nga bơi lội nơi sông biển, nghỉ ở hồ lớn, ăn ngó sen ngó sậy, vỗ cánh bay tít trời cao, tự cho là không có tai họa, không có gì tranh chấp với người. Nào ngờ, xạ thủ đang dùng cung tên muốn bắn rớt nó từ trên trời cao, ban ngày còn bơi lội tung tăng nơi sông hồ, đêm đến đã thành món ăn trong nồi. Thiên nga hãy còn là vật nhỏ, hãy tạm không nói tới. Sái Linh Hầu nam thì chơi gò cao, bắc thì trèo Vu Sơn, uống nước suối Như Khê,*

ăn cá sông Tương Giang, tay trái ôm cô gái trẻ đẹp, tay phải ấp bà phi yêu thương, cùng họ vui chơi nơi đất Sái mà không màng gì việc nước. Ông ta đâu có biết Tư Phát đang nhận lệnh Sở Vương cầm sợi dây đó đi trói ông ta, muốn giết phăng ông ta đi ! Việc Sái Linh Hầu còn là nhỏ, hãy tạm không nói tới. Đại vương tá thì có Châu Hầu, hữu thì có Hạ Hầu, ngồi xe thì có Yên Lăng Quân và Thọ Lăng Quân, ăn lộc đất phong, dùng vàng bạc bốn phương cống nạp, cùng bọn chúng vui chơi săn bắn nơi Vân Sở, mà không lo đến việc nước. Ngài đâu có biết Nhương Hầu đang nhận lệnh từ Tần Vương, quân họ muốn chiếm nước ta, đuổi đại vương ta !"

Trang Tân thoạt đầu can gián Sở Vương, mở miệng là *"dâm dật xa xỉ"*, *"không lo triều chính"*, *"tất nguy vậy"* và kết quả là bị Sở Vương trách là *"chí hồ đồ"*, là *"không biết gì"*. Lần thứ hai thì ông dùng thuật *Từng bước tiến gần*, trước hết đưa liền bốn ví dụ, từ con chuồn chuồn đến con chim sẻ, từ chim sẻ đến thiên nga, lại từ thiên nga đến Sái Linh Hầu, từ nhỏ đến to, từ vật đến người, tiến dần từng bước, cuối cùng là *phá*, khiến Tương Vương nghe xong *"Sắc mặt tái đi, người run lập cập"*, đến lúc không nghe can gián không được.

Trong biện luận, dùng thuật *Từng bước tiến gần* một cách thích hợp có thể khiến luận chứng của chúng ta sâu dần từng bước, tăng thêm sức thuyết phục cho lời biện. Nhưng cần phải dựa vào sự cần thiết của biện luận. Nếu cứ xọc thẳng vào mà chiến thắng được thì không cần dùng thuật này, để khỏi vòng vo Tam Quốc, khiến người ta mãi mà không hiểu ra.

34. MƯỢN ĐỀ PHÁT TRIỂN

Trong biện luận, một nhà hùng biện phải biết nắm lấy mọi cơ hội, hoặc tiếp lời người khác, hoặc mượn các sự vật xung quanh hoàn cảnh tranh luận, hoặc dựa vào tình hình mới xuất hiện để mà liên tưởng, tìm ra tính tương quan, tương tự giữa chúng và đề tài cần trình bày, rồi từ đó thừa thế mà phát huy, nhằm đạt mục đích chinh phục đối phương, giành chiến thắng trong tranh luận. Đó chính là thuật *Mượn đề phát triển*. Ta hãy quan sát một sự việc tại một nước nọ.

Cuộc bầu cử đã kết thúc, thủ tướng mới đắc cử lên phát biểu tại buổi lễ nhậm chức. Thế nhưng do tuổi đã cao, sức khỏe không được tốt, trong khi diễn thuyết, ông thấy bụng đau ê ẩm, trán vã mồ hôi, không thể nói tiếp được nữa. Và thế là thầy thuốc phải cấp cứu. Bài diễn văn đứt đoạn, nhân dân cả nước cảm thấy mây đen u ám.

Nhưng chỉ lát sau, vị thủ tướng này tinh thần hăng hái đã quay lại diễn đàn, sự lo lắng của nhân dân tạm lắng. Họ kiên nhẫn chờ đón nghe tiếp bài diễn văn. Ông thủ tướng đưa mắt một lượt, điềm tĩnh nói :

"Nhà nước ta cũng như sức khỏe của tôi vậy, vừa trải qua một thử thách gay go, thế nhưng giờ thì tốt rồi, nguy cơ đã qua đi, hi vọng đang ở phía trước !"

Lời vừa dứt, cả hội trường vang dậy tiếng vỗ tay hoan hô.

Ông thủ tướng này biết rõ rằng do tình hình sức khỏe đột xuất của mình mà đã lưu lại một màn đen trong dân chúng. Nhưng ông thật xứng danh là nhà chính trị lão luyện, mượn việc sức khỏe của ông hồi phục để phát triển sang đề tài tiền đồ của quốc gia sẽ là hưng thịnh, từ cái này đề cập đến cái kia, lấy sức khỏe của mình để nói về quốc gia thật là khéo, hoàn toàn quét sạch màn đen kia. Ở đây, như ta thấy, ông thủ tướng đã dùng thuật *Mượn đề phát triển*, và do ông đã khéo mượn đề tài mà đưa bài diễn văn đến cao trào, và thu được hiệu quả bất ngờ.

Dùng thuật *Mượn đề phát triển*, đòi hỏi phải nhanh nhạy biết liên tưởng, biết từ những sự vật thấy được, nghe được mà phát triển, từ đó mà đạt mục

đích luận chứng quan điểm của mình. Sau đây, chúng ta hãy quan sát lời biện đáp của Khổng Tử ghi trong cuốn *Khổng Tử gia ngữ*.

Có một hôm Khổng Tử đứng lặng bên bờ sông, đắm nhìn dòng nước mênh mông cuồn cuộn đổ về đông mà không chịu rời chân. Lúc này Tử Cống buột mồm hỏi : *"Thưa thầy, tại sao mỗi lần nước dâng cao là thầy lại đến xem ?"* Khổng Tử trả lời :

"Con xem, dòng nước tưới mát cho muôn loài, muôn loài mới được sinh trưởng. Thế nhưng nó đâu có vì mình một chút nào, điều này thật giống như đức. Nó vẫn chảy theo một dòng sông, xuống chỗ thấp, cam ở chỗ thấp, thật giống như nghĩa. Nó mênh mông cuồn cuộn không bao giờ dứt, thật giống như đạo. Dù phía trước là vực sâu vạn trượng, nó vẫn xông lên, nghĩa không bao giờ quay lại, thật giống như dũng. Nó ở trong chậu thì phẳng lặng như gương, thật giống như pháp. Dù là một khe nhỏ đến mấy nó cũng thấm vào, thật giống như sát. Dòng sông cuồn cuộn về đông, không hề ngơi nghỉ, chảy vào Đông Hải, thật giống như chí. Vạn vật ra vào trong nước thì trở nên tinh khiết, thật giống như giáo hóa. Nước có phẩm đức cao thượng như vậy, sao ta lại không đến xem ?"

Khổng Tử đã từ dòng sông trước mặt mà phát triển đề tài, liên tưởng, mà thấy được cái người khác không thấy, nghĩ tới cái người khác không nghĩ tới được, đã biểu hiện sự đeo đuổi với lí tưởng cao đẹp.

35. GIỎI MÀ NHƯ DỐT

Vốn là túc trí đa mưu mà giả đò thật ngu đần, tức là thông minh mà tỏ ra ngu muội, tháo vát mà tỏ ra bất tài, từ đó mà đánh lừa đối thủ, giành thế chủ động, rồi để giành chiến thắng trong tranh luận. Phương pháp tranh luận này có thuật *Giỏi mà như dốt*. Thường là dùng thuật *Giỏi mà như dốt* để đi tới thành công thì phải biểu hiện thành nghệ thuật biện luận với sự suy nghĩ lạnh lùng, hết sức kiên nhẫn và cao siêu.

Ta hãy xem một việc nảy sinh trên chuyến ô tô :

Một lần, Cô Hồng Minh, một học giả cận đại nổi tiếng đáp ôtô, ông ngồi vào ghế và vắt chân ngắm nhìn phong cảnh chạy qua ngoài cửa xe. Giữa đường thì nhảy lên vài người ngoại quốc trẻ tuổi, họ nhìn ông mặc áo dài truyền thống, tóc bím đuôi sam thì cùng nhau bình phẩm, rất bất kính. Hồng Minh lặng thinh rút tờ báo tiếng Anh ra đọc. Mấy "ông Tây" nọ nghển cổ nhìn, bất giác cười ngặt nghẽo, kêu toáng lên :

"Xem kìa có ngu không, chẳng biết tiếng Anh mà cũng đòi đọc, cầm lộn ngược tờ báo kìa !"

Đợi khi họ kêu la cười cợt chán, Cô Hồng Minh mới nói bằng thứ tiếng Anh rất chuẩn :

"Tiếng Anh thật là một trò dễ ợt, không xem ngược thì chán ngắt".

Một lời đối đáp mà mấy "ông Tây" nọ cả kinh, nhìn nhau rồi chuồn mất.

Cô Hồng Minh là một học giả cận đại nổi tiếng thông thạo về Trung Hoa và Tây Phương, trước sự bỡn cợt của mấy "ông Tây" trẻ tuổi, ông không đập bàn nổi giận mà giả đò ngu muội, lộn ngược tờ báo để xem, như vậy lại chứng tỏ ông tài trí thông minh hơn người, biết cách trả miếng. Lại ví dụ :

Vương Khải Vận người Tương Đàm Hồ Nam, ông học vấn uyên thâm lại tài hoa, là học giả uyên bác hiếm có của Trung Quốc thời cận đại. Ngày ông ở Bắc Kinh, Viên Thế Khải hầu như ngày nào cũng cử người đón đi chơi. Có một hôm đám người tùy tùng đưa ông tới "Tân Hoa Môn" trước Cố Cung, Vương Khải Vận cố ý làm ra hoa mắt, nói giọng than vãn :

"Sao đây lại đổi tên ra "Tân Mãng Môn" nhỉ ?"[1]

Vương Khải Vận giả đò lẫn cẫn, đọc *hoa* thành *mãng* để ví họ Viện như Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, từ đó mà biểu hiện sự hài hước hóm hỉnh thú vị, chỉ sửa một chữ mà thật lạ kì.

Thuật *Giới mà như đốt* là một sản phẩm của tư duy đường cong, tức là dùng cách tấn công vòng vo, bởi vậy, dùng thuật này có thể tạo nên sự hài hước rí rỏm mạnh mẽ. Thế nhưng, nếu chỉ có ngu mà không có trí thì không thể thành *Giới mà như đốt* mà chỉ làm trò cười cho người ta. Chỉ khi bề ngoài như ngu dẫn mà thực chất là thông minh thì mới thực sự chinh phục được đối phương.

---

(1) Chữ *Hoa* và chữ *Mãng* hình gần giống nhau. *Tân Mãng* là chỉ *Tân Vương Mãng*.

36. DĨ THỰC CHẾ HƯ

Khi đối phương dùng luận đề giả dối, không thể nghiệm chứng nổi hòng làm khó dễ cho ta, thì chúng ta có thể đi ngược lại bằng cách dùng những luận đề cụ thể, thực tế mà đối đáp. Vì đối phương không có cách gì để kiểm chứng thực giả ra sao, chúng ta tất nhiên cũng có thể đối phó lại sự khiêu khích của họ một cách hữu hiệu, giành lại quyền chủ động trong tranh luận. Đây chính là thuật *Dĩ thực chế hư.*

Ta hãy quan sát một câu chuyện dân gian nước ngoài như sau :

Xưa kia, có một quốc vương cho triệu vị tu viện trưởng, nói : *"Nghe nói ông là người thông minh, có học vấn, vậy ta hỏi ông : Trời đất cách nhau bao xa ? Hạn ba tuần phải trả lời !"*

Tu viện trưởng quay trở về, vò đầu bứt tóc nhưng vẫn không nghĩ ra đáp án. Một anh thợ mài đá biết chuyện, đồng ý thay ông ta đi gặp quốc vương. Anh thợ hóa trang giống hệt tu viện trưởng, đi vào cung. Quốc vương hỏi thẳng vào việc : *"Trời và đất cách bao xa ? Không được lập lờ, phải trả lời rõ ràng !"*

Anh thợ mài trả lời : *"Trời đất cách nhau 129872 Km 643".*

"Thật hết sức chuẩn xác, tại sao ông tính ra ? Toán học có đáng tin cậy không ?"

"Bệ hạ hãy đo thử đi, nếu sai chút xíu tôi xin chịu tội, hãy chặt đầu tôi đi !" Anh thợ mài đá trả lời rất tự tin.

Quốc vương tán thành với lời giải đáp.

Quốc vương bắt đối phương nói ra khoảng cách trời đất mà lúc đó con người khó lòng đo đạc để hòng khó dễ đối phương, anh thợ mài đáp bừa bằng con số chi li, thực tại và do quốc vương không thể kiểm chứng được là đúng sai mà đã đón đánh đòn khiêu chiến một cách hữu hiệu.

Đặc điểm của thuật *Dĩ thực chế hư* là ở chỗ luận điểm của đối phương là giả dối, không thể kiểm chứng ; luận điểm chúng ta dùng để trả lời cũng không

thể kiểm chứng nhưng lại rất "thực", cái "thực" này có thể là to, có thể là nhỏ, có thể là xa, mà cũng có thể là gần, tóm lại là dựa vào trường hợp cụ thể mà dùng cái "thực" đối phương không kiểm chứng được để trả lời. Lại ví dụ :

Có một ông vua tự cho mình là thông minh, thích đố những cái khó để khó dễ cho người. Có lần, ông ta cho gọi 12000 học giả đến và hỏi trung tâm của thế giới là ở đâu. Kết quả là không ai trả lời nổi. Nhà vua đắc ý, lập tức cho cáo thị tìm người trả lời được câu hỏi này, và tuyên bố, trả lời đúng thì có thưởng, sai thì bị phạt.

Mọi người xem cáo thị, đều lắc đầu lảng xa. Chỉ riêng A-van-ti xem cáo thị thì dắt con lừa của anh ta đi vào cung gặp nhà vua. Nhà vua hỏi : *"Thế nào, ngươi biết trung tâm của thế giới ở đâu chứ ?"*

"Tôi biết", A-van-ti trả lời. *"Trung tâm của thế giới chính là chỗ mà chân trước con lừa của tôi dẫm vào"*.

"Nói láo, ta không tin !"

"Bệ hạ không tin thì hãy đo cả thế giới này đi, tôi sai xin chịu phạt".

"Cái này... cái..." nhà vua nghĩ mãi mà không trả lời được.

Lúc đó nhà vua không thể nào đo được trung tâm của thế giới, do vậy mà A-van-ti chỉ bừa vào một chỗ trước mặt nhà vua cũng không thể xác minh là đúng hay sai, đành phải lặng thinh.

Điều chúng ta cần chú ý là thuật *Dĩ thực chế hư* chỉ có thể dùng để chinh phục kẻ bày trò vô lí, vô cớ gây khó dễ cho người, mà không thể dùng nó thay cho sự nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc. Bởi vì nghiên cứu khoa học là không thể nói bừa ra một cứ liệu nào để coi là đã hoàn thành thắng lợi.

37. DĨ HƯ CHẾ HƯ

Khái niệm là một hình thức tư duy phản ánh thuộc tính bản chất của sự vật. Nếu một khái niệm nào đó có đối tượng phản ánh không tồn tại trong thế giới khách quan thì khái niệm đó gọi là *khái niệm hư* (giả dối). Chẳng hạn có một phú ông khi sắp chết, trong di chúc nhân tiện có ghi thêm mấy câu :

"Hai con bò đực bị mất tích nọ có thể xử lí theo cách : Nếu tìm ra thì thuộc về con trai tôi là Pi-tơ. Nếu không tìm ra thì chúng thuộc về quản gia của tôi".

Cho quản gia hai con bò đực không tìm ra, *"con bò đực cho quản gia"*, ngoại diên này thực tế là không, chỉ là khái niệm hư.

Trong quá trình biện luận, khi đối phương cố ý dùng khái niệm hư để gây khó dễ, chúng ta có thể tương kế tựu kế, dùng khái niệm hư để trả miếng. Đây chính là thuật *Dĩ hư chế hư.*

Chẳng hạn có hai người thích cãi cọ gặp nhau.

A hỏi : *"Bốn gian buồng mới xây của nhà anh tốn bao nhiêu tiền ?" "Chỉ ra một trinh tiền"* B nói, *"Nếu anh muốn mua thì đưa ra đây một trinh tiền tôi bán cho, nhưng tôi chỉ lấy đúng một trinh không hơn".*

"Thật không ?" A cười *"Vậy tôi trả anh hẳn một xu tiền, xin anh thoái lại cho tôi chín trinh. Mua hàng thì trả tiền là đương nhiên, nhưng không thoái lại tiền là phạm pháp, hãy thoái lại tiền đi !"*

Ai cũng biết đồng nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) không có loại tiền trinh Ngoại diên của "đồng tiền một trinh" bằng không, là khái niệm hư. B vốn nghĩ đòi đối phương đưa ra đồng tiền một trinh để khó dễ. Thế nhưng A ngược lại đòi B thoái lại chín trinh, *Dĩ hư chế hư,* giành lại thế chủ động.

Cái *"hư"* nói đến trong thuật này là khái niệm hư chỉ đối tượng sự vật tương ứng không tồn tại trong khách quan, việc sản sinh ra nó là do con người hư cấu nên một cách không căn cứ, để chinh phục đối phương, chúng ta phải dựa vào sự khác nhau của tình hình cụ thể, tức thời hư cấu ra cái "hư" để chống đối.

Chẳng hạn, có hai người tranh cãi và đưa nhau đến tòa án, nguyên cáo chỉ vào bị cáo mà nói :

"Anh ta vác một thứ rất nặng, thứ đó từ trên vai rơi xuống, anh ta đề nghị tôi đỡ giúp lên, tôi hỏi anh trả công bao nhiêu tiền, anh ta nói : "Không có gì" Tôi đồng ý, lập tức giúp nâng đỡ lên vai anh ta, giờ đây tôi đòi anh ta trả cho tôi cái "Không có gì" !"

Quan tòa nghĩ một lát rồi nói : *"Anh kiện anh ta có lí, anh lại đây, nhặt giúp tôi quyển sách này !"*

Nguyên cáo bước tới nhặt giúp quan tòa quyển sách, quan tòa đột nhiên hỏi : *"Dưới quyển sách có gì không ?"*

"Không có gì". Nguyên cáo nói.

"Vậy thì anh cầm lấy "Không có gì" đi !" Quan tòa nghiêm nghị nói.

Vốn là, việc giúp người ta nâng đỡ lên thì chỉ cần nhúc nhắc cái tay một tí mà thôi, chẳng cần phải đòi tiền công. Thế nhưng anh chàng này vẫn cứ sinh sự bắt người ta trả cho cái *"Không có gì"*. *"Không có gì"* chính là không có gì, chỉ là khái niệm hư, anh ta định dùng nó để khó dễ. Thế nhưng quan tòa thông minh để thỏa mãn anh ta thì cho anh ta lấy cái *"Không có gì"*, không để cho đối phương lại sinh sự nữa.

38. PHÉP SỬA SAI

Trong biện luận, khi mình có sai lầm mà cần phải kịp thời sửa chữa, bổ sung để khỏi bị đối phương lấy đó mà bơm cợt công kích và hãm mình vào thế bị động thì sửa sai thế nào đây ?

Một là thanh minh công khai, lời vừa nãy là không đúng đắn mà sửa lại *"cách nói đúng đắn nên là..."*, như vậy sẽ vãn hồi được sai lầm. **Hai là** khéo léo phủ định, tức sau câu sai của mình cần thêm vào một phản vấn, *"cách nói này có đúng không ?"* Bằng cách đó mà phủ định sai lầm. **Ba là** chuyển dịch sai lầm, có thể nói *"đây thật ra không phải là quan điểm của tôi, mà là quan điểm của người khác mà tôi đang chuẩn bị phản bác"*, như vậy sẽ phủ định được sai lầm. **Bốn là** đâm lao theo lao mà khéo léo sửa lại nguyên ý của câu sai, chuyển cái sai thành cái đúng.

Sau đây chúng ta hãy xem câu chuyện về một lần khéo léo sửa sai của Trương Tác Lâm.

Trương Tác Lâm tuy là có chút thô lỗ, nhưng lại rất cơ mưu, xử lí những việc xem chừng sắp sửa hỏng bét thường nảy ra nhiều kế hay, và có được hiệu quả không ngờ. Có một lần Trương Tác Lâm tham dự một cuộc họp mặt của giới nổi tiếng, giữa bữa tiệc bỗng có mấy tay lưu manh người Nhật lên tiếng rằng từ lâu đã nghe tiếng Trương đại soái văn võ song toàn, xin ban cho bức thư họa. Trương Tác Lâm biết tỏng đây là âm mưu làm khó dễ, nhưng trước công chúng không thể chối từ "thịnh tình", liền đồng ý, rồi cho gọi bút mực phục vụ. Chỉ thấy ông điềm tĩnh bước đến trước bàn, trên mặt giấy tuyên chỉ đã trải ra viết luôn một chữ *"hư"*, sau đó lấy làm bằng lòng mà lạc khoản (tên người viết vẽ bức thư họa hoặc người được tặng) :

"Trương Tác Lâm thú hắc".

Cho áp dấu son rồi tần ngần ném bút đứng dậy. Mấy tay người Nhật nọ ngơ ngác nhìn nhau.

Người thư kí nhanh nhẩu liếc nhìn và phát hiện ra chỗ sai sót, "thú mặc" (nghĩa là chữ do chính tay mình viết) sao lại thành ra "thủ hắc" ? và vội thì thầm với Trương Tác Lâm : *"Dưới chữ* **mặc** *còn thiếu bộ thổ, do vậy mà "thú mặc" biến thành "thủ hắc"*. Trương Tác Lâm nhìn lại, bỗng lặng người : Sao

ta lại viết *mặc* thành *hắc* nhỉ ? Nếu cải chính trước mặt mọi người thì e bất tiện. Ông nhíu mày và nảy ra một kế, cố tình trách mắng thư kí :

"Sao ta còn không biết dưới chữ **mặc** *còn có bộ thổ ? Vì đây là cái người Nhật đòi hỏi, nên tấc thổ không nhường !"*

Lời nói vừa dứt, các bàn tiệc hoan hô. Mấy tay người Nhật nọ lúc này mới vỡ nhẽ, đành chuồn.

Phép sửa sai ở đây được Trương Tác Lâm vận dụng rất khéo, vừa sửa chữa được sai lầm lại cho bọn Nhật một bài học đích đáng, thật đáng được hoan nghênh.

Đương nhiên khi dùng *Phép sửa sai*, nếu vừa xảy ra mà đã bị đối phương công kích, lúc này mà dùng cách này thì vô nghĩa. Lúc này chỉ còn cách là thành thực nhận sai, nếu thành thực nhận sai, thì đó là biểu hiện thành thực, có thể được mọi người kính trọng. Còn nếu cứ cãi lại, lí sự cùn thì chỉ tổ bị chê cười.

39. KHÉO KHEN

Thuật *Khéo khen* là phương pháp đi tới mục đích tranh luận dự định bằng cách đánh giá khẳng định tư tưởng, hành vi của đối phương để rút ngắn khoảng cách tâm lí, tác động và làm thay đổi tâm lí và hành vi của họ.

Khéo khen có tác dụng khích lệ. Có người từng so sánh, cùng một sự việc mà dùng cách phê bình châm biếm thì không hiệu quả bằng khích lệ theo cách *Khéo khen*. Chẳng hạn, Tề Cảnh Công tính ham chơi, thường trèo cây bắt chim. Án Tử định phê bình nhà vua để sửa bỏ thói xấu này. Một hôm, Tề Cảnh Công đi bắt chim, thấy chim non, thế là bỏ lại vào tổ. Án Tử hỏi : *"Bệ hạ, ngài làm gì mà mồ hôi mồ kê vậy ?"*

Cảnh Công nói : *"Ta đang bắt chim non, thế nhưng chỉ toàn là con quá bé quá yếu, ta lại bỏ trở lại"*.

Án Tử ca ngợi : *"Hay lắm, ngài đúng là có cái đức của thánh nhân !"*

Cảnh Công hỏi : *"Điều đó sao nói được ta có cái đức của thánh nhân ?"*

Án Tử nói : *"Bệ hạ, ngài bỏ chim non trở lại tổ, chứng tỏ ngài biết rõ cái lẽ lớn nhỏ, có một tấm lòng đồng cảm đáng quý. Ngài nhân từ với cả loài cầm thú thì huống chi với trăm dân ?"*

Cảnh Công nghe nói vậy, bụng rất vui, sau đó không còn đi bắt chim nữa, và càng quan tâm hơn đến nỗi khổ đau của dân chúng. Như vậy, Án Tử đã dễ dàng đạt được mục đích biện luận.

Khéo khen còn có cơ chế mềm. Bằng cách khen ngợi đối phương mà có thể giữ được thể diện cho họ, xóa bỏ được nhân tố đối kháng.

Chẳng hạn, Viên Thế Khải sau khi đã cướp lấy quyền lực đại tổng thống lâm thời Trung Hoa dân quốc thì ngày nào cũng mơ làm hoàng đế. Có lần ban ngày đi vào giấc mơ. Một thị tì bưng đến tách trà sâm, chuẩn bị cho Thế Khải ngủ dậy thì tẩm bổ, nào ngờ đánh đổ chén ngọc xuống đất. Tì nữ tự biết là tai họa sẽ xảy ra, sợ tái mặt toàn thân run rẩy. Vì chén ngọc này là "tâm đầu nhục" mà họ Viên cướp được từ hoàng cung Triều Tiên, trước đây, ngay cả thái hậu Phật đa ông ta cũng không dâng biếu để tỏ lòng kính hiếu. Giờ thì vụn nát, tội chết chắc là khó thoát. Đang khi cô này lo sợ mà tìm cách tự tận

thì Viên Thế Khải tỉnh giấc, thấy chén vỡ tan thì tức giận đến tím bầm cả mặt, quát to :

"Hôm nay ta không lấy mạng ngươi không xong !"

Nữ tì khóc lóc kể lể : *"Không phải lỗi của tiểu nhân, có chút việc không dám tâu lên".*

Họ Viên hét lên : *"Nói mau, nói mau, xem ngươi bày trò lừa đảo gì nào !"*

Nữ tì nói : *"Tiểu nhân bưng trà vào, thấy trên giường không phải là đại tống thống".*

"Đồ chết tiệt ! Trên giường không phải ta thì là ai ?"

Tì nữ quỳ xuống : *"Tiểu nhân nói là, trên giường... trên giường là con rồng vàng có năm móng !"*

Viên Thế Khải nghe vậy, cho rằng mình là chân long chuyển thế sắp lên ngôi báu mà bao năm mơ ước, và một niềm vui dâng trào, cơn giận biến mất, rút ra xấp bạc thưởng cho cô tì nữ để trấn an.

Tì nữ trong giờ phút đứng giữa cái sống cái chết, chỉ với một câu *Khéo khen* không những được xá tội chết, mà còn được thưởng nữa.

Dùng thuật *Khéo khen* cần hiểu rõ thị hiếu, tập tính của đối phương, cho đến cả tính khí và tình cảm, phải nắm vững nhược điểm tâm lí của đối phương, lựa chọn cái việc mà đối phương thực sự thích thú mà khen, khiến đối phương cảm thấy phù hợp với tâm lí, như vậy mới có được hiệu quả biện luận, ví dụ về cô tì nữ nói trên là như vậy. Ngoài ra, chúng ta phải tỏ ý chân thành, không được quỵ lụy nịnh bợ, hoặc tâng bốc. Đồng thời việc khen ngợi cũng phải hợp lí đúng chỗ, nếu nói quá đi thì làm cho người ta cảm thấy khó tiếp nhận mà gây nên sự khó chịu bực bội.

40. ĐỐI PHÓ VỚI VIỆC LÀM TỔN THƯƠNG

Dùng cách phao tin để li gián, giá họa cho người là thủ đoạn thường thấy ở người hụng đầy âm mưu quỷ kế. Nếu như không có ý thức chuẩn bị và biện pháp đề phòng thì sẽ có khả năng bị thương tổn, cái họa không nhỏ. Là một nhà hùng biện, muốn không bao giờ thất bại thì việc nghiêm túc đối phó âm mưu làm tổn thương là việc cần thiết.

Vậy thì, trước việc làm tổn thương một cách ác ý, chúng ta nên thế nào ?

Trước tiên, với việc làm tổn thương cần có sự chuẩn bị sức chịu đựng, phải bình tĩnh mà ứng phó. Nếu manh động thì chính là mắc phải bẫy của kẻ đặt điều. Chẳng hạn, Trực Bất Nghi thời đầu nhà Hán được tấn thăng, có người ghen ghét, bèn tìm cách phao tin để làm thương tổn :

"Trực Bất Nghi là quân tử giả, hắn ta tư thông với chị dâu".

Lời đơm đặt nọ chẳng bao lâu đến tai Bất Nghi. Trước việc đó, Bất Nghi chỉ cười, không giải thích gì cả. Vì ông biết, tin đồn nhảm này không đánh cũng tan : ông là con cả, làm gì có chị dâu ? Với tin đồn mà anh cứ ra sức thanh minh thì tin càng lan nhanh, Trực Bất Nghi bị trúng thương mà vẫn không thèm đếm xỉa, mà ngược lại còn nhanh chóng chấm dứt được.

Đương nhiên, bình tĩnh ứng phó khi bị làm tổn thương vì tin đồn nhảm không có nghĩa là mặc kệ, lúc cần cũng nên làm rõ sự thực. Trong lần tranh cử tổng thống nước Mĩ năm 1800, John Adan đã trúng cử tổng thống, người của đảng Cộng hòa tố cáo John rằng ông ta đã cử bạn liên danh tranh cử là tướng Pin-cơ-ni đến Anh để chọn lựa bốn cô gái đẹp làm người tình, hai cho Pin-cơ-ni, hai cho tổng thống. John Adan nghe vậy thì cười ha hả, và nói :

"Nếu đó là thật thì Pin-cơ-ni đã lừa tôi, ngốn ngấu tất cả".

John Adan đã phản bác một cách hóm hỉnh đã làm cho tin đồn nhảm mất ý nghĩa. Trong năm đó, ông đã trúng cử tổng thống thứ hai của Hoa Kì. Đặc biệt là nếu chúng ta có thể nắm lấy mâu thuẫn của chính tin đồn nhảm để vạch trần nó, như vậy càng đánh cho kẻ tung tin gây tổn thương một đòn nặng nề. Một nhà chùa nọ có hai ông sư mâu thuẫn với nhau, ông A bụng dạ hẹp hòi,

luôn tìm dịp để công kích ông B. Nhưng khổ nỗi không tìm được cớ, ông A liền xét nét đến tiểu đồ của ông B, dùng cách bỉ ổi vu cáo lên vị sư trụ trì : *"Hôm nay, khi niệm kinh lễ phật tại Đại Hùng bảo điện, tiểu đồ của tăng B quỳ ở hàng cuối làm mặt quỷ, khinh mạn phật tổ !"*

Sư trụ trì giận dữ, chuẩn bị sáng hôm sau khi làm lễ phật sẽ trừng phạt công khai. Tin này chú tiểu nọ biết được, khóc lóc cầu cứu với tăng B, tăng B nói thầm với chú 8 chữ, chú liền lau nước mắt mỉm cười. Hôm sau sư trụ trì khi hành lễ xong, gọi chú tiểu đến trách mắng.

Chú tiểu : *"Con làm mặt quỷ ở hàng cuối thì ai trông thấy ạ ?"*

Tăng A bước lên, dằn giọng : *"Chính mắt ta trông thấy, ngươi còn chối được ư ?"*.

Chú tiểu : *"Xin hỏi sư bác lúc đó đứng ở đâu ?"*

Tăng A : *"Mọi người đều biết, tôi đứng ở hàng đầu"*.

Chú tiểu thế là thò ra cái phép màu 8 chữ mà sư phụ dạy : *"Ông không quay đầu lại, sao thấy được mặt quỷ ?"*

Tăng A lúc đó xấu hổ mặt đỏ bừng, không có lỗ nẻ nào mà chui. Vờ khi niệm kinh tụng phật, ngó ngó nghiêng nghiêng là bất kính với phật tổ. Tăng A nếu không nhận là mình ngó nghiêng thì phải nhận là mình vu cáo. Do tăng B đã nhằm vào mâu thuẫn của chính ngay kẻ đặt điều mà phản bác, khiến đối phương câm tịt, thất bại hoàn toàn.

41. NHẢY RA KHỎI VÒNG

Trong tranh luận, khi hai bên giằng co mà bên mình bất lợi, chúng ta chắc chắn là thất bại. Lúc này, cần phải chủ động đột phá sự hạn chế của luận đề ban đầu, rồi lại tìm đột phá khẩu có lợi để bày trận. Như vậy càng có thể chuyển bại thành thắng, hồi sinh từ cái chết.

Trong *Tây sương kí* có nói phu nhân của Thôi tướng quốc mang con gái là Thôi Oanh Oanh lên kinh đô, dọc đường có nghỉ lại chùa Phổ Cứu, bị bọn cướp vây khốn. Lão phu nhân có lời hứa : Ai giải cứu cho chùa Phổ Cứu thì sẽ gả Oanh Oanh cho. Trương Sinh cũng bị vây trong chùa, anh viết thư cho tướng quân Bạch Mã mang quân đến giải cứu. Lão phu nhân do chê Trương Sinh thấp kém, không chịu thực hiện lời hứa. Trương Sinh qua Hồng Nương, thư từ cho nhau, mối tình ngày càng sâu nặng, đến nỗi đêm nào cũng phải gặp nhau. Lão phu nhân cuối cùng thì cũng phát hiện ra, thế là có chuyện tra hỏi Hồng Nương. Sự thực thì chuyện họ hẹn đêm đêm giữa Thôi Oanh Oanh và Trương Sinh là do Hồng Nương tạo nên, truy cứu trách nhiệm thì tại Hồng Nương, nhưng Hồng Nương không lấy việc chuyển thư từ để chối cãi, mà *Nhảy ra khỏi vòng*, lấy việc lão phu nhân thất tín mà công kích. Hồng Nương nói :

"Sự việc không có liên can gì đến Trương Sinh, tiểu thư hay Hồng Nương mà là sai lầm của lão phu nhân".

Phu nhân : *"Con tiện tì này dám lôi cả bà vào à, sao lại là sai lầm của ta ?"*

Hồng Nương : *"Giữ chữ tín là cái gốc của con người. Một người mà không thủ tín là không được phép. Khi trước bọn phỉ vây chùa, phu nhân đã hứa ai lui được giặc thì gả tiểu thư cho. Trương Sinh nếu không vì mến mộ tiểu thư thì sao lại đi hiến kế ? Sau khi đánh tan giặc rồi, được bình yên thì lại nuốt lời, chẳng phải là thất tín sao ? Đã không bằng lòng gả thì cũng nên trả nghĩa bằng vàng, để anh ta đi xa khỏi đây, không nên để Trương Sinh lại phòng sách, chỉ cách nhau gang tấc, khiến đôi bên tình nhân mắt liếc mày đưa mới sinh ra chuyện này. Phu nhân nếu không giấu nhẹm chuyện này đi thì một là làm nhục tới danh tiếng của tướng quốc, hai là khiến Trương Sinh làm ơn mà chuốc nhục, ba là khi kiện lên quan phủ thì phu nhân phải chịu cái tội việc nhà không nghiêm trước hết. Theo ý kiến của Hồng Nương thì chi bằng mở lòng thương họ, cho thành việc chung thân, thế mới là biện pháp thỏa đáng lâu dài".*

Nếu Hồng Nương chỉ hạn chế trong việc chuyển thư tình mà giãi bày cùng phu nhân thì dù có mồm năm miệng mười cũng vào thế bị động, khó mà tránh khỏi tội. Nhưng Hồng Nương trong hoàn cảnh bị động vẫn điềm tĩnh, *Nhảy ra khỏi vòng*, bày thế trận lại từ việc *"giữ chữ tín"*, như vậy đã chuyển từ bị động sang chủ động, từ bị cáo trở thành người tố cáo, khiến phu nhân phải cứng họng.

42. CON VE THOÁT XÁC

Con ve thoát xác vốn là chỉ con ve lúc biến thái thì sẽ lột xác mà đi, chỉ để lại cái xác trống rỗng trên cây. Trong luận chiến, thuật *Con ve thoát xác* là phương pháp dùng khi thấy mình ở vào hoàn cảnh bất lợi, không thể tham chiến, có thể giả vờ vụt một đòn để đánh lạc hướng đối phương, làm mê hoặc họ, từ đó mà trốn tránh hoặc rút lui.

Cách để giành được hiệu quả từ phép *Con ve thoát xác* thì nhiều, có lúc có thể nắm chặt lấy điều kiện mà đối phương nêu ra để đạt mục đích thoát ra khỏi cảnh khó khăn. Chẳng hạn, Lin-côn khi còn đi học, có lần thi, thầy hỏi :

"Lin-côn, đây có một đề khó và hai đề dễ, cho anh chọn một".

"En xin lấy đề khó". Lin-côn trả lời.

"Được, thế thì trả lời đi, trứng gà từ đâu ra ?"

"Do gà đẻ ra".

"Gà lại từ đâu mà ra ?" Thầy lại hỏi tiếp.

Trứng gà do gà đẻ, gà lại nở từ trứng ra... Lin-côn biết rằng đáp án của câu hỏi này là cứ tuần hoàn, không bao giờ hết. Nếu cứ tiếp tục biện luận thì mình sẽ rơi vào thế bị động, Lin-côn biết rõ vậy. Thế là ông vội nắm lấy điều kiện chỉ trả lời một câu hỏi mà lên tiếng :

"Thưa thầy, đây là câu hỏi thứ hai của thầy rồi".

Lin-côn đã nắm chặt lấy điều kiện mà đối phương đưa ra, khéo léo thoát ra khỏi hoàn cảnh khó khăn.

Chúng ta có lúc cũng có thể dùng phương pháp đá bóng, đẩy câu hỏi khó trở về đối phương, rồi thừa cơ mà bỏ trốn.

Tháng 5 năm 1972, mấy hiệp định về hạn chế vũ khí chiến lược Xô – Mĩ vừa được kí kết thì 1 giờ sáng ngày 21 Kit-sing-giơ lúc đó là cố vấn an ninh quốc gia Mĩ đã giới thiệu tình hình với đoàn phóng viên Mĩ tại một khách sạn ở Maxcova. Khi ông ta nói đến *"tốc độ sản xuất tên lửa của Liên Xô mỗi năm chừng 250 chiếc"* thì một phóng viên hỏi :

"Vậy tình hình chúng ta thì sao ? Chúng ta có bao nhiêu tên lửa trên tàu ngầm có mang nhiều đầu đạn kiểu dẫn đường ? Có bao nhiêu đầu đạn kiểu "dân quân" có lắp nhiều đầu đạn kiểu dẫn đường ?"

Kít-sing-giơ nhún vai : *"Tôi không biết chắc chắn là có bao nhiêu tên lửa kiểu "dân quân" có lắp nhiều đầu đạn kiểu dẫn đường. Còn về tầu ngầm, nỗi khổ của tôi là số lượng thì biết rõ, nhưng tôi không biết là cần bảo mật hay không".*

Phóng viên nói : *"Không phải bí mật đâu".*

Kít-sing-giơ hỏi vặn lại : *"Không cần bảo mật sao ? Vậy anh nói là bao nhiêu nào ?"*

Kít-sing-giơ đã lừa cho đối phương nói ra câu *"Không cần bảo mật"*, và đã là không cần bảo mật thì đối phương hẳn phải biết số lượng rồi. Như vậy, đã khôn khéo gẩy quả bóng trở lại cho đối phương, để mình dễ dàng thoát đi.

Thuật *Con ve thoát xác* là thuật phân thân để thoát khỏi kẻ địch mà di chuyển hoặc rút lui. Chữ "thoát" ở đây không phải là chạy trốn tiêu cực, kinh hoảng ; mà là giữ nguyên hình để biến cái thực đi, đi mà tỏ vẻ ra không đi, để giữ địch lại mà thoát ra khỏi hiểm nguy.

Phần 4

THẮNG BẰNG VẠCH TRẦN NGỤY BIỆN

Ngụy biện là luận chứng (cách chứng minh) như đúng mà lại sai cho một sự giả dối. Chân lí vẫn thường tồn tại đối lập với giả dối, nơi có sự giả dối cũng thường có hình bóng của sự ngụy biện.

Lịch sử loài người từng xuất hiện nhiều nhà ngụy biện mồm mép dẻo quẹo, như : Công Tôn Long[1], Huệ Thi[2], Zi-nô[3], Gorgias[4]. Họ đã xây đắp nên những đỉnh tháp ngôn ngữ không tài nào đếm xuể, và cũng đưa đến cho chúng ta biết bao sự quay cuồng mê hoặc.

Ngụy biện là một cái bướu mọc ra trên cơ thể ngôn ngữ, là một thứ quả độc kết thành từ cái cây biện luận. Phần này sẽ giới thiệu với các bạn hơn 300 bài phân tích những ví dụ có thực về ngụy biện làm ta đầu óc quay cuồng, có từ xưa đến nay, từ trong nước đến ngoài nước ; sẽ giới thiệu với các bạn 120 cách ngụy biện thường gặp.

Một nhà hùng biện, muốn không bao giờ bị thất bại trong tranh luận thì phải chuẩn bị cho mình một khả năng nhận biết và phân tích nhạy bén đối với ngụy biện. Phần này sẽ cung cấp cho bạn đôi mắt thần có khả năng đó, xin hãy đọc kĩ.

---

(1) Công Tôn Long (TrCN 320 – TrCN250), nhà triết học thời Chiến Quốc, nhân vật đại biểu cho Danh gia.

(2) Huệ Thi (TrCN 370 – TrCN310), nhà triết học thời Chiến Quốc, nhân vật đại diện cho Danh gia, bạn của Trang Tử.

(3) Zi-nô (Zēnon Eleatic) (TrCN 490 – TrCN 436), nhà triết học cổ Hi Lạp.

(4) Gorgias (TrCN 483 – TrCN 375), nhà triết học cổ Hi Lạp, nhà tu từ học và là nhà thông thái nổi tiếng, ông sinh ra ở Ý.

1. ĐÁNH TRÁO KHÁI NIỆM

Trong một quá trình tư duy nào đó, tư tưởng của chúng ta phải có tính xác định, không được tùy tiện thay đổi hàm nghĩa của nó. Đó là yêu cầu của luật đồng nhất. Cũng vậy, trong một quá trình biện luận, tư tưởng của chúng ta cũng phải có tính xác định, không được thay đổi tùy tiện. Thế nhưng người ngụy biện để đạt được mục đích ngụy biện làm loạn tai loạn mắt thì thường dùng cách lén thay đổi một hàm nghĩa nào đó một cách tùy tiện. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đánh tráo khái niệm.*

Trong *Thiên Ơ-đô-môs* đối thoại của Platôn có một đoạn biện luận giữa Can-oen-ni-sô-tô-lus và Khơ-tơ-spus như sau :

Can-oen : *Anh báo anh có một con chó, đúng không ?*

Khơ-tơ : *Đúng vậy, một con chó rất dữ.*

Can-oen : *Nó có con rồi chứ ?*

Khơ-tơ : *Đúng vậy, chúng đều rất giống với con chó này.*

Can-oen : *Con chó này là bố của chúng à ?*

Khơ-tơ : *Đúng vậy, rõ ràng tôi trông thấy nó cùng với mẹ lũ chó con.*

Can-oen : *Nó không phải là của anh à ?*

Khơ-tơ : *Chắc chắn là của tôi.*

Can-oen : *Như vậy thì, nó vừa là bố, vừa là của anh. Vậy là nó là bố của anh, lũ chó con là các anh em của anh.*

Trong đoạn biện luận này, Can-oen là ngụy biện. *"Nó là bố"* ở đây chỉ *"Nó là bố của lũ chó con"*, *"Nó là của anh"* thì chỉ *"Nó là chó của anh"*. Thế nhưng, Can-oen đã lén thay đổi hàm nghĩa trong đó mà được kết luận giả dối là *"Nó là bố của anh"*. Ở đây ông ta đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Đánh tráo khái niệm.*

Thuật ngụy biện kiểu *Đánh tráo khái niệm* là một mánh khóe ngụy biện hết sức bỉ ổi, trong biện luận, chúng ta nhất định không được khinh suất. Nếu chúng ta thiếu năng lực phân tích lí tính về nó, có lúc sẽ rơi vào tình huống khó xử, rõ ràng là bên có chân lí thế mà đành chịu khuất phục, còn bên nói những nói cuội thì lại đắc ý. Chẳng hạn cuộc biện luận sau đây :

Một người đi đường vừa đói vừa khát đến một quán ăn nhỏ.

"Ông chú, xin hỏi bánh mì cặp thịt bao nhiêu tiền một suất ?"

"5 xen một suất, thưa ngài".

"Xin lấy cho tôi hai suất, tôi đang đói ngấu đây !"

"Hai suất là 10 xen, xin cầm lấy".

"Xin hỏi bia đen bao nhiêu tiền một chai ?"

"10 xen một chai, thưa ngài !".

"Giờ đây tôi thấy khát còn khó chịu hơn cả đói, tôi muốn đổi hai suất bánh mì cặp thịt này lấy một chai bia đen, có được không ? Ông chú".

"Đương nhiên là được, đợi cho chút xíu, thưa ngài".

Người khách cầm lấy chai bia đen uống cạn một hơi, rồi nhấc ba lô định đi.

"Xin lỗi, thưa ngài, ngài chưa trả tiền bia".

"Đúng vậy ! Thế nhưng bia được đổi bằng bánh mì cặp thịt, và được ông đồng ý rồi !"

"Nhưng tiền bánh ngài cũng chưa trả ! Thưa ngài".

"Tôi có ăn bánh mì của ông đâu, sao tôi phải trả tiền bánh cho ông ?"

Ông chủ lúc đó không biết trả lời ra sao, đành chịu cho người khách lên đường.

Lấy bánh mì không trả tiền để đổi lấy bia không trả tiền tức là bằng với không trả tiền bia. Thế nhưng, người khách nọ đã cố tình lén thay đổi hàm nghĩa giữa bia không trả tiền với bia đã trả tiền. Đó chính là chơi cái trò ngụy biện *Đánh tráo khái niệm*. Muốn phản bác loại ngụy biện này thì phải phân biệt rõ ràng hàm nghĩa giữa các khái niệm khác nhau này.

2. ĐÁNH TRÁO LUẬN ĐỀ

Người ngụy biện hoặc vì muốn che đậy sự đuối lí, hoặc vì để tránh mâu thuẫn gay gắt, hoặc là hòng đục nước béo cò mà cố tình đánh tráo hàm nghĩa của luận đề, lén thay đổi luận đề cần biện luận thành một luận đề khác. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đánh tráo luận đề.*

Thời Minh có một vị nội các đại học sĩ họ Cận, bố ông ta không nổi tiếng cho lắm, còn con ông ta thì chẳng ra gì. Thế nhưng, cháu ông ta lại đỗ tiến sĩ. Vị đại học sĩ này thường chửi con là thằng con không kế thừa được, là đồ bỏ đi. Về sau, người con không thể kế thừa được nọ không chịu nổi, đã cãi lại đại học sĩ :

"Cha của cha không bằng cha của con, con của cha không bằng con của con. Sao con lại là đồ bỏ đi ?"

Vị đại học sĩ nọ nghe vậy thì cười ha hả, không còn trách mắng con nữa.

Trong tình hình lúc đó, cái người không thể kế thừa nọ cần phải biện luận vấn đề mình phải chăng là đồ bỏ đi. Thế nhưng lại cố tình đánh tráo luận đề này thành việc so sánh con của bố và con của con như thế nào, so sánh bố của bố và bố của con như thế nào. Như vậy là trốn tránh luận đề vốn phải biện luận. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đánh tráo luận đề.*

Trong quá trình biện luận, nếu không có một luận đề thống nhất thì cuộc biện luận không có cách gì tiến hành bình thường được. Với người ngụy biện chỉ toan bằng cách *Đánh tráo luận đề* để thực hiện âm mưu, chúng ta muốn chinh phục họ thì phải vạch trần mưu đồ che giấu ẩn nấp của đối phương, và phải kẹp chặt lấy chúng như gọng kìm. Lại ví dụ :

Một trường đại học nọ mở một cuộc tranh luận về đề tài : *Người ta sống vì cái gì ?* Rất nhiều học sinh lần lượt chỉ ra : người ta sống cho người khác, cho hạnh phúc của nhân loại. Chỉ khi ai cũng vì hạnh phúc của người khác thì mình mới có hạnh phúc. Nhưng có học sinh không đồng ý, đã phản bác lại rằng :

"Đứng trước hiện thực khốc liệt, ta không thể không thừa nhận : Người ta sống là vì sự sinh tồn của mình mà đấu tranh, mà giành giật... Chẳng phải

thế sao ? Công nhân làm việc là để lĩnh tiền lương mà sống. Nông dân làm ruộng là vì mình cần áo mặc cần cơm ăn. Nhà văn viết sách cho mọi người xem là để lĩnh nhuận bút. Anh thợ cạo xem ra thuần túy là vì người khác, nhưng cũng để có tiền thù lao. Đương nhiên cũng có người như Lôi Phong một lòng vì người khác, cũng có những nhà khoa học lao động quên mình vì hạnh phúc của loài người. Thế nhưng những người như vậy cũng phải có cơ sở để mình sinh tồn, cũng tức là nói họ trước hết phải lao động cho sự sinh tồn của mình, nếu không, ngay cả bản thân họ cũng không thể sinh tồn, vậy làm sao có thể vì người khác được đây ?"

Lời phản bác của học sinh này là ngụy biện, là ngụy biện kiểu *Đánh tráo luận đề*. Bởi vì người ta không chỉ có thuộc tính tự nhiên, tức là có những đặc tính sinh vật và sinh lí như thực dục, tính dục và năng lực tự vệ ; đồng thời người ta lại cũng có thuộc tính xã hội. Mỗi một người khi bước vào cõi nhân gian là đặt mình vào mối quan hệ xã hội nhất định, như quan hệ gia đình, quan hệ duyên phận, quan hệ sản xuất, quan hệ chính trị, quan hệ pháp luật, quan hệ đạo đức. Người ta dưới sự ảnh hưởng và quy định của những quan hệ này mà học cách tham dự đời sống xã hội, thực hành nghĩa vụ xã hội, quá trình này cũng chính là quá trình xã hội hóa của con người, đúng như Mác từng chỉ ra, bản chất con người là *"tổng hòa các mối quan hệ xã hội"*. Dù rằng bản năng tự nhiên của con người cũng đã không còn là thuộc tính tự nhiên kiểu động vật thuần túy, mà là thuộc tính tự nhiên đã được xã hội hóa. Bởi vậy, *"Người ta sống vì cái gì"* là chỉ cái sống có thuộc tính xã hội, nó vì lẽ gì. Đó là một vấn đề xã hội. Thế nhưng, sự phản bác của người này lại quy kết bản chất con người thành thuộc tính tự nhiên đánh tráo luận đề *Người ta sống vì cái gì* thành vấn đề sinh lí bản năng của con người, và từ đó rút ra kết luận : *Người ta sống là vì sự sinh tồn mà đấu tranh, mà giành giật*. Như vậy, rõ ràng là ngụy biện.

3. LUẬN ĐỀ MƠ HỒ

Trong biện luận, kẻ ngụy biện thường cố ý dùng những luận đề mà ngữ ý không rõ ràng, có thể giải thích thế này, lại có thể giải thích cách khác, và lấy đó mà đạt tới mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái. Đó chính là ngụy biện kiểu *Luận đề mơ hồ*.

Câu chuyện thủ từ trong câu chuyện sau đây là như vậy.

Thời xưa có một ông vua định đánh nhau với Ba Tư, nhưng lại không chắc là mình có thắng hay không. Bởi vậy, vị vua ngu xuẩn mà lại hiếu chiến này đi cầu thần và gieo quẻ. Ông ta đến một ngôi đền nghe nói là linh thiêng nhất để xin chỉ thị của thần linh. Và đã được thần phán bảo rằng :

"Nếu ngươi đánh nhau với Ba Tư, sẽ đập tan một vương quốc hùng mạnh".

Ông vua này mừng rơn và liền đánh Ba Tư. Song kết quả lại bị đánh cho tan tác. Cuối cùng chỉ sót lại mình ông ta chạy trốn. Vị vua này rất hối hận, đặc biệt là rất giận việc thần phán không linh nghiệm, thế rồi lén viết thư trách móc, và kí tên là *"người cầu xin tức giận"*. Ít lâu sau, ông thủ từ đền nọ gửi thư trả lời :

"Thần phán đâu có sai, mà rất đúng. Bởi vì trong chiến trận ngài đã tàn phá một vương quốc hùng mạnh, thế nhưng, vương quốc này không gì khác, mà chính là vương quốc ngài trị vì".

"Tàn phá một vương quốc hùng mạnh" rõ ràng là mơ hồ. *"Ai"* tàn phá một vương quốc hùng mạnh ? Vừa có thể chỉ quốc vương này lại cũng có thể chỉ nước Ba Tư. Và nước bị tàn phá là *"ai"* ? Có thể chỉ Ba Tư, cũng có thể chỉ nước này. Dù trong trường hợp nào, lời phán của thần cũng linh nghiệm.

Kẻ ngụy biện để cho luận đề của họ trở nên mơ hồ, để người ta khó bề nắm bắt, có khi còn có thể dùng thứ ngôn ngữ kiểu ra hiệu bằng tay (thủ thế), bởi vì ngôn ngữ thủ thế càng mơ hồ hơn ngôn ngữ tự nhiên. Chẳng hạn :

Thuở xưa có một đạo sĩ chuyên xem số cho mọi người. Nghe nói xem rất hay, bởi thế người đến xem rất đông. Có một hôm có ba chàng học trò lên

kinh dự thi. Trước khi trẩy kinh, muốn hỏi xem ai trong số họ thi đỗ. Thế là họ rủ nhau đến nhà đạo sĩ nọ và nói rõ yêu cầu, rồi đốt hương khấn vái, chỉ thấy đạo sĩ nọ nhắm nghiền mắt giơ một ngón tay về phía họ mà không nói năng gì. Bọn học trò không hiểu ý, xin đạo sĩ giảng rõ. Đạo sĩ cầm phất trần phẩy, nói rằng : *"Đi đi, đến lúc đó sẽ hay, đấy là thiên cơ, không thể nói rõ"*. Ba chàng đành lủi thủi ra về.

Bọn học trò đi rồi, đạo đồng liền bước lại hỏi thầy : *"Sư phụ, ba người thì rốt cuộc ai đỗ ?"*

Đạo sĩ nói : *"Đỗ nhưng ai thì đã nói"*.

"Ngón tay của thầy phải chăng là nói lên chỉ đỗ có một ?"

Đạo sĩ nói : *"Đúng"*.

"Nếu họ đỗ hai thì sao ?"

"Ngón tay này là chỉ một người không đỗ".

"Vậy cả ba đều đỗ thì sao ?"

"Ngón tay này là tất cả đều đỗ".

"Nếu cả ba đều trượt".

"Thì đây chỉ tất cả không đỗ".

Đạo đồng chợt tỉnh ngộ nói :

"Thì té ra đó là thiên cơ !"

Hãy xem, ông đạo sĩ nọ đã lợi dụng tính mơ hồ của thứ ngôn ngữ ra dấu bằng tay để lừa gạt là như vậy đó.

Muốn chinh phục lối ngụy biện kiểu *Luận đề mơ hồ*, trước hết phải buộc đối phương sử dụng luận đề phải rõ ràng, không được mơ hồ chút nào. Luận đề đã rõ thì âm mưu ngụy biện sẽ thất bại.

4. GÂY RỐI ĐỂ CHIẾN THẮNG

Kẻ ngụy biện cố tình tạo ra sự hỗn loạn để làm sai lạc thị giác, thính giác, đục nước để rồi mà béo cò, từ đó giành chiến thắng. Đó là phương pháp ngụy biện, ta gọi là *Gây rối để chiến thắng.*

Hãy quan sát cuộc biện luận giữa Ô-đi-mu, nhà thông thái cổ Hi Lạp với một thanh niên.

Socratēs đưa một thanh niên đến học nhà thông thái Ô-đi-mu. Nhà thông thái nọ để tỏ rõ bản lĩnh của mình, cho chàng trai một đòn nên thân, đã độp luôn một câu hỏi thế này : *Cái anh học là những cái đã biết, hay là những cái không biết ?* Chàng trai trả lời rằng : *Cái anh ta học đương nhiên là cái anh ta không biết.* Và thế là nhà thông thái đưa ra một loạt câu hỏi cho chàng trai :

"Anh có biết chữ cái không ?"

"Tôi biết".

"Tất cả mọi chữ cái đều biết chứ ?"

"Vâng".

"Khi thầy dạy anh, phải chăng là dạy anh biết chữ cái ?

"Vâng"

"Nếu anh biết đọc chữ cái, vậy thì ông thầy anh chẳng phải đã dạy những cái mà anh đã biết ?"

"Vâng".

"Vậy thì, phải chăng không phải là anh học mà chỉ là những người không biết chữ đang học mà thôi ?"

"Không, tôi cũng đang học".

"Vậy thì, anh biết chữ cái, mà anh lại đang học chữ cái, tức là anh học những cái anh đã biết rồi".

"Vâng".

"Vậy thì, lời đáp ban đầu của anh không đúng rồi".

Nhà thông thái này rõ ràng đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Gây rối để chiến thắng*. *"Tôi học cái không biết"* là chỉ cái trước khi học không biết, *"Tôi học cái đã biết"* là chỉ cái sau khi học đã biết. Nhà thông thái nọ đã cố ý làm lẫn lộn sự khác biệt giữa chúng. Và đã làm cho chàng trai đầu óc quay cuồng mà thừa nhận sự thất bại của mình, nguyện vái nhà thông thái làm thầy.

Thuật ngụy biện theo kiểu *Gây rối để chiến thắng* còn thường biểu hiện ra việc cố ý tạo nên mâu thuẫn logic, lừa đối phương rơi vào trạng thái hỗn loạn đó. Lại ví dụ :

Một vị sultan nọ (sultan : chỉ người lãnh đạo cao nhất đạo Hồi và nhà nước Hồi giáo) rất thích ngựa, một hôm ông ta được biết nhà một đại thần có 7 con ngựa An-ta-lu-xi-a, liền vắt óc nghĩ cách có được những con ngựa này. Chẳng bao lâu, ông ta ra lệnh cho cả nước :

1. Ai có ngựa An-ta-lu-xi-a phải lập tức báo cáo ;

2. Mỗi con ngựa phải nộp 100 đi-na tiền thuế ;

3. Ai có 5 con ngựa trở lên phải báo cáo theo 5 con ;

4. Không được báo cáo sai số ngựa.

Vị đại thần biết tin thì bảo quản gia đi nộp 500 đi-na tiền thuế, nhưng quản gia thực tình nói : *"Ông chủ, tôi thấy chưa hay, nếu báo theo kiểu 5 con thì sẽ vi phạm điều 4 của mệnh lệnh, không khéo toàn bộ số ngựa lại bị tịch thu".*

Đại thần nghe xong thì nói : *"Vậy thì báo 7 con đi, trả ra 700 đi-na".*

Quản gia lại nói : *"Như vậy lại vi phạm điều 3".*

Cuối cùng thì vị đại thần nọ được quản gia mách nước, quyết định đem 3 con ngựa đi cho con trai, sau đó lần lượt đi báo cáo 3 con rồi 4 con. Như vậy, mưu kế của sultan bị hỏng.

Sultan âm mưu chiếm ngựa của đại thần, liền dùng thuật ngụy biện kiểu *Gây rối để chiến thắng*. Ông ta dùng mệnh lệnh tự thân chứa đựng các mâu thuẫn hòng khiến đối phương rơi vào hoàn cảnh lúng túng. Thế nhưng, lại bị người quản gia thông minh vạch trần mà thất bại.

5. KHÔNG CHỈ RA CÓ HAY KHÔNG

Luật bài trung trong logic học đòi hỏi mọi người trong cùng một quá trình tư duy, đối với hai phán đoán mâu thuẫn nhau về cùng một sự vật thì phải khẳng định một cái trong đó. Thế nhưng, do một vấn đề nào đó đụng chạm đến chỗ yếu của đối phương, khiến đối phương rơi vào hoàn cảnh khó khăn tiến thoái lưỡng nan, và thế là họ đã không đưa ra đoán định với vấn đề này, không trả lời rõ ràng, tức không khẳng định cũng không phủ định, mà cứ mơ hồ lung tung để hòng trốn tránh. Đó chính là ngụy biện theo kiểu *Không chỉ ra có hay không.*

Chẳng hạn một cuộc thoại giữa thầy và trò được nhắc tới trong tạp văn *Lập luận* của Lỗ Tấn :

Tôi mơ thấy mình đang chuẩn bị bài làm văn trong phòng học của trường tiểu học, hỏi thầy về phương pháp lập luận.

"Khó !" Thầy giáo nhìn tôi không qua cặp mắt kính trễ xuống gốc mũi rồi nói : *"Tôi báo anh một chuyện..."*

"Một nhà nọ sinh được cậu con trai, cả nhà mừng rỡ. Khi đầy tháng, bế ra cho khách xem, đại khái là muốn có được chút điềm lành.

Một người nói : "Đứa bé này sau này sẽ phát tài". Và thế là ông ta nhận được mấy câu cám tạ.

Một người nói : "Đứa bé này sau này sẽ chết". Và thế là ông ta bị mọi người cho một trận no đòn.

Nói sẽ chết là tất nhiên, nói giàu sang là dối trá. Nhưng dối trá thì được đáp lại bằng sự đối xử tốt, nói điều tất nhiên lại bị đánh. Em..."

"Em vừa muốn không lừa dối, lại cũng muốn không bị đánh, vậy thì thưa thầy em phải nói thế nào đây ?"

"Vậy thì, em phải nói : "Ái chà ! Cậu bé này ! Ông xem ! Thật là... Ôi chao ! Ha ha ! Hi hi ! Hi, hi hi hi hi !"".

Học sinh này trên thực tế là muốn đối phương lựa chọn giữa hai mâu thuẫn là "nói dối" và "không nói dối", và lựa chọn cách nào cũng đều khó xử, do vậy mà thầy giáo đã lấy những lời như *"Ôi chao ! Ha ha !"* để tránh khỏi bế

tắc, tức không khẳng định cũng không phủ định. Đây chính là ngụy biện kiểu *Không chỉ ra có hay không.*

Ngụy biện kiểu *Không chỉ ra có hay không* còn biểu hiện thành việc khi kẻ ngụy biện gặp đề khó thì cố tình rẽ tránh luận đề. Chẳng hạn ở trên với đoạn thoại khi Mạnh Tử phê bình Tề Tuyên Vương không biết trị nước (mục 31, phần III – *Giả thiết sự kiện*)

Câu hỏi thứ 3 của Mạnh Tử trên thực tế là muốn đối phương phải chọn lựa trong trường hợp mâu thuẫn giữa "đánh đổ quốc vương" và "không đánh đổ quốc vương". Nếu chọn "Không đánh đổ quốc vương" thì sẽ đi ngược lại với lời đáp ở trên. Nếu nói "đánh đổ quốc vương" thì tức là nói đánh đổ mình, thật không biết tính sao đây, đành phải ngó trước nhìn sau mà chuyển đề tài, *Không chỉ ra có hay không.*

Điểm yếu của thuật ngụy biện kiểu *Không chỉ ra có hay không* là ở chỗ vi phạm luật bài trung. Muốn phản bác loại ngụy biện này, thì phải lấy luật bài trung làm vũ khí, yêu cầu đối phương từ đó mà đưa ra sự chọn lựa rõ ràng, không cho phép họ nói lời mơ hồ.

6. TRÒ CHIẾT TỰ

Ngụy biện theo kiểu *Trò chiết tự* là phương pháp ngụy biện thông qua việc tùy ý chiết tách và lắp ghép kết cấu đối với chữ Hán mà để làm lẫn lộn phải trái, đảo lộn trắng đen. Chẳng hạn :

Trung Quốc xưa nay vốn trọng nam khinh nữ, thế nhưng có người lại bằng *Trò chiết tự* mà rút ra kết luận ngược lại.

A : *Trên thực tế, truyền thống Trung Quốc không trọng nam khinh nữ, mà là trọng nữ khinh nam.*

B : *Không đúng, nước ta xưa nay trọng nam khinh nữ, anh nói vậy là căn cứ vào đâu ?*

A : Chữ Trung Quốc là một căn cứ. Tốt (好) là gì ? Nó gồm có *nữ* (女) và *con* (子). Không phải là *nữ tử* thì *nao* (孬)[1]. Không phải là *nữ tử* thì chỉ có thể là *nam* (đàn ông, con trai). Cho nên người Trung Quốc xưa nay cho rằng nam là xấu, nữ là tốt. Đó không phải là trọng nữ khinh nam hay sao ?

Chữ *hảo* (好) trong Giáp cốt là loại chữ hội ý, bên trái là người đàn bà nửa quỳ, trước ngực bế đứa bé. Thuở xưa đại khái lấy hình ảnh người mẹ nhiều con là tốt. Thế nhưng nếu lấy việc khen người mẹ mà rút ra kết luận trọng nữ khinh nam thì lại thiếu lí do đầy đủ.

Lại còn có người bằng *Trò chiết tự* mà dự đoán lành dữ, đó gọi là việc đoán chữ. Chẳng hạn, xưa kia có vị ma hóa trang thành dân thường để du hành, thấy có ông thầy bói chữ (đoán chữ) đang bói cho một người, người này viết chữ "帛 " (bạch). Thầy bói nói :

"Nhà anh có việc tang, vì bạch (白) cân (巾) là đội khăn hiếu (để trở)".

Vua cũng đến bói, cũng lại viết chữ 帛 , thế nhưng ông thầy nhận ra đối phương khác thường, liền từ chữ này mà giải thích khác hẳn :

---

(1) Chữ *nāo* 孬 nghĩa là xấu, không tốt ; gồm ba bộ phận : *bất* (không), *nữ* (đàn bà, con gái) và *tử* (con). *Nữ* và *tử* ghép lại thành *hảo* (tốt, đẹp), tách ra thành hai chữ thì nghĩa là đàn bà con gái.

"Chữ 帛 là đầu của chữ 皇 (hoàng : vua), *chân của chữ 帝 (đế* : vua), *ông phú quý mà có thiên hạ !"*

Cùng một chữ song với người khác nhau mà kết quả lại khác nhau một trời một vực.

Với chữ Hán mà dùng *Trò chiết tự* để phát triển lời giải thích thì vốn là một trò chơi, hoàn toàn không tính đến kết cấu thực sự và trường hợp thực tế của chữ Hán, mà là tùy theo sự cần thiết của thầy bói để giải thích. Lại ví dụ :

Có một hôm, Tống Cao Tông Huy Phục xuất hành, gặp Tạ Thạch là thầy bói chữ trên phố. Cao Tông lấy cây gậy chống vạch lên đất một đường ngang cho Tạ Thạch đoán. Tạ Thạch liếc nhìn người đến khác thường, bèn nói :

"Trên đất (thổ 土) mà có nét ngang thì là vua (vương 王), các hạ không phải là thường dân, chắc phải là đương kim hoàng đế".

Nói rồi cúi lạy nhà vua.

Phải chăng đó là sự thực mà ta khó lòng khảo chứng. Nhưng dù rằng sự thực có như vậy thì cũng là do Tạ Thạch quan sát nét mặt, từ vẻ ngoài của đối phương mà đoán ra một cách tình cờ.

7. TRÒ LỘNG NGỮ

Từ là một đơn vị ngữ ngôn có ý nghĩa xác định và kết cấu cố định. Vì kết cấu của từ có tính cố định, cho nên không thể tùy tiện mà cắt rời. Nếu tùy ý cắt ghép thì thường là bóp méo nguyên ý, ngụy biện theo kiểu *Trò lộng ngữ* là một phương pháp ngụy biện thông qua việc tùy ý cắt ghép từ ngữ để làm lẫn lộn đúng sai.

Ta hãy quan sát một chuyện vui sau đây, với nhân vật "Bản Tử quan" :

Năm Quang Tự thứ 27 đời nhà Thanh, huyện Nghi Đô tỉnh Hà Bắc có một tri huyện họ Vương, tên là Quốc Phong. Ông là người Giang Tây. Thời gian tại chức có thể coi là thanh liêm, có điều thiếu đầu óc nên làm việc thì thô lỗ, thường lạm dụng hình phạt. Cho nên, mọi người gọi theo biệt hiệu "Bản Tử quan" (quan chuyên đánh đòn).

Có lần, có người họ "Tiên Vu" tên là "Quang Minh" đến huyện thưa kiện. Ông này vốn biết tri huyện họ Vương có một cái tật là trước đánh sau hỏi thì vừa vào công đường đã vội quỳ xuống hành lễ, cúi đầu dâng tờ đơn, sợ rằng chọc giận tri huyện đại nhân. Vương tri huyện tiếp tờ đơn, đọc to :

"Tiên Vu Quang, minh niên 40 tuổi".(1)

Thế rồi quan huyện ném tờ giấy xuống đất, tức giận mà chửi :

"Thằng dân to gan khốn kiếp, giữa công đường mà dám đùa bỡn bằng giấy bút, trêu ghẹo bản quan, năm nay ngươi 39 tuổi là 39 tuổi, còn ghi năm sau 40 tuổi làm gì, hãy đánh cho Tiên Vu Quang 30 gậy !"

Không đợi Tiên Vu Quang Minh giải thích, 30 gậy đã in dấu lên người ông ta.

"Tiên Vu Quang Minh" vốn là tên họ của một người, là một từ, không thể tùy tiện cắt rời. Thế nhưng viên tri huyện ngớ ngẩn nọ lại tùy ý cắt ghép, và đã rút ra một kết luận sai lầm như vậy. Lại ví dụ :

Thầy giáo hỏi Tiểu Vương : *"Em có biết chim bồ câu có tác dụng gì không ?"*(2)

---

(1) Như trên đã nói, họ tên người này là *Tiên Vu Quang Minh*. Nhưng nếu tách *Minh* ra, ghép với *niên* thì *minh niên* là năm sau, và câu này không còn nghĩa là : "Tiên Vu Quang Minh tuổi 40", mà là "Tiên Vu Quang, năm sau là 40 tuổi".

(2) Ví dụ này có thay đổi chút ít, cho phù hợp với tiếng Việt.

Tiểu vương đáp : *"Bồ là bạn, câu là câu cá. Chim này làm bạn đi câu với ta !"*

Cũng vậy, *"bồ câu"* là một từ, không được tùy ý mà cắt rời. Tiểu Vương ở đây đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Trò lộng ngữ* để che giấu cái không biết của mình.

Ngụy biện theo kiểu *Trò lộng ngữ* không chỉ có trong Hán ngữ, ngôn ngữ khác cũng có.

Năm 1929, bang Kansas nước Mĩ thành lập một *"Câu lạc bộ người đần"*, thành viên thảy đều là các thân sĩ. Các thân sĩ này cũng nghiên cứu học thuật, một trong những thành quả nghiên cứu của họ là : gà là thực vật. Lí do là : Trứng gà do gà đẻ ra, cho nên, có thể nói gà là "nhà máy trứng gà", trong tiếng Anh "egg" nghĩa là trứng, còn "plant" có nghĩa là nhà máy. Gà đã là nhà máy trứng gà, vậy thì từ "gà" phải do "egg" và "plant" hợp thành. Cho nên, "gà" phải là "eggplant". Thế nhưng cái từ "eggplant" trong tiếng Anh lại có nghĩa là "cà", mà cà là thực vật, mà cà đã là thực vật, vậy thì gà cũng là thực vật.

Các nhà thân sĩ rỗng tuếch này đã luận chứng một điều giả dối là "gà là thực vật" bằng phép ngụy biện kiểu *Trò lộng ngữ*.

8. LẠM DỤNG TRẬT TỰ TỪ NGỮ

Trật tự từ ngữ là cách thức tạo lời quan trọng trong tiếng Hán (cả tiếng Việt cũng vậy). Trật tự khác nhau, thì ý nghĩa biểu đạt có thể cũng khác nhau. Kẻ ngụy biện thường dùng trật tự từ ngữ khác nhau để nhằm đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn đúng sai. Đó là thuật ngụy biện kiểu *Lạm dụng trật tự từ ngữ.*

Ngụy biện kiểu *Lạm dụng trật tự từ ngữ* thông qua việc thay đổi trật tự từ ngữ trong câu để đạt mục đích. Chẳng hạn :

Tăng Quốc Phiên nhà Thanh khi đàn áp nghĩa quân Thái Bình thiên quốc, đã mấy lần liền bị thất bại. Hắn ta dự định cầu xin nhà vua tăng viện quân đội, và thế là thảo một tờ tấu, làm bản nháp sẵn cho khi vào tâu bày, trong đó kể về chiến công thì không thể không thừa nhận *"đánh mãi mà vẫn thua"*. Một vị sư da (người giúp việc) thấy cách viết này thì chợt nghĩ tới việc gần đây cũng đã có vị đại tướng khi tâu bày cũng nói *"đánh mãi mà vẫn thua"* mà làm hoàng đế nổi giận và bị giáng chức đày đi. Đến đó, ông không khỏi toát mồ hôi về ông chủ của mình. Thế nhưng, với hoàng đế thì không được báo cáo sai về chiến sự, ông ta vò đầu bứt trán về cụm từ này, thế rồi bỗng loé lên, phải đổi chỗ hai chữ **đánh** và **thua** thôi. Như vậy *"đánh mãi mà vẫn thua"* hóa ra *"thua mãi mà vẫn đánh"*, và làm cho ý nghĩa câu này đã thay đổi về chất. *"Đánh mãi mà vẫn thua"* là biểu hiện không có khả năng, còn *"thua mãi mà vẫn đánh"* thì biểu hiện anh dũng. Hôm sau hoàng đế nghe Tăng Quốc Phiên tâu trình, khi nghe cụm từ *"thua mãi mà vẫn đánh"* thì nét mặt tươi tỉnh, cho rằng ông ta trước thất bại mà vẫn kiên cường, không nao núng, từ đó ông ta luôn được may mắn, luôn luôn được đặc ân của hoàng đế !

Người giúp việc này đã biện hộ gỡ tội cho chủ bằng cách thay đổi trật tự từ ngữ trong *"đánh mãi mà vẫn thua"*. Muốn vạch trần loại ngụy biện này thì phải nắm đúng được hàm nghĩa thực sự của cả câu, không để cho đối phương mê hoặc bằng câu chữ tựa như đúng mà hóa sai.

Lại ví dụ, cuối đời nhà Thanh, huyện Thường Thục, tỉnh Giang Tô có một đám con cái nhà quyền quý, no say phè phởn, vô công rồi nghề. Mỗi khi mặt trời gác núi là chúng phóng ngựa ở chỗ mộ Ngôn Tử Du trên núi Ngu Sơn mà đùa nghịch, làm mất trị an. Năm Quang Tự thứ 23 (1847), vào một ngày

cuối xuân, chàng công tử Chu X do cưỡi ngựa không khéo mà làm chết người, và bị bắt vào ngục. Cha hắn là Chu Duy Hiền với sự giúp đỡ của thầy kiện Lục Chi Hiên đã hối lộ cho viên lại chuyên lo việc kiện tụng để đổi từ ngữ trong đơn kiện là *"phi ngựa"* thành *"ngựa phi"*. *Phi ngựa làm bị thương người ta* là chỉ : người cưỡi ngựa mà phi nhanh rồi làm bị thương người khác, tội như vậy là do người. Còn : *Ngựa phi làm bị thương người* thì chỉ : mã thoát dây cương mà làm người bị thương, điểm này thuộc về sự cố không may. Thế là Chu X không cấu thành tội phạm. Tên tri huyện ngu ngốc lại bẩm báo lên như vậy.

Chu Chi Trăn lúc đó làm án sát, nắm quyền tư pháp tỉnh Giang Tô, khi đọc duyệt bản tường trình của huyện nọ, cảm thấy trong đó có man trá, liền phê vào văn bản là *"Ngựa phi làm bị thương người"* hàm nghĩa không rõ ràng, và vặn hỏi :

"Rốt cuộc là ngựa trong chuồng tuột cương mà làm người bị thương ? Hay là người cưỡi ngựa, phi nhanh mà làm bị thương người khác ?"

Như vậy là ngụy biện kiểu *Lạm dụng trật tự từ ngữ* đã bị bại lộ.

Thuật ngụy biện này có lúc cũng biểu hiện thành lén đổi trật tự các mệnh đề trong câu ghép. Chẳng hạn, xưa kia có người điều tra một vụ án tham ô, vì điều tra không ra chứng cứ, khó kết luận được, liền phê :

"Điều tra không có chứng cứ thực, sự việc này sinh có nguyên nhân". Vậy tức là : Sở dĩ điều tra không ra chứng cứ xác thực là vì có nguyên nhân, có thể là tội phạm đã xóa dấu vết. Sau đó, người ta đổi người thụ lí vụ án. Người này trước đã nhận hối lộ, đã đảo lộn trật tự hai mệnh đề, thành ra : *"Sự việc này sinh có nguyên nhân, điều tra không có chứng cứ thực."*

Điều này có nghĩa là : coi người ta là tội phạm tham ô là có nguyên nhân, nhưng kết quả là điều tra không ra một bằng chứng thực nào cả. Và thế là kẻ bị tình nghi phạm tội tham ô đã trở nên vô tội. Ngụy biện kiểu *Lạm dụng trật tự từ ngữ* có lúc cũng giành được hiệu quả ngụy biện vô lí như vậy đấy, chúng ta không thể không cảnh giác.

9. NGỮ ĐIỆU LẪN LỘN

Ngữ điệu là sự biến đổi âm thanh cao thấp lên xuống trong câu. Cùng một câu mà ngữ điệu khác nhau thì hiệu quả biểu đạt và tác dụng sinh ra cũng khác nhau. Ví dụ :

"Hạng mục này thiếu anh không xong."

"Hạng mục này thiếu anh không xong ?"

Câu trên tốc độ hơi nhanh, ngữ điệu âm cuối hơi xuống, đây dùng ngữ điệu hạ, nói lên thì giọng điệu thành khẩn, biểu đạt ra cái tác dụng đối phương không thể thiếu vắng trong hạng mục này. Câu dưới âm cuối đi lên, đây dùng ngữ điệu thăng, biểu đạt ý tứ châm biếm hóm hỉnh rõ ràng.

Do ngữ điệu khác nhau mà ý nghĩa chúng biểu đạt cũng khác hẳn nhau. Bởi vậy, trong biện luận, chúng ta không thể không chú ý lựa chọn ngữ điệu thích hợp. Cũng như vậy, người ngụy biện cũng thường bằng cách thay đổi ngữ điệu khác nhau để đạt mục đích làm lẫn lộn phải trái, đảo lộn trắng đen. Đó chính là ngụy biện theo kiểu *Ngữ điệu lẫn lộn.*

Người ta hiểu khác nhau về bài *Phạt đàn* trong *Kinh Thi* là một ví dụ điển hình.

Trong bài này có câu :

"Bỉ quân tử hề, bất tố tham hề !"

Ngữ điệu của câu này là ngữ điệu phản vấn mạnh mẽ, nó đi lên. Và nghĩa là :

"Những quân tử đại nhân này lẽ nào không phải là đồ ăn dưng !"

Nó biểu đạt sự phẫn nộ của những người nô lệ đối với bọn chủ nô ngồi mát ăn bát vàng. Thế nhưng các chủ nô, quý tộc, bọn phong kiến thống trị và cả các văn nhân lại biến câu này thành ngữ điệu cảm thán đi xuống. Ý nghĩa là :

"Những quân tử đại nhân này sẽ không phải là tọi cơm !"

Có người cho rằng những tên quân tử đại nhân này muốn ăn ngon, *"phi nhục bất bão"*. Cũng có người giải thích rằng những quân tử đại nhân này là những vua hiền tướng giỏi lí tưởng, có thể làm cho thiên hạ thái bình, họ sẽ không phải là tọi cơm v.v... Do ngữ điệu khác nhau, mà nhận thức của người ta trên cùng một câu thơ cũng có khác biệt lớn như vậy. Bọn thống trị và văn nhân đã lén thay đổi ngữ điệu, đó là sự bóp méo nghiêm trọng, sửa đổi nguyên ý. Chúng ta không thể không nói rằng chúng đang chơi cái trò thuật ngụy biện kiểu *Ngữ điệu lẫn lộn.*

10. TRÁO ĐỔI TRỌNG ÂM

Để làm nổi bật tư tưởng tình cảm đặc biệt nào đó mà đọc nặng hơn một chút những từ ngữ nào đó trong câu, đó là trọng âm câu. Vị trí trọng âm câu trong câu khác nhau thì câu này cho ta một sự cảm thụ không hoàn toàn giống nhau. Ngụy biện kiểu *Tráo đổi trọng âm* chính là phương pháp đạt mục đích ngụy biện bằng cách tùy ý thay đổi trọng âm câu.

Ở Phương Tây, trong dân gian lưu truyền một lời răn như sau :

"Anh không nên làm chứng giả cho hàng xóm của anh."

Có người cố tình nhấn mạnh : *hàng xóm của anh* mà đọc thành :

"Anh không nên làm chứng giả cho **hàng xóm của anh."**

Như vậy, sự cảm thụ của người ta với câu này đã thay đổi, tựa hồ rằng chỉ cần không làm chứng giả đối với hàng xóm còn thì làm chứng giả với người khác thì không sao. Đây là ngụy biện kiểu *Lén đổi trọng âm.*

Dùng thuật ngụy biện kiểu *Tráo đổi trọng âm* có lúc sẽ tạo nên hiệu quả ngụy biện cực kì vô lí. Chẳng hạn đoạn thoại sau đây :

Ông chủ nói với người thủ quỹ rằng : *"Có người nói với tôi rằng anh ăn cắp tiền của công ti chúng tôi !"*

Thủ quỹ nói : *"Sao ! Lẽ nào ngài bắt tôi làm thủ quỹ cho ngài ở đây mà lại đi ăn cắp tiền của ông chủ khác ?"*

Trọng âm của ông chủ nọ vốn là ở âm tiết *"ăn cắp"*, nghĩa là không được ăn cắp tiền. Thế nhưng, người thủ quỹ lại lén đổi trọng âm sang *"chúng tôi"* mà nói, và xuyên tạc câu nói của đối phương thành "tiền ăn cắp tại sao là của công ti chúng tôi mà không phải là của công ti khác." Như vậy, vốn là hành động đào tường khoét ngạch mà trở nên hùng hổ, dữ tợn.

Ngụy biện kiểu *Tráo đổi trọng âm* chủ yếu nói lên cảm thụ chủ yếu của mọi người đối với câu này, vị trí trọng âm câu khác nhau thì cảm thụ của mọi người cũng sẽ khác. Thế nhưng ý nghĩa thực giả khách quan của nó lại vẫn

như nhau. Muốn phản bác loại ngụy biện này, chúng ta ngoài việc phải nắm đúng vị trí chính xác của trọng âm câu, còn phải nắm đúng hàm nghĩa logic thực sự mà câu này biểu đạt. Lại ví dụ :

Trên một ống thoát nước của tòa nhà làm việc của xưởng may nọ có đề mấy chữ to : *"Nơi này không được đổ bã chè."*

Về việc này, có mấy chàng trai tranh luận với nhau :

A : *""Nơi này không được đổ bã chè" tức là có thể đổ lá chè"*

B : *"Cách hiểu này của anh có hơi phiến diện. Nên nói ý nghĩa của câu này là : "Trừ bã chè ra, cái gì cũng có thể đổ vào đây.""*

C : *"Các anh toàn nói liều !"*

A và B nói liều là vì đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Tráo đổi trọng âm.*

11. NGỮ NGHĨA LẪN LỘN

Trong ngôn ngữ thì từ thường là đa nghĩa, người ngụy biện có lúc sẽ thông qua cách làm lẫn lộn sự khác biệt giữa các nghĩa này để đạt mục đích đảo lộn phải trái. Đó là ngụy biện theo kiểu *Ngữ điệu lẫn lộn.*

Từ lúc mới đặt ra thì ý nghĩa thường là đơn nhất. Ý nghĩa này chính là nghĩa ban đầu của nó. Cùng với sự phát triển của ngôn ngữ, về sau lại diễn biến thành rất nhiều nghĩa mới, những nghĩa này gọi là nghĩa chuyển. Nghĩa gốc và nghĩa chuyển có sự phân biệt, người ngụy biện lại sẽ làm lẫn lộn sự phân biệt này để tạo nên sự lộn xộn. Ta hãy quan sát đoạn thoại sau đây :

A : *Tôi gần đây phát hiện là trên thế giới mọi người đều là nam".*

B : *"Không đúng, chẳng phải rõ ràng là tồn tại phụ nữ – một nửa thế giới đó sao ?"*

A : *"Tôi nói vậy là có căn cứ. Trong "Nhan Uyên. Luận ngữ" có nói : "Tứ hải chi nội giai huynh đệ dã" nghĩa là nói người trong thiên hạ đều là huynh đệ (anh em trai), mà tất cả huynh đệ đều là nam, vậy người trong thiên hạ đều là nam cả."*

"Huynh đệ" vốn là chỉ nghĩa anh trai và em trai, trên cơ sở ý nghĩa này mà người ta dùng phương pháp so sánh để sinh ra một loại nghĩa chuyển, tức ý nghĩa "đoàn kết hữu ái", nghĩa chuyển loại này gọi là nghĩa so sánh, nghĩa gốc và nghĩa so sánh có sự phân biệt. Thế nhưng A lại cố tình làm lẫn lộn chúng để đảo lộn phải trái. Đây chỉ là một ngụy biện.

Ngữ nghĩa có khi cũng có sự chuyển biến nào đó. Cùng một từ hoặc câu nhưng trong hoàn cảnh biện luận giao tiếp khác nhau, trong quá trình kết hợp với những đơn vị ngôn ngữ khác nhau, ý nghĩa có thể sẽ đổi khác, thậm chí còn nảy sinh sự chuyển dịch về nghĩa. Người ngụy biện sẽ lợi dụng tính chuyển biến ngữ nghĩa này, mong muốn là bất ngờ chuyển hướng có lợi cho mình và bất lợi cho đối thủ, từ đó mà chinh phục đối thủ. Ta hãy xem một suy luận sau :

Người là động vật,
Tiểu Trương là người,
Cho nên Tiểu Trương là động vật.

Nghị luận này từ giác độ suy lí thì không có gì sai, hơn nữa tiểu tiền đề, đại tiền đề đều đúng. Nhưng kết luận thì Tiểu Trương dù sao cũng không chấp nhận. Đó là vì, *"Người"* trong tiểu tiền đề *"Tiểu Trương là người"* vừa coi là người sinh vật, lại cũng có thể coi là con người xã hội. Thế mà trong kết luận, con người Tiểu Trương chỉ là con người xã hội. Ở đây, ý nghĩa giữa chúng đã có một sự chuyển biến rõ rệt, sinh ra thay đổi và chuyển dịch. Tiểu Trương đương nhiên không thể nào tiếp nhận cái kết luận có tính chất thoá mạ, ví anh ta như súc vật.

Từ ngữ trong ngôn ngữ còn có hiện tượng gọi là kiêm loại[1], âm và hình của chúng giống nhau, ý nghĩa cũng có mối liên hệ nhất định. Thế nhưng, trong những ngữ cảnh khác nhau thì chúng lại có từ loại khác nhau, có ý nghĩa từ vựng và đặc điểm ngữ pháp khác nhau. Người ngụy biện cũng sẽ cố tình lợi dụng hiện tượng kiêm loại này của từ để làm lẫn lộn phải trái. Chẳng hạn, có đoạn biện luận sau đây :

Có một lần A đánh cuộc với B. A nói :

"Cưa sắt cưa cành cây cưa không gãy !"[2]

B nói : *"Cưa gãy !"*

"Cưa không gãy !"

Họ cứ vậy giằng co nhau mà không có kết quả, vậy là phải mời người trọng tài đến, lập điều ước : *"Cưa sắt cưa cành cây, cưa không gãy, thì B phải đãi một bữa tiệc. Cưa mà gãy thì A phải đãi."* B cầm cưa sắt đến bên cành cây rồi ra sức mà cưa, cành cây gãy.

"Chẳng gãy là gì đây ?" B nói.

"Cành cây gãy đấy chứ, còn tôi bảo là cưa không gãy mà !"

Trong câu : *"Cưa sắt cưa cành cây cưa không gãy."* thì *cưa* thứ nhất là danh từ, chỉ một công cụ. *Cưa* thứ hai là động từ, biểu thị một hành động. Còn *cưa* thứ ba thì có thể hiểu là danh từ, cũng có thể hiểu là động từ, cách nào cũng được. A đã lợi dụng hiện tượng kiêm loại này mà đánh lừa B. Lại ví dụ nữa :

"Cho nó cuốc !"

"Cuốc" ở đây có thể là động từ, và câu này có thể hiểu là : *cứ mặc cho nó tha hồ mà cuốc xới.* Nhưng cũng có thể là danh từ, và câu này lại có thể hiểu là : *Hãy đưa cho nó chiếc cuốc.*

Gặp những kẻ ngụy biện kiểu này, chúng ta cần chú ý kẻo mắc lừa.

---

(1) Trong tiếng Việt gọi là hiện tượng chuyển loại của từ.

(2) Ví dụ này đã thay cho phù hợp với tiếng Việt.

12. LẠM DỤNG NGẮT NGỪNG

Trong câu, chỗ ngắt ngừng khác nhau thì ý nghĩa biểu đạt cũng có thể khác nhau, có lúc thậm chí hoàn toàn khác hẳn. Chẳng hạn, trong *Thái Bá. Luận ngữ* có câu như sau :

"Dân khả sử do chi bất khả sử tri chi."

Do sách cổ không có dấu ngắt câu, bởi vậy người ta có thể xuất phát từ sự cần thiết của bản thân mà đã đưa ra sự ngắt ngừng câu khác nhau, và như vậy, ý nghĩa biểu đạt đã cách xa nhau. Người có thái độ phê phán thì nói câu này của Khổng Tử là chính sách ngu dân, vì theo cách ngắt của họ là :

"Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi."

Nghĩa là : Nhân dân chỉ có thể nô dịch họ mà thôi, không thể để cho họ biết được.

Còn người có quan điểm khen ngợi lại nói câu này có màu sắc dân chủ tương đối đậm, vì theo cách ngắt của họ là :

"Dân khả, sử do chi ; bất khả, sử tri chi."

Nghĩa là : Khi nhân dân có giác ngộ cao, hãy để họ tự do hành động ; còn nếu giác ngộ tư tưởng chưa cao, thì hãy giúp họ hiểu được lí lẽ.

Thế nhưng có kẻ ngụy biện lại cố tình bằng cách thay đổi điểm ngắt ngừng trên câu để nhằm đạt mục đích ngụy biện của họ. Đó chính là ngụy biện theo kiểu *Lạm dụng ngắt ngừng*. Chẳng hạn, bọn người lừa bịp kiểu xem số, xem tướng, xem bói, một trong những cách lừa của họ là bằng cách *Lạm dụng ngắt ngừng* để làm rối loạn lời, giải thích kiểu nào cũng được, rồi tùy cơ mà giải thích. Khi hỏi về trường hợp chết của cha mẹ thì họ thường nói một câu : *Phụ tại mẫu tiên vong"* nếu sự thực là mẹ chết trước thì đoán ra là :

"Phụ tại, mẫu tiên vong." (Cha còn sống, mẹ chết trước).

Nếu sự thực cha chết trước, thì lại đoán là :

"Phụ tại mẫu tiên, vong" (Cha chết, trước mẹ).

Nếu cha mẹ đều đã chết, thì thường vẫn có người trước người sau, vẫn có thể giải thích được. Nếu cha mẹ đều còn sống thì lại nói đó là dự đoán cho

tương lai. Bởi vậy, mà ta thường cảm thấy lời ông ta luôn luôn đúng. Thực ra đó là nguỵ biện chính cống. Lại ví dụ :

Khi có người hỏi về trường hợp công tác, hôn nhân thì họ thường hay nói :

"Hữu sự bất năng nhàn ngại."

"Hữu thê bất năng quang côn."

Nếu bạn có nghề nghiệp, có vợ con thì họ sẽ ngắt ngừng như sau :

"Hữu sự, bất năng nhàn ngại." (Có việc, không được ngồi rồi.)

"Hữu thê, bất năng quang côn." (Có vợ, không được độc thân.)

Đã là có nghề nghiệp thì chắc không ngồi không ở nhà. Đã là có vợ thì đương nhiên không phải là độc thân. Nếu bạn không có nghề nghiệp, không có vợ, thì họ sẽ ngắt ngừng như sau :

"Hữu sự bất năng, nhàn ngại." (Không thể có việc, ngồi rồi.)

"Hữu thê bất năng, quang côn." (Không thể có vợ, độc thân.)

Đã là không có nghề nghiệp, thì chỉ đành ngồi rồi ở nhà. Đã là trước mắt không có vợ, thì coi như là độc thân. Bất kể trong trường hợp nào, lời của họ đều linh nghiệm.

13. MƯỢN CÁCH HÀI ÂM

Có những chữ Hán hình và nghĩa khác nhau, nhưng âm đọc của chúng giống nhau hoặc gần giống. Hiện tượng này gọi là hài âm. Kẻ ngụy biện thường mượn hiện tượng hài âm để đạt mục đích làm lẫn lộn phải trái, đảo lộn trắng đen. Đó là ngụy biện kiểu *Mượn cách hài âm.*

Đường khuyết sử có ghi một chuyện như sau :

Diễn viên Lí Khả Cập làm trò trong cung, tự khoe là tinh thông tam giáo. Và hoàng đế hỏi :

"Ngươi tinh thông tam giáo, vậy thì Thích Ca Như Lai là loại người nào ?"

"Đàn bà." Lí Khả Cập trả lời.

"Sao lại đàn bà ?" Hoàng đế ngạc nhiên hỏi.

"Kinh "Kim Cương" nói : "**Phu** *tọa* **nhi** *tọa*"[1], có chồng có con, không phải là đàn bà thì là gì ?

Hoàng đế cười ha hả, lại hỏi nữa: *"Thái Thượng Lão Quân là loại người nào ?"*

"Cũng là đàn bà. "Đạo đức kinh" nói : "Ngô hữu đại hoạn, vi ngô **hữu thân,** *cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn ?" Nếu không phải là đàn bà sao lại có chửa ?"*[2]

Hoàng đế lại cười : *"Văn Tuyên Vương là loại người nào ?"*

"Cũng là đàn bà. "Luận ngữ" nói : "Hạo chi tại ! Hạo chi tại ! Ngã **đãi giá** *giả dã." Nếu không là đàn bà thì sao phải đợi xuất giá ?"*[3]

Vốn Thích Ca Mâu Ni, Lão Tử, Khổng Tử đều là đàn ông. Thế nhưng Lí Khả Cập dựa vào *phu, nhi* đồng âm với từ có nghĩa : chồng, con ; từ thân đồng âm với từ có nghĩa : có chửa, *giá* đồng âm với từ có nghĩa : xuất giá. Và lợi dụng những hiện tượng đồng âm này mà khẳng định họ đều là đàn bà.

---

(1) Âm đọc Bắc Kinh : chữ *phu* và *nhi* ở đây đồng âm với từ chồng và con. Thực ra đây chỉ có nghĩa : *sắp đặt ngồi mà ngồi.*

(2) Âm đọc Bắc Kinh : chữ *hữu thân* đồng âm với từ có nghĩa : *có chửa.* Thực ra đây chỉ có nghĩa : *có thân hình.*

(3) Âm đọc Bắc Kinh : *đãi giá* đồng âm với từ có nghĩa : *đợi xuất giá.*

Điều này thật là vô lí đến buồn cười. Ở đây người diễn viên nọ đã ngụy biện theo kiểu *Mượn cách hài âm*.

Tính giả dối của cách ngụy biện theo kiểu *Mượn cách hài âm* là ở chỗ họ đã lợi dụng sự đồng âm, gần âm để lén thay đổi khái niệm. Chúng ta muốn chiến thắng loại ngụy biện này, trước hết phải xác định hàm nghĩa chính xác của chúng để không cho đối phương lén đổi. Chẳng hạn :

Nghe nói Trương Ban và Lỗ Ban đều cùng học một thầy dạy nghề. Kĩ thuật đóng đồ gỗ của họ rất cao. Có lần Trương Ban xây một cái gác cho một người giàu có. Nhà giàu nọ hẹn bằng miệng với ông là nếu gác xây mà hợp ý thì thưởng cho năm thỏ bạc, lại còn thêm một tạ gạo, hai con lợn, ba đàn rượu.

Gác xây xong, nhà giàu nọ kiểm tra hết trong đến ngoài, không tìm ra thiếu sót gì, phải trả công theo điều kiện đã thỏa thuận. Nhà giàu cho gia đình dắt ra năm con ngựa, cho xếp hàng, trên ngang lưng chúng đặt một tấm ván to, trên ván cho đặt một mảnh bạc còn nhỏ hơn móng tay. Nhà giàu nói : *"Đây là năm ngựa thỏ bạc"*. Sau đó y còn mang ra những hạt gạo đựng trong chiếc vỏ trứng gà và nói : *"Đây là" một* **trứng** *gạo" thưởng thêm"*(1). Sau đó, tên nhà giàu còn lấy ra hai con nhện trong hộp giấy, nói : *"Đây là hai* **con nhện"**. Cuối cùng, y nhúng ngón tay vào chung rượu chỉ đến nửa rồi vẩy ba lần, nói với Trương Ban : *"Đây là ba* **vẩy** *rượu"*.

Ở đây, tên nhà giàu đã lợi dụng sự hài âm của *"một* **trứng** *gạo"*, *"hai* **con nhện"**, *"ba* **vẩy** *rượu"* với *"một* **tạ gạo"**, *"hai* **con lợn"**, *"ba* **đàn** *rượu"*(2), lợi dụng tính đa nghĩa của *"năm ngựa thỏ bạc"* để từ đó làm lẫn lộn phải trái, là âm mưu quỵt nợ. Nếu ban đầu mà viết ra bằng chữ, quy định hàm nghĩa chặt chẽ thì trò ngụy biện của tên nhà giàu nọ chắc chắn sẽ không thực hiện được.

---

(1) Tên đọc Bắc Kinh giống nhau, ở những chữ in đậm (đây là hiện tượng đồng âm và gần âm).担(dàn) gánh, tạ đồng âm với 蛋(dàn) trứng.

(2) Âm đọc Bắc Kinh giống nhau, ở những chữ in đậm (đây là hiện tượng đồng âm và gần âm). 只猪 (zhī zhū) con lợn,đồng âm với 蜘蛛 (zhī zhū) con nhện; 坛 (tán) đàn, nậm đồng âm với 弹 (tán) rẩy.

14. MƯỢN CÁCH ĐA NGHĨA

Trong ngôn ngữ tự nhiên, có lúc cùng một câu mà có thể biểu đạt những hàm nghĩa khác nhau. Đó là hiện tượng đa nghĩa.

Chẳng hạn, có vị sư trụ trì hỏi các sư : *"Có bài kệ nội dung là :*

"Miên miên âm vũ lưỡng nhân hành,
Nại tri thiên bất lâm nhất nhân ?"

Các đồ đệ có thể nói ra ý nghĩa không ?"

Một hòa thượng nói : *"Đây là vì có một người mặc áo tơi, còn người kia không mặc".*

Một hòa thượng khác nói : *"Đây là cơn mưa cục bộ (phạm vi hẹp), cho nên một người bị ướt, một người không".*

Lại một hòa thượng nói : *"Đó là một người đi giữa lòng đường còn người kia thì đi dưới mái hiên bên đường".*

Họ tranh luận với nhau, không đi đến kết quả.

Cuối cùng sư trụ trì giải thích rằng : *"Các đệ tử chỉ câu nệ ở những chữ "bất lâm nhất nhân" thì đương nhiên là không thể phát hiện ra chân lí. Nói là "bất lâm nhất nhân", thế chẳng phải là nói hai người đều bị ướt cả sao ?"*

"Bất lâm nhất nhân" ở đây là đa nghĩa. Nó có thể chỉ rằng một người không ướt, cũng có thể là không chỉ một người bị ướt, mà là hai người đều bị ướt. Sư cụ trụ trì đã lợi dụng tính đa nghĩa này mà khó dễ cho các chúng tăng.

Trong biện luận, người ngụy biện thường là lợi dụng tính đa nghĩa để đạt mục đích làm lẫn lộn phải trái, đảo lộn trắng đen. Đó chính là ngụy biện kiểu *Mượn cách đa nghĩa.* Tên nhà giàu trong ví dụ sau là như vậy :

Có mấy người nghèo đến nhà tên nhà giàu nọ, nói với y rằng : *"Chúng tôi có việc muốn ông giúp cho, mong rằng ông không chối từ".*

"Tôi sẽ cố !" Nhà giàu nói.

"Thứ nhất, ông hãy đồng ý cho một người bạn chúng tôi vay một ngàn đồng vàng. Anh ta cần gấp, và chúng tôi đều tình nguyện đảm bảo cho anh ta. Thứ hai, ông hãy đồng ý cho anh ta sau một năm thì trả".

"Các hạn, nếu người ta đã để đạt nguyện vọng, mà ai đó chỉ đáp ứng một nửa, vậy cũng không thể coi là keo kiệt chứ ?"

"Đương nhiên rồi". Mọi người cùng đáp.

"Đã vậy thì tôi đáp ứng một nửa nhé ! Tôi đồng ý thỏa mãn yêu cầu thứ hai của các anh, xuất phát từ lòng kính trọng đối với các vị, tôi thậm chí có thể kéo dài thời hạn cho vay là đến hai năm. Thế nhưng, hãy đi mà vay mượn người khác đi !"

"Đáp ứng một nửa điều kiện" vốn là nói đáp ứng một nửa số tiền cho vay mượn. Tên nhà giàu đã lợi dụng tính mơ hồ, tính đa nghĩa của câu nói này mà lén đổi ra thành một trong hai điều kiện. Đây là ngụy biện kiểu *Mượn cách đa nghĩa.*

Chúng ta muốn vạch trần mánh khóe ngụy biện *Mượn cách đa nghĩa* của đối phương, trước hết phải làm rõ hàm ý của khái niệm, mệnh đề hữu quan. Khi hàm ý của khái niệm và mệnh đề đã rõ ràng thì ngụy biện theo kiểu *Mượn cách đa nghĩa* sẽ hết phép hiện ra. Chẳng hạn :

A và B cãi nhau rồi đánh cuộc. A nói với B :

"Anh hãy trả lời một câu hỏi, nếu đúng, tôi sẽ mời anh đi nhà hàng ; nếu sai, anh phải mời tôi đi. Nhưng với một điều kiện là chỉ được trả lời một lần".

B nói : *"Được, cứ hỏi !"*

A nói : *"Nhật lớn hay nguyệt lớn ?"*

B nghe xong, suy nghĩ một lát rồi trả lời : *"Trước khi tôi trả lời, xin anh hãy giải thích cho, hàm nghĩa của "nhật" và "nguyệt" là gì ?"*

A nghe vậy, lúng túng cười : *"Anh hỏi khá lắm, coi như anh thắng !" "Nhật"* và *"nguyệt"* đều đa nghĩa. Chúng vừa có nghĩa là *mặt trời, mặt trăng*, lúc này thì *"nhật"* lớn hơn *"nguyệt"* ; chúng còn có thể chỉ nghĩa đơn vị thời gian là : một ngày, một tháng, lúc này thì *"nguyệt"* lớn hơn *"nhật"*. B đã nhìn thấu được ý đồ ngụy biện của đối phương, và trước hết đã yêu cầu đối phương xác định rõ hàm nghĩa của *"nhật", "nguyệt"*. Như vậy, âm mưu ngụy biện của đối phương đã bị phá sản.

15. TRUY HỎI XẢO TRÁ

Thuật ngụy biện kiểu *Truy hỏi xảo trá* là một phương pháp ngụy biện chỉ việc người ngụy biện cố tình dùng câu hỏi giả định hàm chứa một sự giả dối nào đó để vặn hỏi đối phương, và đối phương dù trả lời *"vâng"* hay *"không"* đều là thừa nhận giả định giả dối này, theo cách đó mà lừa cho người ta vào tròng rồi từ đó mà gán cho người ta một quan điểm sai lầm nào đó.

Ta hãy quan sát đoạn thoại trong cuộc biểu diễn nghệ thuật như sau :

A : *Anh đánh lộn bao giờ chưa ?*

B : *Chưa.*

A : *Anh đã bao giờ làm nhục phụ nữ chưa ?*

B : *Chưa.*

A : *Anh móc túi và bị bắt rồi phải không ?*

B : *Chưa. Không đúng, tôi đã bao giờ đi móc túi nào ?*

Ở đây, câu hỏi thứ ba của A là *Truy hỏi xảo trá. "Anh móc túi và bị bắt bao giờ rồi ?"* đã giả định "Anh từng móc túi người ta", và giả định này là giả dối đối với B.

Bởi vậy, nếu câu hỏi này mà trả lời đơn giản là *"vâng"* thì chứng tỏ là từng đi móc túi và từng bị bắt. Còn nếu trả lời *"không"* thì chứng tỏ là mình trước kia có đi móc túi mà chưa hề bị bắt. Dù B có trả lời là *"vâng"* hay *"không"* thì đều thừa nhận đã từng đi móc túi. A đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Truy hỏi xảo trá* để lừa đối phương vào tròng, từ đó mà ghép cho họ cái tội không đáng có. Lại ví dụ :

Trong tiểu thuyết *Cá vàng* của Pê-ru có câu chuyện sau :

Thuyền trưởng La-pas trên con tàu Qua-ta-ru-phây bắt anh thợ đánh cá Hu-xu-ê cùng đi buôn lậu. Hu-xu-ê không chịu và đã đánh nhau với thuyền trưởng. Thuyền trưởng trượt chân ngã xuống biển, rồi bị cá mập ăn thịt. Vợ thuyền trưởng đã kiện Hu-xu-ê ra tòa với tội mưu sát. Vì vậy, tòa hình sự đã xét xử. Quan tòa hỏi :

"Anh vốn đã hận thù đối với người bị hại phải không ?"

"Không phải là người bị hại, bởi vì đây không phải là hành vi phạm tội." Hu-xu-ê sửa lại, *"Đây là một sự cố bất ngờ."*

"Anh chỉ được trả lời, không được vô lễ. Ở đây, sử dụng từ nào là việc của tôi. Anh là bị cáo dù rằng có tội hay không."

"Xưa nay tôi chưa hề nghĩ tới là có hận thù hay không. Thưa ngài."

Như ta thấy, ở đây, quan tòa đã chơi cái trò ngụy biện kiểu *Truy hỏi xảo trá*. Với câu hỏi của ông ta : *"Anh vốn đã hận thù đối với người bị hại phải không ?"* Nếu trả lời "vâng" thì chứng tỏ thừa nhận thuyền trưởng là người bị hại và từ trước mang lòng hận thù với thuyền trưởng. Nếu trả lời "không" thì chứng tỏ "thuyền trưởng là người bị hại", "bản thân gần đây mới hận thù thuyền trưởng". Và dù thế nào thì đều thừa nhận là "người bị hại" và "bản thân có hận thù đối với thuyền trưởng."

Muốn đối phó với ngụy biện kiểu *Truy hỏi xảo trá* thì phải vạch trần giả định giả dối trong câu hỏi của kẻ ngụy biện và phủ định dứt khoát.

Một nhà ngụy biện cổ Hi Lạp đã đặt câu hỏi cho một nhà triết học có tên là Mai-nê-đơ-nô rằng :

"Anh phải chăng đã thôi không đánh bố của anh nữa ?"

Mai-nê-đơ-nô dù trả lời *"vâng"* hay *"không"* thì đều thừa nhận là mình đánh bố. Trả lời là *"vâng"*, chứng tỏ trước từng đánh và nay thì không đánh nữa. Trả lời là *"không"* thì chứng tỏ trước từng đánh và nay vẫn còn đánh. Vì vậy, Mai-nê-đơ-nô trả lời :

"Tôi hoàn toàn không có vấn đề là phải chăng đã thôi không đánh bố mình. Bởi vì, dù trước đây hay giờ đây, tôi đều không đánh bố tôi." Như vậy, đã làm cho cái ngụy biện của đối phương thất bại.

16. LẠM DỤNG NHÂN HÓA – VẬT HÓA

Nhân hóa – vật hóa là phương pháp miêu tả bằng cách coi người là vật hoặc coi vật là người. Trong biện luận, biết sử dụng thích hợp phương pháp này cũng có thể làm cho lời biện luận của chúng ta sinh động, giúp cho việc biểu đạt tình cảm yêu ghét càng rõ ràng, tươi tắn. Cũng vậy, kẻ ngụy biện cũng thường mượn cách nhân hóa – vật hóa để làm lẫn lộn phải trái. Đó là ngụy biện theo kiểu *Lạm dụng nhân hóa – vật hóa.*

Một hình thức ngụy biện kiểu *Lạm dụng nhân hóa – vật hóa* là nhân hóa, tức là miêu tả vật thành người. Chẳng hạn, trong tiểu thuyết *AQ chính truyện* của Lỗ Tấn, AQ đã tranh luận với ni cô như sau :

AQ bước đến bên tường am tịnh tu, ngó quanh không một ai cả, liền trèo lên bức tường thấp, nhảy vào trong. Y mừng rỡ khi phát hiện ra một thửa rau cải củ. Thế là y thụp xuống nhổ, nhổ vội được bốn củ, vặn sạch lá, nhét vào vạt áo. Thế nhưng bà vãi đã bước ra.

"A-Di-Đà phật, AQ, sao anh lại nhảy vào vườn mà ăn cắp củ cải ;... Ái chà, tội lỗi, ái dà, A-Di-Đà phật !..."

"Tôi nhảy vào vườn rau nhà bà ăn cắp củ cải bao giờ ?" "AQ vừa ngó vừa đi mà hỏi vặn lại.

"Bây giờ... chẳng phải thế sao ?" Bà vãi chỉ vào vạt áo của y.

"Đây là của bà ? Bà có thể bắt nó trả lời bà được chăng ? Bà..."

Củ cải là thực vật, không phải là người, làm sao nói chuyện được. Thế nhưng AQ sau khi ăn cắp củ cải người ta, để chối cãi, đã coi củ cải là người yêu cầu đối phương bắt củ cải đáp lời thì mới coi là của bà ta. Đó là lợi dụng nhân hóa để làm lẫn lộn phải trái, để cãi bừa. Lại ví dụ :

Có một "học giả" vô công rồi nghề hay ninh bợ nọ, một hôm, ông ta mua được 6 con chim sẻ Trung Quốc ở chợ, liền quyết định mang đi lấy lòng quốc vương.

Theo tập quán nước này, 7 là con số đại cát đại lợi, nếu dâng 6 con thì quốc vương chắc sẽ không vui lòng. Quốc vương mà tức giận thì phiền to.

Thế nhưng, chim sẻ Trung Quốc chỉ có 6 con, làm sao đây ? Ông ta nghĩ mãi, nghĩ mãi, rồi cuối cùng đi đến quyết định là trà trộn vào một con chim sẻ nước mình vào cho đủ 7 rồi đó dâng lên quốc vương.

Quốc vương thấy chim quả nhiên mừng rỡ. Nhà vua ngắm nghía chúng từng con một. Bỗng nhiên phát hiện có một con chim sẻ của nước mình lẫn vào, cơn giận bùng lên, nhà vua hỏi ông ta :

"Cái gì vậy ? Phải chăng ngươi tự thị học nhiều biết rộng, chê ta dốt nát ?"

"Học giả" nghe thế, biết mình có tai họa lớn rồi, chân tay bủn rủn. Bỗng nhiên ông ta nghĩ ra một cớ, vội hỏi quốc vương :

"Bệ hạ, con chim sẻ nước mình là con phiên dịch".

Chỉ có con người mới có ngôn ngữ và các dân tộc khác nhau thì có tiếng nói khác nhau. Muốn ra nước ngoài thì lại nảy sinh vấn đề phiên dịch. Còn động vật thì không có tiếng nói, thì cần gì phiên dịch. Cái ông "học giả" nịnh bợ nọ đứng trước cái nguy, chỉ nhíu mày một cái là nảy ra mưu kế. Dùng cách nhân hóa mà nói con chim sẻ này là một anh phiên dịch, lấy đó để đạt mục đích giải thoát cho mình. Đương nhiên quốc vương không phải là học giả, điều ông ta coi trọng không phải là cách biểu đạt và suy lí chặt chẽ của khoa học, ông ta chỉ thích cái bợ đỡ của thần dân. Và thế là "lòng trung" và sự "xảo trá" của nhà "học giả" đã được quốc vương tiếp nhận một cách vui vẻ.

Ngụy biện theo cách *Lạm dụng nhân hóa – vật hóa* cũng biểu hiện ra thành vật hóa, tức là miêu tả người là vật, từ đó mà công kích vào tư cách con người đối phương.

17. DÙNG CÁCH ĐỐI NGẪU

Đối ngẫu là một phương pháp sử dụng hai câu có kết cấu đối xứng, số chữ bằng nhau để biểu đạt ý nghĩa tương tự, tương phản hoặc tương quan. Phương pháp đối ngẫu trong biện luận của người ta thuở xưa thường được dùng đến. Cũng vậy, nó được những người ngụy biện ưa dùng. Người ngụy biện, để đạt được mục đích chinh phục đối thủ, thường bất ngờ đưa ra câu đối bắt đối phương đối, nếu đối không được hoặc đối không xác đáng thì người ngụy biện sẽ chiếm ưu thế. Chẳng hạn :

Cuối thế kỉ 19, liên quân 8 nước Mĩ, Anh, Pháp, Nga, Đức, Ý, Áo, Nhật đã tiến công Trung Quốc một cách điên cuồng, lần lượt chiếm Thiên Tân và Bắc Kinh. Nhà Thanh đối bại hoàn toàn không đủ sức chống lại, vội quỳ gối cầu hòa. Một lần, nhà Thanh "nghị hòa" với 8 nước. Hội nghị trước khi bắt đầu, có một đại diện nước đế quốc định nhân dịp này mà làm nhục Trung Quốc, và tỏ rõ tài năng của mình. Hắn ta rời bàn đứng lên mặt thâm hiểm nói với đại diện nhà Thanh :

"Tôi nghe nói Trung Quốc các anh có một hình thức văn học độc đáo gọi là câu đối, yêu cầu từ ngữ đối xứng, âm điệu hòa hợp, chặt chẽ cân đối. Bây giờ tôi đưa ra vế trên, các anh đối lại. Vế ra của tôi là : "Tì bà cầm sắt bát đại vương, vương vương tại thượng", hãy đối đi !"

Đại biểu 8 nước lập tức hiểu ra hàm ý của y, cười ngặt nghẽo, vỗ tay hoan hô, miệt thị các đại diện Trung Quốc, xem họ đối đáp ra sao. Thế nhưng, đại diện chính phủ nhà Thanh thối nát bạc nhược đứng trước sự khiêu khích và trêu chọc của bọn đế quốc, tuy là bất bình nhưng không đối đáp ngay được, đành cười trừ. Đại diện 8 nước càng được thể đắc ý, cười hô hố. Chính lúc đó thì một thư kí của đại diện chính phủ nhà Thanh đứng vụt lên, nghiêm nghị đưa mắt nhìn toàn cảnh. Tất cả bỗng vụt im lặng. Phút chốc ông này dõng dạc nói :

"Đã là người nước ngoài nghĩ ra được vế xuất thì người Trung Quốc cũng có thể đưa ra vế đối ! Vế dưới là : "Si muội võng lưỡng tứ tiểu quỷ, quỳ quỳ phạm biên" !" (chỉ bọn người xấu các kiểu đi xâm lược).

Vế đối đối rất chặt chẽ mà từ ngữ đối đáp sắc sảo làm bọn chúng giật mình, tên khiêu khích ngơ ngác ngạc nhiên rồi ngây mặt nhìn.

Liên quân 8 nước trong cuộc biện luận này đã *Dùng cách đối ngẫu,* lấy *"bát đại vương", "vương vương tại thượng"* để tỏ rõ cái ngạo ngược diệu vũ dương oai, khinh thường của chúng. Và vế đối của vị thư kí nọ đã chỉ trích hành động xâm phạm biên giới Trung Quốc của đối phương bằng từ "tiểu quỷ", đã phản kích mạnh mẽ bọn chúng.

Muốn đối phó lại sự khiêu khích bằng thuật *Dùng cách đối ngẫu* của kẻ ngụy biện. Chúng ta cần có cơ sở ngữ ngôn học vững vàng và khả năng tùy cơ ứng biến khéo léo, để có thể luôn luôn nghĩ ra được những câu xác đáng mà đối lại. Chẳng hạn, Ngụy Nguyên là nhà văn đời Thanh, từ nhỏ ông tính tình thẳng thắn, rất ghét cái xấu. Ở quê ông có một cử nhân vô sỉ mà bất tài, chỉ giỏi cái trò ăn cắp thơ người khác. Một lần bị cậu bé Ngụy Nguyên 11 tuổi vạch chân tướng, cử nhân ngượng quá hóa khùng, liền nghĩ cách nhân đề mà mở rộng để báo thù. Hắn chỉ vào cây nến trong đèn lồng, nói :

"Yên trâm lạc chúc, chúc nội hữu tâm, tâm trung hữu hỏa".

Ngụy Nguyên đối lại ngay :

"Chí hồ đăng lung, lung biên đa cương, nhân lí vô châu".(1)

Cử nhân bị chửi, vẫn không chịu, giận dữ nói :

"Tiết tiểu khí đại nại vị tiêm".

Ngụy Nguyên lập tức trả miếng :

"Ngu khuyển xưng vương tức vi cuồng"(2)

Cử nhân những tưởng dùng đối ngẫu để báo thù cậu bé Ngụy Nguyên, thế nhưng Ngụy Nguyên đã ứng đối khéo léo, và đã làm cho cử nhân tự cao tự đại nọ đỏ mặt tía tai mà bối rối.

---

(1) Vế ra nghĩa là : Khói hun nến, nến có tim nến, trong tim có lửa. Vế đối nghĩa là : Đèn lồng phết giấy, bên lồng có dây, trong mắt không tròng

(2) Vế ra nghĩa là : Bé tí xíu mà chọc ghẹo người lớn thật gớm ghê. Vế đối nghĩa là : Chó ngu xưng vua tức là điên..

18. LẠM GIẢI THÀNH NGỮ

Thành ngữ là những ngữ cố định có hàm nghĩa và kết cấu xác định và được nhân dân quen dùng. Thế nhưng thành ngữ khác với tổ hợp từ khác, nó thường có kết cấu cố định, không được tùy tiện thay đổi, tăng giảm. Thành ngữ có hàm nghĩa xác định, hàm nghĩa của nó không thể hiểu một cách đơn giản là tập hợp nghĩa các bộ phận tạo thành nó, mà là mấy bộ phận đó ghép lại, tạo nên một nghĩa hoàn chỉnh không thể chia cắt. Thế nhưng có người ngụy biện hoặc là do không hiểu biết hoặc là do nhu cầu ngụy biện mà thường bóp méo hàm nghĩa của thành ngữ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Lạm giải thành ngữ*. Ví dụ :

Những năm 30, Trần Tế Thường khởi binh đánh Tưởng. Trước trận đánh, có tìm thầy bói đến xem lành dữ. Bốc được quẻ có 4 chữ :

"Cơ bất khả thất"

Thế là, Trần Tế Thường quyết định xuất quân. Ông cho mấy chiếc máy bay oanh tạc quân Tưởng. Không ngờ, bọn phi công đã bị phía Tưởng mua chuộc, vừa cất cánh đã hàng quân Tưởng. Quân của Trần hoang mang, cuối cùng thất bại. Khi ông truy xét ông thầy bói thì ông này rành rọt nói :

"Tôi nói "cơ bất khả thất" mà. Sao vừa mở màn đã làm mất đi phi cơ nhỉ ?

"Cơ bất khả thất" là một thành ngữ, nó có kết cấu cố định, hàm nghĩa xác định. Hàm nghĩa của nó là nắm lấy thời cơ mà hành động. Điều này không thể tùy ý bóp méo. Khi Trần đánh thắng Tưởng thì ông ta đương nhiên sẽ nói bói trúng. Nhưng đánh mà thua, thì cố tình sửa lại là "không được làm mất phi cơ". Thật là xảo trá hết chỗ nói.

Đương nhiên, ngụy biện theo kiểu *Lạm giải thành ngữ* cũng có trường hợp hiểu sai mà giải thích bừa. Có câu chuyện tiếu lâm như sau :

Xưa kia có một tú tài tự cho mình đầy bụng chữ. Một hôm, ông ta đến chơi nhà bạn, người bạn bưng ra một khay tuyết lê và táo đỏ mời nếm thử. Thấy tuyết lê và táo đỏ, tú tài nghĩ tới một thành ngữ : *tai lê họa táo*. Và ông ta định chứng tỏ học vấn uyên thâm của mình, liền nói với bạn :

"Còn nhớ người xưa nói. "Tai lê họa tảo" *không ? Đó tức là nói :* ăn lê ăn táo thì dễ bị tai họa. Xem ra, lê và táo này không nên ăn".

"Tai lê họa táo" vốn là chỉ in bừa những sách vô dụng, vì làm bản khắc gỗ mà cây lê cây táo bị chặt oan. Bạn do lòng tốt mà khoản đãi anh ta, nhưng ông ta *Lạm giải thành ngữ* mà nói bừa nói bãi làm ta vừa tức vừa cười.

19. SO SÁNH SAI LẦM

So sánh là một phương pháp biện luận cùng nêu ra hai hoặc hơn hai sự vật hoặc là các mặt khác nhau bên trong một sự vật để đối chiếu với nhau. Sử dụng phương pháp so sánh cần chú ý là tiêu chuẩn so sánh phải đồng nhất, tiêu chuẩn phải hợp lí, tư liệu phải chân thực, phân tích phải toàn diện, việc so sánh và suy đoán phải có mối liên hệ tất nhiên. Nếu đi ngược lại các điểm nêu trên thì loại so sánh này là sai lầm. Thế nhưng người biện luận vẫn thường dùng hình thức so sánh sai lầm để bào chữa cho cái sai của mình. Đó chính là ngụy biện kiểu *So sánh sai lầm.*

Ngụy biện kiểu *So sánh sai lầm* có những biểu hiện như sau :

(1) Tư liệu để so sánh không chân thực.

Ông nông dân họ Vương quyết định xây một cái kho. Ông ta mời một thợ xây, thảo luận về ngày công và tiền công. Thợ xây nói : *"Cái kho này xây trong 10 ngày, tiền công của tôi là 6 đồng/1 ngày, cộng cả thảy là 60 đồng. Thế nhưng còn cần phải có một trợ thủ nữa".*

"Tôi sẽ làm trợ thủ cho anh, không cần tìm ai nữa". lão Vương nói. Nhà kho đã xây xong đúng kì hạn, lão Vương chỉ trả thợ xây 50 đồng. Thợ xây cho rằng còn thiếu 10 đồng. Lúc này lão Vương lại nói :

"Được rồi, chú em, đừng có tham nữa. Chú xem chú mới làm có mấy ngày đã kiếm được khối tiền. Còn tôi thì sao, giúp việc cho chú đến những 10 ngày mà chẳng kiếm được lấy một xu !"

Lão Vương đã so sánh thợ xây với mình, nói rằng bản thân *"chẳng kiếm được lấy một xu"* là giả dối. Vì ông ta đã được cả nhà kho. Nhà kho là kết tinh lao động của họ, là cái có giá trị.

(2) Tiêu chuẩn so sánh không hợp lí

Lí Đông Dương là nhà thơ đời Minh, ông có một con ngựa tốt và ông đem tặng người bạn là Trần Sư Triệu. Trần Sư Triệu cưỡi con ngựa này vào triều, trên đường đi đã làm hai bài thơ. Sau khi trở về, ông trả ngựa lại cho Lí Đông Dương, nói :

"Bình thường tôi cưỡi ngựa vào triều, cả đi lẫn về làm được 6 bài thơ. Cưỡi con ngựa này, chỉ làm được có hai bài, vậy trả nó cho ông thôi, đây không phải là ngựa tốt".

Lí Đông Dương cười mà nói : *"Ngựa tốt là phải chạy nhanh"*.

Trần Sư Triệu nghĩ ngợi hồi lâu, gật đầu rồi lại cưỡi con ngựa đó.

Ta thấy Trần Sư Triệu đã lấy việc làm được bao nhiêu bài thơ mà làm tiêu chuẩn đánh giá ngựa tốt hay xấu. Tiêu chuẩn này không hợp lí.

(3) Tiêu chuẩn so sánh không thống nhất.

Trong *Cáo Tử Hạ. Mạnh Tử* có đoạn biện luận như sau :

Nhiệm Nhân hỏi Ốc Lư Tử rằng : *"Lễ và thực, cái nào quan trọng ?"* Ốc Lư Tử đáp : *"Lễ quan trọng"*.

"Sắc và lễ, cái nào quan trọng ?"

"Lễ quan trọng".

"Dùng cách thức của lễ để lấy thức ăn thì sẽ không có được thức ăn rồi đói mà chết. Không dùng cách thức của lễ mà lấy thức ăn, sẽ có được thức ăn. Vậy thì phải chăng cứ nhất thiết phải tuân thủ lễ ? Cưới xin đàng hoàng thì sẽ không có được vợ. Không cưới xin đàng hoàng thì có thể có được vợ. Vậy thì có nhất định phải cưới xin đàng hoàng không ?"

Ốc Lư Tử không trả lời được, liền đi hỏi Mạnh Tử, Mạnh Tử nói :

"Vấn đề này thì có gì khó ? Nếu không đo mông nhà mà chỉ so sánh cái nóc thì một mảnh gỗ chỉ dày một tấc thôi nhưng đặt trên điểm cao cũng có thể cao hơn lầu cao. Vàng nặng hơn lông, nhưng sao lại có thể nói ba phân vàng nặng hơn một xe lông được ? Lấy mặt quan trọng của ăn so sánh với tiểu tiết của lễ thì đâu phải chỉ thực là quan trọng ? Lấy mặt quan trọng của hôn nhân mà so sánh với tiểu tiết của lễ thì đâu chỉ có lấy vợ là quan trọng ? Anh có thể trả lời anh ta như thế này : Bẻ gãy cánh tay của anh ruột, cướp lấy thức ăn trong tay anh ta sẽ có được cái để ăn. Không bẻ gãy cánh tay của anh ruột, thì không có được cái ăn. Vậy anh có đi mà bẻ không ? Trèo qua tường nhà hàng xóm mà về lấy con gái người ta thì có thể lấy được vợ, không về lấy thì không có vợ. Vậy anh có đi mà về không ?"

Trong biện luận với Ốc Lư Tử, Nhiệm Nhân đã dùng phương pháp so sánh. Thế nhưng tiêu chuẩn để so sánh không đồng nhất. Mạnh Tử đã phản bác lại cái ngụy biện kiểu này một cách xuất sắc. Cũng vậy, Mặc Tử cũng từng có sự phân tích rất hay đối với kiểu ngụy biện này :

"Khác loại không so sánh".

"Gỗ và đêm cái nào dài ? Cái trí và hạt kê cái nào nhiều ?"

Sự vật không cùng loại thì không được so sánh. Gỗ thì so với gỗ, đêm đông thì so với đêm ngày hè. Gỗ không thể so với đêm. Cũng vậy, trí tuệ và hạt kê cũng không thể so sánh trên cùng một tiêu chuẩn.

20. LẠM DỤNG YÊU CẦU CHÍNH XÁC

Để biện luận tiến hành thuận lợi, từ ngữ sử dụng phải hết sức chính xác, câu cú sử dụng cũng không được đa nghĩa. Thế nhưng, yêu cầu về tính chính xác này là không thể tuyệt đối và không phải đều cần thiết trong mọi trường hợp. Nếu ở những chỗ không đòi hỏi thật chuẩn xác mà lại bới lông tìm vết thì thường là dẫn đến ngụy biện theo kiểu *Lạm dụng yêu cầu chính xác.*

Ví dụ, văn học nghệ thuật là sự phản ánh cuộc sống hiện thực, nhưng lại không phải là sự miêu tả khách quan thuần túy đối với đời sống hiện thực, và nếu ta không biết điều này mà cứ tùy ý phê phán thì sẽ dẫn tới ngụy biện.

Một cô gái học Sinh vật yêu một chàng trai học Văn, trong một lần cùng dạo chơi, anh chàng sôi nổi đọc hai câu thơ :

Xuân tàm đáo tử ti phương tận,
Lạp cự thành khôi lệ thủy can.

(Nghĩa là : Tằm xuân đến chết mới hết nhả tơ, Cây nến thành tro thì giọt nước mắt mới khô)

Đang say sưa thỏa mãn thì cô gái dội một gáo nước lạnh : *"Thật buồn cười ! Con tằm xuân nhả tơ làm ra cái kén, sau khi biến thành nhộng thì bay ra con ngài, nó đâu có chết, thật là ngốc !"*

"Đây là cổ thi, là thơ của Lí Thương Ẩn !" Chàng trai giải thích.

"Vậy thì Lí Thương Ẩn cũng là đồ ngốc !"

Hai người cãi nhau, không ai chịu ai. Cuối cùng chán quá mà bỏ nhau.

Câu thơ của Lí Thương Ẩn *"Xuân tàm đáo tử ti phương tận, Lạp cự thành khôi lệ thủy can"*, là tiếng hát trái tim của tình yêu mà ngàn đời truyền tụng, hoàn toàn không phải là sự miêu tả khoa học đối với quá trình sinh trưởng phát dục của con tằm từ giác độ sinh vật học, mà chỉ là mượn hình tượng nghệ thuật con tằm và cây nến để kí thác mối sầu tương tư quặn thắt tâm can và tình yêu không bao giờ phai nhạt. Cô sinh viên nọ đâu có hiểu được ý tứ của thơ và hoàn cảnh lúc đó, mà rồi phê phán gay gắt với thơ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Lạm dụng yêu cầu chính xác.* Lại ví dụ :

Nhà thơ Anh Jê-ni-sơn từng viết bài thơ, trong đó có mấy câu là :

Mỗi phút trôi qua là một người chết đi,
Mỗi phút qua đi là một người sinh ra.

Khi thơ được đăng, có nhà toán học gửi thư chất vấn :

"Ngài kính mến, đọc tác phẩm của ngài ai cũng thích. Thế nhưng có mấy dòng không hợp logic, thật khó mà tán thành. Theo cách tính của ngài thì mỗi phút có người sinh ra và chết đi bằng nhau, vậy là dân số thế giới luôn luôn không thay đổi. Nhưng ngài biết đấy, thực tế thì dân số thế giới là không ngừng tăng. Nói chính xác là bình quân mỗi phút có 1,6749 người sinh ra, điều này khác xa với con số mà ngài nêu ra trong thơ. Để phù hợp với tình hình thực tế, nếu ngài không phản đối, tôi đề nghị ngài phân số $1\frac{1}{6}$ *, vậy sửa lại câu thơ là :*

Mỗi phút trôi qua là một người chết đi,
Mỗi phút qua đi là một và một phần sáu người sinh ra".

Câu thơ này của nhà thơ chỉ là nói một cách hình ảnh rằng trên trái đất từng giờ từng phút đều có người chết đi và lại có người sinh ra, hoàn toàn không nhằm mục đích cung cấp số liệu cụ thể về sự thay đổi dân số trên thế giới. Như ta đã thấy, lời phê phán của nhà toán học nọ thật buồn cười và đó chính là ngụy biện theo kiểu *Lạm dụng yêu cầu chính xác.*

Trong cuộc sống thường nhật, những câu nào đó do có sắc thái tình cảm nhất định mà không thể phù hợp với thực tế khách quan 100/100, thế nhưng ý nghĩa vẫn rõ ràng và cơ bản là phù hợp với sự thực. Và ở đây đã có những người ngụy biện thường hay bới lông tìm vết, bắt bẻ câu chữ chi li.

Người tiêu dùng nói : *"Cái dù nhà máy các ông sản xuất sao hay thấm nước ?"*

Người nhà máy đáp : *"Đừng phóng đại là* **hay**, *chỉ khi mưa mới thấm nước, có đúng vậy không ?"*

Chất lượng của dù không được muốn thấm nước thì cho nó thấm. Thế nhưng, người của nhà máy lại cố tình bắt bẻ câu chữ trên từ *hay.*

Ngoài ra, hai bên tranh luận trong hoàn cảnh ngữ ngôn cụ thể thường hay tỉnh lược thành phần đã rất rõ ràng, và kẻ ngụy biện lại thường hay từ đó mà sinh sự. Chẳng hạn :

A và B gặp nhau vào buổi trưa, lúc đó chưa có người thứ 3.

A : *"Ăn cơm chưa ?"*

B : *"Anh hỏi ai đấy ?"*

A : *"Tôi hỏi anh mà, còn ai nữa ?"*

B : *"Tôi phải trả lời anh sao đây ?"*

A : *"Ăn rồi là ăn rồi, chưa ăn là chưa ăn, chẳng phải đơn giản thế sao ?"*

B : *"Vấn đề là cơm sáng, cơm trưa hay cơm tối, là hôm nay, ngày mai hay ngày mốt đây ?"*

21. LẠM DỤNG SẮC THÁI KHEN CHÊ

Từ đồng nghĩa trong ngôn ngữ học là chỉ những từ có ý nghĩa giống hoặc gần giống nhau. Tuy chúng có ý nghĩa giống nhau hoặc gần giống, nhưng lại không hoàn toàn như nhau. Sự phân biệt giữa chúng có lúc biểu hiện ở chỗ sắc thái khen chê xấu tốt của nghĩa từ khác nhau. Và ở đây người ngụy biện sẽ lạm dụng sắc thái khen chê này để khen mình chê người, khen cái mình ưa, chê cái mình ghét. Từ đó mà làm lẫn lộn phải trái và đạt mục đích ngụy biện. Đó là ngụy biện kiểu *Lạm dụng sắc thái khen chê*, cũng có người gọi là ngụy biện kiểu *Ngôn ngữ tình cảm*

Ngụy biện kiểu *Lạm dụng sắc thái khen chê* trong nhiều trường hợp là khen mình hoặc người mình ưa thích, chê đối phương hoặc người mình không ưa. Chẳng hạn, cũng là người cố chấp, người thích anh ta thì nói là *"nói một là một, nói hai là hai"*, *"lập trường kiên định"* ; người ghét anh ta thì nói là *"bướng bỉnh"*, *"ngoan cố"*. Cũng là người thay đổi ý kiến, nhưng nếu ưa thì bảo là *"biết phục thiện"*, ghét thì bảo là *"nuốt lời"*. Cũng là nhân viên nhà nước, nhưng thích thì nói là *"đầy tớ nhân dân"*, ghét thì nói là *"chức dịch"*. Cũng là hung thủ giết người, nhưng là người bên mình thì nói là *"anh dũng"*, là người bên đối phương thì nói là *"tàn ác"* v.v...

Ví dụ, nói bà mối là người giỏi ngụy biện kiểu này, dù trường hợp nào đều nói ra tốt đẹp cả, hiếm khi nói xấu người ta, dù là bất chợt có nói ra một câu gì đó thì cũng là để nhằm mục đích chứng minh bản thân toàn nói sự thực. Chẳng hạn, với người nhà nghèo khó thì nói là cha mẹ không phải là người ham hố đua chen, mà giữ nếp nhà chân chất ; với người trí tuệ thấp cũng không sao, nếu là nam thì bảo là thành đạt muộn, nếu là nữ thì bảo là đoan trang ; với người mồm mép thì nói là rất có cá tính ; với người hiếu động là nữ thì bảo là nhanh nhảu hoạt bát, là nam thì bảo là giao tiếp rộng. Đó là điển hình của việc *Lạm dụng từ có sắc thái khen chê.*

Có người đặt định lí : *anh – tôi – nó*, đây là đoạn rất sinh động về lối ngụy biện kiểu *Lạm dụng sắc thái khen chê :*

Tôi giữ vững nguyên tắc, anh không biết linh hoạt, nó ngoan cố bướng bỉnh.

Tôi tần tiện, anh hà tiện, nó keo kiệt bủn xỉn.

Tôi lời vàng ý ngọc, anh thao thao bất tuyệt, nó dây cà ra dây muống.

Tôi luôn có ý định mới, anh thường đổi ý, nó hay thay lòng đổi dạ.

Tôi trầm tư, anh ngây người, nó suốt ngày mê muội.

Tôi đắn đo sau trước, anh chần chừ do dự, nó chậm chạp.

Tôi đang tuổi thăng hoa, anh không còn trẻ nữa, nó đã nửa đường ra Văn Điển.

Tôi người nóng tính, anh hay cáu bẳn, nó hay gây sự.

v.v...

Đối với ngụy biện kiểu *Lạm dụng sắc thái khen chê*, chúng ta cần chú ý không để cho hiện tượng bề mặt của ngôn ngữ làm mê hoặc mà phải nhìn thấu bản chất hiện tượng, nắm lấy bản chất hiện tượng để rồi phân tích và đánh giá một cách bình tĩnh, thực sự cầu thị.

22. CẮT XÉN BÓP MÉO

Trong quá trình biện luận, kẻ ngụy biện khi dẫn lời người khác đã không kể đến mối liên hệ trên dưới trong phần trích dẫn mà cứ cắt tỉa ra một vài câu trong đó phù hợp với sự cần thiết của mình, để rồi xuyên tạc nguyên ý người khác và từ đó mà chứng minh cho cái sai lầm của bản thân. Đó chính là ngụy biện kiểu *Cắt xén bóp méo*.

Ngụy biện kiểu *Cắt xén bóp méo* có hai trường hợp.

Một là, kẻ ngụy biện cắt xén những câu trong tác phẩm kinh điển, cố ý xuyên tạc bóp méo để phục vụ cho mục đích ngụy biện của mình. Chẳng hạn, có người chủ trương tăng tích lũy tư bản bằng cách cắt giảm những chi phí có tính phi sản xuất, họ chứng minh rằng :

"Mác trong "Tư bản luận" có nói : "Tư bản không thể sinh ra trong lưu thông", điều này chứng minh cách làm của chúng ta là tăng tích lũy tư bản bằng cách cắt giảm những chi phí có tính phi sản xuất là hoàn toàn phù hợp với lí luận chủ nghĩa Mác".

Nguyên văn của Mác là : *"Tư bản không sản sinh ra trong lưu thông, lại không thể không sinh ra từ lưu thông. Nó phải sinh ra từ trong lưu thông lại không từ trong lưu thông"*. Thế nhưng, người này đã bỏ qua hàm nghĩa "không thể không sinh ra từ lưu thông" của tư bản, mà chỉ tỉa lấy một đoạn. Đó chính là không hiểu đúng hàm nghĩa thực sự của lời Mác nói, từ đó mà sa vào ngụy biện.

Một hình thức khác của thuật ngụy biện *Cắt xén bóp méo* là người ngụy biện không kể đến mối liên hệ trên dưới của lời nói, chỉ cắt tỉa trong đó mấy câu nhằm bóp méo để rồi gán cho đối phương tội danh không đáng có. Ví dụ : Cũng có người viết bài thơ ca ngợi Đảng như sau :

Có người nói, người là mặt trời,
Có người nói, người là cây tùng xanh,
Mặt trời xa cách chúng ta biết bao,
Tùng xanh cao ngạo cô đơn biết bao.
Đảng ơi ! Tôi không thể tìm ra một ví dụ nào,
Làm biểu tượng cho người

Tôi chỉ biết, người ôm ấp chúng tôi,
Lại vừa chính ngay trong chúng tôi...

Mười năm Đại cách mạng Văn hóa chao đảo, tổ chuyên án đã cắt bỏ bốn câu cuối của bài thơ này rồi đưa ra phê phán, nhằm chứng minh *"Thế lực chống Đảng dâng cao lắm !"* Và đây là một điển hình của thuật ngụy biện kiểu *Cắt xén bóp méo.*

Muốn phản bác ngụy biện kiểu này thì phải đưa lời trích dẫn mà kẻ ngụy biện sử dụng về với cấu trúc những đoạn của nó, với hoàn cảnh ngôn ngữ của nó, để rồi phân tích một cách toàn diện. Như vậy, sẽ vạch trần được âm mưu ngụy biện. Chẳng hạn, trong cuộc thi hùng biện quốc tế lần thứ nhất bằng Hoa ngữ, với luận đề : *"Nhân tính bản thiện"*, số một của đội Đại học Đài Loan bên bảo vệ, để luận chứng quan điểm *"Nhân tính bản thiện"* đã trích dẫn lời nhà triết học Đức Immanuel Kant như sau :

"Nhà triết học Kant chủ trương người ta bất kể là thông minh tài trí hay giàu nghèo xấu tốt đều vốn có lí tính".

Sự thực thì Kant không phải là lí luận theo quan điểm tính thiện, đội bảo vệ ở đây đã *Cắt xén bóp méo.* Trước việc này, số một của đội Phúc Đán bên phản bác đã bác bỏ :

"Trước hết tôi phải chỉ ra một điểm là Kant không phải là nhà lí luận theo quan điểm tính thiện. Kant cũng đã nói câu thế này : "Kẻ đày vò chúng ta khi thì là vì bản tính con người, khi thì là vì bản tính tự tư tàn ác của con người". Đối phương không nên Cắt xén bóp méo".

Đội phản bác do đã lấy lời đối phương trích dẫn kết hợp với quan điểm triết học của Kant mà đã phân tích một cách toàn diện và đã vạch trần sai lầm *Cắt xén bóp méo* của đối phương một cách hữu hiệu.

23. XUYÊN TẠC NGỮ CẢNH

Ngữ cảnh là lời trước lời sau của câu nào đó và cả hoàn cảnh tự nhiên, hoàn cảnh xã hội lúc đó của người nói. Biện luận vẫn thường tiến hành trong ngữ cảnh nhất định, chúng ta muốn xác định hàm ý của câu nói nào đó thì thường phải kết hợp với ngữ cảnh xác định. Người ngụy biện thường nhằm đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái bằng cách xuyên tạc ngữ cảnh xác định. Đó chính là ngụy biện kiểu *Xuyên tạc ngữ cảnh.*

Có những câu trong ngữ cảnh xác định thì chính xác, nhưng tách rời khỏi ngữ cảnh xác định này có thể trở nên giả dối. Người biện luận thường tách rời lời nói của đối phương khỏi ngữ cảnh xác định để bóp méo xuyên tạc, và chỉ trích người ta. Ví dụ :

Một giáo chủ nọ nghe nói là đến Niu Oóc rất dễ bị giới báo chí đưa vào cạm bẫy, cho nên rất cẩn trọng. Tại sân bay, có phóng viên vừa gặp đã hỏi ông : *"Cha có định tới dạ hội không ?"*

Giáo chủ muốn tránh khỏi câu hỏi này, liền cười mà hỏi lại :

"Niu Oóc có dạ hội phải không ?"

Không ngờ đã rơi vào bẫy. Bởi vì hôm sau báo chí đăng một tít lớn cuộc gặp này là : *"Câu hỏi đầu tiên của giáo chủ khi xuống máy bay là : "Niu Oóc có dạ hội phải không ?"*

Lời giáo chủ nếu kết hợp với ngữ cảnh câu trên câu dưới cuộc thoại lúc đó thì không có vấn đề, không có gì là lạ cả. Thế nhưng nhà báo đã rút biệt lập nó ra khỏi ngữ cảnh xác định này, như vậy đã thành ra một câu kì quặc khiến người ta phải kinh ngạc, và nhà báo nọ đã lấy đó làm phát trái phá nã vào giáo chủ. Ở đây, như ta thấy, tay phóng viên nọ đã dùng thuật ngụy biện kiểu xuyên tạc ngữ cảnh.

Ngoài ra, có những câu trong những ngữ cảnh khác nhau thì có những hàm nghĩa khác nhau, trong ngữ cảnh này thì biểu đạt hàm nghĩa này, trong ngữ cảnh khác thì biểu đạt một hàm nghĩa có thể đã khác đi. Người ngụy biện thường hay thông qua việc cố ý thay đổi ngữ cảnh xác định của câu nói nào đó mà đạt mục đích xuyên tạc hàm nghĩa của đối phương. Ví dụ :

Sinh viên y khoa thuộc trường nọ thi về nhi khoa.

Thầy giáo hỏi : *"Hãy trình bày tóm tắt ưu điểm của việc nuôi con bằng sữa mẹ"*.

Sinh viên trả lời : *"Dễ mang theo"*.

Về câu hỏi *"ưu điểm của việc nuôi con bằng sữa mẹ"* nếu nói theo ngữ cảnh đời sống thường nhật thì trả lời *"Dễ mang theo"* có lẽ là được. Thế nhưng, trong kì thi tại y khoa, với ngữ cảnh như vậy thì chỉ có thể trình bày trên các mặt đặc điểm dinh dưỡng và tác dụng miễn dịch của sữa mẹ. Sinh viên này rõ dàng là đã *xuyên tạc ngữ cảnh* để mà xảo trá.

Muốn phản bác ngụy biện kiểu *Xuyên tạc ngữ cảnh* thì phải kết hợp câu nói đó với ngữ cảnh xác định mà phân tích cụ thể, không được để cho đối phương tùy ý đánh tráo. Ta hãy quan sát một câu chuyện hài hước sau :

Ông chồng nọ đánh điện về cho vợ :

"Em có biết địa chỉ nhà của chú không ?"

Người vợ đánh điện trả lời :

"Biết".

Nếu tách rời khỏi ngữ cảnh đánh điện thì trả lời của người vợ không có gì đáng trách. Thế nhưng, trong ngữ cảnh xác định là đánh điện thì điện báo của ông chồng không chỉ là hỏi vợ có biết địa chỉ nhà chú không, mà còn biểu đạt ý nữa là nếu biết thì báo cho biết địa chỉ đó. Người vợ ở đây đã *Xuyên tạc ngữ cảnh*, chơi trò ngụy biện.

24. LẠM DỤNG TRỪU TƯỢNG

Ngụy biện kiểu *Lạm dụng trừu tượng* là phương pháp chỉ việc người ngụy biện tách biệt thời gian, địa điểm, điều kiện cụ thể mà phát biểu nghị luận đối với sự vật một cách trừu tượng, lộn xộn và mơ hồ nhằm đạt mục đích làm lẫn lộn phải trái.

Ngụy biện kiểu *Lạm dụng trừu tượng* sở dĩ là giả dối, vì sự vật khách quan đều vốn là cụ thể, là sự thống nhất của tính đa dạng. Nếu tách rời khỏi sự thống nhất đa dạng thì khó lòng mà nhận thức tốt bản chất sự vật. Ví dụ, có một đoạn thoại sau :

Thầy giáo : *"Trên bàn có 4 con ruồi, đánh chết 1 con, còn lại mấy con ?"*

Uyn-li : *"Còn lại 3 con"*.

Pi-tơ : *"Chẳng còn lấy một con, bay sạch cả"*.

Thầy giáo : *"Gơ-ri, em nói đi !"*

Gơ-ri : *"Còn lại 1 con, vì con này không bay được, nó bị đánh chết rồi !"*

Về việc trên bàn còn có mấy con ruồi, có lẽ vì do trường hợp cụ thể khác nhau mà còn có thể có các đáp án khác nhau. Đáp án của học sinh sở dĩ khác nhau, chẳng phải là do các học sinh này không hiểu về toán, mà là do yêu cầu của đề không cụ thể tạo ra.

Lại ví dụ có cuộc thoại như sau :

Thầy giáo : *"Tây Ban Nha vào thế kỉ 15 đã xảy ra bao nhiêu cuộc chiến tranh ?"*

"6 cuộc". Một học sinh nhanh chóng trả lời.

"6 cuộc nào ?". Thầy giáo lại hỏi.

"Cuộc thứ nhất, cuộc thứ hai, cuộc thứ ba, cuộc thứ tư, cuộc thứ năm, cuộc thứ sáu".

Yêu cầu của thầy giáo là đòi hỏi học sinh trả lời 6 cuộc chiến tranh xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể nào. Thế nhưng, học sinh nọ đã *Lạm dụng trừu tượng*, tránh né bằng cách dùng thứ nhất đến thứ sáu một cách rỗng tuyếch. Đó chính là ngụy biện.

Ngoài ra, khi chân lí khoa học dùng để chỉ đạo thực tiễn thì phải xuất phát từ trường hợp cụ thể, nếu lấy khoa học làm thành cái vô điều kiện, trừu tượng mà bỏ nguyên xi bất kể thời gian, địa điểm, đối tượng, điều kiện, thì điều này cũng thường dẫn tới sai lầm. Chẳng hạn ví dụ sau :

Thầy giáo nói : *"Toán học không cho phép hoài nghi, ví dụ, một người xây một ngôi nhà hết 12 ngày, 12 người cùng xây thì ngôi nhà nọ 1 ngày là có thể xây xong".*

Học sinh suy luận : *"288 người cùng xây, thì 1 giờ có thể xây xong. 17280 người thì chỉ cần xây trong 1 phút. Nếu 1036800 người cùng xây thì chỉ cần 1 giây. Cứ suy luận như vậy, thì nếu một con tàu vượt Đại Tây Dương mất 6 ngày, và 6 con tàu cùng vượt sẽ chỉ cần 1 ngày. Thầy giáo nói "Toán học không cho phép hoài nghi mà".*

Số người thích hợp xây một ngôi nhà thì có thể phát huy tác dụng đầy đủ của một người. Nếu tách rời khỏi trường hợp cụ thể thì hàng ngàn hàng vạn người cùng xây một ngôi nhà, người ta làm sao mà thi công được ? Học sinh nọ đã thoát li khỏi trường hợp cụ thể mà chơi trò ngụy biện kiểu *Lạm dụng trừu tượng.*

25. LẠM DỤNG SỐ LIỆU

Trong biện luận, người ta thường dẫn số liệu làm luận cứ, bởi vì số liệu đã qua kiểm nghiệm thống kê và tính toán chính xác. Do vậy mà nó có sức thuyết phục hùng biện cao. Cũng vậy, người ngụy biện thường hay lấy số liệu để đạt mục đích làm lẫn lộn phải trái để giành chiến thắng trong tranh luận. Đó chính là ngụy biện kiểu *Lạm dụng số liệu.*

Ngụy biện kiểu *Lạm dụng số liệu* có mấy trường hợp như sau :

(1) Đối với một số số liệu không hề có ý nghĩa và người ta không quan tâm tới, người ngụy biện lại thường yêu cầu đối phương những số liệu đó ra với mục đích là làm khó dễ. Ví dụ :

Vào đầu những năm 30, Chu Gia Hoa khi nhận chức trưởng ban dân chính tỉnh Giang Tô đã mở đợt thi tuyển các huyện trưởng, gồm hai phần thi viết và thi vấn đáp. Có thí sinh Chu Mậu Kì thi viết được xếp hàng đầu. Khi thi vấn đáp Chu Gia Hoa vận âu phục, chân đi giày Tây, tự mình làm chủ khảo. Chu Mậu Kì vận bộ phục trang học sinh vải màu xám, chân dận giày vải, ngang nhiên bước vào. Hai kiểu dáng : một là Tây một là dân tộc, đối lập nhau. Cuộc thi bắt đầu, mấy vị giám khảo lần lượt đặt câu hỏi, Chu Mậu Kì trả lời trôi chảy. Cuối cùng, Chu Gia Hoa hỏi :

"Ông biết "Di chúc thủ tướng" có bao nhiêu chữ cả thảy ?"

Chu Mậu Kì lặng người. Ông ta cho rằng đó có lẽ là Chu Gia Hoa cố tình khó dễ, để đánh trượt mình, thế là, quyết định đã đến, ông hỏi Chu Gia Hoa : *"Xin hỏi Trưởng ban dân chính tỉnh, tên Chu Gia Hoa của ngài gồm bao nhiêu nét ?"*

Câu hỏi nêu ra, mọi người đều cả kinh, Chu Gia Hoa chết lặng. Thí sinh đã quay lại làm khó dễ cho quan chủ khảo, thật là không tiền khoáng hậu. Không khí lắng xuống, vị giám khảo ngồi bên khoát tay về phía Chu Mậu Kì và nói : *"Thôi, ông ra đi !"* Lúc đó mọi người mới được giải tỏa. May mà Chu Gia Hoa là người có phong thái chững chạc, nên sau đó không hề khó dễ với Chu Mậu Kì, mà cho ông ta đỗ.

Chu Gia Hoa định lấy số liệu tổng số chữ trong *Di chúc thủ tướng* mà mọi người sẽ không để ý để uy hiếp thí sinh, đâu ngờ thí sinh lại yêu cầu mình

phải nói ra số nét chữ trong các chữ ghi tên mình, rất ít người để ý về điểm này. Như vậy, đã lại làm cho đối phương chịu chết.

(2) Người ngụy biện dùng số liệu thiếu mối liên hệ tất yếu đối với suy đoán của họ. Số liệu không thể chứng minh tính chân thực của luận điểm của họ.

Bri-gớt sau khi tốt nghiệp học viện thương mại, làm việc ở công ti bảo hiểm. Anh ta chạy khắp các khu phố để gõ cửa từng nhà mà bán bảo hiểm nhân thọ.

Vào một ngày sau một năm anh làm việc tại công ti, Giám đốc cho gọi anh tới, nói rằng :

"Ông Bri-gớt, từ khi ông làm nhân viên bán bảo hiểm, tôi thường quan tâm tới sổ sách ghi chép của ông. Có một việc tôi rất kinh ngạc là tại sao ông chỉ bán cho những người già trên 95 tuổi thôi ? Tại sao lại cho họ có được điều kiện ưu đãi như vậy ? Nếu cứ tiếp tục như vậy, công ti chúng tôi sẽ tan ngay trong tay ông".

"Ô, không, thưa ngài". Bri-gớt lập tức giải thích *"Trước khi tôi làm công việc này, tôi quan sát số liệu thống kê trong 10 năm qua của đất nước này, tôi có thể nói với ngài rằng hàng năm rất hiếm có những người 95 tuổi hoặc trên tuổi này chết đi"*.

Luận chứng của Bri-gớt là sai lầm. *"Rất ít người 95 tuổi hoặc trên tuổi này chết đi"*, là vì người ta trước tuổi đó đa số đa chết, điều này không thuyết minh cho việc những người vượt qua độ tuổi này ít bị chết. Như vậy, số liệu ông ta dùng thiếu mối liên hệ tất nhiên với suy luận.

26. SỐ LIỆU GIẢ

Ấn tượng mà số liệu đưa đến cho ta là một sự thực rõ ràng khách quan, và người ta thường tin tưởng vào nó. Trong biện luận nó khó lòng bị đối phương bác bỏ. Bởi vậy, người ngụy biện thường hay dựa vào tâm lí tin tưởng vào số liệu của mọi người mà đặt ra những số liệu giả mà như thật, rất chủ quan mà vẻ ngoài như khách quan để từ đó mà đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái, đảo lộn đen trắng. Đó chính là ngụy biện kiểu *Số liệu giả.*

Người ngụy biện để đạt được hiệu quả ngụy biện kiểu *Số liệu giả*, thường hay bịa ra những số liệu rất chi tiết. Chẳng hạn, trong cuộc họp giới thiệu sản phẩm mới, đại diện cửa hàng phát biểu :

"Theo chúng ta điều tra, có tới 70,8% gia đình trong thành phố này dùng mặt hàng này..."

Đứng trước số liệu "khách quan" mà chi tiết như vậy, thì mọi người chỉ có việc bái phục mà sinh ra nhu cầu phải mua nó mà thôi.

Loại số liệu quá chi tiết như vậy rất không hiếm trên mặt báo hoặc quảng cáo trên các kênh truyền hình hiện nay. Ví dụ, có một quảng cáo tiêu thụ dược phẩm X như sau :

"Qua quan sát lâm sàng trên 81357 bệnh nhân, hiệu quả của thuốc X đạt 99,12%, bệnh thuyên giảm 97,51%".

Với loại tuyên truyền số liệu quá chi tiết như vậy, dù là không thể kết luận hoàn toàn giả dối, nhưng cũng không được nhẹ dạ cả tin.

Thuật ngụy biện kiểu *Số liệu giả* trong cuộc thi hùng biện có hiệu quả biện luận đặc biệt. Do đặc điểm của bản thân cuộc thi hùng biện mà chắc chắn thính giả cũng như ban giám khảo không thể kiểm tra ngay những con số nọ là thật hay giả, cho nên khi luận cứ khách quan có lợi cho bên mình không thể tồn tại mà đối phương hầu như không đánh mà thắng, thì để xoay chuyển thế bị động này, thường phải cố mà tạo ra những *Số liệu giả*. Chẳng hạn trong cuộc thi hùng biện trường nọ tổ chức với luận đề *"Làn sóng ra nước ngoài là hiện tượng không tốt"*, học sinh bên phản đối đã tung ra số liệu *"đáu lòng là chỉ có 3,4% số nhân viên ra nước ngoài còn quay trở về"*, để nói lên tổn thất

quá lớn. Cho nên sau khi bên bảo vệ có nói *"cơ bản là tốt"* thì bên phản đối phản vấn :

"Xin hỏi, 3,4% và 96,6% thì cái nào là cơ bản ?"

Khi không có cách gì đưa đối phương đến chỗ chết thì không thể không nói rằng *Số liệu giả* rất đắc lực.

Đương nhiên, *Số liệu giả* vẫn là giả dối, chỉ cần liệt kê những số liệu chính xác về trường hợp nào đó ra thì *Số liệu giả* sẽ bị phá sản. Chẳng hạn, năm 1990 trong cuộc thi hùng biện châu Á về luận đề *"Loài người chung sống hòa bình là lí tưởng có thể thực hiện"*, phía phản bác là đội Đại học Đài Loan, số hai nói :

"Dựa vào số liệu thống kê, từ năm 1945 đến nay, mỗi ngày có 12 cuộc chiến xảy ra, bao gồm các cuộc chiến tranh quốc tế hay nội chiến lớn nhỏ. Xin hỏi mọi người, đó là trạng thái hòa bình chăng ?"

Về việc này, đội bảo vệ là Đại học Nam Kinh, số ba phản bác : *"... đội bạn nói rằng từ 1945 đến nay, mỗi ngày nổ ra 12 cuộc chiến tranh. Các số này nêu ra không chính xác. Sự thực là những năm 60 tổng cộng đã nổ ra khoảng 30 cuộc chiến, còn đến những năm 80 thì cả thảy nổ ra chưa đến 10 cuộc. Điều này chẳng nói lên một xu thế hòa hoãn hay sao ?"*

Số bốn bên bảo vệ phản bác : *Đội bạn cho rằng ngày nay thế giới mỗi ngày có 12 cuộc chiến tranh, chúng tôi không biết là số liệu này từ đâu ra, đội bạn phải chăng đã mở rộng ngoại diên của chiến tranh rồi sao ? Phải chăng là cả đến việc vợ chồng đánh nhau, trẻ con đánh nhau cũng ảnh hưởng đến cả nhân loại chung sống hòa bình rồi sao ?"*

Như vậy, đã làm cho tính giả dối của số liệu mà đối phương nêu ra bị phơi bày hoàn toàn.

27. TÍNH TOÁN GIẢ DỐI

Ngụy biện theo kiểu *Tính toán giả dối* là phương pháp mà kẻ ngụy biện dùng những tính toán giả dối có vẻ như thật để bào chữa cho sai lầm của mình.

Một trong những hình thức của ngụy biện kiểu *Tính toán giả dối* là dùng lặp lại những số liệu nào đó. Chẳng hạn, có đứa trẻ nghịch ngợm nói với bố là cậu ta hoàn toàn không có thời gian để học. Bố cậu thấy lạ, do đó cậu luận chứng rằng :

"Trong thời gian một năm, mỗi ngày ngủ 8 tiếng, cộng 2920 giờ, bằng chừng 122 ngày. Chủ nhật nghỉ, cộng 52 ngày. Chiều thứ 7 nghỉ, cộng bằng 26 ngày. Ăn cơm hằng ngày mất 3 tiếng, cộng 1095 giờ, bằng khoảng 49 ngày. Mỗi ngày hoạt động ngoại khóa 2 tiếng, cộng 730 giờ, khoảng 30 ngày. Nghỉ hè 50 ngày, nghỉ đông 20 ngày. Như vậy, tổng cộng là 345 ngày. Một năm 365 ngày, con còn đọc bao nhiêu sách đây ?"

Tính toán của học sinh này là sai lầm, là vì các mục thời gian liệt kê ra bị lặp lại, giao thoa nhau. Kết quả tính toán này đã vượt xa thời gian thực tế. Căn cứ vào đó thì chính là ngụy biện.

Ngụy biện theo kiểu *Tính toán giả dối* còn có thể biểu hiện thành phương pháp tính toán không phù hợp với thực tế khách quan. Chẳng hạn, một lái xe đang phóng với tốc độ 100km/giờ, vì vượt quá tốc độ quy định mà bị cảnh sát giao thông ngăn lại phạt. Lái xe trách cảnh sát :

"Xin hỏi tốc độ bao nhiêu thì phạt ?"

"Cứ tốc độ vượt quá 80km/giờ thì đều phạt !" Cảnh sát thẳng thắn nói. Lái xe cãi cố rằng : *"Thế nhưng tôi vừa mới chạy xe nửa giờ, hành trình cũng không vượt quá 50km !"*

Phương pháp tính toán tốc độ là lấy chặng đường chia cho thời gian, kết quả có được là tốc độ. Chạy xe 0,5 giờ, chặng đường là 50km thì tốc độ là $50 \div 0,5 = 100$ km/giờ. Tốc độ xe của người lái này đã vượt xa tốc độ quy định, thế nhưng lái xe này đã dùng cách tính không phù hợp với thực tế khách quan để bào chữa cho hành vi vượt tốc độ của mình. Như vậy là giả dối. Lại ví dụ :

Thời Xuân Thu, Ngải Tử có người bạn tên là Ngu Nhiệm. Ngu Nhiệm có cô con gái nhỏ, rất xinh đẹp. Ngải Tử rất yêu quý. Khi bé mới tròn 2 tuổi, thì Ngải Tử đến cầu hôn cho con trai mình. Ngu Nhiệm hỏi : *"Con trai anh bao nhiêu tuổi ?"*

"4 tuổi". Ngải Tử đáp.

Ngu Tử nghe vậy thì sầm mặt lại : *"Anh định gả con gái tôi cho một ông già chăng ?"*

"Thế là nói làm sao ?" Ngải Tử ngơ ngác không hiểu.

Ngu Nhiệm nói : *"Con trai anh 4 tuổi, con gái tôi 2 tuổi. Thế là con trai anh tuổi gấp đôi con gái tôi. Nếu con gái tôi 20 tuổi xuất giá thì con trai anh đã là 40 tuổi rồi. Nếu có việc gì nữa mà đến 25 tuổi mới lấy chồng thì lúc đó con trai anh đã là người 50 tuổi rồi. Như vậy chẳng phải con gái tôi lấy phải một ông già hay sao ?"*

Ngu Nhiệm có thể là thực sự tính không ra con tính này, cũng có thể là do không muốn cuộc đính hôn này mà không tiện nói thẳng. Và thế là chơi cái trò ngụy biện như đã kể.

28. MỌC RA CÀNH KHÁC

Khi người ngụy biện thấy mình không có lí hoặc ở vào vị trí bất lợi thì không chủ động thừa nhận sai lầm mà là nghĩ cách đưa ra vấn đề mới từ trong lời của đối phương để né tránh chủ đề và chuyển hướng mũi nhọn tranh luận về phía có lợi cho mình, khiến đối phương trở nên bị động. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Mọc ra cành khác.*

Ta hãy quan sát một cuộc thoại như sau :

A : *"Tôi cho rằng anh không tuân theo quy tắc giao thông như vậy là sai. Phải sửa chữa".*

B : *"Không tuân theo cũng chả có gì là ghê gớm cả !".*

A : *"Mọi người ai cũng không tuân theo thì trên đường sẽ là loạn".*

B tự thấy đuối lí, liền nói : *"Tôi không cãi nổi với anh, mà anh cũng chả phải giới giang gì, anh thử nói giao thông là gì xem nào ?"*

B Sau cùng không chủ động nhận mình sai mà từ lời của đối phương mà dẫn đến vấn đề mới là *"giao thông là gì"*. Vấn đề này người ta thông thường khó mà nói cho rõ ràng rành mạch ngay được. Như vậy, kẻ ngụy biện quay lại chiếm lấy quyền chủ động.

Đặc điểm của ngụy biện theo kiểu *Mọc ra cành khác* là làm nảy sinh chi tiết, cố tình tạo ra những vấn đề không liên quan đến luận đề. Điểm yếu của loại ngụy biện này là vi phạm luật đồng nhất, tư duy không giữ được đồng nhất, luận đề không giữ được đồng nhất. Muốn chinh phục người ngụy biện kiểu này thì phải giữ chặt lấy vấn đề tranh luận của cả hai phía, không để họ tùy ý thay đổi.

Chúng ta hãy quan sát cuộc tranh luận giữa Trang Tử và Huệ Tử tại Hào Thủy năm xưa. Đây là *"Hào Lương chi biện"* truyền tụng từ ngàn năm.

Một hôm, Trang Tử và Huệ Tử vui chân bước lên cái cầu bắc qua ngòi nước (bảo vệ thành). Trang Tử cúi nhìn đàn cá dưới nước, xúc cảm nói : *"Những con cá này tự do tung tăng bơi lội, đó là niềm vui của cá !"* Huệ Tử không cho là đúng, bèn nói : *"Anh không phải là cá, làm sao biết được niềm vui của cá ?"*

Trang Tử lập tức bác lại : *"Anh không phải là tôi, anh làm sao biết được tôi không biết niềm vui của của cá ?"*

Huệ Tử nói : *"Tôi không phải là anh, đương nhiên là không biết anh. Nhưng anh cũng không phải là cá, cho nên anh cũng không biết được niềm vui của cá. Lí lẽ là ở chỗ đó".*

Trang Tử không thể phản bác ngay được Huệ Tử, bèn trí trá rằng : *"Hãy trở lại vấn đề ban đầu đi. Anh bảo "An tri ngư chi lạc"* (nghĩa là : Sao biết niềm vui của cá ?), *tức là nói ở chỗ nào mà biết được niềm vui của cá. Anh thừa biết là tôi ở trên cầu của con ngòi còn hỏi vặn tôi. Vậy thì tôi nói cho anh hay : Tôi ở trên cái cầu của con ngòi mà biết !"*

Trang Tử không có cách nào phản bác đối phương, liền sinh chuyện từ chữ *"an"*. Chữ *"an"* vừa có nghĩa "làm sao" cũng có nghĩa là "ở chỗ nào". Thoạt đầu họ cãi nhau là từ nghĩa thứ nhất. Trang Tử thấy không thắng được, liền *Mọc ra cành khác*, đổi ra thành nghĩa thứ hai. Và từ đó mà trách đối phương là "thừa biết mà vẫn hỏi". Nếu Huệ Tử biết nắm chặt lấy luận đề, không để cho đối phương tùy ý đánh tráo thì ngụy biện của Trang Tử đâu có thực hiện được.

29. CHE ĐẬY BẰNG LỜI VĂN KÊU

Kẻ ngụy biện cố tình dùng lời văn hào nhoáng sáo rỗng để che đậy sai lầm. Đó chính là ngụy biện kiểu *Che đậy bằng lời văn kêu.*

Đại đội nọ bắn bia, một chiến sĩ bắn 5 phát đạn, chẳng phát nào trúng. Đại đội trưởng rất tức giận, mắng chiến sĩ nọ : *"Rõ cái đồ cơm toi, ăn thùng uống vại mà chẳng bắn lấy nổi một phát, xấu mặt cả đại đội.* Thế là đại đội trưởng giằng lấy súng xem xét cò súng, đầu ruồi, khe ngắm với con mắt nhà nghề, nhưng không thấy súng có vấn đề gì cả. Liền tiến vào vị trí bắn, nạp đạn, dứt khoát bắn liền 5 phát, lát sau báo bia : 1 phát cũng không trúng. Đại đội trưởng đứng dậy, phủi bụi đất, trừng mắt nhìn chiến sĩ nọ :

"Thấy chưa ? Như vậy là bắn trượt !"

Vốn là đại đội trưởng dạy các chiến sĩ bắn bia thế nào, như thế nào để bắn trúng. Thế nhưng, khi anh ta bắn không trúng, để lấp liếm cái sai của mình, lại dõng dạc nói là đang làm thị phạm thế nào là bắn không trúng. Kiểu thị phạm đó ai mà chẳng làm được ?

Đặc điểm căn bản của ngụy biện kiểu *Che đậy bằng lời văn kêu* là lấp liếm sai lầm, và đã là lấp liếm sai lầm thì lời biện luận này không phải là không có chỗ mà công kích. Chúng ta có thể phản bác bằng cách vạch trần sai lầm trong biện luận. Ví dụ :

Hêlena là vợ của Mênêlaốx (vua xứ Xpáctác) trong truyền thuyết Hi Lạp là cô gái tuyệt đẹp, sau bị Parix – hoàng tử thành Trôia lừa bắt đưa về Trôia, từ đó xảy ra chiến tranh Trôia. Hêlena ở Hi Lạp từ xưa bị coi là người đàn bà không trinh tiết. Thế nhưng, Gorgias, nhà ngụy biện cổ Hi Lạp đã bào chữa cho nàng, để thể hiện nỗi bất bình. Theo cách nói của Gorgias, hành vi của Hêlena là dẫn đến từ các trường hợp như sau :

(1) Số mệnh hoặc ý chỉ của các thần.

(2) Bị cướp bằng bạo lực.

(3) Bị thuyết phục bằng lời.

(4) Trở thành tù binh của tình yêu.

Nếu là số mệnh hoặc ý chỉ của chư thần, thì bất khả kháng, chỉ đành phó mặc cho sự đời. Nếu bị cướp bằng bạo lực thì căm giận phải trút lên đầu kẻ dùng bạo lực, Hêlena phải được thông cảm. Còn vì bị thuyết phục bằng lời, tuy không bằng phương thức cưỡng chế, nhưng sức tư duy chủ quan của chúng ta rất có hạn, dễ bị ảnh hưởng, cho nên cách thuyết phục này trên thực tế có hiệu quả cưỡng chế tương đồng như bạo lực, kẻ thuyết phục là có tội, người bị thuyết phục là vô tội. Cuối cùng là tù binh của tình yêu, tình yêu khiến ta mù quáng, người tình cảm yếu đuối làm sao có thể chống chọi với ma lực tình yêu, cho nên nếu trách cứ người bị tình yêu dày vò thì chi bằng đồng tình với nỗi bất hạnh của họ.

Ở trên, dù vào trường hợp nào, đều không phải là sai lầm tội lỗi của Hêlena, chê trách nàng là không thỏa đáng.

Trên thực tế, luận chứng của Gorgias là không xác lập được. Vì nếu Hêlena là người đàn bà tiết hạnh thì sẽ không bó tay trước thần linh, sẽ liều chết trước bạo lực, sẽ không dao động trước lời dỗ dành, sẽ kiên định trước sự cám dỗ của tình yêu. Biện luận của Gorgias chẳng qua là ngụy biện kiểu *Che đậy bằng lời văn kêu* cho sự không tiết hạnh của Hêlena mà thôi.

30. GIẢ ĐIẾC

Trong quá trình biện luận, kẻ ngụy biện để tránh né những vấn đề không lợi cho mình, có khi sẽ dùng cách *Giả điếc*, giả vờ không nghe thấy, để mà né tránh luận đề (chủ đề cuộc thoại), né tránh mũi nhọn của biện luận. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Giả điếc*. Ví dụ, có câu chuyện hài hước Mĩ như sau :

Chuông điện thoại nhà I-si réo. I-si nhấc ống nghe, nghe thấy tiếng của nhân viên bưu điện : *"A lô ! Điện thoại đường dài đây, có người muốn nói chuyện với ông".*

I-si nói : *"Vậy mời ông ta cứ nói".*

"A lô ! Ông là I-si phải không ? Tôi là A-pây đây".

"Tôi là I-si, A-pây thân mến, ông có việc gì vậy ?"

"I-si, tôi nghèo túng đến sắp chết đói đây. Ông có thể cho tôi vay 100 đô la không ?"

"Cái gì ? Tôi nghe không rõ !"

A-pây ở đằng kia gào to : *"Tôi cần vay ông 100 đô la !"*

I-si nói : *"Tôi vẫn không nghe rõ lời ông !"*

Nhân viên bưu điện xen vào : *"Tôi nghe rất rõ mà, sao ông lại nghe không rõ ?"*

I-si nói với nhân viên bưu điện : *"Anh nghe thấy rõ, vậy anh hãy cho ông ta vay 100 đô la đi !"*

I-si tránh né yêu cầu vay tiền của đối phương bằng phương pháp *Giả điếc*.

Thuật ngụy biện kiểu *Giả điếc* biểu hiện rất nhiều ở những kẻ quan liêu. Ví dụ, Gri-san Xăng-ta nhà văn Ấn Độ trong *Tự thuật một con lừa* có miêu tả tình hình đưa đơn cứu tế lên các ban ngành chính phủ của con lừa biết nói, thay mặt chủ nhân bất hạnh của nó các bà vợ của một ông thợ giặt.

Tại cửa sổ thứ tư, chỉ thấy một lão già com nhom có chiếc mũi khoằm đang bò trên cuốn sổ đăng kí mở ra mà ngủ.

Tôi nói : *"Ê, ông anh ! Nghe tôi này, một tô-pi* (thợ giặt) *bị một con cá sấu ăn thịt".*

Lão già khum tay bên vành tai, hỏi : *"Cái gì ? Mày nói gì ?"*

Tôi nói to hơn : *"Một tô-pi bị cá sấu ăn thịt !"*

Khuôn mặt ngây ngô của lão già hé một nụ cười kì quái : *"Một tô-pi ăn một con cá thì sao phải ầm ĩ lên vậy ? Rất nhiều tô-pi cũng ăn cá đấy thôi. Nếu không ăn, thì bộ thủy sản chúng ta làm sao đây ?"*

Tôi nói : *"Không phải tô-pi ăn cá, mà là cá sấu ăn thịt tô-pi !"* Ông ta nghe chừng tỉnh ra, nói : *Ồ, không phải tô-pi, mà là cá sấu ăn thịt một con cá. Tốt ! Tốt ! Thế thì có gì đáng phàn nàn đây ? Cá lớn nuốt cá bé mà ! Không ăn thì nó sống làm sao ?"*

Tôi hét to lên : *"Ông nghe cho rõ, một tô-pi, một con cá sấu to, tô-pi này giặt áo ven sông".*

"Tốt, mày nói đi, một tô-pi, một con cá sấu to, tô-pi giặt áo bên sông, gì nữa ?"

"Khi đang giặt áo, cá sấu ngoạm vào đùi ông ta !"

"Ngoạm cái gì ? Nói to lên, tai ta nghễnh ngãng mà".

"Ngoạm đùi ông ta ! Đùi !" Tôi hét lên.

"Đùi gà !" Lão già cười hì hì.

"Không phải là đùi gà, mà là đùi tô-pi".

"Đùi tô-pi xưa nay ta có ăn đâu. Mùi vị thế nào ?"

Tôi giận dữ : *"Khi Tô-pi giặt áo bên sông, một con sấu bơi đến, lôi ông ta xuống nước ăn thịt !"*

"Ồ ! Hiểu rồi ! Thợ giặt đang giặt thì con sấu to bơi đến, nuốt mất áo của ông ta".

Quan chức nọ chức không to nhưng dáng bộ không nhỏ. Y đã dùng kế *Giá điếc* mà lảnh tránh thực chất vấn đề ở chỗ mấu chốt.

31. LÀM LẪN LỘN KHÁI NIỆM ĐỐI LẬP

Có những sự vật đối ứng nhau, nương tựa vào nhau mà tồn tại. Chẳng hạn *"cha mẹ"* và *"con cái"*. Không đẻ ra con ra cái thì không được gọi là bố là mẹ. Cũng vậy, không có cha mẹ thì không có con cái. Khái niệm phản ánh sự vật đối ứng nhau, tồn tại nương tựa nhau gọi là khái niệm đối lập. Trong biện luận, chúng ta cần phải nắm thật chính xác khái niệm đối lập, còn người ngụy biện thì thường hay làm lẫn lộn chúng để đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái. Đó chính là ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn khái niệm đối lập.*

Một trường hợp của ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn khái niệm đối lập* là đánh tráo quan hệ đối ứng của khái niệm đối lập.

Bộ phim nọ có tình tiết như sau : Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ti khai thác Thái Không là một thằng cha hoạt động phạm pháp với danh nghĩa làm kinh tế. Y bán thuốc giả, lấy xương bò thay xương hổ, lấy giày da cũ để chế cao, lấy đường phèn với tinh bột mà chế ra cái gọi là "thuốc dinh dưỡng tăng chiều cao". Cái cách của y rất tài, và người bị lừa thật là nhiều. Sự việc bại lộ, tên này bị quần chúng giải đến công an. Ở đó nó và nhân viên công an có cuộc thoại như sau :

Nhân viên công an : *"Họ tố cáo anh bán thuốc giả, có đúng không ?"*

Chủ tịch hội đồng quản trị : *"Tôi cho rằng không đúng như vậy. Thế nào là thuốc giả ? Thuốc giả chỉ có so sánh với thuốc thật mới biết được, "thuốc dinh dưỡng tăng chiều cao" là tôi phát minh ra, trên thế giới chỉ có tôi, làm sao anh biết thuốc của tôi là giả ?"*

"Thuốc thật" là dược phẩm đạt được hiệu quả chữa trị dự định, "Thuốc giả" là dược phẩm không thể đạt được hiệu quả điều trị dự định. "Thuốc thật" và "thuốc giả" là khái niệm đối lập. Thế nhưng, chủ tịch hội đồng quản trị lại đánh tráo chúng thành quan hệ "thuốc dinh dưỡng tăng chiều cao thật" và "thuốc dinh dưỡng tăng chiều cao giả". Đó chính là làm lẫn lộn quan hệ đối lập của đôi khái niệm "thuốc thật" và "thuốc giả". Lại ví dụ, có một đoạn thoại như sau :

"Bạn nhỏ, cha bạn năm nay bao nhiêu tuổi rồi ?"

"Lớn như cháu, thưa bà".

"Thế nào ? Cha cháu lại có thể lớn như cháu sao ?"

"Đương nhiên, ông ấy trở thành cha của cháu vì cháu trở thành con ông ấy đều là việc phát sinh cùng một ngày mà !"

"Cha" và "con" có thể là một cặp khái niệm đối lập, thế nhưng, điều bà cụ hỏi ở đây không phải là cha của đối phương làm cha bao năm rồi, mà là cha của đối phương đã sống bao nhiêu tuổi đời. "Số tuổi của cha" và "số tuổi của con" không phải là khái niệm đối lập. Anh bạn nhỏ này đã lấy đôi khái niệm không có quan hệ tương đương này làm thành khái niệm đối lập "con" và "cha" để mà trí trá.

Ngoài ra, sự vật có tính đối lập là đối lập trong phạm vi nhất định. Chẳng hạn, "bò lớn" và "bò con" là có tính đối lập. Tính đối lập này nằm trong phạm vi bò. Người ngụy biện thường hay làm lẫn lộn phạm vi này để đạt mục đích làm lẫn lộn phải trái.

A : *"Voi to hay kiến to ?"*

B : *"Đương nhiên là voi to".*

A : *"Không đúng, có con kiến còn to hơn cả voi. Chẳng hạn suy luận sau đây : Voi con là bé, kiến to là to. "To" lớn hơn "bé". Cho nên kiến to thì to hơn voi nhỏ".*

Cái "to" của "kiến to" đối lập với "kiến nhỏ", "nhỏ" của "voi nhỏ" đối lập với "voi to". Ngụy biện của A là ở chỗ làm lẫn lộn phạm vi thảo luận các vấn đề trên.

32. LÀM LẪN LỘN LUẬN VỰC[1]

Căn cứ khái niệm phải chăng là có những thuộc tính nào đó. Có thể thành hai loại : khái niệm dương (khái niệm khẳng định) và khái niệm âm (khái niệm phủ định). Khái niệm dương là khái niệm có thuộc tính nào đó, chẳng hạn *"chiến tranh chính nghĩa"*. Khái niệm âm là khái niệm không có thuộc tính nào đó, chẳng hạn *"chiến tranh phi nghĩa"*. Khái niệm âm có luận vực nhất định, luận vực của nó chính là khái niệm thuộc liền kề[2], chẳng hạn luận vực của *"chiến tranh phi nghĩa"* là *"chiến tranh"*, nó chỉ về bộ phận không có tính chính nghĩa trong chiến tranh. Trong biện luận, nếu làm lẫn lộn luận vực của khái niệm âm thì thường dẫn tới sai lầm. Ví dụ :

Vương Tiểu Xuân là học sinh chậm tiến. Bướng bỉnh và hiếu động là đặc điểm của cậu. Có hôm, khi vào giờ hóa học, thầy giáo bỗng nêu câu hỏi :

"Thế nào là phi kim loại ?"[3]

Thầy gọi Tiểu Xuân đứng lên trả lời. Và cậu không hề có một ý niệm nào về câu hỏi này. Thế là định trả lời một cách đương nhiên :

"Phi kim loại à, nó nhiều lắm. Chẳng hạn, hòn đá, bùn đất ở ngoài cửa sổ kia là phi kim loại. Cỏ cây là phi kim loại. Còn nữa, em và các bạn đây cũng đều là phi kim loại".

Lời đáp của Tiểu Xuân đã làm cả lớp cười no bụng. Tiểu Xuân đỏ mặt phản bác :

"Chúng ta không phải là phi kim loại thì là kim loại à ?"

Lớp học ồ lên như muốn vỡ tung.

---

(1) *Luận vực* : Phạm vi đối tượng mà hình thức tư duy nào đó đề cập tới. Có thể là trong thế giới hiện thực, cũng có thể trong thế giới có thể. Luận vực trong thế giới hiện thực thì vô luận là cổ kim trong ngoài, thế giới vĩ mô hay vi mô đều nằm trong đó. Xác định luận vực đối với khái niệm âm rất quan trọng. Tách rời khỏi luận vực sẽ không thể hiểu chính xác đối với khái niệm âm. Chẳng hạn, "phi kim loại" có luận vực là nguyên tố, nó phản ánh mọi nguyên tố nằm ngoài kim loại, không được tách rời khỏi luận vực này mà cho rằng nó phản ánh mọi sự vật nằm ngoài kim loại.

(2) Ví dụ : *"giai cấp"* là khái niệm thuộc, *"giai cấp công nhân"* là khái niệm chủng, khái niệm thuộc có ngoại diên lớn hơn. Cách phân chia cấp độ này như trong sinh vật học : lớp, bộ.

(3) *Phi kim loại* : Á kim.

Thực tế thì "phi kim loại" là một khái niệm âm, nó có luận vực nhất định, luận vực của nó là nguyên tố hóa học, nó chỉ bộ phận nguyên tố không phải là kim loại trong các nguyên tố hóa học, chứ không phải là bùn đất, đá sỏi, cỏ cây gì gì đó. Ở đây, Tiểu Xuân đã không hiểu được luận vực của kim loại mà nói bừa, khiến ai cũng thấy là nhảm nhí và buồn cười.

Kẻ ngụy biện thường hay bằng cách làm lẫn lộn luận vực của khái niệm âm mà để đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái, đảo lộn trắng đen. Đó là ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn luận vực*. Cuộc thoại sau giữa công nhân Tiểu Vương và trưởng kíp là như vậy.

Tiểu Vương vào ca mà quên đội mũ an toàn, trưởng kíp gọi anh ta đến :

"Sao không đội mũ an toàn ? Theo nội quy, phạt 1 đồng, mau đội đi !"

"Phạt tiền ? Hãy khoan" Tiểu Vương bứt tóc, bỗng nảy ra một kế, trí trá nói : *"Ông kíp trưởng này, ông xem trên cửa đằng kia rõ ràng có đề "không phải nhân viên công tác không được vào" đúng 9 chữ phải không ? Mũ an toàn rõ ràng không phải là nhân viên công tác, vậy tôi không mang nó vào theo quy định !"*

"Anh rõ là đồ trí trá !"

"Vậy ông hãy chỉ ra cái trí trá của tôi xem nào".

Tiểu Vương rõ ràng là trí trá, nguyên nhân là cậu ta đã làm lẫn lộn luận vực của khái niệm âm. Khái niệm "không phải nhân viên công tác" trong biện luận là khái niệm âm, nó có luận vực xác định, luận vực của nó là "nhân viên" hoặc "người", nó chỉ những nhân viên khác không có thuộc tính công tác ở đây, trong số các nhân viên, nó không chỉ mũ an toàn gì gì đó. Muốn phản bác loại ngụy biện này, thì phải xác định rõ luận vực của khái niệm âm. Luận vực của khái niệm âm đã xác định rõ thì ngụy biện của đối phương sẽ phá sản.

33. LÀM LẪN LỘN QUAN HỆ

Giữa các sự vật khách quan luôn tồn tại mối quan hệ nhất định, chúng ta muốn thực sự nhận thức sự vật khách quan, giành chiến thắng trong biện luận, thì phải nắm chính xác mối quan hệ giữa các sự vật. Người ngụy biện vẫn thường thông qua việc làm lẫn lộn quan hệ giữa các sự vật để đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn đúng sai. Đó là ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn quan hệ*.

Ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn quan hệ* có lúc biểu hiện thành việc cố tình làm lẫn lộn quan hệ chuyển đưa, phi chuyển đưa, phản chuyển đưa giữa các khái niệm. Ví dụ, có cuộc thoại như sau :

Cha : *"Con ơi, mày phải sửa cái thói kiêu ngạo ấy đi !"*

Con : *"Kiêu ngạo thì có gì xấu ? Con thấy chẳng cần sửa".*

Cha : *"Mày không biết là có câu cách ngôn : "Kiêu ngạo tất thất bại" đó à ?"*

Con : *"Bố chẳng phải đã từng dạy con một câu cách ngôn khác sao : "Thất bại là mẹ thành công", kiêu ngạo đưa đến thất bại, thì thất bại lại là mẹ thành công, vậy kiêu ngạo không phải là mẹ thành công sao ?"*

Giữa "kiêu ngạo – thất bại – thành công" hoàn toàn không có mối quan hệ chuyển đưa tất yếu, mà là quan hệ phi chuyển đưa. Vì rằng chẳng phải mọi thất bại đều có thể trở thành mẹ của thành công, đều có thể tất yếu mang lại thành công. Chỉ có sau khi thất bại mà nghiêm túc rút bài học kinh nghiệm thì trong thực tiễn lần sau mới khắc phục được nhân tố dẫn tới thất bại, mới có thể khiến cho thất bại trở thành mẹ của thành công. Cậu con nọ hòng bằng cách lấy khái niệm quan hệ phi chuyển đưa đánh tráo ra quan hệ chuyển đưa để nhằm luận chứng cho hành vi kiêu ngạo của mình. Lại ví dụ :

Có người trộm cắp tài sản quốc gia mà bị bắt. Lúc thẩm vấn, hắn ta vẫn nói bừa rằng :

"Cái của nhà nước biến thành cái của tôi, mà bản thân tôi lại là nhà nước, cho nên những cái này là thuộc về quốc gia. Điều đó thì có gì mà phải ngạc nhiên ?"

Đồ là của nhà nước thì không thể lấy cho mình một cách phi pháp. Mà đã biến làm của mình thì đã xâm phạm lợi ích quốc gia. Giữa đồ vật – tư nhân –

quốc gia" không tồn tại quan hệ chuyển đưa, mà là quan hệ phản chuyển đưa. Tên ăn trộm đã cố tình đánh lộn sự phân biệt giữa chúng để trí trá cho hành vi trộm cắp của y, thật là vô ích.

Ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn quan hệ* có khi biểu hiện thành việc cố tình làm lẫn lộn quan hệ đối xứng, phi đối xứng, phản đối xứng giữa các khái niệm.

Có một chàng trai vừa tròn 21 tuổi, anh ta được mọi người khen là đứng đắn, thật thà, công tác tích cực, có chí tiến thủ. Thế nhưng có một hôm anh ta lại cưỡng hiếp một cô gái bất hạnh rồi giết hại và đi vào con đường tội phạm. Xin hãy quan sát đoạn ghi cuộc lấy tin về anh ta :

Hỏi : *Sao anh lại phải giết người ?*

Đáp : *Vì tôi yêu cô ấy !*

Hỏi : *Đã yêu người ta thì sao lại còn giết hã ?*

Đáp : *Vì cô ấy không yêu tôi.*

Hỏi : *Cô ấy không yêu mà anh lại có thể giết cô ấy ư ?*

Đáp : *Tôi si tình, yêu tha thiết cô ấy ! Tôi yêu cô ấy thì cô ấy phải yêu tôi chứ !*

Quan hệ "yêu" là quan hệ phi đối xứng, A yêu B, B không nhất thiết yêu A.

Thế nhưng, chàng trai này lại coi đó là quan hệ đối xứng, tôi yêu cô ấy thì cô ấy phải yêu tôi. Và anh ta với sự điều khiển của thứ logic đã man, ngu muội này mà khiến cho một cô gái bị giết hại, và mình thì đi vào con đường tội phạm.

34. LÀM LẪN LỘN ĐẠO NGHĨA[1]

Có những mệnh đề có những từ tình thái như *"cho phép"*, *"phải"*, *"cấm ngặt"*. Loại mệnh đề này gọi là mệnh đề đạo nghĩa (hoặc gọi là mệnh đề quy phạm), hàm nghĩa logic của các loại mệnh đề đạo nghĩa là khác nhau. Có kẻ biện luận lại cố tình làm lẫn lộn sự phân biệt giữa chúng để đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái. Đó gọi là ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn đạo nghĩa*. Ví dụ :

Trong tiểu thuyết *Thời gian, hãy tiến lên* của nhà văn Liên Xô Ca-đa-ép có viết tình hình thi đua lao động của thanh niên trên công trường. Na-phôn-sép là tổng công trình sư, ông ta phản đối một biện pháp đổi mới của đội xung kích thanh niên. Ma-gơ-ri là người lãnh đạo thi đua hỏi ông ta :

"... ông cấm công việc này sao ?"

Tổng công trình sư đáp : *"Tôi đâu có cấm"*.

"Vậy tức là ông cho phép công việc này ?"

"Tôi không cấm mà cũng không cho phép..."

Kiến thức về logic đạo nghĩa mách bảo chúng ta : giữa *"cấm chỉ"* và *"cho phép"* là quan hệ mâu thuẫn, không cấm thì bằng với cho phép, không cho phép thì bằng với cấm. Vị kĩ sư nọ đã làm lẫn lộn sự phân biệt giữa hai cái và đã phủ định cả hai, như vậy tất yếu dẫn đến mâu thuẫn, tự vả vào miệng mình.

Cũng có người ngụy biện thông qua việc cố tình đánh tráo hàm nghĩa logic của mệnh đề đạo nghĩa mà trí trá. Sau đây là tên xâm lược trong câu chuyện lịch sử.

---

(1) *Logic quy phạm* còn gọi là *logic nghĩa vụ* hay *logic đạo nghĩa* nghiên cứu các mệnh đề từ ngữ biểu thị quy phạm như : *"phải"*, *"cho phép"*, *"cấm"* và học thuyết logic dùng mệnh đề này để suy lí. Đây là một ngành của khoa học logic hiện đại, nội dung gồm : loại hình mệnh đề quy phạm trần thuật, đặc tính logic của chúng, quan hệ logic và suy luận giữa chúng (như từ *"phải P"* có thể suy ra *"cho phép P"*, từ *"phải P"* có thể suy ra : *"không cho phép khác P"* cũng tức *"cấm khác P"*).

Sự việc phát sinh ở Ethiopia châu Phi. Vào cuối thế kỉ 19, kênh Suyê thông tàu.Ethiopia bên bờ Hồng Hải, vị trí chiến lược và kinh tế của nó trở nên càng quan trọng. Bọn xâm lược Anh, Pháp, Ý trong việc phân chia cướp đoạt châu Phi đều muốn chiếm cho mình đất nước này. Năm 1889 Ethiopia sau khi trải qua nội chiến thì Mê-na-li-khơ nắm quyền, xây dựng một quốc gia tập quyền trung ương thống nhất. Chính lúc đó, Ý nhân việc Mê-na-li-khơ cần ngoại viện, đã kí điều ước U-tra-li với ông ta, bày tỏ sự hữu hảo lâu dài. Và thế là nước Ý liền nghĩ tới việc lợi dụng lời văn của điều ước để phục vụ cho lợi ích của mình. Ta hãy xem khoản 17 của điều ước :

"Vua của các vua Ê-thi-ô-pi-a trong khi có giao thiệp với các thế lực hoặc chính phủ khác, có thể dựa vào chính phủ của nhà vua nước Ý".

Câu này ý nghĩa rất rõ ràng, khi Ê-thi-ô-pi-a có tranh chấp với nước ngoài thì họ có thể nhờ Ý giúp, đương nhiên cũng có thể không nhờ. Quyền quyết định này là do vua Ê-thi-ô-pi-a. Thế nhưng, điều ước còn có một bản văn bằng tiếng Ý và nước Ý cố tình chữa *"có thể"* thành *"phải"*. Ê-thi-ô-pi-a đã bỏ qua sự khác biệt một chữ này trong văn bản. Khi điều ước kí kết và có hiệu lực, năm 1890, Ý đã đắc ý thông báo cho các nước, tuyên bố Ê-thi-ô-pi-a là nước bảo hộ của họ. Bởi vì, theo cách giải thích văn bản tiếng Ý thì Ê-thi-ô-pi-a chỉ được áp dưới cánh nước Ý mà thôi.

Từ *"có thể"* trong điều ước biểu thị ý nghĩa *"cho phép"*, còn *"phải"* biểu thị ý nghĩa "nhất định phải". Hàm nghĩa logic của chúng là khác nhau, từ mệnh đề thật *"cho phép"* sẽ không thể suy ra mệnh đề thật *"phải"*. Nước Ý cũ mưu thông qua việc đánh tráo hàm nghĩa để phục vụ cho dã tâm xâm lược. Đó chính là ngụy biện.

35. LÀM LẪN LỘN THỜI THÁI

Có những mệnh đề thật hay giả đều không can hệ tới thời thái. Trong bất cứ thời thái nào, nó đều là thật. Thế nhưng cũng có những mệnh đề mà sự thật hay giả là có can hệ tới thời thái, nó chỉ đúng trong thời thái nào đó. Có người ngụy biện đã bằng cách làm lẫn lộn thời thái của mệnh đề để làm lẫn lộn phải trái, nhằm bào chữa cho sự giả dối của họ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn thời thái*. Ví dụ, có người luận chứng thế này :

"Lỗ Tấn là nhà cách mạng, nhà tư tưởng, nhà văn vĩ đại. Lỗ Tấn lúc ba tuổi là Lỗ Tấn. Cho nên, Lỗ Tấn lúc ba tuổi là nhà cách mạng, nhà tư tưởng, nhà văn vĩ đại".

Biện luận này xem xét từ quan điểm logic truyền thống thì tiền đề là chân thực, hình thức suy luận cũng đúng. Thế nhưng lại suy ra kết luận giả dối. Sở dĩ như vậy, sự thật giả của đại tiền đề trong suy luận có liên quan tới thời thái, đây là mệnh đề thời thái. Thế mà ở đây lại làm lẫn lộn thời thái của mệnh đề. Do đó sẽ dẫn tới sai lầm, ngụy biện.

Ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn thời thái* có lúc biểu hiện thành việc lấy mệnh đề thời thái tương lai làm mệnh đề thời thái hiện thực. Ví dụ, xưa kia có một địa chủ mượn cớ làm lễ mừng thọ, đã khấu tiền công hàng tháng của người ở. Đến ngày mời khách, hắn ta chỉ cho người ăn kẻ làm mỗi người một quả trứng gà, còn nói :

"Đây là con gà to béo sau này, ăn đi !"

Đó là địa chủ cố tình làm lẫn lộn thời thái của mệnh đề, lấy mệnh đề thời thái tương lai làm mệnh đề thời thái hiện thực để ngụy biện, vừa tức vừa buồn cười.

Ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn thời thái* có lúc cũng biểu hiện thành việc lấy mệnh đề thời thái quá khứ làm mệnh đề thời thái hiện thực. Ví dụ, có hai cô gái tới siêu thị mua hàng, khi trả xong tiền và chuẩn bị về thì bị hai người phục vụ là nam giới chặn lại, nghiêm giọng hỏi : *"Có cầm đồ khác không ?"* Cô gái nhẫn nhục trả lời : *"Không cầm"*. Và mở túi cho họ xem. Họ đã không

thèm nghe giải thích mà lại còn vặn hỏi nhiều lần nữa, rồi dẫn hai cô như giải phạm nhân đi, cuối cùng là đẩy vào một nhà kho. Các cô không biết cầu cứu ai, vừa tức vừa xấu hổ, đành phải tự lột mũ, cởi áo, mở túi cho họ kiểm tra. Thấy các cô đúng là bị nghi oan, đành thả cho các cô đi. Thế nhưng, sau đó công ti kinh doanh đã xuyên tạc sự thực, nói rằng nhân viên phục vụ không có đẩy họ vào kho mà mời vào phòng làm việc. Khi có phóng viên đến điều tra thực địa, phát hiện rõ ràng là nhà kho, thế là phía công ti liền trí trá rằng :

"Đúng vậy, đây đã từng là phòng làm việc".

Có thể phòng này trước kia là phòng làm việc, nhưng hiện tại là nhà kho. Giờ đây đẩy hai cô gái vào phòng này tức là đẩy họ vào nhà kho. Không thể vì trước đây nó từng là phòng làm việc mà rút ra kết luận không phải đẩy vào nhà kho mà là "mời vào phòng làm việc". Cái cách xấu xa mà họ sử dụng ở đây chính là thuật ngụy biện kiểu lấy quá khứ làm hiện thực.

36. LÀM LẪN LỘN MÔ THÁI[1]

Có những mệnh đề phản ánh tính tất yếu của tình hình sự vật, đó là mệnh đề đề mô thái tất yếu. Có những mệnh đề phản ánh tính khả năng của tình hình sự vật, đó là mệnh đề mô thái khả năng. Trong biện luận, chúng ta muốn suy đoán về sự vật khách quan một cách chính xác, thì phải nắm chắc mô thái. Kẻ ngụy biện thường vẫn bằng cách thông qua việc làm lẫn lộn mô thái của mệnh đề để đạt mục đích ngụy biện. Đó chính là ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn mô thái.*

Trong *Tuyết Đào tiểu thuyết* của Giang Oanh Khoa có ghi một điển hình thế này :

Trong thành có một hộ thị dân rất nghèo khổ, nghèo đến mức ăn cơm sáng mà không biết ăn tối ra sao. Một hôm, người chồng tình cờ nhặt được quả trứng gà, mà sướng rơn lên, vội vội vàng vàng chạy về nhà, vui vẻ nói với vợ : *"Chúng ta có gia sản rồi ! Chúng ta có gia sản rồi !"*

Người vợ thấy bộ điệu vui sướng của chồng thì hỏi : *"Gia sản ở đâu ?"*

Anh ta đưa ra quả trứng gà rồi huơ lên mà nói : *"Đây chứ đâu !"* và rồi anh bấm đốt ngón tay tính với vợ :

"Tôi mượn con gà hàng xóm ấp quả trứng này, nở ra được một chú nhíp. Khi nó lớn lên lại đẻ trứng, mỗi tháng có thể được 15 quả trứng. Rồi thì lại cho ấp thành gà con, hai năm sau, gà lại sinh ra gà, sẽ được 300 con, và mua được 10 lạng vàng. Lấy 10 lạng mua 5 con bò cái, bò đẻ ra bò, ba năm là được 25 con, rồi bò lại đẻ ra bò, ba năm nữa thì thành 150 con bò, có thể mua được 300 lạng vàng. Tôi dùng số vàng này cho vay, trong vòng ba năm,

---

(1) *Mô thái từ* là những từ phản ánh sự vật hoặc mô thái mệnh đề như *tất yếu, có thể, phải, cho phép, cấm, biết, tin tưởng, trước kia, bây giờ, tương lai.* Nó là đối tượng nghiên cứu logic mô thái. Bao gồm từ mô thái như : *tất yếu* (biểu thị bằng □ hoặc L), *có thể* (biểu thị bằng ◇ hoặc M) thì gọi là mô thái giá trị thực. Bao gồm từ mô thái như : *phải* (O), *cho phép* (P), *cấm* (F) thì gọi là mô thái quy phạm. Bao gồm từ mô thái như : *biết* (:), *nhận thấy* (⅄), *tin tưởng* (B) thì gọi là mô thái nhận biết. Bao gồm từ mô thái thời không như : *trước kia* (P), *hiện tại* (T), *tương lai* (F) thì gọi là mô thái vật lí. Chỉ bao gồm mô thái giá trị thực mới gọi là logic mô thái nghĩa hẹp. Còn bao gồm ba loại mô thái sau thì gọi là logic mô thái nghĩa rộng.

cả vốn lẫn lời sẽ được 500 lạng vàng. Tôi lấy 2/3 số đó để mua nhà đất, 1/3 để mua một nô tì, lấy vợ bé. Tôi và mình sẽ có thể sống như tiên".

Người vợ thấy chồng nói tới việc lấy vợ bé thì giận dữ, đập tan quả trứng, lại còn đay nghiến : *"Đập vỡ bây giờ để tránh cái họa sau này !"*

Người chồng thấy trứng gà bị vỡ, những toan tính cho tương lai tan biến, bèn túm lấy vợ nện cho một trận, rồi đó lôi lên quan, tố cáo với viên quan huyện : *"Con ác phụ này làm tan cả gia sản nhà tôi rồi, xin lão gia giết nó đi !"*

Quan huyện hỏi : *"Gia sản ngươi ở đâu ? Sao mà phá tan được ?"*

Người chồng liền nói từ việc nhặt được quả trứng rồi kế hoạch làm giàu ra sao, nói đến việc toan tính lấy vợ bé. Quan huyện nghe xong phán : *"Gia sản lớn như vậy mà bị con ác phụ chỉ một đấm đánh vỡ tan, thật đáng giết"*. Thế là quan xử tội bỏ vạc dầu, ra lệnh bắc vạc ra để chuẩn bị xử con ác phụ nọ. Người vợ thấy vậy, liền gào khóc :

"Gia sản mà hắn ta nói đều là việc chưa chắc, sao lại đem tôi bỏ vạc ?"

"Thế việc chồng ngươi bảo lấy vợ bé cũng là chưa chắc, sao lại ghen tuông" ? Quan huyện nói.

Người vợ nói : *"Tuy là thế, nhưng trừ họa sớm vẫn là hơn"*.

Quan huyện cười mà tha cho về.

"Được 500 lạng vàng" mà anh chồng nói chỉ là khả năng, và là việc mịt mù xa xăm, không chắc. Anh ta đã lấy mệnh đề có thể làm thành mệnh đề tất yếu, làm lẫn lộn mô thái giữa các mệnh đề, rồi từ đó mà thêu dệt nên tội danh, định đẩy vợ vào cái chết. Thật sai lầm đến cực độ.

37. LẬP LUẬN SAI TỪ MƠ HỒ

Trong cuộc sống hiện thực, không phải mọi sự vật đều có giới hạn phân minh, không phải cái này thì là cái kia, mà thường là có hàng loạt những trường hợp có tính mơ hồ. Ví dụ, khổ người cao, tốc độ nhanh, dáng người béo, trẻ trung đều là mơ hồ, không có giới hạn rõ ràng. Nếu coi khái niệm mơ hồ là chính xác tuyệt đối thì có thể sẽ dẫn tới sai lầm, tạo nên biện luận giả dối. Ví dụ :

"Lập luận sai về đống thóc". Ơ-bu-li-tơ là nhà ngụy biện nổi tiếng cổ Hi Lạp luận chứng rằng : Một hạt thóc không thể coi là đống thóc thêm một hạt cũng chưa thành đống. Nếu cứ tiếp tục mà suy sẽ có kết luận rằng đống thóc hoàn toàn không tồn tại.

"Lập luận sai về thằng trọc". Có người luận chứng rằng : Chúng ta gọi những ai đầu không một sợi tóc là thằng trọc, vậy thì người có hơn người trọc một sợi tóc có phải là thằng trọc không ? Đương nhiên vẫn là thằng trọc. Và nếu cứ tiếp tục suy như vậy sẽ có kết luận là : Người tóc rậm rì vẫn là thằng trọc.

"Lập luận sai về người đói". Có người luận chứng rằng : Nếu có người ba ngày không được một miếng ăn thì đó rõ ràng là người đói. Người ăn hơn một hạt cơm so với người đói rõ ràng vẫn là người đói. Nếu cứ suy tiếp tục thì có thể được kết luận là : người đói sau khi ăn căng bụng vẫn là người đói.

Lấy mệnh đề chân thực bao hàm khái niệm mơ hồ làm tiền đề như vậy mà vận dụng một loạt phép suy diễn kiểu điều kiện tách biệt để cuối cùng có được kết luận giả dối, đó là *Lập luận sai từ mơ hồ*. Dùng hình thức *Lập luận sai từ mơ hồ* để luận chứng cho cái giả dối, đó là ngụy biện kiểu *Lập luận sai từ mơ hồ*.

Với ngụy biện kiểu này thì logic truyền thống đành chịu bó tay, bất lực, bởi vì logic truyền thống chuyên nghiên cứu về mệnh đề khái niệm chính xác. Logic truyền thống cho rằng một mệnh đề hoặc là chân thực hoặc là giả dối, giới hạn tuyệt đối phân minh. Thế nhưng, trong ngụy biện kiểu *Lập luận sai*

từ mơ hồ lại bao hàm khái niệm mơ hồ, cho đến cả mệnh đề và cách suy luận tạo nên từ loại khái niệm này. Logic truyền thống không làm sao mà làm nổi. Để nghiên cứu loại vấn đề này, người ta đã xây dựng logic mơ hồ.

Điểm then chốt logic mơ hồ miêu tả tính mơ hồ là dẫn tới khái niệm độ lệ thuộc. Hãy lấy khái niệm "thằng trọc" để nói, tập hợp do thằng trọc tạo thành được ghi là S. Với quan hệ tập hợp thằng trọc S, ta có mấy trường hợp sau : Nếu ai đó không có một sợi tóc thì rõ ràng là thằng trọc, và có thể xác định là thuộc về S. Như vậy, độ lệ thuộc của người này đối với S là "1". Một ai đó đầu tóc rậm rì thì chắc chắn là không phải là thằng trọc, và có thể xác định là không thuộc về S. Vậy thì, người này có độ lệ thuộc đối với S là "O". Còn với đa số người ta mà nói, thì độ lệ thuộc với S không phải là "O" và "1". Chúng ta có thể dùng logic mơ hồ để phân tích lập luận sai về thằng trọc kể trên : Một ai đó không có một sợi tóc thì là thằng trọc. Anh ta xác định thuộc về S và độ lệ thuộc là "1". Người nhiều hơn thằng trọc một sợi tóc thì độ lệ thuộc vào S tuy rất tương tự, thế nhưng không giống nhau, mà có một sai khác rất nhỏ. Cùng với sự phát triển từng bước của suy diễn mà giá trị thực của kết luận cùng với tiền đề sẽ cũng tích lũy dần. Khoảng sai lệch với "1" ngày càng lớn, cho đến khi giá trị thực của kết luận hạ xuống "O" mà được kết luận giả dối. Lập luận sai mà dùng logic mơ hồ để phân tích, xuất phát từ tiền đề chân thực, trải qua một loạt sự suy diễn gần giống rồi cuối cùng có được kết luận. Đó chính là sự lí giải đúng đắn.

Dùng logic mơ hồ cũng có thể phản bác "lập luận sai về người đói", "lập luận sai về đống thóc".

38. BỘ PHẬN THAY CHO CHỈNH THỂ

Người ngụy biện cố tình làm lẫn lộn quan hệ giữa bộ phận và chỉnh thể, lấy bộ phận làm chỉnh thể để luận chứng cho các sai lầm của mình. Đó chính là ngụy biện kiểu *Bộ phận thay cho chỉnh thể.*

Ví dụ cuộc biện luận trong đàm phán sau :

Thủ tướng I-răng là Mu-ha-mét Mô-sa-tai tuy đã ngoài 70 mà vẫn giải quyết công việc ngoại giao. Một lần Mô-sa-tai đàm phán với đại diện nước Anh về vấn đề giá xuất khẩu dầu hỏa của I-răng, ông ta đòi hỏi phần ngoại ngạch một thùng dầu phải vượt giá cả toàn bộ một thùng dầu. Người trung gian là Mông-phli Ha-ri-man, đại diện nước Mĩ cũng tham gia đàm phán, ông này nói với Mô-sa-tai : *"Ngài thủ tướng, nếu chúng ta thảo luận vấn đề theo lí trí thì cần phải cùng tuân theo một số nguyên tắc cơ bản".* Mô-sa-tai nhìn ông ta : *"Nguyên tắc gì ?"* Ha-ri-man nói : *"Ví dụ, chẳng có bộ phận nào lại lớn hơn chính thể của nó".* Mô-sa-tai nhăn mặt, chậm rãi nói :

"Về nguyên tắc này, không đứng vững đâu. Được, tôi sẽ lấy ví dụ, chẳng hạn con cáo đấy, cái đuôi của nó thường vẫn dài hơn mình nó đấy thôi".

Nói xong, Mô-sa-tai ngả người trên ghế mà ôm bụng cười, khiến Ha-ri-man chết lặng.

Sự thực thì chỉnh thể của con cáo là bao gồm cả mình lẫn đuôi. Mình con cáo không phải là chỉnh thể mà chỉ là một bộ phận. Mô-sa-tai ở đây đã lấy bộ phận làm chỉnh thể và kết quả đã thoát ra khỏi khó khăn.

Trong biện luận, còn có trường hợp thế này : Chúng ta chỉ suy đoán về bộ phận của sự vật, còn người ngụy biện thì coi bộ phận đó là chỉnh thể mà gán cho chúng ta một quan điểm sai lầm nào đó. Chẳng hạn, cổ Hi Lạp có nhà ngụy biện tranh luận với nhà triết học phái khuyển nho rằng :

Người ngụy biện : *"Tôi khác với anh"*

Nhà triết học : *"Tôi đồng ý".*

Người ngụy biện : *"Tôi là một anh đàn ông".*

Nhà triết học : *"Đồng ý".*

Người ngụy biện : *"Bởi vậy, anh không phải là một anh đàn ông".*

"Tôi khác với anh" mà nhà triết học đồng ý là chỉ thuộc tính bộ phận khác nhau, không phải là hai người mặt nào cũng khác nhau. Người ngụy biện đã lấy bộ phận này để coi mọi mặt đều khác nhau, và được kết luận làm tổn thương tính chất con người. Đó chính là ngụy biện. Nhà triết học lấy lời họ mà trị lại họ, ông ta nói : *"Nếu anh cho câu này được xác lập thì anh hãy bắt đầu từ tôi nói lại một lượt..."* Bộ dạng đắc ý của người ngụy biện vụt biến mất.

Ngoài ra, giữa các sự vật có quan hệ bộ phận và chỉnh thể, những thuộc tính của bộ phận thì chỉnh thể không tất yếu phải có. Người ngụy biện có khi đã dùng một thuộc tính nào đó của bộ phận làm luận cứ mà luận chứng chỉnh thể cũng có thuộc tính đó, nhằm làm lẫn lộn phải trái.

Trong *Thiên ngụy biện* của Aristotēs có ghi đoạn ngụy biện sau :

5 là 2 và 3. 2 là số chẵn, 3 là số lẻ. 5 là số chẵn, lại là số lẻ.

Trong biện luận này, 5 là chỉnh thể, 2 và 3 trong đó là bộ phận tạo thành. Thuộc tính của bộ phận, chỉnh thể không tất yếu phải có. Chẳng hạn, trong đó 2 có thuộc tính số chẵn, mà 5 lại không có. Đây là ngụy biện kiểu *Bộ phận thay cho chỉnh thể.* Nghị luận sau cũng vậy :

Thân người là tạo thành từ tế bào. Tế bào bé tí xíu, cho nên thân người cũng bé tí xíu.

Tế bào – bộ phận tạo thành thân người là nhỏ bé, thế nhưng không thể từ đó mà chứng minh thân người là nhỏ bé.

39. LÀM LẪN LỘN TẬP HỢP

Người ngụy biện cố tình bằng cách làm lẫn lộn sự phân biệt giữa khái niệm tập hợp và khái niệm phi tập hợp để làm lẫn lộn phải trái, đảo lộn trắng đen. Đó là ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn tập hợp*.

Ta hãy quan sát cuộc thoại xảy ra trên chuyến tàu điện, như sau :

Chuyến tàu điện vào trạm dừng, có tốp người ào lên, bỗng *"choang"* một cái, tấm kính do chen chúc mà vỡ. Người bán vé chỉ mặt người huých vỡ kính quát :

"Kính vỡ, phải đền đúng giá !"

"Sao lại tôi đền ?"

"Làm hỏng tài sản của nhân dân lại còn không đền à ?"

Người nọ trí trá : *"Tôi cũng là một thành viên của nhân dân, tài sản này cũng là một phần của tôi, tôi không đòi phần của tôi nữa, tôi khỏi phải đền !"*

Câu trả lời đột nhiên này đã làm cho người bán vé phải bối rối, đành giương mắt nhìn người nọ bỏ đi.

Câu trả lời của người khách đi tàu rõ ràng là sai, và cái sai ở chỗ làm lẫn lộn sự phân biệt giữa khái niệm tập hợp và khái niệm phi tập hợp.

Logic học căn cứ vào khái niệm có phải là phản ánh thể tập hợp của sự vật hay không mà có thể chia ra khái niệm tập hợp và khái niệm phi tập hợp. Thể tập hợp là chỉnh thể do những sự vật cùng loại tạo nên, còn khái niệm tập hợp chính là khái niệm phản ánh thể tập hợp của sự vật, khái niệm phi tập hợp chính là khái niệm không phản ánh thể tập hợp của sự vật. Khái niệm tập hợp và khái niệm phi tập hợp là khác nhau, thuộc tính của khái niệm tập hợp thì mỗi cá thể trong thể tập hợp không chắc đã có. Chẳng hạn nói *"người Trung Quốc"* trong *"người Trung Quốc chiếm 1/5 dân số thế giới"* là khái niệm tập hợp, nó có thuộc tính *"chiếm 1/5 dân số thế giới"*, thế nhưng mỗi cá thể trong thể tập hợp *"người Trung Quốc"* thì lại không có thuộc tính này : Trong khái niệm phi tập hợp, thì mỗi cá thể đều phải có thuộc tính của khái niệm này. Chúng ta cần chú ý sự phân biệt giữa khái niệm tập hợp, và khái niệm phi tập hợp.

Trong một ví dụ ở trên, "nhân dân" trong "tài sản của nhân dân" là khái niệm tập hợp, nó phản ánh cả chỉnh thể không bị chia cắt được tạo thành từ những cá thể nhân dân, mà không chỉ từng cá thể cụ thể tạo nên chỉnh thể này : *"Kính tàu điện là tài sản của nhân dân"*, không phải là tài sản của một ai trong đó. Do vậy lời người khách đi tàu là ngụy biện.

Muốn phản bác loại ngụy biện này, chúng ta phải chỉ ra sự phân biệt giữa khái niệm tập hợp là khái niệm phi tập hợp. Lại ví dụ :

Tiểu Cao đọc sách mà không chọn lựa, đọc cả những sách khiêu dâm, bạo lực. Thầy phát hiện, phê bình rằng : *"Loại sách xấu này không được đọc !"* Tiểu Cao phản đối dứt khoát :

"Sách là bậc thang tiến bộ của loài người, những sách này cũng là sách sao em lại không được xem ?"

Ở đây, *"Sách"* trong *"Sách là bậc thang tiến bộ của loài người"* là khái niệm tập hợp, là thể tập hợp. Sách có thuộc tính : bậc thang tiến bộ của loài người, không phải là mỗi quyển sách trong đó đều có thuộc tính này, chẳng hạn sách khiêu dâm bạo lực thì không có thuộc tính này. Tiểu Cao chỉ là trí trá.

40. CỐ TÌNH LẪN LỘN SỰ VẬT VÀ CẢM THỤ

Sự vật tồn tại khách quan có phân biệt với cảm giác của con người đối với thuộc tính về mặt nào đó của sự vật khách quan. Thế nhưng, trong quá trình biện luận, người ngụy biện lại thường hay cố tình lấy sự vật tồn tại khách quan đánh lộn với cảm thụ của con người về thuộc tính ở mặt nào đó của chúng để biện luận. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Cố tình lẫn lộn sự vật và cảm thụ.*

Ta hãy quan sát câu chuyện biện luận sau đây :

Một người đi đường nghèo khổ ngồi dưới một gốc cây và đang ăn thức ăn đơn giản mà ông ta mang trong bọc hành lí. Bên cạnh ông là một bà thuộc loại buôn bán vỉa hè đang rán cá. Bà này ngắm nghía người đi đường, nhìn ông ta ăn cơm. Đợi khi ông ta ăn hết cơm, bà ta mới chìa tay nói :

"Đưa cho tôi 2 hào 5 xu, đây là tiền mua cá rán !"

"Thế nhưng, thưa bà !" Người đi đường nghèo khổ nọ phản đối *"Tôi đâu có hề đến gần mẹt hàng của bà, càng không thể nói bốc cá của bà được !"*

"Ông là đồ hám của, là đồ lừa đảo !" Mụ già lồng lên *"Ai mà chẳng thấy ông vừa ăn cơm đấy thôi, và vẫn cứ luôn hít cái mùi cá rán của tôi ! Không có mùi thơm này thì liệu cái nắm cơm chấm muối kia có nuốt nổi không ?"*

Bỗng chốc dồn đến một đám đông đứng xem. Tuy mọi người đều đồng tình với người đi đường nghèo khổ, nhưng cũng không thể không thừa nhận rằng cơn gió từ phía bắc thổi tới và chắc chắn là đưa mùi cá rán thơm ngậy tới ông người nghèo nọ.

Cuối cùng, mụ bán hàng và người đi đường nọ đã kéo nhau tới trước công chúa tinh thông pháp luật. Phán xét của công chúa như sau :

"Bà bán hàng khăng khăng nói rằng ông đi đường này lúc ăn cơm đã lợi dụng mùi cá rán của bà ta. Người đi đường này không thể phủ nhận rằng khi ngồi xuống ăn cơm thì gió đưa mùi cá vào mũi ông ta, bởi vậy, ông ta phải trả tiền. Thế nhưng làm sao để xác định được giá tiền mùi cá đây ? Bà bán

hàng thì nói là giá tiền mỗi đĩa cá rán là 2 hào 5 xu, nay lệnh cho bà bán hàng và ông đi đường đều phải rời tòa án, đi ra chỗ ánh nắng mặt trời, người đi đường rút ra 2 hào 5 xu, bà bán hàng cầm lấy cái bóng 2 hào 5 xu chiếu xuống. Bởi vì, một đĩa cá rán là 2 hào 5 xu thì mùi một đĩa cá rán phải là cái giá tiền là bóng của 2 hào 5 xu".

Tuy nhiên, cá rán và mùi cá rán là khác nhau, ăn cá rán và ngửi mùi cá rán cũng khác nhau. Mụ bán hàng tham lam cố tình làm lẫn lộn sự khác biệt giữa hai cái để mà đòi tiền người đi đường nghèo khổ nọ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Cố tình lẫn lộn sự vật và cảm thụ*. Đối phó với loại ngụy biện này theo cách trả miếng là biện pháp hữu hiệu nhất. Lại ví dụ :

Có một tên bụi đời đứng trước rạp hát, kéo một người đi đường mà đòi ông ta tiền vé. Người này rất tức giận, mắng : *"Tôi đâu có xem hát, sao lại đòi tiền vé ?"*

"Ông không xem hát, nhưng lại nghe tiếng hát, được, cho giảm nửa tiền", tên lưu manh nói.

Lúc đó, Long Phát Tài thông minh vừa vận bưng một rổ bánh bao đi ra, nghe tên lưu manh nói vậy thì hỏi : *"Này, anh ngửi xem, bánh bao của tôi đã hỏng chưa ?"*

Tên lưu manh nói : *"Chưa, vẫn còn thơm chán !"*

Long Phát Tài nói : *"Tốt lắm, anh đã ngửi mùi bánh bao, cũng phải trả nửa tiền tháng bánh này cho tôi !"*

Tên lưu manh giật mình, chuồn lẹ.

Ngồi trong rạp hát xem hát khác với đi qua mà nghe tiếng hát trong rạp. Long Phát Tài đã lấy lời tên lưu manh để đập lại y, bắt y phải trả nửa số tiền bánh bao do đã ngửi mùi. Như vậy đã phản bác y một cách hữu hiệu.

41. DĨ THỰC LOẠN DANH

Ngôn ngữ có tính xã hội, việc sử dụng ngôn ngữ chịu sự quy định của xã hội. Sự vật nào thì biểu thị bằng hình thức ngôn từ nào, ý nghĩa của từ ngữ nào đó là gì, tất cả những cái đó đều quyết định bởi ý chí tập thể xã hội nhất định, quyết định bởi tập quán xã hội được hình thành trong ước định. Sống trong xã hội đó, con người phải tuân theo tập quán đó. Thế nhưng, người ngụy biện để đạt được mục đích ngụy biện làm lẫn lộn đúng sai đã nêu ra những hiện tượng cá biệt, phiến diện, bề ngoài của sự vật nhằm phủ định hình thức biểu đạt ngôn ngữ của sự vật. Đó chính là ngụy biện theo kiểu *Dĩ thực loạn danh*. Ví dụ :

A và B nhìn thấy một con chó trắng, thế là nổ ra tranh luận.

A : *"Đây là chó trắng phải không ?"*

B : *Đương nhiên là chó trắng, anh không thấy màu lông toàn thân của nó là trắng à ?"*

A : *"Tôi nói là chó đen".*

B : *"Anh đáo lộn đen trắng !"*

A : *"Nếu căn cứ vào màu lông, thì lông con chó này màu trắng, và có thể gọi nó là chó trắng. Thế nhưng, nếu căn cứ vào màu mắt thì mắt con chó này màu đen, cho nên có thể nói nó là chó đen. Cũng vậy, nếu con chó này mù mắt thì chúng ta gọi là con chó mù, vậy thì, mắt một con chó màu đen, tại sao ta không gọi nó là chó đen !"*

Con chó có màu lông trắng thì mọi người gọi là *"chó trắng"*, đó là tập quán xã hội, không ai được tùy tiện thay đổi. Thế mà A không tuân theo tập quán này, lại nêu ra cái cục bộ của sự vật là *"mắt đen"* thực để phủ định cái danh của sự vật là *"chó trắng"*. Đó chính là ngụy biện, là lấy cái "thực" cục bộ của sự vật để làm loạn cái "danh" của chỉnh thể. Lại ví dụ :

"Núi cao cũng cao như mặt hồ. Tại sao ? Chẳng phải là có những hòn núi cao vừa phải cũng chỉ cao bằng mặt hồ trên núi cao hay sao ?"

Nói chung, núi cao cao bằng mặt hồ, ở đây người ngụy biện đã lấy hòn núi cao cá biệt và mặt hồ cá biệt để phủ định cái "danh" thông thường.

Có những người ngụy biện lại lấy cái "thực" có thể để làm loạn cái "danh" có thực.

"Anh đã thấy trứng gà mọc lông chưa ? Thực tế là trứng gà có lông. Trứng gà ấp nở gà con, gà con có lông, vậy sao có thể nói trứng gà không có lông hả ?"

Trứng gà ấp nở ra gà con là có thể, nhưng không phải là tất yếu. Nếu là trứng gà chưa được thụ tinh hoặc đã luộc chín thì không thể ấp nở gà con. Kẻ ngụy biện ở đây đã lấy cái "thực" có thể trong tương lai của trứng gà để làm loạn cái "danh" "trứng không lông" của hiện thực.

Kẻ ngụy biện có lúc còn lấy cái "thực" của thời quá khứ để làm loạn cái "danh" thời hiện tại.

"Con cóc là có đuôi. Bởi vì con cóc lúc bé là nòng nọc, nòng nọc có đuôi, cho nên cóc có đuôi".

Dù rằng con nòng nọc cóc có đuôi, nhưng không thể chứng minh là cóc có đuôi.

Có kẻ ngụy biện lấy cái "thực" của trạng thái hiện thực để làm loạn cái "danh" của trạng thái quá khứ.

"Con ngựa non đơn côi là con ngựa không mẹ, con ngựa có mẹ thì không gọi là con ngựa non đơn côi. Cho nên, con ngựa non đơn côi thì xưa nay không hề có mẹ".

Con ngựa non đơn côi trong trạng thái hiện thực là không có mẹ, điều này không chứng minh được con ngựa non đơn côi là xưa nay không có mẹ.

Phần trên là những mệnh đề ngụy biện nổi tiếng thời Chiến Quốc : *"Chó trắng đen", "núi bằng hồ", "trứng có lông, "cóc có đuôi", "ngựa non đơn côi chưa từng có mẹ".* Những mệnh đề này sở dĩ là giả dối, là vì kẻ ngụy biện chỉ nhằm vào cái "thực" phiến diện, bề mặt của sự vật để phủ định cái "danh" của sự vật. Đó là *Dĩ thực loạn danh.*

42. DĨ DANH LOẠN THỰC

Danh là từ ngữ phản ánh sự vật khách quan nào đó. *Thực* là sự vật khách quan mà từ ngữ nào đó phản ánh. Muốn cho biện luận được tiến hành thuận lợi thì phải làm cho *danh thực* phù hợp với nhau. Kí hiệu từ ngữ phải diễn đạt chính xác sự vật thực tế. Kẻ ngụy biện thường dùng những từ ngữ không phù hợp để gọi một sự vật khách quan nào đó, từ đó mà đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Dĩ danh loạn thực*.

Có câu chuyện hài hước nước ngoài như sau :

Nhân viên hải quan : *"Trong túi của ngài đựng cái gì vậy ? Xin mở ra cho tôi xem !"*

Lữ khách : *"Là thức ăn của chim"*.

Nhân viên hải quan : *"Đây rõ ràng là kim cương, mà ông lại bảo là thức ăn của chim !"*

Lữ khách : *"Tôi bảo thức ăn của chim thì là thức ăn của chim, còn chim có ăn hay không thì tôi đâu có quan tâm"*.

Rõ ràng là kim cương, nhưng lữ khách lại dùng từ ngữ là "thức ăn của chim" để chỉ, cho cái danh là *"thức ăn của chim"*, lữ khách này rõ ràng chơi cái trò ngụy biện kiểu *Dĩ danh loạn thực*

Khoảng hơn hai ngàn năm trước, Tuân Tử là nhà triết học nổi tiếng của Trung Quốc đã từng nghiên cứu sâu về các thuật ngụy biện kiểu *Lấy danh để loạn danh", "Lấy thực để loạn danh", "Lấy danh để loạn thực"* và tìm cách phản bác lại các trò ngụy biện đó. Trong đó, *"Lấy danh để loạn thực"* có hàm nghĩa giống với *Dĩ danh loạn thực* như ở đây. Ông chỉ ra : *"Nghiệm chi danh ước dĩ kì sở thụ bội thì sở từ, tắc năng cấm chi hĩ.* "Tức là nói chỉ cần dùng cái hàm nghĩa được xác nhận của khái niệm, từ ngữ nào đó để nghiệm chứng, lấy cái đối phương tán thành để phản bác cái họ phản đối, vạch ra cái mâu thuẫn logic của đối phương, như vậy thì cái ngụy biện sẽ không có cách gì thực hiện được.

Ta hãy quan sát một chuyện hài nước ngoài như sau :

Người chủ sạp hàng sữa bò : *"Hôm nay anh phải chăng là đã pha nước vào sữa há ?"*

Người giúp việc mới : *"Vâng, thưa ông"*

Người chủ : *"Anh có biết đó là việc không có đạo đức không ?"*

Người giúp việc mới : *"Vâng, thưa ông. Thế nhưng chả phải chính ông đã nói..."*

Người chủ : *"Là tôi nói, về sau phải chuẩn bị trước nửa thùng nước, rồi đó mới đổ sữa bò vào. Như vậy, chúng ta mới có thể yên tâm mà nói với mọi người là chúng ta không pha nước vào sữa".*

Ai cũng biết rằng *"pha nước vào nửa thùng sữa bò"* và *"pha sữa bò vào nửa thùng nước"* tuy hình thức ngôn ngữ khác nhau, nhưng lấy cái việc sữa bò họ bán ra có pha cái giả, về điểm này mà nói, là như nhau. Người chủ hàng phản đối việc *"pha nước vào sữa"* nhưng lại kiên trì việc *"pha sữa vào nước"*, cố tình dùng hình thức ngôn ngữ *"pha sữa vào nước"* để phủ định thực chất *"pha nước vào sữa"*. Như vậy đã tạo nên mâu thuẫn logic. Ông ta chẳng qua là chơi cái trò ngụy biện xấu xa kiểu *Dĩ danh loạn thực* mà thôi.

43. LÀM LẪN LỘN DANH VÀ THỰC

Ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn danh và thực* là chỉ phương pháp ngụy biện mà người ngụy biện cố tình làm lẫn lộn sự phân biệt giữa sự vật khách quan nào đó với hình thức ngôn ngữ chỉ – gọi sự vật khách quan này, để từ đó biện hộ cho sự giả dối của họ.

Ta hãy quan sát cuộc thoại sau :

Học sinh : *"Thưa thầy, chữ "đinh" nghĩa là gì ?"*

Thầy giáo : *"Chữ "đinh" thời xưa chỉ người"*

Học sinh : *"Vậy em biết rất nhiều người mà tại sao thầy báo em là "mục bất thức đinh" ạ ?"*

Vào thời xưa, "đinh" là người, đó là chỉ người – một sự vật khách quan. "Mục bất thức đinh" lại chỉ : ngay chữ "đinh" cũng không biết. Ở đây, "đinh" là chỉ hình thức ngôn ngữ chỉ người – một sự vật. Học sinh này đã trí trá theo cách làm lẫn lộn sự phân biệt giữa chúng. Lại ví dụ :

A : *"Lửa là nhiệt phải không ?"*

B : *"Không, lửa không phải là nhiệt".*

A : *"Sao ? Lửa không phải là nhiệt à ?"*

B : *Nếu lửa là nhiệt, vậy thì, viết chữ "lửa" lên mặt đất, chân không dẫm lên, chân có bị bỏng không ? Hết nhiên liệu, ta viết chữ "lửa" dưới đáy xoong, có nấu chín được thức ăn không ? Mất điện, viết chữ "lửa" vào nồi cơm điện, có nấu chín cơm không ?"*

Cũng vậy, ở đây A nói tới đặc tính của "lửa" – một sự vật trong tự nhiên, còn B lại toàn nói về "lửa" với hình thức ngôn ngữ phản ánh sự vật này. Bề ngoài chúng như là phù hợp với nhau, nhưng thực chất khác nhau, B là ngụy biện.

Ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn danh và thực* sở dĩ giả dối là vì một sự vật khách quan nào đó không giống với hình thức ngôn ngữ phản ánh sự vật khách quan này. Chung quanh ta có rất nhiều sự vật khách quan, tư duy của chúng ta muốn phản ánh chúng thì phải bằng lời, hình thức ngôn ngữ phản ánh sự vật khách quan có mối liên hệ nhất định với sự vật khách quan, thế nhưng, giữa chúng lại có phân biệt. Sự vật khách quan là cái thứ nhất, tư duy của chúng ta là sự phản ánh sự vật khách quan. Đối tượng phản ánh khác với sự phản ánh đối tượng sự vật. Ví dụ, chim là động vật trong giới tự nhiên, nó biết bay, thế nhưng, "chim" – hình thức ngôn ngữ phản ánh sự vật này lại không bay được. Ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn danh và thực* đã cố tình làm lẫn lộn chúng. Điều này khó tránh khỏi sai lầm, tạo nên ngụy biện.

44. LÀM LẪN LỘN TẦNG THỨ

Ta hãy quan sát đoạn biện luận sau :

(1) Thầy giáo : *"Vương Tiểu Minh, em hãy đặt câu với thành ngữ "cảnh đoản cấp thâm".*[1]

Vương Tiểu Minh không hiểu hàm nghĩa của *"cảnh đoản cấp thâm"*, vò đầu bứt tai đáp : *"Em không biết đặt câu với cảnh đoản cấp thâm".*

Thầy giáo : *"Em không nghiêm túc nghe giảng trên lớp à ?"*

Vương Tiểu Minh học hành không nghiêm túc nhưng lại trí trá, cậu đáp lời :

"Thưa thầy, đặt câu với "cảnh đoản cấp thâm" là đặt một câu mà trong đó dùng thành ngữ này, và em vừa nói câu : "Em không biết đặt câu với "cảnh đoản cấp thâm", như vậy là đã đặt một câu mà trong đó có thành ngữ "cảnh đoản cấp thâm". Thưa thầy, em có gì đáng phải trách đâu ?"

(2) Học sinh : *"Thưa thầy, phải chăng mọi từ đều có thể làm chủ ngữ ?"*

Thầy giáo : *"Không đúng, hư từ nói chung không làm chủ ngữ".*

Học sinh : *"Em cho rằng mọi từ đều có thể làm chủ ngữ. Chẳng hạn nói câu : "Rất" là phó từ". "Rất "trong đó làm chủ ngữ, đồng thời lại là phó từ. Từ nào cũng đặt câu được theo cách đó. Đó không phải là mọi từ đều làm chủ ngữ được sao ?"*

(3) Học sinh : *"Thưa thầy, em cho rằng mọi sự vật đều cố định bất biến mới đúng".*

Thầy giáo : *"Không đúng ! Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng, mọi sự vật đều không phải là cố định bất biến".*

Học sinh : *"Đã là" mọi sự vật đều không phải là cố định bất biến", vậy thì bản thân mệnh đề này cũng là sự vật như vậy, nó sẽ biến đổi, chỉ cần nó có một chút thay đổi thì sao lại không có kết luận : "Mọi sự vật đều cố định bất biến" ạ ?"*

---

(1) Vốn thành ngữ : *cảnh đoản cấp thâm*, có nghĩa là : dây gàu ngắn mà muốn múc nước giếng sâu. Hàm ý chỉ thái độ khiêm tốn khi nhận trách nhiệm nặng nề.

Những biện luận trên của học sinh rõ ràng là ngụy biện. Vậy thì cái sai nằm ở chỗ nào ?

Cái sai của họ là ở chỗ đã làm lẫn lộn tầng thứ của ngôn ngữ.

Ngôn ngữ chia ra thành các tầng thứ là ngôn ngữ đối tượng và ngôn ngữ gốc (tức nói về chức năng siêu ngôn ngữ). Ngôn ngữ đối tượng là ngôn ngữ được nghiên cứu. Ngôn ngữ gốc là ngôn ngữ dùng để nghiên cứu ngôn ngữ đối tượng. Hàm nghĩa của ngôn ngữ đối tượng và ngôn ngữ gốc là có phân biệt, nếu làm lẫn lộn sự phân biệt đó thì thường sẽ dẫn tới sai lầm và ngụy biện. Kẻ ngụy biện thường hay dùng cách làm lẫn lộn sự phân biệt giữa ngôn ngữ đối tượng và ngôn ngữ gốc để đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái. Đó chính là ngụy biện theo kiểu *Làm lẫn lộn tầng thứ.*

Chúng ta hãy phân tích ví dụ thứ nhất :

Trong đời sống chúng ta, tồn tại một tình trạng thế này (giải thích theo phần chú thích) : dây gàu rất ngắn, mà lại muốn múc nước giếng sâu, y như người có năng lực yếu mà muốn hoàn thành nhiệm vụ nặng nề. Để chỉ tình trạng sự vật này, người ta biểu đạt bằng thành ngữ : *cánh đoản cấp thâm.* Với trường hợp này, *cánh đoản cấp thâm* là ngôn ngữ đối tượng. "Cảnh đoản cấp thâm" do bốn chữ tạo thành", "cảnh đoản cấp thâm" là một thành ngữ" v.v... Trong những trường hợp này, cái mà "cảnh đoản cấp thâm" biểu thị không phải là ý nghĩa về việc múc nước, mà là sự nghiên cứu đối với bản thân thành ngữ "cảnh đoản cấp thâm" thuộc ngôn ngữ đối tượng, đó là ngôn ngữ gốc. Hàm nghĩa giữa hai cái là có khác nhau. Thầy giáo muốn Tiểu Minh đặt câu với thành ngữ *cánh đoản cấp thâm* là muốn cậu sử dụng thành ngữ này với ý nghĩa ngôn ngữ đối tượng. Còn *"Em không biết đặt câu với thành ngữ này"* lại sử dụng thành ngữ với ý nghĩa ngôn ngữ gốc. Tiểu Minh đã lấy từ ngữ với ý nghĩa là ngôn ngữ gốc để đánh tráo cho từ ngữ với hàm nghĩa là ngôn ngữ đối tượng. Điều này đã *Làm lẫn lộn tầng thứ,* dẫn tới ngụy biện.

Vũ khí hữu hiệu nhất để phản bác ngụy biện kiểu *Làm lẫn lộn tầng thứ* là thuyết ngôn ngữ tầng thứ. Về những kiến thức hữu quan với ngôn ngữ tầng thứ, chúng ta có thể tham khảo mục *Tầng thứ ngôn ngữ* (bài 69, phần II).

45. LẬP LUẬN SAI VỀ NGỮ NGHĨA

Từ cái thật của mệnh đề nào đó có thể suy ra cái giả của mệnh đề này. Từ cái giả của mệnh đề này lại có thể suy ra cái thật của mệnh đề này. Mệnh đề như vậy gọi là lập luận sai. Dùng lập luận sai (bội luận) để làm cho đối phương rơi vào khốn đốn mà chinh phục, đó là một cách thức thường dùng của người ngụy biện.

Nghe nói làng Sa-uây có một thợ cạo. Tết sắp đến, người đến cắt tóc rất đông, thế là đặt ra quy định : *"Tôi chỉ cạo mặt cho người trong làng tự mình không cạo mặt".*

Vất vả một ngày, tối đến, thợ cạo đang soi gương cạo mặt cho mình. Lúc này, con anh ta nói :

"Bố chỉ cạo mặt cho người tự mình không cạo mặt, thế mà giờ đây bố tự cạo mặt, vậy là vi phạm quy định của hiệu".

Thế là ông thợ cạo đành phải bỏ dao cạo xuống. Nhưng rồi nghĩ lại, ta không cạo mặt cho ta, há chẳng phải thuộc về loại người không cạo mặt cho mình, lại có thể cạo mặt cho mình đó sao ? Cạo, lại không nên cạo. Không cạo, lại nên cạo. Cứ vậy cầm dao lên lại đặt dao xuống, đặt xuống lại cầm lên. Không biết phải làm sao. Sở dĩ như vậy là vì trong đó bao hàm lập luận sai.

Lập luận sai về ngữ nghĩa nổi tiếng nhất là lập luận sai : "Kẻ nói dối" :

A : *"Tôi đang nói dối", mệnh đề này là chân thực hay giả dối ?*

B : *Là chân thực.*

A : *Nếu là chân thực, vậy thì tôi đang nói dối, lời nói dối thì không thể là chân thực.*

B : *Đúng, là giả dối.*

A : *Nếu là giả dối, vậy thì tôi không nói dối, lời tôi nói lại phải là chân thực. Câu này của tôi rốt cuộc là chân thực hay giả dối ?*

Lập luận sai là câu đố khó giải. Trong cả một thời kì lịch sử tương đối dài trước đây nó đã làm cho bao học giả phải đau đầu.

Tương truyền vào thế kỉ 4 trước công nguyên cổ Hi Lạp có một học giả tên là Phê-li-tha của Kha-si do khổ công đi tìm lời giải về lập luận sai "kẻ nói dối" mà ốm đau rồi chết đi. Năm 1947, trường đại học Ha-vớt của Mĩ có sinh viên là Uy-liêm Các-ca-tơ và Suốt-tơ Ca rin đã chế ra máy điện toán có thể giải quyết vấn đề logic chính xác và nhanh chóng, có người tin rằng có thể dùng máy này để giải quyết lập luận sai "kẻ nói dối", nhưng khi người ta nạp mệnh đề *"Câu tôi đang nói đây là lời nói dối"* vào máy, kết quả máy không những không giải được câu đố lập luận sai, mà bản thân nó cũng bị rơi vào hoàn cảnh cam go lúng túng. Người ta quyết định cho máy nghỉ để cỗ máy đắt tiền khỏi bị con yêu quái lập luận sai phá hỏng.

Điểm yếu của lập luận sai là ở chỗ làm lẫn lộn tầng thứ của ngôn ngữ. Chúng ta phân tích lập luận sai "kẻ nói dối" bằng lí luận tầng thứ ngôn ngữ như sau :

"Tôi đang nói dối", nó biểu thị *"Tôi đang nói một câu mà câu này là giả dối"*. Đây là tầng thứ nhất của ngôn ngữ, là ngôn ngữ đối tượng. *"Tôi đang nói một câu mà câu này là giả dối" là chân thực"*, đây là tầng thứ hai của ngôn ngữ, là ngôn ngữ gốc. Chúng lần lượt thuộc về tầng thứ khác nhau, có ý nghĩa khác nhau. Trong ngôn ngữ gốc là chân thực thì sẽ là giả dối trong ngôn ngữ đối tượng, và không tạo thành mâu thuẫn. Không thể lấy cái điều là ngôn ngữ gốc là chân thực để chứng minh rằng *"câu tôi đang nói"* cũng là đúng trong ngôn ngữ đối tượng, nó vẫn có thể là giả dối. Điều này cũng như "Chim không phải là một chữ" trong ngôn ngữ đối tượng và *""Chim" là một chữ"* trong ngôn ngữ gốc không tạo nên mâu thuẫn.

46. NHÌN CHỮ NÓI NGHĨA

Định nghĩa là phương pháp logic chỉ ra nội hàm khái niệm. Nhưng có người ngụy biện lại không thực sự hiểu được hàm nghĩa của khái niệm nào đó mà nói năng bừa bãi, chỉ biết khiên cưỡng sống sượng từ mặt chữ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Nhìn chữ nói nghĩa.*

Một quan tòa kiểm tra xem con mình nắm kiến thức luật đến đâu, cậu con trả lời trôi chảy.

Quan tòa : *"Thế nào là pháp manh ?"* (mù về luật pháp)
Cậu con : *"Là người mù nước Pháp".*
Quan tòa : *"Thế nào là pháp luật ?"*
Cậu con : *"Là luật sư nước Pháp".*

"Pháp manh" là chỉ người không hề hiểu biết về luật pháp. *"Pháp luật"* là chỉ quy tắc hành vi do cơ quan lập pháp đặt ra và cơ quan chính quyền nhà nước bảo đảm chấp hành. Thế nhưng, cậu con không hiểu được hàm nghĩa của nó, chỉ biết nói bừa nói bậy một cách khiên cưỡng sống sượng từ mặt chữ. Điều này rõ ràng là ngụy biện kiểu *Nhìn chữ nói nghĩa.*

Ngụy biện kiểu *Nhìn chữ nói nghĩa* thường biểu hiện ở bản thân kẻ ngụy biện giả vờ là hiểu mà nói bừa, định nghĩa bừa. Loại định nghĩa này hoàn toàn không đạt được mục đích vạch ra hàm nghĩa khái niệm, mà chỉ làm cho tư tưởng người ta trở nên hỗn loạn. Lại ví dụ :

Hai cha con nhà nọ đến chơi chùa Giới Đài ở Bắc Kinh, nghe thấy hòa thượng tiếng tụng kinh vang vang, con hỏi :

"Cha ơi, hòa thượng là người thế nào ?"
"Là tín đồ đạo Phật".
"Tại sao gọi tín đồ đạo Phật là hòa thượng ?"

"Triết lí cuộc đời của đạo Phật chủ trương điều hòa tất cả, **hòa** *là cái mà tín đồ đạo Phật sùng thượng và phải tuân theo, cho nên* **hòa thượng** *là người lấy* **hòa** *để sùng* **thượng**".

Kì thực, *"hòa thượng"* là âm dịch không thật sát của chữ Phạn, vốn nghĩa là người thông thái, là ông thầy nhận lĩnh lời răn. Ông bố nọ giả vờ là hiểu, *Nhìn chữ nói nghĩa* mà nói bừa đoán liều.

Muốn vạch trần ngụy biện kiểu *Nhìn chữ nói nghĩa* thì phải chỉ ra một cách chính xác hàm nghĩa đúng đắn của khái niệm, khi hàm nghĩa đúng của khái niệm được chỉ rõ thì ngụy biện sẽ bị phá sản.

47. ĐỊNH NGHĨA GIẢ DỐI

Định nghĩa là phương pháp thường dùng trong biện luận, nhưng người ngụy biện để đạt mục đích làm lẫn lộn phải trái, đã thường hay đưa ra những định nghĩa sai lầm, y như thật. Đó là ngụy biện, kiểu *Định nghĩa giả dối.*

Ngụy biện kiểu *Định nghĩa giả dối* chủ yếu có mấy hình thức như sau :

(1) Định nghĩa quá rộng. Khái niệm định nghĩa và ngoại diên khái niệm định nghĩa cần phải hoàn toàn bằng nhau, khi ngoại diên khái niệm định nghĩa của kẻ ngụy biện lớn hơn khái niệm được định nghĩa thì đó là định nghĩa quá rộng.

Ví dụ, trong cuộc thi hùng biện châu Á lần thứ ba có luận đề là : *"Loài người chung sống hòa bình là một lí tưởng có thể thực hiện".* Về luận đề này, hai bên bảo vệ và phản đối thoạt tiên nhân thế mà định nghĩa hàm nghĩa của khái niệm *"chung sống hòa bình".*

Đội bảo vệ : *"Chung sống hòa bình của loài người là đối lập với chiến tranh. Theo văn kiện của Liên hợp quốc, chung sống hòa bình của loài người là chỉ các quốc gia, dân tộc, tập đoàn chung sống yên ổn mà không dùng vũ lực".*

Đội phản bác : *"Chúng tôi sẽ bàn tới định nghĩa chung sống hòa bình của chúng tôi. Định nghĩa của chúng tôi là tham khảo giải thích của "Đại từ điển khoa học xã hội Mĩ, từ mặt tích cực, nhân loại cần vứt bỏ các thủ đoạn bạo lực để giải quyết xung đột hai bên ; từ mặt tiêu cực, thì nhân loại cần xóa bỏ sự uy hiếp của bạo lực".*

Về khái niệm *"chung sống hòa bình"* tương tự, định nghĩa của hai bên bảo vệ và phản đối đã có sự khác nhau xa. Sự khác nhau ở chỗ ngoại diên của khái niệm định nghĩa lớn nhỏ khác nhau. Khái niệm định nghĩa của bên bảo vệ và ngoại diên của khái niệm định nghĩa phù hợp nhau, là sự giải thích khoa học đối với khái niệm *"chung sống hòa bình".* Còn ngoại diên của khái niệm định nghĩa bên phản bác đã vượt xa khái niệm được định nghĩa. Bởi vậy, với biện luận của bên phản bác, bên bảo vệ đã bác lại một cách hài hước rằng :

"... Đội bạn đã mở rộng ngoại biên của chiến tranh vô hạn độ, nếu cứ suy theo logic này, nếu hai đứa trẻ mà đánh nhau vì một cái kẹo, thì đó cũng là một sự uy hiếp đối với chung sống hòa bình của loài người hay sao ?"

(2) Định nghĩa quá hẹp. Cũng tức là ngoại diên của khái niệm định nghĩa nhỏ hơn khái niệm được định nghĩa. Ví dụ, có người hỏi một phóng viên người Mĩ : *"Thế nào mới gọi thời sự ?"* Phóng viên nọ trả lời :

"Thời sự à, là sự đăng tải về những sự việc li kì, khác thường, bất ngờ. Ví dụ, khi một con chó cắn người thì không coi là thời sự ; thế nhưng một ai đó cắn bị thương một con chó, hãy xem, đó là thời sự rồi".

Định nghĩa về *"thời sự"* mà phóng viên nọ đưa ra là giả dối. Bởi vì khái niệm định nghĩa trong đó *"sự đăng tải những sự việc li kì, khác thường, bất ngờ"*, ngoại diên nhỏ hơn ngoại diên của khái niệm được định nghĩa.

(3) Định nghĩa luẩn quẩn. Tức khái niệm định nghĩa trực tiếp hoặc gián tiếp bao hàm khái niệm được định nghĩa. Ví dụ :

"Thế nào là thuốc nổ ?"

"Thuốc nổ là thuốc có thể nổ".

"Thuốc nổ" là vật chất sau khi bị nóng hoặc va chạm mà lập tức phân giải và sinh ra năng lượng rất lớn cùng với khối khí cực nóng. Nói *"thuốc nổ"* là *"thuốc có thể nổ"*, khái niệm định nghĩa như vậy đã trực tiếp bao hàm khái niệm được định nghĩa. Đó gọi là sự lặp lại đồng ngữ, nói mà như không nói. Lại ví dụ :

"Thế nào là số chẵn"

"Số chẵn là số gồm số lẻ cộng 1"

"Vậy thì thế nào là số lẻ ?"

"Số lẻ là số gồm số chẵn trừ 1".

"Số lẻ" là số nguyên không chia hết cho 2, *"số chẵn"* là số nguyên chia hết cho 2. Thế mà định nghĩa số chẵn là *"số gồm số lẻ cộng 1"*, như vậy, phải lấy số lẻ để thuyết minh. Còn khi định nghĩa "số lẻ" lại quay lại dùng "số chẵn" để thuyết minh : *"Số lẻ là số gồm số chẵn trừ 1"*. Như vậy, là luẩn quẩn. Đó gọi là "tuần hoàn ác tính".

Ngụy biện kiểu định nghĩa luẩn quẩn là giả dối, bởi vì, khái niệm được định nghĩa là khái niệm mà ý nghĩa vẫn chưa rõ ràng, còn cần dùng khái niệm

định nghĩa để thuyết minh thêm. Thế nhưng, khái niệm định nghĩa của định nghĩa luẩn quẩn là trực tiếp hoặc gián tiếp bao hàm khái niệm bị định nghĩa mà ý nghĩa không rõ ràng. Khái niệm định nghĩa quay lại dùng khái niệm bị định nghĩa để thuyết minh. Kết quả là không thuyết minh được gì cả.

(4) Định nghĩa ví dụ. Cũng tức là định nghĩa theo cách so sánh. Ví dụ :

"Thế nào là nhi đồng ?"

"Nhi đồng là bông hoa của tổ quốc".

"Nhi đồng" vốn là chỉ người vị thành niên tương đối nhỏ, xét từ tuổi thì còn ít tuổi hơn thiếu niên. B đã không biết thuộc tính bản chất của *"nhi đồng"* và đã dùng hình thức ví dụ để né tránh. Cái sử dụng là hình thức định nghĩa ví dụ.

Định nghĩa ví dụ sở dĩ giả dối là vì ví dụ tuy hình tượng trực quan, trên mức độ nào đó cũng có thể làm nổi bật ý nghĩa mặt nào đó của sự vật. Thế nhưng, không thể chỉ ra thuộc tính bản chất của sự vật một cách chính xác. Không thể đạt mục đích định nghĩa.

48. LẠM DỤNG NHỊ PHÂN

Phép nhị phân là dựa vào quan điểm nào đó, chia đối tượng sự vật thành hai loại con mâu thuẫn nhau trên hai mặt. Thế nhưng, nếu trên thực tế, hai loại con chưa thể đưa hết mọi khả năng của loại sự vật này thì sẽ thường dẫn tới thuật ngụy biện. Đó là ngụy biện kiểu *Lạm dụng nhị phân.*

Ví dụ, trong trước tác của Platon, nhà triết học cổ Hi Lạp từng ghi cuộc thoại của Iu-ri-pây-ti, một nhà ngụy biện, với một thiếu niên :

Iu-ri hỏi : *"Người muốn học là người hiền minh hay là người ngu dần ?"*

Thiếu niên : *"Là người hiền minh !"*

Iu-ri hỏi : *"Vậy thì, khi phải học, anh ta đã hiểu được cái anh ta phải học, mới đến học phải không ?"*

Thiếu niên : *"Không, anh ta không hiểu được cái anh ta phải học, mới đến học".*

Iu-ri hỏi : *"Vậy thì, người không hiểu lí lẽ có thể gọi là người hiền minh không ?"*

Thiếu niên : *"Không phải là người hiền minh".*

Iu-ri hỏi : *"Không phải là người hiền minh, thì là người ngu dần phải không ?"*

Thiếu niên : *"Vâng !"*

Iu-ri tổng kết : *"Vậy là, người muốn học không phải là người hiền minh mà là người ngu dần. Lời đáp ban đầu của anh là sai lầm !"*

Biện luận của Iu-ri-pây-ti bề ngoài như là móc xích chặt chẽ rất logic, kì thực là ngụy biện. Ông ta ngoài việc đánh tráo khái niệm, đổi *"người không hiểu biết việc phải học"* thành ra *"người không hiểu lí lẽ"*, còn chơi cái trò ngụy biện kiểu *Lạm dụng nhị phân, "một người không phải là người hiền minh thì là người ngu dần"* ở đây chính là như thế. Bởi vì, trên thực tế vẫn tồn tại rất nhiều người ở trạng thái trung gian, không ngu dần cũng không hiền minh.

Tính giả dối của ngụy biện kiểu *Lạm dụng nhị phân* là ở chỗ cố tình phủ nhận trạng thái trung gian của sự vật, coi vấn đề một cách cực đoan. Cái gì

không phải là tốt, thì nhất định là xấu ; không phải là thiện thì chắc chắn là ác ; một ai đó không phải là bạn thì chắc chắn là kẻ thù. Thế nhưng tình hình thực tế lại không như vậy.

Muốn phản bác loại ngụy biện này thì phải chỉ ra trạng thái trung gian của sự vật. Ví dụ, cuộc tranh luận giữa Lincôn và Đao-gras :

Lin-côn trong cuộc tranh luận với chánh án Đao-gras về chế độ nô lệ, Đao-gras đã công kích tư tưởng của những người như Lin-côn về quyền bình đẳng con người của người da đen. Ông ta nói, tư tưởng này có nghĩa là cùng đi bỏ phiếu với người da đen, cùng ăn, cùng ngủ, cũng tức là kết hôn với người da đen, nếu không thì sẽ không hiểu nổi.

Do vậy, Lin-côn phản bác :

"Tôi phản đối loại logic bịp bợm này, nói là tôi không cần một nữ nô lệ da đen thì chắc chắn là phải lấy cô ta làm vợ. Cả hai tôi đều không cần. Tôi có thể để cho họ tự do. Về mặt nào đó, đương nhiên cô ta khác với tôi, thế nhưng với cái quyền trời cho là cô ta được ăn cái bánh mì do bàn tay cô ta làm ra mà không cần phải được ai đó cho phép, thì cô ta lại giống với tôi, cũng giống với bất kì ai khác".

Đao-gras đã chơi cái trò ngụy biện kiểu *Lạm dụng nhị phân*, bắt Lin-côn phải chọn lựa trong *"cần một nữ nô lệ da đen"* và *"cần một cô da đen làm vợ"*. Thế nhưng, Lin-côn đã thấu hiểu cái trò khỉ đó và đã chỉ ra trạng thái trung gian của sự vật : không cần cả hai, để cho cô ta tự do. Như vậy, đã làm phá sản hoàn toàn ngụy biện.

49. KHÁI QUÁT BỪA

Trong biện luận, khi cần nâng cao vấn đề nào đó từ trường hợp cá biệt cụ thể đến tầm cao có tính nguyên tắc chung để nhận thức, để nhằm dẫn tới sự quan tâm của mọi người, tăng thêm nhận thức bản chất sự vật của họ, có thể sử dụng phương pháp khái quát. Thế nhưng, việc khái quát này phải dựa vào sự thực, nếu chỉ vì mục đích trị ai đó mà cố tình khái quát bừa bãi, bất kể sự thực về lời nói của đối phương, rồi lại liên hệ tùy tiện ác ý, thì đó chính là ngụy biện kiểu *Khái quát bừa*. Hình thức biểu hiện cụ thể của loại ngụy biện này là chụp mũ, đánh bừa. Ví dụ, A ăn cơm mà chẳng may rơi mấy hột xuống đất, B liền lấy đó mà làm toáng lên :

"Anh ăn cơm, vãi cơm ra đất, đó là hành vi lãng phí lương thực. Hành vi lãng phí lương thực đương nhiên là lãng phí. Mao Chủ tịch từng nói, tham ô và lãng phí là tội phạm cực lớn, cho nên anh cũng là tội phạm cực lớn. Đã là tội phạm cực lớn thì phải xử tội, phạt giam, bắn bỏ !"

Khi ăn cơm, đánh rơi cơm xuống đất là không đúng. Thế nhưng cứ từ đó mà khái quát bừa một cách ác ý, nâng cao rồi rút kết luận xử tù, bắn bỏ thì đó là không dựa vào thực tế, vì sự thực thì đâu có nghiêm trọng đến vậy. B đã chơi cái trò ngụy biện kiểu *Khái quát bừa.*

Ngụy biện kiểu *Khái quát bừa* trong 10 năm rối loạn có thể nói là được phát triển đến đỉnh điểm. Ví dụ, một học sinh trung học đánh vỡ phích nước ở nhà, người mẹ tức muốn đánh cậu, nhưng cậu dằn giọng nói :

"Tôi là phái tạo phản cách mạng, bà đánh tôi là đánh cách mạng ! Đánh cách mạng thì bà là phản cách mạng !"

Trong tạp văn (văn xuôi) *Thượng cương pháp* của nhà văn Lưu Chính, có dùng những lời lẽ cay độc, giọng điệu châm biếm, đã vạch trần bộ mặt gian ngoan ngụy biện kiểu này. Ông quy nạp loại phương pháp này thành : phép gạt vàng lấy cát, phép chắp nối cổ kim, phép định nghĩa trừu tượng, phép so sánh lung tung, phép bỏ thật lấy giả, phép cắt xén đầu đuôi, phép lẫn lộn trắng đen, phép tên lửa vàng lên. Chẳng hạn, phép định nghĩa trừu tượng trong đó có viết :

Thực hiện phép này, cái cốt yếu là rút gân vứt xương, từ trong cơ thể có da có thịt mà rút ra cái linh hồn tăm tối vốn không tồn tại. Khi mùa xuân mà nối cơn bão cát tung mù vặn cây, anh chửi một câu : "Mẹ nó, cái mùa xuân !" Thế là đã vứt bỏ đi cái điều kiện cụ thể lúc nói chuyện, trừu tượng hóa câu này anh sẽ chửi bóng chửi gió, nguyền rủa mùa xuân, rồi anh nung nấu ý đồ bẻ hoa chặt liễu, nướng oanh nấu yến, cho giá rét quay về, dụng ý ác hiểm của anh không phải là cái lòng của Tư Mã Chiêu, người đi đường thảy đều biết chăng ?"

50. ĐẶT BỪA ĐIỀU KIỆN

Trong quá trình biện luận, mệnh đề điều kiện dùng tới không những phải chân thực mà còn phải xác đáng. Nhưng người ngụy biện, để đạt mục đích ngụy biện, thường là hay giả thiết điều kiện một cách lung tung bừa bãi. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đặt bừa điều kiện.*

Ta hãy quan sát câu chuyện hài hước sau :

Một tên trộm cắp nổi tiếng cả thành đến một giáo khu nọ tìm gặp thầy cúng : *"Thầy cúng, ông hãy cầu may cho tôi đi, tôi cho ông 15 đồng !"*

Thầy cúng nghĩ bụng, ta cầu may cho thằng trộm cắp này, chẳng phải là mong cho nó đi chôm chỉa trúng quả sao ? Thế nhưng, từ chối khoản tiền này thì rõ là ngu. Suy đi tính lại, cuối cùng nảy ra một ý, ông ta giơ tay lên khấn :

"Nếu thượng đế sắp đặt ai đó bị trộm cắp thì mong rằng thượng đế thông qua anh mà hoàn thành kế hoạch này !"

Ông thầy cúng nọ bằng việc *Đặt bừa điều kiện* mà bỏ tiền vào túi mình, và đã đẩy toàn bộ sai lầm cho thượng đế, thật là ngụy biện !

Ngụy biện kiểu *Đặt bừa điều kiện* có đặc điểm nổi bật là tiền kiện của mệnh đề điều kiện được sử dụng là giả dối. Chúng ta muốn phản bác thì phải vạch trần sự giả dối vô lí của tiền kiện trong mệnh đề điều kiện.

Trong cuốn *Cười hay lắm* do Thạch Thành Kim đời Thanh biên soạn, tác giả đã cười mỉa cay độc với các hiện tượng xấu xa. Trong đó có một thiên là mỉa mai loại ngụy biện kiểu *Đặt bừa điều kiện này*. Sách viết :

Người nọ mộng một tết vừa ra khỏi cửa thì có con chim bay ngang qua, một bãi phân rơi đúng vào đầu anh ta. Anh ta cho rằng đây là điềm chẳng lành. Rồi đó, mua chịu anh hàng thịt một thủ lợn để tế thần, những mong tiêu trừ được điềm gở. Một thời gian dài, anh ta vẫn chưa trả món tiền thủ lợn này. Một hôm, anh đồ tể tìm đến đòi nợ.

"Lâu quá rồi đấy, anh cứ khất nợ mãi, giờ thì trả ngay đi !"

Người nợ nói : *"Chậm thì có chậm. Nhưng tôi muốn nói với anh cái này, nếu cái thú lợn nọ của anh mà không mọc ra thì sao anh lại có thể đòi tiền tôi được chứ ?"*

"Nói bậy ! Thú lợn nào mà không mọc ra !"

"Hề, giả thiết này không phù hợp, vậy giả thiết lại nhé : Giả dụ năm ngoái tôi đã trả tiền cho anh, anh đã tiêu sạch, vậy anh còn đòi tiền thú lợn chỗ tôi nữa chăng ?"

"Anh lại nói láo rồi ! Giả dụ anh trả tiền rồi mà tôi đã tiêu hết thì món tiền khác tôi lại dành dụm được !"

"À, cái giả thiết này vẫn không xác đáng. Tôi nói thẳng với anh nhé ! Giả dụ bãi phân chim nọ rớt trúng đầu anh, thì anh phải tự mang thú lợn đi tế thần. Vậy tiền thú lợn làm sao còn giữ đến bây giờ nữa ?"

Nợ là phải trả, ai cũng biết vậy. Nhưng người nọ vì muốn quịt mà đã nghĩ ra bao cách giả thiết. Muốn phản bác loại ngụy biện này thì phải vạch trần sự giả dối của tiền kiện trong mệnh đề điều kiện, rồi giáng một đòn mạnh mẽ.

51. PHỦ ĐỊNH TIỀN KIỆN

Kẻ ngụy biện cố tình dùng hình thức sai lầm là phủ định tiền kiện của mệnh đề điều kiện để có được kết luận phủ định hậu kiện của mệnh đề điều kiện này, từ đó mà bào chữa cho sự giả dối. Đó chính là ngụy biện kiểu *Phủ định tiền kiện.*

Trước hết, chúng ta hãy quan sát một mảnh đoạn của cuộc sống như sau :

Một hôm, ngoài sự tưởng tượng của mọi người, một đôi thiên nga cùng đỗ xuống công viên Ngọc Uyên Đàm tại Bắc Kinh. Thiên nga trắng này là giống chim quý hiếm, đương nhiên là được công viên và khách xem rất quý. Thế nhưng, có người do thiếu đạo đức và quan điểm pháp chế, coi đó là đối tượng săn bắn. Có hai thanh niên dùng súng săn bắn chết một con trong đó. Việc này bị mọi người lên án. Sau đó, họ đã bị trừng phạt đích đáng.

Sau đó ít lâu, lại có mấy thanh niên vác súng săn đi bắn chim bồ câu tại một công viên khác. Mọi người khuyên ngăn thì họ hậm hực nói :

"Bắn thiên nga là không được phép, nhưng đây đâu phải là thiên nga, sao lại không được bắn ?"

Lời biện luận này của những thanh niên nọ đã dùng hình thức là :

Nếu là thiên nga thì không được phép bắn giết.

Loại bồ câu không phải là thiên nga,

Cho nên, chim bồ câu được phép bắn giết.

Bọn họ đã từ việc phủ định tiền kiện của mệnh đề điều kiện *"Nếu là thiên nga thì không được phép bắn giết"* để rồi có được kết luận phủ định hậu kiện. Như vậy là ngụy biện.

Ngụy biện kiểu *Phủ định tiền kiện* sở dĩ là giả dối là vì một mệnh đề điều kiện chân thực có tiền kiện thì phải có hậu kiện. Nhưng không có tiền kiện, thì không nhất thiết không có hậu kiện. Ví dụ, *"Một người bị chặt đầu thì sẽ chết".* Tiền kiện chân thực, hậu kiện phải chân thực. Nhưng tiền kiện giả dối, tức một người không bị chặt đầu thì phải chăng sẽ không chết ? Không

nhất định, nguyên nhân khác cũng có thể dẫn tới cái chết. Do vậy, không thể sử dụng hình thức biện luận từ việc phủ định tiền kiện mà đi đến phủ định hậu kiện.

Trong biện luận cụ thể, xem xét từ hình thức ngôn ngữ, kẻ ngụy biện thường hay tỉnh lược một tiền đề nào đó, để tiện cho phân tích, có thể trước tiên ta hãy bổ sung đầy đủ cái tiền đề bị tỉnh lược nọ.

Ngụy biện kiểu *Phủ định tiền kiện* là phương pháp ngụy biện mà kẻ ngụy biện thường dùng. Biện luận sau đây là như vậy :

(1) Tiểu Vương rửa tay xong không khóa vòi nước lại, cứ thế bỏ đi. Người quản lí phê bình, anh ta vặn hỏi lại : *"Lẽ nào anh không hiểu "Lưu thủy bất hủ" sao ?* (ở dòng chảy thì nước không hôi thối – đối lập với nước tù đọng)

(2) Khơ-ân trượt chân ngã, Gơ-nông cười ngặt nghẽo. Khơ-ân nói : *"Sao, lẽ nào anh không biết"Thánh kinh" viết : "Không vì kẻ địch ngã mà mừng".*

Gơ-nông nói : *"Đúng vậy. "Không vì kẻ địch ngã mà mừng". Thế nhưng, đâu có nói : không vì bạn ngã mà mừng !"*

Khôi phục đầy đủ hình thức ngụy biện trên, ta có :

(1) Nếu là dòng nước chảy, sẽ không bị hôi thối. Không phải là dòng nước chảy, thì sẽ bị hôi thối.

(2) Nếu kẻ địch ngã, thì không được mừng. Không phải kẻ địch ngã cho nên có thể mừng.

Những câu này đều là hình thức từ phủ định tiền kiện đến phủ định hậu kiện. Do vậy, đều là giả dối.

52. KHẲNG ĐỊNH HẬU KIỆN

Ngụy biện kiểu *Khẳng định hậu kiện* là phương pháp ngụy biện mà kẻ ngụy biện cố tình dùng hình thức sai lầm từ việc khẳng định hậu kiện của mệnh đề điều kiện nào đó mà có được kết luận khẳng định tiền kiện, để từ đó bào chữa cho mình.

Ta hãy quan sát cuộc thoại giữa tổ trưởng trong một phân xưởng và anh công nhân Tiểu Vương :

Tổ trưởng : *Tiểu Vương, không thể chỉ biết có nghỉ ngơi mà không biết làm việc !*

Tiểu Vương : *Xin hỏi tổ trưởng, "biết" ở đây phải chăng nghĩa là biết cách?*

Tổ trưởng : *Đúng đấy, anh hỏi vậy để làm gì ?*

Tiểu vương : *Vậy thì được rồi, anh bảo tôi chỉ biết cách nghỉ ngơi, không biết cách làm việc. Câu này tự nó mâu thuẫn.*

Tổ trưởng : *Thật vậy sao ?*

Tiểu Vương : *Lê nin nói : Không biết cách nghỉ ngơi thì không biết cách làm việc. Điều này tất yếu dẫn tới kết luận là tôi cũng không biết cách nghỉ ngơi. Thế nhưng anh lại bảo là tôi chỉ biết có nghỉ ngơi, vậy không phải là tự mâu thuẫn hay sao ?*

Tổ trưởng : *Vậy là anh trí trá !*

Tiểu Vương ở đây đã trí trá, là vì anh ta đã sử dụng hình thức sai lầm từ khẳng định hậu kiện đi đến khẳng định tiền kiện :

Người không biết cách nghỉ ngơi thì không biết cách làm việc,

Tôi không biết cách làm việc,

Cho nên, tôi không biết cách nghỉ ngơi.

Tiền kiện của một mệnh đề điều kiện chân thực là đúng thì hậu kiện phải đúng, hậu kiện giả thì tiền kiện phải giả. Thế nhưng, hậu kiện đúng thì tiền kiện không nhất thiết phải đúng. Ví dụ, *"Nếu bị chặt đầu thì sẽ phải chết"*. Ai đó không chết thì chắc chắn là không bị chặt đầu. Thế nhưng, ai đó chết thì

phải chăng là người đó do bị chặt đầu ? Không nhất thiết, có thể là do những nguyên nhân khác. Bởi vậy hình thức luận chứng của ngụy biện kiểu *Khẳng định hậu kiện* đi từ khẳng định hậu kiện đến khẳng định tiền kiện là sai lầm.

Hình thức ngụy biện này rất hay gặp và chẳng mới mẻ gì trong cuộc sống. Xét từ hình thức ngôn ngữ, có lúc có thể tỉnh lược một tiền đề nào đó, chúng ta phải chú ý nhận biết. Chẳng hạn :

(1) Một quán trọ làng nọ, trên cửa treo tấm biển kính cáo lữ khách rằng :

"Ở đây phong cảnh tươi đẹp, môi trường yên tĩnh, không khí trong lành. Điều này không thể nghi ngờ. Nếu ở đây mà bạn không ngủ được thì đúng là bạn đã làm việc gì đó thiếu sót".

(2) Một ông khách đến quán trọ đặt chỗ. Ông ta xem xét cẩn thận phòng trọ xong thì trách nhân viên phục vụ : *"Phòng này vừa tối, vừa bí không có lấy một cái cửa sổ, như phòng giam vậy !"*

Nhân viên phục vụ : *"Thưa ngài, xem ra ngài chắc chắn từng là phạm nhân. Nếu không sao lại biết rõ về phòng giam ?"*

Ở đây họ đã dùng phương thức ngụy biện, lần lượt là :

(1) Nếu là đã làm việc thiếu sót thì không thể ngủ ngon lành. Bạn không ngủ được ngon lành, bởi vậy, bạn đã làm việc thiếu sót.

(2) Nếu là phạm nhân thì biết rõ phòng giam. Ngài biết rõ phòng giam, vậy ngài là phạm nhân.

Những hình thức này đều là từ việc khẳng định hậu kiện đi tới việc khẳng định tiền kiện. Bởi vậy nó là giả dối.

53. LẠM DỤNG CÁCH GỘP

Mệnh đề gộp là mệnh đề suy đoán mấy trường hợp sự vật cùng tồn tại. Trong biện luận, kẻ ngụy biện thường hay dùng mệnh đề gộp giả dối hoặc không phù hợp để chinh phục đối phương. Đó là thuật ngụy biện kiểu *Lạm dụng cách gộp.*

Hình thức biểu hiện của ngụy biện kiểu *Lạm dụng cách gộp* có :

(1) Kẻ ngụy biện dùng mệnh đề gộp là giả dối. Ví dụ, trong cuốn *Nước lí tưởng* của Platon có một cuộc biện luận giữa Socratẽs và Pô-lơ-ma-huơ như sau :

Sô : *... Lúc đánh nhau, dù là bằng nắm đấm hay vũ khí, phải chăng giỏi tấn công cũng giỏi phòng thủ ?*

Pô : *Đương nhiên.*

Sô : *Phải chăng người biết dự phòng hoặc tránh được bệnh cũng tức là người biết gây ra bệnh tật ?*

Pô : *Tôi nghĩ là như vậy.*

Sô : *Phải chăng một người biết phòng thủ trận địa cũng tức là người biết tập kích quân địch – dù rằng kẻ địch có kế hoạch và bố trí khéo léo đến mức nào ?*

Pô : *Đương nhiên.*

Sô : *Phải chăng một người trông coi giỏi một cái gì đó cũng tức là một tên trộm cao thủ với loại vật này ?*

Pô : *Xem ra là như vậy.*

Sô : *Vậy thì, một người chính nghĩa, vừa biết giữ tiền lại giỏi trộm tiền hay sao ?*

Pô : *Theo lí mà nói thì đúng là vậy.*

Sô : *Vậy thì người chính nghĩa rốt cuộc lại là thằng ăn cắp !*

Pô : *Trời đất ! Đầu phải. Đầu óc tôi quay cuồng cả rồi, thật chẳng biết vừa nãy tôi đã nói những gì nữa.*

Socratẽs bằng việc loại suy một loạt mà rút ra kết luận : *"Một người chính nghĩa vừa biết giữ tiền lại cũng giỏi ăn cắp".* Trong kết luận ông ta đã lấy người chính nghĩa mà ghép bừa với biết giữ tiền lại giỏi ăn cắp để tạo nên

một mệnh đề gộp. Mệnh đề gộp này là giả dối. Bởi vì chính nghĩa trước hết phải lấy việc gạt bỏ bất nghĩa như là trộm cắp làm tiền đề.

(2) Kẻ ngụy biện dùng mệnh đề gộp không thích hợp.

Trong cuộc sống, tuy là có những trường hợp sự vật đồng thời tồn tại, nhưng nếu cứ ghép bừa chúng lại để tạo nên mệnh đề gộp thì mệnh đề này tuy có là chân thực nhưng lại không thích hợp. Ví dụ :

Hai-nơ vì là người Do Thái mà thường bị đối xử bất lịch sự. Trong một buổi dạ hội, có một nhà du lịch kể với Hai-nơ về một hòn đảo mà ông ta gặp trên hành trình. Ông ta nói :

"Ông hãy đoán xem, trên hòn đảo kia có hiện tượng gì làm tôi ngạc nhiên nào ? Đó là : trên hòn đảo nhỏ này hoàn toàn không có người Do Thái và những con lừa !"

Hai-nơ lườm ông ta một cái, điềm nhiên trả lời :

"Nếu là vậy, thì chỉ cần tôi và ông đến có một chuyến sẽ có thể bù đắp cái thiếu sót này".

Tuy nhiên, trên hòn đảo nhỏ này không có người Do Thái có thể là thật, không có những con lừa cũng có thể là thật. Đương nhiên, còn có thể không có nhiều cái khác nữa. Thế nhưng, nhà du lịch nọ cứ ghép bừa hai sự vật này vào nhau để tạo nên mệnh đề gộp *"không có người Do Thái và không có những con lừa"*. Mệnh đề này tuy là chân thực nhưng lại rất không thích hợp, và đã tỏ ra rất vô lễ với Hai-nơ. Đương nhiên, trước nhà thơ thiên tài, kẻ ngụy biện vụng về nọ chỉ có tự vác đá đập vào chân mình thôi.

(3) Nhà buôn khi tiêu thụ hàng cũng dùng cách ngụy biện kiểu *Lạm dụng cách gộp*. Ví dụ :

Có người nọ đánh mất một con lạc đà, tìm kiếm mãi vẫn không thấy, ông ta liền thề rằng : chỉ cần tìm ra, thì sẽ bán ngay với giá một đồng. Về sau con lạc đà tìm được thật. Ông ta hối hận, liền treo vào cổ con lạc đà một con mèo, dắt ra chợ rao rằng :

"Con lạc đà này bán một đồng ! Con mèo này bán một ngàn đồng ! Ai muốn mua phải mua cả. Tôi không bán riêng từng con".

Một người biết chuyện bước đến nói : *"Con mèo của ông bán đắt thế, đó chẳng phải là một cách nâng giá sao ? Ông đã đi ngược lại lời thề bán con lạc đà giá một đồng rồi !"*

Ông ta liền phản bác : *"Lời thề của tôi là bán lạc đà một đồng, giờ đây giá bán vẫn là một đồng, đâu có đi ngược lại lời thề. Giá tiền con mèo của tôi có đắt một chút, nhưng tôi đâu có thề không bán mèo với giá một ngàn đồng !"*

Người nọ đã lạm dụng một mệnh đề gộp : Lạc đà bán một đồng, và mèo bán một ngàn đồng. Lời thề của ông đã thành một câu rỗng tuếch.

54. LẠM DỤNG CHỌN LỰA

Mệnh đề chọn lựa là mệnh đề nêu ra mấy trường hợp có thể để buộc lựa chọn từ đó. Dùng hình thức mệnh đề chọn lựa để chinh phục đối thủ cũng là cách kẻ ngụy biện thường hay dùng, chúng ta gọi cách này là thuật ngụy biện kiểu *Lạm dụng chọn lựa.*

Thuật ngụy biện kiểu *Lạm dụng chọn lựa* có thể biểu hiện là kẻ ngụy biện nêu ra những trường hợp có thể, du di bất định tạo thành mệnh đề chọn lựa khó lựa chọn rồi yêu cầu đối phương phải chọn lựa.

Người Bạch ở Vân Nam lưu truyền câu chuyện dân gian như sau :

Có cô gái trẻ trung xinh đẹp mà lại thông minh tên là Mĩ Mạo Nữ. Có lần nhà vua chân dẫm lên bàn đạp ngựa, vươn mình lên không và hỏi cô :

"Cô bảo ta là lên ngựa hay xuống ngựa ?"

Mĩ Mạo Nữ không trả lời thẳng, mà từ tốn một chân bước ra ngoài cửa, một chân trên bậu cửa, rồi hỏi lại vua :

"Ngài bảo tôi vào cửa hay ra cửa ?"

Nhà vua không trả lời được.

Nhà vua bắt cô gái phải chọn lựa giữa "lên ngựa" và "xuống ngựa". Nếu cô bảo "lên ngựa" thì vua sẽ xuống ngựa. Nếu bảo "xuống ngựa" thì vua sẽ lên ngựa. Và âm mưu bằng mệnh đề chọn lựa du di bất định này khiến cô phải rơi vào khó khăn lúng túng. Mĩ Mạo Nữ biết tỏng, liền tương kế tựu kế, hỏi lại một câu, yêu cầu nhà vua phải chọn lựa giữa "vào cửa" hay "ra cửa". Nói "vào cửa" thì cô sẽ bước ra. Nói "ra cửa" thì cô sẽ bước vào. Bởi vậy, nhà vua đành chịu thua.

Ngụy biện kiểu *Lạm dụng chọn lựa* có thể biểu hiện thành việc kẻ ngụy biện nêu ra mệnh đề chọn lựa những cái giả đối, buộc đối phương phải lựa chọn. Ví dụ :

Một quan tòa và một nhà buôn trên đường gặp Chu Cáp. Họ định làm nhục Chu Cáp, bèn hỏi :

"Ngươi là một con lừa hay là một thằng lừa ?"

Mệnh đề chọn lựa bọn họ sử dụng ở đây là giả dối, bởi vì một mệnh đề chọn lựa chân thực thì ít nhất có một trường hợp là chân thực, thế nhưng hai trường hợp này với Chu Cáp đều là giả dối, dù chọn lựa cách nào đều bị sỉ nhục. Thế nhưng, chàng Chu Cáp thông minh nghe xong liền đứng ngay vào giữa quan tòa và nhà buôn mà nói :

"Tôi không phải con lừa, cũng chẳng phải thằng lừa, mà là ở giữa chúng".

Lời đáp tài giỏi của Chu Cáp không những phủ định toàn bộ mệnh đề chọn lựa giả dối nọ mà còn dùng *"ở giữa chúng"* để dội lại chậu nước bẩn lên người chúng. Quan tòa và thương gia nghe vậy đành lủi mất.

Ngụy biện kiểu *Lạm dụng chọn lựa* còn biểu hiện thành việc kẻ ngụy biện dùng hình thức suy luận chọn lựa sai lầm để biện hộ cho cái giả dối của mình. Ví dụ :

Có vụ án giết người, vốn là A, B, C cùng gây nên. Thế là cả ba bị coi là đối tượng tình nghi. Về sau tài liệu chứng thực A ngoại phạm. Thế là B và C trí trá bảo :

"Bản án đã điều tra rõ do A gây ra, cho nên hai chúng tôi là rủi ro. Hãy thả chúng tôi ra !"

Do điều tra viên không phân tích cẩn thận, bống tin lời B và C, kết quả là thả người xấu, và vụ án sai lạc. Từ giác độ biện luận, hình thức B và C sử dụng là :

Vụ án này là A hoặc B hoặc C gây ra,
Đã điều tra ra là A gây ra,
Cho nên, không phải là B và C gây ra.

Do mấy trường hợp mà mệnh đề chọn lựa nêu ra có thể đồng thời tồn tại, vì thế mà không thể từ việc khẳng định một cái nào đó mà rút ra kết luận phủ định những cái còn lại. B và C đã dùng hình thức sai lầm này, bởi vậy, mà dẫn tới ngụy biện.

55. PHỦ ĐỊNH SẠCH TRƠN

Một mệnh đề chọn lựa nếu mọi cái chọn lựa đều là giả thì mệnh đề chọn lựa này là giả dối. Kẻ ngụy biện có lúc cũng phủ định đồng thời mọi cái trong mệnh đề chọn lựa, từ đó dẫn tới sự giả dối của mệnh đề chọn lựa nào đó nhằm đạt mục đích ngụy biện. Đó là thuật ngụy biện *Phủ định sạch trơn.*

Xưa kia có một tên nhà giàu gian ngoan, hắn ta tìm một người xem ngựa rồi nói : *"Tôi cho anh một trăm đồng, anh đi mua cho tôi một con ngựa tôi thích nhất".*

"Ông thích con ngựa màu gì ?"

"Không thích ngựa đen, không thích ngựa trắng, không thích ngựa vàng". "Vậy tôi sẽ chọn cho ông con ngựa xám nhé !"

"Cũng không thích".

"Vậy thì, tôi chọn ngựa đỏ, ngựa nâu hoặc mấy loại ngựa màu pha, được không ?"

"Cũng không được !"

"À, thế này nhé ! vậy tôi thử xem đã !" Người xem ngựa vừa suy nghĩ vừa cầm lấy tiền, quay người đi ra ngoài. Lúc này tên nhà giàu gọi anh ta lại, hỏi rằng : *"Lúc nào anh có thể dắt ngựa tới đây ?"*

Người xem ngựa đáp : *"Ngày tôi chọn ngựa cũng như việc ông chọn màu ngựa. Không phải là thứ 2, thứ 3, cũng không phải là thứ 4, thứ 5, không phải là thứ 6, thứ 7, ngay chủ nhật cũng không phải. Tóm lại, vào một ngày nọ tôi sẽ dắt con ngựa ông cần đến cho ông".*

Tên nhà giàu nghe vậy, kêu một tiếng kinh ngạc, rồi không nói được nữa, đành giương mắt nhìn người xem ngựa cầm đi một trăm đồng của mình.

Xem xét từ màu con ngựa, hoặc trắng, hoặc đen, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc là xám v.v... Những trường hợp có thể như vậy, thế nhưng tên nhà giàu lại phủ định toàn bộ các trường hợp của mệnh đề chọn lựa, dẫn tới cái giả dối của mệnh đề chọn lựa này, hòng làm bó tay người xem ngựa nọ. Tên nhà giàu ở

đây đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Phủ định sạch trơn*. Người xem ngựa đã lấy lời ông ta mà nện lại ông ta, phủ định suốt lượt cả 7 ngày trong tuần lễ. Như vậy đã bãi bỏ hết các khả năng đưa ngựa tới. Tên nhà giàu nghe vậy, đành phải nín lặng. Lại ví dụ :

Một hôm Vương gia gọi Ba La Căn Thương tới và bảo : *"Ngày mai phật sống chùa phật Di Lặc giá lâm bần phủ. Phật sống dùng bữa rất đặc biệt, không được mặn, cũng không ngọt ; không được nhạt, cũng không ngấy ; không được cay, cũng không chua ; mặn ngọt cay chua đều phải có tí chút. Lúc làm bữa, không được nướng, không được rán ; không được luộc, không được chưng. Thức ăn làm ra không được khô, không được nhão, không mềm không rắn, không lạnh không nóng, không mặn không nhạt, không thơm không chua. Người không làm được, ta lấy mạng ngươi đó !"*

Ba La Căn Thương đáp : *"Được ! Vậy xin Vương gia thứa cho tôi một cái nồi đặc biệt. Không phải bằng vàng, cũng không là bạc, không phải là đồng xanh, cũng không phải là đồng đỏ, đồng thau, không phải nồi gang, cũng không phải nồi sắt, không phải nồi thiếc, cũng chẳng phải nồi đất nung. Tóm lại, không dùng nồi kim loại, cũng không thể không có chút vàng bạc đồng sắt ; không thể là nồi đất, cũng không thể không có chút đất cát. Vương gia, nếu ngài thứa được cho tôi cái nồi như vậy, tôi sẽ làm được món thiện đặc biệt như ngài nói !"*

Vương gia định dùng thuật ngụy biện kiểu phủ định sạch trơn để trị Ba La Căn Thương, nhưng anh đã trả miếng và lối ngụy biện của Vương gia bị phá sản.

56. SUY LUẬN TỪ HAI CÁI KHÓ

Kẻ ngụy biện cố tình dùng hình thức *Suy luận từ hai cái khó* sai lầm để luận chứng như là thật cho cái sai lầm của họ. Đó là ngụy biện kiểu *Suy luận từ hai cái khó.*

Ngụy biện kiểu *Suy luận từ hai cái khó* chủ yếu có các trường hợp sau :

(1) Mệnh đề điều kiện trong tiền đề suy luận là giả dối.

(2) Mệnh đề chọn lựa trong tiền đề suy luận nêu ra các trường hợp vô cùng tận.

Có nhân viên kinh doanh kể khổ với giám đốc :

"Trước quầy, nếu tôi nói nhỏ nhẹ với khách hàng thì họ báo là nói bé không nghe rõ. Nếu trả lời họ có to tiếng thì họ lại báo là thái độ không tốt. Dù trả lời to hay nhỏ đều không xong, thật là khó !"

Nhân viên nọ để bào chữa cho khả năng phục vụ kém cỏi của mình, đã dùng phép hai cái khó, nhưng lại bỏ sót trường hợp thật duy nhất đó là trường hợp giọng nói không to không nhỏ, do vậy mà dẫn đến ngụy biện.

(3) Trong quá trình suy luận đã vi phạm quy tắc suy luận hữu quan.

Suy luận hai từ cái khó là suy diễn từ việc lấy mệnh đề điều kiện và mệnh đề chọn lựa làm tiền đề. *Suy luận từ hai cái khó* một cách chính xác cần phải tuân theo các nguyên tắc hữu quan với suy diễn điều kiện và suy diễn chọn lựa. Nếu vi phạm quy tắc suy luận hữu quan thì thường dẫn tới sai lầm, tạo nên ngụy biện. Ví dụ :

Có một luật sư nổi tiếng vì ăn quịt đã mời thầy thuốc chữa bệnh cho vợ. Qua chẩn đoán, thầy thuốc phát hiện bệnh tình rất nặng, liền nói với luật sư : *"Tôi e rằng khám bệnh xong thì ông sẽ không trả tiền"*. Luật sư nói :

"Cứ yên tâm, tôi bảo đảm với ông dù ông cứu sống nhà tôi hay là chẩn đoán sai mà không chữa khỏi, tôi vẫn trả ông 500 bảng Anh".

Thầy thuốc nghe vậy, liền cố sức cứu chữa. Nhưng do bệnh tình quá nặng mà không cứu đặng. Sau khi tỏ ý xin lỗi, thầy thuốc đòi thù lao.

"Vợ tôi là do anh điều trị sai hướng mà chết phải không ?" Luật sư hỏi.

"Đương nhiên không phải thế". Thầy thuốc trả lời.

"Vậy thì, ông đã cứu sống vợ tôi phải không ?"

"Điều đó cũng không thể, tôi đã cố hết sức nhưng vô hiệu".

"Điều này đúng. Cái tôi đảm bảo là ông cứu được bà ấy hoặc do chẩn đoán sai mà bà ấy chết đi, tôi sẽ trả ông 500 bảng Anh. Bây giờ ông đã không cứu được bà ấy, cũng không phải do chẩn đoán mà chữa trị sai. Theo sự bảo đảm ban đầu, thì không trả cho ông 500 đồng bảng Anh nữa".

Vị luật sư này là ngụy biện. Ngoài trường hợp trong tiền đề bỏ sót một trường hợp có thể đó là bệnh nặng không cứu được mà chết, còn vi phạm quy tắc hữu quan trong suy diễn điều kiện. Hình thức suy luận của ông ta là :

Nếu cứu sống bà ấy, tôi trả 500 đồng bảng Anh.

Nếu chẩn đoán sai rồi chữa trị mà bà ấy chết, tôi trả 500 đồng bảng Anh ; Ông không cứu sống bà ấy, hoặc ông không phải là chẩn đoán sai mà điều trị bà ấy chết ;

Cho nên, tôi không phải trả 500 bảng Anh.

Ông luật sư này bằng việc phủ định điều kiện của hai mệnh đề điều kiện mà rút ra kết luận phủ định hậu kiện của chúng. Hình thức này là sai lầm.

Muốn phản bác ngụy biện kiểu *Suy luận từ hai cái khó* thì phải vạch trần tính giả dối của mệnh đề điều kiện trong tiền kiện, chỉ ra trường hợp vô cùng vô tận của tiền đề chọn lựa, vạch ra chỗ vi phạm quy tắc suy diễn hữu quan.

57. KIỆN VỀ NỬA HỌC PHÍ

Thuật ngụy biện kiểu *Kiện về nửa học phí* là chỉ phương pháp ngụy biện mà kẻ ngụy biện khi tạo nên *Suy luận từ hai cái khó* đã dùng hai tiêu chuẩn khác nhau, trong những trường hợp khác nhau lần lượt dùng tiêu chuẩn có lợi cho mình, từ đó khiến cho đối thủ rơi vào khó khăn.

Ngụy biện kiểu *Kiện về nửa học phí* có tên từ câu chuyện sau :

Plô-ta-cơ-las là nhà ngụy biện nổi tiếng cổ Hi Lạp nhận dạy cho một học sinh học luật có tên là Ơ-ti-les. Thầy trò thỏa thuận học phí trả làm hai đợt, một nửa học phí trả khi Ơ-ti-les tốt nghiệp, còn nửa kia trả khi Ơ-ti-les ra tòa cãi thắng lần thứ nhất. Thế nhưng, Ơ-ti-les sau khi tốt nghiệp mãi mà không chịu ra tòa đi cãi hộ. Plô-ta-cơ-las sốt ruột liền kiện ra tòa để đòi nửa học phí kia. Ông ta nói với Ơ-ti-les :

"Nếu lần này anh thắng, thì theo hợp đồng, anh phải trả tôi một nửa học phí còn lại kia. Nếu lần này anh thua, thì theo phán quyết của tòa, anh cũng phải trả nửa kia. Anh dù thắng dù bại cũng phải trả cho tôi nửa còn lại".

Ông thầy những tưởng dù gì đi nữa thì cũng thu được nửa số học phí còn lại. Ai dè thầy hay sinh trò giỏi, thuật ngụy biện mà thầy truyền dạy, học trò đã lấy đó mà đối phó lại thầy. Ơ-ti-les trả lời thầy rằng :

"Nếu lần này em thắng, thì theo phán quyết của tòa, em không trả cho thầy nửa số học phí kia. Nếu em thua, thì theo hợp đồng, em cũng không phải trả cho thầy nửa nọ. Vụ kiện này em dù thắng dù bại thì đều không phải trả thầy nửa số học phí còn lại".

Trong *Suy luận từ hai cái khó* của Plô-ta-cơ-las đã dùng hai tiêu chuẩn : theo tiêu chuẩn hợp đồng và tiêu chuẩn phán quyết của tòa án, trong trường hợp khác nhau đã vận dụng tiêu chuẩn nào có lợi cho mình. Ơ-ti-les đã phản pháo lại theo đúng cách như vậy, tạo nên một *Suy luận từ hai cái khó* ngược lại. Hai thầy trò họ suy luận đối chọi nhau, hoàn toàn ngược chiều, mỗi người một phía mà phủ định nhau. Nghe nói lúc đó đã làm cho tòa khó xử, không biết phải phán quyết thế nào. Kì thực, bọn họ đều ngụy biện tất, tiêu chuẩn

đã không giữ được đồng nhất trong một quá trình suy luận, như vậy đã vi phạm luật đồng nhất.

Người nghiên cứu thuật ngụy biện cổ Hi Lạp còn hay kể câu chuyện ngụ ngôn như sau :

Có một phụ nữ bế đứa con và đứa con bị cá sấu giằng mất. Bà này van xin cá sấu trả lại con. Cá sấu nói : *"Ta có ăn thịt con bà không ? Nếu bà đoán đúng, ta sẽ trả con cho"*. Bà này nói : *"Tôi đoán là cá muốn ăn thịt con tôi !"* Cá sấu nói :

"Nếu bà đoán đúng, thì theo nội dung lời bà nói (tức : tôi muốn ăn thịt con bà), *thì tôi không trả lại con cho bà. Nếu bà đoán sai, thì căn cứ vào điều kiện thỏa thuận ban đầu, ta không trả con lại cho bà. Hoặc bà đoán đúng hoặc là đoán sai, tóm lại tôi không trả con lại cho bà !"*

Bà này nghĩ một lát rồi cũng nói :

"Nếu tôi đoán đúng, thì căn cứ điều kiện thỏa thuận ban đầu, cá phải trả lại con cho tôi. Nếu đoán sai, thì căn cứ vào nội dung tôi nói (tức : cá không phải là muốn ăn thịt con tôi), *cá phải trả lại con cho tôi. Tôi đoán dù đúng dù sai thì cá cũng phải trả lại con cho tôi"*. Lời tranh cãi ở đây của cá sấu và bà mẹ nọ đều không đúng, cũng như thầy trò Plô-ta-cơ-las, đã không giữ cho tiêu chuẩn đồng nhất. Đó là ngụy biện.

58. SUY LUẬN TỪ NHIỀU CÁI KHÓ

Trong quá trình biện luận, người ngụy biện nêu ra mấy trường hợp có thể yêu cầu đối phương phải lựa chọn, dù chọn từng trường hợp nào thì cũng đều khiến đối phương cảm thấy khó xử. Đó là ngụy biện kiểu *Suy luận từ nhiều cái khó.*

Ngụy biện kiểu *Suy luận từ nhiều cái khó* một mặt biểu hiện thành mệnh đề điều kiện trong tiền đề suy luận của anh ta là giả dối. Ví dụ :

Có một hôm, người diễn thuyết đăng đài và hỏi : *"Quý vị thính giả, quý vị có biết tôi định nói gì không ?"*

Mọi người đồng thanh đáp : *"Không biết !"*

"Quý vị đã không biết tôi định nói cái gì, các vị đốt như vậy thì tôi diễn thuyết mà làm gì ?" Rồi anh ta nhảy xuống khỏi diễn đàn.

Ngày hôm sau, anh ta lại đăng đàn và hỏi mọi người : *"Các vị thính giả, các vị có biết tôi sẽ nói gì không ?"*

Mọi người đều cùng nói : *"Biết !"*

"Được rồi, các vị đã biết rồi thì tôi nói lại còn có ích gì nữa ?" Nói rồi y lại nhảy xuống khỏi đàn.

Thính giả thấy anh ta như vậy, liền bàn nhau là lần sau một số người nói là biết, một số nói không biết.

Ngày sau nữa, người diễn thuyết lại đăng đàn, anh ta cao giọng : *"Các vị, các vị có biết tôi sẽ nói gì không ?"*

Thính giả ở dưới, một bộ phận gào *"Biết"*, một bộ phận gào : *"Không biết !"*

Anh ta vội vàng nói : *Vậy thì, người biết hãy nói cho người không biết đi !"*

Nói xong anh ta nhảy xuống đàn và bỏ đi.

Ở đây, ta thấy người diễn thuyết nọ đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Suy luận từ nhiều cái khó.* Biện luận của anh ta sở dĩ sai lầm là vì tiền đề của nhiều mệnh đề điều kiện trong suy luận của anh ta là giả dối. Ví dụ, thính giả nói

"không biết", thì dứt khoát không phải là *"thính giả ngu dốt"*. Thính giả bảo là *"biết"* thì cũng không phải là cái ý nghĩa anh ta *"nhắc lại lần nữa"*. Ngoài ra, anh ta còn phạm cái sai lầm là đánh tráo khái niệm.

Chúng ta muốn phản bác ngụy biện kiểu *Suy luận từ nhiều cái khó* thì phải chỉ ra mệnh đề điều kiện của tiền đề suy luận họ căn cứ là giả dối.

Ngoài ra, ngụy biện kiểu *Suy luận từ nhiều cái khó* còn biểu hiện thành giả thiết các trường hợp có thể về sự vật nào đó trong tiền đề đã bỏ sót trường hợp nào đó duy nhất là chân thực. Ví dụ :

Có tên ăn cắp đứng trước vành móng ngựa, tay y đút trong túi. Quan tòa lớn tiếng khiển trách : *"Anh phải tôn trọng tòa, phải bỏ tay ra khỏi túi áo mau !"* Tên ăn cắp trả lời :

"Việc này khó quá... tôi đút tay vào túi mình, các ông bắt tôi rút nó ra. Nếu tôi bỏ tay vào túi người khác, thì các ông lại bắt tôi vào tù. Hừ ! Ông quan tòa, lẽ nào ông bắt tôi giơ tay lên trời mãi sao ?"

Tên ăn cắp trong vấn đề vị trí đặt tay của y đã nêu ra các trường hợp có thể "đặt trong túi mình", "đặt trong túi người khác", "giơ lên trời". Thế nhưng lại bỏ sót trường hợp duy nhất phù hợp, đó là hai tay bỏ xuôi tự nhiên.

59. LOẠI SUY MÁY MÓC

Người ngụy biện chỉ căn cứ vào những thuộc tính bề ngoài tương tự của hai loại sự vật mà suy đoán những thuộc tính khác của chúng cũng giống nhau, và lấy đó mà luận chứng như thật cho sai lầm của mình. Đó là ngụy biện kiểu *Loại suy máy móc*. Ví dụ :

Ngày 25 tháng 9 năm 1973 có bài xã luận báo Mĩ như sau :

"Điện từ Roma : Có một người In-đi-an Mĩ ngày hôm qua xông từ chiếc máy bay chở khách Bô-ing 747 xuống, cầm một cái mác cắm phập lên đường nhựa sân bay quốc tế Roma, sau đó tuyên bố : Ông ta đã phát hiện ra nước Ý. Người In-đi-an này tên là Nô-uây. Ông ta nói : "Nếu người In-đi-an đã cư trú ở nước Mĩ hàng ngàn năm mà Côlômbô vẫn tuyên bố là ông ta phát hiện ra tân đại lục, thì chúng tôi tại sao không thể cùng như vậy, tuyên bố phát hiện ra nước Ý ?"

Biện luận của In-đi-an này có vẻ như đúng mà lại sai. Bởi vì Côlômbô phát hiện tân đại lục là xem xét từ việc đại lục này trước đấy chưa được người châu Âu phát triển biết đến, còn nước Ý thì cả thế giới đã biết đến từ lâu, không thể nói là *"phát hiện"* được. Hiện tượng giống nhau nhưng thực chất khác nhau, kiểu loại suy này là sai lầm. Đó là ngụy biện kiểu *Loại suy máy móc*.

Ngụy biện kiểu *Loại suy máy móc* là sai lầm, bởi vì : sự vật khách quan đều là sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung. Chính vì giữa các sự vật tồn tại tính chung mà suy luận loại suy mới có thể căn cứ vào những thuộc tính nào đó giống nhau của hai loại sự vật mà rút ra kết luận các thuộc tính khác của chúng cũng giống nhau. Thế nhưng, sự vật ngoài việc có cái chung ra, còn có cái riêng riêng biệt khác với sự vật khác. Nếu như cái căn cứ của suy luận loại suy là thuộc tính giống nhau của chúng mà việc suy đoán lại là tính khác biệt của chúng, thì nhất định sẽ dẫn tới sự giả dối của kết luận. Lại ví dụ :

Jê-lê-sơn đến sở cảnh sát để nhận chứng minh thư. Một nhân viên viết thẻ hỏi :

"Nơi sinh ?"

"Pa-ris".

"Nói vậy thì ông là người Pháp ?"

"Tôi không đồng ý, vì cha mẹ tôi là người Đan Mạch".

"Thế nhưng, thưa ông, ông đã sinh ra tại Pháp thì phải coi là người Pháp !"

"Thưa ông cảnh sát, ông hãy nghe tôi nói ! Con chó của tôi gần đây đã đẻ con trong chuồng ngựa. Bởi vậy, tôi phải gọi chó con là ngựa con hay sao ?"

Đương nhiên, một người nào đó sinh ra ở đâu thì không tất yếu là người nước đó. Thế nhưng, một con chó dù là đẻ ra ở đâu thì vẫn là con chó. Giữa hai việc không thể so sánh một cách đơn giản như vậy, ở đây Jê-lê-sơn là ngụy biện.

Muốn phản bác loại ngụy biện này, thì phải chỉ ra hai loại sự vật này là thiếu mối liên hệ tất yếu, từ tính chân thực của luận cứ không thể nào đạt được mục đích luận chứng tính chân thực của luận đề này. Có câu chuyện tiếu lâm như sau :

Có người nọ rất bằng lòng với loại xe đạp mới và đẹp trong quảng cáo nọ. Anh ta tìm đến cửa hiệu đăng quảng cáo này, nhưng khi chọn thì phát hiện ra rằng xe đạp bán trên thực tế không có đèn, mà trong quảng cáo lại có. Khách hàng trách cửa hàng là lừa đảo, chủ cửa hàng bình tĩnh giải thích :

"Ô, thưa ngài, cái đèn này là thứ phụ thêm, không ghi vào giá bán xe. Trong quảng cáo còn có cô gái trẻ cưỡi trên xe, lẽ nào chúng tôi cũng lại giao cùng với xe hay sao ?"

"Đèn trên xe đạp" và *"cô gái cưỡi trên xe đạp"* là có sự phân biệt về bản chất, không được loại suy một cách đơn giản, bởi vì đèn xe là một bộ phận tạo thành của xe đạp, còn cô gái trẻ thì không phải. Lấy cô gái mà loại suy đèn xe, điều này chỉ là ngụy biện một cách vô lí.

60. PHẢN BÁC PHẢN CHỨNG ĐIỀU KIỆN

Trong quá trình biện luận, để phản bác quan điểm của đối phương, thoạt tiên giả thiết quan điểm của đối phương là đúng đắn, rồi thì từ đó suy ra kết luận giả dối, để rồi đánh đổ quan điểm của đối phương. Đó chính là *Phép phản bác phản chứng*. Trong quá trình từ quan điểm bị phản bác suy ra kết luận mới giả dối, nếu sử dụng phương pháp suy diễn điều kiện như *Tách biệt điều kiện, Chối bỏ điều kiện* thì đó chính là phép *Phản bác phản chứng điều kiện*. Người ngụy biện khi sử dụng phép *Phản bác phản chứng điều kiện* để bào chữa cho cái giả dối của mình thì thường là vi phạm quy tắc hữu quan về suy diễn điều kiện. Đó là ngụy biện kiểu *Phản bác phản chứng điều kiện*. Ví dụ :

Một nhà no có người chết, thời kì để tang bỗng ăn một bữa cơm gạo đỏ. Có người bàn tán việc này như sau : *"Nhà có người chết là không được ăn cơm gạo đỏ. Vì màu đỏ là màu vui mừng"*. Do vậy, chủ nhà phản bác :

"Lẽ nào ăn cơm gạo trắng thì nhà có người chết ?"

Trong quá trình phản bác của chủ nhà nọ đã sử dụng thuật *Phản bác phản chứng điều kiện*. Thế nhưng, cách phản bác của ông ta là giả dối. Bởi vì, trong quá trình ông ta từ quan điểm bị phản bác mà suy ra quan điểm giả dối đã dùng phương pháp suy diễn điều kiện như sau :

"Nếu có người chết thì không được ăn cơm gạo đỏ,

Ăn cơm gạo trắng (tức không ăn cơm gạo đỏ),

Vậy tức là nhà có người chết.

Ở đây đã dùng hình thức sai lầm là khẳng định hậu kiện, đó chính là ngụy biện.

Trong lời biện đáp của những nhân vật xưa nay cho là thông minh cũng không thiếu gì người đã thắng vì dùng thuật này. Ta hãy quan sát câu chuyện dân gian như sau :

Xưa kia có một ông nhà giàu sinh hai cô con gái, cô cả gả cho con em một nhà khá giả. Cô hai gả cho anh nông dân. Ngày mừng thọ ông nhà giàu 60 tuổi, hai chàng rể đến mừng thọ. Trong sân có mấy con ngỗng trắng to, thấy người lạ thì kêu quàng quạc. Ông nhà giàu hỏi : *"Tiếng kêu con ngỗng sao to*

vậy ?" Chàng rể đầu nói : *"Con ngỗng vì có cái cổ dài"*. Chàng rể út nói : *"Không phải, con ếch trong vũng nước đâu có cái cổ dài mà tiếng kêu to vậy"*.

Rể đầu thấy bố vợ râu bay phất phơ thì tâng bốc : *"Ông quả là trường tu trường thọ !"* (râu dài sống lâu). Rể út liền phản bác : *"Đâu có thế, con rùa dưới sông nào có râu thế mà người ta gọi là rùa ngàn tuổi, rùa vạn tuổi !"*

Anh chàng rể út phản bác nghe qua thì mạnh mẽ có lí. Nhưng chỉ cần phân tích chút xíu thì có thể phát hiện trong quá trình từ quan điểm bị phản bác suy ra quan điểm mới giả dối đã sử dụng hình thức sai lầm là phủ định tiền kiện.

Thuật ngụy biện kiểu *Phản bác phản chứng điều kiện* khi sử dụng thậm chí là "dù đi đâu cũng sẽ thắng", nếu thiếu năng lực phân tích đối với nó. Và dù mệnh đề của anh có chính xác đến đâu cũng đều có thể bị nó đánh đổ. Ví dụ :

A : *"Nếu một người bị chặt đứt đầu thì sẽ chết"*.

B : *"Nói vậy thì, Tần Thủy Hoàng không bị chặt đầu vậy vẫn còn sống đến giờ chăng ?"*

Ở đây đã dùng hình thức sai lầm là phủ định tiền kiện. Lại ví dụ :

A : *"Nếu không có nước, con người sẽ chết"*.

B : *Ai đó chết đuối là vì không có nước sao ?"*

Ở đây sử dụng hình thức sai lầm là khẳng định hậu kiện.

Điểm yếu của ngụy biện kiểu *Phản bác phản chứng điều kiện* ở chỗ quá trình từ quan điểm bị phản bác suy ra luận điểm mới giả dối đã dùng hình thức suy diễn điều kiện sai lầm, có khi thì là kiểu khẳng định hậu kiện, có khi thì là kiểu phủ định tiền kiện. Chúng ta muốn phản bác loại ngụy biện này thì phải vạch ra cái sai lầm trong hình thức suy luận này. Thế nhưng, hình thức sai lầm này không hề làm cho người ta để ý đến, người ta thường cho nó là chính xác, hợp lí, ngay trong khá nhiều cuốn logic cũng vậy. Vì vậy mà chúng ta phải hết sức coi trọng vấn đề này.

Lưu ý (giải thích của người dịch) :

Ta có thể bằng cách khác để chỉ ra sai lầm trong luận chứng của các suy luận trên, như sau :

1. Con ngỗng có cái cổ dài (M) nên nó kêu to (P)
   Con ếch (S) không có cái cổ dài (M)

   Vậy nên ếch không thể kêu to [? !]

Đây là phép suy luận ba đoạn loại hình thứ nhất. Loại hình này có hai quy tắc :

(1) Tiền đề lớn phải là phán đoán chung.

(2) Tiền đề nhỏ là phán đoán khẳng định.

Người phản bác muốn qua suy luận mà rút ra kết luận giả dối hiển nhiên, để từ đó quay lại phản bác luận điểm của đối phương. Thế nhưng, suy luận này là sai lầm vì tiền đề lớn không phải là phán đoán chung, và tiền đề nhỏ lại là phán đoán phủ định.

2. Ông có râu dài (M) nên sống lâu (P)

   Rùa (S) không có râu dài (M)

   Vậy rùa không thể sống lâu [? !]

Suy luận này cũng phạm các quy tắc như trên.

3. Tất cả những ai bị chặt đứt đầu (M) sẽ bị chết (P)

   Tần Thủy Hoàng (S) không bị chặt đứt đầu (M)

   Vậy Tần Thủy Hoàng đến nay vẫn không chết [? !]

Suy luận này sai lầm vì tiền đề nhỏ là phán đoán phủ định.

4. Nếu người không có nước (P) sẽ bị chết (M)

   Anh X (S) bị chết (đuối) (M)

   Vậy anh X do không có nước [? !]

Đây là suy luận ba đoạn loại hình thứ hai. Loại hình này có hai quy tắc :

(1) Tiền đề lớn là phán đoán chung.

(2) Một trong các tiền đề là phán đoán phủ định.

Ta suy ra, suy luận này sai lầm vì không có tiền đề nào là phán đoán phủ định *(chú ý :* "không" ở tiền đề lớn không tạo nên phán đoán phủ định. Dạng phủ định phải là : *Không một người nào có nước sẽ bị chết).*

61. PHẢN BÁC PHẢN CHỨNG LOẠI SUY

Trong quá trình biện luận dùng phép phản bác phản chứng, khi từ quan điểm bị phản bác suy ra quan điểm mới giả đối, nếu dùng phương pháp suy luận loại suy thì đó là phép *Phản bác phản chứng loại suy*. Người ngụy biện khi dùng phép *Phản bác phản chứng loại suy* để bào chữa cho các sai lầm của mình thì thường là vi phạm sai lầm *Loại suy máy móc*. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Phản bác phản chứng loại suy*. Ví dụ :

Trường cấp 2 nọ sắp sửa tổ chức đại đội thể dục thể thao mùa xuân. Trên bảng thông báo tại phòng làm việc của hiệu trưởng có dán thông tri như sau : Toàn thể thầy cô, học sinh và nhân viên nhà trường đều phải tham gia lễ khai mạc đại hội. Đứng trước bảng thông báo, Tiểu Mã phát biểu ý kiến :

"Đại hội thể dục trường ta là đại hội thể dục nhà trường. Nếu đại hội thể dục một trường mà bắt mọi nhân viên trong trường tham gia lễ khai mạc thì Đại hội thể thao Ôlimpic quốc tế phải bắt nhân dân cả thế giới tới tham dự lễ khai mạc chắc ? Không thể như vậy được, bởi vậy, toàn thể nhân viên trong trường đều phải tham gia lễ khai mạc là không cần thiết".

Ở đây ý kiến của Tiểu Mã có sử dụng thuật ngụy biện kiểu *Phản bác phản chứng loại suy*. Để phản bác thông tri của hiệu trưởng, Tiểu Mã đã từ cái thông tri nọ, bằng phương pháp loại suy mà suy ra luận điểm *"Nhân dân toàn thế giới đều phải tham gia lễ khai mạc Ôlimpic"*, mà luận điểm này là sai lầm, do vậy mà rút ra kết luận phủ định thông tri của hiệu trưởng. Cái sai lầm trong nghị luận của Tiểu Mã là ở chỗ cậu ta trong quá trình từ luận điểm bị phản bác mà suy ra luận điểm mới đã dùng cách suy luận loại suy và vi phạm sai lầm loại suy máy móc. Bởi vì, toàn thể nhân viên trong trường tham gia lễ khai mạc đại hội thể dục là có thể còn nhân dân toàn thế giới tham gia lễ khai mạc Ôlimpic là không có thể. Giữa hai cái không thể loại suy một cách đơn giản.

Khi đối phương dùng thuật ngụy biện kiểu *Phản bác phản chứng loại suy*, chúng ta phải nắm lấy cái điểm yếu của kết luận suy luận loại suy là tính có

thể, từ đó vạch ra chỗ loại suy máy móc trong đó rồi giáng một đòn mạnh mẽ, quyết không để cho đối phương mê hoặc bằng lời lẽ khôn khéo hoặc dọa nạt bằng khí thế hung hăng. Lại ví dụ :

Có một buổi sáng nọ, Trình X muốn mời khách, đã bỏ ra 120 đồng mua 10 con cua rô to rồi đậy trong chậu nhựa. Đợi trưa khách đến thì luộc ăn chơi. Không ngờ chậu thì nông mà cái chặn thì quá nhẹ, mấy con cua bò đi sạch. Đến khi Trình X phát hiện thì còn 2 con bò gần tường nhà hàng xóm. Hàng xóm là Sái Y thấy 2 con cua bò vào nhà mình thì mừng thầm, cho là may : *"Cua bò vào cửa vàng bạc vào theo"*. Nghe thấy Trình X đến đòi cua, liền rút tiền ra và nói với họ Trình : *"Con cua này coi như tôi đã mua"*. Còn Trình X vì cần đãi khách mà từ chối, định bắt cua về. Sái Y nặng mặt nói :

"Cua bò vào mà anh còn đòi về, hai hôm trước một con gián nhà anh bay vào nhà tôi sao anh không đi mà bắt về hử ? Cua đến cửa, có ăn mà không ăn họa là ngốc !"

Nói xong thì đóng cửa rửa cua cho vào nồi luộc, rót rượu ra đánh chén ngon lành. Sự việc diễn ra khiến họ Trình tức nổ mắt.

Sái Y sử dụng ngụy biện kiểu *Phản bác phản chứng loại suy* là rất giả dối. Bởi vì việc con gián bay bào nhà mà không bắt về với việc cua bò vào nhà là không thể loại suy đơn giản. Ở đây anh ta đã phạm sai lầm loại suy máy móc.

62. ĐỔI CHẤT ĐỔI CHỖ

Ngụy biện kiểu *Đổi chất đổi chỗ* là chỉ phương pháp ngụy biện mà kẻ ngụy biện cố tình lợi dụng cách *Đổi chất đổi chỗ* để bào chữa cho sai lầm của họ.

Cái sai lầm của phép *Đổi chất đổi chỗ* chủ yếu biểu hiện ở thuật ngữ không chu diên trong tiền đề lại trở nên chu diên trong kết luận. Ví dụ :

Có một người nghèo quần áo rách rưới ngăn một người bận âu phục sang trọng để xin tiền mua bánh bao ăn cho khỏi đói lòng. Người bận âu phục nọ nói :

"Tôi không có tiền, nhưng tôi có thể đưa anh vào quầy rượu uống một cốc".

"Tôi không biết uống rượu, tôi chỉ cần vài xu mua chút gì ăn".

"Tôi có thể cho anh một điếu xì gà".

"Tôi không biết hút thuốc, tôi chỉ cần chút gì ăn cho đỡ đói".

"Tôi bày cách cho anh nhé, tôi sẽ cá cược đua ngựa cho anh vậy !"

"Thưa ngài, xưa nay tôi đâu có cá cược, tôi chỉ cần chút gì ăn là đủ rồi !"

"Vậy thì, anh theo tôi về nhà !"

Thế là người bận âu phục sang trọng nọ liền dẫn kẻ nghèo khó về nhà, nói với vợ : *"Bà xem, người nghèo khổ này không uống rượu, không hút thuốc, không cá cược. Bởi vậy người không uống rượu, không hút thuốc, không cá cược là người nghèo. Lẽ nào bà bắt tôi không uống rượu, không hút thuốc, không cá cược để tôi biến thành một kẻ khốn khó đây ?"*

Trong nghị luận của người nọ bao hàm một suy luận như sau :

"Người nghèo thì không uống rượu, không hút thuốc, không cá cược, cho nên người không uống rượu, không hút thuốc, không đánh bạc là người nghèo".

Ở đây đã dùng phương pháp *Đổi chất đổi chỗ*. Nhưng đó là sai lầm, bởi vì *"không uống rượu, không hút thuốc, không cá cược"* trong tiền đề là không chu diên, còn trong kết luận thì lại chu diên. Bởi vậy nó là ngụy biện.

Muốn phản bác loại ngụy biện này thì phải chỉ ra chỗ vi phạm quy tắc hữu quan của phép *Đổi chất đổi chỗ*. Ví dụ, có một lần La Cát Phủ hỏi bạn :

"Tô Thức là người thế nào ?"

"Tô Thức là người thông minh".

Lã Cát Phủ nghiêm giọng phản bác : *"Tô Thức là người thông minh, lẽ nào Nghiêu không thông minh đây ? Lẽ nào Thuấn không thông minh đây ? Lẽ nào Đại Vũ không thông minh đây ?"*

Người bạn đáp : *"Trên thế giới, người thông minh không chỉ có 3, người khác cũng có thể thông minh".*

Lã Cát Phủ trong phản vấn bao hàm một suy lí như sau :

Tô Thức là người thông minh,

Cho nên người thông minh là Tô Thức.

Ông ta đã lấy "người thông minh" không chu diên trong tiền đề mà biến ra chu diên trong kết luận, từ đó rút ra kết luận không chính xác, rồi thì liệt kê Nghiêu, Thuấn, Vũ để phản bác. Loại phản bác này xem ra hung hăng nhưng lại không logic, yếu đuối. Lời phản bác của bạn ông ta đã vạch trần ngay cái sai lầm của đối phương.

63. ĐÁNH TRÁO THUẬT NGỮ GIỮA

Trong một tam đoạn luận, chỉ có thể có 3 thuật ngữ[1] : thuật ngữ lớn (P) thuật ngữ giữa (M) và thuật ngữ nhỏ (S). Nếu thêm một thuật ngữ nữa thì phạm sai lầm là 4 thuật ngữ. Người ngụy biện để đạt mục đích ngụy biện làm lẫn lộn phải trái, thường tùy tiện đánh tráo hàm nghĩa khác nhau của thuật ngữ giữa trong tiền đề, dẫn tới sai lầm 4 thuật ngữ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đánh tráo thuật ngữ giữa :*

Có người phát biểu nghị luận thế này :

Kẻ cố tình giết người nên xử tử hình,
Kẻ hành hình là kẻ cố tình giết người,
Bởi vậy, kẻ hành hình nên xử tử hình.

Biện luận này rõ ràng là giả dối. Giả dụ đúng là như vậy, thì người xử tử kẻ hành hình cũng là "kẻ hành hình", bởi vậy cũng nên xử tử, và nếu cứ giết từng người từng người theo kiểu như vậy thì kẻ hành hình cuối cùng đành phải tự sát. Đó đúng là ngụy biện đích thực. Bởi vậy, *"Kẻ cố tình giết người"* trong đại tiền đề là chỉ phạm nhân có âm mưu giết hại mạng người. Còn trong tiểu tiền đề, *"kẻ cố tình giết người* là chỉ người dựa theo trình tự pháp luật mà phụng mệnh xử tử phạm nhân. Hình thức từ ngữ giống nhau nhưng hàm nghĩa lại không giống nhau, chúng biểu đạt những khái niệm khác nhau. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đánh tráo thuật ngữ giữa.*

Đánh tráo thuật ngữ giữa là phương pháp thường dùng của kẻ ngụy biện. Muốn phản bác ngụy biện loại này thì phải chỉ rõ hàm nghĩa khác nhau của thuật ngữ giữa trong tiền đề của kẻ ngụy biện. Lại ví dụ :

Xưa kia có một tham quan nói với một người nhà giàu rằng :

---

(1) *Tam đoạn luận :* Tức luận ba đoạn, gồm hai tiền đề và kết luận. Những khái niệm tham gia vào luận tam đoạn luận gọi là các thuật ngữ của tam đoạn luận. Trong tam đoạn luận có tất cả ba thuật ngữ. Thuật ngữ đóng vai trò chủ ngữ của kết luận gọi là *thuật ngữ nhỏ* (S). Thuật ngữ đóng vai trò vị ngữ của kết luận gọi là *thuật ngữ lớn* (P). Các thuật ngữ lớn và nhỏ gọi là *thuật ngữ biên.* Thuật ngữ tham gia vào cả hai tiền đề và không có trong kết luận, gọi là *thuật ngữ giữa,* kí hiệu là (M). Thuật ngữ giữa là khâu nối các thuật ngữ lớn và nhỏ.

"Nếu một cái gì mà anh không từng lấy ra thì đương nhiên cái đó vẫn trong tay anh và còn ghi vào tên anh". Người nhà giàu nghe vậy cảm thấy câu này có lợi cho mình thì vội đồng ý : *"Đúng vậy đúng vậy"*. Viên tham quan nọ bỗng nhiên hỏi : *"Gần đây anh có đưa cái gì tới nha môn không ?"*

"Chưa đưa cái gì tới cả". Người nhà giàu nói

"Thật ư ?"

"Thật vậy. Ngài nói tới cái gì vậy ?"

"Một tấm da lông thú quý".

"Đâu có, xưa nay đâu có".

"Từ năm ngoái đến bây giờ ?"

"Vâng, cho đến tận lúc này, chưa hề đưa ra tấm da quý nào".

Tên tham quan đập bàn, trở mặt quát : *"Khá lắm, hãy mang tấm da lông thú quý ngươi ăn cắp đó nộp ra mau !"*

Người nhà giàu nọ ngơ ngác hỏi : *"Đồ ăn cắp nào ?"*

"Ngươi vừa mới nói cái gì trước khi lấy ra thì vẫn còn trong tay ngươi. Ngươi đã xác nhận trước sau chưa đưa tấm da thú quý thì đương nhiên tấm da đó vẫn còn trong tay ngươi".

Người nhà giàu nghe vậy, cảm thấy khó hiểu, tại sao trong một lúc tự nhiên lại biến thành tên trộm cướp ? Ông ta biết rõ là tên tham quan đang lén bỏ tang vật nhưng không thể vạch trần âm mưu của y. Đành phải nhận phần rủi ro vậy.

Trong quá trình ngụy biện lừa gạt người nhà giàu, tên tham quan đã đánh tráo hàm nghĩa của thuật ngữ giữa. Thuật ngữ giữa trước *"Cái anh chưa đưa ra"* là chỉ cái vốn có mà chưa đưa ra. Thuật ngữ giữa sau *"Cái anh chưa đưa ra"* là chỉ cái vốn không có, không tồn tại. Do người nhà giàu không cách gì để vạch trần ngụy biện này mà kết quả là lỗ vốn to.

64. THUẬT NGỮ GIỮA KHÔNG CHU DIÊN

Vận dụng tam đoạn luận để biện luận thì thuật ngữ giữa trong tiền đề ít nhất phải chu diên một lần. Nếu hai lần đều không chu diên, sẽ phạm sai lầm *Thuật ngữ giữa không chu diên.* Khi kẻ ngụy biện vận dụng hình thức sai lầm *Thuật ngữ giữa không chu diên* để biện hộ cho cái sai lầm của họ thì đó là ngụy biện kiểu *Thuật ngữ giữa không chu diên.*

Xưa kia có một học trò tên là Địch Vĩnh Linh thường hay trốn học. Thầy giáo khi tức giận đã phạt cậu phải viết một bài làm văn, đề là *"Ngưu hà chi"*, nghĩa là : con bò đi đâu rồi, lấy đó mà làm nhục cậu. Nhưng cậu học trò họ Địch này cũng có chút thông minh, cầm bút ngoáy một cái là xong, bài văn có phần kết như sau :

"Xét hai chữ **hà chi**, *trong sách "Mạnh Tử" xuất hiện hai chỗ.Một chỗ là "tiên sinh tương hà chi". Một chỗ là "ngưu hà chi". Điều này chẳng phải là nói thầy là bò, bò và thầy chính là một đó sao ?"*

Cậu học trò này đã trốn học lại không hối lỗi mà còn cắn lại, bảo thầy giáo là bò. Cậu ta đã suy luận thế này :

Tiên sinh hà chi,
Ngưu hà chi,
Bởi vậy, tiên sinh là bò.

Suy luận này là sai lầm, lí do là vì thuật ngữ giữa *"hà chi"* hai lần không chu diên. Cậu học trò này rõ là trí trá.

Muốn phản bác ngụy biện loại này thì phải chỉ ra chỗ không chu diên của thuật ngữ giữa trong suy luận đó. Lại ví dụ :

Nước Tống thời xưa có người tên là Trừng Tử, có lần một cái áo kép màu đen bị mất đi, anh ta xót ruột đi tìm khắp phố. Thấy trên phố có một phụ nữ cũng mặc cái áo kép màu đen, liền đi vội tới túm lấy mà nói :

"Cái áo kép tôi mất là màu đen, cái áo chị mặc cũng màu đen. Bởi vậy, cái áo kép chị mặc là cái tôi bị mất".

Người phụ nữ kia nói : *"Thấy mất cái áo kép thì tôi rất thông cảm, nhưng cái đơ kẹp tôi mặc đây đích thực là của tôi !"*. Trừng Tử còn lật áo người phụ nữ nọ ra xem, thấy lớp trong là vải, liền gào toáng lên : *"Áo kép của tôi lót là lụa, còn áo này là vải. Lấy lót vải thay cho lụa của tôi, bà thật quá quắt lắm !"*

Trừng Tử trong cuộc tranh luận với người phụ nữ đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Thuật ngữ giữa không chu diên.*

Nhà thơ Lưu Chinh từng châm biếm chua cay với loại ngụy biện này như sau :

"Anh mọc râu con chuột cũng mọc râu, anh là nhà văn chuột. Anh ngủ trên giường, con rệp cũng ngủ trên giường, anh là bạn của con rệp. Anh ho, con nhím cũng ho, anh chính là con bọ nhại con nhím. Anh mài dao để giết gà, trong một ngôi miếu cổ ở nước Trảo oa xa 10 vạn 8 ngàn dặm cũng có một tên cướp đang mài dao, anh là đồng bọn cùng tên cướp, là một thằng cướp biển. Nếu không phải vậy thì sao lại giống nhau đây ?"

65. THUẬT NGỮ LỚN MỞ RỘNG

Trong một tam đoạn luận, phạm vi mà thuật ngữ lớn hoặc thuật ngữ nhỏ trong kết luận đề cập tới không được vượt quá phạm vi đề cập của thuật ngữ lớn hoặc thuật ngữ nhỏ trong tiền đề. Tức là thuật ngữ không chu diên trong tiền đề không được trở nên chu diên trong kết luận. Thế nhưng trong tam đoạn luận của kẻ ngụy biện, thuật ngữ lớn trong tiền đề không chu diên nhưng nó lại trở nên chu diên trong kết luận. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Thuật ngữ lớn mở rộng.*

Người nọ sau khi xem sự tích Trương Hải Địch tàn nhưng không phế, giới thiệu trên báo, thì rất xúc động nói :

Ồ ! Tiếc là mình không tàn, nếu không, cũng thành tài như vậy !"

Trong nghị luận của người nọ đã dùng một hình thức suy luận là :

Người thân tàn có thể thành tài,
Ta không phải là người thân tàn,
Bởi vậy, ta không phải là người có thể thành tài.

Trong tiền đề của suy luận này, *"người thân tàn có thể thành tài"* chỉ đề cập đến bộ phận đối tượng thuật ngữ lớn "có thể thành tài", mà không chỉ kẻ thành tài đều là người tàn tật. Còn trong kết luận, thuật ngữ lớn *"có thể thành tài"* lại trở thành chu diên. Bởi vậy, đã dẫn đến kết luận quái đản này.

Ngụy biện kiểu *Thuật ngữ lớn mở rộng* trong cuộc sống hằng ngày là phương pháp ngụy biện thường gặp, chúng ta cần chú ý để phản bác. Lại ví dụ :

Có bốn người khách thuê một buồng của quán trọ. Tối đến, người phục vụ trong quán muốn chiếu videó tại buồng này, nhưng khách không đồng ý nói : *"Chúng tôi muốn thương lượng, chúng tôi mang theo giấy tờ, vào đây kẻ ra người vào sẽ không an toàn. Vậy hãy tìm buồng khác mà chiếu !"* Người phục vụ lại nói : *"Buồng này là của quán trọ, chúng tôi muốn chiếu videó tại đây".* Khách nói : *"Thế nhưng hôm nay chúng tôi đã bỏ tiền ra thuê, quyền sử dụng là thuộc chúng tôi, chúng tôi không đồng ý thì các anh đâu có quyền dùng nó vào việc khác được".* Tranh luận cứ mãi như vậy, người phục vụ đuối lí, đành

phải đổi chỗ chiếu. Nhưng có một nhân viên muốn trả thù, anh ta cầm một chùm chìa khóa, khóa khách trọ vào trong buồng, không cho họ ra. Khách trọ kiên quyết nói : *"Cách làm này của các anh là sai, hãy mở cửa ra ngay"*. Nhưng người phục vụ nọ đã trí trá rằng :

"Các anh đã thuê buồng này thì cứ việc mà sử dụng nó đi ! Lối đi đâu có cho các anh thuê, không cho phép sử dụng. Chúng tôi khóa cửa là để bảo đảm quyền sử dụng lối đi".

Mặc cho khách trọ lí lẽ phản đối thế nào, người phục vụ nọ vẫn bỏ ngoài tai, cứ khóa cửa suốt hai tiếng. Sau việc này, người phục vụ vẫn không chịu nhận cái sai của mình, các khách hàng do vậy đã kiện ra tòa. Tòa án thụ lí, cho rằng nhân viên phục vụ đã vi phạm quyền tự do thân thể của khách, và phạt giam 15 hôm.

Từ giác độ biện luận thì người phục vụ nọ đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Thuật ngữ lớn mở rộng.*

Cái anh đã thuê thì có quyền sử dụng,
Lối đi anh không thuê,
Bởi vậy, lối đi không thuộc quyền sử dụng của anh.

Thuật ngữ lớn *"có quyền sử dụng"* trong tiền đề là không chu diên, bởi vì cái đã thuê thì có thể có quyền sử dụng, có cái không thuê cũng có thể có quyền sử dụng, chẳng hạn như lối đi. Nhưng trong kết luận thì thuật ngữ trở nên chu diên. Người phục vụ nọ đã trí trá vô lí, kết quả là bị phạt giam.

66. THUẬT NGỮ NHỎ MỞ RỘNG

Trong quá trình vận dụng hình thức tam đoạn luận để biện luận, nếu tiền đề chỉ đề cập đến bộ phận đối tượng của thuật ngữ nhỏ mà trong kết luận lại đề cập đến toàn bộ đối tượng thuật ngữ nhỏ, tức là thuật ngữ nhỏ trong tiền đề không chu diên mà trong kết luận nó lại trở nên chu diên. Như vậy, đã phạm sai lầm *Thuật ngữ nhỏ mở rộng*. Đó chính là ngụy biện theo kiểu *Thuật ngữ nhỏ mở rộng*.

Lỗ Tấn trong *Linh hồn của biện luận* đã khái quát những luận điệu quái gở của phái ngoan cố và bọn phản đối cải cách bấy giờ. Trong đó có viết :

"Anh bảo A mọc mụn. A là người Trung Quốc, vậy là anh bảo người Trung Quốc mọc mụn rồi. Đã là người Trung Quốc mọc mụn, mà anh là người Trung Quốc, vậy anh cũng đã mọc mụn. Anh đã là mọc mụn thì anh cũng như A vậy. Thế nhưng anh chỉ bảo A mọc mụn thì là thiếu trí tuệ, lời anh nói còn có giá trị gì nữa không ? Nếu anh không có mụn là nói dóc. Bọn bán nước nói dóc, cho nên anh là tên bán nước. Tôi chửi bọn bán nước, cho nên tôi là người yêu nước. Lời người yêu nước là rất có giá trị, cho nên lời tôi nói là đúng đắn. Lời tôi nói đã không sai thì anh hẳn là tên bán nước rồi !"

Đoạn thoại này đã vạch trần một loạt mánh khóe ngụy biện, một trong đó là :

A mọc mụn,
A là người Trung Quốc,
Bởi vậy người Trung Quốc mọc mụn.

Trong suy luận này, tiểu tiền đề *"A là người Trung Quốc"* chỉ đưa ra suy đoán với bộ phận đối tượng "người Trung Quốc", chỉ là nói A là một trong những người Trung Quốc, chứ không phải là nói A là "tất thảy người Trung Quốc". Còn trong kết luận, *"người Trung Quốc mọc mụn"* lại đưa ra suy đoán với toàn bộ đối tượng *"người Trung Quốc"*, tức là nói *"Tất thảy người Trung Quốc đều mọc mụn"*. Thuật ngữ nhỏ *"người Trung Quốc"* trong diễn đề không chu diên nhưng trong kết luận lại trở nên chu diên. Đó là ngụy biện kiểu *Thuật ngữ nhỏ mở rộng*.

67. DẪN CHỨNG GIẢ DỐI

Tục ngữ nói : *Sự thực thắng hùng biện.* Nhưng không phải trong bất kì trường hợp nào, sự thực nào cũng như vậy. Đó là vì có sự thực chỉ là mối liên hệ bên ngoài đối với sự vật, sự kiện tồn tại khách quan và là sự trình bày chân thực của đặc trưng bên ngoài. Ví dụ, *"Mặt trời buổi sáng mọc ở đằng đông, buổi tối lặn ở đằng tây"*, đó gọi là **sự thực kinh nghiệm,** cái nó phản ánh là tình hình bề ngoài mối quan hệ mặt trời – trái đất. Có những sự thực lại là sự miêu tả chân thực đối với mối liên hệ bản chất nội tại của sự vật sự kiện khách quan. Chẳng hạn, *"Trái đất quay quanh mặt trời"*, điều nó phản ánh ở đây là mối liên hệ thực tế nội tại trong quá trình vận hành của mặt trời – trái đất. Đó gọi là **sự thực lí luận,** nó chỉ có trên cơ sở hàng loạt nhận thức cảm tính tập hợp từ quan sát và thực nghiệm và thông qua tư duy khoa học mới có thể nắm được. Trong biện luận, chỉ có trong mối liên hệ lẫn nhau của sự thực kinh nghiệm được thu tập, thông qua trừu tượng khoa học mà tìm ra mối liên hệ bản chất nội tại. Như vậy mới có sức thuyết phục. Nếu cứ tùy ý tìm một số sự thực kinh nghiệm làm luận cứ, thì sẽ thiếu tính khoa học, thậm chí sẽ trượt vào ngụy biện, loại ngụy biện này chính là ngụy biện kiểu *Dẫn chứng giả dối.*

Ví dụ :

Một vùng nọ của Thượng Hải năm 1988 từng lưu hành bệnh viêm gan A. Thông qua hàng loạt sự thực, chứng minh nguyên nhân phát bệnh đều là do ăn phải một loại sò lông không sạch tại cùng một vùng mà ra. Người mắc bệnh viêm gan A tại Thượng Hải lần này 87 – 90% là có lịch sử ăn loại sò lông này. Qua kiểm tra hóa nghiệm, từ việc cư dân ăn sò lông mà phát hiện mầm bệnh viên gan A. Thông qua nghiên cứu tổng hợp hàng loạt sự thực được thu thập, cuối cùng xác nhận rằng việc lan truyền rộng viêm gan A tại Thượng Hải lần này là do vi rút viêm gan tuýp A, nguyên nhân phát sinh trực tiếp là do bộ phận cư dân đã ăn phải loại sò lông nhiễm tuýp vi rút viêm gan A này. Kết luận này là do ngành y tế từ những sự thực kinh nghiệm hàng loạt, thông qua nghiên cứu khoa học mà nêu ra. Do vậy mà đã vạch ra nguyên nhân bản chất lần lan truyền bệnh biêm gan A này. Bởi thế, nó là cái chứng cứ chính xác, là sự thực khoa học. Thế nhưng, có người lại phản đối rằng :

"Thượng Hải có hàng vạn người không ăn sò lông này tại sao vẫn mắc viêm gan A ?"

"Tôi và X đều ăn sò lông, tại sao không bị viêm gan A ?"

Đó là ngụy biện kiểu *Dẫn chứng giả dối* điển hình. Loại này lấy sự thực kinh nghiệm một cách tùy tiện làm luận cứ, không có sức thuyết phục.

Lê nin từng chỉ ra : *Về mặt hiện tượng xã hội, không có phương pháp nào là phổ biến hơn và thiếu vững chắc hơn việc nêu bừa một số sự thực cá biệt và chơi trò dẫn ví dụ thực. Liệt kê những ví dụ thông thường đâu có phí sức, nhưng điều này không hề có ý nghĩa hoặc hoàn toàn có tác dụng ngược lại. Bởi vì trong tình hình lịch sử cụ thể, mọi sự việc đều có trường hợp cá biệt. Nếu từ toàn bộ tổng hòa sự thực, từ mối liên hệ sự thực mà nắm sự thực, vậy thì, sự thực không chỉ là "cái thắng hùng biện", mà là cái chứng cứ xác thực. Nếu không phải là từ tổng hòa toàn bộ, không phải là từ mối liên hệ để nắm sự thực, mà là chắp vá và tùy tiện nhặt ra, vậy thì sự thực sẽ chỉ có thể là một trò đùa trẻ con, hoặc thậm chí không bằng cả trò đùa trẻ con"*(1)

Ngụy biện kiểu *Dẫn chứng giả dối* đã bị Lê nin coi là thứ không bằng cả trò đùa trẻ con.

---

(1) *Lê nin toàn tập*, quyển 23, trang 279.

68. LUẬN CHỨNG LUẨN QUẨN

Luận cứ dùng để chứng minh luận đề, tính chân thực của luận đề là suy ra từ luận cứ. Điều này đòi hỏi tính chân thực của luận cứ là đảm bảo. Thế nhưng, tính chân thực của luận cứ của người ngụy biện lại quay lại cần có luận đề chứng minh. Như vậy là sinh ra luẩn quẩn. Đó là ngụy biện kiểu *Luận chứng luẩn quẩn*. Ví dụ :

Xưa kia có một người, hắn ta vô vẽ biết ít chữ. Thế nhưng lại thường hay bình luận văn chương người khác. Có một lần, anh ta nói :

"Đã là văn chương thì cốt lấy cái thú vị. Văn chương thế nào mới là thú vị đây ? Chỉ có viết cho thú vị văn chương mới thú vị. Nếu văn chương viết không thú vị thì văn chương không có thú vị !"

Luận đề của người này là *văn chương phải có cái thú vị*, luận cứ vẫn là *văn chương phải có cái thú vị*, luận đề và luận cứ có hàm nghĩa như nhau, dùng *có cái thú vị* để chứng minh *có cái thú vị*. Đó gọi là lặp đồng nghĩa. Lại ví dụ :

Thomas Aquinas[1] nhà triết học kinh viện châu Âu trung thế kỉ từng luận chứng thế này :

"Sắt sở dĩ có thể dát mỏng là vì sắt có tính dát mỏng"

Lấy dát mỏng để thuyết minh dát mỏng, kết quả là không chứng minh được gì cả.

Trong vở kịch *Người giả ốm* của nhà hài kịch cổ điển Pháp Mô-li-e có tình tiết là bác sĩ y khoa Al-can đã tiến hành biện đáp.

Tiến sĩ hỏi : *"Xin hỏi anh, nguyên nhân và đạo lí nào mà thuốc phiện lại có thể đưa người ta vào giấc ngủ ?"*

Al-can đáp : *"Do bản thân nó có sức thôi miên !"*

Dùng *"có sức thôi miên"* để luận chứng *"có thể đưa người ta vào giấc ngủ"*, ý nghĩa của chúng hoàn toàn giống nhau, như vậy nói mà lại không nói.

---

(1) Thomas Aquinas (chừng 1225 – 1274) nhà thần học cơ đốc giáo trung thế kỉ, người Ý. Ông đã dùng phạm trù cơ bản siêu hình của Aristolẽs "có" và "bản chất" để thuyết minh "tự có, hằng có" của thượng đế.

Cũng có luận cứ của người biện luận cần gián tiếp có luận đề để chứng minh. Đó gọi là tuần hoàn ác tính.

Ví dụ, trong giờ toán, có học sinh hỏi :

"Thưa thầy, tại sao đường song song không bao giờ giao nhau ?"

"Bởi vì nó là song song !" Thầy giáo trả lời.

"Làm sao biết nó là song song ạ ?"

"Bởi vì chúng không bao giờ cắt nhau".

Chứng minh *"đường song song không bao giờ giao nhau"* mà lấy "song song" làm luận cứ, khi chứng minh *"song song"* lại quay lại lấy *"không bao giờ giao nhau"* làm luận cứ. Như vậy, sinh ra luẩn quẩn (tuần hoàn), kết quả là không chứng minh được gì cả. Lại ví dụ, trong giờ hóa học, thầy giáo cầm ra hai cốc dung dịch trong suốt, không màu cho học sinh phân biệt, cốc nào là dung dịch axít, cốc nào là dung dịch bazơ. Thầy giáo gọi một học sinh đang lơ đãng có tên là Tiểu Vương. Tiểu Vương đảo mắt rồi đáp :

"Cốc bên cạnh dung dịch axít là dung dịch bazơ, cốc bên cạnh dung dịch bazơ là dung dịch axít".

"Ha ha !" Cả lớp cười toáng lên.

Tiểu Vương bực mình : *"Cười cái gì, hai cái phải nhằm vào một mà !"*

Lớp học tiếng cười như muốn nổ tung.

Đó cũng là tuần hoàn ác tính, không nói được gì cả.

69. KHÁI QUÁT KHINH SUẤT

Ngụy biện kiểu *Khái quát khinh suất* là chỉ phương pháp ngụy biện mà kẻ ngụy biện chỉ dựa vào sự thực cá biệt trong loại sự vật nào đó, dựa vào kinh nghiệm phiến diện mà nêu ra kết luận sai lầm về tính toàn thể của loại sự vật này.

Lỗ Tấn trong bài tựa *Nội sơn hoàn tạo tác* có viết :

"Một người lữ hành đi vào thư trai của một vị quan tớn giàu có bị cách chức, thấy có rất nhiều nghiên mực qúy, liền nói Trung Quốc là "đất nước văn hóa". Một nhà quan sát đi Thượng Hải một chuyến, mua mấy loại tranh và sách khiêu dâm, lại đi tìm kiếm xem xét những sự vật kì lạ, y báo Trung Quốc là "đất nước dục tình""

Ở đây Lỗ Tấn đã chỉ ra người khách lữ hành chỉ thấy trường hợp phòng sách của vị quan lớn giàu có bị cách chức nọ mà đưa ra kết luận Trung Quốc là đất nước văn hóa, còn người quan sát thì chỉ dựa vào tình hình một góc nào đó của Thượng Hải mà rút ra kết luận Trung Quốc là đất nước dục tình. Kết luận như vậy đều không đáng tin cậy, đều là khái quát từ phiến diện, *Khái quát khinh suất.*

Ngụy biện kiểu *Khái quát khinh suất* là giả dối, bởi vì cá biệt và toàn thể là thống nhất, trong cá biệt tất yếu có toàn thể, bởi vậy chúng ta có thể căn cứ vào trường hợp bộ phận đối tượng trong một loại sự vật nào đó mà suy ra kết luận có tính toàn thể về sự vật này. Đó là cách làm đơn giản, một mặt. Mặt khác cá biệt và toàn thể lại đối lập, trong cá biệt ngoài thuộc tính và đặc trưng của toàn thể còn bao hàm thuộc tính và đặc trưng riêng biệt của riêng nó. Bởi vậy, nếu chỉ dựa vào hiện tượng bề ngoài cá biệt mà suy ra kết luận về tính toàn thể của loại sự vật này thì khó mà tránh khỏi sai lầm, dẫn đến ngụy biện.

Cuộc biện luận sau đây giữa Sở vương và Án Tử là như vậy.

Theo *Án Tử Xuân thu,* một lần đại thần nước Tề là Án Tử phụng mệnh đi sứ nước Sở. Sở vương để làm nhục Án Tử, khi bày tiệc đãi Án Tử đã cho hai võ sĩ giải vào một người bị trói đến. Sở vương cố tình hỏi : *"Nó là người nước nào ?"* Võ sĩ đáp : *"Người nước Tề !"* Sở vương lại hỏi : *"Kẻ này phạm tội gì ?" "Tội trộm cướp !"* Sở vương bèn quay lại nói với Án Tử :

"Người nước Tề vốn quen trộm cắp vậy sao ?"

Rõ ràng là dù cho người Tề nọ là kẻ trộm cướp đi nữa, cũng không chứng minh được mọi người Tề đều là *"quen trộm cắp".* Sở vương ở đây đã chơi cái trò ngụy biện kiểu *Khái quát khinh suất.*

70. GÁN GHÉP NHÂN QUẢ

Kẻ ngụy biện cố tình lấy quan hệ nhân quả gán ghép vào giữa các trường hợp sự vật hoàn toàn không có mối quan hệ nhân quả để luận chứng in như thật cho cái giả dối của họ. Đó là thuật ngụy biện kiểu *Gán ghép nhân quả.*

Euler và Diderot[1] một lần biện luận là như vậy.

Diderot là lãnh tụ trứ danh của phái Bách khoa toàn thư nước Pháp. Nghe nói theo lời mời của nữ hoàng, ông đi thăm nước Nga và từng tuyên truyền cho quan điểm vô thần luận của mình. Nữ hoàng vui mừng còn một vị cố vấn khu mật của bà thì lại không, y ngầm tính kế với nhà toán học Euler có mặt lúc đó. Euler vốn là một tín đồ, ông ta tuyên bố có sự chứng minh về sự tồn tại của thượng đế, nếu Diderot muốn nghe thì ông ta sẽ giảng giải ngay trước mặt mọi người có mặt tại cung đình. Euler thúc bách Diderot với giọng nghiêm nghị :

"A bình phương trừ B bình phương thì bằng A trừ B nhân A cộng B. Cho nên thượng đế tồn tại. Hãy trả lời đi !"

Thật rõ ràng là *"A bình phương trừ B bình phương bằng với A trừ B nhân A cộng B"* với *"thượng đế tồn tại"* hoàn toàn không có mối liên hệ nhân quả. Dù là nhà toán học tài ba đến mấy cũng không thể từ đó mà chứng minh thượng đế tồn tại. Thế nhưng, Euler lợi dụng Diderot thiếu kiến thức toán học mà nói hai việc này là có quan hệ nhân quả. Đó chính là ngụy biện kiểu *Gán ghép nhân quả* và ngụy biện đã lộng hành, Diderot bó tay, tâu xin lập tức quay về Pháp, và được phép.

Muốn phản bác ngụy biện kiểu *Gán ghép nhân quả*, chúng ta phải vạch ra giữa các hiện tượng sự vật mà kẻ ngụy biện nói ra hoàn toàn không có mối liên hệ nhân quả. Không được để cho luận chứng y như thật của đối phương làm mê hoặc. Ta hãy quan sát đoạn biện luận sau :

---

(1) Leonhard Euler (1707 – 1783), nhà toán học, lực học, thiên văn học, vật lí học người Thụy Sĩ.

Denis Diderot (1713 – 1784) nhà triết học, văn học, mĩ học, vô thần luận và là nhà tư tưởng khởi mông nước Pháp.

Năm 1978 tại một sân bay bang Niu Zécxi nước Mĩ đã khám ra trong hành lí xách tay của một hành khách có lựu đạn. Lúc đó, như là có chiến tranh, vì trong tình trạng khủng bố lan tràn như cướp máy bay, đánh bom liên tiếp xảy ra trong thế giới ngày nay thì đây không phải là việc đùa. Vị khách nọ bị giải đến nha cảnh sát. Kiểm tra phát hiện lựu đạn là rỗng, vậy là xảy ra tranh luận giữa cảnh sát và vị khách nọ :

"Thưa các ngài, hãy tin ở tôi, tôi không phải là phần tử khủng bố !"

"Vậy thì anh giải thích trong túi công văn vì sao lại mang vật này ?"

"Tôi mang quả lựu đạn này là vì mục đích an toàn cho mọi người, đương nhiên cũng vì cả an toàn của tôi nữa. Nói để các ông hay, do lần nào đáp máy bay tôi cũng mang quả lựu đạn này mà xưa nay chưa hề gặp rắc rối".

"Ý ông nói là khi gặp việc cướp máy bay thì ông dùng để bảo vệ mình ?" Cảnh sát ngắt lời ông ta.

Nhìn người cảnh sát có vẻ không hiểu, hành khách nọ liền chậm rãi giải thích : *"Không phải. Lí do tôi mang nó là : làm như vậy có thể giảm bớt tính có thể phát sinh việc cướp máy bay. Bởi vì tôi phát hiện, trên một chuyến bay không thật có khả năng một hành khách nào đó mang theo lựu đạn. Suy luận tiếp trên một chuyến bay đồng thời có hai hành khách mang theo lựu đạn lại càng không có thể. Nếu giả định xác suất hành khách nào đó mang lựu đạn trên một chuyến bay là 50% thì xác suất có hai hành khách cùng mang lựu đạn trên một chuyến bay sẽ giảm đi nhiều, khả năng chỉ còn 25%. Do vậy tôi mang quả lựu đạn này có thể làm cho khả năng máy bay bị cướp giảm đi nhiều".*

Trước sự giải thích của hành khách nọ, cảnh sát lúc đó không biết nói sao, vì ông ta đã dùng nguyên lí xác suất để mê hoặc. Thế nhưng biện luận của ông ta là sai lầm, vì việc ông ta mang lựu đạn và người khác mang lựu đạn hay không cùng với xác suất lớn nhỏ việc cướp máy bay là không có mối liên hệ tất yếu. Ở đây, ông ta đã *Gán ghép nhân quả*. Đương nhiên, sau kiểm tra, cảnh sát thấy ông ta không có động cơ phạm tội mà thả cho ông ta.

71. NHÂN QUẢ TRƯỚC SAU

Liên hệ nhân quả là mối liên hệ phổ biến và tất yếu của sự vật khách quan. Chỉ có hiện tượng về thời gian thì ở trước và có thể tất yếu sinh ra quả thì mới là nhân. Thế nhưng kẻ ngụy biện lại chỉ dựa vào sự trước sau của hiện tượng sự vật để suy đoán quan hệ nhân quả, họ cho rằng phàm là cái gì có thời gian trước thì là nhân, có sau thì là quả, và từ đó mà làm lẫn lộn đúng sai. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Nhân quả trước sau.*

Một đôi vợ chồng mới kết hôn hưởng tháng trăng mật. Lúc dạo chơi trên bờ biển, anh chồng bỗng nổi hứng trông ra biển mà ngâm câu thơ của Bai-rơn :

"Sục sôi đi, biển khơi sâu thẳm biếc xanh, sục sôi đi !"

Cô vợ liếc nhìn biển một cái, quay lại khâm phục nói với chồng :

"Anh thật tài, xem kìa, biển rõ ràng sục sôi lên rồi đấy !"

Tuy rằng, anh chồng ngâm thơ trước còn hiện tượng biển cuộn sóng là sau, thế nhưng sóng cuộn dâng quyết không phải là kết quả việc ngâm thơ của anh chồng nọ.

Trong cuộc sống thường nhật, một số quan niệm mê tín thường hay là sản phẩm tuyệt vời của ngụy biện kiểu nhân quả trước sau.

Tại Âu Mĩ, rất nhiều người cho rằng con số 13 là không lành, bởi vì Giê-su cùng 12 vị tông đồ là 13 người ăn "bữa ăn tối cuối cùng". Sau đó bị đóng đinh lên giá chữ thập. Người ta rất kiêng kị con số 13, thậm chí số nhà còn lấy 12A thay cho 13. Do những nguyên nhân tình cờ nào đó, người ta càng sợ con số 13. Ví dụ, nhà máy của một nhà kinh doanh người Âu tại Nam Phi có lần phát nổ, người ta tìm hiểu nguyên nhân, thì phát hiện thảm họa này có liên quan đến 13 : số nhà của nhà máy này là 13, ngày xảy ra vụ nổ là 13 tháng đó, số công nhân trong nhà máy cũng lại là hôm đó từ 7 người thành 13 người v.v...

Hiển nhiên đó là ngụy biện kiểu *Nhân quả trước sau.* Lí lẽ rất đơn giản, những sự cố xảy ra trên thế giới không phải là đều có liên quan đến 13, có việc liên quan đến 13 thế mà lại không xảy ra sự cố, 13 và sự cố tai nạn không hề có mối liên hệ nhân quả tất yếu.

72. ĐẢO VỊ TRÍ NHÂN QUẢ

Nguyên nhân là hiện tượng dẫn đến hiện tượng nào đó. Hậu quả là hiện tượng đưa tới do hiện tượng nào đó. Nguyên nhân và kết quả là có phân biệt, trong mỗi một trường hợp xác định, giữa chúng có giới hạn xác định, nguyên nhân là nguyên nhân, kết quả là kết quả, hai cái không được lẫn lộn, không được đảo lộn. Nếu không, nếu "đảo nhân thành quả" hoặc "đảo quả thành nhân" thì không thể nhận thức đúng đắn sự vật. Thế nhưng, kẻ ngụy biện lại hay lầm đem nguyên nhân làm kết quả, lấy kết quả làm nguyên nhân, luận chứng như thật cho cái giả dối của họ. Đó là thuật ngụy biện kiểu *Đảo vị trí nhân quả.*

Người Xi-bo-lai qua quan sát, phát hiện trên mình người khoẻ mạnh có rận, còn trên mình người sốt nóng vì có bệnh lại không có rận, thế là họ rút ra kết luận : *"Con rận làm cho người ta khoẻ mạnh."*

Kết luận đó là sai lầm, sự thực thì khi một người bị sốt, con rận thấy không dễ chịu, bèn rời bỏ người bệnh. Con rận trên mình người khoẻ mạnh lại không cảm thấy khó chịu cho nên không muốn rời bỏ. Bởi vậy, nên nói là sức khoẻ kém là nguyên nhân con rận rời bỏ con người. Thân người khoẻ mạnh là nguyên nhân rận không rời bỏ người. Hoàn toàn không phải con rận là nguyên nhân người ta khoẻ mạnh. Lại ví dụ :

Tại bờ biển phía nam Trung Quốc có một loại động vật là con còng gọi triều, con đực có một cái càng rất to, một cái càng lại bé, bé hơn cả chân nó. Trước khi triều cường, con đực giơ càng to lên mà khuơ, nên người ta mới gọi là "gọi triều". Người ta phát hiện, mỗi lần trước khi triều dâng thì con càng to này giơ càng to lên mà khuơ, sau đó khoảng 10 phút trước khi nước dâng thì nó chui vào hang. Bởi vậy mới rút ra kết luận :

"Con còng gọi triều giơ càng to lên khuơ và sau đó chui vào hang là nguyên nhân triều dâng."

Cũng vậy, kết luận này là sai lầm, trên thực tế thì triều dâng lại là nguyên nhân dẫn đến việc con còng gọi triều chui vào hang trước khi triều dâng.

73. ĐỒNG BIẾN QUÁ NGƯỠNG

Phép đồng biến cũng là phương pháp đi tìm mối liên hệ nhân quả của sự vật, nghĩa là, trong trường hợp tình hình khác không thay đổi, nếu một hiện tượng phát sinh sự biến đổi, hiện tượng khác cũng theo đó mà biến đổi tương ứng. Vậy thì chúng ta suy đoán, hiện tượng trước là nguyên nhân của hiện tượng sau. Phép đồng biến chủ yếu là dựa vào phản ứng phát sinh do sự biến đổi lượng sự vật mà suy luận. Thế nhưng, sự biến đổi về số lượng của bất kì sự vật nào cũng đều có giới hạn nhất định, vượt qua giới hạn đó, sự vật sẽ có sự biến đổi về chất. Lúc này, hiện tượng đồng biến sẽ không tồn tại nữa. Thế mà người ngụy biện lại thường hay cố tình vượt qua giới hạn xác định để xuyên tạc hiện tượng đồng biến của sự vật, nhằm mục đích luận chứng y như thật cho cái sai lầm của mình. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Đồng biến quá ngưỡng.*

Có một anh chàng ngốc phát biểu nghị luận :

"Tôi đến chơi nhà người bạn, thấy thức ăn nhạt và vô vị, người chủ biết ý, nêm thêm một chút xíu muối, vị đã khá hơn. Lại thêm chút muối nữa, vị ngon của thức ăn tuyệt hảo. Bởi vậy, vị ngon là do có muối. Nêm vào ít muối, vị sẽ ngon, thêm vào nhiều thì vị càng ngon. Và thế là về nhà tôi chỉ toàn ăn có muối. Kết quả là vừa mặn mà chát. Thật chẳng hiểu ra sao cả !"

Số lượng của muối và vị ngon của thức ăn có mối quan hệ đồng biến. Thế nhưng, quan hệ đồng biến này là có giới hạn xác định, vượt qua giới hạn đó, sự vật sẽ đi ngược lại, quan hệ đồng biến cũng không còn nữa.

Muốn phản bác thuật ngụy biện kiểu *Đồng biến quá ngưỡng* thì phải hiểu rõ khoảng sự vật phát triển lượng biến, yêu cầu phải thảo luận quan hệ đồng biến trong phạm vi khoảng xác định này. Chẳng hạn :

A : *"Anh có biết tàu thuyền gặp nạn bị đắm và người ta rớt xuống nước thì nhiều nhất có thể chống chọi trong bao lâu ? Có người tiến hành một loạt thử nghiệm, phát hiện người ta ở dưới nước $0^{\circ}C$ thì chống chọi được 15 phút ; ở $2,5^{\circ}C$ thì 30 phút ; ở $5^{\circ}C$ thì 1 tiếng ; ở $10^{\circ}C$ thì 3 tiếng ; ở $25^{\circ}C$ có thể chống chọi được một ngày đêm. Bởi vậy người ta trong nước thì thời gian*

chống chọi tỉ lệ thuận với nhiệt độ của nước. Chúng ta có thể rút ra kết luận, nhiệt độ nước lên cao là một nguyên nhân kéo dài thời gian con người ngâm trong nước".

B : *"Theo như anh nói thì nhiệt độ nước càng cao thì thời gian chịu đựng dưới nước của người càng lâu, vậy thì, với nhiệt độ nước 50°C, người ta chịu được 2 ngày đêm ; 100°c, thì chịu được 4 ngày đêm !"*

B rõ ràng là ngụy biện, trong một giới hạn nhất định, thì thời gian con người chịu đựng trong nước và nhiệt độ nước là tỉ lệ thuận. Thế nhưng, nếu vượt quá giới hạn đó, người ta không thể chịu đựng thời gian dài hơn mà là sẽ phát sinh sự biến đổi về chất – cái chết.

74. LIÊN HỆ BỪA BÃI

Người ngụy biện chỉ dựa vào những cái giống nhau bề ngoài giữa các sự vật mà ghép bừa lại với nhau, nhằm luận chứng y như thật cho cái giả dối của mình. Đó chính là ngụy biện kiểu *Liên hệ bừa bãi*. Ví dụ :

Nước ngoài có người lấy việc hoa nở trong mười hai tháng của năm mà mỗi tháng chọn một loại hoa tiêu biểu, như tháng giêng thì hoa nghênh xuân, tháng 2 hoa mơ, tháng 3 hoa đào, tháng 4 hoa hồng, tháng 5 hoa lựu, tháng 6 hoa sen v.v... cả thảy 12 loại hoa. Sau đó phân tích đặc tính các loại hoa này, rồi lại chia tháng để người ta ra 12 loại, mỗi loại tương ứng với mỗi loại hoa nở trong tháng đã xác định mà liên hệ với nhau, và từ đặc tính của hoa để suy đoán tính cách con người. Có anh chàng yêu cô gái nọ, tình cảm rất thắm thiết. Thế nhưng sau khi anh chàng biết được cô gái sinh vào tháng 3 thì lạnh nhạt nói với cô :

"Cô đẻ vào tháng 3, tháng 3 là hoa đào, cô thuộc loại đào hoa, rõ ràng cô là nông nổi, chúng ta coi như xong rồi !"

Kết quả tình yêu chấm dứt, tạo nên bi kịch.

Người đẻ vào tháng 3 và hoa đào nở tháng 3 chỉ là sự việc phát sinh cùng trong một tháng mà lấy đó suy ra tính cách con người là đào hoa, đây là vô lí cực kì, là ngụy biện kiểu *Liên hệ bừa bãi*.

Ngục văn tự trong xã hội phong kiến là một điển hình đặc biệt của ngụy biện kiểu *Liên hệ bừa bãi*.

Theo ghi chép, vào năm Ung Chính nhà Thanh Sát Tự Đình người Chiết Giang làm quan chánh chủ khảo Giang Tây, ông ra đề thi là *"duy dân sở chỉ"*, đó vốn là câu *"Bang kì thiên lí, duy dân sở chỉ"* trong *"Kinh Thi"*, nghĩa là miền gần với kinh đô trong ngàn dặm là nơi nhân dân cư trú. Thế nhưng có người lại tố cáo hai chữ *"duy chỉ"* 维止 là lấy hai chữ *"Ung Chính"*雍正 bỏ đi phần trên. Kết quả là hoàng đế Ung Chính bắt giam Sát Tự Đình vào ngục với tội danh đại nghịch bất đạo, còn phạt vợ và con gái ông ta làm nô tì trong quân. Sát Tự Đình chết trong ngục, chết rồi còn bị đâm xác. Hoàng đế Ung Chính còn trút cơn giận lên tất cả những người có học đất Chiết Giang, sợ rằng họ theo gương Sát Tự Đình. Nhà vua hạ lệnh bỏ thi ở tỉnh này trong nhiều năm.

"Duy dân sở chí" và *"chặt đầu hoàng đế Ung Chính"* là hai chuyện chẳng ăn nhập gì với nhau. Thế nhưng, bọn thống trị phong kiến lại cứ ghép bừa lại với nhau, làm nên chuyện ngục văn tự, lấy cái tội không có khép lên đầu đối phương, thế mới thấy dụng tâm ác hiểm của nó.

Liên hệ bừa bãi là mánh khóe ngụy biện xấu xa, điểm yếu của nó ở chỗ giữa luận cứ và luận chứng thiếu đi mối liên hệ tất yếu, tính chân thực của luận đề không cách gì chứng minh được. Muốn phản bác loại ngụy biện này thì phải vạch rõ thực chất giữa luận cứ và luận đề của đối phương là không có mối liên hệ. Ta hãy quan sát một chuyện vui sau đây :

Có một hôm, Bây-cơn[1], nhà triết học nổi tiếng người Anh, nhà có khách là một phạm nhân, tên là Ho-gơ. Tòa án xử tù anh ta và anh ta đến xin Bây-cơn giúp. Anh ta nói :

"Ho-gơ (Hog, nghĩa là lợn) *và Bây-cơn (Bâycơn* nghĩa là thịt xông khói) *là có quan hệ thân thích, mong ngài quan tâm cho".*

Tội phạm muốn Bây-cơn cứu anh ta, lí do là tên của họ có "quan hệ thân thích", thật là *Liên hệ bừa bãi,* khôi hài. Do vậy, nhà triết học hài hước nói :

"Anh bạn, nếu anh không bị treo cổ thì chúng ta không thể trở thành thân thích. Bởi vì lợn chết đi thì mới thành thịt hun khói".

Câu trả lời hóm hỉnh của Bây-cơn làm mọi người phải phì cười, vì nó đã phơi bày hết tính giả dối của đối phương, nói lên thái độ cự tuyệt của ông. Tội phạm biết vậy đành phải chuồn.

---

(1) Francis Bacon (1561 – 1626) người mà Mác coi là thủy tổ chân chính của chủ nghĩa duy vật Anh và khoa học thực nghiệm hiện đại.

75. LÍ DO GIẢ DỐI

Trong quá trình biện luận, muốn xác định tính chân thực của một luận điểm nào đó thì phải có căn cứ vững chắc, phải có lí do đầy đủ. Thế nhưng, kẻ ngụy biện lại thường hay dùng những lí do giả dối để bào chữa cho cái giả dối của mình. Đó chính là ngụy biện kiểu *Lí do giả dối.*

Nhà triết học trong biện luận sau đây là như vậy.

Tại Ấn Độ cổ xưa thường có một đám nhà triết học chuyên phục vụ cho quốc vương, trong đó có một vị thường xuyên tuyên truyền với nhà vua quan điểm *"mọi cái đều là ảo giác"*. Có một hôm, con voi to bị kinh động, vị triết gia nọ hốt hoảng bỏ chạy. Quốc vương thấy cảnh đó bật cười mà rằng :

"Ngươi bị ảo giác làm cho hoảng sợ rồi chăng ?"

"Tâu bệ hạ, ngài đã thấy tôi bỏ chạy rồi phải không ? Ngài thấy tôi bỏ chạy cũng chính là một ảo giác !" Nhà triết học trả lời như không có chuyện gì xảy ra.

Thật chẳng hổ là một nhà ngụy biện ! Ông ta sở dĩ có thể buột mồm mà nói ra được cái kết luận y như thật này để che đậy cái hốt hoảng của mình là vì lí do ông ta dựa vào *"tất cả đều là ảo giác"* là giả dối. Thế nhưng quốc vương không biết điểm này, kết quả là để cho nhà ngụy biện ù té chạy mất.

Tương truyền rằng thời Bắc Tống hòa thượng Phật Ấn và Tô Đông Pha từng có một cuộc tranh luận như vậy.

Thời Bắc Tống, văn hào Tô Đông Pha cùng hòa thượng Phật Ấn trụ trì chùa Kim Sơn ở Trấn Giang tình bạn rất sâu nặng, không còn khách sáo với nhau nữa. Nghe nói có hôm, Phật Ấn đang giảng kinh tại thiền đường, Tô Đông Pha bước vào. Phật Ấn thấy ông, cố tình hỏi : *"Cư sĩ đến làm gì ? Lúc này không có chỗ ngồi."*

Tô Đông Pha không cho là vậy, đáp lại bằng lời nhà Phật : *"Tá hòa thượng từ thiên* (chỉ thân thể Phật Ấn) *tộ thiền sàng."*[1]

---

(1) Mượn thân thể Phật Ấn làm giường.

Phật Ấn bất giác cười : *"Sơn tăng xin hỏi, nếu cư sĩ đáp được ngay sẽ có chỗ ngồi ; nếu trù trừ xin cởi bỏ đai ngọc ở lưng ra."*

Tô Đông Pha tự thị văn tài hơn người, liền đồng ý.

Thế là Phật Ấn hỏi : *"Kẻ xuất gia cho rằng, thế gian vạn vật đều không có cái bề ngoài chân thực, thật ra là không, nghĩa là : Tứ đại giai không, ngũ uẩn phi hữu*[1] *Tức là thân thể bần tăng cũng chỉ là vật hư ảo mà thôi, cư sĩ ngồi sao đặng ?"*

Tô Đông Pha bỗng tịt mít, không đối đáp được. Phật Ấn vội bảo tiểu hòa thượng : *"Hãy lấy cái đai ngọc đi, để trấn sơn môn."* Rồi tặng Đông Pha một cái áo cà sa cũ. Đai ngọc Tô Đông Pha đến nay vẫn còn tại chùa Kim Sơn.

Phật Ấn nói đến *"tứ đại giai không"* và *"thân thể bần tăng cũng chỉ là vật hư ảo"* là giả dối, không phù hợp với thực tế khách quan. Thế nhưng, Tô Đông Pha do vội và sốt ruột mà bị gây khó dễ.

---

(1) *Tứ đại giai không* là lời nhà Phật, chỉ trong thế giới mọi cái đều là không. đây là tư tưởng tiêu cực (người Ấn Độ xưa coi đất. nước, lửa, gió là 4 yếu tố tạo nên vũ trụ. Phật Giáo gọi là tứ đại). *Ngũ uẩn phi hữu* (ngũ uẩn giai không) chỉ thế giới cao nhất nơi phật gia tu hành.

76. LÍ DO DỰ ĐOÁN

Ngụy biện kiểu *Lí do dự đoán* là chỉ phương pháp ngụy biện mà kẻ ngụy biện dùng mệnh đề vẫn còn chưa chứng minh được tính chân thực làm luận cứ luận chứng y như thật cho sự giả dối của mình.

Viên tri huyện Quá Vu Chấp trong *"15 quan"* qua việc xét án là một điển hình.

Tri huyện huyện Vô Tích tên là Quá Vu Chấp tự cho là sáng suốt quả đoán, thực ra chỉ là viên quan dốt nát. Trong khi thụ lí hỏi cung Tô Tuất Quyên về vụ án Ưu Hồ Lô bị giết, vừa giáp mặt, chưa hỏi han, y đã kết luận đây là một vụ *"án thông dâm mưu sát"*. Y nói :

"Xem cô ta đẹp như mận như đào, hèn nào mà có người mê ! Đang thì, đâu có thờ ơ sự đời ? Cô ta tình đầu ý hợp với gian phu, tự nhiên mà sinh ra cái ý cùng nhau. Cha ngăn cản thì giết cha mà cướp lấy tài sản. Đó cũng là việc đời thường. Vụ án này không cần phải xét hỏi cũng đã rõ đến 8, 9 phần rồi."

Đoạn thoại này tựa như có lí, có duyên cớ. Nhưng trên thực tế thì căn cứ phán xét tội trạng chỉ là giả định nghĩ là tất yếu nhưng chưa được chứng thực. Đó chính là ngụy biện kiểu *Lí do dự đoán*.

Ngụy biện kiểu *Lí do dự đoán* sở dĩ giả dối là vì luận cứ trong biện luận phải là mệnh đề biết chắc là chân thực, nếu dùng mệnh đề mà tính chân thực chưa được chứng minh làm căn cứ thì khó mà đạt được mục đích luận chứng cho tính chân thực của luận đề.

Ta hãy quan sát câu chuyện sau đây :

Ca-pa-den cùng vợ ngồi quanh bếp lò, vừa sưởi vừa chuyện trò.

"Em này, nếu ngày nào chúng mình có tiền thì em tiêu thế nào ?" Ca-pa-den hỏi vợ.

"Ăn vặt, đi chơi, mua quần áo thật đẹp vào, cơm phải ăn rõ ngon."

"Ái chà, không tốt đâu, thế là lãng phí đấy ! Phải cất giữ tiền !"

"Cái gì ? Trữ tiền ? Để cho mối nó ăn à ? Ô, thật rõ ngốc. Ca-pa-den này tốt nhất là phải tiêu pha cho thoải mái. Ngoài chuyện ăn vặt, ăn uống hằng ngày, còn phải tổ chức tiệc tùng."

Hai vợ chồng không đi đến thống nhất, cuối cùng Ca-pa-den nổi khùng đánh cho vợ một trận. Vợ anh ta khóc toáng lên như trẻ con. Bố vợ thấy vậy, tới hỏi :

"Sao vậy, con gái, sao lại khóc ?"

"Con đánh nó, cha à !" Ca-pa-den vội đáp.

"Vì sao vậy ?"

"Nó là một con đàn bà hoang phí, cha à ! Nó muốn sống thừa thãi, muốn tiêu sạch tiền của con !"

"Tiền ở đâu ra ?" Bố vợ hỏi.

"Giả dụ chúng con có tiền."

"Nói nhảm, chưa có tiền mà mày đã đánh người, sao lại nói được là phung phí ?"

"Vâng, vì tiền còn chưa có mà nó đã ra cái điều giàu sang phung phí. Nếu có tiền rồi thì sao đây ?" Ca-pa-den vừa nói vừa bỏ đi.

Ca-pa-den vì vợ nói nếu có tiền sẽ ăn ngon mặc đẹp mà kết luận cô ta là *"con đàn bà phung phí"* và đánh cho một trận, lí do thật không đủ. Bởi vì, thứ nhất, tương lai Ca-pa-den không tất yếu là có tiền, thứ hai, dù là có tiền thì chưa thể coi là thật sự sẽ hoang phí. Thật đúng như Tây Thi Đậu Phụ trong *"Cố hương* của Lỗ Tấn nói : *"càng có tiền thì càng không muốn bỏ ra một xu"*, trường hợp như vậy là thường. Ca-pa-den nói ra xem chừng chắc chắn nhưng trên thực tế là đang chơi cái trò ngụy biện kiểu *Lí do dự đoán.*

77. A DUA NỊNH NỌT

A dua nịnh nọt là phương pháp bằng việc nịnh khéo đối phương, tâng bốc để làm vui lòng họ, nhằm làm cho đối phương tiếp thu quan điểm sai lầm của mình, để từ đó mà đạt mục đích ngụy biện. Ví dụ :

Đường Thái Tông sau khi kế vị, có một ông sư tên là Pháp Lâm viết bài *"Biện chứng luận"* để tuyên truyền cho Phật giáo. Kết quả dẫn đến việc Thái Tông bực mình. Thái Tông khi thịnh nộ đã bắt giam Pháp Lâm vào đại lao, còn nói với ông ta : *"Trẫm nghe nói người niệm Quan Âm thì gươm giáo đâm không vào, bây giờ cho ngươi niệm 7 ngày, sau sẽ thử báo đao của ta."* Pháp Bảo sợ thất kinh. Đến hạn 7 ngày, thấy mặt Thái Tông thì nói :

"7 ngày qua tôi đâu có niệm Quan Âm, chỉ niệm bệ hạ. Bởi vì bệ hạ là Quan Âm cứu khổ cứu nạn !"

Nhà sư Pháp Lâm trong khi nguy cấp, bằng cách khen đối phương là Quan Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn. Kết quả là giữ được mạng sống cho mình.

Tâm lí người ta thường vẫn mong muốn người khác tôn trọng mình, cho nên kẻ a dua nịnh nọt rất chú ý tới việc nắm bắt thị hiếu, tập tính đến tính cách, cá tính và tình cảm của đối phương, lựa chọn sự vật mà đối phương thật là thích thú để nịnh bợ. Dù trong trường hợp nào thì kẻ a dua nịnh nọt vẫn tìm ra được lời để mà ton hót.

Với loại người chơi cái trò ngụy biện kiểu *A dua nịnh nọt*, chúng ta cần cảnh giác, không nên để cho họ mê hoặc bằng lời ngon ngọt.

78. KIẾM CỚ

Kẻ ngụy biện đối với những sự giả dối của họ thì thường là tìm đủ mọi cách kiếm cớ để cho nó trở nên hợp pháp hóa. Đó chính là ngụy biện kiểu *Kiếm cớ.*

Trong *Ngoại trữ thuyết. Hàn Phi Tử* có đoạn chép như sau :

Tề Hoàn Công lấy một người con gái nước Sái làm vợ. Có một hôm Hoàn Công cùng bà này bơi thuyền. Bà vợ chèo thuyền chao đảo, Hoàn Công cả sợ, ngăn lại không được bèn giận dữ đuổi bà ta đi. Sau Hoàn Công muốn triệu về, nhưng bà đã cải giá. Hoàn Công tức giận, bèn quyết định cất quân đánh Sái. Do vậy, Quản Trọng khuyên can :

"Vì chuyện vợ chồng sinh trò mà đánh nước người ta, xuất binh với lí do này thì khó mà đánh thắng".

Hoàn Công không chịu nghe, Quản Trọng lại nói :

"Nếu nhất định phải đánh Sái thì phải kiếm cái cớ. Nước Sở đã 3 năm không tiến cống cho thiên tử, chi bằng chúa công cất quân đánh Sở, đánh Sở xong thì chuyển quân đánh Sái. Lí do là : Ta thay thiên tử đánh Sở, nhưng sao nước Sái không xuất quân chi viện ? Lấy cớ này mà diệt Sái, vừa có danh nghĩa tốt đẹp là thay thiên tử phạt Sở, lại có thực chất báo thù rửa hận. Há chẳng phải lưỡng toàn kì mĩ sao ?"

Hoàn Công vì chuyện giữa vợ chồng mà đuổi vợ đi, còn muốn cất quân đánh Sái. Điều này rõ ràng là xuất quân không có cớ, khó mà chiến thắng. Quản Trọng vì để hành động xâm lược của ông ta được hợp pháp hóa, liền kiếm cớ nước Sở không tiến cống thiên tử mà đánh, rồi lại mượn cớ nước Sái không xuất quân chi viện mà đánh Sái, như vậy có một chiêu bài đường hoàng mà đạt mục đích trả thù riêng. Đó là thuật ngụy biện kiểu *Kiếm cớ.*

Điểm yếu của thuật ngụy biện kiểu *Kiếm cớ* là ở chỗ cái cớ của đối phương chỉ là hiện tượng bề ngoài, muốn phản bác loại ngụy biện này thì phải vạch trần thực chất chân thực của lời nói việc làm của kẻ ngụy biện. Chẳng hạn

trong *Thá Giới đình tạp văn mạt biên. Bán hạ tiểu tập* của Lỗ Tấn có đoạn biện đáp như sau :

A : *B này. Chúng tôi tưởng anh là người đáng tin cậy, cho nên mấy chuyện về cách mạng đều không có qua mắt anh. Sao anh lại mật báo cho giặc ?*

B : *Đâu có chuyện ấy ! Thế nào là mật báo ! Tôi nói ra là vì họ hỏi tôi.*

A : *Anh không được nói tránh là vì không biết à ?*

B : *Sao vậy ! Cả đời tôi đâu có nói dối, tôi không phải là loại người không đáng tin !*

B nói rằng cả đời anh ta chưa có nói dối, người ta hỏi gì thì nói vậy. Đó chẳng qua là cái cớ xấu xa bỉ ổi mà kẻ phản bội nọ viện ra mà thôi.

79. CHỈ HƯƠU NÓI NGỰA

Rõ ràng là con hươu mà lại bảo nó là con ngựa. Rõ ràng là giả dối mà lại bảo là chân thực. Cái cách ngụy biện trắng trợn đảo lộn phải trái, làm lẫn lộn trắng đen này chính là thuật ngụy biện kiểu *Chỉ hươu nói ngựa*

Điển cố về trò ngụy biện kiểu *Chỉ hươu nói ngựa* là từ việc Triệu Cao, thừa tướng nhà Tần âm mưu soán vị. Hắn ta lo lắng là các đại thần chưa chắc tin theo hắn, liền bày đặt âm mưu, mượn đó mà trừ bỏ người không theo mình.

Có một hôm Triệu Cao dâng Tần Nhị Thế một con hươu, y chỉ con hươu mà nói : *"Đây là con ngựa tốt hiếm có trên đời, thần xin dâng bệ hạ".*

Tần Nhị Thế cười mà nói : *"Thừa tướng nhầm rồi chăng ? Rõ ràng đây là con hươu, sao lại bảo là ngựa ?"*

Triệu Cao sáp lại, nói to rằng : *"Khá lắm, đây là một con ngựa, bệ hạ không tin có thể hỏi các đại thần tả hữu xem".*

Cả triều, văn võ bá quan nhìn nhau. Ai non gan thì không dám lên tiếng, lấy lòng Triệu Cao và nói là ngựa, một số đại thần trung thực thì cứ bảo đó là hươu, không phải là ngựa. Kết quả những người nói thực đều bị Triệu Cao gán tội mà giết đi.

Người đời sau liền lấy việc Triệu Cao hàm ý làm lẫn lộn phải trái đảo lộn trắng đen mà gọi là *Chỉ hươu nói ngựa.*

Kẻ ngụy biện dùng thuật ngụy biện kiểu *Chỉ hươu nói ngựa* muốn đạt được hiệu quả dự định thì phải dựa vào điều kiện công cụ và sức mạnh nhất định. Cái Triệu Cao dựa vào là quyền lực thừa tướng của một mình y, đứng trên mọi người. Nếu không dựa vào điều kiện nhất định thì ngụy biện kiểu *Chỉ hươu nói ngựa* sẽ bị phá sản. Phương Tây cũng có câu chuyện tương tự :

Có một hôm, một gia đình giàu có ăn mừng ngày lễ đặt tên, có nhiều tân khách đến, trong đó có một vị là mục sư. Những ngày này gặp lúc ăn chay, theo lệ, mục sư không động đến món ăn tanh. Chủ nhân chuẩn bị các loại thức ăn ngon để khoản đãi khách, giữa bàn tiệc bày một đĩa lợn sữa quay bóng nhẫy, mùi thơm phưng phức.

Chủ nhân rất lấy làm tiếc nói với mục sư : *Ô, xin lỗi mục sư ! Lợn sữa không ăn được thì tôi báo người nhà làm ít thức ăn chay nhé !"*

Mục sư thấy lợn sữa quay thì nhỏ dãi, ông ta vén ống tay áo, giơ tay lên làm dấu chữ thập trước ngực, chỉ vào lợn sữa mà lẩm bẩm :

"Hỡi thượng đế ! ông chủ vạn năng hãy vì con mà biến con lợn tội lỗi này thành củ khoai trắng mà ai là phàm nhân tục tử thì không nhận thấy được, chỉ có con, người đầy tớ của người mới lòng trong mắt sáng, hãy để con ăn củ khoai trắng này nhé !"

Thế là, mục sư yên tâm ngồi ăn con lợn quay.

Trên bàn rõ ràng là con lợn sữa quay nhưng vị mục sư thèm nhỏ giãi lại bảo nó là củ khoai trắng to, vị mục sư này *Chỉ hươu nói ngựa* và cái ông ta dựa vào là thượng đế toàn năng. Thượng đế đã là toàn năng thì đương nhiên biến lợn sữa quay thành củ khoai trắng cũng chẳng phí sức mấy.

80. THÒ LÒ HAI MẶT

Ngụy biện kiểu *Thò lò hai mặt* là chỉ mánh khóe ngụy biện mà kẻ ngụy biện chơi trò hai mặt, bề ngoài một kiểu nhưng bên trong lại khác, dùng các cách lừa bịp để mê hoặc đối thủ hòng đạt mục đích giành chiến thắng.

Có một năm nước lụt, nước Trịnh có người nhà giàu bị nước dìm chết, thi thể người khác vớt được. Người nhà xin chuộc thi thể về, nhưng người vớt xác nọ đòi giá quá trời. Người nhà nhà giàu không biết làm sao bèn xin ý kiến Đặng Tích để đối phó. Đặng Tích bảo :

"Không nên sốt ruột, người nọ chỉ có thể bán thi thể cho nhà anh, không thể bán cho ai khác".

Người vớt xác biết vậy, rất lo lắng, để thời gian lâu thì thi thể thối rữa, làm sao đây ? Thế là lại đến hỏi ý kiến Đặng Tích. Đặng Tích nói :

"Anh đừng lo, người nhà nhà giàu nọ không thể mua thi thể ông ta ở đâu được, không thể không mua từ chỗ anh".

Thi thể sẽ thối rữa, nhưng Đặng Tích lại đứng trên lập trường kẻ ngoài cuộc. Khi người nhà nhà giàu sốt ruột muốn chuộc thi thể thì lấy lí do người được xác không thể bán cho ai mà khuyên người ta cứ bình tĩnh. Khi người được xác cầu cứu thì lại lấy lí do người nhà nhà giàu không thể mua ở đâu khác, cứ để mặc đó. Kì thực cả người nhà nhà giàu nọ lẫn người vớt được xác đều bị Đặng Tích chơi kiểu thò lò hai mặt. Bởi vì đến khi thi thể rữa nát thì người nhà nhà giàu không có cách gì có được thi thể mà kẻ vớt được xác cũng không kiếm nổi lấy một xu. Kết quả là thất bại cả hai ! Bởi vậy, Đặng Tích bị người ta gọi là nhà ngụy biện *"lấy trái làm phải, lấy phải làm trái, phải trái thây kệ", "khéo mồm hay miệng chơi trò xảo ngôn", "chơi cái thuyết lưỡng khả".* Đương nhiên, loại ngụy biện đó của hắn ta chỉ có thể lừa được người nhà người nhà giàu nọ vì họ keo kiệt và lừa được kẻ vớt xác lòng tham vô đáy mà thôi.

Nếu bọn họ thông minh một chút thì đâu bị mắc lừa, mà hai bên ngồi lại thương lượng, hai bên đều chịu nhượng bộ sẽ là cách làm tốt nhất.

Ngụy biện kiểu *Thò lò hai mặt* là một mánh khóe ngụy biện hết sức nguy hiểm xảo trá, thế nhưng điểm yếu của nó là tư duy thiếu tính nhất quán đầu cuối, vi phạm luật đồng nhất. Lại ví dụ :

Theo *Chiến Quốc Sách* thì Đông Chu muốn trồng lúa nước, Tây Chu biết tin này liền lợi dụng ưu thế địa lí mình ở miền thượng du của sông mà ngăn trở dòng chảy. Đông Chu thiếu nước, lúa không trồng cấy được. Vua Đông Chu lo lắng. Lúc này, có người tên là Tô Đại nói với nhà vua :

"Tôi có cách khiến Tây Chu xả nước xuống".

Vua nghe ông ta nói có cách liền cho ông ta nhiều vàng bạc. Tô Đại lại chạy đến Tây Chu nói với vua Tây Chu rằng :

"Tâu đại vương, cách làm của ngài rất là sai. Giờ đây ngài không xả nước cho Đông Chu thì đúng là làm cho người Đông Chu giàu lên. Tại sao vậy ? Bởi vì họ thấy không có nước thì sẽ trồng lúa mạch mà không trồng lúa nước nữa. Đại vương muốn làm hại Đông Chu, theo tôi cách tốt nhất là trước tiên hãy xả nước cho lúa mạch Đông Chu úng nước mà chết. Như vậy, họ tất sẽ lại trồng lúa nước. Đợi khi họ trồng xong lại chặn nước lại, cho lúa nước của họ gặp hạn mà héo chết, như vậy, Đông Chu sẽ phải ngoan ngoãn mà nghe theo lệnh của ngài !"

Vua Tây Chu nghe có lí, lại cũng cho Tô Đại thật nhiều vàng.

Tô Đại bảo với Đông chu là có thể bảo Tây Chu cho nước, hắn đã được cái lợi của Đông Chu. Y bảo với Tây Chu cho nước rồi lại ngăn nước khiến cho lua nước héo chết, lại được rất nhiều vàng của Tây Chu. Hắn ta đi du thuyết khắp nơi, biện luận không phải vì chính nghĩa hay đi tìm chân lí mà chỉ là cốt để có lợi riêng cho bản thân. Loại người này như là Hưng Nhi nhận xét Vương Hi Phượng ở hồi thứ 16 trong *Hồng lâu mộng : "Miệng thì ngọt xớt mà lòng dạ sắt đá, thò lò hai mặt".*

81. LOANH QUANH VÔ VỊ

Người ngụy biện trong biện luận cố tình làm rối loạn luận vực để tranh luận một cách vô vị chán ngắt, như chó chạy lang thang. Họ còn luôn luôn đánh tráo luận đề, làm luẩn quẩn rối tung. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Loanh quanh vô vị.*

Trong *Lưỡng ban thư vũ am tùy bút* có ghi lại cuộc thoại như sau :

Vùng nọ có một quán rượu nhỏ, trước cửa quán có phơi một số quần áo, dây phơi buộc trên một sào tre, sào tre lại cắm vào một trục lăn lúa bằng gỗ. Chiều đến gió mạnh, chốc chốc lại thổi lăn cả trục lúa lẫn quần áo trên mặt đất. A nhìn thấy, tợp ngụm rượu rồi nói :

"Nếu thay bằng trục đá thì sao nhúc nhích được".

B không đồng ý, nói : *"Ai bảo đá không nhúc nhích ? Tôi hỏi anh, tại sao cối đá trong nhà nhuộm lại nhúc nhích từ sáng đến tối há ?*

A đáp : *"Đó là vì có người lấy chân đạp".*

B trợn tròn mắt hỏi : *"Lấy chân đạp ? Thế núi Thành Hoàng, núi Sài Dương mỗi ngày có đến hàng ngàn hàng vạn người dẫm lên đó mà thắp hương, sao không thấy nó nhúc nhích chút nào ?"*

A nói : *"Vì núi thì to mà đặc, cho nên đâu có rung động nhúc nhích được"*

B lại phản đối : *"Theo anh nói nếu to mà đặc thì không nhúc nhích, vậy thì, cái cầu đá trên cái hào ở cổng thành là nhỏ mà lại rỗng, tại sao ngày nào dẫm lên cũng không nhúc nhích há ?"*

Trong cuộc tranh luận này, B đã cố tình làm lẫn lộn khái niệm, đánh tráo luận đề, làm rối loạn vấn đề, từ trục đá kéo ra cối đá rồi núi Thành Hoàng, núi Sài Dương, cầu đá, cứ loanh quanh luẩn quẩn. Đó chính là ngụy biện kiểu *Loanh quanh vô vị.*

Ngụy biện kiểu *Loanh quanh vô vị* là cứ loanh quanh luẩn quẩn không dứt, với loại ngụy biện này, cách tốt nhất là chấm dứt ngay, chủ động rút lui. Ví dụ, trong *Ngải Tử tạp thuyết* có ghi cuộc biện luận như sau :

Vùng Doanh Khâu có người học trò rất thích biện luận. Một hôm, anh ta đến với Ngải Tử, hỏi : *"Dưới cổ xe lớn và trên cổ con lạc đà thường treo chuông, là vì sao vậy ?"*

Ngải Tử nói : *"Xe và lạc đà thì to, ban đêm đi đường hẹp gặp nhau thì khó tránh, treo chuông để đối phương nhận biết mà tránh".*

"Trên tháp cũng treo chuông, lẽ nào cũng vì ban đêm đi đường mà để tránh nhau sao ?"

"Chim chóc thích làm tổ trên tháp, phân chim sẽ làm bẩn tháp, treo cái chuông cho gió thổi chuông rung mà đuổi chim đi".

"Trên đuôi con ưng con cắt treo chuông, lẽ nào chim chóc cũng trèo lên đuôi chúng mà làm tổ hả ?"

"Con ưng con cắt bay đi bắt chim, bay trong rừng, dây buộc chân sẽ bị cành cây mắc phải, chỉ cần nó vỗ cánh là chuông kêu, người ta sẽ tìm theo tiếng chuông mà gỡ cho nó, sao lại bảo là phòng việc chim chóc làm tổ đây ?"

"Tôi từng thấy cỗ xe to đi ra, phía trước có người lắc chuông, mồm lại hát, xưa kia tôi đâu có hiểu là gì, giờ đây mới biết là vì sợ cành cây vướng vào chân, nhưng không biết là dây buộc chân người kia là dây da hay dây đay nhỉ ?"

Ngải Tử khó chịu thực sự, ông nói : *"Đó là mở đường cho người chết, bởi vì người chết khi còn sống thích lí sự với người, cho nên lắc chuông cho nó vui mà !"*

Cái anh chàng Doanh Khâu nọ thật *Loanh quanh vô vị*, chả trách Ngải Tử cuối cùng phải trách anh ta bằng mấy câu rõ đau.

82. LỪA CÁCH NHỬ VÀ ĐE

Người ngụy biện cố tình lợi dụng sự lo lắng về lợi hại, được mất của đối phương để chinh phục họ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Lừa cách nhử và đe.*

Một trường hợp của ngụy biện liểu *Lừa cách nhử và đe* là biết rõ lợi hại. Cố tình khoa trương dọa nạt, thậm chí bịa chuyện đơm đặt, lấy cái hậu quả đáng sợ của sự vật mà đe dọa đối phương. Ví dụ :

Thời Chiến Quốc, Triệu Vương cùng Trương Nhĩ, Trần Dư dẫn quân đóng áp biên giới nước Yên, chuẩn bị đánh nước này. Một lần, Triệu Vương ra dạo, đụng phải quân đội nước Yên mà bị bắt. Quân Yên nêu điều kiện phải chia đôi đất nước mới thả Triệu Vương. Nước Triệu đã cử đi mấy sứ thần nhưng đều bị giết. Xem ra muốn cứu Triệu Vương thì không chia đất cho Yên không được. Trương Nhĩ, Trần Dư rất nóng lòng. Lúc này, trong quân Triệu có anh chàng đầu bếp là Lí Mãn nói là anh ta có cách để Triệu Vương cùng anh ta quay về. Thế là Lí Mãn tới trại lính Yên. Chủ tướng quân Yên tiếp anh ta. Lí Mãn nói với tướng Yên :

"Ông có biết Trương Nhĩ và Trần Dư là người thế nào không ?"

"Là người hiền". Tướng Yên đáp.

"Các ông có biết họ muốn thế nào không ?"

"Chẳng qua là muốn đưa Triệu Vương về thôi"

Lí Mãn cười : *"Các ông không biết được họ muốn gì đâu ! Bọn võ quan Trương Nhĩ, Trần Dư của Triệu Vương đều có mạnh tâm tự lập làm vua, chỉ là chưa có dịp đó thôi. Giờ đây, ông cầm tù Triệu Vương, họ bề ngoài giả vờ đòi Triệu Vương, kì thực là mong nước Yên giết ông ta đi, như vậy họ mới có thể cùng chia đất Triệu mà làm vua. Nước Triệu mạnh, nếu hai hiền vương liên kết với nhau, lấy cớ các ông giết vua họ thì nước Yên sẽ nhanh chóng bị tiêu diệt. Theo tôi, chi bằng thả Triệu Vương cho rồi"*.

Tướng Yên thấy có lí, liền thả Triệu Vương.

Lí Mãn cố tình bịa đặt sự thực, lấy cái hậu quả nghiêm trọng của việc cầm tù giết hại Triệu Vương để dọa đối phương. Kết quả là dễ dàng đạt được mục đích của anh ta.

Ngụy biện kiểu *Lừa cách vừa nhử vừa đe* biểu hiện ra việc cố tình lợi dụng tiền vàng, hưởng thụ để dỗ dành người khác, nhằm đạt mục đích ngụy biện. Đó chính là lấy cái lợi mà dụ.

Trong *Hồng đăng kí*, Cưu Sơn khi dụ dỗ Vương Liên Cử phản bội cách mạng có đoạn thoại như sau :

"Anh bạn trẻ, hãy nói thật đi, ai là cộng sản nằm vùng ? Ai là cơ sở ? Liên lạc trốn ở đâu ? Mật mã trong tay ai ? Nói hết ra đi, tôi sẽ thưởng huân chương và món tiền rõ to !"

Ở đây, Cưu Sơn đã lợi dụng tâm lí Vương Liên Cử tham sống sợ chết, tham tiền bạc mà dùng ngụy biện kiểu *Lừa cách nhử và đe* nhằm đạt mục đích khuyến hàng.

Lấy lợi mà dụ thì dựa vào đối tượng có tâm lí tham tiền của. Nó có thể khiến bọn tham sống sợ chết như Vương Liên Cử phải phản bội. Thế nhưng, nếu ai đó không tham tiền của, không lấy của phi nghĩa thì kẻ ngụy biện hết cách xoay xở. Ví dụ :

Thời Đông Hán Dương Chấn làm quan công chính liêm khiết. Khi ông đến Đông Lai nhận chức thái thú, đường qua Xương Ấp, huyện lệnh Vương Mật ban đêm mang mười đĩnh vàng tặng ông rồi nói : *"Trời đã nhá nhem, không ai thấy đâu, ông hãy nhận đi !"*Dương Chấn lúc đó nghiêm mặt nói :

"Ông đội trời mà đến, trời có biết ; đạp đất mà đến, đất có biết. Vàng tặng cho tôi, tôi có biết ; ông ôm vàng mà đến, ông có biết. Đã là trời biết, đất biết, tôi biết, ông biết, sao có thể nói không ai biết ?"

Thái độ kiên quyết và giọng điệu dứt khoát của Dương Chấn đã thể hiện chính khí. Vương Mật nghe vậy rất xấu hổ, đành ngượng nghịu ôm vàng lui ra. Cách lấy lợi mà dụ của ông ta thế là hỏng bét.

83. TỪ KHÔNG MÀ CÓ

Người ngụy biện để đạt được mục đích chinh phục đối thủ mà bịa chuyện, lấy cái không có nói thành có. Đó chính là ngụy biện kiểu *Từ không mà có.*

Sau đây là một màn trình diễn ngụy biện kiểu *Từ không mà có* của kẻ ngụy biện.

Một buổi tối tháng 11 năm 1981, tại vùng nọ thuộc tỉnh Tứ Xuyên trong một ngôi nhà ngói thuộc làng quê yên tĩnh ngồi quây quần hơn chục người khách. Lúc này, chủ nhân là Chu Thế Hồng từ buồng trong bước ra, sau lúc hàn huyên thì bắt đầu cuộc nói chuyện nghiêm túc :

"Tôi có một tấm cổ phiếu trị giá 3 trăm triệu đô la Mĩ, số 101, do Ngân hàng Hoa Kì của Mĩ phát hành. Đây bao gồm bản chính, bản sao và bản chứng thực, chúng được cất trong một hộp quý bằng vàng. Hiện nay, chính phủ Mĩ quyết định quyết toán và khôi phục lại giá trị gốc của nó. Chính phủ ta đã cử người đi khắp nơi tìm tấm cổ phiếu này. Nếu có thể hiến cho nhà nước tấm cổ phiếu này thì tức là trực tiếp ủng hộ công cuộc tứ hóa[1]*, và cũng có thể được 3 trăm ngàn tiền thưởng. Phàm là người có cống hiến như giao nộp của quý, chính phủ đều phát cho những giấy tờ đặc biệt, gồm bốn loại : một là giấy mời du lịch miễn phí vùng phong cảnh đẹp trên đất nước, hai là giấy cung cấp ưu tiên các mặt hàng hiếm quý, ba là giấy đảm bảo tài sản cá nhân, bốn là giấy di chuyển hộ khẩu tự do tới các thành phố vừa và lớn".*

Mọi người nghe đến đó, thảy đều vui mừng, nhao nhao đòi xem cái hộp quý có giá trị lớn như vậy. Chu Thế Hồng quay vào buồng trong bưng ra một gói bọc đỏ, đặt lên bàn. Sau đó thận trọng mở tấm bọc đỏ, mở tiếp hộp sơn then, bên trong là một hộp kim loại màu vàng. Ông ta nói :

"Đây là hộp đúc bằng hơn 10 cân vàng, chỉ riêng hộp đã trị giá chừng 10 vạn".

Sau đó, ông ta lấy khóa mở hộp, nhẹ nhàng rút ra ba tấm giấy nhỏ rồi chỉ vào bản in hình máy bay mà nói : *"Đây là bản chính tờ cổ phiếu 3 trăm triệu đô la Mĩ, hình máy bay cho biết là thông dụng khắp thế giới"* Rồi lại chỉ vào

---

(1) Tức : công nghiệp hiện đại hóa, nông nghiệp hiện đại hóa, quốc phòng hiện đại hóa và khoa học kĩ thuật hiện đại hóa.

bản in hình tháp bát giác mà nói : *"Đây là bản sao cổ phiếu, phần trên là phong cảnh Trung Quốc, là kí hiệu cổ phiếu phát hành riêng tại Trung Quốc"*. Sau cùng, chỉ vào bản in hình đầu cụ già có râu ba chòm mà nói : *"Đây là bản chứng thực, cái ông già từng làm chủ tịch chính phủ Quốc dân đảng này chính là người Trung Quốc đảm bảo cho 3 trăm triệu đô la Mĩ"*.

Đang khi mọi người chăm chú theo dõi một cách thán phục thì Chu Thế Hồng đổi giọng :

"Tấm cổ phiếu 3 trăm triệu đô này là do một ông quan lớn trước giải phóng mua, giờ ông ta đã ngoài 80 tuổi, không con cái, cũng không muốn lôi thôi nữa, chỉ cần 30 ngàn là chuyển nhượng. Tôi không có nhiều tiền đến vậy, vậy mọi người góp tiền hùn vốn mà mua rồi hiến cho nhà nước, rồi mà lĩnh 3 trăm ngàn tiền thưởng. Chúng ta sẽ chia theo cổ phần. Giờ đã có không ít người góp tiền cổ phần, mỗi người còn nộp 8 bức ảnh để chuẩn bị nhận bốn loại giấy chính phủ phát cho..."

Màn biểu diễn xuất sắc nọ đã thu được kết quả mong muốn, mọi người tranh nhau đóng tiền cổ phần.

Sau qua điều tra, *"tấm cổ phiếu Ngân hàng Hoa Kì Mĩ"* nọ chỉ là trò lừa bịp của Chu Thế Hồng, cái *"hộp quý bằng vàng"* nọ là đúc bằng chì, ngoài mạ đồng.

Kẻ ngụy biện để đạt được mục đích ngụy biện bí mật, đã *Từ không mà có*, dựng nên cái chuyện *"tấm cổ phiếu Ngân hàng Hoa Kì của Mĩ"*, *"hộp quý bằng vàng"* nói trơn tru như thật, khiến nhiều người phải tin mà mắc lừa. Cái trò ngụy biện này của ông ta cũng thật đáng khen !

84. SAI MÀ NỔI KHÙNG

Ngụy biện kiểu *Sai mà nổi khùng* là cách người ngụy biện biết rõ là mình sai nhưng không chịu nhận mà còn ngượng quá hóa khùng, nói quấy nói quá, một mực đẩy cái sai cho đối phương. Ví dụ, có một câu chuyện hài hước Nhật Bản như sau :

Có một thầy thuốc tên là Uỷ Tỉnh Trúc Am, người đến chữa bệnh chỗ ông ta, chẳng ai khỏi cả. Bà vợ ông ta lấy làm lạ mà hỏi :

"Ông hãy nói đi, ông khám chữa bệnh cho người ta sao chẳng có kết quả gì cả ? Vậy là, cái nghề y của ông kém sao ?"

Nghe nói vậy, Trúc Am đáp : *"Không, không. Nghề thuốc thì tôi giỏi, nhưng con bệnh thì quá kém nên chữa không được".*

"Theo như ông thì con bệnh kém làm sao ?"

"Tôi chữa trị theo sách, nhưng con bệnh đến chỗ tôi chẳng ai ốm đau kiểu như trong sách cả".

Thầy lang nọ rõ ràng là kém cỏi, chẳng hiểu biết gì, không biết chữa chạy. Y không những không nhận là kém mà còn đổ cái kém đó cho bệnh nhân toàn bộ, nói bệnh nhân không ốm theo sách y của hắn ta. Đó chính là ngụy biện kiểu *Sai mà nổi khùng* chính hiệu.

Đây có thể chỉ là câu chuyện khôi hài, nhưng ngụy biện kiểu đó trong cuộc sống đâu có thiếu. Ví dụ :

Thành phố nọ, có người kế toán thủ quỹ Sở Tài chính tên là Trần X, anh ta vừa mới nhận việc được ít lâu đã cậy chức quyền mà lập phiếu giả và tẩy xóa sổ sách trương mục để tham ô hơn 7 ngàn 6 trăm nhân dân tệ . Trong phong trào *"hai đánh"*, để tránh tội lỗi anh ta phóng hỏa đốt chứng từ, thiếu tí chút thì cả tòa nhà của Sở bị thiêu rụi. Khi xét xử vụ tham ô, đốt nhà, người bào chữa nói :

"Bị cáo còn trẻ, thời gian công tác chưa lâu, nghiệp vụ chưa thạo, đó cũng là một lí do cần lưu tâm. Trách nhiệm chủ yếu phải là lãnh đạo, do sự quan liêu của lãnh đạo, không kiểm tra cẩn thận, thiếu trách nhiệm mà gây ra. Người đáng truy cứu chính là lãnh đạo".

Bị cáo tham ô trộm cắp, phóng hỏa đốt chứng từ, trách nhiệm không thể chối cãi. Thế mà người bào chữa lại quay ngoắt lại, chơi cái trò ngụy biện kiểu *Sai mà nối khùng*. Mọi tội lỗi đổ hết lên đầu lãnh đạo, rửa sạch mọi tội lỗi cho bị cáo.

Lại ví dụ, có một tên cướp bị bắt và y đã trí trá :

"Tôi ăn trộm đồ của họ cũng không thể chỉ có trách tôi. Ai báo họ không giữ đồ cho kĩ để tôi khỏi có dịp ăn trộm hả ? Tội của tôi, vậy là họ phải chịu một nửa !"

Lại có kẻ nọ, một tên lưu manh, đã cưỡng hiếp một cô gái. Khi cảnh sát hỏi y sao lại làm như vậy, hắn chống chế rằng :

"Ai báo cô ta đẹp như vậy ? Khuôn mặt và dáng người cô ta đã xui dậy lòng ham muốn không thể cưỡng nổi trong tôi. Tồn tại quyết định ý thức mà. Tội phạm của tôi có nguồn gốc từ cô ta, cô ta phải chịu trách nhiệm !"

Tất cả những cái đó đều là ngụy biện kiểu *Sai mà nối khùng*.

Ngụy biện kiểu *Sai mà nối khùng* sở dĩ là giả dối, vì lí do họ đưa ra là sai lầm, từ lí do đó không thể suy ra luận điểm đó. Cách đánh bại ngụy biện kiểu này một cách tốt nhất là lấy sự thực làm căn cứ, lấy pháp luật làm chuẩn, giáng cho họ đòn trừng phạt đích đáng. Như vậy họ mới câm mồm được.

85. NHẦM VÌ TUYỆT ĐỐI HÓA

Có những nguyên tắc phổ biến về sự vật khách quan là có điều kiện hạn định nhất định. Ví dụ, *"con người biết tư duy"*, đó là con người trong điều kiện phát triển bình thường thì mới đúng, còn đối với những người luôn luôn chìm đắm trong hôn mê thì lại là giả dối. Thế nhưng, kẻ ngụy biện lại thường hay lấy nguyên tắc phổ biến có điều kiện hạn định làm luận cứ mà suy luận sai lầm cái kết luận đặc biệt vượt quá điều kiện hạn định nọ. Đó là ngụy biện kiểu *Nhầm vì tuyệt đối hóa*. Ví dụ :

A : *Hôm qua em mua cái gì thì hôm nay anh ăn cái ấy.*

B : *Hôm qua em mua thuốc chuột, cho nên hôm nay anh ăn thuốc chuột !*

Cái mà A nói *"Hôm qua em mua cái gì thì hôm nay anh ăn cái ấy"* là có điều kiện hạn định nào đó, tức cái mua về phải nằm trong tiền đề người ăn thì hôm nay anh mới ăn cái ấy. Nhưng B đã vượt qua điều kiện này, bởi vậy mà có được kết luận sai lầm. Đó chính là ngụy biện kiểu *Nhầm vì tuyệt đối hóa*.

Muốn phản bác ngụy biện kiểu *Nhầm vì tuyệt đối hóa* thì phải vạch ra cái điều kiện hạn định nguyên tắc phổ biến đối với sự vật khách quan, khi đã xác định rõ điều kiện hạn định hữu quan thì ngụy biện của đối phương cũng vô giá trị. Ta hãy quan sát câu chuyện về anh em mê cờ :

Xưa kia có hai anh em nhà nọ rất mê cờ. Một hôm, người anh tới nhà bạn đánh cờ, ở nhà không cẩn thận mà bén lửa cháy to. Chị dâu bảo em đi tìm anh về dập lửa. Người em chạy đến nhà người bạn của anh, thấy anh đang chơi cờ thì lẳng lặng đứng bên xem. Khi hết ván cờ, người em mới thất thanh nói : *"Anh ơi, nhà cháy rồi. Chị bảo em nhanh đi gọi anh về !"* Người anh nghe vậy, giận dữ bảo : *"Sao mày không báo trước ?"* Người em phân trần :

"Anh không thấy trên bàn cờ viết là : "Quan kì bất ngữ chân quân tử" đó sao ?" (nghĩa là : Xem đánh cờ mà không nói mới là quân tử ?)

Người anh thấy em không hiểu biết thì lại càng tức, tát cho một cái. Em bị đánh vẫn đứng ngây ra. Lúc này người bạn mới hỏi người em nọ : *"Anh chú đánh, sao chú không đánh lại ?"* Người em dõng dạc nói :

"Anh không thấy trên bàn cờ viết : Cử thủ vô hồi đại trượng phu" đó sao ?" (nghĩa là : Nhấc tay không ấy lại mới là đại trượng phu).

"Quan kì bất ngữ chân quân tử" là chỉ lúc đánh cờ yêu cầu người đứng xem không nên mách nước cho hai bên. *"Cử thủ vô hồi đại trượng phu"* là chỉ người đánh cờ đã nhấc quân là dứt khoát, không đi lại. Thế nhưng, người em nọ lại vượt qua cái điều kiện xác định hữu quan, cho rằng khi đánh cờ thì chú không được nói xen vào lời gì, bị đánh xong cũng không được trả miếng. Thật là vô lí nực cười.

86. ĐẶT BẪY

Trong biện luận, kẻ ngụy biện có lúc cố tình đặt các bẫy, lừa cho đối thủ rớt xuống bẫy đó, để rồi chinh phục họ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đặt bẫy*.

Kẻ ngụy biện có nhiều hình thức *Đặt bẫy*, sau đây chỉ nêu một vài cách.

Một loại là lợi dụng câu chữ có tính đa nghĩa mà lừa đối phương vào bẫy, đối phương thấy có lợi cho họ mà bị lừa. Rồi đó mà đưa ra lời giải thích về câu chữ theo sự cần thiết của bản thân. Ta hãy quan sát đoạn thoại sau đây :

Đang giữa tiết hè oi bức, mặt trời nóng bỏng trên không, dưới gốc cây to có anh chàng bán rong cất giọng rao hàng : *"Nước suối ướp lạnh hai cái năm hào, uống đi !"*

Có người đi đường từ vùng khác đến nghe tiếng rao thì tìm đến bảo : *"Cho tôi hai chai !"* Chàng bán hàng lập tức mở hai chai đưa cho. Người đi đường uống hết nước suối thì đưa cho anh bán hàng năm hào rồi đi. Chàng bán hàng nọ nói : *"Ê này, khoan đã, tiền chưa đủ"*. Người đi đường nói : *"Sao lại không đủ ? Vừa nãy chẳng phải anh rao : Nước suối ướp lạnh hai cái năm hào" sao ?* Chàng bán rong nói : *"Đúng vậy, một chai nước suối hai cái năm hào, ông uống hai chai vị chi là bốn cái năm hào, còn thiếu ba cái năm hào nữa mà !"*

Người đi đường lúc ấy tức nghẹn lời, đành phải móc thêm một đồng rưỡi ném ra.

"Nước suối ướp lạnh hai cái năm hào", trong đó *"hai cái"* là đa nghĩa, vừa có thể chỉ hai chai nước, lại có thể chỉ hai đồng năm hào, tức một đồng bạc. Chàng bán rong nọ đã lợi dụng câu chữ đa nghĩa nọ mà lừa người đi đường mắc bẫy.

Kẻ ngụy biện có lúc cũng lợi dụng định thế tư duy của người ta mà cố tình tạo nên giả tượng để lừa cho họ rớt vào bẫy. Ví dụ, trong *Trùng minh mạn lục* của Thái Hoành Tử đời Thanh có câu chuyện như sau :

Có kẻ làm nghề thầy kiện nọ viết đơn hộ người ta. Hắn biết rõ là vụ án sẽ thất bại nhưng vì tham tiền mà không thoái từ. Thế là khoác tấm áo bông dày

cộp vào, ngồi bên bếp lửa đỏ rực mà viết tờ đơn. Ít lâu sau quả nhiên vụ kiện bị thất bại, quan phủ truy cứu tội vu cáo. Từ đó lần ra kẻ viết đơn nọ. Trên công đường, tên thầy kiện đối chất với người thưa kiện thì cố ý hỏi :

"Tôi viết đơn lúc nào ? Anh có thể nói ra tình hình lúc đó không ?"

"Lúc đó là tháng 6, lúc đó ông mặc tấm áo bông rất dày, ngồi bên bếp lò rực lửa mà viết". Người thưa kiện trả lời.

Quan huyện cười gằn : *"Làm gì có chuyện tháng 6 còn mặc áo bông, suýt bếp ? Rõ ràng là người nói quàng nói xiên !"*

Thế là chỉ khép người thưa kiện vào tội vu cáo, tha cho thầy kiện.

Tên thầy kiện nham hiểm nọ đã mượn cái nếp nghĩ cố định là người ta vào mùa hè oi bức thì không mặc áo bông ngồi bếp lửa để tạo nên cái giả tượng, khiến quan huyện ngoan ngoãn chui vào cái bẫy y cài sẵn.

Ngụy biện kiểu *Đặt bẫy* là mánh khóe ngụy biện cực kì hiểm độc. Cách cụ thể dùng để đặt bẫy thì rất nhiều. Chúng ta muốn đối phó loại ngụy biện này thì phải trước tiên tìm hiểu âm mưu bên trong của kẻ ngụy biện, nắm chắc con đường tiến thoái của y, vòng qua cái bẫy của y. Chỉ cần không rơi vào bẫy thì kẻ ngụy biện phải chịu thất bại.

87. VIN CỚ VỀ NGƯỜI KHÁC

Kẻ ngụy biện không phải là dễ dàng thừa nhận và sửa chữa sai lầm của mình mà lại lôi ra hành vi tương tự của người khác hòng lấy đó mà chứng minh tính hợp lí trong sai lầm của mình. Đó là ngụy biện kiểu *Vin cớ về người khác*.

AQ trong *AQ chính truyện* của Lỗ Tấn chính là như vậy.

AQ chậm rãi bước, phía trước đi tới một cô tiểu am Tĩnh Tu.

"Mình không biết mình hôm nay tại sao lại xúi như vậy, té ra là vì gặp nó !" Y nghĩ.

Y bước lên, nhổ toẹt một bãi nước bọt :

"Hừ, phì !"

Cô tiểu cứ mặc kệ, chỉ cúi đầu mà đi. AQ bước sát đến bên cô rồi bỗng thò tay xoa cái đầu trọc mới cạo của cô, nhăn nhở cười :

"Trọc ! Về mau đi, sư cụ đang đợi cô đấy..."

"Sao anh lại động tay động chân..." Cô tiểu mặt đỏ bừng nói, rồi rảo bước.

Bọn người trong quán rượu hô hố cười. AQ thấy công trạng của mình đã được tán thưởng thì vụt hứng khởi :

"Sư cụ đụng vào được thì sao anh không đụng được ?" Y giữ chặt má cô tiểu.

Bọn người trong quán lại cười rộ lên. AQ càng được thể, để làm vừa lòng các nhà tán thưởng nọ, y ráng sức véo một cái rồi mới buông tay.

"Cái thằng AQ đoạn tử tuyệt tôn này !" Từ xa còn nghe thấy tiếng cô tiểu mếu máo.

Ở đây, lí do AQ chòng ghẹo cô tiểu là hòa thượng đụng vào cô trong giả tượng. *"Sư cụ đụng được thì sao anh không đụng được ?"* Đó chính là ngụy biện kiểu *Vin cớ về người khác*. Loại biện luận này là sai lầm, không nói tới việc hòa thượng đụng vào cô tiểu là không có chứng cứ, dù có đụng thì cũng không có nghĩa là AQ cũng đụng được. Bởi vì, nếu hòa thượng đụng vào cô tiểu thì hòa thượng sai. Lấy việc đó không thể chứng minh cho việc AQ đụng vào cô tiểu là đúng đắn, mà cũng chỉ chứng minh AQ cũng là sai.

Loại ngụy biện kiểu *Vin cớ về người khác* không hiếm thấy trong cuộc sống hằng ngày. Ví dụ, thường có người tranh luận thế này :

"Anh ấy đến muộn được thì sao tôi không đến muộn được ?"

"Hắn ta lấy của ông được, sao tôi lại không ?"

Lại còn có người dám lấy cái đúng của người khác mà so với cái sai của mình, hòng chứng minh cái sai của mình là hợp pháp.

Theo báo chí, đơn vị nọ ở thành phố nọ có đồng chí họ Trương khi qua đường không đi vào lối dành cho người đi bộ, dân phòng phát hiện có kêu nhiều lần nhưng họ Trương vẫn phớt lờ, tiếp tục vi phạm. Khi dân phòng đến trước họ Trương ngăn lại thì ông ta chất vấn ngang ngược :

"Dân phòng các anh có thể đứng giữa đường sao tôi không thể đi giữa đường ?"

Dân phòng đứng giữa đường là làm nhiệm vụ, để giữ trật tự giao thông, đó là đúng. Còn họ Trương nọ không đi vào lối qua đường giành cho người đi bộ là vi phạm quy tắc giao thông, là sai. Họ Trương ở đây là lí sự cùn.

88. NÓI NGANG NÓI NGƯỢC

Kẻ ngụy biện rõ ràng không có lí mà cứ lại nói là có lí một cách ngang ngược. Đó là ngụy biện kiểu *Nói ngang nói ngược*.

Có cuộc tranh luận như sau :

Người ốm nằm viện : *"Cơm canh đờ thế này người bệnh nuốt sao nổi ?"*

Cấp dưỡng bệnh viện : *"Anh nằm viện là để uống thuốc hay để ăn cơm húp canh đây ?"*

Bệnh nhân nằm viện không phải chỉ uống thuốc mà lẽ đương nhiên cũng phải ăn cơm. Anh cấp dưỡng nọ là *Nói ngang nói ngược* một cách quá quắt.

Kẻ ngụy biện chơi trò ngụy biện kiểu *Nói ngang nói ngược* thường là hay tự thị mình ở thế mạnh lại có quyền lực hơn là đối phương, hay ít nhất cũng không kém đối phương.

Có câu chuyện ngụ ngôn sau đây :

Có một hôm, con sói đói chạy rông trên núi tóm được một chú thỏ, và đang sắp sửa ăn thịt.

Thỏ phản đối rằng : *"Sao anh lại bạo ngược thế ? Họ nhà sói các anh hay bắt nạt lũ thỏ chúng tôi, thế mà lũ thỏ chúng tôi xưa nay đâu có bắt nạt sói các anh ? Thật là không công bằng !"*

Sói bảo : *"Cái đó thì đã sao nào ! Tao không thể không kiếm thức ăn, lẽ nào chúng mày chẳng ăn gì hay sao ?"*

Thỏ trả lời :*"Chúng tôi chỉ ăn chút cỏ xanh chứ xưa nay có đâu ăn thịt sói !"*

Sói rít lên : *"Hừ hừ ! Lẽ nào cỏ xanh lại đáng để chúng mày ăn há ? Vậy thì mày còn nói lẽ công bằng gì đây ? Chúng mày ăn bao nhiêu là cỏ xanh mà cỏ xanh đâu có ăn thịt lấy một con thỏ há ? Tao phải ăn thịt mày, chính là để báo thù cho cỏ xanh. Đây không phải là công bằng thì còn cái gì công bằng nữa ?"*

Và như vậy sói đã làm chủ công lí, đường hoàng ăn thịt thỏ.

Lí do sói ăn thịt thỏ là vì thỏ đã ăn cỏ xanh, theo cách nói của sói là thỏ ăn cỏ xanh là không công bằng cũng như sói ăn thỏ là không công bằng. Thỏ không được ăn cỏ, cũng vậy, sói không được ăn thịt thỏ. Sói *Nói ngang nói ngược* vô lí là vì sói mạnh hơn thỏ, không phải sợ ai cả.

89. TRÁO TRỞ LẬT LỌNG

Ngụy biện kiểu *Tráo trở lật lọng* là một thủ đoạn ngụy biện chỉ kẻ ngụy biện tùy hứng nói bừa, tráo trở, tiền hậu bất nhất.

Theo ghi chép trong *Thuyết nan – Hàn Phi Tử* :

Di Tử Hà rất được Vệ Vương yêu dấu. Có một lần hắn ta cùng nhà vua chơi ở vườn quả thuộc hậu cung. Tử Hà thấy trên cây hãy còn một quả đào mật chín đỏ, bèn trèo lên hái, cắn một miếng, ngọt quá. Thế rồi y đưa cho Vệ Vương ăn. Vệ Vương vui mừng nói :

"Di Tử Hà đãi ta tốt lắm, nếm thấy đào ngon thì không nỡ ăn mà dâng cho ta."

Mấy năm sau Di Tử Hà mất đi sự yêu mến này, nhà vua định đuổi y ra khỏi cung để trị tội, thế là đập bàn quát :

"Cái thằng như ngươi, xưa kia từng đưa cho quả nhân ăn miếng đào thừa mà ngươi đã gặm, lấy đó mà khinh nhờn ta. Thật đáng chết !"

Cùng là một việc Di Tử Hà mời vua ăn đào, thế mà xưa thì Vệ Vương khen, nay thì muốn trị tội. Lời nói trước sau của Vệ Vương như là từ miệng hai người nói ra. Đó là ngụy biện kiểu *Tráo trở lật lọng*.

Điểm yếu của ngụy biện kiểu *Tráo trở lật lọng* là tự nó mâu thuẫn, vi phạm luật mâu thuẫn. Muốn phản bác loại ngụy biện này thì phải vạch ra chỗ mâu thuẫn trong chính nó. Lại ví dụ :

Xưa kia có một tú tài nghèo mời thầy phong thủy xem nơi mình ở có lành không. Thầy phong thủy (địa lí) chỉ hai con ngòi bên sân nói :

"Hai con ngòi này đã cuốn trôi hết phong thủy vốn đã không nhiều của nhà ông, ông cẩn thận kẻo tai vạ !"

Tú tài nghe vậy muốn dọn nhà, nhưng dọn không được. Ít lâu sau, tú tài đỗ trạng nguyên. Thầy phong thủy không mời mà đến, nói với tú tài :

"Chỗ ông trạng ở giống như cái kiệu tám khiêng, hai con ngòi kế bên như hai càng kiệu nâng ông lên, sao lại không thăng quan phát tài được ?"

Cũng là hai con ngòi kế bên nhà tú tài mà thầy phong thủy thoạt đầu thì bảo tú tài cẩn thận kẻo tai họa, sau lại bảo tất yếu vì nó mà thăng quan phát tài. Thầy phong thủy thật là tráo trở, tự mình mâu thuẫn. Đó là ngụy biện.

90. DẪN TỚI ĐỐI LẬP

Thuật ngụy biện kiểu *"Dẫn tới đối lập* là thủ đoạn ngụy biện chỉ việc kẻ ngụy biện cố tình từ trong tiền đề giống với đối phương mà dẫn tới kết luận đối chọi với quan điểm của đối phương. Ví dụ :

Có một hôm nhân viên tín dụng ngân hàng nói với một khách hàng :

"Ông nợ nhiều như vậy, đến nay vẫn chưa trả, ông hoàn toàn không đáng tin cậy."

"Nếu không đáng tin thì sao tôi lại có thể nợ các ông nhiều đến vậy ?" Khách hàng phản bác.

Từ cùng một tiền đề : *"Vị khách hàng này nợ ngân hàng rất nhiều mà chưa trả"*, nhân viên ngân hàng từ đó mà rút ra kết luận là khách không giữ chữ tín, còn khách hàng nọ thì từ đó mà rút ra kết luận đối chọi lại : tín dụng của ông ta rất đáng tin, bởi vì nếu không giữ chữ tín thì sao ông ta lại có thể nợ ngân hàng nhiều như vậy. Vị khách này ở đây đã chơi cái trò *Dẫn tới đối lập.*

Thuật ngụy biện kiểu *Dẫn tới đối lập* sở dĩ là ngụy biện là vì suy luận của họ là sai lầm, kết luận là giả dối. Lấy việc ông khách hàng nêu trên, nợ không trả rõ ràng là không giữ chữ tín, từ đó không thể rút ra kết luận là giữ chữ tín. Kết luận của ông ta rõ ràng là vô lí.

Từ cùng một tiền đề mà dẫn tới kết luận đối lập, rốt cuộc ai đúng ai sai, thực tiễn sẽ là sự kiểm nghiệm tốt nhất. Ta hãy quan sát đoạn biện luận chép trong *Biệt loại. Lã thị Xuân Thu* :

Xưa kia, có một người tên là Cao Dương Ứng, ông ta dự định dựng một ngôi nhà. Thợ mộc nói :

"Bây giờ thì chưa được, gỗ lạt còn tươi, đất còn ướt quá. Gỗ còn tươi thì dễ bị cong vênh. Đất ướt thì nhà không vững. Lúc mới dựng thì còn được, nhưng sau dần sẽ nghiêng đổ."

Cao Dương Ứng phản đối hoàn toàn :

"Như anh nói thì rõ ràng nhà không thể đổ. Bởi vì, gỗ lạt càng khô thì càng thẳng, càng chắc. Đất ướt thì rồi càng nhẹ càng chắc. Dùng gỗ ngày càng thẳng càng khoẻ và đất ngày càng bền mà làm nhà. Nhà chắc chắn sẽ không đổ được."

Thợ mộc không cãi được Cao Dương Ứng, đành phải chấp hành lệnh. Nhà vừa xây xong trông cũng được, nhưng ít lâu sau quả nhiên là đổ.

Dù là Cao Dương Ứng dùng thuật ngụy biện kiểu *Dẫn tới đối lập* mà nói rành rẽ. Thế nhưng thực tiễn lại đã chứng minh một cách vô tình rằng luận điểm của ông ta là giả dối.

91. DẪN TỪ HƯ VÔ

Trong biện luận, muốn xác định một luận điểm nào đó là chân thực thì phải có luận cứ đầy đủ và có thể từ luận cứ mà suy ra luận điểm theo cách phù hợp với logic, luận chứng như vậy mới có sức thuyết phục đầy đủ. Thế nhưng, luận cứ mà kẻ ngụy biện dùng để luận chứng cho luận điểm của họ lại là số không, luận điểm của họ là *Dẫn từ hư vô*. Ví dụ :

Trong trường nọ, một tên lưu manh dắt theo con chó to rõ dữ diễu qua phố, lại thỉnh thoảng suyt chó đuổi học sinh để lấy đó làm vui. Thấy học sinh bị chó rượt đuổi chạy tứ tán, tên nọ thích thú cười khằng khặc. Thầy hiệu trưởng họ Lưu nghe tin, chạy đến giận dữ mắng : *"Anh làm sao lại mang chó vào trường làm loạn cả lên ?"*

Tên nọ điềm nhiên dõng dạc nói : *"Ông bảo tôi đưa chó vào trường làm loạn, vậy ông cho biết luật pháp có khoản nào quy định không cho phép mang chó vào trường chơi không ?"*

Trước sự trí trá của tên nọ, thầy hiệu trưởng lấy lí mà phản bác :

"Khá lắm, pháp luật đích thực không có quy định nào cấm mang chó vào trường chơi. Thế nhưng, xin hỏi, pháp luật lẽ nào lại có khoản quy định được mang chó vào trường chơi đây ? Anh dọa học sinh sợ như vậy, là hiệu trưởng tôi có trách nhiệm bảo vệ trật tự nhà trường và bảo vệ an toàn cho học sinh, tôi nhất định phải quan tâm đến !"

Tên nọ từ việc pháp luật không có quy định không cho phép mang chó vào trường chơi mà rút ra kết luận có thể mang chó vào trường chơi. Đó là ngụy biện kiểu *Dẫn từ hư vô*.

Lại ví dụ trên xe khách, người chen chúc chật chội. Thế nhưng trên chuyến xe công cộng chật ních này lại có mấy cậu thanh niên đang bình thản hút thuốc lá. Khói thuốc mù mịt làm mọi người ho sặc sụa. Lúc này, một phụ nữ nói :

"Xe đông thế này, xin đừng hút thuốc có được không ?"

Thế nhưng, mấy cậu nọ lại vênh váo đáp :

"Không được hút thuốc sao ? Ai bảo không được hút ? Hút thì phạm điều luật nào ? Pháp luật có khoản nào quy định không được hút thuốc đây ? Chỉ ra nào, nếu có thì chúng tôi bỏ !"

Thực tế thì pháp luật không có quy định không được hút thuốc. Thế nhưng không thể vì thế mà rút ra kết luận có thể hút thuốc trong bất kì trường hợp nào tùy ý. Mấy cậu thanh niên nọ rõ ràng là ngụy biện.

92. LUẬN CHỨNG NGƯỢC CHIỀU

Người ta khi nói là không thể chỉ một câu mà xét đoán được mọi trường hợp sự vật trên thế gian một cách gọn ghẽ, thế nào cũng có cái bỏ qua. Cái bỏ qua không có nghĩa là người nói thảy đều có thái độ phủ định. Thế nhưng người ngụy biện lại thường hay làm rùm beng ở những chỗ không nói đến này : Anh không nói tới cái gì tức là anh phủ định cái đó. Từ đó để rồi đạt mục đích ngụy biện là gán ghép cho người. Chúng ta gọi ngụy biện kiểu này là *Luận chứng ngược chiều.* Ví dụ :

Tháng 5 năm 1960, đồng chí Đào Chú trong lần nói chuyện với sinh viên Học viện sư phạm Hoa Nam và Đại học Hí Nam có nói :

"Các anh chị có lẽ nghĩ rằng mình sau này trở thành nhà hàng hái, nhà khoa học, nhà văn, kĩ sư, thầy giáo. Thế nhưng, mọi suy nghĩ đó đều là xoay quanh lí tưởng cao cả lớn lao, là phục vụ nhân dân thực hiện chủ nghĩa cộng sản." Thật rõ ràng, *"Lí tưởng cao cả"* nói tới ở đây là phục vụ nhân dân và thực hiện chủ nghĩa cộng sản. Thế mà bè lũ bốn tên lại thóa mạ đồng chí Đào Chú ở đây là chỉ *"nhà, nhà, nhà", "là không công nông binh".* Không nhắc tới công nông binh tức là chống lại công nông binh. Đây chính là điển hình của ngụy biện kiểu *Luận chứng ngược chiều.*

Tiểu thuyết *Bệnh hùng biện* của Vương Mông đã vạch trần cái thủ đoạn này một cách tỉ mỉ :

Một thầy thuốc giới thiệu với tôi là khi điều trị ngoại trú cho bệnh nhân thì có tiếp xúc với một người mắc bệnh hùng biện.

Thầy thuốc : *"Mời ngồi."*

Bệnh nhân : *"Sao lại ngồi ? Lẽ nào ông tước đoạt quyền không ngồi của tôi hay sao ?"*

Thầy thuốc chẳng biết làm sao đành rót nước mời : *"Mời ông uống nước."*

Bệnh nhân : *"Nói như vậy là phiến diện, bởi vậy mà vô lí. Không phải mọi thứ nước đều uống được. Chẳng hạn, trong nước mà có hòa potassium cyanide KCN*[1] *thì tuyệt đối không được uống."*

---

(1) Tinh thể lập phương, không màu, rất độc, không thể trực tiếp sờ bằng tay, dùng làm thuốc trừ sâu v.v...

Thầy thuốc : *"Ở đây, tôi không bỏ thuốc độc, ông yên tâm đi !"*

Bệnh nhân : *"Ai bảo ông bỏ thuốc độc há ? Lẽ nào tôi vu cáo ông bỏ thuốc độc ? Lẽ nào bản cáo trạng của Viện kiểm sát lại tố cáo ông là bỏ thuốc độc ? Tôi đâu có bảo ông bỏ thuốc độc mà ông nói tôi bảo ông bỏ thuốc độc. Ông thật là thứ thuốc độc còn độc hơn là bỏ thuốc độc !"*

Thầy thuốc hết cách bèn lắc đầu than thở, nói sang chuyện khác :

"Hôm nay thời tiết cũng tuyệt."

Bệnh nhân : *"Rõ ràng là nói bậy ! Ở chỗ anh thời tiết tuyệt, không có nghĩa là toàn thế giới hôm nay thời tiết đều tuyệt. Ví dụ Bắc Cực hôm nay thời tiết rất xấu, gió bão, đêm tối bao trùm, núi băng đang va vào nhau... "*

Thầy thuốc khó chịu liền phản bác : *"Chỗ chúng tôi đây đâu có phải là Bắc Cực ?"*

Bệnh nhân : *"Nhưng ông không nên phủ nhận sự tồn tại của Bắc Cực. Ông phủ nhận sự tồn tại của Bắc Cực là xuyên tạc chân tướng sự thật, là có ý đồ khác".*

Thầy thuốc : *"Ông đi đi".*

Bệnh nhân : *"Ông không có quyền ra lệnh tôi đi. Ông là bệnh viện, đâu phải là cơ quan công an, ông không thể bắt tôi, ông không thể xử bắn tôi".*

...

Thủ đoạn ngụy biện của bệnh nhân mắc chứng hùng biện nọ là làm rùm beng lên những chỗ đối phương không đề cập đến. Ví dụ, thầy thuốc nói : *"Mời ngồi"*, do không nói *"Ông có thể không ngồi"* mà ông ta rút ra kết luận *"Ông định tước đoạt quyền không ngồi của tôi"* v.v... Đó là điển hình của ngụy biện kiểu *Luận chứng ngược chiều.*

93. GIẢ THIẾT PHIẾN DIỆN

Sự phát triển tương lai của sự vật nào đó có tính khả năng khác nhau, và có thể đưa ra giả thiết khác nhau. Có trường hợp giả thiết là do người ngụy biện hi vọng, có cái thì người ngụy biện lại không bằng lòng tiếp nhận. Trong trường hợp các loại giả thiết đều có thể tồn tại, kẻ ngụy biện chỉ chọn lựa giả thiết có lợi cho họ mà tạo nên luận chứng y như thật. Đó là ngụy biện kiểu *Giả thiết phiến diện.*

Ta hãy quan sát câu chuyện sau :

Thuở xưa, có một người trẻ tuổi do vụng trộm với công chúa mà bị bắt. Quốc vương trong cơn thịnh nộ mà quyết định xử tử anh chàng nọ. Thế nhưng lại thấy không thể giết anh ta một cách đơn giản như vậy, bèn nói với đại thần :

"Khanh cần phải từ ngày mai đến thứ 6 tuần sau đem xử tử anh chàng nọ. Thế nhưng, sáng hôm sau giết nó mà nó biết "hôm nay sẽ bị giết" thì hôm đó không được giết. Mục đích là bắt nó phải nếm mùi lo sợ. Cần chuyển lời ta cho lính canh và anh chàng nọ đấy."

Công chúa nghe tin thì mang lễ vật quý giá đến chỗ viên đại thần rồi khóc mà xin cứu mạng cho tình lang. Đại thần e ngại vì nhà ngục canh phòng nghiêm mật, không thể trốn chạy. Và thế là họ tìm đến một vị tiến sĩ già để nghĩ cách. Tiến sĩ nghe xong đầu đuôi câu chuyện thì chau mày suy nghĩ, bỗng ông nở nụ cười, nói :

"Xong rồi, thưa công chúa tôn kính và đại thần các hạ, xin hãy yên lòng. Không ai có thể xử tử chàng trai của chúng ta. Ngày cuối cùng trong hạn xử tử là thứ 6 tuần sau. Hôm đó thì không thể nào xử tử được anh chàng. Bởi vì, thứ 5 tuần sau nếu chưa xử tử thì sáng hôm thứ 6 anh chàng sẽ nghĩ "hôm nay không thể không xử tử mình". Như vậy, cái hôm anh ta biết đó sẽ không thể xử tử anh ta, đó là lệnh nhà vua. Mà đã là thứ 6 sau xác định không thể xử tử thì ngày cuối cùng của hạn xử đã trở thành thứ 5 tuần sau rồi. Cho nên, nếu thứ tư tuần sau không xử tử thì đến sáng thứ 5, chàng thanh niên sẽ biết

"hôm nay không thể không xử tử ta". Bởi vậy, thứ 5 tuần sau vẫn không thể xử tử."

Cô công chúa thông minh lanh lợi xen vào :

"Trên thực tế thì thứ tư sau không thể xử tử anh ấy. Vì hai ngày thứ năm và thứ 6 tuần sau chắn chắn không thể tử hình. Vậy thì ngày cuối cùng xử tử sẽ chỉ có thứ tư tuần sau. Bởi vậy thứ tư sau anh thân yêu của ta chắn chắn sẽ biết là hôm đó anh bị giết, dù quan chấp hành án xử tử có tới thì anh cũng sẽ dùng lệnh nhà vua mà đuổi hắn ta đi ! Như vậy, hôm nào cũng không thể giết chàng. Bởi vì, lần lượt xóa bỏ hết "một ngày cuối cùng", kết quả là ngày có thể xử tử sẽ không có."

Cuối cùng, ông tiến sĩ nói :

"Bởi thế không nên để anh chàng kinh sợ, thứ 7 tuần sau nhà vua sẽ nổi giận, lúc đó tôi sẽ tới giảng giải."

Đó chính là "Lập luận sai dự báo".

Kì thực ông tiến sĩ là ngụy biện, ông ta chơi cái trò ngụy biện kiểu *Giả thiết phiến diện*. Bởi vì, trong trường hợp có thể của tương lai, ông ta chỉ lựa chọn trường hợp duy nhất có lợi cho ông ta : "nếu thứ 5 sau không xử tử" v.v... mà với trường hợp khả năng khác thì lại bỏ qua. Nếu đổi thành *"nếu thứ 5 sau xử tử"* v.v... thì suy đoán của ông ta không xác lập. Ngoài ra, nếu thử đổi trình tự suy luận, từ thứ 7 mà suy dần đến thứ 6 tuần sau, thì dù sao cũng không thể rút ra kết luận như của ông ta. Giả thiết của ông tiến sĩ giả chỉ là mong muốn của ông ta. Khi tồn tại các trường hợp khả năng thì chỉ có trong bất kể khả năng nào kết luận đều cũng phải chân thực. Kết luận này thật không thể tin cậy, loại biện luận này không có tính thuyết phục.

94. LUẬN CHỨNG PHIẾN DIỆN

Ngụy biện kiểu *Luận chứng phiến diện* là chỉ thủ đoạn ngụy biện mà kẻ ngụy biện bằng cách phủ định mâu thuẫn, đối lập với mối liên hệ của sự vật khách quan để rồi bào chữa cho một quan điểm nào đó một cách cô lập, phiến diện.

Sự vật khách quan thường là sự thống nhất của nhiều loại tính quy định. Muốn suy đoán chính xác về một sự vật nào đó thì phải xem xét mặt phải của nó, lại cũng phải xem xét mặt trái của nó. Có người trong biện luận chỉ chú ý tới mặt có lợi cho họ mà bỏ qua mặt không có lợi cho họ. Điều đó khó mà tránh khỏi sai lầm, thậm chí ngụy biện.

Ví dụ : *Ăn táo có phải gọt vỏ không ?"*

Người khẳng định nói : *"Để phòng chống sâu hại cho cây ăn trái, người trồng cây nói chung đều phun thuốc trừ sâu cho cây. Những loại thuốc đó, có loại cùng với sự phát triển của trái mà nằm ở vỏ trái. Theo hóa nghiệm đối với trái táo, trong vỏ, lượng thuốc lưu giữ rửa bằng nước sẽ không sạch. Cho nên, để phòng tránh độc hại của thuốc trừ sâu đọng trên vỏ đối với cơ thể con người, ăn táo là phải gọt vỏ.*

Người phản đối lại nói : *"Ăn táo không nên gọt vỏ. Có người cho rằng quả táo gọt lớp vỏ đi ăn vào có thể trừ bỏ được cái độc hại của thuốc trừ sâu. Thực ra không phải thế. Bởi vì, quả táo một khi bị nhiễm bẩn bởi thuốc trừ sâu, độc tố mà lớp cùi táo hấp thụ không ít hơn vỏ. Quả cây ăn cả vỏ được thì tốt nhất không nên gọt vỏ, chỉ cần dùng bàn chải phủi qua, lấy nước rửa sạch là ăn được. Thành phần dinh dưỡng trong vỏ quả cây còn cao hơn cả cùi* (phần thịt của quả).

Sư nói sư phải, vãi bảo vãi hay, cho nên như vậy. Tức là do đã không nhận thức và đánh giá toàn diện với sự vật.

Ngoài ra, các sự vật và hiện tượng trên thế giới đều có mối liên hệ lẫn nhau. Thế nhưng, có người xuất phát từ quan điểm siêu hình đã vứt bỏ mối liên hệ rộng rãi của sự vật, khảo sát một cách cô lập. Điều này khó tránh khỏi sa vào sai lầm và ngụy biện.

Ta hãy quan sát câu chuyện dân gian lí thú sau đây :

Tương truyền thuở xưa, một nhà giàu nọ có bốn anh em chia gia tài. Mọi tài sản đều chia thành bốn phần. Ngay cả con chó cũng chia tư. Lúc đó họ đã đi đến quyết định : đầu chó, mình chó, và đuôi chó là của chung cả bốn người, còn bốn chân thì mỗi người một.

Một hôm, một cẳng chó bị thương, cái cẳng này thuộc về cậu em út thật thà tốt bụng. Cậu em liền rịt thuốc cho chó và băng lại. Ngày hôm sau, chó đang đuổi một con mèo thì cái băng sổ ra. Cạnh đó bếp lò đang cháy, không biết làm sao mà tấm vải băng bén lửa, con chó hoảng quá chạy tứ tung, đánh đổ cả chai dầu. Kết quả là một trận hỏa hoạn, tài sản cháy mất một nửa. Mấy ông anh nói với cậu em :

"Hỏa hoạn là từ cái cẳng chó đã chia cho mày. Mày phải đền cho mọi tổn thất của chúng tao !"

Cậu út dứt khoát cự tuyệt yêu cầu này, cậu phản bác :

"Lửa cháy nhà là do con chó chạy mà ra, các anh biết đấy, chân đau thì không có chạy. Con chó này sở dĩ chạy được là đều dựa vào ba cái chân mà các anh được chia. Không có ba chân này thì chó sao chạy được, và lửa sao mà bén cháy nhà ? Do vậy, tổn thất không thể là em chịu, mà chính ba anh phải chịu."

Các ông anh lúc này đều ngớ người, nín lặng.

Một con chó là một chỉnh thể được tạo thành trên mối liên hệ lẫn nhau giữa đầu, mình, đuôi, và bốn chân. Trận hỏa hoạn này sinh ra không chỉ liên can tới tấm vải băng chân nọ mà chó chạy lại là nguyên nhân càng quan trọng hơn. Thế nhưng, anh em nhà nọ lại chia đều bốn chân con chó sống. Điều này rõ là vô lí mà buồn cười. Khi cháy nhà, ba người anh lại còn đổ tội cho cái chân chó mà cậu em được chia. Điều này không chỉ buồn cười mà còn là ngụy biện.

Muốn chống lại ngụy biện loại này thì phải khảo sát toàn diện các mặt sự vật hữu quan, cả mặt phải lẫn mặt trái. Có như vậy mới đưa ra được phán đoán phù hợp với sự vật hữu quan.

95. ĐÁNH VÀO MỘT ĐIỂM

Người ngụy biện từ chỉnh thể của sự vật mà tùy ý rút ra một điểm nhỏ nhất làm lí do bào chữa cho tất cả hoặc lấy đó mà phản đối tất cả. Thủ đoạn ngụy biện kiểu này chính là ngụy biện kiểu *Đánh vào một điểm.*

Đặng Đồ Tử hiếu sắc phú của Tống Ngọc thời Chiến Quốc là một điển hình loại này.

Có một hôm quan đại phu là Đặng Đồ Tử nói với Sở Vương : *"Tống Ngọc khoe tài, mồm miệng như tẹp nháy mà lại là loại hiếu sắc. Mong rằng đại vương không để ông ta ra vào hậu cung tiếp xúc với các phi."*

Thế là Sở Vương lập tức cho đòi Tống Ngọc đến nói chuyện. Tống Ngọc nói : *"Thần dáng vẻ đường đường là do nhờ ơn trời, có tài nói năng là nhờ thầy dạy bảo, còn về hiếu sắc thì đâu có chuyện ấy."*

Sở Vương nói : *"Khanh không hiếu sắc, có căn cứ nào không ? Nếu có thì có thể ở lại trong cung tiếp. Nếu không đưa ra được căn cứ thì khanh hãy rời khỏi đây ngay !"*

Tống Ngọc nói : *"Gái đẹp trong thiên hạ đâu có sánh bằng nước Sở. Gái đẹp nước Sở đâu có bằng ở quê thần. Gái đẹp quê thần đâu có bằng cô gái hàng xóm nhà thần. Cô gái hàng xóm nọ thân mình thon thả, chỉ tăng một phân thì thấy cao, giảm một phân thì thấy thấp. Khuôn mặt cô đúng là cái đẹp trời cho, đánh phấn thì chê là trắng quá, tô son thì bảo là đỏ quá. Mày như liễu biếc, da như tuyết trắng, eo bụng thon, hàm răng trắng đều. Khi cô nở nụ cười thì những bọn quyền quý khắp Dương Thành, Hạ Sái đều như mê mẩn mất hồn. Cô gái đẹp tuyệt thế như vậy vẫn thường hay vịn tường lén nhìn trộm thần, đã trọn ba năm nhưng cho đến nay thần vẫn không màng tới cô ta. Vậy mà đại phu Đặng Đồ Tử lại không thế, vợ ông ta đầu bù tóc rối, tai vểnh như tai ngựa, cặp môi đỉa trâu, răng chìa mái hiên, đi đường thì vòng kiềng cà nhắc, toàn thân sần sẹo. Một mụ đàn bà xấu xí đến vậy mà Đặng Đồ Tử vẫn mê được, đẻ với mụ những năm đứa con. Xin đại vương minh xét, thần và Đồ Tử ai là hiếu sắc chẳng phải đã rõ ràng rồi ru ?"*

Vốn là Đăng Đồ Tử làm quan to nhưng không chê vợ xấu. Điểm này đáng khen là đức tốt. Thế nhưng Tống Ngọc để đạt được mục đích công kích Đồ Tử đã bất kể phẩm chất đạo đức đối phương thế nào, cũng bất cần quan hệ nam nữ ở ông ta có chính đáng hay không, chỉ nhăm nhăm túm lấy lí do tình cảm tốt đẹp của ông ta với người vợ xấu xí cùng kết quả năm đứa con sinh ra để rồi quả quyết là ông ta hiếu sắc, và lấy cái lí do khó lòng tồn tại này mà phóng đại lên nhằm phủ định sạch trơn Đồ Tử. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đánh vào một điểm*.

Ngụy biện kiểu *Đánh vào một điểm* sở dĩ là giả dối, bởi vì trên thế giới, mọi sự vật và hiện tượng đều có mối liên hệ lẫn nhau. Cái thế giới này là một hệ thống hữu cơ do các mối liên hệ lẫn nhau giữa các sự vật hình thành nên. Bởi vậy, khi chúng ta nghiên cứu sự vật khách quan thì phải đặt nó vào trong các mối liên hệ chỉnh thể mà xem xét toàn diện. Thế nhưng, người chơi cái trò ngụy biện kiểu *Đánh vào một điểm* này thường hay xem xét sự vật bằng quan điểm siêu hình, phủ nhận mối liên hệ lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng, gạt bỏ mối liên hệ rộng rãi mà khảo sát một cách cô lập. Điều đó khó tránh khỏi việc rút ra kết luận phiến diện, thậm chí còn vô lí.

96. CÂY SỐ ĐÔNG

Chân lí không phải bao giờ cũng nằm trong tay đa số. Thế nhưng, trong khi biện luận, kẻ ngụy biện không phải là để tìm tới chân lí trong nhận thức mà là lấy đa số làm lí do, cho rằng đa số là đúng đắn, đa số là chân lí. Đó chính là ngụy biện kiểu *Cây số đông*.

Ta hãy quan sát câu chuyện hài hước nước ngoài như sau :

Xưa kia có một phú thương vốn tính keo kiệt. Con trai ông ta bên ngoài vay nợ rất nhiều, nhưng ông ta không chịu hoàn trả. Đứa con đành phải hẹn với các chủ nợ là đợi khi bố chết sẽ trả hết. Có một hôm, đứa con trai thực sự là không đợi được nữa, liền bàn với chủ nợ là đem chôn sống ông bố. Hắn ta tắm gội và thay quần áo cho ông phú thương rồi ấn ông ta vào quan tài. Quan tòa đi qua nghe tiếng kêu la của ông liền bước vào hỏi. Phú thương trong quan tài nghe thấy có người hỏi, cho là có cơ may được cứu sống, bèn hét toáng lên : *"Cứu tôi với ! Đại nhân. Thằng con tôi định chôn sống tôi !"*.

Quan tòa trách mắng đứa con nọ : *"Sao mày lại định chôn sống bố mày ?"*

"Đại nhân, ông ta lừa ông đấy, ông ta chết thật rồi mà. Không tin, ông hãy hỏi mọi người." Thằng con trả lời.

Quan tòa quay ra hỏi những người đứng quanh : *"Các ông đều làm chứng chứ ?"*

"Chúng tôi làm chứng." Bọn chủ nợ đáp.

Thế là quan tòa nói với phú thương trong quan tài rằng : *Sao tôi có thể tin một mình nguyên cáo là ông ? Lẽ nào bao nhiêu người thế này đều nói dối đây ?* Nói xong liền khoát tay tuyên án *"Chôn đi !"*

Rõ ràng phú thương là sống thế mà quan tòa lại chơi cái trò ngụy biện kiểu *Cây số đông*, chỉ dựa vào đa số, làm lẫn lộn phải trái, đưa ra phán đoán sai lầm, thật là giả dối cực độ.

Ngụy biện kiểu *Cây số đông* sở dĩ là giả dối, bởi vì đa số không tất yếu là chân lí. Chân lí có lúc thuộc về thiểu số. Nếu chỉ lấy đa số làm căn cứ để luận chứng thì khó mà tránh khỏi hiệu quả ngụy biện dẫn tới đảo lộn trắng đen. Lại ví dụ :

Theo *Truyện Viên Xán. Tống Thư* : Từ xa xưa, ở miền nam có một quốc gia nhỏ bé ở nơi heo hút. Đất nước này không có sông ngòi, chỉ có một mạch nước suối, tên là Cuồng Tuyền. Những ai uống nước suối này vào, thảy đều phát điên. Ngoài quốc vương ra, người dân cả nước ai cũng uống nước này. Thế là cả nước ai cũng cuồng điên, kẻ thì ngây dại, kẻ thì cười sằng sặc, kẻ thì mình trần tóc xõa kẻ thì nhe răng há miệng, thật là đủ các kiểu, hết sức kì quặc. Chỉ riêng quốc vương đào một cái giếng ở sân sau mà ăn uống nước này. Bởi vậy vẫn bình thường. Nhân dân thấy vua nói năng phong thái khác với mọi người thì ngờ là nhà vua bị điên, liền họp bàn và quyết định giúp vua chữa khỏi điên. Mọi người ùa vào cung, đè vua xuống giường, người thì lấy kim châm, kẻ thì đốt ngải. Quốc vương bị hành hạ đến kêu la thảm thiết, không thể chịu nổi nữa. Và cuối cùng cũng đành phải tới bên Cuồng Tuyền mà tợp mấy ngụm. Uống xong, nhà vua cũng phát cuồng. Lúc này thì cả nước không trừ một ai, điên tuốt.

Khi nhân dân cả nước gần như bị điên rồi thì bọn người điên nọ *Cậy số đông*, lấy đa số làm căn cứ. Những ai đầu óc tỉnh táo lại bị coi là người điên khùng, còn kẻ điên thực sự lại cho là đầu óc tỉnh táo. Như vậy, đúng sai, đen trắng bị đảo lộn hết.

97. UY HIẾP BẰNG VŨ LỰC

Trong biện luận, người biện luận không thuyết phục bằng lí lẽ mà lấy vũ lực để uy hiếp, đe dọa bắt buộc đối phương phải tiếp thu quan điểm của mình. Đó chính là ngụy biện kiểu *Uy hiếp bằng vũ lực*.

Theo báo chí thì tại một vùng quê ở Tương Tây có cô gái tên là Ngô X cùng anh chàng Trần Y hủy bỏ hôn ước. Nhà họ Ngô có món lễ ăn hỏi hơn 600 đồng chưa kịp trả cho nhà họ Trần. Trần Y liền gọi 5 tên côn đồ từ Thường Đức tới, hứa là đòi được tiền thì trả công mỗi thằng là 40 đồng. Bọn chúng cơm no rượu say tại nhà họ Trần, xong liền đằng đằng sát khí xông tới nhà họ Ngô đòi nợ :

"Mau ! Cầm ngay 600 đồng ra đây !"

"Trong 3 tiếng không nộp ra thì dỡ nhà gán nợ !"

Nhà họ Ngô thấy bọn này nói là làm thì sợ, đành phải vay nợ xóm làng cho đủ số 600 đồng. Lúc này mới tránh khỏi cái họa bị dỡ nhà.

Trần X đòi nợ không theo cách dùng lí lẽ thiết hơn mà dùng sức mạnh của xã hội đen, dọa dỡ nhà, lấy vũ lực làm hậu thuẫn. Đó chính là một điển hình của ngụy biện kiểu *Uy hiếp bằng vũ lực*.

Uy hiếp bằng vũ lực thường là xảy ra khi kẻ ngụy biện đã thất bại bằng biện luận lí tính, tức là khi đuối lí cùng lời mà không chịu bị thua, không còn cách gì, thế là ngang ngược chà đạp công lí, dùng vũ lực để uy hiếp. Cũng có kẻ không bao giờ dùng lời lẽ, hễ thấy không vừa lòng là xắn tay áo lên đòi đối phương ra ngoài đánh nhau, muốn ra gì thì ra. Loại người này ỷ vào sức khoẻ, thường dùng vũ lực để áp đảo đối phương. Người đời nói : già đòn non nhẽ mà, đó là cách giải quyết của họ.

Loại ngụy biện này không chỉ tồn tại trong đám mọi người, trên vũ đài quốc tế, cái gọi là ngoại giao sức mạnh thực chất cũng là ngụy biện kiểu *Uy hiếp bằng vũ lực*. Ví dụ :

Ngày 12 tháng 2 năm 1938, Hít-le và Xusnigơ – thủ tướng Áo hội đàm tại Pốt-sđam. Trong hội đàm, Hít-le đe dọa :

"Ông Xusnigơ, đây là bản dự thảo văn kiện. Trong đó không có gì phải thảo luận cả. Tôi sẽ không thay đổi một chút nào trong đó đâu. Ông cần phải giữ nguyên mà kí thôi, trong ba ngày phải làm theo yêu cầu của tôi. Nếu không, tôi sẽ ra lệnh tiến quân vào Áo."

Hít le sở dĩ ngạo mạn như vậy, cưỡng bức đối phương phải khuất phục, chính là hắn ta có một thực lực quân sự hùng mạnh làm hậu thuẫn. Lại ví dụ :

Ngày 14 tháng 3 năm 1938, Hít le hội đàm với Ha sa là tổng thống Tiệp và bộ trưởng ngoại giao nước này là Sêvát Cơphuski đã uy hiếp là quân đội Đức ngay hôm đó đã tiến quân. Gặp phải kháng cự ở đâu đó và đã tiêu diệt sạch. Binh lực Đức trong trận này là một sư đoàn, còn Tiệp là một tiểu đoàn. Y yêu cầu phải kí ngay vào văn kiện đầu hàng. Thế là, từng bước từng bước ném cho tổng thống và bộ trưởng ngoại giao Tiệp văn kiện đầu hàng, lại còn nhắc lại :

"Nếu cự tuyệt thì trong hai tiếng Praha một nửa sẽ biến thành đống gạch vụn."

Tổng thống Tiệp hoảng hốt mà ngất đi, tiêm thuốc hồi tỉnh xong buộc phải kí vào bản án tử hình cho đất nước.

Đó chính là ngoại giao sức mạnh, là điển hình của việc cậy vào sức mạnh.

98. CẬY VÀO QUỶ THẦN

Khi người ta dưới ách áp bức của tự nhiên và xã hội mà không chống nổi thì đã tin tưởng một cách mù quáng rằng trong cõi u minh có thần linh chi phối vận mệnh đời sống con người. Tư tưởng mê tín vào thần linh rất phổ biến trong xã hội phong kiến. Và ngay cả khi khoa học phát triển cao như ngày nay, số người tin vào quỷ thần cũng không ít. Kẻ ngụy biện cũng thường hay dựa vào tư tưởng mê tín đối với quỷ thần của mọi người mà bào chữa cho cái giả dối của họ, khiến âm mưu được thực hiện. Đó là ngụy biện kiểu *Cậy vào quỷ thần*. Ví dụ :

Năm 1052, Nùng Trí Cao châu Quảng Nguyên ở miền nam dấy binh đánh Tống. Tống Nhân Tông cử đại tướng là Địch Thanh mang đại quân đi dẹp. Đại quân ra khỏi Quế Lâm, đường đi hiểm trở, lòng quân dao động, không ít binh sĩ bỏ trốn. Để ổn định tinh thần quân đội, Địch Thanh nghĩ ra một cách. Một hôm, Địch Thanh nói với các tướng sĩ :

"Lần này đến miền nam thảo phạt phiến quân là lành hay dữ để cho thần linh quyết định. Nếu lành, thì ta tung ra đất 100 đồng tiền, đồng nào cũng ngửa, chỉ cần một đồng sấp là dữ. Lúc đó ta sẽ ban sớ hồi triều."

Có người khuyên : *"Dù có may mắn thế nào thì 100 đồng tiền tung ra cũng không thể cả 100 đồng đều ngửa. Nếu có đồng sấp thì lòng quân sinh biến, không chiến mà hồi triều, chẳng phải là chống lại thánh chỉ sao ? Xin đại tướng quân xét kĩ !"*

Địch Thanh không nghe, bảo tâm phúc đưa ra một túi tiền đồng. Quân sĩ kẻ nào cũng chăm chú theo dõi. Chỉ thấy ông ta lẩm nhẩm khấn : *"Thần minh bảo hộ, thần minh bảo hộ..."* Bống ông ta vốc một nắm tiền mắt nhắm lại rồi tung lên. Khi tiền rơi xuống, quân sĩ quây đến xem, cả 100 đồng đều ngửa. Quả thật là thần linh bảo hộ ! Toàn quân đều biết, tiếng hò reo hoan hô vang dậy.

Lúc này Địch Thanh lệnh cho tâm phúc mang một trăm cái đinh, đóng các đồng xu lên mặt đất, rồi dùng lụa xanh phủ lên, tự tay đậy kín. Rồi đó thành tâm nói : *"Chờ đạo quân thắng trận trở về, đến đây sẽ lễ tạ thần minh."* Lúc này toàn quân tinh thần lên cao, thế như chẻ tre, và đã nhanh chóng bình định được cuộc phiến loạn do Nùng Trí Cao gây ra.

Kì thực, những đồng tiền này chỉ toàn có mặt chính. Địch Thanh lợi dụng tâm lí tin vào quỷ thần của các tướng sĩ và những đồng tiền chỉ có mặt chính nọ, kết quả là đạt được mục đích dự định.

Với ngụy biện kiểu *Cậy vào quỷ thần*, chỉ cần tin chắc là trên thế giới hoàn toàn không có thần linh thì ngụy biện kiểu này sẽ phá sản.

Trong *Duyệt Vi Thảo đường bút kí* của Thanh Kỉ Vân có vụ án như sau :

Có một tổng đốc tên là Đường Chấp Ngọc thụ lí một vụ án giết người. Án đã xem xét xong. Một hôm về đêm, ông một mình ngồi trước nến, bỗng nghe thấy tiếng khóc tỉ ti, mỗi lúc một gần bên cửa sổ. Mở rèm ra, ông thấy một con ma người đầy máu quỳ dưới bậc thềm. Ông nghiêm giọng quát, con ma bèn dập đầu nói : *"Đứa giết chết tôi vốn là A, nhưng quan huyện xử nhầm cho B. Không trừng phạt đúng thủ phạm, để cho nó lọt lưới, tôi chết cũng không nhắm mắt !"* Đường Chấp Ngọc nói : *"Ta biết rồi"*. Ma lúc đó mới chịu đi.

Ngày hôm sau, Chấp Ngọc đích thân thẩm vấn các phạm nhân, thảy đều nói áo quần người chết mặc đúng như đêm qua ông thấy. Ông càng tin là thật, dựa vào lời ma mà xét lại A có tội. Viên quan sơ thẩm nhiều lần để đạt giải thích nhưng ông không nghe. Sau đó sư da (người giúp việc) đến cầu kiến, biết đầu đuôi câu chuyện, liền phản bác : *"Đã là ma thì chỉ có bóng, không có thực thể, nó rời đi phải là nhanh chóng mà biến mất. Không thể là trèo qua tường. Đó chắc chắn là phạm nhân mướn bọn đạo tặc biết trèo tường vượt rào làm chuyện này"*. Đường Chấp Ngọc nghe vậy bỗng hiểu ra, thế là vẫn giữ lại phán quyết của viên quan sơ thẩm.

Tên tội phạm để rửa sạch tội lỗi và vu vạ cho người khác mà nói ra chuyện quỷ thần. Đường đường một tổng đốc cũng mắc lừa. May mà sư da từ cái vô lí mà biết tỏng âm mưu của bọn sát nhân, khiến chúng thất bại.

99. VIN CỚ VÔ TRI

Năng lực nhận thức của con người là vô hạn, không có cái gì là vực sâu mà con người không thể vượt qua, không nhận thức được. Đó là nói về loài người nói chung, còn riêng về một thời đại nào đó, một con người nào đó thì năng lực nhận thức của con người là có hạn, sẽ có những sự vật là chưa được nhận thức. Về những nội dung mà nhận thức của loài người chưa nắm bắt được, chúng ta không thể đưa ra sự đoán định mạo muội. Chẳng hạn : *"Có sự tồn tại của con người hành tinh khác"*, chúng ta hiện nay không thể xác định được nó là chân thực, cũng không thể xác định nó là giả dối. Thế nhưng, có kẻ ngụy biện lại chỉ căn cứ vào việc người ta không thể xác định một mệnh đề nào đó là chân thực mà suy đoán mệnh đề này là giả dối, hoặc căn cứ vào việc người ta không thể xác định một mệnh đề nào đó là giả, để rồi chứng minh mệnh đề này là chân thực. Đó chính là ngụy biện. Loại ngụy biện này thường xuất hiện trong các cuộc tranh luận ngu dốt. Bởi vậy, chúng ta gọi đó là ngụy biện kiểu *Vin cớ vô tri*. Ví dụ :

Có một họa sĩ vẽ bích họa cho nhà thờ. Ông ta khổ công sáng tạo vẽ tiểu thiên thần có 6 ngón tay. Mục sư thấy vậy tức giận mà trách :

"Ông đã lúc nào thấy tiểu thiên thần 6 ngón tay chưa ?"

"Chưa từng thấy". Họa sĩ đáp lời, *"Thế nhưng ngài đã từng nhìn thấy thiên thần 5 ngón tay chưa ?"*

Mục sư ngớ người ra trước câu hỏi này.

Mục sư lấy việc chưa thấy thiên thần có 6 ngón tay (nhưng cũng không thể chứng minh bàn tay thiên thần là có 6 ngón) mà suy đoán bàn tay thiên thần là 5 ngón. Còn họa sĩ cũng vậy, cũng lấy việc đối phương chưa từng thấy thiên thần có 5 ngón và cũng không có cách gì chứng minh là bàn tay thiên thần là 5 ngón, liền cho rằng tay của thiên thần là 6 ngón. Luận chứng của họ đều không có sức thuyết phục, đó là ngụy biện.

Kẻ ngụy biện như vậy cũng thường hay gặp trong cuộc sống.

A : *"Đồ đạc của tao chắc chắn là mày ăn cắp rồi !"*

B : *"Tôi hoàn toàn không ăn cắp đồ của anh !"*

A : *"Mày bảo mày không ăn cắp thì hãy đưa chứng cứ ra đi, không đưa ra được chứng cứ thì coi như mày ăn cắp !"*

Một người không ăn cắp mà phải đưa ra bằng chứng không ăn cắp, là một việc không phải là dễ dàng gì. Chinh phục kẻ ngụy biện như vậy, cách tốt nhất là phải đối mặt, yêu cầu họ phải đưa ra bằng chứng đầy đủ và rõ ràng là mình ăn cắp.

100. MƯỢN CỚ KHÔNG BIẾT

Có những người ngụy biện khi vi phạm pháp quy thì thường mượn cớ nói : *"Tôi không biết, người không biết không có tội mà !"* để rồi giải thích cho mình. Loại ngụy biện này là ngụy biện kiểu *Mượn cớ không biết*. Ví dụ :

A và B là những thanh niên hiếu thắng cùng thách nhau đấu vật, nhưng trước hết, họ lập một giao ước *"trong thi đấu, nếu có bề gì, thậm chí chết người, thì đều không được truy cứu trách nhiệm"*. Kết cục là do A không thận trọng mà dẫn đến cái chết của B. Sau đó, A bị tòa án xét xử. Trên tòa, A hùng hồn nói :

"Tôi không biết là đã lập giao ước rồi mà nhỡ đánh chết người vẫn bị tòa án quy tội. Bởi vậy, tôi không phải chịu tội !"

Đó chính là ngụy biện kiểu *Mượn cớ không biết*.

Ngụy biện kiểu *Mượn cớ không biết* là vô lí, bởi vì không biết một sự vật nào đó tồn tại không có nghĩa là sự vật đó không tồn tại. Không biết điều luật nào đó không có nghĩa là người này không bị ràng buộc bởi quy định của điều luật này.

Dù là loại ngụy biện này xem ra thì vô lí đến buồn cười, nhưng kẻ ngụy biện thắng bằng cách đó đâu có hiếm gì.

Ở Nhật Bản từng xảy ra một chuyện thế này. Một người đi săn mang bộ da cáo ra hiệu da lông thú để bán. Nhưng căn cứ vào *"Quy định thi hành luật săn bắn"* thì cáo là động vật hoang dã cấm săn. Cảnh sát phát hiện người thợ săn nọ không hiểu luật pháp liền đưa tới sở cảnh sát, xử phạt tiền. Người thợ săn không phục, phản bác lại :

"Việc không được bắt cáo thì tôi cũng biết, thế nhưng, đây tôi bắt con cầy, pháp luật đâu có quy định không được bắt cầy nào ?"

"Ô!" Cảnh sát lúc này mới ngớ ra. Nhưng rồi họ phản kích lại : *"Cáo và cầy là cùng loại, cho nên cầy cũng trong hạng mục cấm săn bắt !"*

Thế nhưng, người thợ săn vẫn ngoan cố, nói rằng không biết đây là cáo và kiên quyết không nộp phạt. Vụ án này đành phải chuyển qua tòa án.

Trong lần xử sơ thẩm rồi phúc thẩm, người thợ săn đều bị coi là có tội. Bởi vì nhà động vật học giám định cáo và cầy là cùng loại. Nhưng với tiền

đề cáo cầy cùng một loại thì vụ án này chuyển tới tòa án tối cao lại xử người thợ săn là vô tội. Nguyên nhân xử bị cáo vô tội là :

"Cáo và cầy tuy là cùng một loại động vật, nhưng cũng có địa phương gọi tên khác nhau. Bị cáo cho rằng cáo và cầy khác nhau, với những động vật cấm săn bắt mà phân biệt không rõ là không phải cố tình phạm pháp".

Kì thực, bắt cáo là bắt cáo, biết cũng thế mà không biết cũng thế, đều là vi phạm quy định thì thành luật săn bắt. Thế nhưng, người thợ săn nọ đã chơi cái trò ngụy biện *Mượn cớ không biết* mà ngang nhiên vô lí.

Với ngụy biện kiểu *Mượn cớ không biết*, cần phải lấy căn cứ thực mà phản kích đích đáng. Ví dụ, Giôn-đơ nguyên là phần tử Nadi[1], năm 1958 cư trú tại Ca-na-đa. Nhiều năm qua y tung tin đồn nhảm rằng trong Đại chiến thế giới lần thứ hai Nadi đâu có giết hại người Do Thái, chuyện giết hại đó là dựng lên, mục đích là bắt nước Đức phải bồi thường. Thế là, người phụ trách "Hiệp hội kỉ niệm vụ tàn sát Ca-na-đa" năm 1982 tố cáo Giôn-đơ, vạch ra cái tội phao tin phỉ báng. Tòa án đưa ra các tập sách Giôn-đơ đã in, mọi người thấy vậy đều phẫn nộ. Thế nhưng, Giôn-đơ lại bào chữa rằng :

"Căn cứ vào quy định tại điều 177 của bộ luật hình sự Ca-na-đa, chỉ khi biết rõ là tình hình không xác thực mà cố tình phao tin đồn nhảm mới cấu thành tội phạm. Thế nhưng, tôi luôn luôn tin rằng chưa hề xảy ra chuyện thảm sát, bởi vậy không phải là đồn nhảm, và vì thế không thể xét tội".

Bên thưa kiện lập tức phản bác, tội ác "tàn sát" của Na-di ngày nay đã là điều thường thức của cả phụ nữ và trẻ em, bất cứ một người phát triển bình thường nào đều không thể không biết. Giôn-đơ cứng họng. Qua tranh luận liên tiếp, ngày 28 tháng 2 năm 1985, tòa án hình sự địa phương Tô-rông-tô tuyên cáo là Giôn-đơ có tội phao tin đồn nhảm.

Đứng trước sự thực đanh thép, trò ngụy biện kiểu *Mượn cớ không biết* của Giôn-đơ đã hoàn toàn thất bại.

---

(1) Tức Nazi [Nationalsozialistische (Partei)], là đảng Xã hội quốc gia Đức do Hítle cầm đầu. Đây là đảng phát xít nổi lên sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất.

101. ĐOÁN ĐỊNH CHỦ QUAN

Ý thức chủ quan của con người do ảnh hưởng bởi biết bao nhân tố, có lúc không phù hợp với khách quan. Thế nhưng, có kẻ ngụy biện trong quá trình biện luận không xuất phát từ thực tế khách quan mà chỉ dựa vào suy nghĩ chủ quan để đưa ra đoán định về sự vật khách quan, lấy mong muốn chủ quan hoặc thành kiến cá nhân để luận chứng tính chân thực của luận đề. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đoán định chủ quan.*

Hàn Phục Cừ trong truyện *Hàn Phục Cừ xử trộm cắp* chính là vậy :

Tên quân phiệt Sơn Đông là Hàn Phục Cừ, y là một tên thô lỗ vô học. Nhưng để tỏ ra mình công chính liêm minh, xét án như thần, thì thường hay tự thụ lí các vụ án. Hắn ta định án hoàn toàn không theo pháp luật, mà là cứ phán bừa, xử theo ý thích.

Một lần, Hàn Phục Cừ mặc bộ thường phục, dạo phố để thị sát dân tình. Vừa vặn gặp hai tên trộm cắp bị bắt. Hàn bèn lệnh cho sĩ quan trực ban : *"Đưa tên ăn trộm qua đây !"* Bọn ăn trộm bị giải đến. Họ Hàn chỉ một tên trong đó :

"Mày trộm gì ?"

"Dạ, tiểu nhân trộm một con bò".

"Ờ ! Còn khá. Bò lặng thinh, mày ăn trộm nó, nó không la lên, nói lên là cái gan ăn trộm của mày không ghê gớm gì. Thả nó ra !"

Hàn Phục Cừ lại hỏi tên kia :

"Mày trộm cái gì ?"

"Tiểu nhân trộm một con gà".

"Hay cho thằng trộm gà ! Mày biết tội chưa ?"

"Tiểu nhân biết tội ạ"

"Hừ ! Tội mày to lắm. Con gà mày bắt nó sẽ kêu quang quác. Mày dám trộm gà thì cái gì mà không dám trộm hả ? Lôi ra ! Xử bắn !"

Mọi người đều biết con bò có giá hơn con gà, bởi vậy tội của tên trộm bò nặng hơn nhiều so với tên trộm gà. Thế mà, tên quân phiệt nọ không căn cứ vào tình tiết nặng nhẹ để xử, mà là căn cứ vào *"bò không kêu"* và *"gà biết kêu"* để xác định mức tội nặng nhẹ. Tên trộm bò vô tội, tên trộm gà bị bắn. Cái cung cách xử án dựa vào *Đoán định chủ quan* này không chỉ là vô lí đến buồn cười, mà còn là ngụy biện làm đảo lộn trắng đen. Đó chính là ngụy biện kiểu *Đoán định chủ quan.*

Ngụy biện kiểu *Đoán định chủ quan* sở dĩ vô lí, nguyên nhân là luận cứ của kẻ ngụy biện chỉ là sự đoán định chủ quan cho là đương nhiên. Loại luận cứ này thật không đáng tin cậy, dùng luận cứ như vậy là để đạt mục đích luận chứng cho quan điểm của họ một cách ngang trái.

102. DỰA VÀO CẢM TÌNH

Tình cảm là sự thể nghiệm chủ quan và phản ánh do sự vật nhất định dẫn tới. Khi một người có thái độ theo chiều hướng hoan nghênh với sự vật nào đó, anh ta tiếp xúc với sự vật này sẽ sinh ra tình cảm khẳng định như vui mừng, thích thú. Khi một người có thái độ phản đối hoặc cự tuyệt với một sự vật nào đó, anh ta tiếp xúc với sự vật này sẽ nảy sinh tình cảm như ghét bỏ, giận buồn. Khi kẻ ngụy biện trình bày quan điểm của mình hoặc phản bác chủ trương của người khác thì không nêu sự thực nói lí lẽ, mà chỉ là lấy tình cảm yêu ghét của mình làm căn cứ luận chứng. Nếu là người mình yêu thích thì lời nói là chân lí, nếu là người mình chán ghét lời nói ra thảy đều giả dối. Đó chính là ngụy biện kiểu *Dựa vào cảm tình*.

Ngu Nột thời Nam Triều có thể coi là một điển hình như vậy. Một lần có chàng trai là Trương Suất đưa bài văn của mình cho ông ta nhận xét. Ngu Nột đâu có coi anh chàng vô danh tiểu tốt Trương Suất ra gì ! Ông ta lơ đễnh giở qua mấy trang sau đó nói một cách ngạo mạn :

"Những cái này thật chẳng ra sao, thế mà đưa cho tôi xem ư ?"

Thực tế thì bài văn của Trương Suất viết rất khá nên nghe Ngu Nột nói vậy thì anh ta không bằng lòng. Một thời gian sau, anh ta lại đưa sáng tác của mình cho Ngu Nột xem, lần này thì anh ta nghĩ ra một kế, nói dối đây là tác phẩm của nhà văn Thẩm Ước. Ngu Nột nghe bảo là tác phẩm của nhân sĩ quyền uy thì vội xem với một thái độ khác, vừa đọc vừa khen :

"Ngòi bút của nhà văn nổi tiếng quả thật khác thường !"

Trương Suất thấy thái độ của Ngu Nột như vậy thì không kìm nổi mà nói : *"Thưa tiên sinh, thực ra đây là bài văn của cái người ông nói là không đáng một xu viết ra đấy ạ !"*

Ngu Nột nghe vậy thì vô cùng bối rối khó xử.

Vốn là đánh giá một bài văn hay hoặc dở thì phải lấy cái tốt xấu của nội dung tư tưởng bài văn và cái cao thấp của phương pháp viết văn làm tiêu chuẩn, bất kể đó là tác phẩm của người nổi tiếng hay vô danh tiểu bối. Thế mà Ngu

Nột lại không thế, ông ta nói tác phẩm của vô danh tiểu bối là *"cái thứ không ra gì"*, còn khi nghe bảo là của người nổi tiếng thì ca ngợi là *"quá thật khác thường"*. Phương pháp luận chứng này của ông ta rõ ràng là ngụy biện kiểu *Dựa vào cảm tình.*

Nhưng trường hợp lấy cảm tình mà chi phối sự phán đoán của mình thật không hiếm. Chẳng hạn những trường hợp sau :

– Hítle, tên trùm Nadi chống lại thuyết tương đối không phải là căn cứ vào bản thân thuyết này có phải là khoa học hay không, mà là do Einstein – nhà khoa học phát minh thuyết này là người Do Thái – đối tượng bọn Nadi căm ghét ;

– Người yêu Hàn Dũ vì Hàn Dũ là đại văn hào đứng đầu bát đại gia Đường – Tống và nếu có ai bảo Hàn Dũ mắc bệnh hoa liễu thì chắc chắn sẽ bị họ mắng là nói láo ;

– Người sùng bái Đường Thái Tông vì Đường Thái Tông là hoàng đế anh minh – Trinh Quán chi trị, và nếu có ai bảo anh ta rằng Đường Thái Tông đã giết anh mình mà lên ngôi vua thì sẽ bị họ coi là hoàn toàn sai lầm ;

– Có người nhân vì Bacon làm quan không thanh liêm, từng bị bãi chức vì nhận hối lộ mà đã cự tuyệt thừa nhận giá trị các trước tác học thuật của Bacon ;

– Do La Quán Trung trong *Tam Quốc diễn nghĩa* đã bôi nhọ Tào Tháo mà nhiều người xem xong tiểu thuyết, do bị cảm nhiễm mà đã phủ nhận những thành tựu của ông ta trong văn học sử ;

Những ví dụ liệt kê chính là chỉ lấy cảm tình tốt xấu của mình đối với người khác để thay cho sự phán đoán đối với sự vật khách quan. Đó chính là ngụy biện kiểu *Dựa vào cảm tình.*

Rất nhiều sự thực mách bảo chúng ta rằng lời người được yêu thích không phải đều là quý và giá trị, có thật cũng có cả giả đấy ; ngược lại, lời người mà ta căm ghét cũng chưa chắc đều là giả dối, thường là có giả, cũng có thật. Nếu cảm tình của một người mà thao túng lí trí, ngay cả sự thực cơ bản, quy tắc logic cơ bản cũng không đếm xỉa thì không tránh khỏi sa vào ngụy biện.

103. DỰA VÀO SỰ THƯƠNG CẢM

Kẻ ngụy biện khi bào chữa cho mình không phải là dùng những luận cứ chính xác để luận chứng cho quan điểm của mình, mà là làm ra vẻ đáng thương rồi luôn mồm kể lể tình cảnh đáng thương thế nào hòng tranh thủ sự đồng tình, thương hại của người khác, khiến họ phải tiếp thu quan điểm không đúng đắn của mình. Đó chính là nguy biện kiểu *Dựa vào sự thương cảm.*

Trong phiên tòa ta thường thấy kẻ ngụy biện chơi cái trò *Dựa vào sự thương cảm* này.

"Tôi trên có cha mẹ, đều là tuổi cổ lai hi ; dưới có con cái, đều chưa thể tự ăn tự lo. Tôi có tội, thật chẳng đáng rủ lòng thương. Nhưng các ông các bà hãy thương cho gia đình già trẻ nhà tôi, nếu tôi bị xử tù thì gia đình này lấy ai chăm lo, họ sẽ sống ra sao đây !"

Khi kẻ ngụy biện nước mắt nước mũi kể lể thì những ai tình cảm yếu đuối thường hay vứt bỏ mối liên quan giữa kết luận và tiền đề, trở thành tù binh của nước mắt, rồi đề ra một kết quả cực kì vô lí. Chúng ta không thể coi thường tác dụng ngụy biện kiểu này. Lại ví dụ :

Tháng 5 năm 1671, Luân Đôn phát sinh một tội phạm hình sự cho đến nay là lớn nhất, nổi tiếng nhất trong lịch sử nước Anh. Một bọn tội phạm 5 tên do Plơ-tơ cầm đầu đã ăn trộm cái vương miện "trấn quốc thần khí" của nước Anh. Vua Sác-li đệ nhị rất khoái chí về bọn xấu coi thường pháp luật, to gan lớn mật này, ông quyết định tự mình xét hỏi tên cầm đầu.

Sác-li : *"Anh khi là thủ hạ của Cromwell*[1] đã lừa giết được Ai-mu-en để đổi lấy hàm thượng tá và tước hiệu nam tước phải không ?"

Plơ-tơ : *"Kính thưa bệ hạ, thần không phải là con cá, cho nên không có quyền thừa kế. Ngoài tính mạng mình, không còn gì khác. Thần phải bán cái mạng sống của mình cho ai trả giá cao nhất".*

Sác-li : *"Anh còn có hai lần âm mưu đâm chết công tước Ao-mông-tơ, đúng không ?"*

---

(1) Oliver Cromwell (1599 – 1656) trong cách mạng tư sản Anh là nhân vật đại diện cho giai cấp tư sản Anh, là thủ lĩnh phái độc lập.

Plơ-tơ : *"Thưa bệ hạ, tôi chỉ là thử xem ông ta có thực xứng với tước vị cao mà ngài trao cho không. Nếu như ông ta dễ dàng bị tôi cho đi thì bệ hạ có thể chọn người khác xứng đáng hơn".*

Sác-li : *"Anh càng làm thì gan càng to, lần này dám lấy trộm cả vương miện của ta nữa chứ !"*

Plơ-tơ : *"Tôi biết hành động này là điên rồ. Thế nhưng, tôi chỉ có thể làm như vậy để nhắc nhở bệ hạ quan tâm tới một người lính cũ bơ vơ không chỗ bấu víu".*

Sác-li : *"Anh không phải là thuộc hạ của ta, vậy mà đòi hỏi ta quan tâm sao ?"*

Plơ-tơ : *"... Mọi người dân Anh đều là thần dân của ngài, tôi đương nhiên là bộ hạ của ngài".*

Sác-li đệ nhị dù thấy hắn ta là một tên vô lại nhưng vẫn tiếp tục hỏi : *"Anh thử nói xem giờ xử lí ra sao đây ?"*

Plơ-tơ : *"Từ giác độ pháp luật xem xét thì tôi đáng xử tử. Thế nhưng, 5 người chúng tôi ít nhất mỗi người có 2 thân thuộc sẽ rơi lệ. Từ vị trí của bệ hạ thì thêm 10 người ca ngợi ngài hay hơn nhiều so với việc thêm 10 người phải rơi lệ".*

Sác-li nghe vậy thì bằng lòng, không những xóa bỏ án tử hình cho Plơ-tơ, mà còn thưởng cho y một món tiền.

Tên đầu sỏ băng cướp đốt nhà giết người này trong quá trình thẩm vấn đã phát huy tác dụng ngụy biện kiểu *Dựa vào sự thương cảm*, và Sác-li đã mắc vào bẫy của hắn ta. Hắn đã lấy các hành vi trộm cướp nói thành cái điều nhắc nhở đối phương phải quan tâm tới cựu binh, thêm 10 người ngợi ca hay hơn thêm 10 người rơi lệ. Kì thực, không chế tài bằng pháp luật mà để cho y nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật, thì đâu chỉ thêm 10 người rơi lệ ?

104. DỰA VÀO CẢM TÍNH

Nhận thức cảm tính là sự phản ánh một cách trực tiếp, cụ thể, hình ảnh đối với hiện tượng bề mặt và mối liên hệ bên ngoài của sự vật bằng các giác quan. Do nhận thức cảm tính còn chưa đi sâu vào bên trong sự vật khách quan mà chỉ là sự phản ánh sự vật khách quan một cách phiến diện, bề ngoài và rời rạc. Nếu nhận thức và biện luận của người ta chỉ dừng lại ở giai đoạn nhận thức cảm tính thì không chỉ không nắm bắt được bản chất sự vật, còn có thể bị hiện tượng làm cho mê hoặc. Thế nhưng ngụy biện kiểu *Dựa vào cảm tính* thì lại chính là kiểu ngụy biện dựa vào cảm tính chủ quan của cá nhân mà biện luận, nhằm tạo nên luận chứng y như thật cho cái giả dối.

Ngụy biện kiểu *Dựa vào cảm tính* có lúc thậm chí có thể làm cho tình hình sự vật trở nên lẫn lộn thật giả đúng sai. Ví dụ trong *Thang vấn. Liệt tử* có ghi một đoạn biện luận như sau :

Khổng Tử đi du lịch phương đông. Trên đường thấy hai đứa trẻ cãi nhau mà chẳng bên nào chịu bên nào. Một đứa nói :

"Khi mặt trời mới mọc thì gần ta hơn, đến trưa thì xa hơn".

Đứa kia thì bảo : *"Không đúng ! Phải là lúc mới mọc thì xa, đến trưa thì gần !"*

"Mày sai rồi, mày không thấy à, khi mặt trời mới mọc nó to như cái bánh xe, đến trưa thì bé bằng cái đĩa. Đó chẳng phải là cái lí gần to xa nhỏ sao ?"

"Mày sai thì có !" Đứa kia ngắt lời, *"Sáng ra khi mặt trời mới mọc, không khí còn mát mẻ, đến trưa thì nóng như nồi canh vậy. Tao bảo mày nghe, đó là cái lí gần nóng xa mát mà !"*

Hai đứa trẻ chẳng đứa nào chịu đứa nào, liền nhờ Khổng Tử phán xử. Khổng Tử vò đầu bứt tai mãi mà không biết nói sao. Hai đứa liền vỗ tay reo lên : *"Ai bảo là ông uyên bác há ?"*

Hai đứa trẻ nọ chỉ dựa vào cảm tính chủ quan mà tranh luận, một đứa thì xuất phát từ thị giác chủ quan, một đứa thì xuất phát từ xúc giác bản thân. Kết

quả là không đứa nào chịu đứa nào, đứa nào như cũng có lí, nên không phân được thua. Ngay cả Khổng Tử – đại thánh nhân cũng phải chịu. Đối với loại ngụy biện này, chúng ta muốn phản bác thì phải từ giai đoạn nhận thức cảm tính tiến lên giai đoạn nhận thức lí tính mà thực sự chỉ ra bản chất của sự vật.

Có kẻ ngụy biện thậm chí còn lấy cái cảm tính chủ quan để thay thế và phủ định tính chất của sự vật khách quan. Đó cũng là một biểu hiện của ngụy biện kiểu *Dựa vào cảm tính*. Chẳng hạn, trong thiên *Thiên hạ*, *Trang Tử* có ghi một mệnh đề ngụy biện *"lửa không nóng"*, chính là như vậy. Tại sao lại bảo lửa không nóng hả ? Có người giải thích rằng :

"Roi, gậy đánh vào thân người, cảm giác đau phát ra từ thân người. Thân người cảm thấy đau mà roi, gậy không thấy đau. Điều này cũng như lửa đốt thân người, cảm giác nóng phát ra từ cơ thể con người. Thân người cảm thấy nóng còn lửa đâu có thấy nóng ?

Đây chính là lấy cái "nóng" – cảm tính chủ quan của con người mà thay thế, phủ định tính chất "nóng" của lửa – một sự vật khách quan. Nếu cái ngụy biện này được xác lập thì các tính chất của vật thể như màu sắc, độ cứng, độ nóng đều có thể quy kết thành cảm giác chủ quan của con người. Điều này vô lí quá. Thủ đoạn ngụy biện này là mánh khóe ngụy biện mà người duy tâm thường quen dùng.

Tương tự như vậy, Protagoras[1] cổ Hi Lạp cũng có kiểu ngụy biện tương tự : *"Khi một cơn gió thổi đến, có người lạnh, có người không lạnh. Bởi vậy, với cơn gió này, chúng ta không thể nói là bản thân nó là lạnh hay không lạnh"*. Điều này cũng có thể gọi là kiểu ngụy biện Tây "gió không lạnh" !

---

(1) Protagoras (TrCN 480 – khoảng TrCN 411), nhà triết học cổ Hi Lạp, là đại biểu nổi tiếng nhất của phái trí giả.

105. DỰA VÀO TRUYỀN THỐNG

Truyền thống chính là nhân tố xã hội có đặc điểm mà đời đời nối tiếp. Truyền thống có cái tốt, cũng có cái xấu, chúng ta phải phân tích cụ thể. Đối với truyền thống ưu tú, chúng ta cần kế thừa và phát huy. Với truyền thống lạc hậu, chúng ta phải phá vỡ và vứt bỏ. Thế nhưng, có kẻ ngụy biện, khi đánh giá về một sự vật nào đó, chỉ dựa vào truyền thống : truyền thống thế này, lại lịch thế kia, để rồi ca ngợi. Những gì không phù hợp với truyền thống thì đều bài xích. Đó chính là ngụy biện kiểu *Dựa vào truyền thống*. Ví dụ :

Khởi đầu, một số thanh niên đi theo hôn nhân tự do. Trước việc này, có những vị gia trưởng có quan niệm phong kiến bèn xía vô can thiệp. Họ nói :

"Từ cổ đến nay hôn nhân đều là tuân theo sắp đặt của cha mẹ, theo lời hẹn ước. Làm gì có chuyện cô gái tự đi tìm chồng, chàng trai tự đi tìm vợ ?"

Khi nông thôn bắt đầu phát triển việc trồng cây lúa nước thấp cây giống tốt, có người chưa thông, khua tay múa chân nói : *"Tổ tiên ta bao đời chỉ trồng có loại giống lúa thân cao, sao không tiếp tục như vậy ?"*

Nghi lễ tang ma tiến hành đổi mới, thuở mới đề xướng hỏa táng, rất nhiều người công khai phản đối :

"Đó chẳng phải là việc đau lòng sao ? Triều đại nào lại công khai kêu gọi đốt xác hả ?"

Tiến hành sinh đẻ có kế hoạch, nêu ra *"một đôi vợ chồng một đứa con"*, lại có người gào lên :

"Xưa nay đâu có chuyện nhà nước quản cái chuyện đẻ con !"

Thi hành cải cách thể chế kinh tế, cải cách thể chế chính trị, lại có người khó chịu mà nói :

"Bao nhiêu năm nay không cải cách, trời cũng đâu có sụp ?"

Một sự vật mới vừa nảy sinh, thế nào cũng có những ông bô bà khốt ngứa mắt, đứng ra bên mà chỉ trỏ bình phẩm chê bai, lí do là : *"Xưa kia đâu có vậy !"*

Những người này khi đoán định về tình hình sự vật, cái họ dựa vào không phải là tình hình bản thân sự vật này ra sao, mà chỉ xem có phải là hợp với

truyền thống từ xưa đến nay hay không. Đó chính là ngụy biện kiểu *Dựa vào truyền thống*.

Ngụy biện kiểu *Dựa vào truyền thống* sở dĩ sai lầm là vì cái truyền thống không phải thảy đều hợp lí, có giá trị.

Tập tục bó chân ở Trung Quốc tồn tại hàng ngàn năm, phải chăng là có giá trị ? Là hợp lí ?

Đàn ông đời Thanh bện bím tóc cũng có tới mấy trăm năm, vậy có gì hợp lí ở đây không ? Có gì giá trị không ?

Nếu chỉ lấy cái truyền thống không hợp lí để đoán định tình hình sự vật, điều đó sẽ dẫn tới ngụy biện.

"Tổ tông thì pháp bất khả vi" (không được chống lại phép tắc của tổ tiên), đó là tín điều của xã hội phong kiến. Thực ra, dù là ở xã hội phong kiến cũng không thể hoàn toàn kế thừa phép tắc của tổ tiên một cách nguyên vẹn. Những ai một mực câu nệ vào tập tục hoặc truyền thống cũng quyết không thể quay về với cuộc sống nguyên thủy : "ăn lông ở lỗ" được !

106. DỰA VÀO TIN ĐỒN

Tin đồn là những sự việc lan truyền lòng vòng. Nó có tính lan truyền rộng rãi, không cánh mà bay, một truyền mười, mười truyền trăm, rất nhiều người đều nói như vậy thì sẽ làm ta dễ tin. Ngoài ra, tin đồn còn có tính cụ thể và tính khó xác định. Trong khi lan truyền, nó ngày càng cụ thể, càng phong phú. Truyền đi truyền lại thì khởi nguyên của nó khó mà tìm ra, sự thực là thế nào, trong thời gian ngắn đâu có dễ làm sáng tỏ. Bởi vậy, tin đồn có tác dụng xã hội rất to lớn, kẻ ngụy biện thường hay lấy tin đồn làm căn cứ để biện hộ cho sai lầm của họ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Dựa vào tin đồn.*

Ví dụ, giai cấp thống trị trong xã hội cũ để bảo vệ chính quyền của chúng thường *Dựa vào tin đồn,* cố tình tung ra bao tin đồn nhảm mà người ta không thể kiểm chứng để ngu dân. Vua chúa đời xưa thường được coi là thần hoặc con thần, vua cổ Ai Cập và đế quốc In-ca tương truyền là "con trai của thần mặt trời". Vua Trung Quốc cổ đại cũng đều được gắn cho vầng hào quang thần thánh và năng lực phi phàm, nghe nói Ngụy Văn Đế Tào Phi lúc sinh ra có khí tượng mây vân hoa xanh phủ trên đầu suốt ngày ; Tùy Dạng Đế Dương Kiên khi sinh ra có làn hơi tím bay vào cung, trên tay bẩm có chữ "vương" ; Đường Thái Tông Lí Thế Dân khi sinh ra có hai con rồng đùa nhau ngoài cửa, ba ngày sau mới bay đi ; Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn khi sinh ra có mùi hương thơm quanh người, khắp mình có màu vàng, ba ngày không hề thay đổi ; Chu Nguyên Chương khi còn trong bụng mẹ mơ thấy thần dâng một viên thuốc, đặt trong lòng bàn tay thì tỏa sáng bèn nuốt đi. Khi tỉnh thấy miệng có hương thơm, khi Nguyên Chương sinh ra, ánh sáng đỏ khắp phòng, đêm đến thì rực sáng, hàng xóm tưởng cháy nhà... Những tin đồn nọ mà bọn phong kiến tung ra đều là tuyên truyền cho chúng là phi phàm, thần dân phải phục tùng sự thống trị này.

Dù rằng tin đồn đều là thất thiệt, nhưng do nói ra sinh động, cụ thể mà rất có tác dụng xã hội. Chúng ta không thể coi thường nó.

Ví dụ, cuối tháng 9 đầu tháng 10 năm 1992 tại vùng núi hai huyện Thanh Xuyên và Bình Võ, không biết từ đâu lan ra câu chuyện là gần đây có người

xứ khác vào núi lấy mật lợn. Mật lợn này có thể luyện ra "đớm hồng tố", cái này đắt hơn cả vàng. Người ta mà ăn phải thịt lợn lấy mất mật này thì chỉ mấy tháng là chết, còn di họa ba đời, không sinh con trai, đoạn tử tuyệt tôn. Người đi lấy trộm mật lợn từng sang Mĩ huấn luyện, đi xe màu trắng, tay họ cầm gậy, gậy này một đầu là đèn, một đầu là kim bạc. Đèn chiếu vào người thì hôn mê bất tỉnh, lợn cũng vậy. Sau đó họ lấy kim chọc vào bụng lợn mà lôi mật ra... Tin đồn ra làm dậy lên cơn sóng gió "mật lợn".

Khi chúng ta gặp phải ngụy biện kiểu *Dựa vào tin đồn* thì phải phản bác mạnh mẽ. Ví dụ, quyền đại sứ Trung Quốc tại Ấn Độ là Lí Liên Khánh, ông là quan chức ngoại giao cũng nổi tiếng. Trong một buổi chiêu đãi phóng viên, có một nhà báo Ấn Độ bỗng hỏi : *"Nghe nói Trung Quốc đang giúp Pa-ki-xtan thử vũ khí hạt nhân tại Tân Cương. Về việc này, ngài đại sứ có cảm tưởng gì ?"*

Đất bằng nổi sóng, thật là khó khăn. Lúc này hội trường bỗng lắng xuống, bởi vì ai cũng biết quan hệ tế nhị giữa ba nước Trung Quốc – Ấn Độ – Pa-ki-xtan. Trước câu hỏi gây khó dễ mà vị phóng viên nọ của Ấn Độ nhặt tin ở đầu đường xó chợ nêu ra, đại sứ Lí Liên Khánh nghiêm nghị trả lời :

"Nghe nói là lời suy đoán, còn với vấn đề trọng đại thế này, dùng những lời như vậy là thiếu thận trọng. Nghe ai mà nói vậy ? Chứng cứ ở đâu ? Trung Quốc xưa nay chủ trương nguyên tắc tiêu hủy vũ khí hạt nhân thì ai cũng rõ. Trung Quốc tự chế vũ khí hạt nhân cũng là để phá tan cái âm mưu đe dọa hạt nhân của những siêu cường, để rồi cuối cùng phá bỏ loại vũ khí này, sao lại có thể giúp một nước khác thử nghiệm chế tạo vũ khí hạt nhân được ?"

Sự ứng đối của Lí Liên Khánh lập trường kiên định, tiến thoái có mức độ, đã giáng một đòn mạnh mẽ vào ngụy biện kiểu *Dựa vào tin đồn* của đối phương.

107. CÔNG KÍCH NHÂN THÂN

Ngụy luận kiểu *Công kích nhân thân* là thủ đoạn cố tình tránh né luận đề cần phải chứng minh hoặc phản bác, rồi thù đơn đặt bịa chuyện nói xấu, đánh vào phẩm hạnh, tư cách, lịch sử cho đến sinh lí của đối phương. Từ đó mà kích động người nghe chán ghét rồi căm giận đối phương, nhằm mục đích ngụy biện cho mình.

Ngụy biện kiểu *Công kích nhân thân* chủ yếu có những hình thức sau đây :

(1) Phơi bày tiểu sử không mấy tốt đẹp của đối phương.

Người ta trong cuộc đời khó mà tránh được sai lầm này nọ. Và những kẻ ngụy biện lòng dạ thâm hiểm thường hay thu thập những sai lầm của người khác, tập hợp tư liệu đen, khi tranh luận thì tung ra. Ví dụ, thường có thể nghe thấy có người khi tranh luận kêu lên thế này :

"Anh từng ngồi tù, là tội phạm lao động cải tạo mà được thả thì có tư cách gì mà nói tôi chứ ?"

"Anh từng bị kỉ luật lại còn giở thói ra, hãy xem lấy mình !"

Thực ra thì tình hình tiểu sử của đối phương bị phơi bày không hề liên quan đến luận đề tranh luận trước mắt. Đối phương từng bị kỉ luật hay ngồi tù thì đâu có chứng minh được quan điểm của kẻ ngụy biện là đúng đắn.

(2) Đánh vào sự thiếu sót về sinh lí của đối phương.

Trên thị trường tự do, một khách hàng lùn tịt đang mua hàng của một hộ cá thể mặt rỗ. Khách vừa chọn vừa mà cả, kết quả việc mua bán không xong, khách bỏ đi. Hộ cá thể bực dọc mà nhiếc :

"Giờ đây tao mới biết nguyên nhân thằng lùn không cao lên được !" Vị khách lùn nghe vậy, quay ngoắt lại :

"Xem ra cái mặt mày chưa đủ rỗ nên buôn bán không được !"

Việc mua bán không thành mà quay sang đánh vào sự khiếm khuyết về sinh lí của đối phương, một bên chê là lùn, một bên đi đến các nốt rỗ trên mặt đối phương.

(3) Đánh vào thân phận đối phương.

Khi kẻ ngụy biện bị đuối lí liền quay ra đánh vào thân phận đối phương hòng cứu vãn tình thế. Một lần tại bến xe buýt, mọi người đang xếp hàng ngay

ngắn để lần lượt lên xe. Bỗng một cô gái dáng cao đến, thấy hàng hơi dài liền chen ngang. Một nông dân ăn vận tuềnh toàng nói :

"Xin xếp hàng phía sau !"

Cô gái ngoái đầu, hằm hằm nói :

"Léo nhéo gì thế, lão nhà quê ?"

Cô gái nọ khi bị chỉ trích vì hành vi chen ngang thiếu văn minh đã không tranh luận về hành vi chen ngang của mình là đúng hay sai mà lại công kích thân phận người ta, thái độ thật là xấu xa.

(4) Chửi bới đối phương một cách vô nguyên tắc.

Khi kẻ ngụy biện ở vào hoàn cảnh khó khăn vì đuối lí liền quay sang chửi bới đối phương một cách vô nguyên tắc, chửi mắng họ tới tấp hòng trấn áp bằng được. Ví dụ, trong bài *Ai đang tư duy trừu tượng* ? của một nhà triết học Đức từng nhắc tới một ví dụ như vậy :

Trong chợ có một bà buôn đang bán trứng gà. Một bà khách định mua một ít, nhưng bà này sau khi chọn đi chọn lại thì nói : *"Trứng bà bán là trứng thối !"* Lần này thì bà buôn điên tiết lên, nói một thôi một hồi :

"Cái gì ? Trứng của tao thối ư ? Chính mày mới thối ! Sao mày lại dám nói như thế về trứng của tao hả ? Mày ? Cha mày ăn cơm rận, mẹ mày đi đánh đĩ với bọn người Pháp ! Bà mày chết trong nhà dưỡng lão hay sao ? Xem kìa, mày quấn cả cái chăn lên đầu làm khăn đội kìa ! Cái mũ của mày cùng với bộ váy áo đẹp đẽ kia chắc là xé từ khăn trải giường ra ! Không phải con đĩ cặp kè với bọn lính thì đâu có son phấn lòe loẹt thế kia ? Bọn đàn bà như mày chỉ đáng cho vào nhà giam ! Mày hãy về nhà mà vá víu cái tất rách của mày đi !"

Dù cho bà buôn nọ có chửi người ta tế tát như vậy, nhưng đâu có chứng minh được trứng bà ta là không thối !

Ngụy biện kiểu *Công kích nhân thân* là một thủ đoạn ngụy biện cực kì xấu xa, nó thường làm cho cuộc tranh luận bình thường bị phá hỏng. Chúng ta không thể nào đánh giá thấp sức mạnh công kích của nó. Bởi vì, tiểu sử, phẩm hạnh, thân phận của một người đối với định thế tâm lí của người xem có những ảnh hưởng lớn lao, có thể khiến đối phương rơi vào cảnh khốn khó ngượng ngùng tủi hổ không có lỗ nẻ nào mà chui, từ đó mà mất đi khả năng phản kích. Điểm yếu của ngụy biện *Công kích nhân thân* là ở chỗ đánh tráo luận đề, muốn phản kích loại ngụy biện này thì phải lấy vũ khí luật đồng nhất, xoay quanh luận đề cần tranh luận mà triển khai biện luận, quyết không để cho đối phương tùy ý đánh tráo.

108. DỰA VÀO QUYỀN UY

Quyền uy là sức mạnh hoặc danh tiếng khiến người ta tin theo. Ngưỡng mộ quyền uy là khuynh hướng tâm lí rất tự nhiên của con người. Thế nhưng, kẻ ngụy biện lại thường dựa vào định thế tâm lí tin tưởng của người ta đối với quyền uy, dựa vào hình tượng của nhân vật quyền uy, cáo mượn oai cọp mà dọa nạt người, nhằm đạt mục đích ngụy biện của chúng. Đó chính là ngụy biện kiểu *Dựa vào quyền uy*. Ví dụ :

Ở Thái Lan có người tên là Xi-tha-nạ-sai làm quan trong cung vua. Một hôm, trước buổi chầu ông ta nói với các quan : *"Tôi có thể nhìn thấu nội tâm các ông. Trong bụng các ông nghĩ gì, tôi biết tuốt. Không tin ta cuộc nào !"*

Các quan tuy biết Xi-tha-nạ-sai lắm mưu mẹo, nhưng không thể nào tin rằng ông ta lại thông minh đến thế. Thế là nhất trí đồng ý mỗi người đánh cuộc một lạng bạc. Nhà vua biết việc này cũng cười mà nói : *"Cuộc cái gì không cuộc lại cuộc đoán bụng người, bao nhiêu là người nghĩ cái gì, người làm sao biết đặng ? Ta xem Xi-tha-nạ-sai hôm nay phải mất hết uy tín đây !"*

Cuộc đánh cá bắt đầu. Xi-tha-nạ-sai từ tốn nói một cách dõng dạc : *"Tôi rất biết rõ trong lòng các đại nhân tôn quý ngồi đây đã nghĩ gì. Khi tôi nói ra cái điều các ông nghĩ trong bụng, nếu các vị cho rằng tôi nói sai, cái điều các ông nghĩ trong bụng ngược với lời tôi nói, thì các vị cứ việc nói ra. Nếu cho rằng tôi nói không sai, những điều các vị nghĩ trong bụng hoàn toàn đúng với lời tôi nói, thì xin các vị theo thỏa thuận, mỗi vị hãy trao cho ta một lạng bạc..."*

Xi-tha-nạ-sai ngừng một lát rồi lại nói :

"Các vị đại nhân ngồi ở đây trong bụng nghĩ gì, tôi biết rõ như lòng bàn tay tôi đây, đó là tư tưởng các vị rất kiên định, cả cuộc đời các vị đều trung thành với thánh thượng ơn sâu nghĩa nặng, vĩnh viễn không bao giờ âm mưu làm phản. Các vị phải chăng ai cũng nghĩ như vậy ? Ai không nghĩ như vậy, xin hãy nói ra !"

Văn võ bá quan nghe vậy, ai cũng toát mồ hôi, ngây như tượng gỗ. Ai mà ngu ngốc nói ra là nghĩ khác với những câu nói đó thì cũng như là tuyên bố thẳng với nhà vua là mình bất trung, là phản lại nhà vua. Nếu phản lại nhà vua thì rơi đầu là cái chắc. Bởi vậy, các quan đều phải chịu thua, mỗi người nộp ra một lạng bạc theo giao hẹn.

"Trời ơi, ai mà cá cược thì đừng có cá cược với Xi-tha-nạ-sai của ta !" Hoàng thượng nói xong thì cười lớn, *"Ta chúc mừng ông, Xi-tha-nạ-sai,* bống chốc ông đã trở nên giàu có rồi !"

Xi-tha-nạ-sai đánh cuộc mà thắng chính là dựa vào quyền uy tối cao của hoàng thượng !

109. LẠM DỤNG DANH NGÔN

Lời các danh nhân, câu chữ trong các tác phẩm kinh điển thường chứa đựng những triết lí sâu sắc. Trong biện luận, biết vận dụng xác đáng thì có thể tăng thêm sức mạnh hùng biện cho lời biện luận của chúng ta. Cũng vậy, kẻ ngụy biện cũng thường mượn các danh ngôn để luận chứng y như thật cho sự giả dối của họ. Đó chính là ngụy biện kiểu *Lạm dụng danh ngôn.*

Cái giả dối của ngụy biện kiểu *Lạm dụng danh ngôn* chủ yếu biểu hiện ở :

(1) Kẻ ngụy biện cố tình xuyên tạc hàm nghĩa của danh ngôn, từ danh ngôn mà đạt mục đích luận chứng cho quan điểm của họ một cách vô nguyên tắc.

Ông linh mục nọ đĩnh đạc khuyên răn mọi người không uống rượu, ông ta nói rượu là kẻ thù của con người. Nhưng bản thân ông lại nghiện rượu, mà thường là uống kì say bét nhè. Một lần, khi ông say rượu bị mọi người phát hiện. Người ta chất vấn ông bằng chính lời của ông :

"Thưa cha, sao cha lại uống rượu ? Chẳng phải là cha từng nói : rượu là kẻ thù của loài người sao ?"

"Đúng vậy, thế nhưng các con có biết trong "Thánh kinh" nói gì không ? "Thánh kinh" nói "Phải yêu kẻ thù của các con" !"

Từ câu *"Phải yêu kẻ thù của các con"* trong *Thánh kinh* không thể rút ra quan điểm loài người có thể say rượu. Bởi vì hàm nghĩa của khái niệm *"kẻ thù"* trong các câu trước và sau là khác nhau. *"Kẻ thù"* trong *"rượu là kẻ thù của loài người"* chỉ là cách nói so sánh, không phải là chỉ người. Còn *"kẻ thù"* trong *"phải yêu kẻ thù của các con"* lại là chỉ người. Ông linh mục đã lạm dụng danh ngôn để chống chế cho việc ông ta nói một đằng làm một nẻo, tự mâu thuẫn với chính mình.

(2) Danh ngôn mà kẻ ngụy biện dẫn ra không phải là khoa học, thậm chí có danh ngôn là sai lầm.

Có một hôm, vua Thuận Trị mở tiệc chiêu đãi quần thần. Rượu qua ba tuần, ông ta bỗng nêu một câu hỏi :

"Các ái khanh, tại sao tai các khanh to mà tai ta lại nhỏ ?"

Văn võ bá quan nghe vậy thì nhìn nhau, không biết phải trả lời thế nào. Lúc đó, Bành Nhi Thuật chưởng quản ngự thư lâu bỗng đứng lên, đến trước bàn Thuận Trị quỳ xuống mà tâu :

"Tai rồng vốn bé, tai voi thì to. Đấng vạn tuế là rồng, chúng thần chỉ là voi, cho nên tai to !"

Thuận Trị nghe vậy, cho rằng Nhi Thuật cố tình huyễn hoặc, nói khéo để lấy lòng. Ông ta liền nghiêm giọng, nói : *"Câu đó từ điển nào vậy ?" "Cổ Tạng kinh" thiên thứ 30".* Bàng Nhi Thuật trả lời.

Thuận Trị liền sai Thái giám lấy *Cổ tạng kinh* ra đối chiếu, họ Bành tìm ra câu đó ngay. Trong đó có ghi : *"Long nhĩ tiểu, tượng nhĩ đại : quân vi long, thần vi tượng".*

Hoàng đế liền ngợi khen : *Ái khanh thật là học rộng tài cao"* và phong ngay cho làm Hàn lâm viện đại học sĩ, và mời làm thầy cho thái tử.

Thực ra thì sự lớn nhỏ của tai và vua tôi đâu có mối liên hệ tất yếu. Bởi vì trong bao lớp chúng sinh không phải là không có người tai nhỏ, nhưng họ đâu phải là vua. Ở đây, họ Bành chẳng qua là lạm dụng kinh điển để huyễn hoặc lấy lòng nhà vua mà thôi.

110. KÍCH ĐỘNG QUẦN CHÚNG

Trong biện luận, kẻ ngụy biện không phải là dùng luận cứ khoa học và cách luận chứng hợp với logic để luận chứng quan điểm của mình hoặc phản bác đối phương, mà là kích động quần chúng bằng những lời lẽ kích động để khêu gợi tình cảm mọi người nhằm bào chữa cho quan điểm sai lầm của mình. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Kích động quần chúng*.

Ngụy biện kiểu *Kích động quần chúng* cũng nhiều khi thu được hiệu quả. Bởi vì, kẻ ngụy biện thường khéo chạy theo những đòi hỏi không chính đáng nào đó của mọi người, chiều theo tâm lí mọi người. Ví dụ, có ông giám đốc nói với công nhân :

"Tiền thưởng của nhà máy chúng ta 6 tháng cuối năm kém hơn nhiều 6 tháng đầu năm. Bởi vì X ở phân xưởng Y đã chạy lên ban kiểm tra thị ủy và đến tòa soạn báo kiện chúng ta, nói chúng ta phát bừa bãi tiền thưởng. Các cơ quan kiểm tra giờ thì sẽ đến kiểm tra đó !"

Ông giám đốc nọ đã lợi dụng lợi ích đặc biệt của quần chúng để khiêu khích, kích động quần chúng căm thù đối phương.

Một khi đã tạo được không khí kích động trong quần chúng thì hoàn cảnh của đối phương là bất lợi. Bởi vì, họ đã tạm thời mất đi quần chúng. Lúc này, nhiệm vụ trước mắt của họ nặng gấp hai : Một mặt phải tiếp tục chứng minh luận đề của mình, trả miếng đòn đánh của đối phương. Mặt khác là phải tranh thủ quần chúng, làm chuyển biến lập trường của họ. Để tranh thủ quần chúng, thì phải biết kìm nén, không được một chút nào có biểu hiện giận lây quần chúng. Chúng ta phải tin rằng phần lớn quần chúng là ủng hộ chân lí, sai lầm của họ chỉ là nhân tố cảm tính thay cho nhân tố lí trí, dưới sự kích động tình cảm của kẻ ngụy biện. Bởi vậy, muốn đánh bại ngụy biện kiểu *Kích động quần chúng* thì phải vạch trần bản chất ngụy biện của đối phương.

Ta hãy quan sát một cuộc đại luận chiến về *Tiến hóa luận* tại trường đại học Niu-tơn nước Anh năm 1860.

Trên diễn đàn, kẻ thù hung dữ của *Tiến hóa luận* là đại giáo chủ Uy-phút thao thao bất tuyệt sùi cả bọt mép :

"Theo quan điểm của Đác-uyn thì mọi sinh vật đều bắt nguồn từ tế bào nguyên thủy. Vậy thì, loài người có họ với cái nấm chắc ? ... Theo quan điểm của Đác-uyn thì củ cải trong vườn rau cũng biến ra người được sao ?"

Tiếp đó, ông ta nói với Huxley, người tuyên truyền và bảo vệ cho thuyết *tiến hóa* bằng giọng hơn cợt :

"Tôi muốn hỏi người ngồi cạnh tôi một chút, ngài giáo sư Huxley khi tôi nói xong sẽ xé nát tôi ra, là có quan hệ với con khỉ là ông nội của ngài hay bà nội của ngài đây ?"

Lời đại giáo chủ vừa dứt, nhiều người reo hò cuồng nhiệt rồi thì tung cả khăn mùi soa lên. Họ cho rằng *Tiến hóa luận* thế là đi đời.

Thủ đoạn tranh luận của đại giáo chủ thật là bỉ ổi, hắn ta đâu có nêu ra luận cứ đầy đủ nào đâu, chỉ là dựa vào quan niệm truyền thống của mọi người cho là nhục nhã khi bị coi là có quan hệ họ hàng với vượn và sinh vật cấp thấp khác để rồi kích động quần chúng phẫn nộ với *Tiến hóa luận* rồi mà ủng hộ ông ta. Ở đây ông ta đã dùng thuật ngụy biện kiểu *Kích động quần chúng*. Đứng trước sự khiêu khích của đại giáo chủ, Huxley từ tốn đáp :

"Con người phát triển từ cái bào thai còn nhỏ hơn cả cái bút chì. Cho nên con người tiến hóa từ động vật cấp thấp là có khả năng,... không một ai lại được phép vì lí do loài khỉ là tổ tiên của mình mà thấy nhục nhã. Nếu có người trong hồi ức của tôi làm tôi phải xấu hổ thì đó chính là loại người này : Hắn ta không thỏa mãn với công việc trong phạm vi hoạt động của hắn ta mà lại ra sức can dự vào những việc mà bản thân không thực sự hiểu biết, hòng dùng lời lẽ xảo trá tình cảm tôn giáo để che đậy chân lí !"

Lời biện đáp hùng hồn của Huxley đã được hoan hô nhiệt liệt. Tiếp đó, lại có mấy học giả đứng lên phát biểu thẳng vào vấn đề là giáo chủ hoàn toàn chưa từng đọc cuốn *Nguồn gốc sinh vật*, cho nên lời phê phán của ông ta là lung tung không phải là đi vào luận đề, mà là ngụy biện.

Đứng trước luận chứng đầy đủ, giáo chủ đuối lí, đành phải cong đuôi mà lủi.

111. NGỰA TRẮNG KHÔNG PHẢI LÀ NGỰA

Ngụy biện kiểu *Ngựa trắng không phải là ngựa* là thủ đoạn ngụy biện cắt rời mối liên hệ giữa cá biệt và nói chung. Công Tôn Long nêu ra lập luận *Ngựa trắng không phải là ngựa*, đó là một điển hình của ngụy biện.

Có người hỏi : *"Nói ngựa trắng không phải là ngựa, có được không ?"*

Công Tôn Long đáp : *"Có thể. Bởi vì ngựa là tên gọi chỉ hình thể, trắng là tên gọi chỉ màu sắc. Tên gọi chỉ màu sắc không phải là tên gọi chỉ hình thể. Cho nên ta nói ngựa trắng không phải là ngựa".*

Hỏi : *"Đã có ngựa trắng thì không được nói không có ngựa. Mà đã không được nói không có ngựa thì không phải là ngựa sao ? Đã có ngựa trắng tức là có ngựa, mà lại nói ngựa trắng không phải là ngựa, là tại sao vậy ?"*

Đáp : *"Nếu muốn lấy ngựa thì ngựa vàng ngựa đen đều có thể đưa tới. Nếu muốn lấy ngựa trắng, thì ngựa vàng ngựa đen không đưa tới được. Nếu ngựa trắng là ngựa thì con ngựa cần lấy là như nhau. Đã là con ngựa cần lấy đều như nhau thì ngựa màu trắng và ngựa không có gì phân biệt. Con ngựa cần lấy đã không có sự phân biệt, vậy thì ngựa vàng và ngựa đen có lúc có thể đưa tới, có lúc không thể đưa tới, thế là tại sao vậy ? Có thể và không thể rõ ràng là ngược nhau. Bởi vậy, coi ngựa vàng và ngựa đen là như nhau, có thể nói là có ngựa, mà không thể nói có ngựa trắng. Vậy thì, ngựa trắng không phải là ngựa, chẳng phải vậy sao ?"*

Hỏi : *"Cho rằng ngựa có màu sắc thì không phải là ngựa. Nhưng trên đời này không có con ngựa không màu sắc. Vậy là nói trên đời không có ngựa, có được không ?"*

Đáp : *"Ngựa rõ ràng là có màu sắc, cho nên có ngựa trắng. Giả sử ngựa trắng không có màu sắc, có "ngựa" là được rồi, đâu cần phải gọi là "ngựa trắng" nữa ? Cho nên, con ngựa màu trắng không phải là ngựa. Ngựa trắng chính là ngựa cộng thêm màu trắng. Mà đã là ngựa cộng thêm màu trắng, bởi vậy mà nói là ngựa trắng không phải là ngựa. Nếu coi có ngựa trắng là có ngựa, vậy thì có thể nói có ngựa trắng là có ngựa vàng, có được không ?"*

"Không thể".

Công Tôn Long nói : *"Phân biệt có ngựa và có ngựa vàng. Đó chính là phân biệt ngựa vàng và ngựa. Phân ngựa vàng và ngựa chính là cho rằng ngựa vàng không phải là ngựa. Cho rằng ngựa vàng không phải là ngựa mà lại cho rằng ngựa trắng là ngựa. Đó là lối nói xằng bậy trên đời !"*

Phần trình bày của Công Tôn Long tuy là về phương diện chuẩn xác của khái niệm là có sự tiến bộ và hợp lí, thế nhưng trong cuộc sống lại là ngụy biện. Bởi vì, nó đã cắt rời mối liên hệ giữa cá biệt và toàn thể. Cái cá biệt là sự vật đơn nhất, cụ thể tồn tại hiện thực. Toàn thể là chỉ thuộc tính chung của các sự vật cá biệt cụ thể. Cá biệt và toàn thể là đối lập, là không như nhau. Cá biệt phong phú, sinh động hơn toàn thể. Toàn thể sâu sắc, ổn định hơn cá biệt. Thế nhưng, cá biệt và toàn thể lại là thống nhất. Cá biệt luôn luôn là cá biệt có bản chất chung, quy luật chung với cùng một loại sự vật. Toàn thể cũng không thể tồn tại tách rời cá biệt. Ngựa trắng là cá biệt, ngựa là toàn thể. Công Tôn Long đã cắt rời mối liên hệ giữa hai cái đó mà đoán định *Ngựa trắng không phải là ngựa.* Điều đó đã dẫn tới ngụy biện

112. CỨNG, TRẮNG TÁCH RỜI

Ngụy biện kiểu *Cứng, trắng tách rời* là chỉ thủ đoạn ngụy biện phủ nhận mối liên hệ giữa các sự vật, phủ nhận năng lực tổng hợp của nhận thức loài người. *"Cứng trắng luận"* của Công Tôn Long chính là tiêu biểu đặc biệt về mặt này.

Có người hỏi : *"Cứng rắn, màu trắng và hòn đá gộp thành một thể, có được không ?"*

Công Tôn Long đáp : *"Không được".*

Hỏi : *"Cứng rắn và hòn đá, hoặc là màu trắng và hòn đá, hai cái gộp thành một thể, có được không ?"*

Đáp : *"Có thể. Chúng ta không cảm nhận được cái cứng rắn của nó mà chỉ cảm nhận được cái màu trắng. Gộp cái màu trắng với hòn đá tức là hai cái gộp làm một. Nếu chúng ta không cảm nhận được màu trắng mà chỉ cảm nhận được cái cứng rắn, lấy cái cứng rắn gộp với hòn đá thì tức là hai cái gộp làm một thể".*

Hỏi : *"Đã là cảm nhận được cái màu trắng của nó, sẽ không thể nói là không có màu trắng. Đã có được cái cứng rắn của nó thì không thể nói được là không có sự cứng rắn. Hòn đá này vì thế mà vừa cứng vừa có màu trắng. Vậy nó gộp làm một thì chẳng phải là ba thành một thể sao ?"*

Đáp : *"Quan sát bằng mắt thì không cảm nhận được cái cứng rắn của nó, chỉ nhận ra màu trắng của nó. Đó là vì không cứng rắng. Sờ nắn bằng tay, không cảm được cái màu trắng của nó, chỉ cảm được cái cứng rắn. Đó là vì không có màu trắng".*

Hỏi : *"Nếu trên đời không có màu trắng thì không nhìn thấy hòn đá này. Nếu trên đời không có cứng rắn thì không thể nói nó là đá. Bởi vậy cứng rắn, màu trắng và hòn đá không thể bài trừ nhau. Nói chúng chia hai mà lại ẩn chứa cái thứ ba. Có được không ?"*

Đáp : *"Đó là bản thân nó vốn ẩn chứa, không phải con người cất giấu nó".*

Hỏi : *"Hòn đá chắc chắn đồng thời hàm chứa màu trắng và cứng rắn, nói nó bản thân vốn ẩn chứa là làm sao vậy ?"*

Đáp : *"Màu trắng phải có được cái thực chất của màu trắng, cứng rắn phải có được cái thực chất của cứng rắn. Vậy thì, cái màu trắng trông thấy được và cái cứng không thể nhìn thấy là tách biệt. Cái nhìn thấy và cái không thể nhìn thấy là tách biệt nhau. Hòn đá không thể đồng thời bao hàm hai cái màu trắng và cứng rắn. Bởi vậy, mà tách biệt. Tách biệt chính là ẩn chứa".*

Hỏi : *"Mắt tuy không thể nhìn thấy cái cứng rắn, tay tuy không sờ được cái màu trắng. Thế nhưng, không thể nói là đá không cứng rắn, cũng không thể nói là đá không có màu trắng. Bởi vì, nhiệm vụ của mắt và tay khác nhau, chúng không thể thay thế lẫn nhau. Cái cứng rắn và màu trắng cùng bao hàm trong hòn đá, vậy làm sao mà tách rời được ?"*

Đáp : *"Cứng rắn không kết hợp với đá vẫn là cứng rắn, không kết hợp với những cái khác thì vẫn là cứng rắn. Bản thân cứng rắn đã có cái tính chất khiến cho cái không cứng rắn biểu hiện thành cứng rắn, thế gian làm gì có cái cứng rắn tồn tại độc lập, vậy là cái cứng rắn đã ẩn chứa. Nếu màu trắng vốn không thể làm cho nó trở thành màu trắng thì làm sao có thể làm cho đá và vật khác trở thành màu trắng đây ? Bởi vậy, cứng, trắng, đá là tách rời !"*

Ở đây, Công Tôn Long đã cắt rời mối liên hệ giữa các thuộc tính của sự vật, phủ nhận khả năng tổng hợp của nhận thức của loài người. Loài người không những có thể dựa vào các giác quan mà phản ánh các đặc trưng cá biệt của sự vật, có khả năng phân tích ; mà đồng thời còn có năng lực tổng hợp, loài người có thể liên kết các nhận thức đặc tính về các bộ phận, các mặt của đối tượng khách quan, từ đó hình thành nên nhận thức chỉnh thể, thống nhất về đối tượng khách quan. Thế nhưng, Công Tôn Long lại phủ nhận năng lực tổng hợp của nhận thức loài người, cắt rời mối liên hệ giữa các thuộc tính sự vật, từ đó mà rút ra kết luận sai lầm *Cứng, trắng tách rời.* Đó chính là ngụy biện kiểu *Cứng trắng tách rời.*

113. LẬP LUẬN SAI VỀ BIẾT

Hãy quan sát đoạn biện luận sau.

(1) Lập luận sai *Người đứng sau màn.*

"Anh có nhận ra bố anh không ?"

"Nhận ra".

"Sau cái màn kia có một người, anh có nhận ra không ?"

"Không nhận ra".

"Anh bảo anh nhận ra bố anh, thế mà người sau màn kia chính là bố anh, anh lại nói là không nhận ra ông ta. Cho nên anh nhận ra bố anh, lại không nhận ra bố anh".

(2) Lập luận sai *Ai-lơ-gơ-thơ-la.*

Lập luận sai Ai-lơ-gơ-thơ-la là một dạng khác của Lập luận sai *Người đứng sau màn.* Tình tiết như sau : Ao-lia-stơ là anh của Ai-lơ-gơ-thơ-la. Ai-lơ-gơ-thơ-la cũng biết Ao-lia-stơ là anh mình. Có một hôm Ao-lia-stơ về tới nhà, nhưng Ai-lơ-gơ-thơ-la không nhận ra anh ta, không biết anh ta là anh mình. Thế là có người suy luận :

Ai-lơ-gơ-thơ-la biết Ao-lia-stơ là anh mình ;

Ai-lơ-gơ-thơ-la không biết người đứng trước mặt cô là anh cô ;

Người đứng trước mặt cô và Ao-lia-stơ cùng là một người ;

Bởi vậy, Ai-lơ-gơ-thơ-la biết Ao-lia-stơ là anh mình, đồng thời lại cũng không biết Ao-lia-stơ là anh mình.

Lập luận sai nêu trên nếu dựa vào quy tắc suy luận xưa kia thì không kiểm tra ra vấn đề gì. Thế nhưng, chúng lại vô tình suy ra mâu thuẫn. Đó là vì suy luận xưa kia bàn tới chủ yếu là xem xét từ phương diện ngoại diên mà khái niệm thì ngoài việc có ngoại diên, còn có nội hàm. Nếu chỉ xem xét từ quan điểm ngoại diên thì *"bố"* và *"cái người nấp sau cái màn", "Ao-lia-stơ"* và *"cái người đứng trước mặt cô"* ngoại diên giống nhau. Xét từ ngoại diên, có thể

thay thế cho nhau. Thế nhưng, nội hàm của chúng lại khác nhau, chúng có những hàm nghĩa khác nhau, mà các khái niệm như : *"biết", "nhận ra", "hiểu được"* lại trực tiếp phát sinh mối liên hệ với nội hàm của một khái niệm. Mệnh đề như vậy đã cung cấp ngữ cảnh nội hàm. Khái niệm mà ngoại diên giống nhau còn nội hàm lại khác nhau không thể thay thế nhau một cách đơn giản. Một người biết bố của mình, nhưng lại có thể không biết người nấp sau cái màn là ai. Ai-lơ-gơ-thơ-la biết Ao-lia-stơ là anh mình, nhưng lại không biết người đứng trước mặt là anh mình. Trong suy luận như vậy, khái niệm có ngoại diên giống nhau mà nội hàm khác nhau không thể thay thế đơn giản. Nếu cứ tùy tiện thay thế một cách đơn giản thì có thể dẫn tới sai lầm. Hai ví dụ về lập luận sai nêu trên là như vậy. Ở đây, chúng ta gọi loại lập luận sai này là *Lập luận sai về biết.*

114. LẬP LUẬN SAI VỀ TỒN TẠI

Gorgias là nhà ngụy biện cổ Hi Lạp nổi tiếng, trong *Bàn về tồn tại hoặc bàn về tự nhiên*, ông nêu ra lập luận quái đản "không có cái gì tồn tại", tức là trên thế giới không có một vật gì là tồn tại.

Rõ ràng trên thế giới tồn tại các sự vật khách quan rất là phong phú đa dạng. Làm sao mà những sự vật này lại bỗng chốc biến mất tăm ? Gorgias biện luận như sau :

Nếu có vật nào, nó có ba loại trường hợp thế này : nó hoặc là tồn tại, hoặc là không tồn tại, hoặc là vừa tồn tại lại vừa không tồn tại. Ông đã trước hết luận chứng từ trường hợp không tồn tại.

Nếu *"không tồn tại"* tồn tại, vậy thì xem xét từ việc nó bất kể tồn tại hay không, nó không phải là tồn tại. Xem xét từ cái *"không tồn tại"* tồn tại, thì cũng như là nói một sự vật nào đó vừa không tồn tại lại tồn tại. Điều này là tự mâu thuẫn. Hơn nữa, nếu nói *"không tồn tại"* tồn tại, thì tồn tại sẽ không tồn tại. Bởi vì, hai mệnh đề này là chống đối nhau. Nếu thừa nhận "không tồn tại" tồn tại, thì phải thừa nhận tồn tại không tồn tại. Thế nhưng, tồn tại không tồn tại là không thể có. Cho nên, "không tồn tại" là không tồn tại.

Tiếp đến ông luận chứng đến *"tồn tại"* cũng là không tồn tại. Ông cho rằng, nếu *"tồn tại"* là tồn tại, nó phải có ba trường hợp : Nó hoặc là phái sinh[1], hoặc là không phái sinh, hoặc vừa là phái sinh mà lại là không phái sinh.

Vẫn luận chứng từ mặt phủ định. Nếu tồn tại không phải là phái sinh, nó tất yếu không có bắt đầu. Bởi vì, mọi cái phái sinh ra đều có cái bắt đầu. Đã là nó không có sự bắt đầu, thì là vô hạn, mà cái vô hạn là không có chỗ. Bởi vì nó đã là vô hạn, cho nên sẽ không thể có cái lớn hơn nó chứa đựng nó. Nếu không có cái lớn hơn có chứa đựng nó, thì nó sẽ không thể có chỗ. Nó đã không có chỗ thì nó không tồn tại. Bởi vậy, cách nói tồn tại không phải là được phái sinh ra sẽ không thể xác lập.

Ngoài ra, tồn tại nếu như được phái sinh, thì nó hoặc là sinh ra trong *"tồn tại"*, hoặc sinh ra trong *"không tồn tại"*. Thế nhưng cả hai đều không có thể.

---

(1) Từ sự phát triển của một sự vật chủ yếu mà phân hóa ra.

Nếu nói tồn tại sinh ra trong tồn tại, điều này là không thể, vì nếu tồn tại, thì nó không sinh ra, mà là tồn tại từ đầu đến cuối. Cho nên, tồn tại không thể sinh ra trong tồn tại. Nếu tồn tại sinh ra trong *"không tồn tại"* thì cũng không thể, vì không tồn tại không thể làm cho cái tồn tại sản sinh, tức trong cái không có không thể sinh ra cái có. Đã là như vậy, nói tồn tại là phái sinh cũng không xác lập.

Nếu nói tồn tại vừa là phái sinh lại là phi phái sinh thì điều này là mâu thuẫn. Bởi vậy, là không thể.

Nếu xét từ việc tồn tại vừa là tồn tại lại vừa không tồn tại thì đó là tự mâu thuẫn. Bởi vậy, cũng không thể.

Gorgias cuối cùng rút ra kết luận là : Đã là tồn tại và phi tồn tại đều là không có, mà chúng ta thì ở ngoài tồn tại và phi tồn tại, lại không thể giả thiết một cái gì. Cho nên nói "không có cái tồn tại".

Lập luận sai về tồn tại của Gorgias sở dĩ là vô lí là vì trong đó bao hàm khá nhiều tiền đề giả dối. Chẳng hạn, *"nếu là tồn tại, nó sẽ không sinh ra mà là luôn luôn tồn tại"*. Điều này là giả dối, bởi vì sự thực thì bất kì cái gì tồn tại đều có quá trình bắt đầu, phát triển và tiêu vong. Ngoài ra, còn có những chỗ đánh tráo khái niệm. Chẳng hạn, *"tồn tại không phải là phái sinh, thì nó tất yếu không có sự bắt đầu. Nó đã không có sự bắt đầu thì nó là vô hạn. Nó đã là vô hạn thì nó không có chỗ, bởi vì không có cái lớn hơn nó chứa đựng nó"*. Ở đây, cái *"vô hạn"* trước là chỉ vô hạn về cái vô hạn của thời gian, mà sau đó lại lấy cái vô hạn về thời gian mà đánh tráo thành cái vô hạn về không gian. Thế nhưng, cái sai lầm căn bản nhất trong luận chứng của Gorgias còn ở chỗ : ông ta đã làm lẫn lộn tầng thứ ngôn ngữ. Ví dụ, *"vật nào đó không tồn tại"*, ở đây *"không tồn tại"* là ngôn ngữ đối tượng (ngôn ngữ bình thường).

"Không tồn tại" tồn tại, *"không tồn tại"* không tồn tại v.v... Ở đây, *"không tồn tại"* là ngôn ngữ gốc (siêu ngôn ngữ). Chúng thuộc về tầng thứ ngôn ngữ khác nhau, có hàm nghĩa khác nhau. Thế nhưng Gorgias lại làm lẫn lộn sự phân biệt này. Bởi vậy mà rút ra kết luận sai lầm.

115. PHỦ NHẬN MÂU THUẪN

Thế giới khách quan vô cùng phong phú và cụ thể. Mỗi một đối tượng cụ thể đều bao hàm sự khác biệt và mâu thuẫn. Tư duy của chúng ta phải dựa vào bộ mặt vốn có của thế giới khách quan mà phản ánh thế giới khách quan, do vậy mà phải phản ánh những sự khác biệt và mâu thuẫn của sự vật khách quan. Thế nhưng, kẻ ngụy biện lại thường hay phủ nhận sự khác biệt và mâu thuẫn của sự vật, phủ nhận sự đối lập và thống nhất của sự vật, họ chỉ nhận thức sự vật một cách máy móc, cứng nhắc rồi tiến hành biện luận, tạo nên những luận chứng y như thật cho những sai lầm của họ. Đó là thuật ngụy biện kiểu *Phủ nhận mâu thuẫn*. Ví dụ :

Cổ Hi Lạp có nhà triết học tên là Zi-nô (Zēnon Eleatic) từng luận chứng cho luận đề ngụy biện sau :

(1) Một vật thể đang vận động thì vĩnh viễn không đến được đích. Vì sao ? Vì vật thể vận động tới một mục đích, để đi hết chặng đường thì trước hết phải đi hết một nửa chặng đường này. Sau đó, trước khi đi nốt đoạn còn lại thì lại phải đi hết một nửa của một nửa chặng đường còn lại. Như vậy, một nửa lại một nửa, cứ phân chia tới vô cùng. Cho nên, vật thể vận động là vĩnh viễn nằm trên một nửa chặng đường của sự phân cắt bất tận. Do vậy, mà chẳng bao giờ đến đích cả.

(2) A-sin không đuổi kịp rùa. A-sin là người đi như bay trong thần thoại cổ Hi Lạp còn rùa là động vật bò rất chậm chạp. Tại sao A-sin lại không thể đuổi kịp rùa đây ? Bởi vì, người đuổi theo cần phải có một thời gian nhất định. Khi A-sin chạy tới điểm xuất phát của rùa thì rùa đã bò lên trước một đoạn rồi. Và khi anh ta đuổi tới điểm xuất phát mới của rùa thì rùa lại đã bò thêm một đoạn nữa. Cứ loại suy như vậy cho đến vô cùng vô tận. Giả thiết A-sin và rùa cách nhau 10 trượng và tốc độ chạy của A-sin gấp 10 lần rùa thì khi anh ta chạy hết 10 trượng, con rùa lúc này đã bò được 1 thước. Cứ vậy mà tiếp tục, bởi vậy mà A-sin không bao giờ đuổi kịp con rùa cả.

(3) Mũi tên bay đứng yên. Tại sao mũi tên bắn ra lại bất động ? Bởi vì sự vật nào trong một khoảnh khắc cũng chỉ chiếm một không gian bằng với bản

thân nó, mũi tên bay cũng vậy, cái tên mỗi khoảnh khắc chỉ có thể chiếm một điểm của không gian, không thể đồng thời lại ở một điểm khác nữa. Trong khi đó, mỗi một điểm lại đứng yên, tập hợp của nhiều điểm vẫn là đứng yên, tức là nói tổng hòa của đứng yên là không thể trở thành vận động. Bởi vậy, cái tên bay trên thực tế là không động. Nếu cái tên đang động, vậy tức là vị trí của vật thể vận động đòi hỏi phải lớn hơn bản thân vật thể. Thế nhưng, cái tên không thể đồng thời có hai độ dài, tức là không thể đã ở đây lại không ở đây.

Tương truyền Zi-nô rất mừng rỡ khi phát hiện ra những điều này. Ông lập tức đã chạy tới chỗ nhà triết học Diogenès[1] để nói. Diogenès cũng kích động trước luận chứng của Zi-nô, cũng lặng yên đứng dậy, đi đi lại lại như là dùng bước đi để phản bác luận chứng của Zi-nô. Thế nhưng rốt cuộc không tài nào bằng lí luận mà giải quyết được cái khó của Zi-nô.

Vậy thì sai lầm trong luận chứng của Zi-nô ở chỗ nào ? Nó ở chỗ ông ta không nhận thức chính xác được mâu thuẫn của sự vật, không nhận thức được mâu thuẫn đối lập của vận động. Vật thể vận động một khoảnh khắc nào đó vừa ở điểm nào đó lại không ở điểm đó. Vận động là sự thống nhất của tính liên tục và tính gián đoạn. Zi-nô đã phát hiện ra mâu thuẫn của tự thân vận động. Thế nhưng ông ta lại đem quá trình vận động sống động chia cắt thành những phần vô cùng tận rồi từ đó mà khảo sát một cách cô lập. Bởi vậy mà ông ta đã rút ra kết luận vận động là không thể, đã dẫn tới ngụy biện.

---

(1) Diogenès o Sinopeus (TrCN 404 – Tr CN 323) là nhà triết học cổ Hi Lạp. Ông sinh ở Sinopeus, nay thuộc Thổ Nhĩ Kì.

116. CHUYỂN HÓA GIẢ MẠO

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng sự vật khách quan là nằm trong sự vận động, phát triển và biến đổi không ngừng. Thế nhưng, cái chuyển hóa mà chủ nghĩa duy vật nói tới là có điều kiện. Không có điều kiện nhất định thì các mặt của bất kì sự vật nào cũng không thể chuyển hóa. Kẻ ngụy biện lại thường hay ra sức xóa bỏ điều kiện chuyển hóa, bàn việc chuyển hóa một cách trừu tượng, lấy đó mà phủ định sự khác biệt về chất giữa các sự vật. Đó chính là ngụy biện kiểu *Chuyển hóa giả mạo.*

Trung Hoa cổ đại có một mệnh đề ngụy biện là *"trứng có lông"*, đó là một điển hình trong việc không tính đến điều kiện chuyển hóa, nói tới chuyển hóa một cách trừu tượng.

Mọi người đều biết rằng trứng gà là không có lông. Thế nhưng, một quả trứng đã thụ tinh, trong điều kiện nhất định lại có thể nở thành con gà có lông vũ. Và muốn cho trứng biến thành gà thì phải có điều kiện nhất định. Không có điều kiện nhất định thì trứng sẽ không chuyển hóa thành gà có lông được. Trước khi chuyển hóa thì trứng là trứng gà là gà. Giữa chúng là có giới hạn, dù rằng giới hạn này là tương đối và có thể biến động. Nhưng tóm lại là vẫn tồn tại. Xóa bỏ điều kiện chuyển hóa mà nói bừa "trứng có lông", đó chính là ngụy biện.

Trong *Thiên nhân gian. Hoài Nam Tử* có câu chuyện *Tái ông mất ngựa* cũng là như vậy.

Tại một vùng gần với biên cương có một ông lão. Một hôm ngựa ông già bỗng chạy vượt ra khỏi biên giới. Hàng xóm lấy làm tiếc cho việc ông lão mất ngựa mà rủ nhau đến thăm hỏi. Ông lão nói :

"Đúng vậy, mất con ngựa là một việc xấu. Nhưng các ông làm sao mà biết được mất ngựa là không trở thành một việc tốt ?"

Mấy ngày sau, ngựa già thuộc đường, con ngựa bị mất đã chạy về mà lại còn dẫn theo một con ngựa tốt nữa. Hàng xóm đến chúc mừng, ông lão lại nói :

"Nhà được thêm con ngựa là một việc tốt. Thế nhưng, các ông làm sao mà biết được điều này sẽ không trở thành một việc xấu ?"

Có ngựa tốt, anh con trai thích cưỡi ngựa, kết quả là bị ngã mà gẫy đùi. Hàng xóm đến an ủi, ông lão lại nói :

"Thằng con tôi ngã gãy cẳng là việc xấu. Thế nhưng các ông làm sao mà biết được điều này lại không trở thành một việc tốt đây ?"

Một năm sau xảy ra đánh nhau vùng biên giới. Quanh đó biết bao thanh niên mạnh khỏe đều ghi tên vào lính và chết trong chiến trận. Riêng con trai ông lão vì bị tàn phế mà không thể lấy vào quân đội, do vậy mà giữ được mạng sống.

Câu chuyện này đã phản ánh một tư tưởng biện chứng là mặt đối lập của mâu thuẫn có thể chuyển hóa. Thế nhưng lại không nêu ra điều kiện chuyển hóa. Dù sao thì việc tốt có thể biến thành việc xấu, việc xấu lại có thể biến thành việc tốt, chúng luôn luôn biến đổi. Như vậy đã phủ định sự phân biệt về chất giữa việc tốt và việc xấu. Giống như vậy, vứt bỏ điều kiện mà bàn tới chuyển hóa thì khó mà tránh khỏi ngụy biện.

117. PHỦ NHẬN ĐỨNG YÊN

Vận động là thuộc tính vốn có của vật chất. Thế nhưng, đồng thời với việc thừa nhận thế giới vật chất là vận động tuyệt đối thì cũng phải thừa nhận trong thế giới vật chất đang tồn tại sự đứng yên tương đối. Một sự vật nào đó trong điều kiện nhất định, trước khi phát sinh sự biến đổi về chất thì sự vật này còn là sự vật này. Bởi vậy, đã thể hiện ra bộ mặt đứng yên tương đối. Thế nhưng, kẻ ngụy biện lại phủ nhận trạng thái đứng yên tương đối của sự vật, thủ tiêu tính ổn định về chất của sự vật, xuyên tạc vật chất vận động thành cái biến đổi muôn hình vạn trạng trong nháy mắt, khó mà nắm bắt được, từ đó mà làm lẫn lộn sự phân biệt giữa các sự vật. Đó chính là thuật ngụy biện kiểu *Phủ nhận đứng yên.*

Ví dụ Cratylos[1], nhà triết học cổ Hi Lạp là như vậy.

Cratylos là học trò của Heraclitos[2]. Heraclitos có câu danh ngôn : *"Người ta không thể hai lần lội xuống cùng một dòng sông"*. Câu này đã thuyết minh một cách hình ảnh mà sâu sắc tư tưởng về vận động phát triển của sự vật. Thế nhưng, Cratylos từ đó mà đi tới cực đoan, ông ta nói rằng : *"Người ta ngay một lần cũng không thể lội xuống cùng một dòng sông"*. Ông ta cho rằng chúng ta đã là thừa nhận tất cả đều chảy, tất cả đều biến đổi, vậy thì sự vật lúc nào cũng biến đổi, không thể có giờ phút đứng yên và ổn định. Điều này giống như một dòng sông, cái khoảnh khắc chúng ta lội xuống nó đã biến thành dòng sông khác. Cho nên, chúng ta một lần lội xuống không phải là cung một dòng sông. Về việc đó, mọi người hỏi Cratylos :

"Con sông là như vậy, thế những cái khác phải chăng cũng như vậy sao ?"

"Tôi là nhà triết học, điều nhà triết học giảng là tính phổ biến của thế giới. Đã là tất cả đều chảy, tất cả đều biến đổi, tất cả nói ở đây đương nhiên là thích ứng với bất kì sự vật nào".

---

(1) Cratylos (trước công nguyên 5 thế kỉ), tương truyền là thầy của Platon.

(2) Heraclitos (TrCN 540 – TrCN 480), nhà triết học cổ Hi Lạp.

Cratylos nói một cách ngạo mạn.

Lúc này, có người chỉ vào cái ghế ông ta ngồi mà hỏi : *"Cái ông ngồi là gì vậy ?"*

Cratylos thuận mồm đáp : *"Là cái ghế tựa"*.

"Không phải, theo cái lí lẽ ông vừa nói thì cái câu "Là cái ghế tựa" của ông còn chưa nói xong, nó đã biến thành không phải là cái ghế tựa rồi. Ông sao lại có thể nói được cái ông ngồi là ghế tựa đây ?"

Cratylos cảm thấy mình đã bị người ta chơi cho một vố. Thế nhưng ông ta vẫn ngoan cố giữ cái quan điểm của mình. Về sau ông ta sợ lại bị hố liền dứt khoát trước câu hỏi do bất kì ai nêu ra cũng đều ngọ nguậy ngón tay cái một cái. Ý là, câu anh hỏi tôi không thể nói ra, cũng như là cái dao động của ngón tay vậy. Mọi sự vật đều đang biến đổi, chúng ta khó lòng mà nhận thức được mỗi một sự vật, bởi vì, còn chưa nhận thức được thì nó đã biến đổi mất rồi và sự vật đó đâu còn tồn tại nữa.

Như vậy, Cratylos đã đi tới ngụy biện từ việc phủ định sự đứng yên tương đối của sự vật. Giống như Lênin từng vạch ra : *"Cratylos chỉ "ngoéo một ngón tay" là đã trả lời tất cả, ông ta nói : tất cả đang vận động, với mọi thứ đều không thể nói ra điều gì", "Cái ông Cratylos này đã biến phép biện chứng của Heraclitos thành ngụy biện"*[1]

Để vạch trần cái giả dối của Cratylos, nghe nói có nhà văn đã viết một kịch vui như sau :

Một người Hi Lạp vay anh bạn một món tiền. Anh ta chỉ tay lên trời mà thề rằng một tháng sau sẽ trả. Thế nhưng đến hạn rồi vẫn không muốn trả. Bởi vì anh ta đã dùng món tiền này để đóng học phí cho một ông thầy dạy triết mà anh ta theo học. Theo lí lẽ của thầy giáo, anh ta biện giải rằng :

"Chúng ta biết rằng tất cả đều biến đổi, con người ngay cả một lần cũng không thể lội xuống cùng một dòng sông. Huống hồ từ khi vay tiền đến nay, đã một tháng rồi. Tôi bây giờ đãkhôngphải là tôi trước đây. Cho nên tôi không nợ nần gì anh cả".

Anh bạn nghe xong thì nổi giận, túm lấy cái người Hi Lạp nọ, đánh cho một trận. Người Hi Lạp kiện ra tòa, yêu cầu bồi thường tổn thất và trả tiền

---

(1) *Lênin toàn tập*, quyển 38 trang 390.

thuốc thang chữa chạy. Anh bạn liền khai ra đầu đuôi sự việc. Cuối cùng biện giải rằng :

"Tôi biết đánh người là phạm pháp. Thế nhưng, tôi bây giờ đâu có đánh người mà tôi lúc đánh người lại chẳng phải tôi bây giờ. Cho nên, dựa vào cũng cái lí lẽ anh ta không trả tiền cho tôi thì tôi bây giờ sẽ không chịu trách nhiệm nào hết".

Kịch diễn đến đây, cả rạp mọi người thảy đều ôm bụng cười ngất. Trong đám người xem, có người nhận ra Cratylos cũng ngồi trên ghế khán giả, liền nói : *"Mọi người xem kìa, cái ông thầy của kẻ quỵt nợ chính là ngài Cratylos này đây !"* Cratylos bối rối, theo thói quen, dơ ngón tay cái lên ngoéo. Cái động tác này của ông ta khiến cho mọi người phải một phen cười ngả cười nghiêng. Vở kịch cũng kết thúc trong tiếng cười đó.

Do các ngụy biện của Cratylos là trắng trợn, trần trụi mà không tránh khỏi mọi người phê phán và đả kích.

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập NGUYỄN NHƯ Ý

Biên tập nội dung và kĩ thuật :
VŨ THÚY ANH
Sửa bản in :
VŨ THÚY ANH
Trình bày bìa :
TÀO THANH HUYỀN

PHƯƠNG PHÁP BIỆN LUẬN

In 2.000 bản, khổ 16 x 24cm, tại Công ty LIKSIN - 64 Tôn Thất Tùng - Q1, TP.HCM. Số In : 1283/99. - Số Xuất Bản : 67/281-99. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1999.

MÃ SỐ : 8X151m9

20 NĂM
CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
1979- 1999

GIÁ : 48.000đ